ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 135/2026/QĐ-UBND	*Ninh Bình, ngày 26 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 76/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất lần đầu áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1293/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 10 năm 2026 (Báo cáo thẩm định số 197/BCTĐ-STP ngày 21 tháng 10 năm 2026 của Sở Tư pháp);

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 76/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3

"**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng**

1. Hệ số điều chỉnh giá đất (K) bao gồm: Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_{tt}), hệ số điều chỉnh theo quy hoạch (K_{qh}) và hệ số điều chỉnh theo yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất (K_{ah}), được tính theo công thức: $K = K_{tt} \times K_{qh} \times K_{ah}$.

2. Trường hợp thửa đất, khu đất chịu ảnh hưởng đồng thời của nhiều yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất thì hệ số điều chỉnh theo yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất (K_{ah}) được xác định bằng cách nhân liên tiếp các hệ số của từng yếu tố ảnh hưởng."

Điều 2. Sửa đổi tên Điều 4

"**Điều 4. Hệ số điều chỉnh giá đất (K) đối với các loại đất quy định tại Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình**"

Điều 3. Bổ sung điểm d vào khoản 3 Điều 4

"d) Hệ số điều chỉnh giá đất đối với đất ở, đất thương mại, dịch vụ, đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh tại các dự án khu dân cư, khu đô thị, khu đất thực hiện dự án đầu tư hỗn hợp được quy định tại Phụ lục IX kèm theo Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND được xác định tại Phụ lục VI kèm theo Quyết định này."

Điều 4. Thay thế một số Phụ lục kèm theo Quyết định số 76/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình

1. Thay thế Phụ lục I kèm theo Quyết định số 76/2026/QĐ-UBND bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Thay thế Phụ lục II kèm theo Quyết định số 76/2026/QĐ-UBND bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện Quyết định này;

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường để thực hiện Quyết định này theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết các khó khăn, vướng mắc (nếu có) theo quy định;

c) Công bố, công khai Quyết định này và cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như khoản 2 Điều 6;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTraVB và Tổ chức thi hành PL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TTCB, VP2, VP3, VP4, VP5, VP10.

ĐTT_VP5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Nguyễn Anh Chức

Phụ lục I

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 135/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Ninh Bình)

1. Phường Nam Định

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	**Đường Trần Hưng Đạo**	Đường Trần Nhân Tông	Đường Hàng Thao	1,00
		Đường Hàng Thao	Ngõ Hai Bà Trưng	1,00
		Ngõ Hai Bà Trưng	Ngã tư Quang Trung	1,00
		Ngã tư Quang Trung	Đường Trường Chinh	1,00
		Đường Trường Chinh	Đường Đông A	1,00
2	**Đường Hoàng Văn Thụ**	Đường Trần Nhân Tông	Đường Phan Đình Phùng	1,00
		Đường Phan Đình Phùng	Đường Lê Hồng Phong	1,00
		Đường Lê Hồng Phong	Đường Quang Trung	1,00
		Đường Quang Trung	Đường Trường Chinh	1,00
3	**Đường Hai Bà Trưng**	Đường Phan Đình Phùng	Ngõ Nhà Thờ	1,00
		Ngõ Nhà Thờ	Đường Lê Hồng Phong	1,00
		Đường Lê Hồng Phong	Đường Bà Triệu	1,00
4	**Đường Bà Triệu**	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Trần Hưng Đạo	1,00
		Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phạm Hồng Thái	1,00
5	**Đường Hàng Tiện**	Chợ Diên Hồng	Đường Trần Hưng Đạo	1,00
6	**Đường Hàng Cấp**	Đường Mạc Thị Bưởi	Chợ Diên Hồng	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
7	**Đường Nguyễn Chánh**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phạm Hồng Thái	1,00
8	**Đường Phạm Hồng Thái**	Đường Trần Phú	Đường Trần Quốc Toản	1,00
		Đường Trần Quốc Toản	Đường Quang Trung	1,00
		Đường Quang Trung	Trường ĐH Công Nghiệp	1,00
9	**Đường Hàng Đồng**	Đường Nguyễn Du	Đường Hoàng Văn Thụ	1,00
		Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Trần Hưng Đạo	1,00
10	**Đường Lê Hồng Phong**	Đường Trần Nhật Duật	Đường Hùng Vương	1,00
		Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Du	1,00
		Đường Nguyễn Du	Đường Hoàng Văn Thụ	1,00
		Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Trần Hưng Đạo	1,00
11	**Đường Trần Phú**	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã 6 Năng Tĩnh	1,00
12	**Đường Hàn Thuyên**	Đường Trường Chinh	Đường Trần Nhật Duật	1,00
		Đường Trần Nhật Duật	Đường Hùng Vương	1,00
		Đường Hùng Vương	Đường Mạc Thị Bưởi	1,00
13	**Đường Quang Trung**	Đường Mạc Thị Bưởi	Đường Hoàng Văn Thụ	1,00
		Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Thành Chung	1,00
		Ngõ An Phong	Cuối tuyến	1,00
14	**Đường Thành Chung**	Đường Quang Trung	Đường Trường Chinh	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
15	**Đường Mạc Thị Bưởi**	Đường Nguyễn Du	Đường Trường Chinh	1,00
		Đường Trường Chinh	Đường Hưng Yên	1,00
16	**Đường Trường Chinh**	Đường Thái Bình	Đường Phù Nghĩa	1,00
		Đường Phù Nghĩa	Đường Nguyễn Đức Thuận (phía Bắc) và đường Hùng Vương (phía Nam)	1,00
		Đường Nguyễn Đức Thuận	Đường Điện Biên	1,00
		Phố Doãn Kế Thiện: phố Lương Định Của	Phố Đào Duy Từ	1,00
17	**Đường Bắc Ninh**	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Du	1,00
		Đường Nguyễn Du	Đường Hoàng Văn Thụ	1,00
		Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Trần Hưng Đạo	1,00
18	**Đường Hùng Vương**	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Hồng Phong	1,00
		Đường Lê Hồng Phong	Đường Hàn Thuyên	1,00
		Đường Hàn Thuyên	Đường Trường Chinh	1,00
19	**Đường Nguyễn Du**	Đường Hùng Vương	Đường Trần Tế Xương (đường đôi)	1,00
		Đường Trần Tế Xương	Đường Lê Hồng Phong	1,00
20	**Đường Trần Đăng Ninh**	Trần Hưng Đạo	Tràng Thi	1,00
21	**Đường Điện Biên**	Đường Trường Chinh	Đường Giải Phóng	1,00
22	**Đường Hà Huy Tập**	Đường Trần Phú	Đường Trần Đăng Ninh	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Đường Trần Đăng Ninh	Đường Thành Chung	1,00
23	**Đường Phan Bội Châu**	Đường Tràng Thi	Ngã 6 Năng Tĩnh	1,00
24	**Đường Nguyễn Hiền (Phan Bội Châu cũ)**	Đường Trần Đăng Ninh	Ngã 6 Năng Tĩnh	1,00
25	**Đường Lý Thường Kiệt**	Đường Bà Triệu	Đường Trường Chinh	1,00
26	**Đường Trần Quốc Toản**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hoàng Hoa Thám	1,00
27	**Đường Đông Kinh Nghĩa Thục**	Đường Hà Huy Tập	Đường Trần Phú	1,00
28	**Đường Hoàng Hoa Thám**	Đường Trần Phú	Đường Trần Đăng Ninh	1,00
29	**Đường Cột Cờ**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Tô Hiệu	1,00
30	**Đường Ngõ Quang Trung**	Đường Hàng Tiện	Đường Quang Trung	1,00
31	**Đường Hoàng Hữu Nam**	Đường Hàng Đồng	Đường Hoàng Văn Thụ	1,00
32	**Đường Diên Hồng**	Đường Nguyễn Du	Đường Quang Trung	1,00
33	**Đường Trần Bình Trọng**	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Trần Hưng Đạo	1,00
34	**Đường Ngõ Văn Nhân**	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Trần Hưng Đạo	1,00
35	**Đường Ngõ Nhà Thờ**	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Hai Bà Trưng	1,00
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Trần Hưng Đạo	1,00
36	**Đường Tô Hiệu**	Đường Trần Nhân Tông	Đường Trần Phú	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
37	**Đường Hàng Thao**	Đường Hai Bà Trưng	Đường Tô Hiệu	1,00
		Đường Tô Hiệu	Đường Đinh Bộ Lĩnh	1,00
38	**Đường Ngô Quyền**	Đường Trần Nhân Tông	Đường Máy Tơ	1,00
39	**Đường Phan Đình Phùng**	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hai Bà Trưng	1,00
40	**Đường Hoàng Ngân**	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hoàng Văn Thụ	1,00
41	**Đường Bến Ngự**	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Hồng Phong	1,00
42	**Đường Phan Chu Trinh**	Đường Bến Ngự	Đường Hàng Cau	1,00
43	**Đường Hồ Tùng Mậu**	Đường Bến Ngự	Đường Hoàng Văn Thụ	1,00
44	**Đường Máy Tơ**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Tô Hiệu	1,00
		Đường Tô Hiệu	Công ty Dệt Nam Định	1,00
45	**Đường Cửa Trường**	Đường Bến Thóc	Đường Tô Hiệu	1,00
46	**Đường Bến Thóc**	Đường Trần Nhân Tông	Đường Trần Phú	1,00
47	**Đường Nguyễn Văn Tố**	Đường Phan Đình Phùng	Đường Lê Hồng Phong	1,00
48	**Đường Hàng Cau**	Đường Trần Nhân Tông	Đường Phan Đình Phùng	1,00
49	**Đường Máy Chai**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bến Thóc	1,00
50	**Đường Nguyễn Thiện Thuật**	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Hàng Cau	1,00
51	**Đường Tống Văn Trân**	Phố Máy Chai	Phố Máy Tơ	1,00
52	**Đường Huỳnh Thúc Kháng**	Phố Máy Chai	Đường Hàng Thao	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
53	**Đường Phan Đình Giót**	Đường Hoàng Diệu	Đường Văn Cao	1,00
54	**Đường Nguyên Hồng**	Đường Hoàng Diệu	Đường Phan Đình Giót	1,00
55	**Đường Hoàng Diệu**	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Trần Phú	1,00
56	**Đường Nguyễn Văn Trỗi**	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Trần Bích San	1,00
		Đường Trần Bích San	Đường Trần Nhân Tông	1,00
57	**Đường Trần Bích San**	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Bính	1,00
58	**Đường Nguyễn Bính**	Đường Âu Cơ	Đường Văn Cao	1,00
59	**Đường Trần Quang Khải**	Phố Bến Thóc	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,00
		Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Văn Cao	1,00
60	**Đường Đinh Bộ Lĩnh**	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,00
61	**Đường Hàng Sắt**	Đường Hàng Đồng	Đường Lê Hồng Phong	1,00
62	**Đường Minh Khai**	Đường Hùng Vương	Đường Mạc Thị Bưởi	1,00
		Đường Mạc Thị Bưởi	Đường Hàng Đồng	1,00
63	**Đường Vị Xuyên**	Đường Trần Nhật Duật	Đường Hùng Vương	1,00
64	**Đường Trần Nhân Tông**	Đường Trần Nhật Duật	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,00
65	**Đường Song Hào**	Giáp ranh phường Trường Thi	Đường Thượng Hữu	1,00
		Đường Thượng Hữu	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
66	**Đường Nguyễn Trãi**	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Hồng Phong	1,00
67	**Đường Bạch Đằng**	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Trãi	1,00
68	**Đường Hưng Yên**	Đường Mạc Thị Bưởi	Đường Trường Chinh	1,00
69	**Đường Vị Hoàng**	Đường Nguyễn Du	Đường Hàn Thuyên	1,00
		Đường Hàn Thuyên	Đường Trường Chinh	1,00
70	**Đường Trần Thái Tông**	Đường Hưng Yên	Cầu Sắt	1,00
		Cầu Sắt	Quốc lộ 10 mới	1,00
		Quốc lộ 10 mới	Ngã ba đền Trần	1,00
71	**Đường Lương Thế Vinh (Rặng xoan Cũ)**	Đường Điện Biên	Phi trường điện	1,00
		Phi trường điện	Ga	1,00
72	**Đường Kênh**	Đường Điện Biên	Đường Đông A	1,00
		Đường Đông A	UBND phường (đường Tức Mạc)	1,00
73	**Đường Giải Phóng**	Giáp ranh phường Trường Thi	Đường Điện Biên	1,00
		Đường Điện Biên	Đường Đông A	1,00
74	**Đường Tràng Thi**	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Huy Liệu	1,00
75	**Đường Trần Huy Liệu**	Ngã 6 Năng Tĩnh	Giáp ranh phường Trường Thi	1,00
76	**Đường Phù Nghĩa**	Đường Hàn Thuyên	Đường Trường Chinh	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Đường Trường Chinh	Cầu Lộc Hạ	1,00
77	**Đường Thái Bình**	Đường Hàn Thuyên	Đường Thanh Bình	1,00
		Đường Thanh Bình	Trung tâm y tế thành phố (Bệnh viện tỉnh thương)	1,00
78	**Đường Thanh Bình**	Đường Thái Bình	Trạm dầu lửa	1,00
		Trạm dầu lửa	Hết địa phận phường Nam Định	1,00
79	**Đường Trần Nhật Duật (Đồng Tháp Mười cũ)**	Đường Hàn Thuyên	Đường Phù Long	1,00
		Đường Phù Long	Đường Trần Nhân Tông	1,00
80	**Đường Trần Tế Xương**	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Du	1,00
81	**Đường Phù Long**	Đường Trần Nhật Duật	Đường Cù Chính Lan	1,00
		Đường Cù Chính Lan	Đê sông Đào	1,00
82	**Đường Cù Chính Lan**	Đê sông Đào	Công ty Cấp nước	1,00
		Hết Công ty Cấp nước	Đường Phù Long	1,00
		Đường Phù Long	Đường Hàn Thuyên	1,00
83	**Đường 19/5 Phường Trần Tế Xương**	Đường Thái Bình	Trường Tô Hiệu	1,00
		Trường Tô Hiệu	Trường mầm non số 4	1,00
		Trường mầm non số 4	Ngõ 208 đường Thái Bình	1,00
84	**Đường Năng Tĩnh**	Đường Hoàng Diệu	Ngã 6 Năng Tĩnh	1,00
85	**Đường Đặng Xuân Thiều**	Đường Hàn Thuyên	Đường Trường Chinh	1,00
86	**Đường Trần**	Đường Phù Nghĩa	Đường Nguyễn Thị Trinh	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
	Thánh Tông	Đường Nguyễn Thị Trinh	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00
		Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Mạc Thị Bưởi	1,00
87	**Đường Nguyễn Đức Thuận**	Đường Trường Chinh	Quốc lộ 10	1,00
88	**Đường Đặng Xuân Bảng (đường 21 cũ)**	Cầu Đò Quan	Cống Trắng (Đường trục phía Nam)	1,00
89	**Đường Vũ Hữu Lợi (Đường 55 cũ)**	Đường Đặng Xuân Bảng	Đường Nguyễn Cơ Thạch	1,00
		Đường Nguyễn Cơ Thạch	Giáp ranh phường Hồng Quan	1,00
90	**Đường Đò Quan**	Đường Đặng Xuân Bảng	Đường Vũ Hữu Lợi	1,00
		Đường Vũ Hữu Lợi	Đê sông Đào (Đường Lạc Long Quân)	1,00
		Đường Lạc Long Quân	Bến Phà cũ (ông Thuấn)	1,00
91	**Đường Đông A**	Đài phun nước	Quốc lộ 10 mới	1,00
92	**Đường Nguyễn Công Trứ**	Công an tỉnh Nam Định cũ	Giáp ranh phường Đông A	1,00
93	**Đường Lê Văn Hưu**	Đường Trần Khánh Dư	Giáp ranh phường Đông A	1,00
94	**Đường Trần Anh Tông**	Đường Trần Tự Khánh	Giáp ranh phường Đông A	1,00
95	**Đường Ngô Sỹ Liên**	Đường Trần Khánh Dư	Đường Trần Anh Tông	1,00
96	**Đường Trần khánh Dư**	Đường Đông A	Đường Trần Anh Tông	1,00
97	**Đường Trần Đại Nghĩa**	Chu Văn An	Đường Trần Anh Tông	1,00
98	**Đường Nguyễn Viết Xuân**	Đường Chu Văn An	Đường Trần Anh Tông	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
99	**Đường Chu Văn An**	Đường Nguyễn Viết Xuân	Giáp ranh phường Đông A	1,00
100	**Đường Đào Sư Tích**	Đường Trần Anh Tông	Đường Nguyễn Viết Xuân	1,00
101	**Đường Phạm Văn Nghị**	Đường Trần Khánh Dư	Đường Nguyễn Viết Xuân	1,00
102	**Đường Nguyễn Thiếp**	Trần Khánh Dư	Chu Văn An	1,00
103	**Đường Nguyễn Thực**	Đào Sư Tích	Trần Bá Ngọc	1,00
104	**Đường Trần Bá Ngọc**	A1	Tôn Thất Đàm	1,00
105	**Đường Đinh Thúc Dự**	Đường Ngô Sỹ Liên	Đặng Thế Phong	1,00
106	**Đường Phạm Hữu Du**	Đường Lê Văn Hưu	Đỗ Hựu	1,00
107	**Đường Đinh Lễ**	Chu Văn An	Bùi Ngọc Oánh	1,00
108	**Đường Vũ Cao**	Chu Văn An	Đinh Thúc Dự	1,00
109	**Đường Đặng Tiến Đông**	Nguyễn Công Trứ	Đường Đào Diệu Thanh	1,00
110	**Đường Trần Thiên Trạch**	Nguyễn Công Trứ	Đường Đỗ Quang	1,00
111	**Đường Hồ Xuân Hương**	Phạm Văn Nghị	Đường Trần Bá Giáp	1,00
112	**Đường Trần Nhân Trứ**	Trần Khánh Dư	Đường Nguyễn Cảnh Dị	1,00
113	**Đường Trần Bá Hai**	Trần Đại Nghĩa	Đường D2	1,00
114	**Đường Bùi Tân**	Ngô Sỹ Liên	Lý Văn Phức	1,00
115	**Đường Bùi Ngọc Oánh**	Trần Khánh Dư	Phạm Hữu Du	1,00
116	**Đường Đặng Thế Phong**	Đường Trần Khánh Dư	Đường Vũ Cao	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
117	**Đường Đỗ Hựu**	Ngô Sỹ Liên	Đinh Lễ	1,00
118	**Đường E4**	Trần Đại Nghĩa	E2	1,00
119	**Đường Phó Đức Chính**	Trần Khánh Dư	Đường Phan Kế Bính	1,00
120	**Đường Nguyễn Cảnh Dị**	Nguyễn Công Trứ	Đường Bùi Tân	1,00
121	**Đường Vũ Phạm Hàm**	Trần Đại Nghĩa	Đường Trần Thiên Trạch	1,00
122	**Đường Trần Tử Bình**	Chu Văn An	Đường Kim Đồng	1,00
123	**Đường Vũ Giao Hoan**	Phạm Văn Nghị	Đường Lê Trọng Hàm	1,00
124	**Đường Phan Kế Bính**	Đào Sư Tích	Đường Trần Bá Ngọc	1,00
125	**Đường E2 (KĐT Hòa Vượng)**	Chu Văn An	Đường E1	1,00
126	**Đường Trần Bá Giáp**	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Đặng Tiến Đông	1,00
127	**Đường Phan Phu Tiên**	Phạm Văn Nghị	Đường E4	1,00
128	**Đường Đào Diệu Thanh**	Trần Khánh Dư	Đường Hồ Xuân Hương	1,00
129	**Đường Lê Trọng Hàm**	Trần Khánh Dư	Đường Trần Tử Bình	1,00
130	**Đường Kim Đồng**	Trần Đại Nghĩa	Đường Vũ Giao Hoan	1,00
131	**Đường D2 (KĐT Hòa Vượng)**	Phạm Văn Nghị	Đường D1	1,00
132	**Đường A1 (KĐT Hòa Vượng)**	Trần Anh Tông	Đường Lê Hiến Giản	1,00
133	**Đường Đỗ Quang**	Nguyễn Viết Xuân	Đường Vũ Phạm Hàm	1,00
134	**Đường D1 (KĐT Hòa Vượng)**	Nguyễn Viết Xuân	Đường Trần Bích Hoành	1,00
135	**Đường Tôn Thất Đàm**	Trần Anh Tông	Đường Phó Đức Chính	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
136	**Đường Trần Bích Hoành**	Nguyễn Công Trứ	Đường Trần Bá Hai	1,00
137	**Đường Lý Văn Phức**	Lê Văn Hưu	Đường Trần Nhân Trứ	1,00
138	**Đường E1 (KĐT Hòa Vượng)**	Nguyễn Viết Xuân	Đường Phan Phu Tiên	1,00
139	**Đường Lê Hiến Giản**	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Thực	1,00
140	**Đường Đặng Việt Châu**	Đường Điện Biên	Hồ An Trạch	1,00
141	**Đường Trần Thừa (đường trước cửa Đền Trần)**	Đường Trần Thái Tông	Đường Trần Tự Khánh	1,00
142	**Đường Trần Thủ Độ**	Quốc Lộ 10	Đường Trần Thừa	1,00
143	**Đường Tức Mạc**	Đường Trần Thái Tông (cầu Sắt)	Quốc lộ 10	1,00
144	**Đường Lê Quý Đôn (Khu Đông Mạc)**	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Vũ Năng An	1,00
145	**Đường Mạc Đĩnh Chi (Khu Đông Mạc)**	Đường Nguyễn Đức Thuận	Đường Nguyễn Thị Trinh	1,00
146	**Đường Nguyễn Thi (Khu Đông Mạc)**	Thuộc địa phận phường Nam Định		1,00
		Giáp ranh phường Thiên Trường	Đường Trần Thánh Tông	1,00
147	**Đường Bế Văn Đàn (Khu Đông Mạc)**	Vũ Văn Hiếu	Hết đường hiện hữu	1,00
148	**Đường Nguyễn Trung Ngạn (Khu Đông Mạc)**	Nguyễn Thi	Lã Xuân Oai	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
149	**Đường Đỗ Huy Liêu (Khu Đông Mạc)**	Nguyễn Thi	Lã Xuân Oai	1,00
150	**Đường Lê Hữu Trác (Khu Đông Mạc)**	Đường Bế Văn Đàn	Lương Định Của	1,00
151	**Đường Vũ Văn Hiếu (Khu Đông Mạc)**	Nguyễn Đức Thuận	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00
152	**Đường Chế Lan Viên (Khu Đông Mạc)**	Nguyễn Đức Thuận	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00
153	**Đường Lương Định Của (Khu Đông Mạc)**	Vũ Văn Hiếu	Đường Trường Chinh	1,00
154	**Đường Đào Duy Từ (Khu Đông Mạc)**	Chế Lan Viên	Đường Trường Chinh	1,00
155	**Đường Vũ Trọng Phụng**	Mương cầu Sắt	Quốc lộ 10	1,00
156	**Đường Bùi Huy Đáp**	Đường Phù Nghĩa	Hết địa phận chợ Hạ Long	1,00
157	**Đường Vũ Ngọc Phan - Dãy A**	Đường Phù Nghĩa	Hết địa phấn phường Nam Định	1,00
158	**Đường Lê Ngọc Hân -Dãy B**	Đường Phù Nghĩa	Đường Nguyễn Thị Trinh	1,00
159	**Đường Đinh Thị Vân -Dãy C**	Đường Phù Nghĩa	Đường Nguyễn Thị Trinh	1,00
160	**Đường Lương Văn Can - Sau trường Cao đẳng sư phạm**	Đường Phù Nghĩa	Tập thể Thực phẩm	1,00
161	**Đường Lưu Hữu Phước**	Ngã ba đường Phù Nghĩa	Đường Thanh Bình	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
162	**Đường Chu Văn**	Đường Phù Nghĩa	Đường Thanh Bình	1,00
163	**Đường Nam Cao - dọc Mương T3-11**	Thuộc địa phận phường Nam Định		1,00
164	**Đường Âu Cơ (Đê bắc Sông Đào)**	Đường Song Hào	Cống Kênh Gia	1,00
165	**Đường Lạc Long Quân**	Đoạn thuộc địa phận phường Nam Định		1,00
166	**Đường Nguyễn Cơ Thạch**	Lạc Long Quân	Vũ Hữu Lợi	1,00
167	**Quốc lộ 10**	Phần nằm trong địa phận phường Nam Định		1,00
168	**Đường Lộc Vượng -Thôn Tức Mạc phường Lộc Vượng (cũ là đường Nguyễn Ngọc Đồng)**	Quốc lộ 10	Đường Tức Mạc	1,00
169	**Đường Cầu Đông**	Đường Trần Thái Tông	Quốc lộ 10	1,00
170	**Đường Trần Tung (cũ N1) Khu Sau La**	Đường Giải Phóng	Đường Kênh	1,00
171	**Đường Phạm Tuấn Tài (cũ N3) - Khu Sau La**	Đường Giải Phóng	Đường Kênh - 9m	1,00
172	**Đường Đặng Trần Côn (Cũ N5) - Khu Sau La**	Đường Giải Phóng	Đường Kênh - 9m	1,00
173	**Đường Trần Kỳ (Cũ D1) - Khu Sau La**	Khu dân cư	Đường Đặng Trần Côn	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
174	**Đường Đoàn Nhữ Hài (Cũ D2) - Khu Sau La**	Đường N2	Đường Đặng Trần Côn- 11m	1,00
175	**Đường Đặng Xuân Viện (Cũ D4) - Khu Sau La**	Đường Trần Tung	Hội người mù Tân Quang	1,00
176	**Đường Nguyễn Văn Huyên (Cũ D6) - Khu Sau La**	Đường Trần Tung	Đường Đặng Trần Côn	1,00
177	**Đường Đặng Vũ Hỷ (Cũ D7) - Khu Sau La**	Đường Trần Tung	Khu dân cư (thẳng đường Đặng Trần Côn)	1,00
178	**Đường N2 - Khu Sau La**	Đường Trần Kỳ	Đường Nguyễn Văn Huyên	1,00
179	**Đường N4 - Khu Sau La**	Đường Trần Kỳ	Đường Nguyễn Văn Huyên	1,00
180	**Đường D5 - Khu Sau La**	Đường Phạm Tuấn Tài	Đường N2	1,00
181	**Đường khu Quân Nhân Cửa Bắc**	Đường khu Quân Nhân	Cuối đường	1,00
182	**Đường Võ Nguyên Giáp**	Đường Trường Chinh	Quốc lộ 10	1,00
183	**Đường Đào Tấn (Khu TĐC đường Trần Nhân Tông)**	KDC Nguyễn Bính	Mương Kênh Gia - 13m	1,00
184	**Đường Lương Ngọc Quyến (Khu TĐC đường Trần**	Đường Nguyễn Bính	Mương Kênh Gia 15m	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
	Nhân Tông)			
185	**Đường Bùi Xuân Phái (Khu TĐC đường Trần Nhân Tông)**	Đường Lưu Trọng Lư	Mương Kênh Gia - 13m	1,00
186	**Đường Đỗ Huy Rừa (Khu TĐC đường Trần Nhân Tông)**	Đường Lưu Trọng Lư	Mương Kênh Gia - 13m	1,00
187	**Đường Lưu Trọng Lư (Khu TĐC đường Trần Nhân Tông)**	Đường Song Hào	Đường Đỗ Huy Rừa	1,00
188	**Đường Tô Vĩnh Diện (N5 cũ) - khu TĐC đường Trần Nhân Tông**	Đường Trần Bích San	Đường Tiền Phong	1,00
189	**Đường Trần Tự Khánh**	Ngã ba Dốc Lốc	Cầu Bùi	1,00
		Cầu Bùi	Quốc lộ 10	1,00
190	**Đường Bái (Thôn Bái qua Thượng Lỗi ra đường Trần Thái Tông)**	Đương Trần Thái Tông	Đường Kênh	1,00
185	**Đường Lê Hồng Sơn (khu tập thể công an tỉnh)**	Trần Đăng Ninh	Lương Thế Vinh - 4m	1,00
186	**Đường Đoàn Trần Nghiệp (Cạnh chợ 5 tầng)**	Trần Đăng Ninh	Khu dân cư	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
187	**Đường Trần Nghệ Tông (D1 cũ) - khu TĐC Tây đường 38A**	Đường Trần Thừa	Quốc lộ 10	1,00
188	**Đường Trần Bang Cẩn (D2 cũ) - khu TĐC Tây đường 38A**	Đường Trần Thừa	Đường N4	1,00
189	**Đường N4- khu TĐC Tây đường 38A**	Đường D1	Đường D2	1,00
190	**Đường Nguyễn Chí Thanh**	Thuộc địa phận phường Nam Định		1,00
191	**Đường Văn Tiến Dũng**	Thuộc địa phận phường Nam Định		1,00
192	**Đường Nguyễn Hữu Huân (Khu TĐC hồ Hàng Nan)**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
193	**Đường Phạm Đình Kính (Khu TĐC hồ Hàng Nan)**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
194	**Đường N2 (Khu TĐC hồ Hàng Nan)**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
195	**Đường D2 (Khu TĐC hồ Hàng Nan)**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
196	**Phố Đỗ Huy Cảnh**	Đường Đào Duy	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
197	**Đường Hoàng Văn Tuấn (Khu TĐC Tây Đông Mạc)**	Đường Đào Duy	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00
198	**Đường Trần Đình Long (N3) (Khu TĐC Tây Đông Mạc)**	Đường Bế Văn Đàn	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00
199	**Đường Nguyễn Ngọc Đồng (N7 cũ) - Khu TĐC Tây Đông Mạc**	Đường Lương Định Của	Đường Bế Văn Đàn	1,00
200	**Đường Thích Thế Long (N9 cũ) - Khu TĐC Tây Đông Mạc**	Đường Đào Duy Từ	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00
201	**Đường D1' (Ngõ 59 Trần Thánh Tông) - Khu TĐC Tây Đông Mạc**	Đường Chế Lan Viên	Đường N2	1,00
202	**Đường Phạm Thị Vân (D3 cũ) - Khu TĐC Tây Đông Mạc**	Đường Vũ Văn Hiếu	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00
203	**Đường Phan Bá Vành**	Đường Vũ Văn Hiếu	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00
204	**Đường D4' (Khu TĐC Tây Đông Mạc)**	Đường Trần Thánh Tông	Khu dân cư cũ	1,00
205	**Đường Thép Mới (C6) (Khu TĐC Tây Đông Mạc)**	Cầu Sắt	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
206	**Đường Lã Xuân Oai (D3 cũ) - Khu TĐC Đông Đông Mạc**	Thuộc địa phận phường Nam Định		1,00
207	**Đường Nguyễn Thị Trinh (D4 cũ) - Khu TĐC Đông Đông Mạc**	Thuộc địa phận phường Nam Định		1,00
208	**Đường Phạm Thế Lịch (N10 + N10' cũ) - Khu TĐC Đông Đông Mạc**	Đường Nguyễn Thi	Đường Phạm Văn Xô	1,00
209	**Đường Nguyễn Đức Cảnh (Khu TĐC Đông Đông Mạc)**	Đường Nguyễn Đức Thuận	Giáp ranh phường Thiên Trường	1,00
		Giáp ranh phường Thiên Trường	Cầu Lộc Hạ (Đường ven mương T3-11 cũ)	1,00
210	**Đường Trần Đăng Huỳnh (Khu TĐC Đông Đông Mạc)**	Vũ Năng An	Nguyễn Thi	1,00
211	**Đường Vũ Năng An (Khu TĐC Đông Đông Mạc)**	Trần Thánh Tông	Nguyễn Đức Thuận	1,00
212	**Đường Vũ Xuân Thiều**	Đường Vũ Xuân Thiều	Cuối đường	1,00
213	**Tuyến đường mương (đường D3) - khu TĐC đường Trần Nhân Tông**	Tuyến đường mương (đường D3) - khu TĐC đường Trần Nhân Tông	Cuối đường	1,00
214	**Đường Ngô Gia Tự**	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00
215	**Đường Nguyễn Văn Vịnh**	Đường nối đường D3, D4 của khu TĐC Đông Đông Mạc (cũ là đường có điểm đầu D3 - điểm cuối D7)	Cuối đường	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
216	**Đường trong khu đô thị Dệt may Nam Định**	Đường rộng 20,5m	Cuối đường	1,00
		Phố Đặng Thị Kim: Trần Phú	Trần Đăng Ninh	1,00
		Phố Phạm Sư Mạnh: Trần Đăng Ninh	Trần Phú	1,00
		Phố Vũ Công Chấn: Trần Phú	Đường N3 - Khu đô thị Dệt	1,00
		Phố Đoàn Văn Cừ: Đường D2 - Khu đô thị Dệt	Đường Hoàng Hoa Thám	1,00
		Phố Vũ Huy Trác: Đường D1 - Khu đô thị Dệt	Đường Hoàng Hoa Thám	1,00
		Phố Nguyễn Khải: Đường D4 - Khu đô thị Dệt	Đường D5 - Khu đô thị Dệt	1,00
		Phố Hoàng Khắc Dược: Đường D4 - Khu đô thị Dệt	Đường D1 - Khu đô thị Dệt	1,00
		Phố Phạm Đình Hổ: Đường D4 - Khu đô thị Dệt	Đường D2 - Khu đô thị Dệt	1,00
		Phố Bùi Văn Ba: Đường D2 - Khu đô thị Dệt	Đường D1 - Khu đô thị Dệt	1,00
		Phố Hà Chương: Đường N4 - Khu đô thị Dệt	Đường Trần Phú	1,00
216	**Đường trong khu đô thị Dệt may Nam Định**	Phố Trần Mạnh Phấn: Đường N3 - Khu đô thị Dệt	Đường N5 - Khu đô thị Dệt	1,00
		Phố Trần Doãn Đạt: Đường N3 - Khu đô thị Dệt	Đường N5 - Khu đô thị Dệt	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Phố Phúc Đường: Đường Trần Phú	Đường N9 - Khu đô thị Dệt	1,00
		Phố Phạm Quang Diệu: Đường D8 - Khu đô thị Dệt	Đường D4 - Khu đô thị Dệt	1,00
		Phố Đỗ Dương Thanh: Đường D8 - Khu đô thị Dệt	Đường D4 - Khu đô thị Dệt	1,00
217	**Đường trục trung tâm phía Nam**	Vũ Hữu Lợi	Đặng Xuân Bảng	0,90
218	**Đường Tỉnh lộ 486 (63B)**	Ngã tư Hữu Bị	Cầu Bảo Lộc	1,20
		Cầu Đền Bảo Lộc	Cầu UBND xã	1,20
		Cầu UBND xã	Cầu Cấp Tiến 1	1,20
		Cầu Cấp Tiến 1	Ngã 3 Dốc Lốc (hết địa giới phường Nam Định)	1,20
219	**Quốc lộ 38A**	Ngã ba đền Trần	Đầu cống KC - 02	1,00
		Cống KC- 02	Ao đình Đông	1,00
		Ao đình Đông	Ngã tư Hữu Bị	1,00
220	**Đường Du lịch (phía Bắc đường 63B)**	Ngã tư Hữu Bị	Cầu Bảo Lộc	1,00
		Cầu Đền Bảo Lộc	Cầu UBND xã	1,00
		Cầu UBND xã	Ngã ba Dốc Lốc	1,00
221	**Đường Vĩnh Giang (từ Cầu Viềng qua cầu Bùi đến Lộc Hòa)**	Cầu Viềng	KC-02	1,00
		KC-02	Đình Trần Quang Khải	1,00
		Đình Trần Quang Khải	Cách cầu Bùi 100m	1,00
221	**Đường Vĩnh Giang (từ Cầu Viềng qua cầu Bùi đến Lộc Hòa)**	Khu vực cầu Bùi	ra 100m (đường Vĩnh Giang hướng Tây + Đông)	1,00
		Cách cầu Bùi 100m	Hết cống ao Dàm	1,00
		Giáp cống ao Dàm	Giáp đường vào Trạm biến áp Mỹ Lộc	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Đường vào Trạm biến áp Mỹ Lộc	Giáp ranh phường Đông A	1,00
222	**Đoạn từ KC-02 đến cầu phao**	Sông Vĩnh Giang	Cầu phao Nhân Hậu	1,00
223	**Đoạn từ đường 38A đến di tích lịch sử Trần Thủ Độ**	Đoạn đường 38A	Di tích lịch sử Trần Thủ Độ	1,00
224	**Đường trục phía Nam thành phố Nam Định (cũ)**	Đường Vũ Hữu Lợi	Cầu Thiên Trường	1,00
225	**Đường Vĩnh Mạc**	Đường Lộc Vượng	Đường Trần Tự Khánh	1,00
226	**Đường Thượng Lỗi**	Đường Bái	Trần Thái Tông	1,00
	Đường hồ Lộc Vượng	Toàn tuyến		1,20
227	**Phố Hoàng Việt**	Đường Thép Mới	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00
228	**Đường gom khu dân cư đường Võ Nguyên Giáp**	Phố Doãn Kế Thiện	Cuối đường	1,00
229	**Khu tái định cư phục vụ GPMB đường Võ Nguyên Giáp**	Đường Tức Mạc kéo dài	Lô HH số 6 khu đô thị Thống Nhất	1,00
230	**Phố Phạm Đạo Bảo**	Đường N1 - khu TĐC phục vụ GPMB phường Nam Định	Đường D3 - khu TĐC phục vụ GPMB phường Nam Định	1,00
231	**Phố Vũ Thiện Đễ**	Đường D1 - khu TĐC phục vụ GPMB phường Nam Định	Đường N1 - khu TĐC phục vụ GPMB phường Nam Định	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
232	**Đường N1**	Đường Phong Lộc Tây	Đường D1	1,00
233	**Phố Lê Châu**	Đường D1 - khu TĐC phục vụ GPMB phường Nam Định	Đường D3 - khu TĐC phục vụ GPMB phường Nam Định	1,00
234	**Tuyến đường kéo dài mang tên đường cũ**	Đường xây dựng mới nối tiếp đường Nguyễn Thượng Hiền (Nguyễn Tri Phương	Trần Huy Liệu) - Khu Tái định cư Trầm Cá	1,00
235	**Khu Văn hoá Đền Trần Lộc Vượng**	Đường Trần Đình Thâm	Cuối đường	1,00
		Đường Phụng Dương	Cuối đường	1,00
		Đường Trần Duệ Tông	Cuối đường	1,00
		Đường Trần Minh Tông	Cuối đường	1,00
		Đường Trần Chiêu Đức	Cuối đường	1,00
		Đường Huyền Trân	Cuối đường	1,00
		Đường Trần Đạo Tái	Cuối đường	1,00
		Đường Trần Thị Dung	Cuối đường	1,00
		Đường Trần Khắc Chung	Cuối đường	1,00
		Đường Trần Đình Huyên	Cuối đường	1,00
		Đường Trần Quốc Tảng	Cuối đường	1,00
		Đường Lộc Vượng	Cuối đường	1,00
236	**Khu đô thị đường Nguyễn Công Trứ**	Đường đôi hồ Lộc Vượng qua đường Kênh	QL10	1,00
		Đường N1	Cuối đường	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Các tuyến đường còn lại trong khu đô thị	Cuối đường	1,00
237	**Đường nội thị tại phường Nam Định**	Phố Đỗ Huy Cảnh: Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Đào Duy Từ	1,00
		Phố Khiếu Năng Tĩnh: đường Vũ Hữu Lợi	Phong Lộc Tây	1,00
		Phố Nguyễn Hữu Tiến	Cuối đường	1,00
		Đường Vũ Trọng Phụng Đoạn Quốc lộ 10	Cuối khu dân cư	1,00
		Đường Vĩnh Trường (Ngã 3 cổng trường tiểu học	Ngã 3 Đình Vĩnh Trường)	1,00
		Đường Thượng Hữu: Từ Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Bính	1,00
		Phố Nguyễn Hữu Tiến: Võ Nguyên Giáp	Phố Thép Mới	1,00
		Phố Đỗ Huy Cảnh	Cuối đường	1,00
		Phố Nguyễn Tuấn Thông (Đường D1 khuTĐC phục vụGPMB phường Cửa Nam - đường N1 khu TĐC phục vụ GPMB phường Cửa Nam)	Cuối đường	1,00
		Phố Thích Tâm Nguyện: Trần Thái Tông	Võ Nguyên Giáp	1,00
238	**Các tuyến đường còn lại trên địa bàn phường (Thuộc xã Mỹ Phúc cũ)**	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3,5m trở lên		1,20
		Đường có chiều rộng mặt cắt từ 2 đến dưới 3,5m		1,20
		Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 2m		1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
239	**Khu dân cư tập trung Nội Bồi**	Đường N1	Cuối đường	1,00
		Đường N2, D1	Cuối đường	1,00
240	**Đường Vũ Trọng Phụng**	Quốc lộ 10	Cuối khu dân cư	1,00
241	**Đường Vĩnh Trường**	Ngã 3 cổng trường tiểu học	Ngã 3 Đình Vĩnh Trường	1,00
243	**Phố Năng Lự**	Phố Năng Lự	Cuối đường	1,00
244	**Đường Tiền Phong**	Âu cơ	Trần Bích San	1,00
245	**Đường dạo quanh hồ An Trạch**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
	Đường dạo quanh hồ Hàng Nan	Đầu đường	Cuối đường	1,00
246	**Khu TDC phường Lộc Vượng (khu vực trường Đại học Lương Thế Vinh)**	Đường N1	Cuối đường	1,00
		Đường N2	Cuối đường	1,00
		Đường N3	Cuối đường	1,00
		Đường N4 + N5	Cuối đường	1,00
247	**Đường cạnh chợ Cửa Trường**	Đường Cửa Trường	Đường Trần Quang Khải	1,00
248	**Đường nội thị tại phường Nam Định**	Đường N2 Khu tái định cư hồ Bà Tràng: Thượng Hữu	Giáp khu dân cư cũ	1,00
		Đường D2: Đường N1 khu TĐC phục vụ GPMB phường Cửa Nam	Phố Nguyễn Tuấn Thông	1,00
		Đường N1 khu TĐC phục vụ GPMB phường Cửa Nam: từ đường Phong Lộc Tây	Phố Khiếu Năng Tĩnh	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Đường N2 khu TĐC phục vụ GPMB phường Cửa Nam: Phố Khiếu Năng Tĩnh	Phố Nguyễn Tuấn Thông	1,00
249	**Đường Văn Cao**	Ngã 6 Năng Tĩnh	Công ty dệt kim Thắng Lợi	1,00
250	**Đường Thành Nam phía ngoài đê sông Đào**	Đê Sông Đào	Mép sông Đào	1,00
251	**Tuyến đường khu đô thị phía Nam Sông Đào**	Tuyến đường chính số 2, số 3	Cuối đường	1,00
		Tuyến đường chính số 4, số 4A	Cuối đường	1,00
		Các tuyến đường còn lại	Cuối đường	1,00
252	**Đường Mỹ Tho**	Đường Lê Văn Lương	Giáp ranh phường Thiên Trường	1,00
253	**Đường Nguyễn Lương Bằng**	Thuộc địa phận phường Nam Định		1,00
254	**Đường Đê Sông Đào**	Trung tâm y tế thành phố (Bệnh viện tỉnh thương)	Đường Song Hào	1,00
255	**Đường Đặng Đoàn Bằng**	Giáp ranh phường Thiên Trường	Cuối đường	1,00
256	**Đường Lê Văn Lương**	Đường Đặng Đoàn Bằng	Giáp ranh phường Thiên Trường	1,00
257	**Đường Đoàn Khuê**	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Thiên Trường	1,00
258	**Đường Hoàng Sâm**	Đường Nguyễn Đức Thuận	Giáp ranh phường Thiên Trường	1,00
259	**Đường Đông Khê**	Trần Quang Khải	Cửa Trường	1,00
260	**Đường Phạm Thế Hiển**	Đường Mỹ Tho	Giáp ranh phường Thiên Trường	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
261	**Đường Phan Anh**	Đường Nguyễn Chí Thanh	Giáp ranh phường Thiên Trường	1,00
262	**Đường Phan Huy Chú (Khu TĐC Đồng Quýt)**	Đỗ Nguyên Sáu	Đường Tạ Quang Bửu	1,00
263	**Đường Đỗ Nguyên Sáu (Khu TĐC Đồng Quýt)**	Đường Bùi Thị Xuân	Giáp ranh phường Trường Thi	1,00
264	**Đường Vũ Công Tự (N7 cũ) - Khu TĐC Đồng Quýt**	Đường Lê Trực	Giáp ranh phường Trường Thi	1,00
265	**Đường Nguyễn Văn Hoan**	Trần Anh Tông	Nguyễn Công Trứ	1,00

2. Phường Trường Thi

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	**Quốc lộ 10**	Giáp Liên Minh	Hết cầu Chuối	1,00
		Giáp cầu Chuối	Hết nhà bà Hường (đầu Trình Xuyên)	1,00
		Hết nhà bà Hường	Hết trạm quản lý đường bộ	1,00
		Cuối trạm quản lý đường bộ (giáp xã Liên Bảo cũ)	Hết cầu Giành (hết xã Liên Bảo cũ)	1,00
		Cầu Giành	Tổ dân phố Tân Thành 9 (hết xã Thành Lợi cũ)	1,00
		Từ tổ dân phố Tân Thành 9 (hết xã Thành Lợi cũ)	Đầu tổ dân phố Vụ Bản (xã Lộc An cũ)	1,00
		Đầu tổ dân phố Vụ Bản	Đầu chân Cầu Vượt xã Lộc An cũ	
		Phía không giáp đường sắt		1,00
		Phía giáp đường sắt		1,00
		Đầu chân Cầu Vượt xã Lộc An cũ	Giáp ranh phường Thành Nam	1,00
		rẽ tổ dân phố Tổ Cầu	Trạm quản lý đường bộ (Nam đường sắt)	1,00
		Từ trạm quản lý đường bộ	Giáp tổ dân phố Tân Thành 9 (phía Nam đường sắt)	1,00
		Từ giáp tổ dân phố Tân Thành 9	Giáp tổ dân phố Vụ Bản (phía Nam đường sắt)	1,00
2	**Tuyến Đường Tân Khánh Liên Bảo**	Đoạn từ giáp xã Hiển Khánh	Đường 485B	1,00
3	**Tuyến đường trục huyện Bất Di đi Dốc Sắn**	Giáp xã Hiển Khánh	Cầu Trung Phu	1,00
		Cầu Trung Phu	Quốc lộ 10	1,00
		Từ Barie rẽ chợ Gạo (Quốc lộ 10)	Hết trường Nguyễn Đức Thuận (xã Thành Lợi cũ)	1,00
		Trường cấp III Nguyễn Đức Thuận	Hết đền Đông	1,00
3	**Tuyến đường trục huyện Bất Di đi Dốc Sắn**	Đền Đông	Hết cổng trụ sở UBND xã cũ (Đường rẽ vào Xóm Đông)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Giáp cổng trụ sở UBND xã cũ (Đường rẽ vào Xóm Đông)	Hết trạm y tế phường	1,00
		Hết trạm y tế phường	Dốc Sắn (giáp đê Đại Hà)	1,00
4	**Tuyến đường chợ Lời - Đại Thắng**	Giáp xã Hiển Khánh	Giáp xã Liên Minh (Cống Hương)	1,00
5	**Tuyến đường trục huyện Từ xóm Dương Lai đi bờ sông Hùng Vương**	Đường sắt (Quốc Lộ 10 xóm Dương Lai)	Hết ngã tư HTX Cốc Thành	1,00
		Từ hết ngã tư HTX Cốc Thành	Cầu Hùng Vương đến giáp xã Liên Minh	1,00
6	**Các tuyến đường trục chính trên địa bàn phường Trường Thi**	Nhà ông Bình (giáp Quốc lộ 10)	Hết cầu Rộc	1,00
		Ngã ba lối rẽ nhà thờ Trình Xuyên	Đường Trục huyện Bất Di đi Dốc Sắn (tổ dân phố Trung Phu)	1,00
		Giáp cầu Rộc	Hết trường THCS Liên Bảo	1,00
		Hết trường THCS Liên Bảo	Ngã ba tổ dân phố Định Trạch (chùa Định Trạch)	1,00
		Ngã ba tổ dân phố Định Trạch	Quốc lộ 10 (tổ dân phố Tổ Cầu)	1,00
		Ngã ba tổ dân phố Định Trạch	Đường Chợ Lời- Đai Thắng (tổ dân phố Cao Phương)	1,00
		Rẽ cầu Giành (rẽ trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định)	Hết địa bàn phường (giáp phường Thành Nam)	1,00
		Ngã tư HTX Cốc Thành	Giáp Mả Tấn tổ dân phố xóm A	1,00
6	**Các tuyến đường trục chính trên địa bàn phường Trường Thi**	Ngã tư HTX Cốc Thành	Hết trường THCS Thành Lợi	1,00
		Trường THCS Thành Lợi	Hết Chùa Gạo	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Chùa Gạo	Đám Hát	1,00
		Đám Hát	Cầu An Nhân	1,00
		Dốc Sắn	Bến đò Kĩa	1,00
		Đền Đông	Mả Cuối	1,00
		Đường sắt tổ dân phố Tân Thành 9 (Quốc lộ 10)	Đê Đại Hà	1,00
		Đường đê Đại Hà Từ Kênh Gia (giáp phường Nam Định)	Đường đê Đại Hà giáp cầu vượt sông Đào (S2)	1,00
		Đường đê Đại Hà từ giáp cầu vượt sông Đào (S2)	Lối rẽ tổ dân phố Phú Nội	1,00
		Tuyến giao thông tổ dân phố Tân Thành 1	Đến tổ dân phố Tân Thành 5	1,00
		Tuyến giao thông tổ dân phố Tân Thành 6, 7, 8		1,00
7	**Khu dân cư mới xã Thành Lợi**	Tuyến đường đôi 12 m		1,00
		Tuyến đường 6 m		1,00
8	**Điểm dân cư tập trung Tân Thành**	Điểm dân cư tập trung Tân Thành	Hết khu	1,00
9	**Khu dân cư tập trung xã Liên Bảo cũ**	Đường D4, N1	Cuối đường	1,00
		Các thửa (lô) đất còn lại	Cuối đường	1,00
10	**Khu đất dịch vụ Khu công nghiệp Bảo Minh**	Đất ở		1,00
		Đất dịch vụ		1,00
11	**Đường Văn Cao**	Ngã 6 Năng Tĩnh	Công ty dệt kim Thắng Lợi	1,00
		Công ty dệt kim Thắng Lợi	Đường Song Hào	
11	**Đường Văn Cao**	*Phía Nam Đường sắt*		*1,00*
		Phía Bắc Đường sắt		*1,00*
		Ngã tư Song Hào	Cầu Gia	
		Không tiếp giáp đường sắt		*1,00*

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	**Đến**	
		Tiếp giáp đường sắt		*1,00*
		Cầu Gia	Cầu Vượt Lộc An	
		Không tiếp giáp đường sắt		*1,00*
		Tiếp giáp đường sắt		*1,00*
12	**Đường Giải Phóng**	Đường Văn Cao	Đường Trần Huy Liệu	1,00
		Đường Trần Huy Liệu	Hết địa phận phường Trường Thi	1,00
14	**Đường Âu Cơ (Đê bắc Sông Đào)**	Cống Kênh Gia	Đến giáp xã Liên Minh	1,00
15	**Đường Nguyễn Thế Rục**	Văn Cao	Trần Huy Liệu	1,00
16	**Đường Lê Anh Xuân**	Mương nước	Công ty Tổng hợp	1,00
17	**Đường Nguyễn An Ninh**	Đường Trần Huy Liệu	Công ty Tổng hợp	1,00
18	**Đường Nguyễn Thái Học**	Đường Trần Huy Liệu	Công ty Tổng hợp	1,00
19	**Đường Nguyễn Huy Tưởng**	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Phùng Hưng	1,00
20	**Đường Nguyễn Thượng Hiền - xã Lộc An**	Trần Huy Liệu	Phùng Hưng	1,00
21	**Đường Nguyễn Tri Phương**	Đường Giải Phóng	Dọc mương nước khu Trầm Cá	1,00
22	**Đường Trần Khát Chân**	Mương tiêu nước	Khu dân cư cũ	1,00
23	**Đường Đào Hồng Cẩm**	Đường Trần Khát Chân	Đường Nguyễn Huy Tưởng	1,00
24	**Đường Trần Quý Cáp**	Đường Lê Anh Xuân	Đường Nguyễn Thái Học	1,00
25	**Đường Xuân Diệu**	Đường Trần Khát Chân	Đường Nguyễn Huy Tưởng	1,00
26	**Đường Trịnh Hoài Đức**	Đường Nguyễn Thái Học	Nguyễn Thế Rục	1,00
		Đường Nguyễn Thế Rục	Đường Trần Khát Chân	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
27	**Đường Phùng Hưng**	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Trần Khát Chân	1,00
28	**Đường Nguyễn Cảnh Chân (N2 cũ) - Khu TĐC Trầm Cá**	Đường Lê Anh Xuân	Đường Nguyễn An Ninh	1,00
29	**Đường Đỗ Huy Uyển**	Đường Lê Anh Xuân	Đường Nguyễn An Ninh	1,00
30	**Đường Hoàng Ngọc Phách**	Nguyễn Huy Tưởng	Trần Khát Chân	1,00
31	**Đường Hoài Thanh**	Đào Hồng Cẩm	Xuân Diệu	1,00
32	**Đường Nguyễn Khuyến**	Ga Nam Định	Khu CN	1,00
33	**Tô Hiến Thành (Đường vào trường Nguyễn Trãi cũ)**	Đường Giải Phóng	Trường Nguyễn Trãi	1,00
		Trường Nguyễn Trãi	Giáp ranh phường Thành Nam	1,00
34	**Đường Nguyễn Cao Luyện (Ngõ số 2 cũ -Phường Trường Thi)**	Đường Giải Phóng	Khu dân cư	1,00
35	**Đường Nguyễn Văn Cừ (Khu TĐC Đồng Quýt)**	Trần Nhân Tông	Mương Kênh Gia	1,00
36	**Đường Tô Ngọc Vân (Khu TĐC Đồng Quýt)**	Đường Phạm Huy Thông	Khu dân cư cũ	1,00
37	**Đường Đặng Thai Mai (Khu TĐC Đồng Quýt)**	Đường Phạm Huy Thông	Đường Tạ Quang Bửu	1,00
38	**Đường Phan Huy Chú (Khu TĐC Đồng Quýt)**	Đường Trần Quốc Hoàn	Giáp ranh phường Nam Định	1,00
39	**Đường Tạ Quang Bửu (Khu TĐC Đồng Quýt)**	Đường Nguyễn Văn Cừ	Khu dân cư cũ	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
40	**Đường Bùi Thị Xuân (Khu TĐC Đồng Quýt)**	Đường Tô Ngọc Vân	Đường Đỗ Nguyên Sáu	1,00
41	**Đường Tôn Thất Tùng (Khu TĐC Đồng Quýt)**	Đường Văn Cao	Khu dân cư cũ	1,00
42	**Đường Trần Quốc Hoàn (N2 cũ) - Khu TĐC Đồng Quýt**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
43	**Đường Trần Thọ Quế**	Văn Cao	Nguyễn Văn Cừ	1,00
44	**Phố Đặng Ngọc Toản (Đường N4 - Khu TĐC Đồng Quýt)**	Đường Đặng Thai Mai	Đường Phan Huy Ích	1,00
45	**Phố Nguyễn Quyền (Đường N5 - Khu TĐC Đồng Quýt)**	Đường Đặng Thai Mai	Đường Phan Huy Ích	1,00
46	**Đường Vũ Công Tự (N7 cũ) - Khu TĐC Đồng Quýt**	Đường Đặng Thai Mai	Đường Phan Huy Chú	1,00
47	**Đường Phạm Huy Thông (D2 cũ) - Khu TĐC Đồng Quýt**	Khu dân cư cũ	Đường Phan Huy Chú	1,00
48	**Đường Đặng Tất (D3 cũ) - Khu TĐC Đồng Quýt**	Đường Phạm Huy TDPg	Đường Tôn Thất Tùng	1,00
49	**Đường Phan Huy Ích (D8 cũ) - Khu TĐC Đồng Quýt**	Đường Trần Quốc Hoàn	Đường Bùi Thị Xuân	1,00
50	**Đường Lê Trực (D11 cũ) - Khu TĐC Đồng Quýt**	Đường Vũ Công Tự	Đường Tạ Quang Bửu	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
51	**Đường Đỗ Nguyên Sáu (D10 cũ) - Khu TĐC Đồng Quýt**	Bùi Thị Xuân	Đường Trần Quốc Hoàn	1,00
52	**Đường Đặng Văn Minh - Khu TĐC Đồng Quýt**	Tôn Thất Tùng	Đường Trần Quốc Hoàn	1,00
54	**Đường Xuân Trình**	Giải Phóng	Ngã 4 giao với ngõ 192 Trần Huy Liệu	1,00
57	**Đường dạo quanh hồ (Hồ Bảo Bối - Từ đường Tàu đến đường Trần Huy Liệu)**	Đường Tàu	Đường Trần Huy Liệu	1,00
59	**Tuyến Tỉnh lộ 485B**	Giáp xã Thành Lợi	Giáp xã Đại An (cũ)	1,00
		Giáp xã Liên Bảo (cũ)	Giáp xã Đại Thắng (Cũ)	1,00
60	**Các tuyến đường còn lại trên địa bàn phường**	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3,5m trở lên	Khu vực thuộc phường cũ	1,00
			Các vị trí còn lại	1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt từ 2m đến 3,5m		1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 2m		1,00
		Lối rẽ TDP Phú Nội (Trại Nội cũ)	Cầu Ông Bách	1,00
		Lối rẽ HTX Bảo Xuyên	Đường 485B	1,00
61	**Đường Trần Huy Liệu**	Giáp ranh phường Nam Định	Đường Giải Phóng	1,00
		Đường Giải Phóng	Ngã ba Mỹ Trọng	1,00
		Ngã ba Mỹ Trọng	Quốc lộ 10 mới	1,00
62	**Đường Phạm Văn Ngọ**	Đường Phùng Khắc Khoan	Đường Đỗ Mạnh Đạo	1,00
		Đường Đỗ Mạnh Đạo	Đường sắt	1,00
63	**Đường Phùng Khắc Khoan**	Đường Giải Phóng	Giáp ranh phường Thành Nam	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
64	**Đường Cao Bá Quát**	Đường Phùng Khắc Khoan	Giáp ranh phường Thành Nam	1,00
65	**Đường Song Hào**	Đường Văn Cao	Giáp ranh phường Nam Định	1,00
66	**Đường Đỗ Mạnh Đạo**	Đường Giải Phóng	Hết ranh phường Trường Thi	1,00
67	**Đường Trần Văn Gia (D7)**	Đường Phùng Khắc Khoan	Đường Đỗ Mạnh Đạo	1,00
68	**Đường Lê Văn Phúc (D7 phía Đông D6)**	Đường N3	Đường N1	1,00
69	**Đường N5 - khu TĐC Dầu Khí**	Đường D1	Khu dân cư cũ	1,00
70	**Đường khu tập thể Cầu Giành (Tổ dân phố Trung Phu)**	Nhà Ông Thương	Nhà Ông Hiếu	1,00

3. Phường Thiên Trường

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	**Đường Phù Nghĩa**	Cầu Lộc Hạ	Quốc lộ 10 mới	1,00
		Quốc lộ 10 mới	Khu đô thị Mỹ Trung	1,00
2	**Đường Thái Bình**	Đường Thanh Bình	Trung tâm y tế thành phố (Bệnh viện tỉnh thương cũ)	1,00
		Trung tâm y tế thành phố (Bệnh viện tỉnh thương cũ)	Chân cầu Tân Phong	1,00
3	**Đường Thanh Bình**	Đường Thái Bình	Trạm dầu lửa	1,00
		Trạm dầu lửa	Kênh T3-11	1,00
		Kênh T3-11	Quốc lộ 10 mới	1,00
4	**Đường Đê Sông Đào**	Trung tâm y tế thành phố (Bệnh viện tỉnh thương)	Chân cầu Tân Phong	1,00
6	**Đường Nguyễn Thi (Khu Đông Mạc)**	Thuộc địa phận phường Thiên Trường		1,00
7	**Đường Lê Ngọc Hân -Dãy B**	Giáp địa phận phường Nam Định	Đường Nguyễn Thị Trinh	1,00
8	**Đường Đinh Thị Vân -Dãy C**	Giáp địa phận phường Nam Định	Đường Nguyễn Thị Trinh	1,00
9	**Đường Chu Văn**	Giáp địa phận phường Nam Định	Đường Thanh Bình	1,00
10	**Đường Nam Cao - dọc Mương T3-11**	Giáp ranh phường Nam Định	Khu đô thị Mỹ Trung	1,00
11	**Đường Ngô Tất Tố - dọc mương T3-11 P. Lộc Hạ (cũ)**	Cầu Đông Mạc	KĐT Mỹ Trung	1,00
12	**Đường Đông Mạc - Phường Lộc Hạ cũ**	Cầu Đông Mạc	Đường Phù Nghĩa	1,00
13	**Đường Đinh Công Tráng (Đường chùa Đông Mạc)**	Đường Đông Mạc	Đường Phù Nghĩa	1,00
14	**Đường Tuệ Tĩnh - Phường Lộc Hạ cũ**	Đường Phù Nghĩa	Bệnh viện Đông Y	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
15	**Đường Phạm Ngọc Thạch - Phường Lộc Hạ cũ**	Đường Phù Nghĩa	Giáp phường Nam Định	1,00
16	**Đường Bùi Bằng Đoàn (đường thôn P, Phù Nghĩa cũ)**	Đường Phù Nghĩa	Đường Thanh Bình	1,00
17	**Đường Đệ Tứ (đường thôn Đệ Tứ cũ)**	Từ đường Phù Nghĩa	Nghĩa trang đệ tứ	1,00
		Nghĩa trang đệ tứ	Khu đô thị Mỹ Trung	1,00
18	**Đường Nguyễn Tuân - Phường Lộc Hạ**	Đường Thái Bình	Khu đô thị Mỹ Trung	1,00
19	**Đường Ngô Thì Nhậm - Phường Lộc Hạ cũ**	Đường Thái Bình	Ngõ 43 Nguyễn Tuân	1,00
		Ngõ 43 Nguyễn Tuân	Thửa 31, tờ bản đồ số 40, Số nhà 105 (nhà ông Nam)	1,00
		Thửa 31, tờ bản đồ số 40, Số nhà 105 (nhà ông Nam)	Kênh T3-11	1,00
20	**Khu tái định cư Liên Hà**			
	Phố Đào Duy Anh (Đường N1 khu TĐC Liên Hà)	Đường D2	Cuối đường	1,00
	Phố Phạm Như Tăng (đường N2)	Đường D2	Phố Chu Mạnh Trinh (Đường D1)	1,00
	Phố Duy Tân	Đường D2	Phố Đỗ Công Hạo	1,00
	Phố Dương Khuê	Đường N3	Đường N4	1,00
	Phố Chu Mạnh Trinh	Đường N1	Đường N5, N6	1,00
	Đường D2	Đường N1	N4	1,00
	Đường vào khu đấu giá	Đỗ Công Hạo	Cuối đường	1,00
21	**Tuyến đường ngõ 193 đường Liên Hà 1 với đường Thanh Bình (ngõ 193 Thanh Bình phường Lộc Hạ cũ)**	Đường Thanh Bình	Cuối đường	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
22	**Khu dân cư xóm 3, Mỹ Trung, Mỹ Lộc - nay là TDP 3, phường Thiên Trường: Đường N1**	Đường D3	Đến hết công viên đường N1	1,00
	Khu dân cư xóm 3, Mỹ Trung, Mỹ Lộc - nay là TDP 3, phường Thiên Trường: Đường N2	Đường D3	Đến hết công viên đường N2	1,00
22	**Khu dân cư xóm 3, Mỹ Trung, Mỹ Lộc - nay là TDP 3, phường Thiên Trường: Đường D1**	Đường N1	Đường N2	1,00
	Khu dân cư xóm 3, Mỹ Trung, Mỹ Lộc - nay là TDP 3, phường Thiên Trường: Đường D2	Đường N1	Đường N2	1,00
	Khu dân cư xóm 3, Mỹ Trung, Mỹ Lộc - nay là TDP 3, phường Thiên Trường: Đường D3	Đường N1	Đường N2	1,00
23	**Đường Nguyễn Chí Thanh**	Thuộc địa phận phường Thiên Trường		1,00
24	**Đường Văn Tiến Dũng**	Thuộc địa phận phường Thiên Trường		1,00
25	**Đường Hoàng Văn Thái**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
26	**Đường Nguyễn Lương Bằng**	Thuộc địa phận phường Thiên Trường		1,00
27	**Đường Đặng Đoàn Bằng**	Thuộc địa phận phường Thiên Trường		1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
28	**Đường Mỹ Tho**	Thuộc địa phận phường Thiên Trường		1,00
29	**Đường Huỳnh Tấn Phát**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
30	**Đường Lê Văn Lương**	Thuộc địa phận phường Thiên Trường		1,00
31	**Đường Đoàn Khuê**	Thuộc địa phận phường Thiên Trường		1,00
32	**Đường Lê Tiến Phục**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
33	**Đường Vũ Đình Liệu**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
34	**Đường Lê Ngọc Rư**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
35	**Đường Nguyễn Mậu Tài**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
36	**Đường Đào Duy Tùng**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
37	**Đường Hoàng Sâm**	Thuộc địa phận phường Thiên Trường		1,00
38	**Đường Vũ Khế Bật**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
39	**Đường Phan Anh**	Thuộc địa phận phường Thiên Trường		1,00
40	**Đường Lưu Chí Hiếu**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
41	**Đường Phạm Ngọc Hồ**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
42	**Đường Phạm Thế Hiển**	Thuộc địa phận phường Thiên Trường		1,00
43	**Đường Vũ Mạnh Hùng**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
44	**Đường Sơn Nam**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
45	**Đường Lương Khánh Thiện**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
46	**Đường Võ Nguyên Giáp**	Quốc Lộ 10	Giáp ranh phường Nam Định	1,00
47	**Đường Lã Xuân Oai (D3 cũ) - Khu TĐC Đông Đông Mạc**	Đường Phạm Văn Xô	Giáp ranh phường Nam Định	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
48	**Đường Nguyễn Thị Trinh (D4 cũ) - Khu TĐC Đông Đông Mạc**	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Giáp ranh phường Nam Định	1,00
49	**Đường Trần Cao Vân (D6 cũ) - Khu TĐC Đông Đông Mạc**	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Phạm Văn Xô	1,00
50	**Phố Nguyễn Minh Trí (Đường D9- Khu TĐC Đông Đông Mạc cũ)**	Đường Lã Xuân Oai	Đường Phạm Thế Lịch	1,00
51	**Đường Phạm Thế Lịch**	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Giáp ranh phường Nam Định	1,00
52	**Đường Nguyễn Đức Cảnh (Khu TĐC Đông Đông Mạc)**	Giáp ranh phường Nam Định	Cầu Lộc Hạ	1,00
53	**Đường Trịnh Đình Thảo (Khu TĐC Đông Đông Mạc)**	Đường Phạm Văn Xô	Nguyễn Thị Trinh	1,00
54	**Phố Đỗ Công Hạo (Đường lưu Hữu Phước kéo dài)**	Đường Thanh Bình	Giáp KĐT Mỹ Trung	1,00
55	**Khu đô thị Mỹ Trung**	Đường nối Lưu Hữu Phước qua bệnh viện 700 giường	Quốc lộ 10	1,00
		Đường Võ Chí Công	Cuối đường	1,00
55	**Khu đô thị Mỹ Trung**	Đường Phạm Văn Tráng	Cuối đường	1,00
		Đường Doãn Khuê	Cuối đường	1,00
		Trần Duy Hưng	Cuối đường	1,00
		Huy Cận	Cuối đường	1,00
		Phạm Trung Thứ	Cuối đường	1,00
		Đặng Hữu Dương	Cuối đường	1,00
		Đường Vũ Huy Hào	Cuối đường	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Các đường còn lại trong Khu đô thị Mỹ Trung	Cuối đường	1,00
		Đường 11,5m	Cuối đường	1,00
		Đường 13,5m	Cuối đường	1,00
		Đường 17,5m	Cuối đường	1,00
		Đường 31m	Cuối đường	1,00
56	**Quốc lộ 38A**	Đoạn CầuViềng	Đường rẽ vào TDP 6	1,00
		Đường rẽ vào TDP 6	Đường vào nhà thờ Trần Văn Lan	1,00
		Đường vào nhà thờ Trần Văn Lan (nhà Bà Lộc thửa 40, tờ bản đồ số 133)	Hết nhà ông Hưởng (thửa 44, tờ bản đồ số 134)	1,00
		Từ thửa 28, tờ bản đồ số 134	Đê Hữu Hồng	1,00
57	**Đường WB2**	Đoạn Quốc lộ 10	Đường vào TDP 3	1,00
		Đoạn giáp đường vào TDP 3	Cầu Bơi	1,00
		Cầu Bơi	Hết nhà ông Hồng (đội 8)	1,00
58	**Quốc lộ 10 mới**	Giáp phường Nam Định	Chân cầu Tân Đệ	1,00
59	**Quốc lộ 10 cũ**	Đoạn cầu Tân Phong	Lối vào Đền Cây Quế	1,00
		Đoạn lối rẽ Đền Cây Quế	Phà Tân Đệ cũ	1,00
60	**Đường nhánh Quốc lộ 10 cũ**	Quốc lộ 10 cũ	Đền Cây Quế	1,00
		Quốc lộ 10 cũ	Đến trường THCS Mỹ Tân	1,00
		Đền Cây Quế	Cuối tổ dân phố Hưng Phụ Long (nhà ông Huấn)	1,00
61	**Đường Ất Hợi**	Quốc lộ 10	Hết nhà ông Khôi	1,00
		Giáp nhà ông Khôi	Hết nhà ông Khỏe	1,00
62	**Đường ven đê Đông Bắc**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
63	**Đường dẫn cầu Tân Phong**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
64	**Đường trục xã từ Hồng Phú đến Đoàn Kết**	Trường THCS Mỹ Tân	Đoàn Kết	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
65	**Đường trục xã từ Hồng Hà 2 đến Hồng Hà 1**	Đường trục xã Hồng Hà 2	Hồng Hà 1	1,00
66	**Từ Quốc lộ 10 mới về xóm Hồng Phúc**	Quốc lộ 10 mới	Hồng Phúc	1,00
67	**Vương Thừa Vũ**	Đường Huỳnh Tấn Phát (nằm ở giữa đường Lương Khánh Thiện và đường Vũ Đình Liệu)	Đường Vũ Đình Liệu - Khu ĐTM Thống Nhất	1,00
68	**Phạm Tráng**	Đoạn đường Phạm Ngọc Hồ	Đường Đoàn Khuê - Khu ĐTM Thống Nhất	1,00
70	**Đường Liên Hà 1**	Đường Thái Bình	Phố Duy Tân	1,00
71	**Đường nội thị phường Thiên Trường**	Đoạn Cầu Viềng	Cầu Bơi	1,00
		Đoạn Cầu Bơi	Hết nhà ông Nhân (đội 4)	1,00
		Hết nhà ông Nhân (đội 4)	Hết nhà ông Viên (đội 10 Nhất Đê)	1,00
72	**Ngoài đê sông Hồng**	Ngoài đê sông Hồng	Cuối đường	1,00
73	**Các tuyến đường còn lại trên địa bàn phường**	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3,5m trở lên		1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt từ 2m đến 3,5m		1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 2m		1,00
74	**Phạm Văn Xô**	Phạm Thế Lịch	Giáp ranh phường Nam Định	1,00
75	**Đỗ Huy Liêu**	Giáp ranh phường Nam Định	Lã Xuân Oai	1,00
76	**Vũ Ngọc Phan**	Giáp ranh phường Nam Định	Trần Cao Vân	1,00
77	**Đường vào khu tái định cư Dự án xây dựng tuyến đường trục cảnh quan kết nối Nam Định - Hoa Lư**	Từ Đường 38	Đường đi lên thôn 9 Đệ Nhất, Mỹ Trung cũ	1,00

4. Phường Đông A

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	**Quốc lộ 10**	Thuộc địa phận phường Đông A		1,00
2	**Quốc lộ 38B (từ đường D6 khu CN Hòa Xá đến hết địa phận phường Đông A)**	Đường đường D6 khu CN Hòa Xá	Hết địa phận phường Đông A	1,00
3	**Đại lộ Thiên Trường**	Đảo giao thông	Hết địa phận phường Đông A	1,00
4	**Đường Điện Biên**	Đường Giải Phóng	Cty VT ôtô Nam Định	1,00
		Từ hết địa phận Cty Vận tải ô tô	**Cầu ốc**	
		Phía không tiếp giáp đường sắt		1,00
		Phía tiếp giáp đường sắt		1,00
		Cầu ốc	**Hết địa giới phường Đông A**	
		Phía không tiếp giáp đường sắt		1,00
		Phía tiếp giáp đường sắt		1,00
5	**Đường Giải Phóng**	Ranh phường Trường Thi	Đường Điện Biên	1,00
		Đường Điện Biên	Đường Đông A	1,00
6	**Đường Đông A**	Đài phun nước	Quốc lộ 10 mới	1,00
7	**Đường Nguyễn Công Trứ**	Đường Điện Biên	Hết địa phận phường Đông A	1,00
8	**Đường Trương Hán Siêu**	Đường Giải Phóng	Đường Trần Anh Tông	1,00
9	**Đường Lê Văn Hưu**	Thuộc địa phận phường Đông A		1,10
10	**Đường Phùng Chí Kiên**	Đường Đông A	Đường Đặng Văn Ngữ	1,10
11	**Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm**	Phố Bùi Huy Bích	Đường Đặng Văn Ngữ	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
12	**Đường Yết Kiêu**	Đường Đông A	Cuối đường	1,10
13	**Ngõ đường Yết Kiêu**	Đầu đường	Cuối đường	1,00
14	**Phố Bùi Huy Bích**	Trần Anh Tông	Nguyễn Bỉnh Khiêm	1,10
15	**Đường Trần Anh Tông**	Thuộc địa phận phường Đông A		1,10
16	**Đường Nguyễn Biểu**	Đường Đông A	Đường Hoàng Minh Giám	1,00
17	**Đường Trần Quang Triều**	Nguyễn Văn Hoan	Phạm Công Trứ	1,00
18	**Đường Phạm Công Trứ**	Phùng Chí Kiên	Đường Nguyễn Biểu	1,00
19	**Đường Hoàng Minh Giám**	Nguyễn Công Trứ	Đường Trần Quang Triều	1,00
20	**Đường Đặng Văn Ngữ**	Đường Trần Anh Tông	Đường Nguyễn Công Trứ	1,10
21	**Đường Trần Nguyên Đán**	Đường Trần Anh Tông	Khu dân cư Tân An	1,00
22	**Đường M1 (KĐT Hòa Vượng)**	Phùng Chí Kiên	Đường Đội Nhân	1,00
23	**Đường M4 (KĐT Hòa Vượng)**	Nguyễn Công Trứ	Đường Khúc Hạo	1,00
24	**Đường N1 (KĐT Hòa Vượng)**	Phùng Chí Kiên	Đường Đặng Dung	1,00
25	**Đường N4 (KĐT Hòa Vượng)**	Nguyễn Công Trứ	Đường Đốc Ngữ	1,00
26	**Đường Đốc Ngữ**	Đường N1	Đặng Văn Ngữ	1,00
27	**Đường Đặng Dung**	Đường N4	Trần Nguyên Đán	1,00
28	**Đường Bùi Đình Hòe-Khu tái định cư Cầu Vượt-Lộc Hòa**	Nguyễn Văn Hoan	Đặng Văn Ngữ	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
29	**Đường Đội Nhân**	Nguyễn Văn Hoan	Đường M4	1,00
30	**Đường Khúc Hạo**	Trần Nguyên Đán	Đường M1	1,00
31	**Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc**	Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường N4	Cuối đường	1,00
		Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường D2	Cuối đường	1,00
		Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường D2-1	Cuối đường	1,00
		Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường D2-2	Cuối đường	1,00
		Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường D3	Cuối đường	1,00
		Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường D4	Cuối đường	1,00
		Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường D4-1	Cuối đường	1,00
		Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường D4-2	Cuối đường	1,00
		Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường D5	Cuối đường	1,00
		Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường N1	Cuối đường	1,00
		Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường N1-1	Cuối đường	1,00
		Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường N2	Cuối đường	1,00
31	**Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc**	Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường N3	Cuối đường	1,00
		Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường N3-1	Cuối đường	1,00
		Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường D7	Cuối đường	1,00
32	**Khu TĐC khu vực chùa thôn Phúc Trọng phường Mỹ Xá và khu Bãi Viên phường Lộc Hòa (Khu TĐC Phúc Tân)**			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
	Đường Đỗ Mạnh Đạo (N3)	Thuộc địa phận phường Đông A		1,00
	Đường Phạm Văn Ngọ (Đường D9)	Đường Đỗ Mạnh Đạo	Đường sắt	1,00
	Phố Nguyễn Ngọc Tương (D3)	Đoạn phố Ngô Thế Vinh	Khu dân cư cũ	1,00
	Phố Nguyễn Ngọc Tương (D3A)	Đoạn đường Kè hồ D3	Cuối đường	1,00
	Đường Nguyễn Khánh Toàn (N10)	Đường Phúc Trọng	Đường Phạm Văn Ngọ	1,00
	Đường Xuân Thủy (N11)	Đường Phúc Trọng	Đường Phạm Văn Ngọ	1,00
	Phố Ngô Thế Vinh (N12)	Đường Phúc Trọng	Đường Lâm Hữu Lập	1,00
	Đường Phúc Trọng (Đường D1A)	Đường Phạm Ngũ Lão	Khu dân cư	1,00
	Đường Lâm Hữu Lập (Đường D5)	Đường Phùng Khắc Khoan	Ngô Thế Vinh	1,00
32	**Đường Trần Xuân Vinh (Đường D6)**	Đường Phùng Khắc Khoan	Phạm Đăng Giảng	1,00
	Phố Phạm Đăng Giảng	Đường Trần Xuân Vinh	Phố Phạm Văn Ngọ	1,00
	Phố Trần Lựu	Phố Phạm Đăng Giảng	Đường sắt	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
	Phố Trần Xuân Thiều	Đường Xuân Thủy	Đường Sắt	1,00
	Phố Nguyễn Huấn	Phố Trần Xuân Thiều	Phố Phạm Văn Ngọ	1,00
33	**Phố Phan Lương**	Đường Điện Biên	Đường Trương Hán Siêu	1,00
34	**Phố Vũ Công Độ**	Đường Điện Biên	Cuối đường	1,00
35	**Phố Phúc Châu**	Đường Điện Biên	Cuối đường	1,20
36	**Phố Phú Ốc**	Đường Vĩnh Giang	Nhà thờ Phú Ốc	1,10
37	**Đường Văn Hưng**	Cầu Hoàng	QL 38B	1,00
		Đoạn QL 38B	Cầu bà Sen	1,00
		Cầu bà Sen	Hết địa phận phường Đông A	1,20
38	**Đường Hồng Hà**	Đường Điện Biên	Đại Lộ Thiên Trường	1,00
39	**Đường Vĩnh Giang**	Cầu Ốc đường Điện Biên	Đại Lộ Thiên Trường	1,00
40	**Đường Trại Vi**	Đường Điện Biên	Đường N4 (KDC Lương Xá, Phú Ốc)	1,00
		Đường N4 (KDC Lương Xá, Phú Ốc)	Hết khu dân cư	1,15
41	**Đường Lương Xá (Đường vào nhà máy rác) xã Lộc Hòa : Từ Quốc Lộ 21 đến Nhà máy xử lý rác**	Đường Điện Biên	Cầu Hoàng	1,00
		Cầu Hoàng	Đường vào khu lưu niệm đảng bộ xã Lộc Hòa	1,00
		Đường vào khu lưu niệm đảng bộ xã Lộc Hòa	Hết địa phận phường Đông A	1,00
42	**Đường Tỉnh lộ 486 (63B)**	Dốc Lốc	Dốc Mai	1,00
		Dốc Mai	Cống 32	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Cống 32	Cây xăng Mỹ Hà	1,10
		Cây xăng Mỹ Hà	Hết địa phận phường Đông A	1,30
43	**Tuyến đê ất Hợi**	Cầu chéo Vị Việt	Cống chéo phường Đông A - Đường Tỉnh lộ 486 (63B)	1,20
44	**Đường Trần Tự Khánh**	Thuộc địa phận phường Đông A		1,00
45	**Đường Thịnh Thắng**	Giáp địa giới phường Mỹ Lộc	Cống 32	1,00
46	**Đường Thắng Hà**	Cầu Kim	Cầu Đập	1,00
		Cầu Đập	Đê Ất Hợi	1,00
47	**Đường nội thị phường Đông A**	Giáp địa giới phường Mỹ Lộc	Cầu Thịnh	1,00
		Cầu Thịnh	Cầu Kim	1,00
		Cầu Kim	Đình Sắc	1,00
		Dốc Sắc	Cầu Sắc Hòa Hậu	1,00
		Đình Sắc	Đường Tỉnh lộ 486 (63B)	1,00
		Đình Sắc	Phủ Mỹ	1,00
		Cầu Tây	Cầu Nội	1,00
		Đoạn Ngã 3 xóm sau đình Thịnh	Đường Đại lộ Thiên Trường	1,20
		Phủ Mỹ	Dốc Mai	1,50
47	**Đường nội thị phường Đông A**	Cầu Kim	Đình Kim	1,50
		Đoạn ngã ba xóm sau đình Thịnh	Cầu Nội Trong	1,50
		Cầu Nội	Cầu Nội trong	1,50
		Cầu Thịnh	Đoạn ngã 3 xóm sau đìnhThịnh	2,00
		Trường Mầm non Mỹ Thắng khu A	Nhà thờ Như Thức	1,00
		Sân bóng Chín Mười	Phủ Mỹ	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Cửa hàng HTX mua bán cũ	Cầu Nhân Tiến	1,00
		Đường 2 vào Chợ Sét	Cuối đường	1,00
		Đường 3 vào Chợ Sét	Cuối đường	1,00
		Cây xăng Mỹ Hà	Đê Ất Hợi	1,00
49	**Đường Yết Kiêu**	Trương Hán Siêu	Nhà khách Ban Chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định cũ	1,00
50	**Đường Chu Văn An**	Đông A	Trương Hán Siêu	1,00
51	**Nguyễn Văn Hoan**	Trần Anh Tông	Giáp khu dân cư	1,00
52	**Tuyến nhánh tỉnh lộ 486**	Cống Xiphông Bườn 1	Nhà ông Trần Hữu Nhật	1,00
		Đền Phạm Ngũ Lão	Chùa Bườn	1,00
		Cầu Bườn 2	Hết nhà ông Trần Đức Hiếu	1,00
53	**Tuyến nhánh Cầu Kim đến Đình Sắc**	Cầu Tây	Cống số 1	1,00
		Trạm y tế Mỹ Thắng cũ	Mương tiêu Đồng Châu	1,00
		Nhà bà Tám Đảm	Miếu Cầu Kênh	1,00
		Ngã 3 xóm 8 cũ	Cầu Ngõ Trong	1,00
		NVH xóm 7 cũ theo bờ Hồ Sắc	NVH xóm 9 cũ	1,00
54	**Tuyến nhánh Đình Sắc đến Phủ Mỹ**	Ngã 3 xóm 9	Cầu Ngõ Nam	1,00
55	**Tuyến nhánh Sân bóng Chín Mười đến Phủ Mỹ**	Ngã 3 Mỹ	Chùa Mỹ	1,00
56	**Tuyến nhánh Phủ Mỹ đến Dốc Mai**	Đình Đồng Mai	Hết KDC Mai	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
57	**Tuyến nhánh Cầu Kim đến Đình Kim**	Trạm bơm Kim	Hết Kim trên	1,00
		Trạm bơm Kim	Nhà ông Chung	1,00
		Đình Kim	Lầu Kim	1,00
58	**Tuyến nhánh Cầu Thịnh đến Cầu Kim**	Cầu Đoài	Nhà ông Chung	1,00
		Cầu Nam Đoài	Nhà ông Chung	1,00
		Đầu làng Đông	Hết nhà ông Thường	1,00
59	**Đường trục TDP Bảo Long Bãi**	Nhà bà Tuất	Nhà bà Cánh	1,00
		Nhà Bà Cánh	Nhà ông Tân	1,00
		Nhà bà Cánh	Nhà ông Hiệu	1,00
		Cầu ông Điềm khu Dinh	Nhà ông Thật khu Dinh	1,00
60	**Đường trục TDP Bảo Long Làng**	Đường Hà Thắng	Trạm bơm gốc bàng	1,00
61	**Đường trục TDP Kếu Trại**	Cổng trào	Qua chùa đến nhà ông Sắc	1,00
62	**Đường trục TDP Kếu Làng**	Từ đường trục xã	Nhà bà Trang	1,00
		Từ nhà ông Sắc	Qua nhà văn hóa TDP Kếu Làng	1,00
63	**Đường trục TDP Nghĩa Lễ Sậy**	Nghĩa địa Am Sậy	Nhà ông Nguyễn Văn Điện	1,00
64	**Đường trục TDP Nội An**	Dốc bia căm thù TDP Nội An	Ngã 3 nhà ông Khải	1,00
65	**Đường trục TDP Cửa Đòng**	Ngã 3 nhà ông Khải	Đến cầu Vu TDP Cửa Đòng	1,00
		Ngã 3 nhà ông Khải	Cầu quán TDP Cửa Đòng	1,00
66	**Đường trục TDP Chợ Giữa**	Cổng trào TDP Chợ Giữa	Ngã 3 TDP Nội An (nhà ông Thừa)	1,00
		Nhà ông Tuyến TDP Chợ Gữa	Nhà thờ Bảng TDP Chợ Giữa	1,00
67	**Đường trục TDP Văn Chỉ**	Cầu nhà trẻ TDP Văn Chỉ	Nhà ông Lùng TDP Rõ	1,00
68	**Đường trục TDP Rõ**	Cầu TDP Rõ (nhà ông Cường)	Đường trục xã (nhà ông Thiệm)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
69	**Đường liên TDP Rõ - Văn Chỉ - Chợ Giữa**	Cầu TDP Rõ (nhà ông Cường)	Dốc cửa hàng	1,00
70	**Đường trục TDP Vòng Quang**	Cầu Vòng TDP Vòng Quang	Ngã 3 ông Đoán	1,00
		Ngã 3 ông Đoán	Âu bơm trại bò	1,00
		Cầu Vòng TDP Vòng Quang	Chợ Sét	1,00
		Cầu Vòng TDP Vòng Quang	Nhà ông Thủy	1,00
		Dốc ông Miêu TDP Vòng Quang	Nhà ông Tấn	1,00

5. Phường Thành Nam

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	**Đường Giải Phóng**	Thuộc địa phận phường Thành Nam		1,00
2	**Đường Trần Huy Liệu**	Đường Giải Phóng	Ngã ba Mỹ Trọng	1,00
		Ngã ba Mỹ Trọng	Quốc lộ 10 mới	1,00
		Quốc lộ 10 mới	Cầu An Duyên	1,00
3	**Đường Phạm Ngũ Lão (N5)**	Giải Phóng	Quốc lộ 10 mới	1,10
4	**Đường Bùi Xuân Mẫn**	Đường Phạm Ngũ Lão	Khu dân cư	1,00
5	**Đường Nguyễn Hới**	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Phùng Khắc Khoan	1,00
6	**Đường Khuất Duy Tiến**	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Trần Văn Ơn	1,00
7	**Đường Trần Văn Lan**	Đường Bùi Xuân Mẫn	Đường Khuất Duy Tiến	1,00
8	**Đường Trần Quang Tặng**	Đường Bùi Xuân Mẫn	Đường Khuất Duy Tiến	1,00
9	**Đường Nguyễn Phúc**	Đường Bùi Xuân Mẫn	Đường Khuất Duy Tiến	1,00
10	**Đường Trần Văn Ơn**	Đường Bùi Xuân Mẫn	Đường Khuất Duy Tiến	1,00
11	**Đường Tào Mạt**	Đường Trần Huy Liệu	Đường Mỹ Xá	1,00
12	**Đường Vũ Duy Thiện**	Từ đường Mỹ Xá	Đường Trần Huy Liệu	1,10
13	**Đường Lý Tự Trọng**	Đường N6, KCN Hòa Xá	Đường Mỹ Xá	1,10
14	**Đường Phùng Khắc Khoan**	Giải Phóng	Chùa Phúc Trọng	1,10
15	**Đường Nguyễn Khuyến**	Đường Giải Phóng	Đường Lê Văn Phúc	1,10
16	**Tô Hiến Thành (Đường vào trường Nguyễn Trãi cũ)**	Đường Giải Phóng	Trường Nguyễn Trãi	1,00
		Trường Nguyễn Trãi	Mương Kênh Gia	1,10
17	**Quốc lộ 10**	Thuộc địa phận phường Thành Nam		1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
18	**Đường Vũ Đình Tụng (D4 phía Nam N5)**	Đường Ngô Gia Khảm	Đường Vũ Tuấn Chiêu	1,00
19	**Đường Trần Hữu Tước (Cũ N3 phía Nam N4)**	Đường Lê Văn Phúc	Đường Vũ Tuấn Chiêu	1,00
20	**Đường Trần Văn Bảo (Cũ N2 phía Nam N3)**	Đường Lê Văn Phúc	Đường Vũ Tuấn Chiêu	1,00
21	**Đường Vũ Tuấn Chiêu (D1 giáp Kênh Gia)**	Đường Phạm Ngũ Lão	Dân cư Mỹ Xá - 15m	1,10
22	**Đường Trần Tuấn Khải (D2) phía Đông Đường D1**	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Trần Văn Bảo	1,00
23	**Đường Trần Văn Chử (D3 phía Đông D2**	Đường Vũ Đình Tụng	Đường Trần Văn Bảo	1,00
24	**Đường Đào Văn Tiến (D4 phía đông D3)**	Đường Vũ Đình Tụng	Đường Trần Văn Bảo	1,00
25	**Đường Ngô Gia Khảm (D5 phía Đông D4)**	Đường Phạm Ngũ Lão	Khu dân cư	1,00
26	**Đường Lê Văn Phúc (D7 phía Đông D6)**	Đường Trần Hữu Tước	Khu dân cư	1,00
27	**Đường Trương Định (N2A, N2B)**	Đường Vũ Tuấn Chiêu	Đường Trần Tuấn Khải	1,10
28	**Đường Xuân Hồng (N3A, N3B)**	Ngô Gia Khảm	Lê Văn Phúc	1,10
29	**Đường N2 - khu TĐC Dầu Khí**	Đường Phạm Văn Ngọ	Đường Cao Bá Quát	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
30	**Đường N3 - khu TĐC Dầu Khí**	Đường Phạm Văn Ngọ	Đường Cao Bá Quát	1,10
31	**Đường N4 - khu TĐC Dầu Khí**	Đường Phạm Văn Ngọ	Đường Cao Bá Quát	1,10
33	**Đường Phạm Văn Ngọ (Đường D9)**	Khu dân cư cũ	Đỗ Mạnh Đạo	1,10
34	**Đường Cao Bá Quát**	Đỗ Mạnh Đạo	Giáp ranh phường Trường Thi	1,00
35	**Đường Mỹ Xá**	Trần Huy Liệu	Quốc lộ 10	1,00
36	**Đường Đỗ Mạnh Đạo (N3)**	Thuộc địa phận phường Thành Nam		1,00
	Phố Thích Thuận Đức (N6)	Đường Đỗ Tông Phát	Đường Lâm Hữu Lập	1,00
	Phố Đặng Kim Toán (N7)	Đường Trần Xuân Vinh	Đường Lâm Hữu Lập	1,00
	Phố Ngô Quý Duật (N9)	Phố Đỗ Tông Phát	Phố Trần Văn Gia	1,00
37	**Đường Phúc Trọng (Đường D1A)**	Đường Phạm Ngũ Lão	Ngô Thế Vinh	1,00
38	**Đường Lâm Hữu Lập (Đường D5)**	Đường N4 (Phùng Khắc Khoan)	Đường Ngô Thế Vinh	1,00
39	**Đường Trần Xuân Vinh (Đường D6)**	Đường Phùng Khắc Khoan	Đường Phạm Đăng Giảng	1,00
40	**Phố Đỗ Tông Phát (D2)**	Phố Thích Thuận Đức	Đường Đỗ Mạnh Đạo	1,00
41	**Phố Trần Văn Gia (D7)**	Đường Phùng Khắc Khoan	Đường Đỗ Mạnh Đạo	1,00
42	**Đường N1**	Đường Phùng Khắc Khoan	Đường D1A	1,00
43	**Phố Đặng Hồi Xuân (N8)**	Phố Đỗ Tông Phát	Phố Trần Văn Gia	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
44	**Tuyến đường QL 38B đi Nam Định (đường 12 cũ)**	Cầu Bất Di (Giáp xã Hiển Khánh)	Cầu An Duyên	1,10
		TDP Đại Đê	Giáp phường Mỹ Lộc	1,10
45	**Quốc lộ 38B (từ đường D6 khu CN Hòa Xá đến hết địa phận phường Đông A)**	Đường D6 khu CN Hòa Xá	Cầu Vĩnh Giang	1,10
46	**Tuyến Tỉnh lộ 485B**	Giáp xã Liên Bảo (cũ)	Xã Hợp Hưng (cũ)	1,10
47	**Đường nội thị phường Thành Nam**	Ngã ba chợ Quán (đường 38B)	Cầu Đồng Lạc (giáp Hợp Hưng)	1,10
		Đoạn nối đường Khả Chính - Bối Xuyên (giáp xã Hợp Hưng)	Đường QL 38B đi Nam Định (công ty Tân Phát Trường Sơn)	1,10
48	**Đường nội thị phường Thành Nam (Thuộc phường Mỹ Xá cũ)**			
	Các trục đường chính TDP Bắc Mai Xá, TDP Nam Mai Xá	Đường có chiều rộng mặt cắt ≥ 3,5m		1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt từ 2m đến 3,5m		1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt < 2m		1,00
48	**Các trục đường còn lại TDP Bắc Mai Xá, TDP Nam Mai Xá**	Đường có chiều rộng mặt cắt ≥ 3,5m		1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt từ 2m đến 3,5m		1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt < 2m		1,00
49	**Các tuyến đường còn lại trên địa bàn phường (thuộc xã Đại An cũ)**			
	TDP Đại Đê (TDP Trung Thượng Đại Đê, cũ), TDP An Duyên (TDP Giữa An Duyên cũ)	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3,5m trở lên		1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt từ 2m đến 3,5m		1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 2m		1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
	TDP An Duyên (TDP Thượng An Duyên cũ); TDP Đại Đê (TDP Đông Đại Đê cũ, Tây Đại Đê cũ); TDP An Ngói (An Cự cũ; Ngói cũ); TDP An Hưng (Miễu An Hưng cũ)	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3,5m trở lên		1,20
		Đường có chiều rộng mặt cắt từ 2m đến 3,5m		1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 2m		1,00
	Các TDP còn lại	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3,5m trở lên		1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt từ 2m đến 3,5m		1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 2m		1,00

6. Phường Vị Khê

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	**Đường Đặng Xuân Bảng (đường 21 cũ)**	Cầu Đò Quan	Cống Trắng (Đường trục phía Nam)	1,00
		Ranh phường Hồng Quang	Ngã tư Lê Đức Thọ	1,00
		Ngã tư Lê Đức Thọ	Hết địa phận phường Vị Khê	1,00
2	**Quốc lộ 21**	Cầu Vòi	Cầu Đỗ Xá	1,00
		Cầu Đỗ Xá	Giáp xã Nam Hồng	1,00
		Đoạn Vụng Định Lễ Nam Vân	Đất nhà ông Hùng	1,00
3	**Đường Lạc Long Quân**	Đoạn chân cầu đò Quan	Đường dẫn cầu Tân Phong	1,00
4	**Đường dẫn cầu Tân Phong**	Đường đê Lạc long Quân	Quốc lộ 21	1,00
		Cầu Tân Phong xã Nam Phong	Đường đê Lạc long Quân	1,00
5	**Đường trục Nam Phong**	Đoạn từ trường Nông Nghiệp	Đê Lạc Long Quân	1,00
		Đường trục (Trường tiểu học Nam Phong)	Đê Lạc Long Quân	1,00
		Từ đê Lạc Long Quân (nhà ông Chí, phù Long 1)	Đường dẫn cầu Tân Phong	1,00
		Đường dẫn cầu Tân Phong	Điếm Ngô Xá	1,00
		Đường Đê Bối: Từ điếm Vạn Diệp	Điếm Ông Bò	1,00
6	**Tỉnh lộ 490C (Đường 55 cũ)**	Cầu Cao	Giáp đất giáp xã Nam Trực	1,00
7	**Đường Lê Đức Thọ (Đường S2 cũ)**	Giáp ranh Phường Hồng Quang	Ngã tư QL 21	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
8	**Đường trục trung tâm phía Nam**	Thuộc địa phận phường Vị Khê		1,00
9	**Đường An Thắng**	Cầu Cao (đường 490)	Cầu Mì (giáp ranh phường Hồng Quang)	1,00
		Cầu Mì (giáp ranh phường Hồng Quang)	Giáp trại cá giống (giáp đất Hồng Quang)	1,00
		Cầu Đỗ Xá	Chợ Mành	1,00
		Chợ Mành	Giáp xã Nam Hồng	1,00
10	**Đường trục Nam Mỹ**	Đường Mỹ Điền: Đoạn từ ngã ba đường 21	Đường dẫn cầu Tân Phong	1,00
		Đường Mỹ Điền: Đoạn từ Đường dẫn cầu Tân Phong	Đê Hữu hồng	1,00
		Đường Phong Quang: đường Ngô Xá xã Nam Phong	Trạm bơm Bùi Hạ (4,000m3/h)	1,00
11	**Đường trục Nam Toàn**	Ngã ba Quốc lộ 21	Đường An Thắng	1,00
		Từ Nhà ông Kiên	Đường Lê Đức Thọ	1,00
		Đường Lê Đức Thọ	Đường An Thắng	1,00
12	**Đường trục Điền Xá**	Đường số 6: Từ Quốc lộ 21	Đường đê Hữu Hồng	1,00
		Quốc lộ 21	Chợ Trừng Uyên	1,00
		Đoạn cầu công nhân	Đường Nguyễn Hiền (Ngã tư bot điện 2)	1,00
		Đoạn cầu Đỗ Xá (chợ Nam Xá)	Cầu giáp xã Nam Thắng	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
12	**Đường trục Điền Xá**	Đường Nguyễn Hiền: Đoạn từ Nhà Máy nước (đê Hữu Hồng).	Cầu Cối	1,00
		Cầu Cối	giáp xã Nam Hồng	1,00
		Đường Hoàng Thụ: đoạn chợ Trừng Uyên	Đường đê Hữu Hồng	1,00
13	**Khu dân cư tập trung khu vực Quyết Tiến**	Đường D1: Từ đường 45m	vào trong KDC	1,00
		Đường N1: đường D1	Đường bê tông cũ	1,00
		Đường N2: đường D1	Cuối đường	1,00
14	**Khu dân cư Ao Lân Tuyền**	Khu dân cư Ao Lân Tuyền	Hết khu	1,00
15	**Khu dân cư tập trung Đông Phong - Địch Lễ**	Tuyến đường D1	Cuối đường	1,00
		Đường D3	Cuối đường	1,00
		Đường N1	Cuối đường	1,00
		Đường N2	Cuối đường	1,00
16	**Khu tái định cư, khu dân cư tập trung xã Nam Toàn**	Đường N2: đường nối từ đường D5	vào trong KDC	1,00
		Đường N3: đường nối từ đường D5	vào trong KDC	1,00
		Đường N4: đoạn từ đường D5 đến D4	vào trong KDC	1,00
		Đường D1	Cuối đường	1,00
		Đường D2	Cuối đường	1,00
		Đường D3	Cuối đường	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
16	**Khu tái định cư, khu dân cư tập trung xã Nam Toàn**	Đường D4	Cuối đường	1,00
		Đường D5 (Đường phía Đông ngoài cùng khu dân cư, nối từ đường Lê Đức Thọ vào khu dân cư)	Cuối đường	1,00
17	**Khu dân cư Vạn Diệp**	Đường D1	Cuối đường	1,00
		Đường D2	Cuối đường	1,00
		Đường D3	Cuối đường	1,00
		Đường D4	Cuối đường	1,00
		Đường D5	Cuối đường	1,00
		Đường D6	Cuối đường	1,00
		Đường N1	Cuối đường	1,00
		Đường N2	Cuối đường	1,00
		Đường N3	Cuối đường	1,00
		Đường N4	Cuối đường	1,00
18	**Các tuyến đường còn lại trên địa bàn phường**	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3,5m trở lên	Thuộc khu vực phường Nam Phong cũ	1,00
			Các khu vực còn lại	1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt từ 2m đến 3,5m		1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 2m		1,00
19	**Đường Đê Hữu Hồng**	Đường dẫn cầu Tân Phong	Giáp xã Nam Hồng	1,00

7. Phường Hồng Quang

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	**Đường Đặng Xuân Bảng (đường 21 cũ)**	Cống Trắng (Đường trục phía Nam)	Giáp ranh phường Vị Khê	1,00
		Giáp ranh phường Vị Khê	Hết địa phận phường Hồng Quang	1,00
2	**Quốc lộ 21**	Cầu Nam Vân	Cầu Vòi	1,00
		Đoạn ngã ba cầu Vòi	Cầu Dứa	1,00
		Đoạn cầu Dứa	Giáp đất xã Nam Trực	1,00
3	**Tỉnh lộ 490C (Đường 55 cũ)**	Đoạn giáp thành phố Nam Định	Ngã tư đường Lê Đức Thọ	1,00
		Đoạn ngã tư đường Lê Đức Thọ	Cầu Cao	1,00
		Đoạn cầu Cao	Chợ Cà	1,00
		Đoạn giáp đất Nam Cường	Giáp đất TT Nam Giang (phía tây đường)	1,00
4	**Đường Lê Đức Thọ (Đường S2 cũ)**	Cầu vượt sông Đào	Tỉnh lộ 490C (Đường 55 cũ)	1,00
		Tỉnh lộ 490C (Đường 55 cũ)	Hết địa phận phường Hồng Quang	1,00
5	**Đường Quốc phòng (phía Nam đường)**	Đoạn đường tỉnh lộ 490C	Đê Đại Hà	1,00
6	**Đường Ông Ty**	Đoạn Đình Thượng Hữu	Trạm Bơm	1,00
7	**Đường Hồ Sen (TDP Địch Lễ B)**	Ngã 3 Lê Đức Thọ	QL 21	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
8	**Đường An Thắng**	Đoạn TL 490C	Đê Đại Hà	1,00
		Giáp phường Vị Khê	Ngã ba Quốc lộ 21	1,00
9	**Đường An Quang**	Đoạn ngã ba Quốc lộ 21	Cầu Ảnh	1,00
		Đoạn cầu Ảnh	Cầu Trắng	1,00
		Đoạn cầu Trắng	Giáp xã Nam Trực	1,00
10	**Đường Phong Quang**	Đoạn trạm bơm Bùi Hạ	Cầu Vòi (Dọc sông Châu Thành)	1,00
11	**Đường trục phía Nam thành phố Nam Định (ĐT 484)**	Đường Vũ Hữu Lợi	Sông Lèo	1,00
		Sông Lèo	Đường Lê Đức Thọ (S2)	1,00
		Đường Lê Đức Thọ (đường S2)	phường Vị Khê	1,00
		Phường Vị Khê	xã Nam Trực	1,00
		Xã Nam Trực	QL 21	1,00
12	**Đường nội thị tại phường Hồng Quang**	Đoạn ngã ba đường tỉnh lộ 490C	Hết UBND xã	1,00
		Đoạn giáp UBND xã	Đê Đại Hà (Nam An)	1,00
		Đoạn ngã ba Tỉnh lộ 490C	Trường MN Nam Nghĩa	1,00
		Đoạn trường MN Nam Nghĩa	Hết khu tái định cư số 01	1,00
		Đoạn ngã ba Vân Đồn	Trường MN Nam Nghĩa	1,00
		Đoạn chợ An Lá	Đường Quốc Phòng	1,00
		Đoạn giáp đất xã Nam Trực (cầu Nguyễn)	Đê Đại Hà	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
12	**Đường nội thị tại phường Hồng Quang**	Cầu Dứa	TDP Mộng Giáo	1,00
		TDP Mộng Giáo	Xuống TDP Bàn Thạch	1,00
		Công chào đường QL21	Cầu Chiền	1,00
13	**Đường chùa Bồ đề**	Đoạn đường VHL	Đường trục xã Nam Vân cũ	1,00
14	**Từ đường Vũ Hữu Lợi qua UBND xã đến đường Đặng Xuân Bản**	Đường Vũ Hữu Lợi qua UBND xã	Đường Đặng Xuân Bảng	1,00
15	**Tuyến đường, đoạn đường trong các khu đô thị phía Nam Sông Đào**	Đường trục trung tâm phía Nam thành phố	Cuối đường	1,00
		Tuyến đường chính số 2, số 3	Cuối đường	1,00
		Tuyến đường số 4, số 4A	Cuối đường	1,00
		Các tuyến đường còn lại trong KĐT	Cuối đường	1,00
16	**Khu dân cư tập trung Nội Bồi**	Đường N1	Cuối đường	1,00
		Đường N2, D1	Cuối đường	1,00
17	**Khu dân cư tập trung Đông Phong - Địch Lễ**	Tuyến đường D1	Cuối đường	1,00
		Tuyến đường D2	Cuối đường	1,00
		Tuyến đường D4	Cuối đường	1,00
		Tuyến đường D5	Cuối đường	1,00
		Tuyến đường N3	Cuối đường	1,00
		Tuyến đường N4	Cuối đường	1,00
17	**Khu dân cư tập trung Đông Phong - Địch Lễ**	Tuyến đường N5	Cuối đường	1,00
		Tuyến đường N6	Cuối đường	1,00
		Tuyến đường N7	Cuối đường	1,00
		Tuyến đường D3	Cuối đường	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
18	**Khu tái định cư (khu tái định cư số 1, 2, 3)**	Khu tái định cư (khu tái định cư số 1, 2, 3)	Hết khu	1,00
19	**Khu tái định cư giáp mặt đường trục xã Nghĩa An (cũ)**	Khu tái định cư giáp mặt đường trục xã Nghĩa An (cũ)	Hết khu	1,00
20	**Khu dân cư tập trung Nam Quang**	Đường N1	Cuối đường	1,00
		Đường N2	Cuối đường	1,00
21	**Các tuyến đường còn lại trên địa bàn phường**	Đường có chiều rộng mặt cắt ≥3,5m		1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt từ trên 2m đến dưới 3,5m		1,00
		Đường có chiều rộng mặt cắt ≤ 2m		1,00
22	**Đường An Quang**	Giáp xã Nam Trực	Nghĩa trang liệt sỹ Nam An	1,00
		Nghĩa trang liệt sỹ Nam An	Đê Đại Hà	1,00
23	**Đường Cường Quang**	QL21	Giáp ranh xã Nam Trực	1,00

8. Phường Mỹ Lộc

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	**Quốc Lộ 21**	Km số 4	Giáp Ngân hàng Nông nghiệp	1,00
		Ngân hàng Nông Nghiệp	Cầu Đặng	1,00
		Cầu Đặng	Hết cầu Giáng	1,00
		Cầu Giáng	Cổng UBND xã Mỹ Thịnh (cũ)	1,00
		Đường phía Nam Đường Sắt	Cuối đường	1,00
		Giáp xã Hiển khánh - huyện Vụ Bản (cũ)	Cây xăng dầu khí	1,00
		Giáp Cây xăng dầu khí	Hết Trạm thu phí Mỹ Lộc cũ	1,00
		Giáp trạm thu phí	Hết cây xăng Hàng Không	1,00
		Giáp cây xăng hàng không	Cầu Họ	1,00
		Nam Quốc Lộ 21 (Nam đường sắt)	Cuối đường	1,00
		UBND xã Mỹ Lộc (cũ)	Ngã ba Đồng Nhuệ	1,00
		Ngã ba Đồng Nhuệ	Cầu Mái (bắc Quốc Lộ 21)	1,00
2	**Đường Thịnh Thắng**	Giáp xã Hiển Khánh	Giáp khu dân cư chợ huyện Mỹ Thịnh	1,40
		đoạn đất nhà bà Đỗ Thị Ngát (ngã ba Trung Quyên)	Chân Cầu Giáng	1,40
		Cầu La	Giáp phường Đông A (địa bàn xã Mỹ Tiến)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
3	**Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc**	Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường N4	Cuối đường	1,00
		Khu dân cư Lương Xá, Phú Ốc đường D2	Cuối đường	1,00
4	**Đường Nam Đường Sắt**	Giáp TP Nam Định	Bia Căm Thù	1,00
		Bia Căm Thù	Cầu Đặng	1,00
5	**Tuyến đường, đoạn đường trong các khu đô thị phía Nam Sông Đào**	Các tuyến đường còn lại trong khu đô thị	Cuối đường	1,00
6	**Đường 485B**	Đại lộ Thiên Trường	Quốc lộ 21	1,00
		Quốc lộ 21	Đường Thịnh Thắng (hết địa phận thị trấn Mỹ Lộc cũ)	1,00
		Đường Thịnh Thắng (giáp địa phận thị trấn Mỹ Lộc cũ)	Đến giáp ranh xã Hiển Khánh	1,00
7	**Đường 486 B (đường 56 cũ)**	Quốc Lộ 21	Giáp xã Hiển Khánh	1,00
8	**Đại lộ Thiên Trường**	Phường Đông A	Trạm thu phí	1,00
		Trạm thu phí	Ngã tư xóm Đình	1,00
		Ngã tư xóm Đình	Hết ranh phường Mỹ Lộc	1,00
9	**Đường nội thị phường Mỹ Lộc**	Đường Thống Nhất (Cầu Mái)	Trạm bơm Cộng Hưu	1,50
		Từ Đường 21	Bói Trung	1,00
		Đại lộ Thiên Trường	Đê Ất Hợi	1,50
		Đường đê Ất hợi từ Cống đá	Khu vực Mỹ Tiến	1,50
9	**Đường nội thị phường Mỹ Lộc**	Khu vực chợ huyện bám đường	Đền Trần Quang Khải	1,00
		Đường Đa Mễ	Mỹ Tho	1,00
		Mỹ Tho	Xóm 7 Cầu Nhát	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
9	**Đường nội thị phường Mỹ Lộc**	Cầu Nhát	Lộc Hòa	1,00
		Nhà Ông Tuyến	Nhà bà Gương (Xóm 3) đi cầu Nhát	1,00
		Đoạn Kho HTX	Cống Mỹ Tho	1,00
		Đường Bà Vằng	An Cổ	1,00
		Đoạn nhà ông Yên TDP Đa Mễ Tây	ĐT 485B	1,00
		Đường đền Trần Quang Khải	Đường 485	1,00
10	**Khu chợ huyện Mỹ Thịnh**	Khu chợ huyện Mỹ Thịnh	Hết khu	1,40
11	**Đường khác**	Tuyến đê ất Hợi Quốc Lộ 21 (cầu Họ)	Cống Đá	1,00
		Cống Đá	Chợ Mạng (bao gồm cả khu vực chợ Mạng)	1,50
		Trạm bơm (HTX Nhân Phú)	Cống Đá	1,20
12	**Đường Hạnh Lâm khu vực Cầu Họ**	Đường Hạnh Lâm khu vực Cầu Họ	Cuối đường	1,30
13	**Khu tái định cư đường BT**	Khu tái định cư đường BT	Hết khu	1,00
14	**Đường nội thị phường Mỹ Lộc**	Đoạn giáp thị trấn	Cổng trào TDP La Chợ	1,20
		Đoạn Cổng chào La chợ	Dốc La	1,30
		Quốc Lộ 21 Cầu Giáng	Giáp địa giới xã Mỹ Tiến	1,20
14	**Đường nội thị phường Mỹ Lộc**	Quốc Lộ 21	Ngã 3 Hào Hưng, Hào Quang	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Quốc Lộ 21	Trạm bơm tổ dân phố Mỹ Tục	1,30
		Quốc Lộ 21	Chợ Huyện xã Mỹ Thịnh	1,00
		Cầu Lê	Nhà văn hóa Nam Lê Xá (gồm 2 bên đường)	1,00
		Cầu Lê	Đại lộ Thiên Trường	2,30
		Cầu Đặng	Đại lộ Thiên Trường	1,00
		Cầu Đặng	Gốc đa rẽ vào TDP Vạn Đồn	1,00
		Gốc đa	TDP Vạn đồn	1,00
		QL21	Nhà văn hóa TDP An Hưng	1,00
		Đường 21	Hết ngã ba nhà ông Phê	1,50
		Ngã ba nhà ông Phê	Cầu Dừa	1,00
		Nhà ông Phê	Ao cầu Vồng	1,20
		Đoạn cầu ông Thưởng	Đường Thịnh Thắng	1,50
		Ngã ba chợ Hôm	Cầu Đặng xóm 3	1,00
		Cầu Chéo sông T3	Cầu Kiều	1,00
		Đoạn cầu Kiều	Hết địa phận phường Mỹ Lộc	1,00
		Quốc lộ 21	Hết nhà ông Thưởng	1,00
		Bưu điện Đặng xá	Đại lộ Thiên Trường	1,00
15	**Khu tái định cư đường Nam Định - Phủ Lý**	Khu tái định cư đường Nam Định - Phủ Lý	Hết khu	1,00
16	**Đường nội thị phường Mỹ Lộc**	Các tuyến đường trong khu đô thị thị trấn Mỹ Lộc	Hết khu	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
17	**Khu Tái định cư đường sắt tốc độ cao**	Khu Tái định cư đường sắt tốc độ cao	Hết khu	1,00
18	**Đường nối đường Đại lộ Thiên Trường với Quốc lộ 21**	Đại lộ Thiên Trường	Quốc lộ 21	1,00
19	**Khu dân cư tập trung (thuộc xã Mỹ Hưng cũ)**	Tuyến đường D1		1,00
		Đường D3 (các lô Biệt thự)		1,00
		Đường N3		1,00
		Đường N1, N2, D2		1,00
20	**Tuyến đê ất Hợi**	Đoạn Dốc La (đất nhà ông Kế)	Cửa hàng Lang Xá	1,20
		Đoạn Cửa hàng Lang Xá	Lăng nhà thánh	1,00
		Đoạn Lăng nhà thánh	Giáp xã Mỹ Hà	1,00
		Đoạn dốc La	Cầu chéo Vị Việt	1,50
21	**Đường liên TDP đoạn từ (Dốc Nguộn đến Phạm Thức)**	Đường liên TDP đoạn (Dốc Nguộn	Phạm Thức)	1,00
24	**Khu dân cư tập trung An Cổ**	Đường D3, N2	Cuối đường	1,00
		Các tuyến đường còn lại	Cuối đường	1,00
25	**Các tuyến đường còn lại trên địa bàn phường**	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3,5m trở lên		1,20
		Đường có chiều rộng mặt cắt từ 2m đến 3,5m		1,20
		Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 2m		1,20
26	**Quốc lộ 38B**	Phường Đông A	Phường Thành Nam	1,00
27	**Khu dân cư tập trung thôn An Cổ (mới)**	Đường D1, N1		1,00
		Đường N2, N3, N4		1,00
		Các tuyến còn lại		1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
28	**Đường Thịnh Khánh**	TDP Bói Trung	Cầu Thịnh Khánh	1,00
		Cầu Thịnh Khánh	Chùa Bún	1,00
29	**Phía Bắc đường đê Ất Hợi**	Cầu Quang Trung	Giáp địa giới xã Mỹ Thịnh cũ	1,00
30	**Quốc lộ 21 đến đê Ất Hợi**	Đoạn qua Đình Sùng Văn		1,00

9. Phường Phủ Lý

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
I	**Các tuyến đường phố**			
1	**Đường Lê Hoàn (Quốc lộ 1A)**			
1.1	Đoạn 1	Giáp phường Châu Sơn	Đường Nguyễn Thị Định	1,00
1.2	Đoạn 2	Đường Nguyễn Thị Định	Cầu Hồng Phú	1,00
1.3	Đoạn 3	Cầu Hồng Phú	Hết địa phận phường Phủ Lý	1,00
2	**Đường Lê Lợi**			
2.1	Đoạn 1	Đường Lê Hoàn	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,00
2.2	Đoạn 2	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Châu Cầu	1,00
2.3	Đoạn 3	Đường Châu Cầu	Đường Trường Chinh	1,00
2.4	Đoạn 4	Đường Trường Chinh	Đường Biên Hòa	1,00
2.5	Đoạn 5	Đường Biên Hòa	Đường Quy Lưu	1,00
2.6	Đoạn 6	Đường Quy Lưu	Đường Trần Hưng Đạo	1,00
3	**Đường Biên Hòa**			
3.1	Đoạn 1	Đường Lê Hoàn	Đường Lê Công Thanh	1,00
3.2	Đoạn 2	Đường Lê Công Thanh	Đường Lê Lợi	1,00
4	**Đường Quy Lưu**			
4.1	Đoạn 1	Đường Lê Lợi	Đường Lê Công Thanh	1,00
4.2	Đoạn 2	Đường Lê Công Thanh	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,00
4.3	Đoạn 3	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Trần Thị Phúc	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
5	**Đường Nguyễn Viết Xuân**			
5.1	Đoạn 1	Nguyễn Văn Trỗi	Lê Công Thanh	1,00
5.2	Đoạn 2	Lê Công Thanh	Trần Hưng Đạo	1,00
6	**Đường Trần Thị Phúc**			
6.1	Đoạn 1	Đường Lê Lợi	Đường Biên Hoà	1,10
6.2	Đoạn 2	Đường Biên Hoà	Đường Quy Lưu	1,10
6.3	Đoạn 3	Đường Quy Lưu	Đường Trường Chinh	1,10
6.4	Đoạn 4	Đường Trường Chinh	Ngã tư giao nhau với đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn giao nhau với đường sắt)	1,10
6.5	Đoạn 5	Ngã tư giao nhau với Đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn giao nhau với Đường sắt)	Hết đường Trần Thị Phúc	1,05
7	**Đường Trần Hưng Đạo**			
7.1	Đoạn 1	Đường Trần Thị Phúc	Đường Lê Công Thanh	1,00
7.2	Đoạn 2	Đường Lê Công Thanh	Đường Lê Lợi	1,00
7.3	Đoạn 3	Đường Lê Lợi	Phố Nguyễn Phúc Lai	1,00
7.4	Đoạn 4	Phố Nguyễn Phúc Lai	Đường Điện Biên Phủ	1,00
7.5	Đoạn 5	Đường Điện Biên Phủ	Hết địa phận phường Phủ Lý (giáp phường Liêm Tuyền)	1,00
8	**Đường Đinh Tiên Hoàng**			
8.1	Đoạn 1	Đường Lê Hoàn	Ngã tư Đinh Tiên Hoàng và Trần Thị Phúc	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
8.2	Đoạn 2	Ngã tư Đinh Tiên Hoàng và Trần Thị Phúc	Phố Nguyễn Lam	1,00
8.3	Đoạn 3	Phố Nguyễn Lam	Giáp Phường Liêm Tuyền	1,00
9	**Đường Lê Duẩn (đường N6 khu đô thị Liêm Chính)**			
9.1	Đoạn 1	Đường Đinh Tiên Hoàng	Phố Nguyễn Phúc Lai	1,00
9.2	Đoạn 2	Phố Nguyễn Phúc Lai	Nút giao Liêm Tuyền	1,00
10	**Đường Nguyễn Văn Trỗi**			
10.1	Đoạn 1	Đường Lê Lợi	Đường Quy Lưu	1,00
10.2	Đoạn 2	Đường Quy Lưu	Trụ sở UBND phường Hai Bà Trưng cũ	1,00
10.3	Đoạn 3	Trụ sở UBND phường Hai Bà Trưng cũ	Đường Trần Thị Phúc	1,00
11	**Đường Trường Chinh**			
11.1	Đoạn 1	Đường Lê Lợi	Đường Biên Hoà	1,00
11.2	Đoạn 2	Đường Biên Hoà	Đường Quy Lưu	1,00
11.3	Đoạn 3	Đường Quy Lưu	Ngã ba phố Bùi Văn Dị	1,00
11.4	Đoạn 4	Phố Bùi Văn Dị	Đường Trần Thị Phúc	1,00
12	**Đường Châu Cầu**	Đường Lê Lợi	Đường Quy Lưu	1,00
13	**Đường Lê Công Thanh**			
13.1	Đoạn 1	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	1,00
13.2	Đoạn 2	Đường Trần Hưng Đạo	Phố Bùi Văn Dị	1,00
13.3	Đoạn 3	Phố Bùi Văn Dị	Đường Biên Hòa	1,00
13.4	Đoạn 4	Đường Biên Hoà	Đường Lê Lợi	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
14	**Đường 3 tháng 7 (đường D2)**			
14.1	Đoạn 1	Phố Trương Công Giai	Đường Nguyễn Thị Định	1,25
14.2	Đoạn 2	Đường Nguyễn Thị Định	Hết trường THCS Thanh Châu (đường N2)	1,25
15	**Đường Nguyễn Đức Cảnh**	Phố Trương Công Giai	Khu dân cư thôn Thượng Tổ 2	1,25
16	**Đường Ngô Quyền**			
16.1	Đoạn 1	Cầu Hồng Phú	Cầu Phù Vân (đường Nguyễn Thiện)	1,00
16.2	Đoạn 2 - Phía Đông đường Ngô Quyền	Cầu Phù Vân (Đường Nguyễn Thiện)	Cống xì Dầu	1,00
16.3	Đoạn 3- Phía Tây đường Ngô Quyền	Cầu Phù Vân (Đường Nguyễn Thiện)	Cống xì Dầu	1,00
16.4	Đoạn 4	Cầu Hồng Phú	Cầu Châu Sơn	1,00
17	**Đường Trần Phú**			
17.1	Đoạn 1	Bưu điện tỉnh Hà Nam cũ	Hết ngõ 40 Trần Phú	1,00
17.2	Đoạn 2	Ngõ 40 Trần Phú	Đường Lê Hoàn	1,00
18	**Đường Lê Đức Thọ (ĐT494 cũ)**			
18.1	Đoạn 1	Đường Lê Duẩn (Đường N6)	Phố Bùi Văn Quế (Thuộc Khu Tái định cư Thá-Liêm Chính)	1,00
18.2	Đoạn 2	Phố Bùi Văn Quế (Thuộc Khu Tái định cư Thá-Liêm Chính)	Hết địa phận phường Phủ Lý	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
19	**Đường Điện Biên Phủ (đường 68m)**			
19.1	Đoạn 1	Tư đầu cầu Liêm Chính	Phố Nguyễn Lam	1,00
19.2	Đoạn 2	Phố Nguyễn Lam	Hết địa phận phường Phủ Lý (giáp phường Liêm Tuyền)	1,00
20	**Đường kè Nam sông Châu Giang**			
20.1	Đoạn 1: Đường kè Nam sông Châu Giang	Đường Lê Lợi	Ngõ 17 đường Lê Lợi	1,50
20.2	Đoạn 2: Đường Xuân Diệu	Hết thửa 118 tờ PL3 nay là tờ 125	Đường Trần Hưng Đạo	1,50
20.3	Đoạn 3	Nút giao Đường Trần Hưng Đạo	Hết ranh giới khu đô thị CEO 2	1,50
21	**Đường Phan Hưng (đường 30m phía Tây Bệnh viện Việt Đức)**	Đường Lê Duẩn	Hết địa phận phường Phủ Lý	1,00
II	**Các tuyến phố và ngõ**			
1	**Phố Hàng Chuối**	Đường Lê Lợi	Đường Biên Hoà	1,05
2	**Phố Kim Đồng**	Đường Châu Cầu	Đường Trường Chinh	1,05
3	**Phố Phạm Tất Đắc**			
3.1	Đoạn 1	Đường Trường Chinh	Đường Lê Công Thanh	1,05
3.2	Đoạn 2	Đường Lê Công Thanh	Chùa Mễ Thượng	1,05
4	**Phố Tân Khai**			
4.1	Đoạn 1	Đường Trường Chinh	Đường Lê Công Thanh	1,00
4.2	Đoạn 2	Đường Lê Công Thanh	Hết phố Tân Khai	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
5	**Phố Trần Tử Bình**	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Trường Chinh	1,00
6	**Phố Phạm Ngọc Thạch**			
6.1	Đoạn 1	Đường Trường Chinh	đường Lê Lợi	1,00
6.2	Đoạn 2	Đường Lê Lợi	phố Lý Tự Trọng	1,00
7	**Phố Lý Tự Trọng**	Đường Trần Hưng Đạo	đường Xuân Diệu (đường kè Nam Châu Giang)	1,00
8	**Phố Võ Thị Sáu**			
8.1	Đoạn 1: Hướng ra mặt hồ	Phố Ngô Sỹ Liên	Phố Lý Tự Trọng	1,05
8.2	Đoạn 2: Không hướng ra mặt hồ	Phố Ngô Sỹ Liên	Đường Trần Hưng Đạo	1,05
9	**Phố Bùi Văn Dị**			
9.1	Đoạn 1	Đường Trường Chinh	Đường Lê Công Thanh	1,00
9.2	Đoạn 2	Đường Lê Công Thanh	Đường Trần Hưng Đạo	1,00
10	**Phố Trần Quốc Toản**	Đường Bùi Văn Dị	Đường Lê Công Thanh	1,00
11	**Phố Trần Khát Chân**	Đường Đinh Tiên Hoàng	Phố Hồ Xuân Hương	1,00
12	**Đường cổng phụ khu đô thị Nam Trần Hưng Đạo**	Phố Phạm Ngũ Lão	Phố Trần Khát Trân	1,00
13	**Phố Phạm Ngũ Lão (đường QH trong khu đô thị)**	Đường Đinh Tiên Hoàng	Phố Yết Kiêu	1,10
14	**Phố Nguyễn Quốc Hiệu** (đường N2)	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	1,10
15	**Phố Hồ Xuân Hương:** Đường quanh hồ trong khu đô thị Nam Trần Hưng Đạo			1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
16	**Phố Yết Kiêu (đường D4):**			
16.1	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	1,00
16.2	Đoạn 2	Đường Lê Duẩn	Đường Đinh Tiên Hoàng	1,00
17	**Phố Dã Tượng**			
17.1	Đoạn 1:	Đường Lê Duẩn	Hết trường Cao đẳng Thủy Lợi Bắc Bộ	1,10
17.2	Đoạn 2: Đoạn còn lại	Trường cao đẳng thủy lợi bắc bộ	Đến hết tuyến phố	1,10
18	**Phố Nguyễn Phúc Lai**			
18.1	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	1,00
18.2	Đoạn 2	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Lam	1,00
18.3	Đoạn 3	Đường Nguyễn Lam	Kênh chính Tây	1,00
19	**Phố Lương Văn Đài**			
19.1	Đoạn 1	Đường bê tông (dốc lò mổ)	Đường Lê Duẩn	1,25
19.2	Đoạn 2	Nhà hàng Ngọc Sơn (thửa 590, tờ 16)	Phố Bạch Trà	1,00
20	**Phố Tô Hiệu**	Đường Trần Hưng Đạo	Phố Lương Văn Đài	1,25
21	**Phố Trương Công Giai (đường N1 cũ)**	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Nguyễn Đức Cảnh	1,00
22	**Phố Lê Thị Hồng Gấm (đường N3 khu đô thị Bắc Thanh Châu)**			
22.1	Đoạn 1	Phố Lý Trần Thản	Phố Đặng Việt Châu (khu đô thị Bắc Thanh Châu)	1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
22.2	Đoạn 2	Phố Đặng Việt Châu (khu đô thị Bắc Thanh Châu)	Phố Phan Trọng Tuệ (khu đô thị Bắc Thanh Châu)	1,30
23	**Phố Tô Vĩnh Diện (đường N4 khu đô thị Bắc Thanh Châu)**	Phố Nguyễn Đức Cảnh	Hết hồ Thanh Châu	1,30
24	**Phố Trương Minh Lượng (đường N5 khu đô thị Bắc Thanh Châu)**	Phố Lý Trần Thản	Phố Phan Trọng Tuệ	1,30
25	**Phố Nguyễn Thị Định**	Đường Nguyễn Đức Cảnh	đường Lê Hoàn	1,10
26	**Phố Trần Nguyên Hãn: (đường N5 khu đô thị Bắc Thanh Châu)**	Phố Trương Công Giai (Đ.N1 cũ)	Phố Nguyễn Thị Định (Đ.CN Bắc Thanh Châu cũ)	1,30
27	**Phố Phan Trọng Tuệ (D4 khu đô thị Bắc Thanh Châu)**			
27.1	Đoạn 1	Phố Trương Công Giai	Phố Lê Thị Hồng Gấm	1,30
27.2	Đoạn 2	Phố Lê Thị Hồng Gấm	Phố Nguyễn Thị Định	1,30
28	**Phố Đặng Việt Châu (D3 khu đô thị Bắc Thanh Châu)**	Phố Trương Công Giai	Nguyễn Thị Định	1,30
29	**Phố Lý Trần Thản (D3 khu đô thị Bắc Thanh Châu)**			
29.1	Đoạn 1	Phố Trương Công Giai	Phố Lê Thị Hồng Gấm	1,30
29.2	Đoạn 2	Phố Lê Thị Hồng Gấm	Phố Nguyễn Thị Định	1,30
30	**Phố Phan Huy Chú**	Đường Lê Hoàn	Đường Ngô Quyền	1,50
31	**Phố Mạc Đĩnh Chi**	Đường Lê Hoàn	Đường Ngô Quyền	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
32	**Phố Nguyễn Thiện**	Đường Trần Phú	Đường Ngô Quyền	1,30
33	**Phố Lê Anh Xuân**	Đường Trần Hưng Đạo	Phố Phạm Ngọc Thạch	1,30
34	**Phố Nguyễn Du (đường xung quanh hồ Chùa Bầu):** Đoạn giao với đường Nguyễn Văn Trỗi (chùa Bầu)			1,00
35	**Phố Hoàng Ngân**	Đường Lê Duẩn	Nhà văn hoá Thá	1,00
36	**Phố Bùi Văn Quế**	Đường Điện Biên Phủ	Đường Lê Đức Thọ	1,00
37	**Phố Ngô Sỹ Liên (KĐT Minh Khôi)**			
37.1	Đoạn 1	Từ nút giao Đường Trần Hưng Đạo với phố Tô Hiệu	Ngã 3 Giao với đường Võ Thị Sáu	1,00
37.2	Đoạn 2 (hướng ra hồ)	Ngã 3 Giao với Đường Võ Thị Sáu	Phố Lý Tự Trọng	1,00
38	**Phố Đặng Thai Mai:** Đoạn từ phố Tô Hiệu vòng xung quanh khu đô thị Hồ A1			1,05
39	**Phố Bạch Trà**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	1,05
40	**Phố Nguyễn Hồng Phong**	Từ phía Tây trường mầm non Liêm Chính	Đến đường Lê Duẩn	1,05
41	**Phố Đào Tấn**	Từ Đường Điện Biên Phủ	Giáp khu dân cư cũ	1,05
42	**Phố Huỳnh Thúc Kháng**	Từ phố Trần Quang Tặng	Đến phố Nguyễn Lam	1,05
43	**Phố Lê Quý Đôn**	Phố Chu Văn An	giáp Công viên cây xanh	1,05
44	**Phố Chu Văn An**	Đường Lê Duẩn	Phố Nguyễn Lam	1,05
45	**Phố Đào Văn Tập**	Phố Nguyễn Phúc Lai	Đường Điện Biên Phủ	1,05
46	**Phố Trần Quốc Vượng**	Phố Trần Quang Tặng	Đường Điện Biên Phủ	1,05

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
47	**Phố Hồ Đắc Di**	Đường Điện Biên Phủ	Đường Phan Hưng (Đường 30m cạnh Bệnh viện Việt Đức)	1,05
48	**Phố Tôn Thất Tùng**	Đường Điện Biên Phủ	Đường Phan Hưng (Đường 30m cạnh Bệnh viện Việt Đức)	1,05
49	**Phố Đặng Thùy Trâm**	Nút giao khu CEO với khu đất 7%	Đường Phan Hưng (Đường 30m cạnh Bệnh viện Việt Đức)	1,05
50	**Phố Vũ Văn Lý**	Đường Điện Biên Phủ	Đường Phan Hưng (Đường 30m cạnh Bệnh viện Việt Đức)	1,05
51	**Phố Đặng Văn Ngữ**	Đường Lê Duẩn	Đường gồm cầu QH đường 30m (KĐT CEO2)	1,05
52	**Phố Lê Tư Lành**	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Duẩn	1,05
53	**Phố Nguyễn Thượng Hiền (Khu đô thị Tài Tâm)**	Cầu Châu Sơn	Đường vào Tổ dân phố Đọ Xá-phường Thanh Châu	1,20
54	**Phố Đỗ Huy Liêu**	Cầu Châu Sơn	Đường vào Tổ dân phố Đọ Xá- phường Thanh Châu	1,20
55	**Phố Trần Bảo**	Phố Nguyễn Thị Định	Đường 3/7	1,70
56	**Phố Nguyễn Thái Học**	Phố Đặng Thai Mai qua Đường Lê Duẩn	Đường Đào Văn Tập (đường phía Tây trường chuyên Biên Hòa)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
57	**Phố Bùi Thức**	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Điện Biên Phủ (Khu đô thị Liêm Chính)	1,00
58	**Phố Trần Quang Tặng**	Phố Nguyễn Phúc Lai	Đường 17,5m bên hông Chi cục Hải quan (Khu đô thị Liêm Chính)	1,00
59	**Phố Ngô Đình Quỳ**	Phố Hoàng Ngân	Phố Bùi Văn Quế (Thuộc Khu Tái định cư Thá-Liêm Chính)	1,00
60	**Phố Nguyễn Lam**			
60.1	Đoạn 1	Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Phúc Lai	1,00
60.2	Đoạn 2	Phố Nguyễn Phúc Lai	Đường Đinh Tiên Hoàng	1,00
61	**Phố 268**	Phố Nguyễn Thái Học	Phố Chu Văn An	1,00
62	**Đường 368**	Phố Trần Quang	Phố Đào Văn Tập	1,00
63	**Phố Mộc Trà**	Phố Bạch Trà (từ thửa 717, tờ 7)	Thửa 764 tờ 7	1,00
64	**Phố Hồng Trà**	Phố Bạch Trà	Phố Nguyễn Hồng Phong	1,00
III	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường theo các Tổ dân phố, phường như sau**			
1	**Các Phường Minh Khai cũ, Lương Khánh Thiện cũ, Hai Bà Trưng cũ, phường Trần Hưng Đạo cũ**			
1.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 32m trở lên			1,10
1.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 32m			1,10
1.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 15m			1,10
1.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m			1,10
2	**Phường Liêm Chính cũ và xã Liêm Chung cũ**			
2.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 32m trở lên			1,20
2.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 32m			1,20
2.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			1,20
2.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 15m			1,20
2.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m			1,20
3	**Phường Quang Trung cũ và Thanh Châu cũ**			
3.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 32m trở lên			1,05
3.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 32m			1,05
3.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			1,05
3.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 15m			1,05
3.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m			1,05
IV	**Các khu dân cư**			
1	**Các TDP thuộc Phường Minh Khai cũ, Lương Khánh Thiện cũ, Hai Bà Trưng cũ, phường Trần Hưng Đạo cũ**			
1.1	Các vị trí còn lại			1,10
2	**Phường Liêm Chính cũ và xã Liêm Chung cũ**			
2.1	Đường từ ngã ba thôn Thá đến giáp xã Liêm Chung (gần chùa Lơ)			1,00
2.2	Đường từ đường Đinh Tiên Hoàng (lối rẽ vào UBND xã Liêm Chung cũ) đến hết Ngã tư xóm 6 (Cạnh khu đất Quân đội)			1,00
2.3	Đường từ đường Đinh Tiên Hoàng đến hết xã Liêm Chung cũ			1,70
2.4	Các trục đường liên thôn, liên xóm			1,15
2.5	Các đường thôn, xóm và vị trí còn lại			1,15
3	**Phường Thanh Châu cũ**			
3.1	**Đối với các tổ dân phố Bầu Cừu, Hồng Phú và phần phía Bắc đường tàu của tổ dân phố Thượng Tổ:**			
3.1.1	Các trục đường liên thôn, liên xóm, tổ dân phố			1,15
3.1.2	Các đường thôn, xóm, tổ dân phố và vị trí còn lại			1,15

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
3.2	**Đối với các tổ dân phố Bảo Lộc 1, Bảo Lộc 2 và phần phía Nam đường tàu của tổ dân phố Thượng Tổ:**			
3.2.1	Các trục đường liên thôn, liên xóm, tổ dân phố			1,15
3.2.2	Các đường thôn, xóm, tổ dân phố và vị trí còn lại			1,15
3.3	**Khu vực nông thôn: Đối với tổ dân phố Đọ Xá**			
3.3.1	Các trục đường liên thôn, liên xóm, tổ dân phố			1,15
3.3.2	Các đường thôn, xóm, tổ dân phố và vị trí còn lại			1,15
4	**Phường Quang Trung cũ**			
4.1	Đường đê sông Nhuệ: Từ PL2, thửa 13, đến PL12, thửa 11			1,00
4.2	Đường trục cống Ba Đa: Từ PL8, thửa số 45 đến PL8, thửa 1			1,30
4.3	Các trục đường liên thôn, xóm, tổ dân phố			1,15
4.4	Các đường thôn, xóm, tổ dân phố và vị trí còn lại			1,15

10. Phường Hà Nam

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
I	**Các tuyến đường phố**			
1	**Đường Lê Hoàn (Quốc lộ 1A)**			
1.1	Đoạn 1	Cầu Phủ Lý (giáp địa phận phường Phủ Lý)	Cầu Ba Đa	1,00
1.2	Đoạn 2	Cầu Ba Đa	Giáp phường Duy Hà	1,00
2	**Đường Nguyễn Chí Thanh (Đường ĐT 493)**			
2.1	Đoạn 1	Đường Lê Hoàn	Đường Lương Văn Can	1,10
2.2	Đoạn 2	Đường Lương Văn Can	Đường Cao tốc	1,10
2.3	Đoạn 3	Đường Cao tốc	Hết địa phận phường Hà Nam	1,10
3	**Đường Lê Công Thanh**			
3.1	Đoạn 1	Đầu cầu Châu Giang	Đường Võ Nguyên Giáp	1,18
3.2	Đoạn 2	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận phường Hà Nam (đường Lê Tung)	1,18
4	**Đường Lê Thánh Tông (Quốc lộ 21B)**	Đường Lê Thánh Tông (Quốc lộ 21B): Từ đường Lê Hoàn	Giáp phường Phù Vân	1,18
5	**Đường Ngô Quyền**	Cống Xì Dầu	Đường Lê Hoàn	1,18
6	**Đường ĐT 493B**			
6.1	Đoạn 1	Đường sắt	Trạm Y tế Tân Hiệp (PL 7, thửa 27)	1,10
6.2	Đoạn 2	Đoạn từ Trạm y tế xã	Đường gom cao tốc (đường Bạch Thái Bưởi)	1,10
6.3	Đoạn 3	Đường gom cao tốc (đường Bạch Thái Bưởi)	Hết địa bàn phường Hà Nam	1,10
7	**Đường Võ Nguyên Giáp**	Đường Lê Hoàn	Trạm dừng nghỉ cao tốc	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
8	**Đường Nguyễn Văn Linh (đường 150m)**	Đường Lê Hoàn	Khu đô thị Bắc Châu Giang	1,00
9	**Đường Điện Biên Phủ (đường 68m)**			
9.1	Đoạn 1	Cầu Liêm Chính	Đường Võ Nguyên Giáp	1,10
9.2	Đoạn 2	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận phường Hà Nam (đường Lê Tung)	1,10
10	**Đường Đình Tràng (đường kè Bắc Châu Giang)**	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cầu Liêm Chính	1,10
11	**Đường Nguyễn An Ninh (đường dẫn cầu Phù Vân)**			
11.1	Đoạn 1	Đường Lê Hoàn	Lối vào trường mầm non Quang Trung (chân cầu Phù Vân)	1,10
11.2	Đoạn 2: Đoạn còn lại (đường gom dọc chân cầu Phù Vân)			1,10
II	**Các tuyến phố và ngõ**			
1	**Phố Hoàng Thế Thiện**	Cầu Châu Giang phường Lam Hạ cũ	Nút giao Đường Điện Biên Phủ (Đường 68m)	1,10
2	**Phố Lương Văn Can**	Trường CĐ PT-TH (đoạn giao với đường Nguyễn Chí Thanh)	Đường Điện Biên Phủ (Đường 68m)	1,10
3	**Phố Nguyễn Thành Lê**	Đường Lê Công Thanh kéo dài	Đường Điện Biên Phủ (Đường 68m)	1,10
4	**Phố Hoàng Tùng**	Phía đông Sở Nông nghiệp và Môi trường cũ (đoạn giao đường 42m quy hoạch)	Đường 27m	1,10
5	**Phố Hồ Xanh**	Phía đông nhà in Báo Hà Nam (đoạn giao đường 42m quy hoạch)	Tuyến 16	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
6	**Phố Hồ Tùng Mậu**	Phía Nam Sở Nông nghiệp và Môi trường cũ	Đường 27m	1,10
7	**Phố Lương Đình Của**	Phố Hoàng Tùng	Tuyến 14	1,10
8	**Phố Ngô Thị Nhậm**	Phố Hồ Tùng Mậu	Tuyến kè hồ số 3	1,10
9	**Phố Ngô Vi Liễn**	Phố Hoàng Tùng	Tuyến 12	1,10
10	**Phố Bùi Đạt (đường dẫn vào Hồ Quang Trung)**	Đường dẫn vào cầu Phù Vân	Đường bê tông phường Quang Trung	1,10
11	**Đường Lê Tung (thuộc địa bàn phường Hà Nam)**	Quốc Lộ 1A (đường Đinh Tiên Hoàng)	Đường Bạch Thái Bưởi	1,10
12	**Bạch Thái Bưởi (gom phía Tây cao tốc): Thuộc địa phận phường Hà Nam**	Nút giao Phú Thứ	Đường Lê Tung	1,10
III	**Khu dân cư**			
1	**TDP Hoàng Lương, TDP Quỳnh Chân, TDP Đình Tràng, TDP Hòa Lạc, TDP Đường Ấm, TDP Quang Ấm, Tổ 3, Tổ 4, Tổ 5, Tổ 6**			
1.1	Đường nối từ đường Lê Hoàn đến hết địa phận TDP Hoàng Lương (giáp với miếu thôn Quỳnh Chân cũ)	Đường Lê Hoàn	Hết địa phận TDP Hoàng Lương (giáp với miếu thôn Quỳnh Chân cũ)	1,10
1.2	Đường từ đường Lê Công Thanh kéo dài đến đường Điện Biên Phủ (đường 68m)	Đường Lê Công Thanh kéo dài	Đường Điện Biên Phủ (đường 68m)	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1.3	Đường đê sông Nhuệ	Từ cống Ba Đa (đường Lê Thánh Tông)	Giáp phường Duy Hà (hết địa phận phường Hà Nam)	1,10
1.4	Đường trục cống Ba Đa			
1.4.1	Đoạn 1	Đường Lê Hoàn	Cống Ba Đa	1,10
1.4.2	Đoạn 2	Cống Ba Đa	Hết địa phận phường Hà Nam (giáp phường Phù Vân)	1,10
1.5	Đường cầu Phù Vân (phía Bắc đường)	Từ PL26, thửa 58	PL28, thửa 6	1,10
1.6	Đường cầu Phù Vân (phía Nam đường)	Từ PL26, thửa 63	PL28, thửa 13	1,10
1.7	Đường nối từ Lê Hoàn đến giáo với phố Bùi Đạt			1,10
1.8	Các trục đường liên thôn, xóm, tổ dân phố, đường trục chính trong thôn, TDP			1,10
1.9	Các vị trí còn lại			1,10
2	**TDP Thường Ấm, TDP Quán Nha, TDP Nội Ngoại, TDP An Ngoại, TDP Đình Ngọ**			
2.1	Đường trục chính trong TDP, các trục đường liên thôn, xóm, tổ dân phố			1,10
2.2	Các vị trí còn lại			1,10
3	**TDP Kiều Đan Thượng, TDP Đại Cầu, TDP Lão Cầu, TDP Hoàng Lý, TDP Doãn Kim, TDP Trúc Sơn, TDP Mạc, TDP Phú Thứ, TDP Phú Ngòi, TDP Lão Cầu**			
3.1	Đường đê sông Nhuệ (thuộc địa phận xã Tiên Tân cũ	Đường Lê Thánh Tông	Hết địa phận phường Hà nam (giáp phường Phù Vân)	1,10
3.2	Đường gom đường sắt (phía Đông đường sắt)	Từ PL1, thửa 1	PL8, thửa 25	1,10
3.3	Đường nối từ thửa 76 - tờ DC7 đến Thửa 41, tờ DC10	Thửa 76 - tờ DC7	Thửa 41, tờ DC10	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
3.4	Đường cầu vượt	Từ hộ ông Bình (PL9, thửa 36)	Hộ ông Gieo (PL3, thửa 69)	1,10
3.5	Đường trục xã	Từ hộ ông Cầm (PL2, thửa 318)	Hộ ông Hò (PL5, thửa 7)	1,10
3.6	Đường DH06	Đường sắt qua đường 68m	Đường trục T2	1,10
3.7	Đường DH06 (bao gồm đường đối diện kênh)	Đường trục T2	đường Bạch Thái Bưởi và đường đối diện kênh	1,10
3.8	Các vị trí còn lại			1,10
IV	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường theo các Tổ dân phố, phường như sau:**			
1	**Dự án Khu đô thị Thời đại và đổi mới sáng tạo**			
1.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 32 mét trở lên (ngoại trừ tuyến đường Nguyễn Văn Linh, Võ Nguyên Giáp, Điện Biên Phủ)			1,10
1.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20 mét đến dưới 32 mét			1,10
1.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15 mét đến dưới 20 mét			1,10
1.4	Các tuyến đường quy hoạch còn lại			1,10
2	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên tại các khu vực còn lại**			
2.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 32 mét trở lên			1,10
2.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20 mét đến dưới 32 mét			1,10
2.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15 mét đến dưới 20 mét			1,10
2.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9 đến dưới 15 mét			1,10
2.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9 mét			1,10

11. Phường Phù Vân

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường K_{tt} (lần)
		Từ	Đến	
I	**Các tuyến đường phố**			
1	**Đường Bê tông chuyên dùng**			
1.1	Đoạn 1	Quốc lộ 21A	Nhà văn hoá xã Thanh Sơn cũ	1,00
1.2	Đoạn 2	Nhà văn hóa xã Thanh Sơn cũ	Hết địa phận phường Phù Vân	1,00
1.3	Đoạn 3	Nhà văn hóa xã Thanh Sơn cũ	Đường vào thôn Phù Thụy, xã Thi Sơn cũ	1,00
1.4	Đoạn 4	Đường rẽ đi Phù Thuỵ	Hết địa phận phường Phù Vân	1,00
2	**Đường Quốc lộ 21B (**Địa phận phường Phù Vân)	Giáp phường Hà Nam	Giáp phường Kim Bảng	
2.1	Đoạn 1	Giáp Phường Hà Nam	Đến ngã tư lối vào Khu công nghiệp Kim Bình	1,00
2.2	Đoạn 2	Đến ngã tư lối vào Khu công nghiệp Kim Bình	Hết trường THCS Kim Bình	1,00
2.3	Đoạn 3	Trường THCS Kim Bình	Ngã ba Kim Thượng	1,00
2.4	Đoạn 4 (QL 21B, đường đê Tả Đáy):	Chùa Long Vân	Cống Quế	1,00
3	**Đường Lý Thường Kiệt**			
3.1	Đoạn 1	Ngã ba Cầu Hồng Phú	Đường 24 tháng 8 (Nhà hàng Ngọc Sơn)	1,30
3.2	Đoạn 2	Đường 24 tháng 8	đường Ngô Gia Tự	1,30
3.3	Đoạn 3	Ngã ba Cầu Hồng Phú	Đường Lê Chân	1,00
3.4	Đoạn 4	Đường Ngô Gia Tự	Hết địa phận phường Phù Vân (giáp phường Lý Thường Kiệt)	1,30
4	**Đường Lý Thái Tổ**			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường K_{tt} (lần)
		Từ	Đến	
4.1	Đoạn 1	Đường Lý Thường Kiệt	Phố Trần Văn Chuông	1,00
4.2	Đoạn 2	Phố Trần Văn Chuông	Đường Lê Chân	1,00
5	**Đường 24 tháng 8**			
5.1	Đoạn 1	Đường Lý Thường Kiệt	Phố Đề Yêm	1,00
5.2	Đoạn 2	Phố Đề Yêm	Hết đoạn giao với khu dân cư cũ	1,00
6	**Đường Hoàng Văn Thụ**			
6.1	Đoạn 1	Đường Ngô Gia Tự	Phố Trần Văn Chuông	1,00
6.2	Đoạn 2	Phố Trần Văn Chuông	Giáp địa bàn phường Châu Sơn	1,00
7	**Đường Ngô Gia Tự** (đường vành đai nhánh N5)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Lý Thường Kiệt	1,00
8	**Đường Lê Chân**			
8.1	Đoạn 1	Cầu Châu Sơn	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,00
8.2	Đoạn 2	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường tránh QL1A	1,00
9	**Đường ĐT 498B**	Quốc lộ 21B	Giáp phường Kim Bảng	1,00
10	**Đường Nguyễn An Ninh (đường dẫn cầu Phù Vân)**	Giáp phường Hà Nam	Đường Nguyễn Thiện	1,00
11	**Đường Nguyễn Văn Cừ (đường Lê Chân nhánh 2)**			
11.1	Đoạn 1	Công ty TNHH Đông Nam Á	Hết trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội	1,00
11.2	Đoạn 2	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Hết địa phận phường Phù Vân	1,00
12	**Đường tránh Phủ Lý (tránh Quốc lộ 1A)**			
12.1	Đoạn 1	Cầu vượt đường tránh	Giáp phường Kim Bảng	1,00
12.2	Đoạn 2	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Chân	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường K_{tt} (lần)
		Từ	Đến	
13	**Đường bờ kè sông Đáy**	Giáp phường Lý Thường Kiệt	Ngã 3 Cầu Hồng Phú	1,00
II	**Các tuyến phố**			
1	**Phố Đề Yêm**	Đường Lý Thái Tổ	Đường Ngô Gia Tự	1,00
2	**Phố Võ Văn Tần** ***(Đường đôi trước cửa ký túc xá Trường Cao đẳng sư phạm)***	Phố Trần Văn Chuông	Khu đô thị Vân Sơn	1,00
3	**Phố Tống Văn Trân (đường D2)**			
3.1	Đoạn 1	Đường Lý Thái Tổ	Phố Trần Văn Chuông	1,00
3.2	Đoạn 2	Phố Trần Văn Chuông	Đường Lê Chân	1,00
4	**Phố Ngô Gia Khảm (KĐT Tây đáy)**	Cầu Hồng Phú	Cầu Châu Sơn	1,00
5	**Phố Trần Văn Chuông**			
5.1	Đoạn 1	Đường Lý Thường Kiệt	Trường THPT Phủ Lý A	1,00
5.2	Đoạn 2	Trường THPT Phủ Lý A	Trường THCS Lê Hồng Phong	1,00
6	**Phố Nguyễn Hữu Tiến**	Đường Hoàng Văn Thụ	Hết trường Cao đẳng Y tế Hà Nam	1,00
7	**Phố Trần Quang Khải**			
7.1	Đoạn 1	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lý Thái Tổ	1,00
7.2	Đoạn 2	Đường Lý Thái Tổ	Chợ cóc Hoàng Hanh	1,00
8	**Phố Trần Nhật Duật**	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lý Thái Tổ	1,00
III	**Khu dân cư**			
1	**Các TDP thuộc Phường Lê Hồng Phong cũ (TDP1, TDP2, TDP3, TDP4, TDP5, TDP6, TDP7, TDP8, TDP9)**			
1.1	Đường Phú Viên (đường liên tổ Phú Viên)	Đường Lý Thường Kiệt	Nút giao Lê Chân nhánh 2 (ĐT494B cũ)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường K_{tt} (lần)
		Từ	Đến	
1.2	Đường Lạt Sơn (đường liên tổ Lạt Sơn)	Chùa Lạt Sơn	Ngã tư đi Nhà máy xi măng Bút Sơn (đường Lê Chân kéo dài)	1,00
1.3	Đường Phú Cường (đường liên tổ Phú Cường)	Nút giao ĐT 494B (cũ) với đường Ngô Gia Tự	Chùa Lạt Sơn	1,00
1.4	Các trục đường liên thôn (Tổ dân phố) của thôn Phú Viên, Lạt Sơn, Phú Cường			1,00
1.5	Các đường thôn (Tổ dân phố) của thôn Phú Viên, Lạt Sơn, Phú Cường và vị trí còn lại			1,00
2	**Xã Phù Vân cũ: TDP 1A, 2A, 3A, 4A, 5A, 6A, Lê Lợi**			
2.1	Đường Nguyễn Thiện	Cầu Phù Vân (đầu thôn Lê Lợi)	Đê xã Kim Bình cũ	1,00
2.2	Đường trục xã			
2.2.1	Đoạn từ trạm bơm Phù Đạm 1 đến ngã 3 giao với đường Nguyễn Thiện Tổ 3A	Trạm bơm Phù Đạm 1	Ngã 3 giao với đường Nguyễn Thiện Tổ 3A	1,00
2.2.2	Đường nối từ Nguyễn An Ninh (đoạn Cổng làng tổ 4A) đến đường bao liên TDP	Đường nối từ Nguyễn An Ninh (đoạn Cổng làng tổ 4A)	Đường bao liên TDP	1,00
2.3	Các trục đường liên Tổ trong khu dân cư			1,00
2.4	Các đường trong Tổ dân phố			
2.4.1	Đường từ thửa 119, PL3 đến thửa 230,PL6			1,00
2.4.2	Đường nối từ Cống Bờ Ngoài (thửa 213,PL3) đến hết Nhà thờ Giáo Xứ Phù Đạo (thửa 262, PL3)			1,00
2.4.3	Đường nối từ Nguyễn Thiện (thửa 437, PL13) đến bờ sông đáy			1,20
2.4.4	Đường trục chính tổ 6A (từ thửa 230, PL12) đến thửa số 2, PL4			1,00
2.5	Các đường trong tổ dân phố và vị trí còn lại			1,00
3	**Các TDP thuộc Xã Kim Bình cũ: TDP Kim Thanh, TDP Kim Thượng, TDP An Lạc, TDP Đồng Tiến, TDP Mạnh Tiến, TDP Phù Lão**			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường K_{tt} (lần)
		Từ	Đến	
3.1	TDP Phù Lão (đường liên xã): Từ Quốc Lộ 21B đến cống Ba Đa			1,20
3.2	Đường trục chính (liên TDP)			1,20
3.3	Đường ĐH01: (Kim Bình cũ)			1,20
3.4	Đường Đê bao Mạnh Tiến Phù Lão			1,00
3.5	Các vị trí còn lại			1,20
3.6	2. Đường đi phường Đồng Văn (Ngã 3 cây xăng dầu Phú Sơn - TDP Kim Thanh)	Ngã 3 cây xăng dầu Phú Sơn	Hết địa phận phường Phù Vân	1,00
3.7	Đường gom chân Đê (địa bàn TDP Kim Thượng)	Ngã 3 - QL21B (Nhà ông Khương)	Hết đường gom (Nhà ông Minh)	1,00
3.8	Đường liên TDP Kim Thượng – Kim Thanh	Ngã 3 - QL21B (nhà bà Nga – thửa 187)	Hết thửa số 11 (Nhà bà Phương)	1,00
3.9	Đường gom chân Đê (địa bàn TDP Phù Lão)	Ngã 3 – QL 21B (dốc chợ Hôm) Thửa số 53 – tờ BĐ 67	Hết thửa số 114 tờ BĐ 68	1,00
IV	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường theo các Tỏ dân phố, phường như sau:**			
1	**Các TDP thuộc Phường Lê Hồng Phong cũ (TDP1, TDP2, TDP3, TDP4, TDP5, TDP6, TDP7, TDP8, TDP9)**			
1.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 32m trở lên			1,00
1.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 32m			1,00
1.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			1,00
1.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 15m			1,00
1.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m			1,00
2	**Các TDP 1A, 2A, 3A, 4A, 5A, 6A, Lê Lợi của xã Phù Vân cũ Các TDP Kim Thanh, Kim Thượng, An Lạc, Đồng Tiến, Mạnh Tiến, Phù Lão của xã Kim Bình cũ**			
2.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 32m trở lên			1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường K_{tt} (lần)
		Từ	Đến	
2.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 32m			1,20
2.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			1,20
2.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 15m			1,20
2.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m			1,20

12. Phường Liêm Tuyền

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
I	**Các tuyến đường phố**			
1	**Trần Hưng Đạo**	Địa phận phường Phủ Lý	Cầu vượt cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	1,00
2	**Đường ĐT 491**			
2.1	Đoạn 1	Từ cầu vượt cao tốc	Chùa Ngái Trì	1,00
2.2	Đoạn 2	Chùa Ngái Trì	Khu dân cư TDP 4 Tái kênh	1,00
2.3	Đoạn 3	Khu dân cư TDP 4 Tái kênh	Hết trường THCS Đinh Xá	1,00
2.4	Đoạn 4	Trường THCS Đinh Xá	Hết địa phận phường Liêm Tuyền	1,00
3	**Đường Đinh Tiên Hoàng**	Đường Lê Đức Thọ	Hết địa bàn phường Liêm Tuyền (giáp địa phận xã Liêm Hà)	1,00
4	**Đường ĐT 497** (thuộc địa bàn phường Liêm Tuyền)	Giáp xã Bình Lục	Giáp xã Bình Mỹ	1,00
5	**Đường Hà Huy Tập (QL 21B Phủ Lý - Mỹ Lộc)**			
5.1	Đoạn 1	Đường Cao tốc	Hết đất Bệnh viện Bạch Mai	1,00
5.2	Đoạn 2	Bệnh viện Bạch Mai	Hết địa bàn phường Liêm Tuyền	1,00
6	**Đường Lê Đức Thọ (ĐT494 cũ): Đoạn thuộc địa phận phường Liêm Tuyền**	Giáp phường Phủ Lý	Giáp xã Liêm Hà	1,00
7	**Đường Phạm Văn Đồng (đường nối 2 cao tốc Liêm Tuyền + Đinh Xá + Trịnh Xá)**			
7.1	Đoạn 1	Đường Hà Huy Tập	Đền thánh Vixente	1,00
7.2	Đoạn 2	Đền thánh Vixente	Cổng chào TDP Tràng	1,00
7.3	Đoạn 3	Cổng chào TDP Tràng	Hết địa phận phường Liêm Tuyền	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
8	**Đường Tuệ Tĩnh (đường 20,5m quanh BV Bạch Mai)**	Đường Hà Huy Tập	Đường quy hoạch rộng 31m	1,00
9	**Đường Phan Hưng (đường 30m phía Tây Bệnh viện Việt Đức)**			
9.1	Đoạn 1	Giáp phường Phủ Lý	Đường Trần Hưng Đạo	1,00
9.2	Đoạn 2	Đường Trần Hưng Đạo	Kè Nam sông Châu Giang	1,00
10	**Đường Lê Hữu Trác (đường QH 44,5m phía Đông Nam bệnh viện Bạch Mai)**	Đường Hà Huy Tập	Đường QH 30m địa bàn Liêm Tuyền	1,00
11	**Đường Trần Khánh Dư (đường 30m địa bàn Liêm Tuyền)**	Đường Hà Huy Tập	Đường 491	1,00
12	**Đường ĐH03**			
12.1	Đoạn 1	Đường 491	Đường Phạm Văn Đồng	1,00
12.2	Đoạn 2	Đường Phạm Văn Đồng	Đường QL21B	1,00
12.3	Đoạn 3	Đường QL21B	Hết địa phận Liêm Tuyền	1,00
II	**Các tuyến phố và ngõ**			
1	**Phố Tôn Thất Tùng:** Đoạn thuộc địa phận phường Liêm Tuyền	Đường 68m	Đường 30m (quy hoạch) cạnh bệnh viện Việt Đức	1,00
2	**Phố Đặng Thùy Trâm:** Đoạn thuộc địa phận phường Liêm Tuyền	Nút giao khu CEO với khu đất 7%	Đường 30m (quy hoạch) phía tây Bệnh viện Việt Đức	1,00
3	**Phố Nguyễn Bảng**	Đường Trần Hưng Đạo	Nút giao đường quy hoạch 17,5m	1,00
4	**Phố Doãn Mậu Khôi**	Đường 17,5m	Đường trục thôn Triệu Xá	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
5	**Phố Hoàng Thuấn**	Đường 17,5m	Đường trục thôn Triệu Xá	1,00
6	**Phố Bùi Kỷ**	Phố Đặng Văn Ngữ	Khu dân cư thôn Triệu Xá (khu đô thị CEO 2 Liêm Tuyền)	1,00
7	**Phố Dịu Hương**	Phố Đặng Văn Ngữ	Khu dân cư thôn Triệu Xá (khu đô thị CEO 2 Liêm Tuyền)	1,00
8	**Phố Bùi Đình Thảo**	Kè Sông Châu Giang	Phố Dịu Hương (khu đô thị CEO 2) Liêm Tuyền	1,00
III	**Các Tổ dân phố (khu dân cư)**			
1	**Tổ dân phố 7, TDP Triệu Xá**			
1.1	Đường trục chính			1,00
1.2	Các đường xã, thôn và vị trí còn lại			1,00
2	**TDP Bích Trì, TDP Ngái Trì**			
2.1	Đường trục chính			1,00
2.2	Các đường xã, thôn và vị trí còn lại			1,00
3	**TDP Khê Lôi, TDP Văn Lâm Làng, TDP Văn Lâm Trại, TDP Trại, TDP Đào, TDP Chiền, TDP Lương Tràng**			
3.1	Đường trục TDP Khê Lôi	Chùa Khê Lôi	Hết TDP Khê Lôi	1,00
3.2	Đường trục TDP Văn Lâm			1,00
3.3	Đường từ ngã ba TDP Văn Lâm đến Trung tâm Bảo trợ xã hội.			1,00
3.4	Đường ĐH04	Quốc lộ 21A	Giáp xã Liêm Hà	1,00
3.5	Các đường thôn và vị trí còn lại			1,00
4	**Các TDP 1,TDP 2, TDP 3, TDP 4 Tái Kênh, TDP 5**			
4.1	Đường trục chính			1,00
4.2	Các đường xã, thôn và vị trí còn lại			1,00
5	**Các TDP: Tràng, Thượng, An Hoàng, Bùi Nguyễn, Đôn**			
5.1	Đường ĐH06			1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
5.2	Các đường trục chính liên các TDP			1,00
5.3	Các trục đường TDP			1,00
5.4	Các vị trí còn lại			1,00
IV	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường theo các Tổ dân phố, phường như sau:**			
1	**Phường Liêm Tuyền cũ (Tổ dân phố 7, TDP Triệu Xá, TDP Bích Trì, TDP Ngái Trì) + Xã Liêm Tiết cũ (khu vực phía Tây Nam đường Hà Huy Tập đến kênh Chính Tây) + xã Đinh Xá cũ (khu vực phía Tây Nam đường Hà Huy Tập)**			
1.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 32m trở lên			1,00
1.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 32m			1,00
1.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			1,00
1.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 15m			1,00
1.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang nhỏ hơn 9m			1,00
2	**Xã Liêm Tiết cũ (khu vực còn lại) + Xã Đinh Xá cũ (khu vực phía Đông Bắc đường Hà Huy Tập đến đường ĐH03)**			
2.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 32m trở lên			1,00
2.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 32m			1,00
2.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			1,00
2.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 15m			1,00
2.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang nhỏ hơn 9m			1,00
3	**Xã Đinh Xá cũ (khu vực còn lại)**			
3.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 32m trở lên			1,00
3.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 32m			1,00
3.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			1,00
3.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 15m			1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
3.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang nhỏ hơn 9m			1,00
4	**Xã Trịnh Xá cũ**			
4.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 32m trở lên			1,00
4.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 32m			1,00
4.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			1,00
4.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 15m			1,00
4.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang nhỏ hơn 9m			1,00

13. Phường Châu Sơn

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
I	**Các tuyến đường phố**			
1	**Đường Lê Hoàn (Quốc lộ 1A)**			
1.1	Đoạn 1	Gáp xã Liêm Hà	Ngã tư đường 494 - QL1A (ngã tư huyện Thanh Liêm cũ)	1,00
1.2	Đoạn 2	Đường Phan Huy Ích	Đường Phạm Công Trứ (giáp phường Phủ Lý)	1,00
2	**Đường Võ Văn Kiệt (QL1A đoạn tránh TP Phủ Lý) - Nối ra QL1A cũ (đường Lê Hoàn)**			
2.2	Đoạn 1	Đường Lê Hoàn (QL1A)	Cổng KCN Thanh Liêm (Cổng công ty Number One)	1,00
2.3	Đoạn 2	Cổng KCN Thanh Liêm (Cổng công ty Number One)	Hết tuyến tránh địa bàn phường Châu Sơn	1,00
3	**Đường Phạm Công Trứ nối dài hết đường Yết Kiêu (đường ĐH 08)**			
3.3	Đoạn 1	Đường Lê Hoàn (QL1A)	Hết nhà ông Diễn thửa 125, PL2 cũ (đối diện là thửa số 9, PL 2)	1,00
3.4	Đoạn 2	Nhà ông Diễn thửa 125, PL2 cũ (đối diện là thửa số 9, PL 2)	Thửa 198, PL8 cũ phường Thanh Tuyền	1,00
3.5	Đoạn 3	Thửa 198, PL8 cũ phường Thanh Tuyền	Đường Võ Văn Kiệt DT494	1,00
4	**Đường Lý Thái Tổ**			
4.1	Đoạn 1	Phố Trần Văn Chuông	Đường Lê Chân	1,00
4.2	Đoạn 2	Đường Lê Chân	Đường Đinh Công Tráng	1,00
5	**Đường Hoàng Văn Thụ**	Đường Lê Chân	Đường Đinh Công Tráng	1,00
6	**Đường Lê Chân**	Cầu Châu Sơn	Giáp địa phận phường Phù Vân	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
7	**Đường Đinh Công Tráng**			
7.1	Đoạn 1	Đường Lê Chân	Phố Trần Bình Trọng	1,00
7.2	Đoạn 2	Phố Trần Bình Trọng	UBND phường Châu Sơn (mới)	1,00
7.3	Đoạn 3	UBND phường Châu Sơn (mới)	Đường Trần Nhật Duật	1,00
8	**Phố Nguyễn Duy Huân (*đường QH-NLC1)***	Đường D5	Đường Đinh Công Tráng	1,00
9	**Phố Cù Chính Lan**	Đường Lê Chân	Đường Đinh Công Tráng	1,00
10	**Phố Đặng Quốc Kiêu (đường QH-Đ.D)**	Phố Nguyễn Duy Huân (đường QH-NLC1)	Phố Trần Đăng Ninh (đường QH-NLC4)	1,00
11	**Phố Dương Văn Nội (*đường QH-NLC2*):**			
11.1	Đoạn 1	Đường Hoàng Văn Thụ (đường D5)	Đường Đinh Công Tráng	1,00
11.2	Đoạn 2	Đường Hoàng Văn Thụ (đường D5)	Đường Lý Thái Tổ	1,00
12	**Phố Nguyễn Đức Quý *(đường QH - NLC3)***	Đường Hoàng Văn Thụ (đường D5)	Đường Lý Thái Tổ	1,00
13	**Phố Trần Đăng Ninh *(đường QH-NLC4)***	Đường Lê Chân	Đường Hoàng Văn Thụ (đường D5)	1,00
14	**Phố Trịnh Đình Cửu (đường QH-Đ.F)**	Đường Lê Chân	Đường Đinh Công Tráng	1,00
15	**Phố Trần Bình Trọng**	Cầu Đọ	Đường Đinh Công Tráng	1,00
16	**Đường Phan Huy ích**	Đường Lê Hoàn (QL1A)	Giáp thị trấn Kiện Khê cũ	1,00
17	**Đường Trần Nhân Tông**			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
17.1	Đoạn 1	Giáp với phường Thanh Tuyền cũ	Đầu Cầu Kiện Khê	1,00
17.2	Đoạn 2: Đường đê Sông Đáy (ĐH08 cũ)	Cầu Kiện Khê	Giáp xã Tân Thanh (xã Thanh Thủy cũ)	1,00
18	**Đường Võ Thị Sáu**	Giao QL1A đoạn tránh TP Phủ Lý	Giáp địa phận phường Lý Thường Kiệt (thôn Hồng Sơn, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng cũ)	1,00
19	**Đường Trần Nhật Duật**			
19.1	Đoạn 1	Đường Đinh Công Tráng (phường Châu Sơn cũ)	Ngã 5 đối diện cây xăng Phú Thịnh cũ	1,00
19.2	Đoạn 2	Phía Bắc cây xăng Phú Thịnh cũ	Chân núi Bất Nhì (giáp xã Tân Thanh)	1,00
20	**Phố Nguyễn Khuyến**	Giao với đường Yết Kiêu	Giao với đường xóm Bắc, tiểu khu Ninh Phú thị trấn Kiện Khê cũ	1,00
21	**Phố Bạch Trà**	Giao với đường Phạm Ngũ Lão	Giao với đường Võ Văn Kiệt	1,00
22	**Phố Trần Tử Bình**	Giao với đường Phạm Ngũ Lão	Giao với đường Võ Văn Kiệt	1,00
23	**Phố Nguyễn Thị Nhạ**			
23.1	Đoạn 1	Ngã 4 cầu Phao cũ	Hết nghĩa trang Phù Lưu	1,00
23.2	Đoạn 2	Nghĩa trang Phù Lưu	Đường Võ Văn Kiệt	1,00
24	**Đường đối diện khu nhà ở Thu Ngân đến đường chắn nước núi**			1,00
25	**Đoạn nhánh nối ĐT494C – Đường tránh QL21 (ĐT494 cũ)**	Nhà máy xi măng Kiện Khê	Hết địa phận phường Châu Sơn (giáp huyện Kim Bảng cũ)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
26	**Đường ĐT495C**			
26.1	Đường ĐT495C nhánh 1	Từ ngã 3 đối diện dự án khu nhà ở công ty Thu Ngân	Hết địa bàn phường Châu Sơn (giáp Tân Thanh)	1,00
26.2	Đường 495C nhánh 2	Thửa số 39 PL7 cũ (nhà ông Cốc) qua nhà thờ Giáo Họ Tân Lâm	Đường Võ Thị Sáu	1,00
27	**Đường Phạm Ngũ Lão**	Đường Đinh Công Tráng	Giáp địa bàn xã Thanh Thuỷ	1,00
II	**KHU VỰC KHU DÂN CƯ CŨ CỦA MỘT SỐ PHƯỜNG** *(ngoài khu vực đã xác định theo đường phố, phố quy định tại Bảng giá này):*			
1	**TDP Ngô Gia Khảm, TDP Trần Phú, TDP Do Nha, TDP Lê Lợi, TDP Hưng Đạo, TDP Thượng Hòa, TDP Thái Hòa, TDP Nam Sơn 1, TDP Nam Sơn 2 (thuộc Phường Châu Sơn cũ)**			
1.1	Đường từ chợ Mỏ đến giáp phường Lý Thường Kiệt (đường vào khu khai thác đá)			1,00
1.2	Các đường thôn, xóm, tổ dân phố và vị trí còn lại			1,00
2	**TDP1, TDP2, TDP3, TDP4, TDP5, TDP6, TDP7, TDP8 (thuộc Phường Thanh Tuyền cũ)**			
2.1	Đường nối từ Phạm Công Trứ qua Trụ sở UBND Thanh Tuyền cũ đến đường Phan Huy Ích			1,00
2.2	Các đường thôn, xóm, tổ dân phố và vị trí còn lại			1,00
3	**TDP Lâm Sơn, TDP Châu Giang, TDP La Mát, TDP Kiện Khê, TDP Ninh Phú , TDP Tháp (thuộc TT Kiện Khê cũ)**			
3.1	Các khu vực còn lại			1,00
III	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường theo các Tổ dân phố, phường như sau:**			
1	**TDP Ngô Gia Khảm, TDP Trần Phú, TDP Do Nha, TDP Lê Lợi, TDP Hưng Đạo, TDP Thượng Hòa, TDP Thái Hòa, TDP Nam Sơn 1, TDP Nam Sơn 2 (thuộc Phường Châu Sơn cũ)**			
1.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 32m trở lên			1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 32m			1,00
1.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			1,00
1.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 15m			1,00
1.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m			1,00
2	**TDP1, TDP2, TDP3, TDP4, TDP5, TDP6, TDP7, TDP8 (thuộc Phường Thanh Tuyền cũ)**			
2.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 32m trở lên			1,00
2.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 32m			1,00
2.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			1,00
2.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 15m			1,00
2.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m			1,00
3	**TDP Lâm Sơn, TDP Châu Giang, TDP La Mát, TDP Kiện Khê, TDP Ninh Phú , TDP Tháp (thuộc TT Kiện Khê cũ)**			
3.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 32m trở lên			1,00
3.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 32m			1,00
3.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			1,00
3.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 15m			1,00
3.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m			1,00

14. Phường Duy Tiên

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	**Đường Nguyễn Tất Thành (QL38)**			
1.1	Đoạn 1	Cầu Nông Giang	Cầu Hòa Mạc	1,30
1.2	Đoạn 2	Cầu Hòa Mạc	Đường Trần Quang Khải	1,30
1.3	Đoạn 3	Đường Trần Quang Khải	Cầu Giát	1,30
1.4	Đoạn 4	Cầu Giát	Giáp địa phận phường Duy Tân	1,30
2	**Đường Quốc lộ 38B (Đường ĐT 492 cũ)**	Đường DH02	Cầu Hợp Lý	1,30
3	**Đường Võ Nguyên Giáp**	Cầu Nông Giang	Giáp địa phận phường Đồng Văn	1,30
4	**Đường Lý Nhân Tông (QL37B cũ)**			
4.1	Đoạn 1	Đường Quốc 38	Trạm bơm Nách Nôm	1,30
4.2	Đoạn 2	Trạm bơm Nách Nôm	Đường DH 06	1,30
4.3	Đoạn 3	Đường DH 06	Giáp phường Tiên Sơn	1,30
5	**Đường Đào Văn Tập**			
5.1	Đoạn 1	Cầu Hòa Mạc	Cụm công nghiệp Yên Lệnh	1,30
5.2	Đoạn 2	Cụm công nghiệp Yên Lệnh	Đê Sông Hồng	1,30
6	**Đường Trần Bình Trọng**			
6.1	Đoạn 1	Cầu Hòa Mạc	Trường THCS Nguyễn Hữu Tiến	1,30
6.2	Đoạn 2	Trường THCS Nguyễn Hữu Tiến	Cây xăng Phúc Thành	1,30
7	**Đường Châu Giang**	Đường Trần Bình Trọng	Cầu Nông Giang	1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
8	**Đường Lũng Xuyên**	Trạm Bơm Nách Nôm	Giáp địa phần phường Đồng Văn	1,30
9	**Đường ĐH02**	Ngã ba Hàng	Phà Yên Lệnh cũ	1,30
10	**Đường ĐT 492**	Đường Lý Nhân Tông	Cầu Đập Phúc	1,30
11	**Đường ĐH06**	Đường Lý Nhân Tông	Giáp phường Tiên Sơn	1,30
12	**Đường ĐH08**	Đường Lý Nhân Tông	Đường Lũng Xuyên (DH05 cũ)	1,30
13	**Đường trục phường**			
13.1	Đoạn 1	Quốc lộ 38	Cống 7 cửa	1,30
13.2	Đoạn 2	Quốc lộ 38B	Ngã 3 Văn Bút	1,30
13.3	Đoạn 3	Trụ sở UBND xã Trác Văn cũ	Nhà ông Chủ (tổ dân phố Lệ Thủy)	1,30
13.4	Đoạn 4	Chợ Trung tâm xã Trác Văn cũ	Đình Tường Thụy	1,30
13.5	Đoạn 5	Nhà ông Bồng (TDP Tường Thụy 2)	Đường Đào Văn Tập	1,30
13.6	Đoạn 6	Từ Ngã Tư ông Cao (TDP Tường Nguyễn)	Tổ dân phố Lỗ Hà	1,30
14	Khu đô thị Hòa Mạc			
14.1	Các đường dọc chính vào Khu đô thị Hòa Mạc:Từ giáp QL.38 đến đường 24m			1,30
14.2	Các đường còn lại trong Khu đô thị Hòa Mạc			1,30
15	Đường trục chính khu đất hỗ trợ 7% thuộc tổ dân phố Quan Phố			1,30
16	Các trục đường tổ dân phố Quan Phố, Từ Đài, Điện Biên			1,30
17	Các trục đường chính của tổ dân phố số 1, Thái Hòa, số 3, số 4			1,30
18	Trục đường tổ dân phố Yên Mỹ			1,30
19	Đường từ chợ Hòa Mạc đến hết Trung tâm y tế thị xã Duy Tiên cũ			1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
20	Trục đường chính nội bộ khu đất đấu giá và đất hỗ trợ 7% tổ dân phố Phúc Thành - phía Tây đường ĐH01 (giáp phường Châu Giang cũ)			1,30
21	Đường trục chính khu đất dịch vụ (vị trí giáp khu đô thị Hòa Mạc)			1,30
22	Đường trục chính (Đường N1- vị trí khu đất dịch vụ từ cửa ông Giới xuống khu vực trường cấp 1B cũ)- tuyến dọc Kênh I4-15)			1,30
23	Các đường nội bộ còn lại trong khu đất dịch vụ (vị trí từ cửa ông Giới xuống khu vực Trường cấp 1B cũ)			1,30
24	Các trục đường tổ dân phố Quan Nha, Trại Quan Nha, Lạt Hà, Văn Bút, Lệ thủy, Tường Thụy 1, Tường Thụy 2, Tường Thụy 3, Tường Nguyễn			1,30
25	Các trục đường tại bãi thôn Điệp Sơn và bãi Trại Mang nay là bãi thôn Mang Hạ			1,30
26	Các đường còn lại.			1,30
27	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**			
27.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 30 mét trở lên			1,30
27.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét đến dưới 30 mét			1,30
27.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,30
27.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9 mét đến dưới 13 mét			1,30
27.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9 mét trở xuống			1,30

15. Phường Duy Tân

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	**Đường Nguyễn Tất Thành**	Giáp phường Duy Tiên	Cầu Yên Lệnh	1,30
2	**Đường Võ Nguyên Giáp**	Cầu Nông Giang	Đường Nguyễn Tất Thành (khu vực giáp Phường Duy Tiên)	1,30
3	**Đường Trần Bình Trọng**			
3.1	Đoạn 1	Cây xăng Phúc Thành	Đường Võ Nguyên Giáp	1,30
3.2	Đoạn 2	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 tổ dân phố Đoài	1,30
3.3	Đoạn 3	Ngã 3 tổ đân phố Đoài	Hết khu dân cư tổ dân phố Du Long	1,30
3.4	Đoạn 4	Khu dân cư tổ dân phố Du Long	Đê Sông Hồng	1,30
4	**Đường Trần Quang Khải**			
4.1	Đoạn 1	Giáp phường Duy Tiên	Đường Võ Nguyên Giáp	1,30
4.2	Đoạn 2	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Bình Trọng	1,30
5	**Đường Châu Giang**			
5.1	Đoạn 1	Chợ Lương	Đường Nguyễn Tất Thành (Khu vực giáp phường Duy Tiên)	1,30
6	**Đường 51m (Tuyến đường kết nối từ đường Châu Giang đến Đê sông Hồng)**	Đường Châu Giang	Đê sông Hồng	1,00
7	**Đường Trần Thuấn Du**			
7.1	Đoạn 1	Đường Trần Quang Khải	Đường Võ Nguyên Giáp	1,30
7.2	Đoạn 2	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lý Trần Thản	1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
8	**Đường Lý Trần Thản**	Đường Châu Giang	Đường Trần Bình Trọng	1,30
9	**Đường DH13 cũ**	Đường Trần Bình Trọng	Đê Sông Hồng	1,30
10	**Đường Trần Quốc Toản**	Đường DH13 cũ	Hết địa phận phường Duy Tân	1,30
11	Các trụ đường chính tổ dân phố Hoàn Dương, Yên Bình, Dĩ Phố			1,30
12	Trục đường chính nội bộ khu đất đấu giá phía Đông đường Trần Bình Trọng (giáp phường Duy Tiên)			1,30
13	Trục đường chính nội bộ khu đất hỗ trợ 7% tổ dân phố Phúc Thành			1,30
14	Các trục đường còn lại (trục đường xã, thôn còn lại tại Phường Châu Giang cũ)			2,00
15	Các trục đường còn lại (trục đường xã, thôn còn lại tại xã Mộc Hoàn cũ)			1,30
16	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**			
16.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 30 mét trở lên			1,30
16.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét đến dưới 30 mét			1,30
16.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,30
16.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9 mét đến dưới 13 mét			1,30
16.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9 mét trở xuống			1,30

16. Phường Đồng Văn

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	**Đường Nguyễn Hữu Tiến (Quốc lộ 38)**			
1.1	Đoạn 1	Chân cầu Vượt	Đường Nguyễn Tất Thành	1,30
1.2	Đoạn 2	Đường gom Quốc lộ 1A	Hết cầu vượt về phía Đông (phía Bắc Cầu vượt)	1,30
2	**Đường Nguyễn Tất Thành**			
2.1	Đoạn 1	Đường Nguyễn Hữu Tiến	Đường Lũng Xuyên	1,30
2.2	Đoạn 2	Đường Lũng Xuyên	Giáp phường Duy Tiên	1,30
3	**Đường Phạm Ngọc Nhị (ĐT498C)**	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Đinh Công Tráng	1,30
4	**Đường Đinh Tiên Hoàng (QL.1A)**	Cây xăng số 9	Giáp địa phận phường Duy Hà	1,30
5	**Đường Độc Lập (Đường Lê Công Thanh kéo dài)**	Đường Nguyễn Hữu Tiến	Giáp địa phận phường Tiên Sơn	1,30
6	**Phố Tố Hữu**	Đường Nguyễn Hữu Tiến	Đường Trương Công Giai	1,30
7	**Phố Nguyên Phi Ỷ Lan**	Đường Đặng Văn Chung	Sân vân động Đồng Văn	1,30
8	**Phố Nguyễn Nghĩa Thọ**	Đường Dương Văn Nội	Đường Trương Công Giai	1,30
9	**Đường Nguyễn Văn Ninh**	Đường Nguyễn Hữu Tiến	Hết địa phận phường Đồng Văn	1,30
10	**Phố Bùi Đình Thảo**	Đường Nguyễn Hữu Tiến	Đường Nguyễn Khuyến	1,30
11	**Phố Nam Cao**	Đường Bùi Đình Thảo	Đường Võ Thị Sáu	1,30
12	**Đường Đinh Công Tráng (đường ĐH11)**	Đường Nguyễn Hữu Tiến	Hết địa phận phường Đồng Văn	1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
13	**Đường Bạch Thái Bưởi**	Từ địa phận phường Tiên Sơn	Đường Hàm Long	1,30
14	**Phố Dương Văn Nội**	Đường Nguyễn Hữu Tiến	Khu đô thị đến hết chợ	1,30
15	**Đường ĐH10**			
15.1	Đoạn 1	Đường Nguyễn Hữu Tiến	Cổng làng Thần Nữ	1,30
15.2	Đoạn 2	Cổng làng Thần Nữ	Đường DN 2	1,30
16	**Đường Hoành Uyển (Địa phận phường Đồng Văn)**			1,30
17	**Đường Võ Nguyên Giáp (Địa phận phường Đồng Văn)**	Từ giáp địa phận phường Duy Tiên	Đến đường Nguyễn Tất Thành	1,30
18	**Đường Lũng Xuyên**			
18.1	Đoạn 1	Đường Nguyễn Tất Thành	Kênh I48.1 (thửa 53, PL4)	1,30
18.2	Đoạn 2	Kênh I48.1 (thửa 53, PL4)	Giáp địa phận phường Duy Tiên	1,30
19	**Đường Trương Minh Lượng**	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận phường Đồng Văn	1,30
20	**Đường ĐH10B cũ**	Đoạn từ hộ bà Thành (PL10, thửa 20) tổ dân phố Giáp Nhất	Nhà văn hóa tổ dân phố Giáp Nhất	1,30
21	**Đường dọc kênh I48**	Từ đường Nguyễn Tất Thành	Giáp phường Tiên Sơn	1,30
22	**Các trục đường thuộc tổ dân phố Đôn Lương**			
22.1	Đoạn 1	Từ giáp đường Lũng Xuyên	đến hộ ông Tỉnh (thửa 234, PL17)	1,30
22.2	Đoạn 2	Từ hộ ông Tỉnh (thửa đất số: 234, PL17) đến	Hết địa phận phường Đồng Văn	1,30
23	Các tuyến đường nội bộ trong các khu đô thị			1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
24	Đường trong các khu tái định cư, khu đất hỗ trợ 7%			1,30
25	Đường trục chính tổ dân phố Đồng Văn; Ninh Lão (Phạm Văn Đồng) và Tổ dân phố Sa Lao			1,30
26	- Các trục đường thuộc các tổ dân phố Giáp Nhất, Giáp Nhì, Ngũ Nội: + Từ hộ ông Viện (PL10, thửa 11) đến hộ ông Thông (PL9, thửa 214) tổ dân phố Giáp Nhất; + Từ hộ ông Cẩn (PL10, thửa 68) đến hộ ông Phúc (PL9, thửa 47) tổ dân phố Giáp Nhất + Từ giáp hộ ông Hải (PL10, thửa 62) đến hộ ông Trường (PL10, thửa 88) tổ dân phố Giáp Nhất + Từ giáp hộ ông Động (PL9, thửa 215) đến hộ ông Học (PL9, thửa 306) tổ dân phố Giáp Nhất; + Từ hộ bà Lan (PL1, thửa 37) tổ dân phố Ngũ Nội đến hộ ông Huy (PL4, thửa 299) tổ dân phố Giáp Nhì. - Các trục đường thuộc các tổ dân phố: Vũ Xá; Lương Xá; Chợ Lương (trục đường xã cũ).			1,30
27	Các trục đường tổ dân phố còn lại			1,30
28	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**			
28.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 30 mét trở lên			1,30
28.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét đến dưới 30 mét			1,30
28.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,30
28.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9 mét đến dưới 13 mét			1,30
28.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9 mét trở xuống			1,30

17. Phường Duy Hà

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	**Đường Độc Lập (đường 68m) - đoạn thuộc địa phận phường Duy Hà**			2,00
2	**Đường Nguyễn Hữu Tiến - địa bàn phường Duy Hà (bao gồm cả tuyến đường gom dọc Nguyễn Hữu Tiến - Điểm đầu thửa 483, PL8 đến thửa 451, PL 15); khu tái định Trịnh (Điểm đầu thửa 818, PL7 đến thửa 395, PL7)**	Từ chân Cầu Vượt phường Đồng Văn	Hết địa phận phường Duy Hà	2,00
3	**Phố Nguyễn Tri Phương**			2,00
4	**Đường Đinh Công Tráng**			2,00
5	**Đường Đinh Tiên Hoàng**			
5.1	Đoạn 1	Từ giáp phường Đồng Văn	Đến giáp phường Hà Nam	2,00
5.2	Đoạn 2	Từ giáp phường Đồng Văn	Hết địa phận phường Duy Hà	2,00
6	**Đường Duy Tân**			3,00
7	**Đường Phạm Ngọc Nhị (Thuộc địa bàn phường Duy Hà)**			3,00
8	**Đường Trương Minh Lượng**	Từ giáp phường Đồng Văn	Đến đường Quốc lộ 1A	2,00
9	**Đường Lê Tung**	Từ Quốc lộ 1A	Hết địa phận phường Duy Hà	2,00
10	**Đường ĐH10B**			2,00
11	**Đường ĐT 498C (Quốc lộ 38 cũ)**	Từ giáp phường Kim Thanh	Đến hộ ông Bang giáp phường Lê Hồ	2,00
12	**Đường Trần Quyết**	Thuộc địa phận phường Duy Hà		3,00
13	**Đường Ngô Quyền**			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
13.1	Đoạn 1	Từ hộ ông Thạo (PL13, thửa 70)	Đến kho lương thực	2,00
13.2	Đoạn 2	Từ cổng Kho dự trữ Quốc gia	Hết địa phận phường Duy Hà	2,00
14	**Đường Trần Khánh Dư**			2,00
15	**Trục đường đê Sông Nhuệ (Thuộc địa phận phường Duy Hà)**			2,00
16	**Khu đô thị Đồng Văn Xanh**			
16.1	Trục đường chính Khu đô thị Đồng Văn Xanh (đường Đặng Thùy Trâm): Đường 42m (đoạn từ Bệnh viện Quốc tế Đồng Văn đến vị trí quy hoạch Trường tiểu học)			2,00
16.2	Trục đường trong Khu đô thị Đồng Văn Xanh 17,5m (hướng Đông - Tây) (đường Nguyễn Tri Phương)			2,00
16.3	Trục đường Khu Đô thị Đồng Văn Xanh (đường Nguyễn Thượng Hiền): Đoạn nối từ đường ĐT 498C đến QL.38			2,00
16.4	Các trục đường còn lại trong Khu đô thị Đồng Văn Xanh			2,00
17	**Đường trục phường**			
17.1	Đoạn 1	Từ hộ ông Lương (PL7, thửa 293)	Giáp hộ ông Quang - Hoài (PL7, thửa 271).	2,00
17.2	Đoạn 2	Từ hộ ông Mùi (PL7, thửa 143)	Đến hộ ông Phương (PL7, thửa 209)	2,00
17.3	Đoạn 3	Từ hộ ông Quýnh (PL5, thửa 9) tổ dân phố Tú	Đến Chùa tổ dân phố Tú	2,00
17.4	Đoạn 4	Từ giáp hộ ông Anh (PL1, thửa 36)	Đến Trạm bơm tổ dân phố Ngọc Thị	2,00
17.5	Đoạn 5	Từ hộ bà Thật tổ dân phố Ngọc Thị	Đến thửa đất số 56, PL 02 (Đất UB)	2,00
17.6	Đoạn 6	Từ trạm điện tổ dân phố Tứ Giáp (đầu tuyến đường)	Đến giáp đường Quốc lộ 1A	2,00
17.7	Đoạn 7	Từ cổng làng tổ dân phố Đông Hải giáp hộ ông Minh (PL08, thửa 236)	Đường Ngô Quyền	2,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
18	Đường trục chính nối từ QL 38 vào khu đất hỗ trợ 7%			2,00
19	Ngõ 21 đường Trần Khánh Dư			2,00
20	Đoạn đường thuộc tổ dân phố Ngọc Động gồm: Đường Trần Quyết TDP Ngọc Động và trục đường phía Tây tổ dân phố Ngọc Động			2,00
21	Đoạn đường thuộc tổ dân phố Bạch Xá: Từ giáp Quốc lộ 1A đến hết giếng làng (PL5, thửa 149)			3,00
22	Khu đất tái định cư, khu đất dịch vụ 7% thuộc TDP Bạch Xá:			2,00
23	Trục đường chính còn lại thuộc tổ dân phố Bạch Xá			2,00
24	Đoạn đường thuộc tổ dân phố Hoàng Thượng: Đường Trần Quyết TDP Hoàng Thượng và đường trục chính tổ dân phố Hoàng Thượng; đường phía Đông tổ dân phố lên cụm công nghiệp; đường trục xóm trại tổ dân phố Hoàng Thượng			2,00
25	Trục đường thuộc TDP An Nhân			2,00
26	Trục đường thuộc TDP Hoàng Hạ			2,00
27	Các trục đường còn lại			3,00
28	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**			
28.1	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở đô thị Kosy Hà Nam			
28.1.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 28m trở lên			2,00
28.1.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 28m			2,00
28.1.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			2,00
28.1.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 15m			2,00
28.2	Dự án Khu thương mại và nhà ở đô thị tại phường Duy Minh và phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên			
28.2.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 28m trở lên			2,00
28.2.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 28m			2,00
28.2.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			2,00
28.2.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 15m			2,00
28.3	Dự án Khu đô thị mới thuộc địa bàn phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
28.3.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 28m trở lên			2,00
28.3.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 28m			2,00
28.3.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			2,00
28.3.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 15m			2,00
28.4	Đầu tư xây dựng Khu nhà ở đô thị kết hợp chỉnh trang khu dân cư tổ dân phố Đông Hải, phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT15.22) - Hanopark			
28.4.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 28m trở lên			2,00
28.4.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 28m			2,00
28.4.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			2,00
28.4.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 15m			2,00
28.6	Dự án khu nhà ở phía đông cụm phòng cháy chữa cháy và khu nhà ở đô thị tại phường Hoang Đông cũ			
28.6.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 28m trở lên			2,00
28.6.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 20m đến dưới 28m			2,00
28.6.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 15m đến dưới 20m			2,00
28.6.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 15m			2,00
28.7	Các tuyến đường quy hoạch trong khu đô thị và khu dân cư chưa có tên			
28.7.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 32 mét trở lên			2,00
28.7.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét đến dưới 32 mét			2,00
28.7.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			2,00
28.7.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 13m			2,00

18. Phường Tiên Sơn

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	**Đường Độc Lập**	Từ giáp phường Duy Hà	Hết địa phận phường Tiên Sơn	1,10
2	**Đường Bạch Thái Bưởi**	Từ giáp phường Đồng Văn	Hết địa phận phường Tiên Sơn	1,10
3	**Đường Lê Tung**	Từ giáp phường Duy Hà	Hết địa phận phường Tiên Sơn	1,10
4	**Đường Trương Minh Lượng (phía Đông đường cao tốc)**	Từ giáp phường Đồng Văn	Đường Bạch Thái Bưởi	1,10
5	**Đường Trương Minh Lượng (phía Tây đường cao tốc)**	Từ giáp phường Đồng Văn	Đường Bạch Thái Bưởi	1,30
6	**Đường Lý Nhân Tông (đường Quốc lộ 37B cũ)**	Từ giáp phường Duy Tiên	Hết địa phận phường Tiên Sơn	1,30
7	**Đường ĐT 493**			
7.1	Đoạn 1	Cầu Câu Tử	Phường Hà Nam	1,40
7.2	Đoạn 2	Đường Lý Nhân Tông	Hộ ông Tiến (PL 9, thửa 211)	1,40
8	**Đường ĐT 493B**	Đường Lý Nhân Tông	Hết địa phận phường Tiên Sơn	1,40
9	**Đường ĐH07**	Đường Lý Nhân Tông- Khu Tịch Điền	Thửa 111; PL 8 TDP An Mông 1	1,40
10	**Đường đê Bắc Châu Giang**	Từ Đình Lê Xá	Đường ĐT 493	1,40

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
11	**Đường ĐH06**	Từ đường Bạch Thái Bưởi	Giáp địa phận phường Duy Tiên	2,00
12	Trục đường chính các khu đất Tái định cư, khu đất hỗ trợ 7% (khu vực các tổ dân phố Trung Hòa B, Kim Hòa, Ngô Tân)			1,40
13	Các đường đô thị trục chính trong khu dân cư (trục đường xã khu vực phường Tiên Nội, xã Tiên Ngoại cũ)			1,40
14	Các đường đô thị trục chính trong khu dân cư (trục đường thôn khu vực phường Tiên Nội, xã Tiên Ngoại cũ)			1,40
15	Các trục đường đô thị (đường trục xã, thôn khu vực xã Đọi Sơn cũ)			1,40
16	Các trục chính TDP: Dưỡng Thọ, An Mông 1, An Mông 2 (khu vực đường trục thôn xã Tiên Phong cũ)			1,80
17	Đường trục chính Khu đất tái định cư (địa bàn xã Tiên Ngoại cũ)			1,40
18	Đường trục chính Khu đất tái định cư (địa bàn xã Tiên Sơn cũ)			1,40
19	Các trục đường TDP còn lại			1,40
20	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**			
20.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 30 mét trở lên			
20.1.1	Khu vực phường Tiên Nội cũ			1,10
20.1.2	Khu vực xã Tiên Sơn, Tiên Ngoại cũ			1,10
20.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét đến dưới 30 mét			
20.2.1	Khu vực phường Tiên Nội cũ			1,10
20.2.2	Khu vực xã Tiên Sơn, Tiên Ngoại cũ			1,10
20.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			
20.3.1	Khu vực phường Tiên Nội cũ			1,10
20.3.2	Khu vực xã Tiên Sơn, Tiên Ngoại cũ			1,10
20.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9 mét đến dưới 13 mét			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
20.4.1	Khu vực phường Tiên Nội cũ			1,10
20.4.2	Khu vực xã Tiên Sơn, Tiên Ngoại cũ			1,10
20.5	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9 mét trở xuống			
20.5.1	Khu vực phường Tiên Nội cũ			1,10
20.5.2	Khu vực xã Tiên Sơn, Tiên Ngoại cũ			1,10

19. Phường Lê Hồ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường K_{tt} (lần)
		Từ	Đến	
I	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ**			
1	**Đường Quốc lộ 38**	Giáp phường Kim Thanh	Giáp phường Nguyễn Úy	1,20
2	**Đường tránh Quốc lộ 1A (đường tránh Phủ Lý)**	Giáp ranh phường Kim Thanh (Nhật Tân cũ)	Giáp ranh phường Kim Bảng (Văn Xá cũ)	1,20
II	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỈNH LỘ**			
1	**Đường ĐT498**			
1.1	Đoạn 1	Thửa 322 tờ 66	Ngã ba (ĐT 498- T3)	1,55
1.2	Đoạn 2	Cầu Đồng Hóa	Thửa 323 tờ 66	1,55
1.3	Đoạn 3	Cầu Đồng Hóa	Giáp phường Kim Thanh (thửa 35 tờ 64- nhà ông Tuân)	1,55
2	**Đường ĐT 498C (Quốc lộ 38 cũ)**	Thửa 40 tờ 51	Thửa 124 tờ 13 (PL1 Lê Hồ)	1,20
3	**Đường T3**	Giáp phường Kim Thanh	Giáp phường Kim Bảng	1,00
III	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG PHƯỜNG**			
1	**Đường ĐH01**			1,00
2	**Đường ĐH02**	ĐT 498C	QL38 (thửa 230 tờ 49)	1,00
3	**Các tuyến đường trong TDP Phương Thượng**			
3.1	Đường trục TDP Phương Thượng			
3.1.1	Đoạn 1	Thửa 907 tờ 19	Thửa 787 tờ 20	1,30
3.1.2	Đoạn 2	Thửa 917 tờ 19	Thửa 875 tờ 19	1,30
3.2	Đường trục xã			
3.2.1	Đoạn 1	Quốc Lộ 38	ĐT 498C	1,30
3.2.2	Đoạn 2	ĐT 498C	Giáp ranh giới Hà Nội	1,30
3.3	Vị trí còn lại			1,30
4	**Các tuyến đường trong TDP An Đông và TDP Phương Đàn**			
4.1	Đường trục TDP An Đông			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường K_{tt} (lần)
		Từ	Đến	
4.1.1	Đoạn 1	Thửa 308 tờ 17	Thửa 162 tờ 17	1,30
4.1.2	Đoạn 2	Thửa 401 tờ 17	Thửa 315 tờ 17	1,30
4.2	Đường trục TDP Phương Đàn			
4.2.1	Đoạn 1	Thửa 32 tờ 18	Thửa 293 tờ 18	1,30
4.2.2	Đoạn 2	Thửa 340 tờ 18	Thửa 132 tờ 18	1,30
4.2.3	Đoạn 3	Thửa 63 tờ 16	Thửa 150 tờ 18	1,30
4.3	Các đường ngõ ngách còn lại			1,14
5	**Các tuyến đường trong TDP Đại Phú, TDP Đồng Thái và khu Đồng Chợ**			
5.1	Đường TDP Đồng Thái			
5.1.1	Đoạn 1	Chùa Đồng Thái	ĐT 498C	1,30
5.1.2	Đoạn 2	Thửa 158 tờ 14	Thửa 183 tờ 14	1,30
5.1.3	Đoạn 3	Thửa 207 tờ 14	Thửa 277 tờ 14	1,30
5.2	Đường TDP Đại Phú			
5.2.2	Đoạn 1	Thửa số 240 tờ 20	Thửa 66 tờ 20	1,10
5.2.3	Đoạn 2	Thửa số 2 tờ 20	Thửa 65 tờ 20	1,10
5.3	Các đường ngõ ngách còn lại			1,10
6	**Các tuyến đường trong TDP Thịnh Đại và TDP Tùng Quan**			
6.1	Đường trục TDP Thịnh Đại	ĐT 498C	Thửa 114 tờ 53	1,25
6.2	Đường trục TDP Tùng Quan	ĐT 498C	Thửa 176 tờ 47	1,25
6.3	Vị trí còn lại			1,10
7	**Các tuyến đường trong TDP Dương Cương và TDP Nông Vụ**			
7.1	Đường trục TDP Dương Cương			
7.1.1	Đoạn 1	QL38	Thửa 419 tờ 55	1,30
7.1.2	Đoạn 2	Thửa 444 tờ 54	Thửa 432 tờ 55	1,30
7.1.3	Đoạn 3	Thửa 76 tờ 55	Thửa 432 tờ 55	1,30
7.2	Đường trục TDP Nông Vụ			
7.2.1	Đoạn 1	Thửa 31 tờ 57	Thửa 136 tờ 58	1,30
7.2.2	Đoạn 2	Thửa 7 tờ 57	Thửa 123 tờ 58	1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường K_{tt} (lần)
		Từ	Đến	
7.2.3	Đoạn 3	Thửa 97 tờ 57	Thửa 283 tờ 57	1,30
7.3	Các đường ngõ ngách còn lại			1,10
8	**Các tuyến đường trong TDP Lạc Nhuế và TDP Yên Lạc**			
8.1	Đường liên TDP Lạc Nhuế - Yên Lạc			
8.1.1	Đoạn 1	Nhà ông Ước (Thửa 52 tờ 59 TDP 1 Lạc Nhuế)	Nhà bà Hoa (Thửa 473 tờ 66 - TDP Yên Lạc)	1,14
8.1.2	Đoạn 2	Nhà ông Hảo (Thửa 83 tờ 67- TDP2)	Nhà ông Cương (Thửa 95 tờ 61- TDP 1 Lạc Nhuế) và	1,14
8.1.3	Đoạn 3	Nhà ông Lập (Thửa 421 tờ 61- TDP 1 Lạc Nhuế)	Nhà ông Hùng (thửa 490 tờ 67)	1,14
8.1.4	Đoạn 4	Nhà ông Hà (Thửa 178 tờ 66 - Thôn Yên Lạc)	Nhà ông Phong (thửa 278 tờ 66)	1,14
8.2	Các nhánh của đường liên thôn và các ngõ			1,14
9	**Các tuyến đường trong các TDP: Phương Xá, Đồng Lạc, Phương Lâm**			
9.1	Đường trục TDP Đồng Lạc: Từ nhà ông Hùng (thửa 211 tờ 69) đến nhà ông Huân (thửa 25 tờ 72)			1,10
9.2	Đường trục TDP Phương Lâm			
9.2.1	Đoạn 1	Nhà bà Quyên (thửa 345 tờ 69)	Nhà ông Khánh (thửa 57 tờ 69)	1,10
9.2.2	Đoạn 2	Nhà ông Tân	Nhà ông Hiếu	1,10
9.2.3	Đoạn 3	Nhà ông Chữ	Nhà ông Thủy	1,10
9.3	Đường trục TDP Phương Xá			
9.3.1	Đoạn 1	Nhà ông Choang (thửa 30 tờ 65)	Nhà ông Thuận (thửa 198 tờ 65)	1,10
9.3.2	Đoạn 2	Nhà bà Thoa (thửa 331 tờ 63)	Nhà ông Luận (thửa 15 tờ 63)	1,10
9.4	Các ngõ xóm còn lại			1,10
10	**Các tuyến đường phát sinh mới chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt như sau:**			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường K_{tt} (lần)
		Từ	Đến	
10.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang 17 mét trở lên			1,45
10.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,45
10.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9 mét đến dưới 13 mét			1,45
10.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m			1,45

20. Phường Nguyễn Úy

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường K_{tt} (lần)
		Từ	Đến	
I	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ**			
1	**Đường Quốc lộ 21B**			
1.1	Đường Quốc lộ 21B cũ	Giáp thành phố Hà Nội	Hết đất phường Nguyễn Úy	1,50
1.2	Đường Quốc lộ 21B mới (Vành đai 5)	Giáp thành phố Hà Nội	Hết đất phường Nguyễn Úy	1,40
2	**Đường Quốc lộ 38:**	Quốc Lộ 21B	Giáp phường Lê Hồ	1,50
II	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỈNH LỘ**			
1	**Đường ĐT 498C (Quốc lộ 38 cũ)**			
1.1	Đoạn 1	Đoạn từ Quốc lộ 21B (Tổ dân phố Phù Đê)	Đường ĐH01	1,50
1.2	Đoạn 2	Giáp tổ dân phố Phù Lưu 2 (ĐH01)	Hết đất phường Nguyễn Úy (Tổ dân phố Cát Thường)	1,30
III	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG PHƯỜNG**			
1	**Các tuyến đường trong các tổ dân phố**			
1.1	Đường ĐH01			1,50
1.2	Đường ĐH03			1,30
1.3	Các nhánh còn lại của đường ĐH03			1,30
1.4	Đường từ Quốc lộ 21B đến đê sông Đáy			1,20
2	**Đường trục TPD Thụy Sơn 1, 2 và TPD Đồng Tân**			
2.1	Đoạn 1	Nhà ông Hinh (Thụy Sơn 1)	Nhà ông Triền (Thụy Sơn 2)	1,20
2.2	Đoạn 2	Hộ ông Lục (PL13 thửa 148)	Cầu phao (TDP Đồng Tân)	1,20
2.3	Các nhánh của đường trục TDP			1,20
2.4	Vị trí còn lại			1,05
3	**Các tuyến đường trong TPD Thụy Hồi Trại, Vĩnh Sơn và TPD Tân Lang**			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường K_{tt} (lần)
		Từ	Đến	
3.1	Đoạn 1	Nhà ông Lượng (TDP Tân Lang)	Nhà bà Thứ (TDP Vĩnh Sơn)	1,20
3.2	Đoạn 2	Nhà ông Miền (TDP Thụy Hồi Trại)	Nhà ông Điền (TDP Thụy Hồi Trại)	1,10
3.3	Các nhánh của đường trục TDP và vị trí còn lại			1,05
4	**Khu vực đồi núi thuộc TPD Đồng Tân**			
4.1	Đường từ Đường ĐH03 đến Mỏ của Công ty Hữu Phước.	Đường ĐH03	Mỏ của Công ty Hữu Phước.	1,05
4.2	Vị trí còn lại			1,05
5	**Các tuyến đường trong TDP Phù Đê và TDP Quang Thừa**			
5.1	Đường trục UBND phường	Quốc lộ 21B cũ	Trường trung học cơ sở Tượng Lĩnh	1,30
5.2	Đường vào chợ Dầu	Giáp thành phố Hà Nội	Chợ Dầu (thửa 253 PL 1)	1,30
5.3	Đường chợ Dầu	Từ thửa 38 PL1	Đường ĐT 498C (Quốc lộ 38 cũ)	1,20
5.4	Đường trục TDP Quang Thừa	Thửa 276 PL6	Thửa 338 PL5	1,20
5.5	Đường trục TDP Quang Thừa	Từ đường trục xã (Trường THCS Tượng Lĩnh)	Thửa 331 PL6	1,20
5.6	Đường trục TDP Phù Đê	QL38	Thửa 49 PL2	1,20
5.7	Các vị trí còn lại			1,20
6	**Các tuyến đường trong TDP Lưu Phúc Mỹ**			
6.1	Đường trục UBND phường	Quốc lộ 21B cũ	Trường Tiểu học Tượng Lĩnh	1,15
6.2	Các tuyến đường trục TDP Lưu Phúc Mỹ	Thửa 540 PL5	Hết thửa 315 PL5	1,15
6.3	Các tuyến đường trục TDP Lưu Phúc Mỹ	Thửa 46 PL3	Thửa 140 PL3	1,15

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường K_{tt} (lần)
		Từ	Đến	
6.4	Các tuyến đường trục TDP Lưu Phúc Mỹ	Thửa 442 PL5	Thửa 412 PL5	1,15
6.5	Các tuyến đường trục TDP Lưu Phúc Mỹ	Thửa 67 PL4	Thửa 56 PL4	1,15
6.6	Các vị trí còn lại			1,15
7	**Các tuyến đường trong TDP Thọ Cầu Ấp**			
7.1	Đường quanh làng Thọ Cầu			1,10
7.2	Đường quanh khu xóm mới Thọ Cầu			1,10
7.3	Đường quanh làng Ấp			1,10
7.4	Các ngõ còn lại			1,10
8	**Các tuyến đường trong TDP Phù lưu 1 và 2**			
8.1	Đường ĐH01			1,20
8.2	Đường trục TDP	Thửa 330 tờ 55	Thửa 497 tờ 54	1,05
8.3	Các vị trí còn lại			1,05
9	**Các tuyến đường trong TDP Cát Thường, Đức Mộ**			
9.1	Đường từ đường ĐT 498 vào nhà ông Sáu (PL5 thửa 327); Từ Nhà ông Sáu (PL5 thửa 22) đến nhà ông Hải (PL5 thửa 60).			1,15
9.2	Đường trục TDP Đức Mộ	Nhà ông Tuệ (PL1 thửa 11)	Nhà ông Mạnh (PL1 thửa 379)	1,15
9.3	Vị trí còn lại			1,05
10	**TDP Cát Thường (Thôn Thường Khê cũ) và TDP Thuận Đức**			
10.1	Đường trục TDP Cát Thường	Thửa 111 tờ 57	Thửa 37 tờ 57	1,20
10.2	Đường trục TDP Thuận Đức	Nhà ông Thắng	Nhà ông Hưng	1,20
10.3	Các vị trí còn lại			1,10
11	**Các tuyến đường phát sinh mới chưa có tên nêu trên**			
11.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17m trở lên			1,05
11.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m			1,05
11.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 13m			1,05
11.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m			1,05

21. Phường Kim Thanh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
I	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ**			
1	**Đường Quốc lộ 38**	Nút giao đường tránh Phủ Lý	Giáp ranh giới phường Lê Hồ	1,30
2	**Đường tránh Quốc lộ 1A (đường tránh Phủ Lý)**	Nút giao Quốc lộ 38	Nút giao T3	1,30
II	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỈNH LỘ**			
1	**Đường ĐT 498**	Đường tránh Phủ Lý	Ranh giới phường Lê Hồ	1,25
2	**Đường ĐT 498B**			
2.1	Đoạn 1	Ngã ba đường ĐT 498C	Cầu kênh Yên Phú	1,20
2.2	Đoạn 2	Cầu kênh Yên Phú	Hết thửa 113 PL6	1,20
2.3	Đoạn 3	Thửa 120 PL7	Hết lối rẽ đi Hoàng Tây (đường TDP Buộm)	1,20
2.4	Đoạn 4	Đường rẽ đi Hoàng Tây	Đường T3	1,20
3	**Đường ĐT 498C (Quốc lộ 38 cũ)**	Nút giao đường tránh Phủ Lý	Giáp phường Duy Hà	1,20
4	**Đường T3**	Ranh giới phường Lê Hồ	Đường đê hữu sông Nhuệ	1,20
III	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG PHƯỜNG**			
1	**Phường Tân Tựu (cũ) (bao gồm xã Nhật Tân và xã Nhật Tựu)**			
1.1	Đường ĐH02 (trừ Khu đấu giá sông Ngược, khu đấu giá xóm đình)	Thửa số 1 PL2	Đường tránh Phủ Lý (xóm 14)	1,15
1.2	Các trục đường chính TDP 1 đến TDP 6			
1.2.1	Nhánh 1	Cây xăng Lĩnh Sơn	Thửa 120 PL7	1,15
1.2.2	Nhánh 2	Đường tránh Phủ Lý	NVH xóm 7	1,15
1.2.3	Nhánh 3	Đường tránh Phủ Lý	UBND phường Kim Thanh	1,15

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1.2.4	Nhánh 4	Chùa Hưng Long	Đường ĐT 498B (thửa 136 PL7)	1,15
1.2.5	Nhánh 5	Đình Nhật Tân	Đường ĐT 498B (thửa 44 PL7)	1,15
1.2.6	Các trục đường chính còn lại của TDP 1 đến TDP 6			1,10
1.3	Đường từ Cống Nhật Tựu đến Cầu mới Nhật Tựu	Cống Nhật Tựu	Cầu mới Nhật Tựu	1,10
1.4	Đường đê hữu sông Nhuệ	ĐT 498C	Đường T3	1,10
1.5	Đường đê tả sông Nhuệ	ĐT 498C	Thửa 73 PL3	1,10
1.6	Đường trục TDP Văn Bối	Chùa Văn Bối	Đường tránh Phủ Lý	1,10
1.7	Đường trục TDP Siêu Nghệ	Đường tránh Phủ Lý	Hết thửa 46 PL15	1,10
1.8	Các ngõ còn lại của TDP			1,10
2	**Xã Hoàng Tây (cũ)**			
2.1	Đường ĐH02	Đường T3	Đê hữu sông Nhuệ	1,15
2.2	Đường đê hữu sông Nhuệ	Đường T3	Thửa 69 PL9	1,10
2.3	Đường đê tả sông Nhuệ	Thửa 35 PL1	Thửa 96 PL8	1,10
2.4	Đường trục TDP Thọ Lão 1,2,3, Đôn			
2.4.1	Nhánh 1	Nhà ông Ngọc (PL6 thửa 8)	Nhà ông Tiệp (PL7 thử 337)	1,10
2.4.2	Nhánh 2	Nhà ông Tâm (thửa 334, PL5)	Nhà ông Thảnh (PL7 thửa 154)	1,10
2.4.3	Nhánh 3	Nhà ông Thường (thửa 171, PL7)	Nhà ông Cúc (thửa 164, PL5)	1,10
2.4.4	Các ngõ còn lại			1,05
2.5	TDP Yên Lão			
2.5.1	Đường trục TDP	Thửa 9 PL10	Thửa 192 PL11	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
2.5.2	Các ngõ ngách còn lại			1,10
IV	**Các tuyến đường phát sinh mới chưa có tên nêu trên**			
1	**Khu dân cư Hanopark**			
1.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang trên 30m			1,25
1.2	Các tuyến đường quy hoạch còn lại			1,20
2	**Khu dân cư Đồng Văn 4**			
2.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên			1,25
2.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,20
3	**Khu TĐC Quốc Lộ 38 (Nhật Tựu)**			1,20
4	**Khu đô thị Nhật Tựu**			1,20
4.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên			1,25
4.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,20
5	**Khu đấu giá Yên Phú**			1,15
6	**Khu đô thị Trung Đông**			
6.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên			1,25
6.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,20
7	**Khu đô thị Tellhome**			
7.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên			1,25
7.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,20
8	**Khu đấu giá Bờ Gò**			1,20
9	**Khu đấu giá xóm 1, xóm 3 Nhật Tân**			1,15
10	**Khu TĐC T3**			1,15
11	**Khu đấu giá Sông Ngược**			1,15
12	**Khu đấu giá xóm Đình**			1,15
13	**Các tuyến đường phát sinh mới chưa có tên trong bảng giá**			
13.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên			1,25
13.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,15
13.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ dưới 13 mét			1,10

22. Phường Kim Bảng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
I	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ**			
1	**Đường Quốc lộ 21B**			
1.1	Đoạn 1	Giáp phường Tam Chúc	Thửa 91 tờ bản đồ 71 (Cổng dưới cụm CN Biên Hòa)	1,50
1.2	Đoạn 2	Nhà ông Cước (Thửa 327 tờ bản đồ 71)	Nhà ông Khiêm (Thửa 136 tờ bản đồ 71)	1,50
1.3	Đoạn 3	Thửa số 01 tờ bản đồ số 72	Hết thửa 280 tờ bản đồ số 74	1,50
2	**Đường tránh Quốc lộ 1A (đường tránh Phủ Lý)**	Giáp phường Lê Hồ	Ranh giới phường Phù Vân	1,50
II	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỈNH LỘ**			
1	**Đường ĐT 498**	Giáp phường Tam Chúc	Kênh PK25 (giáp phường Lê Hồ)	1,50
2	**Đường ĐT 498B**			
2.1	Đoạn 1	Giáp xã phường Kim Thanh	Đền Voi Phục	1,50
2.2	Đoạn 2	Miếu Voi Phục	Trường Thcs Văn Xá	1,50
2.3	Đoạn 3	Trường THCS Văn Xá	Giáp TDP số 1	1,50
III	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG PHƯỜNG**			
1	**Tổ dân phố số 2,3**			
1.1	Đường Quang Trung			
1.1.1	Đoạn 1	Ngã tư Cầu Quế	Cống Tây	1,50
1.1.2	Đoạn 2	Cống Tây	Giáp địa phận Ngọc Sơn cũ	1,50
1.2	Đường Trần Hưng Đạo	Ngân hàng nông nghiệp	Giáp UBND phường	1,50
1.3	Đường Nguyễn Khuyến - Nguyễn Văn Đạt			
1.3.1	Nhánh 1	Trường Tiểu học Thị trấn Quế	Nhà bà Hưng (gần ngã tư Cầu Quế)	1,50
1.3.2	Nhánh 2	Ngã 5 (phía QL21)	Chợ Quế	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1.4	Đường Lý Thường Kiệt	Ngã 4 bờ hồ	Nhà ao trường PTTH A Kim Bảng	1,50
1.5	Đường Đinh Hữu Tài	Cống Tây	Bệnh viện Đa khoa	1,50
1.6	Dãy 2 khu đấu giá SVĐ huyện cũ			1,50
1.7	Vị trí còn lại			1,50
2	**Tổ dân phố số 6,7**			
2.1	Đường Nam Cao	Nhà ông Oanh (PL6 thửa 88 - tổ 6)	Đường D2	1,25
2.2	Đường Trần Hưng Đạo	Ngân hàng chính sách	Cầu Văn Lâm	1,25
2.3	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã tư phòng giáo dục (cũ)	Hết trường THCS thị trấn Quế	1,25
2.4	Đường Đề Yêm	Ngã ba Viện kiểm sát	Ngã ba chi nhánh điện	1,25
2.5	Đường D2, D7, D8, N8-2			1,25
2.6	Đường Nguyễn Văn Đạt (ĐH 07)	Ngã tư cầu Quế	Đường D2	1,25
2.7	Đường Nguyễn Văn Đạt (ĐH 07)	Đường D2	Giáp Xã Ngọc Sơn cũ	1,25
2.8	Đường D3, D5, đường nội bộ đô thị mới (Khu tái định cư kè Quế I và II, khu đấu giá thị trấn Quế cũ)			1,25
2.9	Đường Từ nhà ông Bắc (Giới) tổ 6 đến hết khu dân cư			1,25
2.1	Vị trí còn lại của tổ 6, 7			1,25
3	**Tổ 1**			
3.1	Đường từ ngã ba Chi nhánh điện đến chùa Quế (tổ 2)	Ngã ba Chi Nhánh điện	Chùa Quế (tổ 2)	1,25
3.2	Đường Đề Yêm	Ngã ba Chi Nhánh điện	Hết đường Đề Yêm	1,25
3.3	Đường L10			1,25
3.4	Đường từ đường N10 đến cầu Đen	Đường N10	Cầu Đen	1,25
3.5	Đường Từ Viễn Thông Kim Bảng đến Đường kè sông Đáy	Viễn thông Kim Bảng	Đường kè sông Đáy	1,25

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
3.6	Đường từ nhà bà Mai đến nhà ông Côn (tổ 2)	Nhà bà Mai	Nhà ông Côn (tổ 2)	1,25
3.7	Đường từ nhà bà Côi đến nhà ông Điện (Tổ 2)	Nhà bà Côi	Nhà ông Điện (Tổ 2)	1,25
3.8	Đường từ nhà bà Chiến đến nhà ông Định (tổ 2) (đường kè sông Đáy)	Nhà bà Chiến	Nhà ông Định (tổ 2) (đường kè sông Đáy)	1,25
3.9	Đường Lý Thường Kiệt	Nhà ông Khoa tổ 2	Nhà ông Dũng tổ 1	1,60
3.10	Vị trí còn lại của tổ 1			1,60
4	**Các tuyến đường phát sinh mới chưa có tên nêu trên của các TDP 1,2,3, 6,7 được xác định theo độ rộng, mặt cắt như sau:**			
4.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên			1,50
4.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,50
4.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 09 mét đến dưới 13 mét			1,50
4.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9 mét			1,50
5	**TDP Mã Não và TDP Phương Khê**			
5.1	Đường trục TDP, đường liên xã thuộc TDP Mã Não. Gồm:			1,50
5.2	Nhánh 1	Thửa 154 tờ bản đồ sô 74(PL4), cổng UBND xã cũ	Thửa 23 tờ bản đồ số 72(PL2) và đến giáp thửa 01 tờ bản đồ số 72	1,50
5.3	Nhánh 2	Nhà ông Đức thửa 224 tờ bản đồ số 72 (PL2 Cũ)	Nhà ông Khải thửa 190 tờ bản đồ số 72 (PL2 cũ)	1,50
5.4	Đường trục tổ dân phố, đường liên phường thuộc tổ dân phố Phương Khê:	Nhà ông Cường thửa 281 tờ bản đồ 74 (PL4 cũ)	Nhà ông Hải thửa 221 tờ bản đồ số 74 (PL3 cũ) đến chùa Phương Khê.	1,50
5.5	Thửa đất tiếp giáp vói thửa đất bám mặt đường Quốc lộ 21B; T3			1,50
5.6	Đường xóm, đường nhánh của đường trục TDP			1,50
5.7	Vị trí còn lại			1,50
6	**TDP Đanh Xá**			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
6.1	Đường ĐH07	Nhà ông Khương chạy bám đường đê	Cầu Cấm Sơn	1,45
6.2	Đường trục tổ dân phố: Từ nhà ông Thưởng (thửa 14 tờ 75) đến nhà ông Phúc (thửa 87 tờ 75); Từ nhà ông Lợi (thửa 221 tờ 77) đến nhà thờ Thuỵ Xuyên; Từ nhà ông Lợi (thửa 221 tờ 77) đến nhà ông Tú (thửa 174 tờ 77); Từ nhà ông Đoán (thửa 3 tờ 78) đến nhà ông Luân (thửa 6 tờ 79)			1,45
6.3	Các đường nhánh của đường ĐH07.			1,45
6.4	Vị trí còn lại			1,45
7	**TDP Thuỵ Xuyên**			
7.1	Đường ĐH07.			1,15
7.2	Đường trục TDP: Đoạn từ nhà ông Hưởng đến nhà ông Phúc và đoạn từ nhà ông Lợi đến nhà ông Tú			1,15
7.3	Các nhánh của đường ĐH07			1,15
7.4	Các đường xóm			1,15
7.5	Vị trí còn lại			1,15
8	**TDP Đặng và TDP Điền**			
8.1	Đường ĐH01 và các thửa đất tiếp giáp với thửa đất bám mặt đường ĐT498B			1,50
8.2	Đường trục TDP Đặng	Trường Mầm non (TDP Đặng)	Nhà ông Đông (Thửa 239 tờ 69)	1,50
8.3	Đường trục TDP Điền	Nhà ông Nham (Thửa 35 tờ 63)	Nhà ông Trường (Thửa 166 tờ 64)	1,50
8.4	Các ngõ TDP Đặng và TDP Điền			1,50
8.5	Vị trí còn lại			1,50
9	**TDP Chanh Thôn, TDP Trung Đồng**			
9.1	Đường ĐH01			1,30
9.2	Đường trục tổ dân phố	Nhà ông Viên thửa 31 tờ 65	Nhà ông Thà thửa 179 tờ 66	1,30
9.3	Từ nhà ông Tùng (thửa 74 tờ 70) (PL8 cũ) đến thửa nhà bà Nhung (thửa 81 tờ 70) (PL8 cũ)	Nhà ông Tùng thửa 74 tờ 70 (PL8 cũ)	Nhà bà Nhung thửa 81 tờ 70 (PL8 cũ)	1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
9.4	Các ngõ TDP Chanh Thôn, TDP Trung Đồng			1,30
9.5	Vị trí còn lại			1,45
10	**Các tuyến đường phát sinh mới chưa có tên của các TDP còn lại được xác định theo độ rộng, mặt cắt như sau:**			
10.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên			1,25
10.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,25
10.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 13 mét			1,25

23. Phường Lý Thường Kiệt

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
I	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ**			
1	**Đường Quốc lộ 21**			
1.1	Đoạn 1	Giáp ranh phường Châu Sơn	Ngã ba trại giam Công An tỉnh	1,30
1.2	Đoạn 2	Đoạn ĐT 494 (Cầu Đồng Sơn)	Cổng làng Bút Phong	1,30
1.3	Đoạn 3	Cổng làng Bút Phong	Ngã ba trại giam Công an tỉnh	1,30
1.4	Đoạn 4	Đoạn Cây xăng Minh Thúy	Đồi Sẻ (giáp phường Tam Chúc)	1,30
2	**Đường tránh Quốc lộ 1A (đường tránh Phủ Lý)**	Giáp ranh phường Phù Vân	Ranh giới phường Châu Sơn	1,30
II	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỈNH LỘ**			
1	**Đường ĐT 494B**			
1.1	Đoạn 1	Chợ Quyển	Cầu Quế	1,00
1.2	Đoạn 2	Chợ Quyển	Đường Ngô Gia Tự (giáp địa phận phường Phù Vân)	1,00
2	**Đường ĐT 494 (Quốc lộ 21A cũ)**			
2.1	Đoạn 1	Đường vào xóm 14	Cây xăng Minh Thúy	1,00
2.2	Đoạn 2	Cây xăng Minh Thúy	Cầu Đồng Sơn	1,00
2.3	Đoạn 3	Đường vào xóm 14	Giáp phường Phù Vân	1,00
III	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG PHƯỜNG**			
1	**Đường Bê Tông chuyên dùng:**			
1.1	Đường Ngô Gia Tự	ĐT494B	Ngã ba Thanh Sơn	1,00
1.2	Đường từ ĐT494B đến đường QL21 (Ngã ba đoạn Nhà máy Xi măng Bút Sơn)	ĐT494B	Đường QL21 (Ngã ba đoạn Nhà máy Xi măng Bút Sơn)	1,00
2	**Đường Lê Chân nhánh 1**			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
2.1	Đoạn 1	Đoạn đường ĐT494	Đền bà Lê Chân	1,00
2.2	Đoạn 2	Đoạn đền bà Lê Chân	Giáp phường Phù Vân	1,00
3	**TDP Thanh Nộn**			
3.1	Nhánh 1	Quốc lộ 21	Đình Cao	1,50
3.2	Nhánh 2	Đình Cao	Nhà ông Hoàn (QL21)	1,50
3.3	Các đường nhánh của các đường liên TDP			1,50
3.4	Vị trí còn lại			1,30
4	**TPD Bút Sơn**			
4.1	Các trục đường liên TDP của TDP Bút Sơn	Nhà ông Sắng	Nhà ông Bản và đến nhà ông Ích	1,50
4.2	Các đường nhánh của các đường liên TDP và các nhánh của đường trục TDP, đường nhánh trục TDP			1,50
4.3	Vị trí còn lại			1,30
5	**TPD Hồng Sơn**			
5.1	Đường liên TDP	Nhà ông Kim (ĐT494)	Nhà ông Túy	1,30
5.2	Các nhánh của đường tỉnh, các nhánh đường trục TDP			1,30
5.3	Vị trí còn lại			1,30
6	**TDP 1, 2, 3, 4**			
6.1	Đường trục TDP. Gồm:			
6.1.1	Nhánh 1	Nhà ông Chiến (TDP 2) (QL21)	Nhà ông Quỳnh (TDP 2)	1,20
6.1.2	Nhánh 2	Nhà ông Quỳnh (TDP 2)	Nhà ông Tiến (TDP 4)	1,20
6.1.3	Đường từ giáp Cây xăng Minh Thúy đến trường Lý Thường Kiệt	Giáp Cây xăng Minh Thúy	Trường Lý Thường Kiệt	1,20
6.2	Các trục đường liên TDP. Gồm:			
6.2.1	Nhánh 1	Nhà ông Bình (TDP 4)	Nhà ông Dân (TDP 4)	1,20
6.2.2	Nhánh 2	Nhà bà Điểm (TDP 4)	Nhà ông Định (TDP 4)	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
6.2.3	Nhánh 3	Nhà bà Sinh Mỹ (TDP 2)	Nhà ông Tuấn (TDP 4)	1,20
6.3	Các đường thuộc TDP 1			
6.4	Đường từ nhà ông Ân (TDP 4) đến nhà ông Hinh (TDP 4)	Nhà ông Ân (TDP 4)	Nhà ông Hinh (TDP 4)	1,05
6.5	Đường từ nhà bà Sỹ (TDP 4) đến nhà ông Hà (TDP 4)	Nhà bà Sỹ (TDP 4)	Nhà ông Hà (TDP 4)	1,05
6.6	Vị trí còn lại			1,05
7	**TDP 5**			
7.1	Đường liên xã	Chùa	Nhà bà Bình (TDP 5)	1,05
7.2	Đường trục TDP	Nhà ông Lợi (TDP 5)	Ông Uông (TDP 5)	1,05
7.3	Vị trí 2 các đường nhánh của các đường: trục TDP và ĐT494B			1,05
7.4	Vị trí còn lại			1,30
8	**TDP Đồng Sơn**			
8.1	Thửa đất tiếp giáp với thửa đất bám mặt đường - Đường trục TDP:			
8.1.1	Nhánh 1	Nhà ông Nhận	Nhà ông Dũng	1,30
8.1.2	Nhánh 2	Nhà Lộc	Nhà ông Lung	1,30
8.1.3	Nhánh 3	Nhà bà Ơn	Nhà ông Rước	1,30
8.1.4	Nhánh 4	Nhà ông Thu	Nhà ông Thảo	1,30
8.1.5	Nhánh 5	Nhà bà Lương	Nhà ông Thay	1,30
8.1.6	Nhánh 6	Nhà ông Thanh	Nhà ông Lâm	1,30
8.2	Đường trục TDP:			
8.2.1	Nhánh 1	Nhà ông Khởi	Nhà ông Tước	1,50
8.2.2	Nhánh 2	Nhà ông Lung	Nhà ông Phương	1,50
8.2.3	Nhánh 3	Nhà ông Phương	Nhà bà Hỷ	1,50
8.3	Vị trí còn lại	Vị trí còn lại		1,30
9	**TDP Do Lễ**			
9.1	Đường ĐH 04	Quốc lộ 21A	Đường vào Đài Hoa Sen	1,30
9.2	Thửa đất tiếp giáp với thửa đất bám mặt đường Quốc lộ 21A			1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
9.3	Đường trục các TDP:			1,30
9.3.1	Nhánh 1	Nhà ông Tĩnh	Nhà ông Xếp	1,30
9.3.2	Nhánh 2	Nhà ông Xếp	Nhà ông Thật	1,30
9.3.3	Nhánh 3	Nhà bà Đức	Nhà ông Hiền	1,30
9.3.4	Nhánh 4	Nhà bà Xuân	Nhà bà Vang	1,30
9.3.5	Nhánh 5	Nhà ông Thật	Nhà ông Sinh	1,30
9.4	Đường ĐH 04	Đường vào Đài Hoa Sen	Nhà máy xi măng Nội Thương	1,30
9.5	Đường trục các TDP:			1,30
9.5.1	Nhánh 1	Nhà ông Nhu	Nhà ông Trà	1,30
9.5.2	Nhánh 2	Nhà ông Thế	Nhà ông Sỹ	1,30
9.5.3	Nhánh 3	Nhà bà Dụ	Nhà bà Cẩm	1,30
9.6	Vị trí còn lại			1,20
10	**TDP Bút Phong**			
10.1	Đường trục TDP:			
10.1.1	Nhánh 1	Nhà ông Lưu	Nhà bà Rãnh	1,05
10.1.2	Nhánh 2	Nhà ông Minh	Nhà ông Châm.	1,05
10.2	Đường từ nhà ông Dũng đến nhà ông Tiếp	Nhà ông Dũng	Nhà ông Tiếp	1,50
10.3	Các nhánh của đường trục TDP			1,50
10.4	Vị trí còn lại			1,20
11	**Khu TĐC đường tránh:** Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 13 mét			1,20
12	**Khu đấu giá Làn Rươi:** Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,20
13	**Khu đấu giá Đa Con:** Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,20
14	**Khu đấu giá Trại bếp nhỡ:** Khu đấu giá Trại bếp nhỡ: Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 13 mét			1,20
15	**Khu đấu giá chợ Quyển**			
15.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên			1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
15.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,20
15.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 13 mét			1,20
16	**Khu đấu giá Cửa Trâu:** Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 13 mét			1,20
17	**Khu đấu giá Ao Vực:** Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 13 mét			1,20
18	**Khu đấu giá Đồng Sơn:** Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,20
19	**Khu Tái định cư Thanh Sơn:** Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,00
20	**Khu đấu giá Thanh Sơn**			
20.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,00
20.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 13 mét			1,00
21	**Khu đấu giá Thanh Sơn 2**			
21.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét			1,00
21.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 13 mét			1,00
2.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17m trở lên			1,00

24. Phường Tam Chúc

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
I	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ:**			
1	**Đường Quốc lộ 21**			
1.1	Đoạn từ Đồi Sẻ đến giáp địa phận Ba Sao cũ	Đồi Sẻ (giáp phường Lý Thường Kiệt)	Giáp địa phận phường Ba Sao cũ	1,10
1.2	Đường Điện Biên Phủ:			
1.2.1	Đoạn 1	Khả Phong cũ (Thửa 19 PL1 bà Thanh - Tổ 1)	Cổng chùa Tam Chúc (Thửa 11PL1 ông Thức tổ 1)	1,10
1.2.2	Đoạn 2	Cổng chùa Tam Chúc (thửa 1 PL2 ông Hà tổ 1)	Nghĩa trang Trung Quốc (thửa 283 PL6 ông Tái tổ 5)	1,10
1.2.3	Đoạn 3	Vòng xuyến đường Ba Sao- Bái Đính (thửa 9PL13)	Giáp tỉnh Phú Thọ	1,10
1.2.4	Đoạn 4	Nghĩa trang Trung Quốc (Thửa 40 PL8 ông Thái - Tổ 5)	Vòng xuyến đường Ba Sao - Bái Đính (Thửa 33 PL11 ông Thu - Tổ 5)	1,10
2	**Đường Quốc lộ 21B**			
2.1	Đoạn 1	Giáp phường Kim Bảng	Đường rẽ vào TDP Trung Hoà	1,10
2.2	Đoạn 2	Đường rẽ vào TDP Trung Hoà	Giáp phường Nguyễn Úy	1,10
II	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỈNH LỘ**			
1	**Đường ĐT 498**			
1.1	Đoạn 1	Cầu Khả Phong	Địa phận phường Kim Bảng	1,10
1.2	Đoạn 2	Cầu Khả Phong	Trạm bơm Khả Phong	1,10
1.3	Đoạn 3	Trạm bơm	Cống 3 cửa	1,10
III	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG PHƯỜNG**			
1	**Tổ 1, 2, 3, 4, 5**			
1.1	Dãy 2 đường QL21 thuộc tổ 1 đến tổ 5			1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1.2	Hai bên đường Lý Thường Kiệt	Thửa 82 PL6 ông Hải tổ 3	Thửa 90 PL6 ông Quảng	1,10
1.3	Đường trục TDP	Đường Cốc Ngoại (thửa 23 PL2 ông Hiếu)	Trại giống cây trồng (thửa 62 PL2 bà Hồng)	1,10
1.4	Hai bên đường Lương Khánh Thiện	Đối diện Trại ươm (thửa 110 PL5 ông Toàn)	Đối diện sông Ba Sao(thửa 6PL5 ông Cơ)	1,10
1.5	Đường Phan Đình Giót	Nhà bà Thủy (thửa 271 PL4)	Trụ sở công an phường Tam Chúc	1,10
1.6	Hai bên đường Đồi Vàng	Quốc lộ 21(thửa 320PL4 ông Tùng)	Trại Quân Pháp (thửa 74PL2 bà Huyền)	1,10
1.7	Đường Lê Chân	Cầu Cốc Ngoại	Đầu Núi Vó	1,10
1.8	Khu đất đấu giá vườn Cam (tổ 5), khu bãi phẳng (tổ 2)			1,10
1.9	Các hộ thuộc đường trục chính tổ 1,2,3,4,5			1,40
1.10	Các hộ còn lại của 1,2,3,4,5			1,10
2	**Tổ dân phố 6, 7, 8**			
2.1	Các hộ thuộc các đường trục chính tổ 6,7,8			1,10
2.2	Các hộ còn lại của 6,7,8			1,10
3	**Tổ dân phố Đông và Đoài**			
3.1	Đường ĐH03 (trừ khu đấu giá TDP Đông và Đoài)			1,50
3.2	Các đường trục TDP			
3.2.1	Đoạn 1	Từ đất Hợp tác xã Nông nghiệp	Giáp nhà ông Thao (thửa 10- PL9, Tổ dân phố Đông)(ĐT498);	1,50
3.2.2	Đoạn 2	Nhà ông Huynh (thửa 174, tờ PL8, tổ dân phố Đông) (đi qua đỉnh Khả Phong)	Ngã tư bà Cấm, Bà Nhu (thửa 141-PL7, Tổ dân phố Đông)	1,50
3.2.3	Đoạn 3	Ông Nam (thửa 329-PL7, Tổ dân phố Đông)	Ông Giáp (thửa 398-PL7, Tổ dân phố Đông)	1,50
3.2.4	Đoạn 4	Nhà ông Tuấn (Xuyên) (TDP Đông, thửa 153, tờ PL8)	Nhà ông Nam (TDP Đoài, Thửa 192, PL10) (ĐT498)	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
3.3	Đường xóm và các đường nhánh của trục đường TDP.			1,50
3.4	Vị trí còn lại			1,50
4	**Tổ dân phố Khuyến Công và Tổ dân phố Vồng**			
4.1	Đường trục TDP Khuyến Công	Chùa Khuyến Công	HTX NN Khả Phong	1,50
4.2	Đường trục TDP Vồng (tổ dân phố Vồng	Nhà ông Cường (thửa 149, tờ PL6)	Nhà ông An (thửa 122 PL6)	1,50
4.3	Đường xóm và các đường nhánh của trục đường TDP			1,50
4.4	Vị trí còn lại			1,50
5	**Tổ dân phố Gốm**			
5.1	Đường ĐH07			1,50
5.2	Đường trục TDP			
5.2.1	Đoạn 1	Nhà ông Lãng (thửa 40 tờ PL5)	Nhà ông Thiện (thửa 135 tờ PL5)	1,50
5.2.2	Đoạn 2	Nhà ông Thiện (thửa 135 tờ PL5)	Nhà ông Chí (thửa 153 tờ PL5)	1,50
5.2.3	Đoạn 3	Nhà ông Tạo (thửa 177 tờ pl5)	Nhà ông Thường (thửa 156 tờ pl5)	1,50
5.2.4	Đoạn 4	Nhà ông Phóng (thửa 185 tờ PL6)	Nhà ông Đồng (thửa 192 tờ PL6)	1,50
5.2.5	Đoạn 5	Nhà ông Độ (thửa 260 tờ PL5)	Nhà ông Phong (thửa 184 tờ PL6)	1,50
5.2.6	Đoạn 6	Trường trung học	Nhà ông Kiên (thửa 188 PL6)	1,50
5.2.7	Đoạn 7	Sân vận động	Nhà bà Thoán(thửa 146 PL5)	1,50
5.2.8	Đoạn 8	Nhà ông Huỳnh (thửa 72 PL6)	Nhà ông Tâm (thửa 33 PL6)	1,50
5.3	Thửa đất tiếp giáp với thửa đất bám mặt đường ĐT498			1,50
5.4	Đường trục TDP:			
5.4.1	Đoạn 1	Nhà ông Kết (thửa 152 PL5)	Nhà ông Tất (thửa 4 tờ PL5)	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
5.4.2	Đoạn 2	Nhà ông Đĩnh (thửa 154 PL5)	Nhà ông Thao (thửa 330 PL5)	1,50
5.4.3	Đoạn 3	Nhà ông Kiếm (thửa 129 PL5)	Nhà ông Tưởng (thửa 6 PL5)	1,50
5.4.4	Đoạn 4	Nhà ông Tuấn (thửa 130 PL5)	Nhà bà Lữ (thửa 7 PL5)	1,50
5.5	Vị trí còn lại			1,50
6	**Tổ dân phố Trung Hoà và Tổ dân phố Hồi Trung**			
6.1	Đường trục TDP Trung Hòa			
6.1.1	Đoạn 1	Từ nhà ông Trích (thửa 89 pl2)	Nhà ông Lon (thửa 139 pl2)	1,50
6.1.2	Đoạn 2	Đình làng	Nhà ông toàn (thửa 66 pl2)	1,50
6.1.3	Đoạn 3	Trường tiểu học	Nhà ông Phiệt (Thửa 310 PL1)	1,50
6.1.4	Đoạn 4	Nhà ông Bền (Thửa 251 PL3) đến	Nhà ông Kim (Thửa 312 PL1)	1,50
6.1.5	Đoạn 5	Trường mầm non	Nhà ông Phin (thửa 260 pl3)	1,50
6.2	Đường trục TDP Hồi Trung			
6.2.1	Đoạn 1	Từ nhà ông Đăng (thửa 311 tờ pl1)	Nhà ông Tuấn(thửa 452 pl1)	1,50
6.2.2	Đoạn 2	Nhà ông Hùng (thửa 307 pl1)	Nhà ông Thi (thửa 151 pl1)	1,50
6.2.3	Đoạn 3	Nhà ông Dĩ (thửa 154 pl1)	Nhà ông Cường (thửa 131 pl1)	1,50
6.2.4	Đoạn 4	Nhà ông Vát (thửa 97 pl1)	Nhà ông Thuận (thửa 1 tờ pl3) lên đường ĐH 07	1,50
6.2.5	Đoạn 5	Từ nhà ông Vượng (thửa 158 PL1)	Đình Hồi Trung	1,50
6.2.6	Đoạn 6	Từ nhà ông Cường (thửa 131 pl1)	Nhà ông Đoan (thửa 236 PL1)	1,50
6.2.7	Đoạn 7	Trường THCS	Nhà ông Thế và đến đường ĐH07.	1,50
6.3	Các Đường trục TDP và Các Nhánh của trục Đường TDP			1,50
6.4	Vị trí còn lại			1,50

25. Phường Hoa Lư

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
I	**TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH**			
1	**Đường Võ Nguyên Giáp**	**Từ giáp Phường Tây Hoa Lư**	**Đến đường Trần Hưng Đạo (Bảng điện tử)**	
1.1	Đoạn 1	Từ giáp Phường Tây Hoa Lư	Đường Trần Minh Công	2,60
1.2	Đoạn 2	Đường Trần Minh Công	Đến đường Trần Hưng Đạo (Bảng điện tử)	2,60
2	**Đường Trần Hưng Đạo**	**Đường Võ Nguyên Giáp**	**Cầu Lim (giáp đường 30/6)**	
2.1	Đoạn 1	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Vạn Hạnh	2,20
2.2	Đoạn 2	Đường Vạn Hạnh	Đến đường Tràng An	2,20
2.3	Đoạn 3	Đường Tràng An	Ngã tư Xuân Thành	2,20
2.4	Đoạn 4	Ngã Tư Xuân Thành	Cầu Lim (giáp đường 30/6)	2,40
3	**Đường 30 tháng 6**	**Cầu Lim**	**Hết đất phường Hoa Lư**	
3.1	Đoạn 1	Cầu Lim	Hồ Lâm sản	1,10
3.2	Đoạn 2	Hồ Lâm sản	Đường Tuệ Tĩnh	1,10
3.3	Đoạn 3	Đường Tuệ Tĩnh	Đường Phan Chu Trinh	1,10
3.4	Đoạn 4	Đường Phan Chu Trinh	Cầu Bông Lau	1,10
3.5	Đoạn 5	Cầu Bông Lau	Cầu Vũng Trắm	1,10
4	**Đường Đại Cồ Việt**	**Đường Võ Nguyên Giáp**	**Đến giáp phường Tây Hoa Lư**	
4.1	Đoạn 1	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường rẽ Động Thiên Tôn	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
4.2	Đoạn 2	Đường rẽ Động Thiên Tôn	Đến giáp phường Tây Hoa Lư	1,50
5	**Đường Đinh Tiên Hoàng**	**Đường Lê Hồng Phong**	**Đường Vạn Hạnh**	
5.1	Đoạn 1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Tràng An	1,50
5.2	Đoạn 2	Đường Tràng An	Đường Trịnh Tú	1,50
5.3	Đoạn 3	Đường Trịnh Tú	Đường Lưu Cơ	1,50
5.4	Đoạn 4	Đường Lưu Cơ	Đường Vạn Hạnh	1,10
5.5	Đoạn 5	Đường Vạn Hạnh	Đường làng La Phù	1,00
6	**Đường Tôn Đức Thắng (phía Đông nhà thi đấu)**	**Đường Lương Văn Thăng**	**Đường Vạn Hạnh**	
6.1	Đoạn 1	Đường Lương Văn Thăng	Đường Nguyễn Bặc	3,00
6.2	Đoạn 2	Đường Nguyễn Bặc	Đường Lưu Cơ	1,20
6.3	Đoạn 3	Đường Lưu Cơ	Đường Vạn Hạnh	1,20
7	**Đường Vạn Hạnh**	**Đường Phạm Hùng**	**Đường tỉnh 477**	
7.1	Đoạn 1	Đường Phạm Hùng	Đường Trần Hưng Đạo	1,50
7.2	Đoạn 2	Đường Trần Hưng Đạo	Ngõ 421 đường Vạn Hạnh	1,50
7.3	Đoạn 3	Ngõ 421 đường Vạn Hạnh	Cống Vòm	1,50
7.4	Đoạn 4 (trừ vị trí thuộc khu dân cư Nguyên Ngoại 2)	Cống Vòm	Ngõ 406 đường Vạn Hạnh	1,50
7.5	Đoạn 5	Ngõ 406 đường Vạn Hạnh	Đường tỉnh 477	1,50
8	**Đường Lưu Cơ**	**Đường Lê Thái Tổ**	**Đường Phạm Hùng (Hết khu trung tâm Quảng trường)**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
8.1	Đoạn 1	Chùa Vơ	Đường Lê Thái Tổ	1,00
8.2	Đoạn 2	Đường Lê Thái Tổ	Đường Trần Hưng Đạo	1,10
8.3	Đoạn 3	Đường Trần Hưng Đạo	Nhà văn hóa phố Bình Yên	1,10
8.4	Đoạn 4	Nhà văn hóa phố Bình Yên	Đường Phạm Hùng	1,10
9	**Đường Trịnh Tú**	**Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)**	**Đường Phạm Hùng**	
9.1	Đoạn 1	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	Đường Lê Thái Tổ	1,10
9.2	Đoạn 2	Đường Lê Thái Tổ	Đường Trần Hưng Đạo	1,10
9.3	Đoạn 3	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đinh Tiên Hoàng	1,10
9.4	Đoạn 4	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Phạm Hùng	1,10
10	**Đường Nguyễn Bặc**	**Đường Đinh Điền**	**Đường Phạm Hùng**	
10.1	Đoạn 1 (trừ Khu Tái định cư Cửa Bạc)	Đường Đinh Điền	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	1,10
10.2	Đoạn 2 (trừ vị trí thuộc khu dân cư phía Tây phố Vinh Quang)	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	Đường Lê Thái Tổ	1,10
10.3	Đoạn 3	Đường Lê Thái Tổ	Đường Trần Hưng Đạo	1,10
10.4	Đoạn 4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phạm Hùng	1,10
11	**Đường Đinh Điền**			
11.1	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đê sông Đáy	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
11.2	Đoạn 2	Đường Trần Hưng Đạo	Ngõ 99 Đường Đinh Điền	1,10
11.3	Đoạn 3 (trừ vị trí thuộc KDC Trung Thành 2)	Ngõ 99 Đường Đinh Điền	Đường Lê Thái Tổ	1,10
11.4	Đoạn 4	Đường Lê Thái Tổ	Hết tuyến	3,00
12	**Đường Đinh Tất Miễn**	**Đường Tôn Đức Thắng**	**Đường Lê Thái Tổ**	
12.1	Đoạn 1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Hưng Đạo	1,50
12.2	Đoạn 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Thái Tổ	1,50
13	**Đường Tràng An**	**Đường Đinh Tiên Hoàng**	**Bến Thuyền (giáp phường Tây Hoa Lư)**	
13.1	Đoạn 1	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	1,10
13.2	Đoạn 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Thái Tổ	1,10
13.3	Đoạn 3	Đường Lê Thái Tổ	Cầu Tràng An	1,10
13.4	Đoạn 4	Cầu Tràng An	Tiếp giáp phường Tây Hoa Lư	1,10
14	**Đường Đào Duy Từ**	**Đường Trần Hưng Đạo**	**Đường Tôn Đức Thắng**	1,10
15	**Đường Lê Thái Tổ**	**KĐT Viên Nha**	**Nút giao thông N18**	1,10
15.1	Đoạn 1	KĐT Viên Nha	Đường Trịnh Tú	1,10
15.2	Đoạn 2	Đường Trịnh Tú	Đường Đinh Điền	1,10
15.3	Đoạn 3	Đường Đinh Điền	Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,10
15.4	Đoạn 4	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Phan Chu Trinh	1,10
15.5	Đoạn 5	Đường Phan Chu Trinh	Nút giao thông N18	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
16	**Đường Lương Văn Thăng**	**Đường Trần Hưng Đạo**	**Đầu cầu Non Nước mới**	1,10
17	**Đường Xuân Thành**	**Đường Trần Hưng Đạo**	**Khu Máng nước (giáp Tây Hoa Lư)**	
17.1	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Thành Công	2,00
17.2	Đoạn 2	Đường Thành Công	Đường Lê Thái Tổ	2,00
17.3	Đoạn 3	Đường Lê Thái Tổ	Kênh Đô Thiên	2,00
17.4	Đoạn 4	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	Bưu điện Kỳ Vỹ	2,00
17.5	Đoạn 5	Bưu điện Kỳ Vỹ	Trạm biến thế Kỳ Vỹ	2,00
17.6	Đoạn 6	Trạm biến thế Kỳ Vỹ	Cầu Ninh Xuân	2,50
17.7	Đoạn 7	Cầu Ninh Xuân	Đường Tràng An (chùa Hoa Lâm)	2,50
17.8	Đoạn 8	Đường Tràng An (chùa Hoa Lâm)	Khu Máng nước (giáp Tây Hoa Lư)	2,50
18	**Đường Tây Thành**			
18.1	Đoạn 1	Đường Xuân Thành	Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,20
18.2	Đoạn 2	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Hết khu dân cư mới Phúc Chỉnh	1,10
18.3	Đoạn 3	Hết khu dân cư mới Phúc Chỉnh	Đường 30/6	1,20
19	**Đường Thành Công**			
19.1	Đoạn 1	Đường Đinh Điền	Đường Tràng An	1,10
19.2	Đoạn 2	Ngõ 55 Đường Thành Công	Đường Xuân Thành	1,10
20	**Đường Đông Phương Hồng**	**Đường Lê Hồng Phong**	**Đường Đinh Điền**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
20.1	Đoạn 1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lương Văn Thăng	1,10
20.2	Đoạn 2	Đường Lương Văn Thăng	Đường Đào Duy Từ	1,10
20.3	Đoạn 3	Đường Đào Duy Từ	Đường Đinh Điền	1,10
21	**Đường Phạm Văn Nghị**	**Đường Lê Hồng Phong**	**Đường Lương Văn Thăng**	1,10
22	**Đường Chiến Thắng**	**Đường Trần Hưng Đạo**	**Đường Ngô Quyền**	
22.1	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đinh Tiên Hoàng	1,10
22.2	Đoạn 2	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Ngô Quyền	1,10
23	**Đường Cát Linh**			
23.1	Đoạn 1	Trần Hưng Đạo	Ngõ 28 Đường Cát Linh	1,10
23.2	Đoạn 2	Ngõ 28 Đường Cát Linh	Ngõ 60 Đường Cát Linh	1,10
23.3	Đoạn 3	Đường Tây Thành	Đường Lê Thái Tổ	1,10
23.4	Đoạn 4	Đường Lê Thái Tổ	Kênh Đô Thiên	1,10
24	**Đường Ngô Quyền (Khu Cánh Võ mới)**	**Công ty cấp nước Ninh Bình**	**Chân cầu non nước**	1,10
25	**Đường Nguyễn Lương Bằng**	**Đường Cát Linh**	**Đến đường Nam Thành**	1,10
26	**Đường Nguyễn Văn Giản**	**Đường Trần Hưng Đạo**	**Đường Đinh Tiên Hoàng**	1,10
27	**Đường Nguyễn Thái Học**			
27.1	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Ngõ 70 Lương Văn Tụy	1,10
27.2	Đoạn 2	Ngõ 70 Lương Văn Tụy	Nguyễn Lương Bằng	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
28	**Đường Cù Chính Lan**			
28.1	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Ngõ 70 Lương Văn Tụy	1,10
28.2	Đoạn 2	Ngõ 70 Lương Văn Tụy	Đường Nguyễn Lương Bằng	1,10
29	**Đường Lê Hồng Phong**	**Đường Trần Hưng Đạo**	**Cầu Vân Giang**	2,00
30	**Đường Lương Văn Tụy**			
30.1	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Lương Bằng	1,10
30.2	Đoạn 2	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Tây Thành	1,10
30.3	Đoạn 3	Đường Lê Thái Tổ	Hết tuyến (giáp Nghĩa trang)	1,10
31	**Đường Võ Thị Sáu**	**Đường Lê Hồng Phong**	**Cổng Cty cấp nước Ninh Bình**	1,10
32	**Đường Dương Vân Nga**	**Ngã tư Lê Hồng Phong (Cầu Vân Giang)**	**Đường Trần Hưng Đạo**	
32.1	Đoạn 1	Ngã tư Lê Hồng Phong (Cầu Vân Giang)	Chợ Rồng	1,60
32.2	Đoạn 2	Chợ Rồng	Đường Trần Phú	1,60
32.3	Đoạn 3	Đường Trần Phú	Đường Trần Hưng Đạo	1,60
33	**Đường Phạm Hồng Thái**	**Đường Lê Hồng Phong**	**Phố 11**	
33.1	Đoạn 1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Vân Giang	1,10
33.2	Đoạn 2	Đường Vân Giang	Phố 11	1,10
34	**Đường Phan Đình Phùng**	**Đường Trần Hưng Đạo**	**Đường Vân Giang**	1,10
35	**Đường Nam Thành**			
35.1	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Lương Bằng	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
35.2	Đoạn 2	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Lê Thái Tổ	1,10
35.3	Đoạn 3	Đường Lê Thái Tổ	Kênh Đô Thiên	1,10
36	**Đường Phúc Thành**	Đường Trương Hán Siêu	Đường Lê Thái Tổ	1,10
37	**Đường Trương Hán Siêu**	**Đường Trần Hưng Đạo**	**Đường Hải Thượng Lãn Ông**	1,20
38	**Đường Vân Giang**	**Đường Trần Hưng Đạo**	**Ngã ba Lê Hồng Phong**	1,60
39	**Đường Kim Đồng**	**Đường Trương Hán Siêu**	**Đường Hải Thượng Lãn Ông**	1,10
40	**Đường Trần Phú**			
40.1	Đoạn 1	Đường Dương Vân Nga	Đường Trần Hưng Đạo	1,30
40.2	Đoạn 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,20
40.3	Đoạn 3	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Phan Chu Trinh	1,10
41	**Đường Lý Tự Trọng**	**Đường Trần Hưng Đạo**	**Đường Trương Hán Siêu**	1,20
42	**Đường Hải Thượng Lãn Ông**			
42.1	Đoạn 1	Đường 30/6	Đường Tây Thành	1,20
42.2	Đoạn 2	Đường Tây Thành	Đường Lê Thái Tổ	1,20
42.3	Đoạn 3	Đường Lê Thái Tổ	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	1,20
42.4	Đoạn 4	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	Đường Nguyễn Hữu An (đường vào UB xã Ninh Tiến)	1,10
42.5	Đoạn 5	Đường Nguyễn Hữu An	Đường Nguyễn Minh Không (Đường 477)	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
43	**Đường Nguyễn Hữu An**	**Đường Hải Thượng Lãn Ông**	**Đường Cổ Loan**	1,10
43.1	Đoạn 1	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Hết khu dân cư mới phía đông đường trục Ninh Tiến	1,10
43.2	Đoạn 2	Hết khu dân cư mới phía đông đường trục Ninh Tiến	Hết trường cấp 2 Ninh Tiến	1,10
43.3	Đoạn 3	Cổng cấp 2 Ninh Tiến	Đường Cổ Loan	1,10
44	**Đường Lê Đại Hành**	**Đường Nguyễn Công Trứ (cầu Lim)**	**Đường Ngô Gia Tự (cầu Non nước cũ)**	
44.1	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ (cầu Lim)	Cầu Vân Giang	1,10
44.2	Đoạn 2	Cầu Vân Giang (Cầu xi măng)	Đường Ngô Gia Tự (cầu Non nước cũ)	1,10
45	**Đường Nguyễn Huệ**	**Ngã tư cầu Lim**	**Hết đất phường Hoa Lư**	
45.1	Đoạn 1	Cầu Lim	Rạp chiếu phim	1,10
45.2	Đoạn 2	Rạp chiếu phim	Đường Cống Lọng	1,10
45.3	Đoạn 3	Đường Cống Lọng	Hết đất phường Hoa Lư	1,10
46	**Đường Lê Văn Tám**	**Đường Lê Đại Hành**	**Đường Lý Thái Tổ**	1,10
47	**Đường Hoàng Diệu**	**Đường Lê Đại Hành**	**Cổng Xí Nghiệp 71**	
47.1	Đoạn 1	Đường Lê Đại Hành	Đường Ngô Gia Tự	1,10
47.2	Đoạn 2	Đường Ngô Gia Tự	Cổng CTy xếp dỡ Đường thủy nội địa	1,10
47.3	Đoạn 3	Cổng CTy xếp dỡ Đường thủy nội địa	Cổng Xí Nghiệp 71	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
48	**Đường Hoàng Hoa Thám**	**Đường Lê Đại Hành**	**Đường Ngô Gia Tự**	1,10
49	**Đường Lý Thái Tổ**	**Ngã ba Lê Đại Hành (Đối diện Bảo tàng NB)**	**Đường Hoàng Hoa Thám**	1,10
50	**Đường Trương Định**	**Ngõ 186 đường Ngô Gia Tự**	**Ngõ 306 Ngô Gia Tự (Ngõ 4 Ngô Gia Tự cũ)**	
50.1	Đoạn 1	Ngõ 186 đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Công Trứ	1,10
50.2	Đoạn 2	Đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 306 Ngô Gia Tự	1,10
51	**Đường Ngô Gia Tự**	**Đường Lê Đại Hành**	**Hết đất phường Hoa Lư**	1,10
51.1	Đoạn 1	Đường Lê Đại Hành	Đường Nguyễn Công Trứ	1,10
51.2	Đoạn 2	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Bắc Liêu	1,10
51.3	Đoạn 3	Đường Bắc Liêu	Đường Nguyễn Trãi	1,10
51.4	Đoạn 4	Đường Nguyễn Trãi	Hết đất phường Hoa Lư	1,10
52	**Đường Nguyễn Văn Cừ**	**Đường Hoàng Diệu**	**Hết đất phường Hoa Lư**	1,10
52.1	Đoạn 1	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Công Trứ	1,10
52.2	Đoạn 2	Đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 203 Nguyễn Văn Cừ	1,10
52.3	Đoạn 3 (trừ vị trí thuộc KDC đường 2 Phú Xuân)	Ngõ 203 Nguyễn Văn Cừ	Hết đất phường Hoa Lư	1,10
53	**Đường Nguyễn Công Trứ**	**Ngã tư cầu Lim**	**Hết địa phận xã Ninh Phúc**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
53.1	Đoạn 1	Cầu Lim	Hết SN 175 Đường Nguyễn Công Trứ	1,10
53.2	Đoạn 2	SN 177 đường Nguyễn Công Trứ	Giao với Đường Lý Nhân Tông	1,10
53.3	Đoạn 3	Đường Lý Nhân Tông	Đường Vũ Duy Thanh	1,10
53.4	Đoạn 4	Đường Vũ Duy Thanh	Đường Trần Nhân Tông	1,10
54	**Đường Nguyễn Từ Mẫn**	**Đường Nguyễn Huệ**	**Đường Ngô Gia Tự**	1,10
55	**Đường Lý Thường Kiệt**	**Đường Nguyễn Huệ**	**Đường Ngô Gia Tự**	1,10
56	**Đường Nguyễn Du**	**Đường Nguyễn Huệ**	**Đường Ngô Gia Tự**	1,10
57	**Đường Hùng Vương**	**Đường Nguyễn Huệ**	**Đường Ngô Gia Tự**	1,10
58	**Đường Bà Triệu**	**Đường Nguyễn Huệ**	**Đường Ngô Gia Tự**	1,10
59	**Đường Bắc Liêu (cạnh rạp chiếu phim)**	**Đường Nguyễn Huệ**	**Đường Ngô Gia Tự**	1,10
60	**Đường Bùi Thị Xuân**	**Đường Hùng Vương**	**Rạp chiếu phim**	1,10
61	**Đường Phan Chu Trinh**	**Đường 30/6**	**Đường Lê Thái Tổ**	1,10
62	**Đường Hai Bà Trưng**	**Đường Nguyễn Huệ**	**Ngã tư Phúc Lộc**	
62.1	Đoạn 1	Đường Nguyễn Huệ	Đường sắt phố Phong Đoài	1,10
62.2	Đoạn 2	Đường sắt phố Phong Đoài	Lý Nhân Tông	1,10
62.3	Đoạn 3	Lý Nhân Tông	Ngã tư Phúc Lộc	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
63	**Đường Lý Nhân Tông**	**Đường Triệu Việt Vương**	**Hết địa phần phường Hoa Lư**	
63.1	Đoạn 1	Đường Triệu Việt Vương	Đường Nguyễn Công Trứ	1,50
63.2	Đoạn 2	Đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 228 Lý Nhân Tông (Giáp trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh)	1,50
63.3	Đoạn 3	Ngõ 228 Lý Nhân Tông (Giáp trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh)	Hết địa phần phường Hoa Lư	1,50
64	**Đường Nguyễn Viết Xuân**	**Đường Nguyễn Công Trứ**	**Đê Đáy**	
64.1	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Triệu Việt Vương	1,10
64.2	Đoạn 2	Đường Triệu Việt Vương	Đê Đáy	1,10
65	**Đường Triệu Việt Vương**	**Đường Lý Nhân Tông**	**Đường Trần Nhân Tông**	1,10
66	**Đường Nguyễn Thị Minh Khai**			
66.1	Đoạn 1	Đường Lý Nhân Tông	Đường Vũ Duy Thanh	1,10
66.2	Đoạn 2	Đường Vũ Duy Thanh	Cổng Trung đoàn 585	1,10
67	**Đường Trần Nhân Tông**	**Cảng Khô**	**Đường Nguyễn Công Trứ**	1,10
68	**Đường Phạm Thận Duật**	**Đê sông Đáy**	**Đường Nguyễn Công Trứ**	1,10
69	**Đường Trần Quang Khải**			1,10
70	**Đường Nguyễn Trãi**	**Đường Nguyễn Huệ**	**Đường Ngô Gia Tự**	1,10
71	**Đường Tuệ Tĩnh**	**Đường 30/6**	**Đường Nguyễn Minh Không (Kênh Thống Nhất)**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
71.1	Đoạn 1	Đường 30/6	Đường Lê Thái Tổ	1,10
71.2	Đoạn 2	Đường Lê Thái Tổ	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	1,10
71.3	Đoạn 3	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	Đường Nguyễn Hữu An	1,10
71.4	Đoạn 4	Đường Nguyễn Hữu An	Đường Nguyễn Minh Không (Kênh Thống Nhất)	1,10
72	**Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)**	**Ranh giới phía Bắc khu đô thị Xuân Thành**	**Đường Phan Chu Trình**	
72.1	Đoạn 1	Ranh giới phía Bắc khu đô thị Xuân Thành	Đường Nguyễn Bặc kéo dài	1,10
72.2	Đoạn 2	Đường Xuân Thành	Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,10
72.3	Đoạn 3	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Phan Chu Trình	1,10
73	**Đường Kênh Đô Thiên**	**Từ Núi Voi giáp phường Tây Hoa Lư**	**Đường Vạn Hạnh**	1,10
74	**Đường Phạm Hùng**	**Đường Đinh Điền**	**Đường Vạn Hạnh**	1,10
75	**Đường tỉnh 477 (Nguyễn Minh Không)**			
75.1	Đoạn 1	Cầu Ninh Tiến 2 (giáp phường Nam Hoa Lư)	Đường Tràng An	1,10
75.2	Đoạn 2	Đường Tràng An	Trạm bơm Chùa La	1,10
75.3	Đoạn 3	Trạm bơm Chùa La	Đường rẽ cầu Ninh Hòa	1,10
76	**Đường Hoàng Quốc việt**	**Đường Trần Hưng Đạo**	**Đường Tôn Đức Thắng**	
76.1	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
76.2	Đoạn 2 (Hiện trạng đường 3m)	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Tôn Đức Thắng	1,10
77	**Đường Tô Vĩnh Diện**	**Đường Trần Hưng Đạo**	**Ngõ 279 Xuân Thành**	
77.1	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Lương Bằng	1,10
77.2	Đoạn 2	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Tây Thành	1,10
77.3	Đoạn 3	Đường Tây Thành	Ngõ 279 Xuân Thành	1,10
78	**Đường Vũ Duy Thanh**	**Kênh Cánh Diều**	**Đường Nguyễn Công Trứ**	
78.1	Đoạn 1	Kênh Cánh Diều	Đường Triệu Việt Vương	1,10
78.2	Đoạn 2	Đường Triệu Việt Vương	Đường Nguyễn Công Trứ	1,10
79	**Đường Nam Bình (Đường 2 - Phú Xuân cũ)**	**Đường Nguyễn Công Trứ**	**Đường Hai Bà Trưng**	
79.1	Đoạn 1 (trừ vị trí thuộc KDC đường 2 Phú Xuân)	Đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 7	1,10
79.2	Đoạn 2 (trừ vị trí thuộc KDC Bắc Phong 1)	Ngõ 7	Đường Hai Bà Trưng	1,10
80	**Đường Bích Đào**	**Đường Lý Nhân Tông**	**Ngõ 27 đường Triệu Việt Vương**	
80.1	Đoạn 1	Đường Lý Nhân Tông	Đường Nguyễn Viết Xuân	1,10
80.2	Đoạn 2	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Vũ Duy Thanh	1,10
80.3	Đoạn 3	Đường Vũ Duy Thanh	Ngõ 27 đường Triệu Việt Vương	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
81	**Đường Hùng Vương II**	Đường Ngô Gia Tự	Ngõ 3 Hùng Vương	1,10
82	**Đường Phùng Hưng**	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	1,10
83	**Đường 27/7**	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	1,10
84	**Đường Cống Lọng**	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	1,10
85	**Đường Nguyễn Khuyến**	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	1,10
86	**Đường Cổ Loan**	Đường 30/6	Đường 477	1,10
87	**Đường Thư Điền**	**Hồ Núi Lớ**	**Đường Vạn Hạnh**	
87.1	Đoạn 1	Hồ Núi Lớ	Cống Đầm	1,10
87.2	Đoạn 2	Cống Đầm	Đường Vạn Hạnh	1,10
88	**Đường Hoa Lư**	Đường Lê Thái Tổ	Đường Trần Minh Công	1,10
89	**Đường Trần Minh Công**			1,10
90	**Đường Phạm Hạp**			1,10
91	**Đường Vĩnh Lợi**	Nam Vạn Xuân may mặc	Đường rẽ làng Đa Giá (song song QL 1A)	1,10
92	**Đường Phan Cự Lượng**	Giáp QL1A	Giáp Đền hàng Tổng	1,10
93	**Đường Lê Xuân Phôi**	QL1A rẽ Trường DL Hoa Lư	Giáp ngã tư nhà bà Diếp	1,10
94	**Đường Tân An**	Đường Tràng An	Đường Đinh Điền	1,10
II	**KHU DÂN CƯ PHƯỜNG**			
1	**Đường Tràng An đi Hang Múa**			
1.1	Đoạn 1	Đường Tràng An	Đền Nấm Khê Hạ	1,10
1.2	Đoạn 2	Đường Tràng An	Trạm bơm Khê Thượng	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
2	**Đường Khu dân cư Thổ Trì**			
2.1	Đoạn 1	Trục đường quy hoạch 30m		1,10
2.2	Đoạn 2	Trục đường quy hoạch 24m		1,10
2.3	Đoạn 3	Các đường còn lại		1,10
3	**Khu dân cư Đầm Sen**			1,10
4	**Khu dân cư Trình Ngư**			1,10
5	**Khu dân cư Núi Sẻ**			1,10
6	**Khu dân cư Núi Voi**			1,10
7	**Khu dân cư Núi Gai**			1,10
8	**Khu dân cư Đồng ốc**			1,10
9	**Khu dân cư chợ Cầu Huyện**			1,10
10	**Khu dân Vườn Non**			1,10
11	**Khu dân cư Làng Giang**			1,10
12	**Khu dân cư Đồng Ổi**			
12.1	Trục đường 15m (dãy nhà vườn)			1,10
12.2	Trục đường 16m, 17m (dãy nhà vườn)			1,10
12.3	Trục đường 15m (dãy nhà lô)			1,10
13	**Khu dân cư Đồng Sàn - Đồng Vụng**			1,10
14	**Khu dân cư Dạ Tràng - Gốc cậy (đường nhánh khu đấu giá)**			1,10
15	**Khu dân cư Nam Bình Hà**			1,10
16	**Khu dân cư Đồng si**			1,10
17	**Khu dân cư Núi Soi**			1,10
17.1	Đoạn 1	Từ bảng điện tử đường 1A	đến đường Lê Thái Tổ kéo dài	1,10
17.2	Đoạn 2	Đường 11m		1,10
18	**Khu đô thị Xuân Thành**			1,10
19	**Khu đô thị Ninh Khánh**			1,10
20	**Đường phố trong khu Tây nam Đường Xuân Thành**			1,10
21	**Khu dân cư Viên Nha**			1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
22	**Khu dân cư Xa Liên, Xa Liên Hậu**			1,10
23	**Khu dân cư mới Tây Xa Liên Hậu**			1,10
24	**Khu dân cư Tiền Đồng**			1,10
25	**Khu dân cư Tây Khánh Tân**			1,10
26	**Khu dân cư sau Đình Voi Đá (Đình Cam Giá)**			1,10
27	**Khu dân cư Vườn sau**			1,10
28	**Khu đô thị Quảng trường 1**			1,10
29	**Khu đô thị Quảng trường 2**			1,10
30	**Khu dân cư Bắc Quảng trường (phố Bình Yên)**			1,10
31	**Khu đô thị Quảng trường Đinh Tiên Hoàng**			1,10
32	**Khu dân cư Bình Hòa 2;3;4**			1,10
33	**Khu dân cư Bình Yên 4**			
33.1	Tuyến đường ngách 29 ngõ 281 Đường Đinh Tiên Hoàng			1,10
33.2	Các tuyến đường còn lại			1,10
34	**Khu dân cư Trung Thành 2**			
34.1	Tuyến đường Đinh Điền			1,10
34.2	Các tuyến đường còn lại			1,10
35	**Khu dân cư phía Tây phố Vinh Quang**			
35.1	Tuyến đường Nguyễn Bặc			1,10
35.2	Các tuyến đường còn lại			1,10
36	**Khu dân cư phía Đông và Tây đường trục Ninh Tiến**			1,50
37	**Khu dân cư Hòa Bình (xã Ninh Tiến cũ)**			1,10
38	**Khu dân cư phía Tây khu phố Cổ Loan Hạ (xã Ninh Tiến cũ)**			1,10
39	**Khu dân cư đường 2 Phú Xuân**			
39.1	Tuyến đường Nam Bình và tuyến đường Nguyễn Văn Cừ thuộc Khu dân cư đường 2 Phú Xuân			1,10
39.2	Ngõ 56 Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nam Bình (Đường 2)	1,10
39.3	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đường 2 Phú Xuân			1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
40	**Khu dân cư Bắc Phong**			
40.1	Tuyến đường Nam Bình thuộc Khu dân cư Bắc Phong 1			1,10
40.2	Ngõ 2, đường Nguyễn Văn Cừ (T24)	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nam Bình	1,10
40.3	Các lô đất còn lại trong khu dân cư Bắc Phong 1, 2			1,10
41	**Khu dân cư Bạch Cừ**			
41.1	Đoạn 1	Cống Đồng Bún	Hết cầu 3 xã	1,10
41.2	Đoạn 2	Hết Cầu 3 xã	Đê Đáy	1,10
41.3	Đoạn 3	Ngã 3 đầu Đường Quyết Thắng (nhà Bà Sơn)	Trường tiểu học Bạch Cừ	1,10
41.4	Đoạn 4	Trạm điện số 1	Hội trường Phố Đông Phú	1,10
41.5	Đoạn 5	Các đường còn lại trong Khu dân cư Bạch Cừ (Đất đấu giá)		1,10
41.6	Đoạn 6	Các đường còn lại trong Khu dân cư Đồng Chằm (Đất đấu giá)		1,10
42	**Khu dân cư Đồng Hộ**			1,10
43	**Khu dân cư Trung Lang - Trũng trong**			1,10
44	**Các đường ngõ trong khu Tái định cư đường sắt II**	Đường 2 Phú Xuân	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,10
45	**Các đường phố phía trong khu đô thị mới Phong Sơn**			1,10
46	**Khu dân cư Ích Duệ**			1,10
47	**Khu dân cư Đồng Cửa**			1,10
48	**Khu dân cư Đông Hậu**			1,10
49	**Khu dân cư mới phía Nam đại học Hoa Lư**			
49.1	Các lô bám đường Lương Văn Tụy kéo dài			1,10
49.2	Các lô đất phía trong Khu dân cư mới phía Nam đại học Hoa Lư			1,10
50	**Khu Tái định cư Cửa Bạc (giai đoạn 1), Ninh Nhất**			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
50.1	Đường Lê Thánh Tông (kênh Đô Thiên)			1,10
50.2	Các lô đất còn lại phía trong			1,10
51	**Khu Tái định cư Cửa Bạc (giai đoạn 2), Ninh Nhất**			
51.1	Tuyến đường Nguyễn Bặc			1,10
51.2	Tuyến đường kênh Đô Thiên			1,10
51.3	Tuyến đường (nối từ đường Nguyễn Bặc đến Đường Đinh Điền)	Nguyễn Bặc	Ngõ 255 đường Thư Điền	1,10
51.4	Các tuyến đường còn lại			1,10
52	Khu Tái định cư Nguyên Ngoại 1	Các lô đất phía trong		1,10
53	**Khu dân cư Nguyên Ngoại 2, Ninh Nhất**	Các lô đất phía trong		
53.1	Tuyến đường Vạn Hạnh	Nghĩa trang Đồng Phần	Ngõ 406 đường Vạn Hạnh	1,10
53.2	Tuyến đường 24m	Nghĩa trang Đồng Phần	Ngõ 406 đường Vạn Hạnh	1,10
53.3	Các tuyến đường còn lại			1,10
54	**Khu dân cư Cánh Đồng Dù**			
54.1	Các lô bám đường Lương Văn Tụy kéo dài			1,50
54.2	Các lô đất phía trong đường Lương Văn Tụy kéo dài			1,50
55	**Khu Tái định cư Ninh Nhất 1 và 2**			
55.1	Tuyến đường gom đường 477			1,10
55.2	Các tuyến đường còn lại			1,10
56	**Các ngõ, ngách đường Nguyễn Viết Xuân**			
56.1	Ngõ 5 Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Lý Nhân Tông (Cống chân chim cũ)	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
56.2	Ngõ 15, 22,34, 65, 77, 89, 96, 105,			1,10
56.3	Các Ngách của ngõ 22, ngõ 34 đường Nguyễn Viết Xuân			1,10
57	**Các ngõ Vũ Duy Thanh**			1,10
58	**Các ngõ Nguyễn Thị Minh Khai**			1,10
59	**Các ngõ, ngách đường Bích Đào**			1,10
60	**Các ngõ đường Phạm Thận Duật**			1,10
60.1	Ngõ 1, 6, 11, 23, 25,34, 36, 46, 58, 70,			1,10
60.2	Khu dân cư phía Đông UBND phường (phố Bắc Sơn) (phường Bích Đào cũ)			1,10
60.3	Khu Tái định cư Nhà máy điện			1,10
60.4	Khu dân cư Đông Sơn			1,10
60.5	Khu dân cư Cảnh Đồng Quan			1,10
61	**Các ngõ của đường Xuân Thành**			
61.1	Ngõ 2 đường Xuân Thành	Đường Xuân Thành	Ngõ 30 đường Xuân Thành	1,10
61.2	Ngõ 63 Đường Xuân Thành	Đường Xuân Thành	Ngõ 810 đường Trần Hưng Đạo	1,10
61.3	Ngõ 148 đường Xuân Thành	Ngõ 55 đường Thành Công	Đường Xuân Thành	1,10
61.4	Ngõ 137 đường Xuân Thành	Đường Xuân Thành	Ngõ 195 Đường Lê Thái Tổ	1,10
61.5	Ngõ 279 đường Xuân Thành	Đường Xuân Thành	Đường Lương Văn Tụy	1,10
61.6	Ngõ 30 đường Xuân Thành	Đường Xuân Thành	Ngõ 55 Thành Công	1,10
61.7	Ngõ 397 đường Xuân Thành			1,10
62	**Các ngõ của đường Đinh Tất Miễn**			
62.1	Ngõ 6 Đường Đinh Tất Miễn	Ngõ 740 đường Trần Hưng Đạo	Đường Đinh Tất Miễn	1,10
62.2	Ngõ 18 đường Đinh Tất Miễn	Đường Đinh Điền	Đường Đinh Tất Miễn	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
62.3	Ngõ 32 đường Đinh Tất Miễn	Ngõ 740 đường Trần Hưng Đạo (Đường 4 Khánh Trung)	Đường Đinh Tất Miễn	1,10
62.4	Ngõ 50 Đường Đinh Tất Miễn	Đường Đinh Tất Miễn	Ngõ 16 Đường Thành Công	1,10
62.5	Ngõ 44, 48, đường Đinh Tất Miễn (Đường phố phía trong phố 12)	Đường Đinh Tất Miễn	Hết ngõ	1,10
63	**Các ngõ của đường Trần Hưng Đạo**			
63.1	Ngõ 740 Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Thành Công	1,50
63.2	Ngõ 810 Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Ngõ 137 đường Xuân Thành	
63.2.1	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Ngõ 63 đường Xuân Thành	1,50
63.2.2	Đoạn 2	Ngõ 63 Đường Xuân Thành	Ngõ 137 Đường Xuân Thành	1,50
63.3	Ngõ 862 đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường phía đông Sân vận động	1,50
63.4	Ngõ 850 đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường phía đông Sân vận động	1,50
63.5	Ngõ 928,952.976 Trần Hưng Đạo (3 ngõ Phố Phúc Trung cũ)	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	1,50
63.6	Ngõ 1028 Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	1,50
63.7	Ngõ 1108 đường Trần Hưng Đạo	Đường Kim Đồng	Hết ngõ	2,70
63.8	Ngõ 1064, 1084 Trần Hưng Đạo (Các ngõ phố Phúc Trực cũ)	Đường Trần Hưng Đạo	Đền Trực Độ	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
63.9	Ngõ 171 Trần Hưng Đạo phố 7 (Đ.Trung Nhất cũ)	Đường Trần Hưng Đạo	Ngõ 70 Lương Văn Thăng (Đ.Trung Đông cũ)	1,50
63.1	Ngõ 105,89,83, 67 đường Trần Hưng	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	1,50
63.11	Ngõ 185; 225; 265 đường Trần Hưng	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	1,50
63.12	Ngõ 923 Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Ngõ 8- Phạm Hồng Thái	1,50
63.13	Ngõ 947 Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	1,50
63.14	Ngõ 1015, 1047, 1089, 1109, 1121 Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	3,40
64	**Các Ngõ đường Thành Công**			1,10
64.1	Ngõ 4, 8, 12 đường Thành Công	Đường Thành Công	Ngõ 99 Đường Đinh Điền	1,10
64.2	Ngõ 16 đường Thành Công	Đường Lê Thái Tổ	Đường Thành Công	1,10
64.3	Ngõ 55 đường Thành Công (Đường trước cửa UBND phường cũ)	Đường Lê Thái Tổ	Đường Thành Công	1,10
64.4	Ngách 1/55, 2/55 đường Thành Công	Ngõ 55 Đường Thành Công	Hết ngõ	1,10
65	**Các ngõ đường Kim Đồng**			1,10
65.1	Ngõ 37 đường Kim Đồng	Đường Kim Đồng	Hết ngõ	1,10
65.2	Ngõ 43, 47, 51 đường Kim Đồng	Đường Kim Đồng	Hết ngõ	1,10
65.3	Ngõ 55 đường Kim Đồng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Kim Đồng	1,10
65.4	Ngõ 36, Đường Kim Đồng	Đường Kim Đồng	Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
65.5	Ngõ 44, Đường Kim Đồng	Đường Kim Đồng	Hết ngõ	1,10
65.6	Ngõ 30, đường Kim Đồng	Đường Kim Đồng	Đường Trần Phú	1,10
65.7	Ngõ 4, 10, 14 đường Kim Đồng (Đường 1,2,3 phố Phúc Lộc cũ)	Đường Trần Quốc Toản	Đường Kim Đồng	1,10
66	**Các ngõ đường Trương Hán Siêu**			
66.1	Ngõ 191, đường Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán Siêu	Hết ngõ	1,10
66.2	Ngõ 145, ngõ 161 đường Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán Siêu	Đường Trần Phú	1,10
66.3	Ngách 2/77, ngách 8/77 đường Trương Hán Siêu	Đường Trần Quốc Toản	Hết ngõ	1,10
66.4	Ngõ 77, Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán Siêu	Đường Trần Phú	1,10
66.5	Ngõ 123, đường Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán Siêu	Đường Trần Phú	1,10
66.6	Ngõ 102, đường Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán Siêu	Hết đường	1,10
66.7	Ngõ 118, đường Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán Siêu	Hết đường	1,10
66.8	Ngõ 50 đường Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán Siêu	Đường Nam Thành	1,10
66.9	Ngõ 179 đường Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán Siêu	Ngõ 96 Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,10
66.1	Ngõ 135 Đường Trương Hán Siêu	Đường Trương Hán Siêu	Hết ngõ	1,10
67	**Các ngõ đường Lương Văn Tụy**			
67.1	Ngõ 38 Đường Lương Văn Tụy	Đường Lương Văn Tụy	Đường Tô Vĩnh Diện	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
67.2	Ngõ 70 đường Lương Văn Tụy	Đường Lương Văn Tụy	Đường Tô Vĩnh Diện	1,10
67.3	Ngõ 96 đường Lương Vân Tụy	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường Lương Văn Tụy	1,10
67.4	Ngõ 91, Đường Lương Văn Tụy	Đường Lương Văn Tụy	Đường Nam Thành	1,10
67.5	Ngõ 139, đường Lương Văn Tụy	Trường Lương Văn Tụy	Đường Nam Thành	1,10
67.6	Ngõ 53 đường Lương Văn Tụy	Đường Lương Văn Tụy	Đường Nam Thành	1,10
68	**Khu dân cư nam đường Lương Văn Tụy, phố Phúc Nam**	Đường Lê Lợi	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	1,10
69	**Khu dân cư phía Nam đường Lương Văn Tụy kéo dài (DG 2010)**			1,10
70	**Các ngõ đường Tây Thành**			
70.1	Ngõ 135, ngõ 145 Đường Tây Thành	Đường Tây Thành	Hết ngõ	1,10
70.2	Ngõ 119, ngõ 101 đường Tây Thành	Đường Tây Thành	Hết ngõ	1,10
70.3	Ngõ 167; 177; 189; 193 đường Tây Thành	Đường Tây Thành	Hết ngõ	1,10
70.4	Ngõ 214 Đường Tây thành	Ngõ 137 Đường Xuân Thành	Đường Lê Thái Tổ	1,10
70.5	Ngõ 202 Đường Tây Thành	Ngõ 137 đường Xuân Thành	Đường Lê Thái Tổ	1,10
71	**Các ngõ đường Lê Thái Tổ**			
71.1	Ngõ 195; 207 đường Lê Thái Tổ	Đường Lê Thái Tổ		1,10
71.2	Ngõ 251; 235; 219 đường Lê Thái Tổ			1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
72	**Các ngõ đường Hải Thượng Lãn Ông**			
72.1	Ngõ 96, Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Lý Tự Trọng	Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,10
72.2	Ngõ 212, Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Phúc Thành	1,10
72.3	Nghách 17/96 Hải Thượng Lãn Ông (Các đường ngõ phố Phúc Thiện cũ)	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Hết ngõ	1,10
73	**Các ngõ đường Lê Hồng Phong**			
73.1	Ngõ 18 Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Đường Vân Giang	1,10
73.2	Ngõ 12 Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Đường Vân Giang	1,10
73.3	Ngõ 69 Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Đường Chiến Thắng	1,10
73.4	Ngõ 89,125,155,25 đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hết ngõ	1,10
74	**Các ngõ đường Trần Phú**			
74.1	Ngõ 01, Trần Phú	Trần Phú	Đường Dương Vân Nga	1,10
74.2	Ngõ 65 đường Trần Phú	Đường Trần Phú	Hết ngõ	1,10
74.3	Ngõ 136, Đường Trần Phú	Đường Trần Phú	Hết ngõ	1,10
74.4	Ngõ 10 Trần Phú	Trần Phú	Ngõ 42- Phạm Hồng Thái	1,10
74.5	Ngõ 50 Trần Phú	Trần Phú	Hết ngõ	1,10
74.6	Ngõ 158 Trần Phú			1,10
75	**Các ngõ đường Đinh Tiên Hoàng**			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
75.1	Ngõ 5, 21,27 đường Đinh Tiên Hoàng phố 2	Đường Đinh Tiên Hoàng	Hết phố	1,10
75.2	Ngõ 62; 50; 38; 24; 12 đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Phạm Văn Nghị	Đường Đinh Tiên Hoàng	1,10
75.3	Ngõ 85, đường Đinh Tiên Hoàng, phố 6	Đường Đinh Tiên Hoàng	Hết ngõ	1,10
75.4	Ngõ 99,125,143, 161 đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Đinh Tiên Hoàng	Hết phố	1,10
75.5	Ngõ 181,197 đường Đinh Tiên Hoàng (Các đường khu vườn Táo phố 9 cũ)	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Đông Phương Hồng	1,10
76	**Các ngõ đường Phạm Văn Nghị**			
76.1	Ngõ 71 đường Phạm Văn Nghị phố 3 (đường 1,2,3, 4,5,6 phố 3 cũ)			1,10
76.2	Ngõ 2; 8; 10; 22; 36; 52; 70; 90 đường	Đường Phạm Văn Nghị	Hết phố	1,10
76.3	Ngõ 22,36,52, 70,90 đường Phạm Văn Nghị phố 4 (Khu Cánh Võ)	Đường Phạm Văn Nghị	Hết phố	1,10
77	**Các ngõ đường Nguyễn Huệ**			
77.1	Ngõ 105 Nguyễn Huệ - Ngô Quyền	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	1,10
77.2	Ngõ 161 Nguyễn Huệ - phố Phong Quang	Đường Nguyễn Huệ	Ngõ 3 Bắc Liêu	1,10
77.3	Ngõ 271 Nguyễn Huệ - Chu Văn An	Đường Nguyễn Huệ	Hết ngõ	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
78	**Các ngõ đường Phúc Thành**			
78.1	Ngõ 31 đường Phúc Thành (Ngõ vào khu công an phố Phúc Hưng)	Đường Trương Hán Siêu	Hết đường	1,10
78.2	Ngõ 43, 55 Đường Phúc Thành (Các ngõ khu gia đình công an phố Phúc Nam)	Đường Phúc Thành	Hết ngõ	1,10
79	**Các ngõ đường Lương Văn Thăng**			
79.1	Ngõ 70 Lương Văn Thăng phố 7	Đường Chiến Thắng (Đường Đông Nhất cũ)	Lương Văn Thăng	1,10
79.2	Ngõ 77 Lương Văn Thăng phố 10	Đường Lương Văn Thăng	Đường Đào Duy Từ	1,10
79.3	Các ngõ còn lại đường Lương Văn Thăng	Đường Lương Văn Thăng	Hết ngõ	1,10
80	**Các ngõ đường Phạm Hồng Thái**			
80.1	Ngõ 1 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	3,00
80.2	Ngõ 2 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	1,80
80.3	Ngõ 8 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Ngõ 923- Trần Hưng Đạo	1,80
80.4	Ngõ 9 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Ngõ 18 Lê Hồng Phong	1,80
80.5	Ngõ 15 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Ngõ 18 Lê Hồng Phong	1,80
80.6	Ngõ 22 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	3,00
80.7	Ngõ 23 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Ngõ 18 Lê Hồng Phong	3,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
80.8	Ngõ 28 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Ngõ 7 - Phan Đình Phùng	1,80
80.9	Ngõ 37 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Đường Vân Giang	3,00
80.1	Ngõ 38 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	1,80
80.11	Ngõ 41,47 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Dương Vân Nga	1,80
80.12	Ngõ 42 Phạm Hồng Thái	Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	1,80
81	**Các ngõ đường Vân Giang**			
81.1	Ngõ 83, Vân Giang	Đường Vân Giang	Đường Phan Đình Phùng	1,10
81.2	Ngõ 74, Vân Giang	Đường Vân Giang	Ngõ 42- Phạm Hồng Thái	1,10
81.3	Ngõ 52 Vân Giang	Đường Vân Giang	Đường Trần Phú	1,10
81.4	Ngõ 21, đường Vân Giang	Đường Vân Giang	Đường Phan Đình Phùng	1,10
82	**Các ngõ đường Ngô Gia Tự**			
82.1	Ngõ 304 Ngô Gia Tự - phố Trung Tự	Đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Huệ	1,10
82.2	Ngõ 306 Ngô Gia Tự - phố Trung Tự	Đường Ngô Gia Tự	Ngõ 299 Nguyễn Du	1,10
82.3	Ngõ 312 Ngô Gia Tự - Ngô Quyền	Ngô Gia Tự	Nhà văn hóa Ngô Quyền	1,10
82.4	Ngõ 348 Ngô Gia Tự - Ngô Quyền	Đường Ngô Gia Tự	Hết ngõ	1,10
82.5	Ngõ 360 Ngô Gia Tự - Ngô Quyền	Đường Ngô Gia Tự	Đường Bùi Thị Xuân	1,10
82.6	Ngõ 376 Ngô Gia Tự - Phong Quang	Đường Ngô Gia Tự	Ngõ 17 Bắc Liêu	1,10
82.7	Ngõ 16 Ngô Gia Tự - phố Ngọc Hà	Ngõ 207 Nguyễn Huệ, Ngọc Hà	Hết đường	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
82.8	Ngõ 266, 262, 256, 252, 248, đường	Đường Ngô Gia Tự	Ngõ 39 đường Hoàng Hoa Thám (Đường ngõ nhà thờ cũ)	1,10
82.9	Ngõ 176, 186 đường Ngô Gia Tự	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lý Thái Tổ	1,10
82.1	Ngõ 198, 232, 244 đường Ngô Gia Tự	Đường Ngô Gia Tự	Đường Trương Định	1,10
82.11	Ngõ 212 đường Ngô Gia Tự	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lý Thái Tổ	1,10
82.12	Ngõ 136, 150, 162 đường Ngô Gia Tự	Đường Ngô Gia Tự	Đường Trương Định	1,10
82.13	Ngõ 474, 482, 494, 526, 548, 558 Ngô			1,10
83	**Các ngõ đường Nguyễn Văn Cừ**			
83.1	Ngõ 203,18,54, Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nam Bình (Đường 2) - Phú Xuân	1,10
83.2	Ngõ 251 Nguyễn Văn Cừ- Chu Văn An (khu Tái định cư đường Sắt)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường 2	1,10
83.3	Ngõ 205, 265 Nguyễn Văn Cừ			1,10
83.4	Ngõ 17, 47, 57, 67, 77, 87, 101, 113,	Nguyễn Văn Cừ	Lâm viên núi Cánh Diều	1,10
83.5	Ngõ 173 đường Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Văn Cừ	Ngõ 127 Nguyễn Công Trứ	1,10
83.6	Ngõ 57 Nguyễn Văn Cừ phố Chu Văn An	Đường Lý Nhân Tông	Đường Nam Bình	1,10
84	**Các ngõ Phố Bùi Thị Xuân**			1,10
85	**Các ngõ đường Lý Nhân Tông**			
85.1	Ngõ 29 Lý Nhân Tông	Đường Lý Nhân Tông	Cuối ngõ	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
85.2	Ngõ 1,11,25,39 Lý Nhân Tông-Bắc Phong	Đường Lý Nhân Tông	Hết đường	1,10
85.3	Ngõ 300, ngách 2/300 Lý Nhân Tông	Đường Lý Nhân Tông	Hết đường	1,10
85.4	Ngõ 288 Lý Nhân Tông	Đường Lý Nhân Tông	Đường Nam Bình	1,10
85.5	Khu dân cư ngõ 228 (thực tế là ngõ 288) Lý Nhân Tông (Khu đấu giá)			
85.5.1	Các lô đất bám đường tuyến T24			1,80
85.5.2	Các lô còn lại bám đường 17m và Đường 15m			1,80
86	**Các ngõ đường Hai Bà Trưng**			
86.1	Ngõ 95 đường Hai Bà Trưng			1,10
86.2	Ngõ 15 Hai Bà Trưng - Chu Văn An	Đường Hai Bà Trưng	Hết đường	1,10
86.3	Ngõ 19, ngách 2/19 Hai Bà Trưng - Chu Văn An	Đường Hai Bà Trưng	Đến nhà ông Nho	1,10
86.4	Ngõ 139 Hai Bà Trưng	Đường Lý Nhân Tông	Hết đường	1,10
87	**Các ngõ đường Nam Bình**			1,10
87.1	Ngõ 1,2, 3, 4, 5, 6 Đường Nam Bình	Đường Nam Bình (Đường 2)	Hết đường	1,10
87.2	Ngõ 7 đường Nam Bình	Đường Nam Bình (Đường 2)- Phú Xuân	Ngõ 384 Nguyễn Công Trứ	1,10
87.3	Ngõ 88 đường Nam Bình			1,10
88	**Các ngõ đường Nguyễn Công Trứ**			
88.1	Ngách 1/127 đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 127 Nguyễn Công Trứ	Hết đường	1,10
88.2	Ngõ 245 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Lâm viên núi Cánh Diều	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
88.3	Ngõ 255 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 245 (Đường Đông Hồ cũ)	1,10
88.4	Ngõ 259 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Lâm viên núi Cánh Diều	1,10
88.5	Ngách 1/255, 2/255 đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 255 Nguyễn Công Trứ	Phía Bắc khu nhà 5 tầng của nhà máy điện NB	1,10
88.6	Ngách 1/245, 9/245, 17/245, Ngách 25/245 đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 245 (đường Đông Hồ cũ)	Ngõ 127 Nguyễn Công Trứ	1,10
88.7	Ngõ 354 Nguyễn Công Trứ - Phú Sơn	Đường Nguyễn Công Trứ	Nhà văn hóa Phú Sơn	1,10
88.8	Ngõ 385 Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Thị Minh Khai	1,10
88.9	Ngõ 361, 373, 377 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết Ngõ	1,10
88.1	Ngõ 395 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,10
88.11	Ngõ 447,461,487 Đường Nguyễn Công Trứ	Đầu ngõ	Hết ngõ	1,10
88.12	Ngõ 497 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Giáp trường Quân Sự	1,10
88.13	Ngõ 543 Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Triệu Việt Vương	1,10
88.14	Ngõ 515,517 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết ngõ	1,10
88.15	Ngách 31,41 ngõ 543 Đường Nguyễn Công Trứ	Đầu ngõ 543	Hết ngõ	1,10
88.16	Ngõ 631, 641, 675 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết ngõ	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
88.17	Ngõ 795, 825, 943, 919, 969 Đường	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Triệu Việt Vương	1,10
88.18	**Ngõ 384 Nguyễn Công Trứ (đường điện 35KW)**	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Hai Bà Trưng (Hết địa phận phường Hoa Lư)	1,10
88.19	Ngách 43 ngõ 314 Nguyễn Công Trứ	Đường 3 Phong Sơn (ngõ 314)	Ngõ 354	1,10
89	**Đường vào cảng Ninh Phúc**			
89.1	Ngõ 969 Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường vào Cảng khô ICD	1,10
89.2	Đường vào Cảng khô ICD	Đường Trần Nhân Tông	Cảng khô ICD	1,10
90	**Các ngõ đường Hoàng Diệu**			
90.1	Ngõ 118 đường Hoàng Diệu	Đường Hoàng Diệu	Tiểu học Thanh Bình Đường	1,10
90.2	Ngõ 1, 13, 27 đường Hoàng Diệu	Hoàng Diệu	Tường Nhà máy Điện	1,10
90.3	Ngách 1/1, ngách 2/1 đường Hoàng Diệu	C.ty xếp dỡ đường thủy nội địa	Đất nhà máy điện	1,10
90.4	Ngõ 29, 45 đường Hoàng Diệu	Hoàng Diệu	Tường phía cổng Nhà máy điện	1,10
90.5	Ngõ 21 đường Hoàng Diệu	Đường Hoàng Diệu	Ngõ 47 đường Nguyễn Văn Cừ	1,10
90.6	Ngõ 63 đường Hoàng Diệu	Đường Hoàng Diệu	Hết đường	1,10
91	**Đường Hoàng Diệu B**	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cổng chính nhà máy điện NB	1,10
92	**Các ngõ đường Hoàng Diệu B**			
92.1	Ngõ 1 đường Hoàng Diệu B	Hoàng Diệu	Lâm viên núi Cánh Diều	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
92.2	Ngách 6/1 đường Hoàng Diệu B	Ngõ 21 đường Hoàng Diệu	Ngõ 1 Đường Hoàng Diệu	1,10
92.3	Ngách 30/1 đường Hoàng Diệu B	Ngõ 21 đường Hoàng Diệu	Ngõ 1 đường Hoàng Diệu	1,10
93	**Các ngõ đường Lê Đại Hành**			
93.1	Ngõ 131, 119, 111, 97, 81, 69 Lê Đại	Đường Lê Đại Hành	Đường Lý Thái Tổ	1,10
93.2	Ngõ 29 Lê Đại Hành	Đường Lê Văn Tám	Lê Đại Hành	1,10
94	**Các ngõ đường Hoàng Hoa Thám**			
94.1	Ngõ 41 Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Hoàng Hoa Thám	Hết ngõ	1,10
94.2	Ngách 2/41 Đường Hoàng Hoa Thám	Ngõ 41 Đường Hoàng Hoa Thám	Hết Đường	1,10
94.3	Ngõ 39 đường Hoàng Hoa Thám	Đường Hoàng Hoa Thám	Ngõ 262 Ngô Gia Tự	1,10
95	**Ngõ 46; 50 đường Tô Vĩnh Diện**	Đường Tô Vĩnh Diện	Hết ngõ	1,10
96	**Ngõ 38 đường 30/6**	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Kim Đồng	1,10
97	**Ngõ 62 đường 30/6**	Đường 30/6	Hết ngõ	1,10
98	**Ngõ 3 - Hùng Vương - phố Lê Lợi**	Đường Hùng Vương	Nguyễn Du	1,10
99	**Ngõ 5 Bà Triệu - Ngô Quyền**	Đường Bà Triệu	Nhà văn hóa phố Ngô Quyền	1,10
100	**Ngõ 17, Ngõ 23 Bắc Liêu - phố Phong Quang**	Đường Bắc Liêu	Ngõ 360 Ngô Gia Tự	1,10
101	**Ngõ 10 Bắc Liêu - phố Phong Quang**	Đường Bắc Liêu	Hết ngõ	1,10
102	**Ngõ 2 đường Tràng An**	Đường Tràng An	Đường Đinh Tất Miễn	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
103	**Ngõ 100 đường Chiến Thắng, phố 6**	Đường Chiến Thắng	Đường Nguyễn Văn Giản	1,10
104	**Ngõ 42,43 đường Đào Duy Từ phố 11 (Khu Chùa trẻ)**	Đường Tôn Đức Thắng	Hết ngõ	1,10
105	**Ngõ 130, 142, đường Đào Duy Từ, phố 10**	Đường Đào Duy Từ	Hết Ngõ	1,10
106	**Ngõ 1,2,3,4 đường Tôn Đức Thắng phố 11 (khu Chùa Trẻ)**	Đường Tôn Đức Thắng	Hết ngõ	1,10
107	**Ngõ 181,185 đường Đông Phương Hồng phố 12 (khu Vườn Am)**	Đường Đông Phương Hồng	Hết ngõ	1,10
108	**Ngõ 7 - Phan Đình Phùng**	Đường Phan Đình Phùng	Ngõ 947 Trần Hưng Đạo	1,10
109	**Ngõ 338, 326, phố Phong Sơn**	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết đường	1,10
110	**Ngõ 314 (Đường 3 - Phong Sơn)**	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết đường	1,10
111	**Ngõ 2, 14,28,38,62 đường Triệu Việt Vương**	Đường Triệu Việt Vương	Cuối ngõ	1,10
112	**Ngõ 28 Nguyễn Trãi - phố Phong Quang**	Đường Nguyễn Trãi	Giáp đường Phùng Hưng	1,10
113	**Ngõ 36 Nguyễn Trãi - phố Phong Quang**	Đường Nguyễn Trãi	Hết nhà ông ập	1,10
114	**Đường vào hồ Lâm sản**			1,10
114.1	Đoạn 1	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường 30 tháng 6	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
114.2	Đoạn 2	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Ngã tư hồ Lâm sản	1,10
115	**2 ngõ đội Xây dựng - phố Võ Thị Sáu**	Ngã tư hồ Lâm sản	Đường 30 tháng 6	1,10
116	**Các ngõ khu dân cư bánh kẹo**	Đường Tây chùa Phúc Chỉnh	Hết ngõ	1,10
117	**Ngõ vào khu vật liệu chất đốt - phố Minh Khai**	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	1,10
118	**Đường Tây chùa Phúc Chỉnh**	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Ngã 3 sân kho HTX Phúc Chỉnh	1,10
119	**Các ngõ của phố Phúc Chỉnh**			1,10
120	**5 đường phố Trung Thành**			1,10
121	**Đường 1,2 giao 5 Đường phố Trung Thành**	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Hết phố	1,10
122	**Các ngõ phố Văn Miếu**	Đường 1 Phúc Chỉnh	Hết phố	1,10
123	**Các Đường khu tái định cư phố Yết Kiêu**	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Hết ngõ	1,10
124	**Các Đường khu tái định cư phố Bạch Đằng**	Đường Trần Hưng Đạo	Hết khu dân cư	1,10
125	**Đường cửa làng, phố Phúc Trì**			1,10
126	**Các Đường khu tái định cư 1 phố Hòa Bình (phường Nam Thành cũ)**			1,10
127	**Đường trục phố Hòa Bình (phường Nam Thành cũ)**			1,10
128	**Đường vào công ty Xây dựng số 9 - Đê sông Chanh**			1,10
129	**Khu dân cư Cánh Ngàn 1+2 Phố Phúc Trì**	Đường Trần Hưng Đạo	Hết khu dân cư	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
130	**Khu dân cư Cửa Đình**			1,10
131	**Khu dân cư mới phố Phúc Trì (Các lô bên trong)**			1,10
132	**Khu dân cư đối diện Bệnh viện 700 giường**			1,10
133	**Các lô đất của khu Cống Đá**			1,10
134	**Khu 83 lô phía Tây đường Trương Hán Siêu**			
134.1	Các lô đất bám mặt Đường Trương Hán Siêu			1,10
134.2	Các lô đất bên trong			1,10
135	**Các lô phía trong khu dân cư phía Tây Bệnh Viện Sản Nhi mới (phố Lê Lợi - khu đấu giá năm 2012)**			1,10
136	**Các lô phía trong khu dân cư phía Tây Bệnh Viện Sản Nhi mới (phố Lê Lợi - khu đấu giá năm 2014)**			1,10
137	**Các lô đất phía Tây Công ty xây dựng số 9**			1,10
138	**Khu dân cư phố Hòa Bình (Các tuyến đường còn lại)**			1,10
139	**Đường phố trong khu đô thị Tân An**			1,10
140	**Đường phố trong khu phía Nam Cát Linh**			1,10
141	**Khu Đồng Son**			1,10
142	**Khu tái định cư Phúc Tân (bám mặt đường Cát Linh)**			1,10
143	**Khu dân cư phía đông chùa Nội**			1,10
144	**Các lô bám đường quy hoạch bên trong khu dân cư phía Đông đường Lê Thánh Tông (kênh Đô Thiên) - Đấu giá năm 2022**			1,10
145	**Khu đô thị mới Hồ Cánh Võ (đấu giá năm 2014)**			1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
146	**Đường trục Phú Gia**	Từ giáp đường Đinh Tiên Hoàng	đến cầu Phú Gia	1,10
147	**Trục đường Phố Tân Mỹ**	Đường 1A	Chùa Hà (Trạm điện)	1,10
148	**Trục đường Phố Thạch Quy - Đông Đình**	Chùa Hà (Trạm điện)	Ngã 4 nhà ông Thơ Nham	1,10
149	**Trục đường Phố Quan Đồng - Tây Đình**	Giáp đường 12C (Đường Đại Cồ Việt)	Trường Mầm Non Ninh Mỹ (Nhà trẻ Liên Thành)	1,10
150	**Trục đường Phố Tây Đình - Nam Chiêm**	Trường Mầm Non Ninh Mỹ (Nhà trẻ Liên Thành)	Núi Ngang	1,10
151	**Đường ngoài khu Dạ Tràng**	Cổng phố Thạch Tác	Kho A04	1,10
152	**Đường vào trường cấp II-Ninh Mỹ**	Giáp QL1A	Giáp nhà bà Diếp	1,10
153	**Đường dẫn cầu Bến Mới**	Giáp QL1A	Cầu Bến Mới	1,10
154	**Đường trục La Phù**	Giáp QL1A	đến Đê Đáy	1,10
155	**Khu dân cư còn lại**			
155.1	Các khu dân cư còn lại tại các kkhu vực: Đông Thành, Tân Thành, Vân Giang (Vân Giang, Phúc Thành, Thanh Bình)			1,10
155.2	Các khu dân cư còn lại tại các khu vực: Ninh Khánh, Bích Đào, Nam Thành			1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
155.3	Khu dân cư còn lại khu vực Nam Bình			1,10
155.4	Các khu dân cư còn lại tại khu vực Ninh Mỹ (Ninh Mỹ, Thiên Tôn)			1,10
155.5	Khu dân cư còn lại tại khu vực: Ninh Nhất (Ninh Nhất, Ninh Xuân), Ninh Tiến, Ninh Khang			
155.5.1	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,10
155.5.2	Đất ở ven núi (Các Thung)			1,10
156	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau**			
156.1	Đường có mặt cắt trên 30m			1,10
156.2	Đường có mặt cắt từ 25m đến 30m			1,10
156.3	Đường có mặt cắt từ 20m đến 25m			1,10
156.4	Đường có mặt cắt từ 15m đến 20m			1,10
156.5	Đường có mặt cắt từ 9m đến 15m			1,10
156.6	Đường có mặt cắt dưới 9m			1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
157	**Khu dân cư thôn Nguyễn Xá, xã Ninh Nhất (khu vực lô K thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới phía Đông đường Nguyễn Minh Không)**			1,00
158	**Khu dân cư phía Đông Nam trụ sở xã Ninh Nhất**			
158.1	Tuyến đường Trịnh Tú	Công an phường Hoa Lư	Đường Đô Thiên	1,00
158.2	Tuyến đường 20,5m			1,00
158.3	Tuyến đường 19m			1,00
158.4	Tuyến đường 17m			1,00
158.5	Tuyến đường 15m			1,00
158.6	Tuyến đường Nguyễn Bặc	Đường Thư Điền	Đường Đô Thiên	1,00
159	**Khu dân cư Đông Trụ sở phường Nam Bình**			
159.1	Tuyến đường 15m			1,00
159.2	Tuyến đường 17m			1,00
159.3	Tuyến đường 27m			1,00
160	**Khu dân cư Phúc Lộc phường Hoa Lư**			
160.1	Tuyến đường N1, N2, N3 (đường rộng 17m)			1,00
160.2	Đường Vũ Duy Thanh (đường rộng 15m)			1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
160.3	Đường Lý Nhân Tông			1,00
161	**Ngõ 209 đường Triệu Việt Vương**	**Đường Triệu Việt Vương**	**Đường Bích Đào**	1,00
162	**Khu tái định cư đường Đinh Tiên Hoàng (khu vực Ninh Khanh cũ)**			1,00
	Tuyến đường Đinh Tiên Hoàng			1,00
	Tuyến đường gom Quốc lộ 38B			1,00
	Tuyến đường 45,0m			1,00
	Tuyến đường 33,0m			1,00
	Tuyến đường 24,0m			1,00
	Tuyến đường còn lại			1,00
163	**Ngõ 41 đường Lý Nhân Tông**	Đường Lý Nhân Tông	Hết địa phận phường Nam Bình cũ	1,00

- Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đối với dự án Khu đô thị phía Đông nhà thi đấu

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực *(theo Phụ lục IX Nghị Quyết số 33/2026/NQ-HĐND ngày 10/9/2026 của HĐND tỉnh Ninh Bình)*	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	Đường có mặt cắt từ 9m đến dưới 15m	5,0
2	Đường có mặt cắt từ 15m đến dưới 20m	5,0
3	Đường có mặt cắt từ 20m đến dưới 27m	5,0

- Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường dự án hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật phường Hoa Lư (Khu vực TDP Nam Bình 3 và Nam Bình 4):

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực *(theo Phụ lục IX Nghị Quyết số 33/2026/NQ-HĐND ngày 10/9/2026 của HĐND tỉnh Ninh Bình)*	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	Đường có mặt cắt từ 15m đến dưới 20m	2,8
2	Đường có mặt cắt từ 20m đến dưới 27m	2,5
3	Đường có mặt cắt từ 27m đến dưới 32m	2,2

26. Phường Nam Hoa Lư

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
A	**TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH**			
1	**Đường Nguyễn Huệ**	**Ngã Tư Cầu Lim**	**Ngã 3 cầu Vũng Trắm**	
1.1	Đoạn 1	Từ giao đường Hai Bà Trưng	Phía Bắc Cầu vượt	1,80
1.2	Đoạn 2	Phía Nam Cầu vượt	Ngã ba cầu Vũng Trắm	1,80
2	**Đường 30 tháng 6**	**Cầu lim**	**Cầu Yên**	
2.1	Đoạn 1	Ngã ba cầu Vũng Trắm	Cầu vòm	1,10
2.2	Đoạn 2	Công ty CP Dầu khí Ninh Bình (cây xăng Đại Dương cũ)	Cầu Yên	1,10
3	**Đường Nguyễn Công Trứ**	**Ngã Tư Cầu Lim**	**Hết địa phận xã Ninh Phúc**	
3.1	Đoạn 1	Đường Lý Nhân Tông	Đường Phạm Bạch Hổ	2,00
3.2	Đoạn 2	Đường Phạm Bạch Hổ	Đường Trần Nhân Tông	2,00
4	**Đường Hai Bà Trưng**	**Đường Nguyễn Huệ**	**Ngã Tư Phúc Lộc**	
4.1	Đoạn 1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	1,10
4.2	Đoạn 2	Đường Sắt Phong Đoài	Cầu Anh Trỗi	1,50
4.3	Đoạn 3	Cầu Anh Trỗi	Ngã Tư Phúc Lộc	1,50
5	**Đường Lý Nhân Tông**	**Đường Nguyễn Công Trứ**	**Đường Trần Nhân Tông (đường Vành đai cũ)**	
5.1	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ	Giáp Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh	1,50
5.2	Đoạn 2	Cầu Anh Trỗi	Lê Duẩn	1,50
5.3	Đoạn 3	Lê Duẩn	Đường Trần Nhân Tông	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
6	**Đường Trần Nhân Tông**	**Đường 30 tháng 6**	**Cảng Ninh Phúc**	
6.1	Đoạn 1	Đường 30 tháng 6	Giao đường đê sông đáy	1,10
6.2	Đoạn 2	Giao đường đê sông đáy	Cảng Ninh Phúc	1,05
7	**Đường Phạm Thận Duật**	**Đường Nguyễn Công Trứ**	**Đường Trần Nhân Tông**	
7.1	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ	UBND phường Ninh Sơn cũ	1,10
7.2	Đoạn 2	UBND phường Ninh Sơn cũ	Đường Trần Nhân Tông	1,05
8	**Đường Trần Quang Khải**	**Đường Nguyễn Công Trứ**	**Cổng cảng công ty An Gia Bình**	
8.1	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ	Trường MN Ninh Sơn	1,10
8.2	Đoạn 2	Trường MN Ninh Sơn	Đường Trần Nhân Tông	1,05
9	**Đường Phạm Bạch Hổ**	**Đường Nguyễn Công Trứ**	**Hết đường**	
9.1	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường đôi trong khu đô thị Phong Sơn	1,10
9.2	Đoạn 2	Đường đôi trong khu đô thị Phong Sơn	Hết đường	1,05
9.3	Đoạn 3	Hết đường	Nghĩa Trang Mả Mụa đến Ngã Tư chợ Phúc Lộc	1,05
10	**Đường Lê Duẩn**			
10.1	Đoạn 1	Từ cầu Bông Lau	Trần Nhân Tông	1,10
11	**Đường Nguyễn Văn Cừ**			
11.1	Đoạn 1	Đường Hai Bà Trưng	Cầu vượt Ninh Phong	1,05
11.2	Đoạn 2	Cầu vượt Ninh Phong	Cầu Yên	1,05

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
12	**Ngô Gia Tự**			
12.1	Đoạn 1	Đường Hai Bà Trưng	Bắc Cầu Vượt	1,50
12.2	Đoạn 2	Nam Cầu Vượt	Cầu Vũng Trắm	1,50
13	**Đường 482C**	**Đường 30/6**	**Phường Đông Hoa Lư**	1,50
14	**Đường 1A**			
14.1	Đoạn 1	Giáp cầu Yên	Cầu Vó (Tây đường)	1,40
15	**Đường Du lịch Tam Cốc Bích Động**			
15.1	Đoạn 1	Từ cầu vòm	Bến xe Đồng Gừng	4,00
15.2	Đoạn 2	Bến xe Đồng Gừng	Cầu Chợ Ninh Hải	4,00
15.3	Đoạn 3	Cầu Chợ Ninh Hải	Chùa Bích Động	4,00
15.4	Đoạn 4	Đình Các	Đền Thái Vi	4,00
16	**Đường ĐT 477 - Đường tránh thành phố Ninh Bình cũ**			
16.1	Đoạn 1	Khách sạn GOLD Hotell	Cầu qua sông Hệ	1,10
16.2	Đoạn 2	Đê Đồng Vạn	Giáp đất Ninh Phong	1,10
17	**Ninh An cũ**			
17.1	Đường 1A đi Ninh Vân - Hệ Dưỡng	Đường QL 1A	Đến Nhà máy phân lân	2,00
17.2		Hết Nhà máy phân lân	Giáp Ninh Vân (Đường mới)	1,10
18	**Ninh Vân cũ**			
18.1	Đường 1A đi Ninh Vân - Hệ Dưỡng	Ranh giới giáp Ninh Vân - Ninh An	Ngã ba lương thực	1,10
18.2		Nhà máy xi măng Hệ Dưỡng	Giáp đất Ninh An	1,10
18.3	Đường ĐT 477 tránh TP Ninh Bình đoạn Vũ Xá Ninh Vân	Cống Vân An (Vũ Xá)	Đường vào nhà máy xi măng Duyên Hà	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
19	**Ninh Thắng cũ**			
19.1	Khu dân cư Đồng Đốt, Cửa Đình	Đường du lịch Tam Cốc	Đê sông Hệ (Đường 19m)	1,10
19.2		Đường du lịch Tam Cốc	Đê sông Hệ (Đường 12m + 15m)	1,10
19.3		Các đường xương cá trong khu đấu giá		1,10
B	**KHU DÂN CƯ PHƯỜNG**			
I	**Phường Ninh Phong cũ**			
1	Khu dân cư dãy trong Đường Nguyễn Huệ	Phố Tương Lai	Phố Đoàn Kết	1,10
	Các lô phía Tây Đường Nguyễn Huệ	Các lô phía Tây Đường Nguyễn Huệ bám mặt đường sông Vân		1,10
2	Ngõ 704 đường 30/6 (Đường trục phố Vân Giang)	Từ số nhà 704	Nhà máy nước sạch Vân Giang	1,20
3	Các ngõ phố Vân Giang			1,20
4	Ngõ 178 Đường Hai Bà Trưng	Ngã tư Phúc Lộc	Đường Lê Duẩn	1,20
		Đường Lê Duẩn	Chùa Phúc Lộc	1,20
5	Ngõ 1 đường 30/6	Đường 30/6	Cầu Đức thế	1,20
6	Ngõ 127 (ngõ 85 cũ) Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đầu Phố Phúc Lai	1,20
7	Ngõ 3 đường Lý Nhân Tông	Cầu Đức Thế	SN 04 phố Đúc Thế (nhà ông Luân)	1,20
8	Khu dân cư 65 lô An Hòa	Trạm biến thế An Hòa	Đường bê tông	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
9	**Khu dân cư dân cư phía Nam đường Vành Đai (Trần Nhân Tông)**			
9.1	Tuyến đường gom Đường Trần Nhân Tông			1,20
9.2	Các lô phía Nam bám đường 20,5m			1,20
9.3	Các tuyến đường còn lại			1,20
10	**Khu dân cư phía Nam trụ sở UBND phường**			
10.1	Tuyến đường Lý Nhân Tông			1,20
10.2	Tuyến đường 20,5m			1,20
10.3	Tuyến đường 18,5m			1,20
10.4	Các tuyến đường còn lại			1,20
11	**Khu dân cư mới phía Tây đường Lý Nhân Tông**			
11.1	Tuyến đường Lý Nhân Tông			1,20
11.2	Tuyến đường 24m			1,20
11.3	Tuyến đường 20,5			1,20
11.4	Tuyến đường 18,5m			1,20
11.5	Các tuyến đường còn lại			1,20
12	**Khu dân cư phía Nam phố Đức Thế**			
12.1	Tuyến đường Lý Nhân Tông			1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
12.2	Tuyến đường 40m theo quy hoạch			1,20
12.3	Tuyến đường 30m theo quy hoạch			1,20
12.4	Tuyến đường 27m theo quy hoạch			1,20
12.5	Các tuyến đường còn lại bên trong			1,20
13	**Khu dân cư Phong Đoài**			
13.1		Đường Hai Bà Trưng	Cầu vượt	1,20
13.2	Các lô đất bám đường trục Bắc Nam	Đường Lê Duẩn	Hai Bà Trưng	1,20
13.3	Các lô bám mặt đường phía trong KDC Phong Đoài I+II			1,20
13.4	Các lô đất KDC cũ Phong Đoài			1,20
14	**Khu dân cư An Hòa**			
14.1	*Khu dân cư An Hòa 1*			
14.1.1	Các lô đất giáp phía Nam cụm công nghiệp đường 24m			1,20
14.1.2	Các lô mặt bám đường Tàu (Nguyễn Văn Cừ) Đường 15m			1,20
14.1.3	Các lô Bám mặt đường 20,5m			1,20
14.1.4	Các lô thuộc tuyến đường còn lại			1,20
14.2	*Khu dân cư An Hòa 2*			
14.2.1	Các lô đất bám phía giáp phía Nam cụm công nghiệp, đường 24m			1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
14.2.2	Các lô mặt bám đường 17m			1,20
14.2.3	Các lô Bám mặt đường 20,5m			1,20
15	Đất khu dân cư còn lại			2,00
16	**Khu dân cư phố Phong Đoài (ô đất IV-01), phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**			
16.1	Tuyến đường 24m			1,00
16.2	Tuyến đường 20,5m			1,00
16.3	Tuyến đường 17m			1,00
17	**Khu dân cư mới phía Nam Cầu vượt đường sắt phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình (nay là phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình)**			
17.1	Tuyến đường 24m			1,00
17.2	Tuyến đường 20,5m			1,00
17.3	Tuyến đường 15m			1,00
II	**Phường Ninh Sơn cũ**			
1	Ngõ 466,488 đường Nguyễn Công Trứ (Đường 1,2 phố Thanh Bình)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Hết Ngõ	1,20
2	Nghách 2,4,8 thuộc ngõ 466 Đường Nguyễn Công Trứ (Các ngõ thuộc đường 1 phố Thanh Bình cũ)			1,20
3	Nghách 2,3,6,10,13 thuộc ngõ 488 Đường Nguyễn Công Trứ (Các ngõ thuộc đường 2 phố Thanh Bình cũ)			1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
4	Ngõ 914 đường Nguyễn Công Trứ (Đường Đông Thịnh cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết Ngõ	1,20
5	Khu dân cư Chùa Chấm, Tây Đường Vành đai			1,20
6	Khu dân cư Giếng Mỹ, Vườn Am			1,20
7	Ngõ 522 Nguyễn Công Trứ (Các ngõ dọc cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ	Nhà ông Thịnh	1,20
8	Ngõ 548; 594; 632; 656; 688; 704; 754; 822; 860 Nguyễn Công Trứ (Các ngõ dọc cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết ngõ	1,20
9	Ngõ 57, 83, 141, 171, 189, 217, 249, 287, 319, 367, 381, 391, 399, 425, 465, 483, 503, 539, 565, 585 (Các ngõ ngang cũ)	Đường Phạm Thận Duật	Đường Trần Quang Khải	1,20
10	Ngõ 47; 333; 345; 361 Đường Phạm Thận Duật (ngõ ngang cũ)	Đường Phạm Thận Duật	Hết Ngõ	1,20
11	Ngõ 51 đường Trần Quang Khải (khu DC Bắc Thịnh cũ)			1,20
12	Đất khu dân cư các phố Thượng Lân, Bích Đào, Phong Đào, Bắc Thịnh			1,20
13	Khu DC Dọc Bồng, Miếu Cậy			1,20
14	Khu dân cư phía Nam, phía Bắc trụ sở UBND Phường Ninh Sơn			1,20
15	Các Đường phố phía trong khu đô thị mới Phong Sơn			1,20
16	Đường tuyến T29			1,20
17	Khu dân cư Vườn Trên	Tuyến đường Trần Quang Khải		1,20
		Các tuyến đường còn lại		1,20
18	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư dân cư Tây Vành Đai (Trần Nhân Tông)	Tuyến đường gom đường Trần Nhân Tông		1,20
		Các tuyến đường còn lại		1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
19	Ngõ 942 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết ngõ	1,20
20	Ngõ 93, 141, 177, 221, 251 Đường Trần Quang Khải	Đường Trần Quang Khải	Hết ngõ	1,20
21	Khu dân cư phía nam đường Trần Nhân Tông	Tuyến đường gom đường Trần Nhân Tông		1,20
		Các tuyến đường còn lại		1,20
24	Khu dân cư còn lại			2,00
25	**Khu dân cư phía Tây đường Phạm Thận Duật (lô đất III-06), phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**			
25.1	Bám đường T24			1,00
25.2	Bám đường Phạm Thận Duật			1,00
25.3	Tuyến đường 29m			1,00
25.4	Các tuyến đường có mặt cắt ≥17m			1,00
25.5	Các tuyến đường có mặt cắt <17m			1,00
26	**Khu dân cư phía Tây đường Phạm Thận Duật (lô đất VI-06), phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**			
26.1	Bám đường Phạm Thận Duật			1,00
26.2	Tuyến đường 15m			1,00
27	**Khu dân cư thuộc các lô đất III-01,III-02,III-04, III-05 và lô**			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
	II -24 phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình (khu dân cư phía Nam phố Thượng Lân, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình (cũ)			
27.1	Tuyến đường 29m			1,00
27.2	Tuyến đường 17m; 18,5m			1,00
27.3	Tuyến đường 15m			1,00
27.4	Tuyến đường 11m			1,00
III	**Ninh Vân cũ**			
1	Đường trục Ninh Vân	Ngã ba Lương thực (Đồng Quan)	Hết làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân	1,25
		Hết làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân	Cổng nhà máy XM Hệ Dưỡng	1,25
		Ngã ba Lương Thực (Đồng Quan)	Ngã tư (cửa đền Vũ Xá)	1,25
		Ngã tư (cửa đền Vũ Xá)	Ngã tư Chiến Mùi (Hệ)	1,25
		Ngã tư Chiến Mùi (Hệ)	Hết trại giam Ninh Khánh	1,25
		Ngã ba ông Hiền (Đồng Quan)	Ngã ba ông Hữu (Xuân Thành)	1,25
		Ngã ba ông Huyến (Xuân Phúc)	Ngã 5 (thôn Thượng)	1,25
		Ngã 5 (thôn Thượng)	Nhà ông Ban (Phú Lăng)	1,25
1	Đường trục Ninh Vân	Ngã 5 (thôn Thượng)	Bờ Hồ XM Hệ Đường	1,25
		Ngã ba ông Đãn (thôn Thượng)	Chợ Hệ	1,25

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Chợ Hệ	Ngã 3 ông Đạt (Dưỡng Thượng)	1,25
		Cổng nhà máy XM Duyên Hà	Mỏ Dứa (Ga Gềnh)	1,25
		Cầu Bến Đang	Cổng 2 nhà máy XM Duyên Hà	1,25
		Ngã tư (cửa đền Vũ Xá)	Ngã 3 ông Tân (Chấn Lữ)	1,25
		Ngã 3 ông Tân (Chấn Lữ)	Ngã 4 Cống Núi Am (tổ dân phố Thượng)	1,25
		Ngã 4 Cống Núi Am (tổ dân phố Thượng)	Ngã 4 ông Bồng (tổ dân phố Hệ)	1,25
		Ngã 4 ông Bồng (tổ dân phố Hệ)	Ngã 4 ông Lương (tổ dân phố Hệ)	1,25
		Ngã 4 ông Lương (tổ dân phố Hệ)	Nhà Văn hóa (tổ dân phố Tân Dưỡng 2)	1,25
2	**Khu dân cư còn lại**	Khu dân cư các tổ dân phố: Xuân Phúc, Xuân Thành, Đồng Quan, Tân Dưỡng I, Tân Dưỡng II		1,25
		Khu dân cư các tổ dân phố: Vũ Xá, Chấn Lữ, Thượng, Phú Lăng, Vạn Lê, Hệ, Dưỡng Hạ, Dưỡng Thượng		1,50
3	Khu dân cư Cống Tu - Vũ Xá			1,25
4	Khu dân cư Đồng Bề - Phú Lăng			1,25
5	Khu dân cư tổ dân phố Xuân Phúc (đấu giá năm 2022			1,25

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
6	Khu tái định cư Đồng Bề trong			1,25
IV	**Ninh An cũ**			
1	**Đường trục Ninh An**	QL1A	Giáp N. Vân (Đê sông Vó)	1,30
		Các đường xương cá trong khu đấu giá (đê sông Vó)		1,30
		Trục đường phố Bộ Đầu, Xuân Mai, Đông Trang		1,30
		Trục đường phố Đông Thịnh, Đông Hội		1,30
2	Đường Cán cờ	QL1A	Đến cống xã	1,30
		Cổng xã	Trạm bơm Đò Chủ	1,30
3	Khu dân cư	Khu dân cư các tổ dân phố: Bộ Đầu, Xuân Mai, Đông Trang		1,30
		Khu dân cư các tổ dân phố: Đông Thịnh, Đông Hội		1,30
		Khu dân cư Mạ Đồng phố Đông Hội		1,30
4	Khu Tái định cư Đông Hội, Đông Thịnh (trục đường trong khu tái định cư)			1,30
V	**Ninh Thắng cũ**			
1	**Đường trục Ninh Thắng (Đường du lịch cũ)**	Giáp đất Ninh Phong	Cống Khai Hạ	1,30
		Cây đa Ninh Thắng	Chùa Khả Lương	1,30
		Chùa Khả Lương	Giáp Ninh Xuân	1,30
		Đường du lịch cũ	Bến đò Hành Cung	1,30
		Đường quai Vạc	Sông Hộ	1,30
1	**Đường trục Ninh Thắng (Đường du lịch cũ)**	Đường du lịch mới	Bến đò Tuân Cáo	1,30
		Đường bê tông ông Long đội 4	Vườn tấm Khả Lương	1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Trạm y tế xã	Kênh cấp II Đông Cửa	1,30
2	Khu dân cư còn lại			2,00
3	Đất ở thuộc các thung			1,50
VI	**Ninh Hải cũ**			
1	**Đường trục Ninh Hải**	Ngã ba ông Nhật	Cổng trường cấp I	1,30
		Ngã ba ông Nam	Hết nghĩa trang cũ	1,30
		Nghĩa trang cũ	Hết Chùa Sở đỏ Xước	1,30
		Ngã ba chùa Bích Động	Trạm bơm Hải Nham	1,30
2	Khu dân cư	Phố Văn Lâm		1,30
		Ven núi Phố Văn Lâm		1,30
		Phố Hải Nham		1,30
		Phố Khê Ngoài, Côi Khê, Khê Trong		1,30
3	Đất ở thuộc các thung			1,30
4	**Mặt đường trục Ninh Hải khu dân cư các tổ dân phố: Khê Trong - Khê Ngoài (Khu đấu giá)**			1,25
5	Các đường còn lại trong Khu dân cư Khê Trong - Khê Ngoài (khu đấu giá)			1,30

27. Phường Tây Hoa Lư

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
A	**TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH**			
1	**Đường 1A**			
1.1	Đoạn 1	Cầu Gián	Phố Mỹ Lộ phường Hoa Lư	3,00
2	**Đường ĐT 477 - Đường tránh thành phố Ninh Bình**			
2.1	Đoạn 1	Giáp QL 1A	Khu tái định cư 477	1,50
2.2	Đoạn 2	Khu tái định cư 477	Hết thôn Quán Vinh, phường Tây Hoa Lư	1,50
3	**Đường ĐT 38B (Đường 12C cũ)**			
3.1	Đoạn 1	Cầu Thiên Tôn	Hết Phủ Thành Hoàng	3,00
3.2	Đoạn 2	Hết Phủ Thành Hoàng	Ngã ba Yên Trạch	3,00
3.3	Đoạn 3	Ngã ba Yên Trạch	Cầu Dền	3,00
3.4	Đoạn 4	Cầu Dền	Ngã ba đê	2,00
3.5	Đoạn 5	Ngã ba đê	Núi Nghễn	2,00
3.6	Đoạn 6	Núi Nghễn	Cầu Đen	2,00
3.7	Đoạn 7	Từ cầu Đen	Hết hồ Đầm Thị	2,00
3.8	Đoạn 8	Cổng phụ chùa Bái Đính	Đường rẽ vào tổ dân phố 8	2,00
3.9	Đoạn 9	Đường rẽ vào tổ dân phố 8	Ngã ba giao đường Bái Đính Cúc Phương với đường Quốc Lộ 38B	2,00
3.10	Đoạn 10	Ngã ba giao đường Bái Đính Cúc Phương với đường Quốc Lộ 38B	Cầu bến Nhảy	2,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
4	**Đường -Ninh Xuân - Trường Yên - ĐT491B**			
4.1	Đoạn 1	Hết Máng Nước	Đình Quèn Thụ Mộc	3,00
4.2	Đoạn 2	Hết Cầu Ghềnh Tháp	Đường 12C (bà Lốc)	3,00
5	**Đường Tràng An**			
5.1	Đoạn 1	Trung tâm bến thuyền	Đền Vực	3,00
6	**Đường Kênh Đô Thiên**			
6.1	Đoạn 1	Giáp phường Hoa Lư	Đê Hoàng Long	2,00
7	**Đường QL 12B**			
7.1	Đoạn 1	Bưu điện Quỳnh Sơn	Trạm điện Quỳnh Phong	1,50
7.2	Đoạn 2	Trạm điện Quỳnh Phong	Trụ sở UBND xã Sơn Hà cũ	1,50
7.3	Đoạn 3	Trụ sở UBND xã Sơn Hà cũ	Giáp xã Yên Sơn	2,00
B	**KHU DÂN CƯ PHƯỜNG TÂY HOA LƯ**			
I	**GIA SINH - GIA VIỄN CŨ**			
1	Đường vào trụ sở UBND xã Gia Sinh cũ	Từ cây xăng	Tường bao chùa Bái Đính	2,00
2	Khu Tái định cư	Dãy 1		1,00
		Các dãy còn lại		1,00
3	Đường tuyến 8A	Giáp Đường 38B (tên cũ là Đường 12C)	Đền Mom (tổ dân phố 4) -(Tên cũ là Đê Đồng Lâm)	
		Đê Đồng Lâm	*Ngã 3 hàng*	*2,00*
		Ngã 3 hàng	*Giáp đường 38B (tên cũ là Đường 12C)*	*2,00*
4	Đường phân lô tổ dân phố 10	Đoạn từ Bưu điện	Tường bao chùa Bái Đính	3,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
5	Đường vành hồ	Từ đường Anh Trỗi	Giáp tuyến 6	3,00
6	Đường Vành Nghè	Nhà ông Ninh	Nhà ông Sinh	3,00
		Đường 12C	Giáp đường Vành Nghè	3,00
7	Tuyến 8B	Từ cầu Đen	Bến xe chùa Bái Đính	3,00
8	Đường 19/8	Tháp Hồ Đầm Thị	Âu Lê	3,00
9	Đường nối 8A-8B	Đầu đường tuyến 8A	8B	3,00
10	Khu dân cư Ao hồ			3,00
11	Đường tuyến 6	Đường 12C	Hang Long ẩn	3,00
12	Khu Vụng Son và Khu dân cư Xuân Trì			3,00
13	Đường du lịch cửa Ui	Đường 12c	Cửa Ui	3,00
14	Đường phân lũ chậm lũ (từ khu tái định cư đến tổ dân phố 5)	Từ nhà Loan Thế	Trường mầm non mới	3,00
15	Đường phân lô tổ dân phố 2	Từ đường 19/8	Tuyến 8B	3,00
		Từ nhà ông Quý (giáp tuyến 8B)	Nhà bà Hưởng	3,00
		Từ Homstay Riverside	Nhà ông Ba	3,00
		Cổng nhà ông Việt	Núi Lý	3,00
16	Vị trí ven đường liên tổ dân phố còn lại			3,00
17	Khu dân cư vườn cây tổ dân phố 5			3,00
II	**NINH GIANG CŨ**			
1	Đường trục xã	Từ QL 1A	Đường 477	2,00
		Đường 491	Ngã tư KDC Cá Dũ Tổ dân phố Nam	2,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Trạm Y tế	Giáp phố Thiên Sơn phường Hoa Lư	2,00
2	Đường 30	Giáp Đường 477	Ngã tư đầu làng tổ dân phố Trung Trữ	2,00
3	Đường chiến lược	Cống 30	Giáp đê Hoàng Long	2,00
4	Đường giữa đồng	Từ đường 30	Giáp đê Hoàng Long	2,00
5	Đường cống ông Sơn	Giáp đường chiến lược	Ngã ba nhà ông Huyến Bãi Trữ	2,00
6	Đường tổ dân phố La Mai	Cống làng	Tổ dân phố 2 La Mai	2,00
		Tổ dân phố 2 La Mai	Điện La Mai	2,00
		Chùa Thượng La Mai	Giáp đê sông Đáy	2,00
		Các nhánh đường còn lại		2,00
7	Đường tổ dân phố La Vân	Cổng làng	Cuối làng (nhà ông Thành)	2,00
		Từ QL 1A	Hết Chùa Phong Phú	2,00
		Các nhánh đường còn lại		2,00
8	Đường tổ dân phố Bãi Trữ	Từ kênh Đô Thiên	Ngã 4 ông Huyền	2,00
		Hết nhà ông Huyền	Hết nhà ông Ly	2,00
		Hết nhà ông Ly	Giáp đê sông Hoàng Long	2,00
8	Đường tổ dân phố Bãi Trữ	Giáp đất ông Huyến	Đường Quai	2,00
		Giáp nhà ông Lương	Hết nhà văn hóa tổ dân phố bãi Trữ	2,00
		Các nhánh Đường còn lại		2,00
9	Đường tổ dân phố Trung Trữ	Hết nhà Ông Hiền (tổ dân phố Tây)	Hết nhà Ông Mây (tổ dân phố Nam)	2,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Hết nhà Ông Tài (tổ dân phố Nam)	Hết nhà Ông Thành	2,00
		Đường 30 (tổ dân phố Đông Đầu làng Trung Trữ)	Hết nhà Bà Quế (tổ dân phố Tây)	2,00
		Hết đất ông Tài Luyện (tổ dân phố Nam)	Hết đất bà tuyến Đắc, tổ dân phố	2,00
		Giáp đường 30 (Đường Vườn Thiu)	Giáp đường trục xã	2,00
		Các nhánh đường còn lại		2,00
10	Khu dân cư Cá Dũ	Trục Đường 19m trong khu đấu giá		2,00
		Trục đường 15m trong khu đấu giá		2,00
11	Đường tổ dân phố Phong Phú			2,00
11.1	Đường phía Nam Làng	Giáp đình Phong Phú	Hết đất ao bà Dệt	2,00
11.2	Đường giữa làng	Giáp đình Phong Phú	Hết đất ông Bốn	2,00
11.3	Đường phía Tây Lảng	Núi Dược	Hết đất nhà ông Xứng	2,00
11.4	Các Đường nhánh còn lại			2,00
12	Đê sông Chanh	Núi Gạc	Trạm bơm Quán Vinh	2,00
13	Khu Trung tâm Trung Trữ	Trục đường 15m (dãy nhà vườn)		1,20
14	Khu dân cư Tây La Vân	Trục đường 15m (dãy nhà vườn)		1,20
		Trục đường 15m (dãy nhà lô)		1,30
III	**TRƯỜNG YÊN CŨ**			
1		Đê Hoàng Long	Hết Cầu Dền	2,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
	Đường liên 5 tổ dân phố (Trường Xuân, Trường Thịnh, Tân Hoa, Vàng Ngọc, Yên Trạch)	Ngã 3 Trường Thịnh	Hết Cầu Đông	2,00
		Ngã ba nhà ông Lực	Phủ Đông Vương	2,00
		Phủ Đầu Tường	Cổng làng Yên Trạch	2,00
2	Đường trục tổ dân phố	Đường trục tổ dân phố Yên Trạch		2,00
		Đường trục tổ dân phố Tụ An		2,00
		Đường trục 6 tổ dân phố Thắng Thành: Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung, Tam Kỳ		2,00
		Đường trục các tổ dân phố còn lại		2,00
3	Khu Tái định cư Hang Muối Cạn			2,00
4	Khu Tái định cư Ngòi Gai		Tuyến đường 1-1	2,00
			Các Đường nhánh còn lại	2,00
IV	**NINH HÒA CŨ**			
1	Tuyến đường 1-1	Từ nhà hàng Hoa Sơn	Đến giáp đất Tràng An	3,00
2	Đường liên tổ dân phố	Đền Hành Khiển	Hết Trạm bơm Hồng Phong	2,00
		Đường 12C cũ (Nhà Ô Hưng)	Hết Thanh Hạ	2,00
		Đường 12C cũ (Bưu điện)	Hết Ngô Thượng	2,00
		Đường 12C cũ (Quèn Ối)	Hết Thanh Hạ	2,00
		Đường 12C cũ (ông Lực)	Nhà máy nước sạch	2,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Khu tái định cư Hồng Phong	Xóm trại Áng Ngũ (Bà Hòe)	2,00
		Cuối làng Thanh Hạ	Hết Ngô Hạ	2,00
		Đường 12C cũ (Chùa Quán Vinh)	Đầu Tổ dân phố Quán Vinh (Vinh Quang cũ)	2,00
		Đường 12C cũ (Chùa Quán Vinh)	Hết Vinh Sơn (DT 477)	2,00
		Đường Thống Nhất	Cầu Đại Áng	2,00
3	Khu tái định cư ĐT.477			1,00
4	Khu tái định cư Hồng Phong			1,00
5	Đường 38B mới	Giáp phường Hoa Lư	Đường 477	1,00
V	**PHÚC SƠN CŨ (SƠN HÀ VÀ SƠN LAI)**			
1	Đường trục chính của xã Phúc Sơn cũ			3,00
2	Đường trục tổ dân phố			3,00
3	Khu dân cư tổ dân phố Đa Hàng (các lô nằm phía trong đường 477c)			3,00
4	Đường du lịch Bái Đính - Cúc Phương	Giáp xã Quỳnh Lưu	Đường Bái Đính Cúc Phương (Gia Sinh)	1,20
5	Đường 477 C	Từ giáp QL 38	Cầu Thống Nhất giáp xã Gia Phong	1,20
VI	**GIA TÂN CŨ**			
1	Đường vào làng Tủy Hối	Đầu Đường ĐT477	Góc cua đầu tiên (gần nghĩa trang)	2,00
VII	**TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI**			
1	Khu dân cư còn lại			1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
	(Gia Sinh cũ, Phúc Sơn cũ)			
2	Khu dân cư còn lại (Ninh Giang cũ, Ninh Hòa cũ, Trường Yên cũ, Gia Tân cũ)			1,20

28. Phường Đông Hoa Lư

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
A	**TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH**			
1	**Đường QL10 (Nguyễn Công Trứ)**			
1.1	Đoạn 1	Ngã tư Go Ninh Bình	Đường rẽ Chợ Dầu	2,00
1.2	Đoạn 2	Đường rẽ Chợ Dầu	Hết đất phường	2,00
B	**KHU DÂN CƯ PHƯỜNG**			
I	**XÃ NINH PHÚC CŨ**			
1	Đường Ninh Tốn (đường trục xã	Từ đường Nguyễn Công Trứ (Chợ Bợi)	Ngõ 463, đường Ninh Tốn	2,00
		Ngõ 463, đường Ninh Tốn	Trường Tiểu học Ninh Phúc	2,00
		Tường Tiểu học Ninh Phúc	Sông Vạc	2,00
2	Đường Trần Khát Chân	Đường Nguyễn Công Trứ	Chùa gạo	1,20
3	Đường vào cảng Ninh Phúc			
3.1	Đường vào Cảng cũ	Đường Nguyễn Công Trứ	Nhà thờ Ninh Phúc	1,20
3.2	Đường vào Cảng khô ICD	Đường Trần Nhân Tông	Hết cầu vượt	1,20
3.3	Khu dân cư Mả Lẻ, Nghĩa Trang được giao đất			1,20
3.4	Khu dân cư Đông Hạ (đấu giá 2023)			1,20
4	Khu dân cư phía Tây đường vành đai (các lô đất phía trong)			1,20
5	Khu dân cư phía Tây Đường vành đai (đường Trần Nhân	Tuyến đường gom đường Trần Nhân Tông		1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
	Tông)	Các tuyến đường còn lại Quy hoạch khu dân cư phía Tây Đường vành đai)		1,20
6	Khu dân cư phía Bắc sân vận động Ninh Phúc	Tuyến đường Ninh Tốn		1,20
		Tuyến đường 24m		1,20
		Tuyến đường 20,5m		1,20
		Các tuyến đường quy hoạch còn lại		1,20
7	Khu dân cư thôn Vĩnh Tiến (Khu đấu giá)	Các lô bám đường gom DT 476, đường Bái Đính - Kim Sơn		1,20
		Các lô bên trong		1,20
8	Khu tái định cư dự án xây dựng tuyến đường kết nối cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình với Quốc lộ 1A và dự án Khu công nghiệp Phúc Sơn			1,20
II	**XÃ KHÁNH HOÀ CŨ**			
1	Đường vào trục xã Khánh Hoà cũ	Đường quốc lộ 10	Ngã ba Đường vào đền Đông	1,30
		Đường vào đền Đông	Giao đường giao cao tốc (xóm Thượng II)	1,30
1	Đường vào trục xã Khánh Hoà cũ	Giao đường giao cao tốc (xóm Thượng II)	Cổng sân vận động Trung tâm xã	1,30
		Cổng sân vận động Trung tâm xã	Ngã ba đường vào trụ sở hợp tác xã Yên Khang cũ	1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Ngã ba đường vào trụ sở hợp tác xã Yên Khang	Giáp đường đê Sông Vạc	1,30
		Nhà Ông Luân	Đê Sông Vạc	1,30
2	Đường đê Sông vạc	Cống Sông Chanh	Giao đường Ninh Tốn	1,30
3	Đường Liên Xóm Nội Ngoại	Ngã ba công ông Hơn	Đến cuối xóm nội	1,30
4	Các đoạn đường trục xã còn lại			1,30
5	Khu vực Hòn đá (Khu dân cư đấu giá sau trại giống)			1,30
6	Khu tái định cư A, B - xóm Chợ Dầu, xóm Đông			1,30
7	Khu dân cư mới giáp khu tái định cư B			1,30
8	Tuyến đường quy hoạch 20,5 m			1,30
9	Các tuyến đường quy hoạch phía trong			1,30
10	Đường trục xóm rậm			1,30
11	Khu DC lô VII-27	Tuyến đường 20,5m		1,30
		Các tuyến đường quy hoạch phía trong		1,30
12	Đường kênh N4	Nhà ông Xốp (xóm Đông)	Nhà ông Hội (xóm Chùa)	1,30
III	**XÃ KHÁNH PHÚ CŨ**			
1	Đường trục thôn Phú Cường - Phú Sơn	Đường Quốc lộ 10	Đến hết	1,30
2	Đường trục xã thôn Phú Long	Đường Quốc lộ 10	Đến hết	1,30
3	Đường trục Sông Chanh	Kênh điều hoà khú Công nghiệp	Hết đất Khánh Phú cũ	1,30
		Giáp QL 10	Sông Chanh	1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
4	Đường trục Phú An	Ngã ba Trịnh Thịnh-Nhà văn hoá Phú An	Đến hết	1,30
5	Đường Trục Phú Bình			1,30
6	Dãy 2 Khu dân cư phố Phú Tân			1,30
7	Khu Tái Định Cư Phú Hải			1,30
8	Khu dân cư Chợ vệ			1,30
IV	**XÃ KHÁNH AN CŨ**			
1	Đường trục xã Khánh An cũ	Giáp địa phận Đường Quốc lộ 10	Trường Tiểu Học Khánh An	2,00
		Trường Tiểu Học Khánh An	Trường Mầm non 19/5	2,00
		Trường Mầm non 19/5	Cống đá (khu dân cư cũ)	2,00
		Khu dân cư Phú trung đi Phú Hạ năm 2016		2,00
2	Đường trục Yên Cống	Giáp địa phận Đường Quốc lộ 10	Nhà ông Khoa	1,30
		Nhà ông Khoa	Đền Đức Đệ Nhị	1,30
3	Đường dãy 2 Đường 10			1,30
4	Khu dân cư thôn Phú Trung đi Phú Hạ			2,00
5	Khu dân cư đường 482E			1,30
V	**KHU DÂN CƯ CÒN LẠI**			1,30
VI	**CÁC KHU DÂN CƯ, TÁI ĐỊNH CƯ MỚI**			
1	Khu dân cư phố Phú Trung đi Phú Hạ (đấu giá)			
1.1	Các tuyến đường rộng 15m			1,30
1.2	Các tuyến đường còn lại			1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
2	Khu dân cư phục vụ tái định cư bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng tuyến đường ĐT 482 kết nối Quốc lộ 1A với quốc lộ 12B			
2.1	Các tuyến đường rộng 15m			1,30
2.2	Các tuyến đường còn lại			1,30
3	Khu quy hoạch các lô đất có ký hiệu 4,5,6,7 xã Khánh Phú			
3.1	Tuyến đường rộng 32m			1,30
3.2	Tuyến đường rộng 20m			1,30
3.3	Tuyến đường rộng 19m			1,30
3.4	Tuyến đường còn lại			1,30
4	Khu tái định cư đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam tại thôn Đường 10, thôn Triều			1,30
5	Khu tái định cư đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam tại thôn Phú Hải			
5.1	Các lô đường 15m			1,30
5.2	Các lô đường còn lại			1,30
6	Khu tái định cư đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam tại khu xóm Ngoại			
6.1	Các lô đường rộng 33m			1,30
6.2	Các lô đường rộng 26m			1,30
6.3	Các lô đường còn lại			1,30
7	Khu tái định cư tại phố Đông Thượng; Đoài Thượng, phường Đông Hoa Lư			
7.1	Các lô đường rộng 24m			1,30
7.2	Các lô đường rộng 20,5m			1,30
7.3	Các tuyến còn lại			1,30
VII	**CÁC ĐƯỜNG PHÁT SINH MỚI HOẶC CHƯA CÓ TÊN NÊU TRÊN ĐƯỢC XÁC ĐỊNH THEO ĐỘ RỘNG, MẶT CẮT ĐƯỜNG NHƯ SAU**			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	Đường có mặt cắt trên 15m			1,30
2	Đường có mặt cắt từ 9m đến 15m			1,30
3	Đường có mặt cắt dưới 9m			1,30
C	**CÁC TUYẾN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ BỔ SUNG**			
1	Đường trục Phú Hào	Đầu cổng làng	Dốc đê hữu đáy	1,00
2	Khu đấu giá xóm Chùa năm 2005			1,00

29. Phường Tam Điệp

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	Đường Quang Trung (QL1A)	Đường Thiên Quan	Đường Trương Hán Siêu	1,00
		Đường Trương Hán Siêu	Đường Quang Sơn	1,00
		Đường Quang Sơn	Hết địa phận phường Tam Điệp	1,00
2	Đường Ngô Văn Sở	Đường Thiên Quan	Đường Phan Huy Ích	
		Phía đồi		*1,00*
		Phía Suối		*1,00*
		Đường Phan Huy Ích	Đường Trần Phú	1,00
3	Đường Trương Hán Siêu	Đường Quang Trung	Đường Trần Phú	1,00
4	Đường Suối Ngầm	Đường Quang Trung	Đường Trần Phú	1,00
5	Đường Tạ Uyên	Đường Quang Trung	Cổng Trung tâm Y tế Tam Điệp	1,00
		Cổng Trung tâm Y tế Tam Điệp	Đường Vũ Duy Thanh	1,00
		Gặp Đường Vũ Duy Thanh	Đường Trần Phú	1,00
6	Đường Đồng Giao	Đường Quang Trung	Đường Trần Phú	1,00
		Đường Trần Phú	Đường Phạm Văn Đồng	1,00
		Đoạn còn lại		1,00
7	Đường Trần Phú	Ngã 3 cổng trường CĐDNCĐXD	Đường Tạ Uyên	1,00
		Đường Tạ Uyên	Đường Đồng Giao	1,00
		Đường Đồng Giao	Đường Quang Trung	1,00
8	Đường Thanh Niên	Đường Quang Trung	Đường Trần Hưng Đạo	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Đường Trần Hưng Đạo	Đường Xuân Thủy	1,00
		Đường Xuân Thủy	Đường Trần Phú	1,00
9	Đường Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Thanh Niên	1,00
		Đường Thanh Niên	Đường Hoàng Quốc Việt	1,00
10	Đường Kim Đồng	Đường Trần Phú	Đường Thanh Niên	1,00
11	Đường Vạn Xuân	Đường Trần Phú	Đến cuối đường	1,00
12	Đường Phan Huy Ích (Đường Ngô Văn Sở nhánh 1)	Đường Quang Trung	Đường Ngô Văn Sở (hết đất bà Hiền)	
		Phía đồi		*1,00*
		Phía Suối		*1,00*
13	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Ngã 3 cổng trường CĐDNCĐXD	Đường Xuân Thủy	1,00
14	Đường Xuân Thủy	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Thanh Niên	1,00
		Đường Thanh Niên	Đường Vạn Xuân	1,00
		Đường Vạn Xuân	Hết đường	1,00
15	Đường Thiên Quan (Quốc lộ 12B cũ)	Đường Quang Trung	Đường Ngô Văn Sở	1,00
16	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Phú	Đường Thanh Niên	1,67
		Đường Thanh Niên	Hết đường	2,00
17	Đường Trần Quang Diệu	Đường Quang Trung	Đường Nguyễn Trung Ngạn	1,00
18	Đường Nguyễn Trung Ngạn	Đường Trương Hán Siêu	Đường Trần Quang Diệu	1,00
		Đường Trần Quang Diệu	Đường Phan Huy Ích (Qua Suối tổ 2)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
19	Đường Trương Công Định	Đường Quang Trung	Ngã tư đường rẽ đi Trung tâm Y tế Tam Điệp	1,00
		Ngã tư đường rẽ đi TT Y tế Tam Điệp	Đường Vũ Duy Thanh	1,00
20	Đường Vũ Duy Thanh (Đi theo hướng tổ 10A)	Đường Trần Phú	Đường Tạ Uyên	1,00
		Đường Tạ Uyên	Đường Quang Trung	1,00
21	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Thanh Niên	Gặp Đường Nguyễn Du	1,00
22	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Quang Trung	Đường Đồng Giao	1,67
		Đường Đồng Giao	Đường Trần Hưng Đạo	2,33
		Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	1,79
23	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Đồng Giao	Đường Trần Hưng Đạo	2,19
		Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	2,27
24	Đường Lê Lợi	Đường Đồng Giao	Đường Trần Hưng Đạo	2,19
		Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	2,27
25	Đường Đào Duy Từ	Đường Nguyễn Du	Đường Đồng Giao	1,00
26	Đường Quang Sơn	Đường Quang Trung	Đường Hồ Xuân Hương	1,00
		Đường Hồ Xuân Hương	Đường Lý Thái Tổ	1,00
		Đường Lý Thái Tổ	Đến đền Chúa Mỏ	1,00
		Đền Chúa Mỏ	Đến ngã ba đường Hồ Than	1,00
27	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Quang Trung	Đường Quang Sơn	1,00
28	Đường Lê Ngọc Hân (Đường Z879 -Lữ 279)	Đường Quang Trung	Cổng Z879 - Lữ đoàn 279	1,00
29	Đường Chi Lăng	Đường Quang Trung	Cổng nhà máy xi măng Tam Điệp	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Cổng nhà máy Xi măng Tam Điệp	Ngã 3 Đường Ngô Thì Sỹ	1,00
30	Đường Đặng Tiến Đông	Đường Quang Sơn	Đường Phan Bội Châu	1,00
31	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Đồng Giao	Đường Quang Sơn	1,00
32	Đường Phan Bội Châu	Đường Quang Sơn (Điểm đỗ xe nhà hàng Kim Sơn)	Đường Phạm Văn Đồng	1,00
33	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Hồ Xuân Hương	Hết đường	1,00
34	Đại lộ Hoa Lư	Đường Phạm Văn Đồng	Nút giao cao tốc Bắc Nam	1,00
		Nút giao cao tốc Bắc Nam	Hết địa phận phường Tam Điệp	1,00
35	Đường Ngô Thì Sỹ	Đường Chi Lăng	Ngã 3 Tân Nhuận	1,00
36	Đường Trung Thượng	Đường Quang Sơn	Đường Chi Lăng	1,00
37	Đường Lý Thái Tổ			1,00
38	Các lô dãy trong khu dân cư phía Đông Đường Lý Thái Tổ	Đường 20.5 m		1,00
		Các đường còn lại		1,00
39	Đường trước cổng công ty giày Adora	Đường Lý Thái Tổ	Đường vành đai khu công nghiệp	1,00
40	Đường vành đai Khu công nghiệp	Đường Quang Sơn	Đường Chi Lăng	1,00
41	Khu dân cư mới phía Đông khu công nghiệp II			1,00
42	Đường trong khu dân cư (mặt đường bê tông, xi măng, nhựa >= 5.0m) thuộc các tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9			1,00
43	Đường trong khu dân cư (mặt đường bê tông, xi măng, nhựa < 5.0m) thuộc các tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9			1,00
45	Các tuyến đường thuộc Tổ dân phố Quang Sơn, Đồng Giao			1,00
46	Đường trong Khu dân cư mới phía Bắc, Nam đường Đồng Giao; Đường trong Khu dân cư mới phía Bắc, Nam Đại lộ Hoa Lư			1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
51	Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:			
51.1	Các tuyến đường còn lại có mặt cắt ngang đường từ 10m đến dưới 20m			1,00
51.2	Các tuyến đường còn lại có mặt cắt ngang đường trên 20m			1,00

30. Phường Yên Sơn

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	**Đường Đinh Tiên Hoàng (Đường Quốc lộ 1A)**			1,10
2	**Đường Thiên Quan (đường 12B)**	Đường Quang Trung	Đường Ngô Văn Sở	1,10
		Đường Ngô Văn Sở	Đường Vườn Chanh	1,10
		Đường Vườn Chanh	Đường Tráng Sơn	1,10
		Đường Tráng Sơn	Hết tổ dân phố 6	1,10
		Hết tổ dân phố 6	Cầu Thủng	1,10
		Cầu Thủng	Trường Tiểu học Yên Sơn	1,10
		Trường Tiểu học Yên Sơn	Hết Cầu Vĩnh Khương	1,10
3	**Quốc lộ 12B**	Từ Cầu Vĩnh Khương	Hết địa giới phường Yên Sơn	1,20
4	**Đường Tôn Thất Tùng (đường vào bệnh viện Điều Dưỡng)**	Đường Quang Trung	Bệnh viện Điều Dưỡng	1,20
		Bệnh viện Điều Dưỡng	Đường Thiên Quan	1,20
5	**Đường Đồng Quýt (thuộc tổ dân phố 3)**	Đường Thiên Quan	Đường Quang Hiến	1,30
6	**Đường Vườn Chanh (thuộc tổ dân phố 4)**	Đường Thiên Quan	Cổng trụ sở Công ty VLXL Tam Điệp	1,30
		Cổng trụ sở công ty VLXL Tam Điệp	Giao Đường Đồng Quýt và Đường Quang Hiển	1,30
7	**Đường Quang Hiển (thuộc tổ dân phố 12)**	Đường Đồng Quýt	Đầu Núi Cửa Khâu	1,30
		Đầu Núi Cửa Khâu	Đê sông Bến Đang	1,25
8	**Đường Yên Quang (đi qua tổ dân phố 8,9,10)**	Đường Lý Quốc Sư	Đường Tráng Sơn	1,25

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
9	**Đường Tráng Sơn (thuộc tổ dân phố 10,11)**	Đường Thiên Quan	Đền Tráng Sơn	1,25
10	**Đường Cao Sơn (tổ dân phố 10)**	Đường Thiên Quan	Đấu Núi Địa Lý	1,25
11	**Đường Tiền Phong (thuộc tổ dân phố 11,12)**	Đường Tráng Sơn	Đường Quang Hiển	1,25
12	**Đường Lý Quốc Sư (thuộc tổ dân phố 8)**	Đường Thiên Quan	Đường Yên Quang	1,25
		Đường Yên Quang	Đê sông Bến Đang	1,30
13	**Đường Lưu Cơ (thuộc tổ dân phố 9)**	Đường Lý Quốc Sư	Đầu Núi Gai	1,30
14	**Đường Lương Quận Công (thuộc tổ dân phố 1, 2)**	Đường Quang Trung	Đầu Núi Dóng Than	1,30
15	**Đường Trần Nhật Duật (thuộc tổ dân phố 1 cũ)**	Đường Lương Quận Công	Đường Quang Trung	1,25
16	**Đường Vành Đai**	Đường Thiên Quan	Giáp ranh Yên Sơn	1,20
17	**Khu giao đất Đồi Me**			1,00
18	**Khu dân cư mới tổ 9, phường Yên Sơn**			1,00
19	**Khu giao đất tổ 8**			1,00
20	**Khu dân cư An Ngải, phường Yên Sơn**	Đường trục chính		1,20
		Các trục đường còn lại		1,20
21		Các tổ dân phố: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11 và 12		1,25
	Các đường có mặt đường kết cấu bê tông, trải thảm nhựa >= 4,0m	Các tổ dân phố: Nguyễn, Lang Ca, Khánh Ninh, Yên Lâm, Yên Đồng, Đoài Khê, Yên Phong, Vĩnh Khương, Đoàn Kết, Yên Trung		1,25

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Các Tổ dân phố: Đồng Bông, An Ngải, Hưng Long, Quảng Cư, Quảng Thành, Quảng Thành, Đồng Thanh, Đồng Bài		1,25
22	**Các đường có mặt đường kết cấu bê tông, trải thảm nhựa < 4,0m**	Các tổ dân phố: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11 và 12		1,25
		Các tổ dân phố: Nguyễn, Lang Ca, Khánh Ninh, Yên Lâm, Yên Đồng, Đoài Khê, Yên Phong, Vĩnh Khương, Đoàn Kết, Yên Trung		1,25
		Các Tổ dân phố: Đồng Bông, An Ngải, Hưng Long, Quảng Cư, Quảng Thành, Quảng Thành, Đồng Thanh, Đồng Bài		1,25
23	**Các đường còn lại**	Các tổ dân phố: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11 và 12		1,25
		Các tổ dân phố: Nguyễn, Lang Ca, Khánh Ninh, Yên Lâm, Yên Đồng, Đoài Khê, Yên Phong, Vĩnh Khương, Đoàn Kết, Yên Trung		1,50
		Các Tổ dân phố: Đồng Bông, An Ngải, Hưng Long, Quảng Cư, Quảng Thành, Quảng Thành, Đồng Thanh, Đồng Bài		1,50

31. Phường Trung Sơn

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	Đường Quang Trung	Ranh giới hành chính giáp phường Yên Bình (Nay là phường Yên Thắng)	Giáp Đường Voi Phục	1,00
		Đối diện Đường Trương Hán Siêu	Cầu Lạnh Đông	1,35
		Cầu Lạnh Đông	Hết địa giới phường Trung Sơn cũ	1,65
		Ranh giới hành chính Phường Trung Sơn	Đất nhà bà Lan (thửa số 12, tờ số 8)	1,00
		Thửa đất số 184 (giáp đất nhà bà Minh)	Cổng UBND Phường Nam Sơn cũ	1,00
		Cổng UBND Phường Nam Sơn cũ	Đường Ngô Thì Sỹ	1,00
		Đường Ngô Thì Sỹ	Hết địa phận Phường Nam Sơn cũ	1,00
2	Đường Quyết Thắng	Đường Quang Trung	Đường Lê Hồng Phong	1,20
		Đường Lê Hồng Phong	Cổng Quân Đoàn I	1,20
		Cổng Quân đoàn I	Ngã 3 Đường Ngô Thì Nhậm và đầu Đường Ninh Tốn	1,33
3	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Quang Trung	Cầu Ngô Thì Nhậm	1,20
		Cầu Ngô Thì Nhậm	Đường Vũ Phạm Khải	1,20
		Hết địa giới phường Trung Sơn cũ	Đường Quyết Thắng	1,20
4	Đường Núi Vàng	Đường Quang Trung	Đường Sắt	1,50
		Đường Sắt	Đường Vũ Phạm Khải	1,50
		Ranh giới hành chính giáp phường Trung Sơn cũ	Đường Lam Sơn	1,80
5	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Vũ Phạm Khải	Hết địa phận P. Trung Sơn cũ	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
6	Đường vào 2 bên chợ Đồng Giao	Đường Quang Trung	Đường Lê Đại Hành	1,20
7	Đường Lê Hồng Phong	Đường Quyết Thắng	Đường Ngô Thì Nhậm	1,20
8	Đường Tuệ Tĩnh	Đường Quang Trung	Đường Lê Đại Hành	1,17
		Đường Lê Đại Hành	Hết đường	1,17
9	Đường Voi Phục	Đường Quyết Thắng	Đường Dốc Diệm	1,17
10	Đường Dốc Diệm	Đường Lê Trọng Tấn	Hết Đường thuộc phường Trung Sơn cũ	1,17
11	Đường Cảnh Hưng	Đường Núi Vàng	Đường Bạch Đằng	1,17
12	Đường Lê Đại Hành	Đường Núi Vàng	Nhà ông Mạo (Hết Đường, phía Tây Nam chợ Đồng Giao)	1,17
13	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Quang Trung (Hết Đường)	1,10
14	Đường Ngọc Hồi	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Núi Vàng	1,17
15	Đường Bạch Đằng	Đường Quang Trung	Hết Đường	1,17
16	Đường Đô Đốc Long	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Lê Hồng Phong	1,17
17	Đường Đô Đốc Lân (Đường Ngô Thị Nhậm nhánh 2 cũ)	Cầu Ngô Thì Nhậm	Đường Vũ Phạm Khải	1,17
18	Đường Vũ Phạm Khải (Đường Núi Vàng cũ)	Ngã ba trụ sở UBND Phường Trung Sơn cũ (Đường Núi Vàng)	Đường Ngô Thì Nhậm	1,17
19	Đường Nguyễn Khuyến (Nhánh 2 Đường Núi Vàng, đập tràn)	Ngã 3 đi đập tràn	Đường Núi Vàng	1,17
20	Đường Lê Trọng Tấn (Đường viện 145)	Đường Quyết Thắng	Đường Dốc Diệm	1,17
		Đường Dốc Diệm	Hết Đường thuộc phường Trung Sơn cũ	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
21	Đường Cao Bá Quát (cũ tuyến Đường đi qua tổ 13; 12; 11, mặt Đường BT. Đường rộng >=7,0m)	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Núi Vàng	1,33
22	Đường Chu Văn An (qua tổ 14,23, mặt Đường BT. Đường rộng >=7,0m)	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Núi Vàng	1,33
23	Đường Lý Nam Đế (qua dãy 2 tổ 17, mặt Đường BT, Đường rộng 7,0m)	Đường Vành Đai	Hết địa phận Phường Trung Sơn cũ	1,33
24	Khu dân cư mới Núi Vàng (Khu trụ sở UBND Phường Trung Sơn cũ tổ 22, 23 (nay là tổ 22A, 23A))			1,33
25	Đường ô tô vào được (mặt đường bê tông, xi măng; nhựa >=7m) nằm trong các tổ dân phố thuộc phường Trung Sơn (cũ)			1,33
26	Đường ô tô vào được (mặt đường bê tông, xi măng; nhựa <7m) nằm trong các tổ dân phố thuộc phường Trung Sơn (cũ)			1,33
27	Đường gom dân sinh cầu Vượt	Hết đất Nhà bà Lan (thửa 12, tờ bản đồ số 8)	Hết đất số 184 (Giáp nhà Bà Minh tờ bản đồ số 12)	1,33
28	Đường Ngô Thì Sỹ	Đường Quang Trung	Hết địa phận Phường Nam Sơn cũ	1,33
29	Đường Thung Lang	Đường Quang Trung	Ngã ba hết nhà máy cán thép	1,33
		Ngã ba hết nhà máy cán thép	Hết đường	1,33
30	Đường Lam Sơn (rẽ đi Đông Sơn)	Đường Thung Lang (nhà Bát Cậy)	Hết đường	1,27
31	Đường Lê Lai (đường vào ga Đồng Giao)	Đường Quang Trung	Ga Đồng Giao	1,20
32	Đường Choong Đèn	Đường Quang Trung	Hết Trường cấp 1 Nguyễn Trãi	1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Hết Trường cấp 1 Nguyễn Trãi	Hết Đường	1,30
33	Đường Thiên Lý	Đường Quang Trung	Đầu núi	1,20
		Đầu núi	Hết đường	1,50
34	Đường Bãi Đá	Đường Quang Trung	Đầu núi	1,20
35	Đường Hoàng Diệu (vào kho K894)	Đường Ngô Thì Sỹ	Vào kho K894, C302	1,20
36	Đường Lê Hữu Trác (đường H13 đổi tên)	Đường Quang Trung	Cổng H13	1,43
		Đường Quang Trung	Nhà văn hóa tổ 10 cũ (Cổng Kho C569)	1,20
37	Đường Ngô Sỹ Liên (đường 27/7 cũ)	Đường Quang Trung	Đến hết đường	1,20
38	Đường Phan Đình Phùng (Đường rộng 7m)	Đường Quang Trung	Đường Trịnh Tú	1,40
39	Đường Đinh Công Trứ (Hoàng Hoa Thám cũ) Dãy 2 qua tổ 6,8,10	Đường Thung Lang	Đường Quang Trung	1,20
40	Đường Nguyễn Hiền (10m)	Đường Quang Trung	Nhà máy nước	1,30
41	Đường Nguyễn Bặc (Đường 7m, dãy 2,3 khu 11,12)	Trụ sở UBND Phường Nam Sơn cũ	Đường Trịnh Tú (đường Tô Hiến Thành cũ)	1,20
		Đường Trịnh Tú (Đường Tô Hiến Thành cũ)	Đến hết đường	1,20
42	Đường Đinh Điền (đường 7m, dãy 3,4 khu 11,12)	Trụ sở UBND Phường Nam Sơn cũ	Đường Trịnh Tú (Đường Tô Hiến Thành cũ)	1,20
		Đường Trịnh Tú (Đường Tô Hiến Thành cũ)	Đến hết đường	1,20
43	Đường Trịnh Tú	Đường Quang Trung	Đến hết đường	1,20
44	Phạm Thận Duật	Đường Quang Trung	Đến hết đường	1,30
45	Đường Mai Hắc Đế	Đường Quang Trung	Hết đường	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
46	Đường ô tô vào được (mặt đường bê tông, xi măng; nhựa <7m) nằm trong các tổ dân phố thuộc phường Nam Sơn (cũ)			1,50
47	Đường trong Khu dân cư (mặt đường bê tông, xi măng, nhựa<7m) bao gồm các Tổ dân phố 2A, 4D, 5A, 6, 7A, 8A, 9A, 10, 11A, 12A, 13A, 14A, 15A, 16A, 17A, 18A, 19A, 20A, 21, 22A, 23A			1,50
48	Đường Ninh Tốn (Đường Quyết Thắng cũ)	Ngã 3 đường Ngô Thì Nhậm vào đầu đường Ninh Tốn	Ngã tư Nông trường chè	1,50
49	Đường Ninh Tốn	Ngã tư Nông trường chè	Ngã 3 trường Văn Hóa	1,50
		Ngã ba trường Mầm non Đông Sơn	Ngã ba đê Hồ Mừng	1,50
		Ngã ba đê Hồ Mừng	Hết đường	1,50
50	Đường đi 701	Ngã 3 trường Văn Hóa	Hết đất 701	1,00
		Cổng 701	Đê hồ Đòong Đèn	1,50
51	Đường Lam Sơn	Ngã tư Đường Ninh Tốn	Hết đường (giáp Phường Nam Sơn cũ)	1,50
52	Quốc lộ 21B	Ngã ba Đê Hồ Mừng	Giáp xã Yên Đồng, huyện Yên Mô cũ (nay là xã Đồng Thái, tỉnh Ninh Bình)	1,50
53	Các tuyến đường trong các khu dân cư có mặt bê tông, xi măng, áp phan >=7m			1,45
54	Các tuyến đường trong các khu dân cư còn lại (Đông Sơn cũ)			1,45
55	Đường vành đai Tổ dân phố 9B	Hết đường Ninh Tốn	Đường Quốc lộ 21B	1,45
56	Đường chống lũ quét thượng nguồn	Đường Lam Sơn	Ngã ba đường rẽ đi mỏ Xuân Thành	1,30
		Đường Lam Sơn	Cầu Vượt đường sắt	1,30
57	Khu dân cư mới phía Đông hồ Mùa Thu thuộc đường Quốc lộ 21B (đoạn từ ngã ba đê Hồ Mừng đến giáp xã Yên Đồng, huyện Yên Mô cũ (nay là xã Đồng Thái, tỉnh Ninh Bình)			1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
58	Các lô đất bám mặt đường bờ Hồ nước có lợi thế về du lịch và nghỉ dưỡng			1,20
59	Khu dân cư mới phía Nam hồ Mùa Thu, phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình			1,00
60	Khu dân cư mới tổ dân phố 6A, phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình			1,50
61	Khu dân cư mới tổ dân phố 9B thuộc đường Ninh Tốn (đoạn từ ngã ba đê Hồ Mừng đến hết đường)			1,00
62	Khu dân cư mới Đồi Tần, phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình			1,50
63	Khu dân cư mới phía Nam đường Núi Vàng, phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình			1,00
64	Khu dân cư mới phía Bắc đường Ninh Tốn, phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình			1,00
65	**Đường Dương Đình Nghệ**	Đường Quang Trung	Hết đường	1,00

32. Phường Yên Thắng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
1	**Đường Đinh Tiên Hoàng (cũ là đường Quốc Lộ 1A)**			
	Phía Tây	Cầu Ghềnh	Đường vào Khu dân cư đường vòng (hết đất bà Liễu)	1,20
		Đường vào khu dân cư Đường vòng (hết đất bà Thuỷ)	Cầu Do	1,20
	Đường gom đường sắt	Từ giáp phường Trung Sơn	Hết phường Yên Thắng	1,20
2	**Quốc lộ 1A**			
		Cầu Ghềnh	Giáp cây xăng Công an tỉnh	1,20
		Giáp cây xăng Công an tỉnh	Giáp cây xăng số 2	1,20
		Giáp cây xăng số 2	Cầu Vó	1,20
	Bên kia đường sắt	Cầu Ghềnh (Phía Nam)	Đường vào núi Mơ	3,80
	Bên kia đường sắt	Đường vào núi Mơ (phía Nam)	Cầu Vó	1,20
3	**Quốc lộ 12B (đường 480 cũ)**	Đường ngõ bà Cảnh	Hết Cống Mơ	1,20
		Hết Cống Mơ	Hết Cầu Yên thổ 2	1,20
		Hết Cầu Yên thổ 2	Đường vào trụ sở Đảng Uỷ Phường	1,20
		Đường vào trụ sở Đảng Uỷ Phường	Cổng trường cấp 3	1,20
3	**Quốc lộ 12B (đường 480 cũ)**	Cổng trường cấp 3	Hết cầu Yên Thổ 1 (Đường mới)	1,20
		Cống ông Am	Cầu Yên Thổ 1 (Đường cũ)	1,20
		Ngã 3 Thanh Sơn (Đường sắt)	Hết Cổng trại giam	1,11
3	**Quốc lộ 12B (đường 480 cũ)**	Hết Cổng trại giam	Hết nhà ông Nguyện tổ dân phố 3	1,11

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Hết nhà ông Nguyện tổ dân phố 3	Hết Cống ông Tôn	1,11
		Hết Công ông Tôn	Đường ngõ bà Cảnh	1,11
4	**Đường 477**	Từ cầu Duyên Hà	Cầu sông Vó	1,11
5	**Khu dân cư đường Vòng**			
	Đường Ghềnh (cũ lả Đường vào nhà máy XM Duyên Hà)	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đầu cầu (Hết địa giới phường Yên Thắng)	1,05
	Đường Vành Đai (rộng 35 m)	Từ Đường Ghềnh	Đến giáp phường Yên Sơn	1,05
	Đường các lô bám đường quy hoạch	Dãy thứ nhất tính từ đường Đinh Tiên Hoàng vào		1,05
		Dãy thứ 2 tính từ đường Đinh Tiên Hoàng vào		1,05
		Các lô đất còn lại bám Đường quy hoạch		1,05
6	**Đường Đồi Cao (cũ đường trưởng Cơ Giỏi)**	Đường Đinh Tiên Hoàng	Cổng phụ phía Nam trường Cơ Giới	1,05
		Cổng phụ phía Nam trường Cơ Giới	Đường Dốc Diệm	1,05
7	**Đường Lý Nhân**	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đến hết đường	1,05
8	**Đường Dốc Diệm**	Nhà văn hoá tổ Quyết Thắng	Đến hết đường	1,00
9	**Đường Lê Trọng Tấn (giáp hồ Yên Thắng phường Trung Sơn)**	Đất nhà ông Tâm	Hết địa phận phường Yên Thắng	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
10	**Đường Đàm Khánh (bên tả sông Khánh)**	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Đồi Cao	1,00
		Đường Đồi Cao	Đến hết đường	1,00
11	**Đường Đinh Huy Đạo (bên hữu sông Khánh)**	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Lý Nhân	1,00
12	**Đường Đồi Gỗ**	Đường Đàm Khánh	Đường Lê Trọng Tấn	1,00
13	**Đường Yên Bình**	Đường Lý Nhân	Đường Đinh Huy Dạo	1,00
14	**Đường Đồng Xiêm**	Đường Lý Nhân	Đường Đinh Huy Đạo	1,00
15	**Đường Giống Than**	Đường Đinh Tiên Hoàng	Phường Yên Sơn (hết đường)	1,00
16	**Khu trung tâm phường**	Tổ Lý Nhân, Tổ Đàm Khánh		1,00
17	Trong Khu dân cư tổ dân phố Quyết Thắng			1,00
18	Tất cả các đường nhánh trong khu dân cư đi ra trục chính của 6 tổ còn lại			1,00
19	Khu dân cư mới Đồi Cao 1			1,00
20	**Đường trục Phường**	Đường QL12B	Trụ sở Đảng Uỷ Phường	1,00
		Trụ sở Đảng Uỷ Phường	Ngã 3 Láng Xoan	1,00
		Hết Chùa Tràng Linh	Bến đò Bầu	1,15
		Đường QL12B	Đình Trung (Lam Sơn)	1,20
		Đường QL12B	Hết nhà ông Mấn (tổ dân phố 1 Lam Sơn)	1,16

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Đường QL12B	Nhà ông Phú	1,16
		Đường QL12B	Nhà ông Thuyết (tổ dân phố 1 Lam Sơn)	1,16
		Nhà ông Bắc	Chùa Lam Sơn	1,26
	Đi Tịch chân	Ngã 4 Đồng Phú	Núi Sậu	1,58
	Đi Thắng Động	Ngã 4 Đồng Phú	Thắng Động	1,88
	Đi Đồng Nhân	Ngã 3 Láng Xoan	Hết Nhà Ông Tuynh	1,67
	Đi Thái Hòa	Ngã 3 Láng Xoan	Chùa Tràng Linh	1,67
		Đình Chung	Núi Sậu	1,67
		Núi sậu	Mai Sơn	1,67
		Núi sậu	Bà Cảnh	1,00
		Tổ dân phố 5 Tịch Chân	Mai Sơn	1,00
		Giáp Cầu Tu	Đường rẽ vào Vân Thượng 1	1,00
		Đường rẽ vào Vân Thượng 1	Hết Trường cấp II	1,00
		Hết Trường cấp II	Ngã 4 tổ dân phố Trà Tu 3	1,00
		Cầu Cọ	Nông trường chè Tam Điệp	1,00
		Đồi Dù (Cống đầu kênh N2)	Giáp đất Tam Điệp	1,00
		Ngã 4 Quảng Thượng	Đồng Quan	1,00
		Ngã 4 Quảng Thượng	Giáp Yên Hòa	1,00
		Cầu Tu mới	Kênh cấp 1 (Cống Ao rau)	1,00
		Kênh cấp 1 (Cống ao rau)	Ngã tư tổ dân phố Trà Tu 4	1,00
		Ngã tư tổ dân phố Trà Tu 4	Cống Sòi	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Cống Cai (Yên Thành)	Cầu Cọ	1,00
		Kênh cấp 1 (Cống ao rau)	Mã Cụ	1,00
		Mã Cụ	Nhà bà Nghiêm	1,00
		Cầu Xã	Ngã 4 Quảng Thượng	1,00
		Ngã 4 Quảng Thượng	Cống Mả La	1,00
		Ngã 4 Quảng Thượng	Cầu Mễ	1,00
		Ngã 4 tổ dân phố Trà Tu 3	Cây gạo tổ dân phố Trà Tu 4 (Ao Đình)	1,00
		Kênh cấp 1 (Cống Ao rau)	Đê hồ Yên Thắng (Đồi Dù)	1,00
		Tuyến đường Mả Nhiêu		1,00
		Ao tượng đài	Ngã tư UBND Phường	1,00
		Đường Ngã tư UBND Phường	Đầu làng Vân Hạ	1,00
21	**Đường trục khác (tổ dân phố)**			
		Đoạn từ nhà bà Toàn (QL 1A)	Nhà ông Đạt tổ dân phố 7	1,00
		Từ nhà bà Lý đường 480	Sông Ghềnh	1,00
		Nhà văn hóa tổ dân phố 5	Cống bà Phòng	1,00
		Nhà khách Tỉnh đội	Nhà ông Hoành tổ dân phố 7	1,00
		Đường QL12B (Cạnh nhà ông Bình)	Hết nhà ông Sinh tổ dân phố 3	1,00
		Đường sắt cạnh nhà ông Liên	Hết Nhà ông Hào tổ dân phố 5	3,80

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
		Đường sắt cạnh nhà ông Cửu	Hết Nhà ông Hào	1,00
		Hết Nhà ông Sinh	Hết Trạm Y tế phường (Mai Sơn Cũ)	1,00
		Hết Trạm Y tế phường (Mai Sơn Cũ)	Hết Nhà ông Hào	1,00
		Hết Nhà bà Tính (đường 480)	Giáp trụ sở HTX	1,00
		Giáp nhà bà Tiếp	Kho Lương Thực	1,00
		Trạm biến thế	Hết nhà máy gạch	1,00
22	**Ven đê**	Cầu Cọ	Đồi Dù	1,00
23	**Khu dân cư của phường**	Núi Sậu	Cầu Vó	1,00
24	**Khu đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất tái định cư phường Yên Thắng (Khánh Thượng cũ)**			
24.1	Tuyến đường đôi quy hoạch 26m			1,00
24.2	Tuyến đường quy hoạch 15m; 15,5 m			1,00
24.3	Tuyến đường quy hoạch 12m; 12,5 m			1,00
25	**Khu dân cư Đồng Rắn, phường Yên Thắng (xã Khánh Thượng)**			
25.1	Tuyến đường đôi quy hoạch 27m			1,00
25.2	Tuyến đường quy hoạch 20,5m			1,00
25.3	Tuyến đường quy hoạch 15m			1,00
26	Khu Đìa Ngoài (dãy 2)			1,00
27	Từ dốc Hàng đến Hết Hầm chui tổ dân phố 6			1,00
28	**Khu đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất tái định cư phục vụ dự án tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, Phường Yên Thắng (Mai sơn Cũ)**			

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
28.1	Tuyến đường quy hoạch 20,5m			1,00
28.2	Tuyến đường quy hoạch 15m			1,00
29	Khu dân cư của phường (Đường ô tô 4 chỗ vào được) (Các tổ dân phố 1 Thắng Động, tổ dân phố 2 Thắng Động, tổ dân phố 3 Thắng Động, tổ dân phố 4 Đồng Phú, tổ dân phố Bình Khanh, tổ dân phố Thái Hòa, tổ dân phố Chợ Bến, tổ dân phố 6 Đồng Nhân, tổ dân phố 7 Đồng Nhân, tổ dân phố 9 Thắng Động, tổ dân phố 10 Thắng Động, tổ dân phố 1 Lam Sơn, tổ dân phố 2 Lam Sơn, tổ dân phố 3 Đồng Phú, tổ dân phố 4 Tịch Trân, tổ dân phố 5 Tịch Trân, tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8)			1,00
30	Khu dân cư còn lại (Các tổ dân phố 1 Thắng Động, Tổ dân phố 2 Thắng Động, tổ dân phố 3 Thắng Động, tổ dân phố 4 Đồng Phú, tổ dân phố Bình Khanh, tổ dân phố Thái Hòa, tổ dân phố Chợ Bến, Tổ dân phố 6 Đồng Nhân, Tổ dân phố 7 Đồng Nhân, Tổ dân phố 9 Thắng Động, tổ dân phố 10 Thắng Động, tổ dân phố 1 Lam Sơn, tổ dân phố 2 Lam Sơn, tổ dân phố 3 Đồng Phú, tổ dân phố 4 Tịch Trân, tổ dân phố 5 Tịch Trân, tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8)			1,00
31	Khu dân cư của phường (Đường ô tô vào được) (các tổ dân phố: Trà Tu, Trà Tu 1, Trà Tu 2, Trà Tu 3, Trà Tu 4, Vân Thượng, Trại Sối, Vân Du Thượng, Khai Khẩn, Vân Du Hạ, Quảng Thượng, Quảng Hạ, Cầu Mễ, Bình Hào, Cầu Cọ)			1,00
32	Khu dân cư còn lại (các tổ dân phố: Trà Tu, Trà Tu 1, Trà Tu 2, Trà Tu 3, Trà Tu 4, Vân Thượng, Trại Sối, Vân Du Thượng, Khai Khẩn, Vân Du Hạ, Quảng Thượng, Quảng Hạ, Cầu Mễ, Bình Hào, Cầu Cọ)			1,00
33	**Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng cơ sở hạ tầng đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất tái định cư tại xã Yên Thắng, huyện Yên Mô (nay là phường Yên Thắng, tỉnh Ninh Bình)**			
33.1	Đường quy hoạch rộng 27m			1,00
33.2	Đường quy hoạch rộng 18,5m			1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
		Từ	Đến	
33.3	Đường quy hoạch rộng 15,5m			1,00
33.4	Đường quy hoạch rộng 12,5m			1,00
34	**Khu dân cư mới phía nam đường Đàm Khánh, phường Yên Thắng**			
34,1	Lô biệt thự			
34.1.1	Đường quy hoạch rộng 33m			1,20
34.1.2	Đường quy hoạch rộng 19m			1,20
34.1.3	Đường quy hoạch rộng 17,5m			1,20
34.1.4	Đường quy hoạch rộng 15,5m			1,20
34.2	Lô liền kề			
34.2.1	Đường quy hoạch rộng 33m			1,05
34.2.2	Đường quy hoạch rộng 19m			1,05
34.2.3	Đường quy hoạch rộng 17,5m			1,05
34.2.4	Đường quy hoạch rộng 15,5m			1,05
35	**Đường Khánh Thượng – Mai Sơn**			1,05
36	**Đường Cống Phượng**	Đường Đàm Khánh	Đường Lê Trọng Tấn	1,05

MỤC LỤC

1. Phường Nam Định……... 1
2. Phường Trường Thi……..…... 28
3. Phường Thiên Trường……. 36
4. Phường Đông A……... 43
5. Phường Thành Nam……52
6. Phường Vị Khê…… 57
7. Phường Hồng Quang……61
8. Phường Mỹ Lộc……... 65
9. Phường Phủ Lý…… 71
10. Phường Hà Nam……84
11. Phường Phù Vân…… 89
12. Phường Liêm Tuyền…….. 95
13. Phường Châu Sơn...……... 100
14. Phường Duy Tiên……...105
15. Phường Duy Tân…… 108
16. Phường Đồng Văn……..110
17. Phường Duy Hà……..113
18. Phường Tiên Sơn…… 117
19. Phường Lê Hồ…… 120
20. Phường Nguyễn Úy……124
21. Phường Kim Thanh……127
22. Phường Kim Bảng……..130
23. Phường Lý Thường Kiệt…… 135
24. Phường Tam Chúc…… 140
25. Phường Hoa Lư……..144
26. Phường Nam Hoa Lư……. 185
27. Phường Tây Hoa Lư……...198
28. Phường Đông Hoa Lư…… 206
29. Phường Tam Điệp……..212
30. Phường Yên Sơn…… 217
31. Phường Trung Sơn……220
32. Phường Yên Thắng……... 226

Phụ lục II

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH MỨC BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 135/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Ninh Bình)

1. Xã Nam Trực

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 21B**	
	Từ giáp đất Hồng Quang đến giáp cầu Chanh	1,00
	Đoạn từ cầu Chanh đến giáp trường TH Nam Hùng	1,00
	Đoạn từ trường TH Nam Hùng đến giáp khu trại Gà	1,00
	Đoạn từ khu Trại Gà đến hết thôn Điện An	1,00
2	**Tỉnh lộ 490C (Đường 55 cũ)**	
	Đoạn từ giáp đất Vị Khê và Hồng Quang đến cầu Nguyễn	1,00
	Đoạn từ cầu Nguyễn đến Cửa hàng Xăng dầu Petrolimex Số 022	1,00
	Đoạn từ Cửa hàng Xăng dầu Petrolimex Số 022 đến ngã ba đường Thanh Khê	1,00
	Đoạn từ ngã ba đường Thanh Khê đến ngã ba đường vào cụm công nghiệp Vân Chàng	1,00
	Đoạn từ ngã ba đường vào cụm công nghiệp Vân Chàng đến cầu Vân Chàng	1,00
	Đoạn từ Cầu Vân Chàng đến ngã ba đường Vàng B	1,00
	Đoạn từ ngã ba đường Vàng B đến giáp đất xã Nam Minh	1,00
3	**Đường Vàng (Tỉnh lộ 485B)**	
	Đoạn từ đê Kinh Lũng đến giáp trường tiểu học Nam Đào	1,00
	Đoạn từ trường tiểu học Nam Đào đến ngã tư Nam Giang	1,00
	Đoạn từ ngã tư Nam Giang đến hết chợ Nam Giang	1,00
	Đoạn từ chợ Nam giang đến hết trạm y tế	1,00
	Đoạn từ giáp trạm y tế đến hết thôn Ba	1,00
	Đoạn từ giáp thôn Ba đến hết thôn Nhì	1,00
	Đoạn từ giáp thôn Nhì đến hết thôn Nhất	1,00
	Đoạn giáp thôn Nhất TT. Nam Giang đến đường rẽ vào UBND xã cũ	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ đường rẽ vào UBND xã cũ đến hết cây Đa đôi	1,00
	Đoạn từ cây Đa đôi đến giáp xã Nam Ninh	1,00
4	**Đường Vàng B**	
	Đoạn từ đường tỉnh 490C đến hết Chi cục thuế (UBND thị trấn cũ)	1,00
	Đoạn từ giáp Chi cục thuế (UBND thị trấn cũ) đến trạm điện	1,00
5	**Đường Thanh Khê**	
	Đoạn từ đường tỉnh lộ 490C đến hết thôn Thanh Khê	1,00
	Đoạn từ giáp thôn Thanh Khê đến giáp Quốc lộ 21B	1,00
6	**Đường Liên xã**	
	Trục đường An Quang	1,00
	Đoạn từ giáp phường Hồng Quang đến cầu Nguyễn đi qua nhà thờ xóm Đông đến hết ranh xã Nam Trực	1,00
7	**Đường trục xã**	
	Đoạn từ giáp thôn Đầm xã Nam Minh đến ngã ba QL 21B	1,00
8	**Các tuyến đường liên thôn**	
	Đoạn từ ngã ba đường tỉnh 490C đến thôn Đồng Côi	1,00
	Đoạn từ cầu Vân Chàng đến hết làng Vân Chàng	1,00
	Đoạn từ chợ Vân chàng đến Đường Vàng	1,00
	Từ đường Vàng vào thôn Nhất, thôn Nhì, thôn Ba	1,00
	Từ thôn Nhất đến thôn Nhì, thôn Ba	1,00
	Đoạn từ ngã ba đường tỉnh 490C vào khu Tiền Tiến	1,00
	Đoạn từ ngã ba đường tỉnh 490C đến nhà thờ Kinh Lũng	1,00
	Đoạn từ Cầu Phan đến đường 490C thôn Trai Bơ	1,00
	Đoạn từ Đền Am Giáp Nhất đến đường Thanh Khê	1,00
9	**Điểm dân cư tập trung thôn Trai**	
	Đoạn đường N1 (theo hướng Đông - Tây, từ TL 490C vào trong điểm dân cư)	1,00
	Đoạn đường D1 (phía Tây điểm dân cư, nối với đoạn N1 theo hướng Bắc Nam)	1,00
	Đoạn đường D2 (phía Đông đoạn đường D1, nối với đoạn N1 theo hướng Bắc Nam)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn đường D3 (phía Đông đoạn đường D2, nối với đoạn N1 theo hướng Bắc Nam)	1,00
10	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m -5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00
11	**Đường phía Nam kênh CT18 khu vực Trại Hưng Dân**	1,00
12	**Đường trục trung tâm phía Nam**	
	Đoạn từ Phường Vị Khê đến Phường Hồng Quang	1,00
13	**Đường Nam Định - Lạc Quần - Đường bộ ven biển**	
	Đoạn giáp phường Hồng Quang đến giáp xã Nam Ninh	1,00
14	**Khu dân cư tập trung xã Nam Cường, huyện Nam Trực (nay là xã Nam Trực, tỉnh Ninh Bình)**	
	Đường N1 (Từ QL 21B - Đường sông Châu Thành đến Đường D4 trong KDC)	1,00
	Đường N2 (Từ Đường D1 đến Đường D4)	1,00
	Đường N3 (Từ Đường D2 đến Đường D4)	1,00
	Đường D1 (Từ Đường N1 đến Đường N2)	1,00
	Đường D4 (Từ Đường N1 đến Đường N3)	1,00
15	**Khu dân cư tập trung thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực (nay là xã Nam Trực, tỉnh Ninh Bình)**	
	Đường N1 (từ đường D1 đến đường D5)	1,00
	Đường N2 (từ đường D2 đến đường D4)	1,00
	Đường N3 (từ đường D1 đến đường D4)	1,00
	Đường N4 (từ đường TL 490C đến đường D5)	1,00
	Đường D1 (từ đường N1 đến đường N3)	1,00
	Đường D2 (từ đường N1 đến đường N4)	1,00
	Đường D3 (từ đường N2 đến đường N3)	1,00
	Đường D4 (từ đường N1 đến đường N4)	1,00
	Đường D5 (từ đường N1 đến đường N4)	1,00

2. Xã Nam Minh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 21B**	
	Đoạn từ giáp thôn Điện An xã Nam Hùng đến công ty may Kinh Bắc - Thành Nam	1,00
	Đoạn từ công ty may Kinh bắc đến cầu Cổ Giả	1,00
	Đoạn từ cầu Cổ giả đến giáp xã Nam Ninh (Xã Nam Hải cũ)	1,00
2	**Tỉnh lộ 490C (Đường 55 cũ)**	
	Đoạn từ giáp đất xã Nam Trực đến ngã tư Quán Chiền	1,00
	Đoạn từ ngã tư Quán Chiền đến trụ sở đảng ủy xã	1,00
	Đoạn từ trụ sở đảng ủy xã đến cầu 3 xã (Cầu trắng)	1,00
	Đoạn từ cầu 3 xã (cầu trắng) đến giáp xã Nam Đồng	1,00
3	**Tỉnh lộ 487B (Đường Trắng cũ)**	
	Đoạn từ giáp Nam Hoa. qua cầu Cổ Chử đến hết chợ Thượng	1,00
	Đoạn từ chợ Thượng đến hết UBND xã Nam Minh	1,00
	Đoạn từ UBND xã Nam Minh đến đường Bình Sơn	1,00
4	**Tỉnh lộ 487B (Tuyến mới)**	
	Từ xã Đồng Sơn đến đường Bình Sơn	1,00
	Từ ngã ba Tây Cổ Nông đến đường Tiến Minh	1,00
5	**Tỉnh lộ 487 (Đường Đen cũ)**	
	Đoạn từ giáp xã Nam Ninh (thôn Nam Hưng) đến cầu Cổ Giả	1,00
	Đoạn từ cầu Cổ Giả đến giáp trụ sở Công an xã Nam Minh	1,00
	Đoạn từ trụ sở Công an xã Nam Minh đến cầu Lạc Chính	1,00
6	**Đường Tiến Minh**	
	Từ cầu Đạo Quỹ đến đường Bình Sơn	1,00
7	**Đường trục xã**	
	Đoạn từ ngã tư Quán Chiền đến ngã tư xóm 5	1,00
	Đoạn từ ngã tư xóm 5 đến giáp thôn Thụ	1,00
	Đoạn từ ngã ba thôn Phượng đến cổng HTX Nông nghiệp Nam Dương	1,00
	HTX Nông nghiệp Nam Dương đến ngã 3 cây Ruối cổ	1,00
	Đoạn từ xóm 5 vào xóm 1	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ thôn Quán Chiền đến dốc đê	1,00
	Từ thôn Rót đến ngã 3 rẽ vào trường mầm non	1,00
	Đoạn đường từ thôn Hành Quần và đoạn từ thôn Xẫy Phan đến nhà văn hóa thôn Vọc	1,00
	Đoạn từ thôn Nho Lâm đến thôn Đầm	1,00
	Đoạn từ xóm Tây Thượng Trên đến thôn Thụ xã Nam Trực	1,00
	Đoạn từ giáp đường tỉnh lộ 487 (cầu Cổ Giả) đến giáp thôn Cổ Trang	1,00
	Đoạn từ giáp đường tỉnh lộ 487 (chợ Nam Trực) đến giáp đất xã Nam Đồng	1,00
8	**Đường Bình Sơn**	
	Đoạn từ cầu Trắng đến thôn Xứ Trưởng	1,00
9	**Khu dân cư tập trung phía Bắc trụ sở UBND xã Nam Dương**	
	Đoạn đường D1 (phía Nam KDC giáp UBND xã - từ TL490C vào trong KDC)	1,00
	Đoạn đường còn lại trong KDC	1,00
10	**Khu dân cư tập trung phía Nam trụ sở UBND xã Nam Dương**	
	Đoạn đường D1 (giáp UBND xã - từ TL490C vào trong KDC)	1,00
	Đoạn đường còn lại trong KDC	1,00
11	**Khu dân cư tập trung xã Nam Dương (Nam Dương 4)**	
	Đường N1	1,00
12	**Điểm dân cư cạnh KDC Nam Dương I**	
	Đường N3	1,00
13	**Khu dân cư tập trung xã Nam Tiến**	
	Đoạn đường N1 (phía Bắc KDC, từ đường QL21B vào trong KDC)	1,00
	Đoạn đường N2 (chính giữa KDC, từ đường QL21B vào trong KDC)	1,00
	Đoạn đường N3 (phía Nam KDC, từ đường QL21B vào trong KDC)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn đường D2 (trong KDC theo hướng Bắc Nam, kết nối đoạn N1, N2, N3 đi ra QL21B)	1,00
14	**Khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả**	
	Đường D1 khu dân cư tập trung	1,00
	Đường D2 khu dân cư tập trung	1,00
	Đường D3 khu dân cư tập trung	1,00
15	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

3. Xã Nam Đồng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Tỉnh lộ 490C (Đường 55 cũ)**	
	Đoạn từ giáp đất xã Nam Minh đến cầu Giao Cù Trung	1,00
	Đoạn từ cầu Giao Cù Trung đến ngã tư đường Đen	1,00
	Đoạn từ ngã tư đường Đen xuống thôn Nam Phong	1,00
	Đoạn từ thôn Nam Phong đến giáp thôn 11	1,00
	Đoạn từ giáp miền Đồng Sơn đến cầu Tây	1,00
2	**Tỉnh lộ 487 (Đường Đen cũ)**	
	Đoạn từ cầu Lạc Chính đến ngã tư đường tỉnh lộ 490C	1,00
	Đoạn từ đường tỉnh lộ 490C đến giáp đất xã Đồng Thịnh	1,00
	Tỉnh lộ 487 tuyến mới (đoạn từ Thôn Nam Phong đến xã Đồng Thịnh)	1,00
3	**Tỉnh lộ 487B (Đường Trắng cũ)**	
	Tiếp giáp xã Đồng Thịnh đến TL 490C	1,00
	Từ 490C đến giáp xã Nam Minh	1,00
4	**Tỉnh lộ 487B (tuyến mới) (Đường Trắng)**	
	Từ đường tỉnh lộ 490C đến xã Nam Minh	1,00
5	**Đường Thái Hải**	
	Đoạn từ Tỉnh lộ 490C qua trụ sở Nam Thái cũ đến giáp xã Nam Minh	1,00
6	**Đường Bình Sơn**	
	Đoạn từ giáp đất thôn Xứ Trưởng xã Nam Minh đến giáp đường tỉnh lộ 487	1,00
7	**Đường trục xã**	
	Đoạn từ ngã ba đường tỉnh lộ 490C đến nút giao đường Thái Hải	1,00
	Đoạn từ cầu Khánh Thượng đến cầu Trực Hưng (Trực Ninh)	1,00
	Đoạn từ trụ sở UBND xã Nam Thái cũ đến giáp xã Nam Minh (chợ Nam Trực)	1,00
	Điểm đầu Thái Hải (Thôn 6, Xuân Dương) đến giáp Nam Minh (Nam Tiến cũ)	1,00
	Đường Đồng Thái (đầu đường Thái Hải đến đường Trắng)	1,00
8	**Các tuyến đường trục thôn, xóm, đường liên thôn, xóm**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường Sa Lung - Dương Độ (từ Tỉnh lộ 490C giáp cổng trào Sa Lung đến kênh Dương Độ)	1,00
	Đường Giao Cù Thượng - Khoát (từ Tỉnh lộ 490C đến kênh Dương Độ)	1,00
	Đường Giao Cù Thượng - Khoát đoạn kéo dài (từ Tỉnh lộ 490C đến giáp xã Nam Minh)	1,00
	Đường sau làng Tây Lạc (từ Tỉnh lộ 490C đến đường Tỉnh lộ 487B (đường Trắng cũ))	1,00
	Đường Trục thôn Nam Phong (đoạn từ Tỉnh lộ 490C đến cổng nhà thờ Đại Đồng)	1,00
	Đường trục giữa thôn Đông Lạc (từ Tỉnh lộ 487 đến kênh cấp 2)	1,00
	Đường trục xóm Nam Giao Cù Trung (từ Tỉnh lộ 490C đến kênh Dương Độ)	1,00
	Đường trục thôn từ Tỉnh lộ 487 đến hết Trại Vườn	1,00
	Đường trục thôn Thượng Đồng (trước mặt trường tiểu học Nam Đồng) từ Tỉnh lộ 487 đến giáp đất nông nghiệp	1,00
9	**Khu dân cư tập trung xã Đồng Sơn**	
	Đoạn đường N2 (từ đường D1 đến đường D2)	1,00
10	**Điểm dân cư tập trung Chính Trang**	
	Từ đường bê tông trong điểm dân cư Chính Trang	1,00
	Đường bê tông trục đường thôn	1,00
11	**Khu dân cư Hải Hạ**	
	Đường D1	1,00
	Đường D2	1,00
12	**Đường từ Đền Giao Cù đến trường cấp 2 Đồng Sơn**	1,00
13	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00
14	**Khu dân cư tập trung Tây Lạc**	
	Đường D1	1,00
	Đường D2	1,00
	Đường D3	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường D4	1,00
	Đường N1	1,00
	Đường N2	1,00
	Đường N3	1,00
	Đường N4	1,00
	Đường N5	1,00
	Đường N6	1,00
15	**Khu vực U Sa Lung**	
	Đường D1	1,00
	Đường N1	1,00
	Đường N2	1,00

4. Xã Nam Hồng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 21**	
	Đoạn từ cầu Khâm đến ngã ba Ngặt Kéo	1,05
	Đoạn từ ngã ba Ngặt Kéo đến giáp xã Nam Ninh	1,05
	Đoạn từ giáp phường Vị Khê đến cầu Khâm	1,05
2	**Tỉnh lộ 487B (Đường Trắng cũ)**	
	Từ ngã ba Quốc lộ 21 đến ngã ba Ngọc Giang	1,00
	Đoạn từ ngã ba Công ty Yamani đến ngã 3 Ngọc Giang	1,00
	Đoạn từ ngã ba cống Khâm đến ngã ba Ngặt Kéo (QL 21)	1,00
3	**Đường Vàng**	
	Đoạn từ giáp xã Nam Ninh đến Quốc lộ 21 cũ	1,00
4	**Đường Nam Ninh Hải**	
	Đoạn từ đường Vàng đến ngã ba Ngọc Giang	1,00
	Đoạn từ giáp xã Nam Ninh (Nam Hoa cũ) đến cầu ông Thụy	1,00
	Đoạn từ cầu ông Thụy đến giáp xã Nam Ninh	1,00
5	**Đường An Thắng**	
	Đoạn từ giáp phường Vị Khê đến ngã tư đê Hữu Hồng	1,00
6	**Đường liên xã**	
	Đoạn từ đường Nam Ninh Hải (cầu ông Lộc) đến hết địa giới xã Nam Hồng	1,00
	Đường Nam Hồng - Nam Thanh (nay là xã Nam Ninh)	1,50
	Đường phía Nam kênh CB2C	1,00
7	**Đường trục xã**	
	Đoạn từ trường THCS Nguyễn Hiền đến cầu Trung Thịnh	1,50
	Đoạn từ cầu Trung Thịnh đến giáp đường Nam Ninh Hải	1,50
	Đoạn Đồng Lư tiếp giáp Quốc lộ 21 đến xóm 15 thôn Vũ Lao	1,50
	Đoạn từ Tân Thành tiếp giáp Quốc lộ 21 đến đê Đại hà Từ Quán	1,50
	Đoạn từ Vũ Lao đến đê Đại Hà	1,50
	Đoạn từ đê Đại Hà đến đê Bối (bờ Bắc)	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ đê Đại Hà ra đê bối Đại An	1,50
	Đoạn từ Cầu Cối qua đền Quan Trạng đến giáp đường An Thắng	1,00
	Đoạn từ Cổng Chào thôn Đại An qua xóm Hoà Thịnh, xóm Thắng Lai, đến Đê Bối	1,00
	Đoạn từ Cổng Chào thôn Đại An đến ngã tư Hội đồng	1,00
	Đoạn từ ngã tư Hội đồng đến Đê Bối	1,00
	Đoạn từ ngã tư Hội đồng đến cống Ông Thơ	1,00
	Đoạn từ đường Liên Tỉnh đến giáp xã Nam Ninh	1,00
8	**Khu dân cư tập trung xã Nam Hồng**	
	Đoạn đường D1 (phía Tây KDC: Từ tỉnh lộ 485B vào bên trong KDC)	1,00
	Đoạn đường D2 (ở giữa KDC: Từ tỉnh lộ 485B vào bên trong KDC)	1,00
	Đoạn đường D3 (phía Đông KDC: Từ tỉnh lộ 485B vào bên trong KDC)	1,00
	Đoạn đường N2 (trong KDC theo hướng Đông Tây)	1,00
9	**Đường liên xóm**	
	Đoạn từ xóm Thượng Phú đến xóm Tiến Đoàn (Từ Giáp QL21 cũ đến QL 21 mới)	1,00
10	**Khu dân cư tập trung xóm Hồng Thượng**	
	Đường D1 (Mặt đường QL21)	1,00
	Các đường N1, N2, N3	1,00
11	**Khu dân cư tập trung xã Tân Thịnh (giai đoạn 1)**	
	Đoạn đường N1 (Phía Bắc giáp KDC, giáp UBND xã; Từ QL21 vào trường cấp 2 Hoàng Ngân thôn Tân Thành)	1,00
	Đoạn đường N3 (phía Nam KDC: Từ QL21 vào khu vực cánh đồng thôn Đồng Lư)	1,00
	Đoạn đường D1 (trong KDC theo hướng Bắc Nam. nối giữa đoạn đường N1 và đoạn đường N3)	1,00
	Đoạn đường N2 (trong KDC theo hướng Đông Tây: Từ đường D1 vào cánh đồng)	1,00
12	**Khu dân cư tập trung xã Tân Thịnh (giai đoạn 2)**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường N1	1,00
	Đường D1, N2	1,00
13	**Khu dân cư tập trung thôn Đồng Lư**	
	Đường D1 (phía Đông KDC)	1,00
	Đường D2 (Hướng mặt đường QL21)	1,00
14	**Khu dân cư tập trung Nam Thắng**	
	Đường N2 (Từ đường D1 đến đường D2)	1,00
	Đường N3 (Từ đường D2 đến đường D3)	1,00
15	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m -5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00
16	Đường bộ Nam Định - Lạc Quần - Đường bộ Ven biển (Thuộc địa phận xã Nam Hồng)	1,00

5. Xã Nam Ninh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 21**	
	Đoạn từ giáp đất xã Nam Hồng đến cầu 19/5 (cầu Công Chính)	1,20
	Đoạn từ cầu 19/5 (Cầu Công Chính) đến cầu Thôn Nội	1,20
	Đoạn từ cầu thôn Nội đến giáp cống Cổ Lễ (Giáp xã Cổ Lễ)	1,20
2	**Quốc lộ 21B (đường sông Châu Thành)**	
	Đoạn từ giáp xã Nam Minh (Nam Tiến cũ) đến cầu Ghềnh	1,10
	Đoạn từ cầu Ghềnh đến giáp xã Trực Ninh	1,10
3	**Tỉnh lộ 485B (Đường Vàng cũ)**	
	Từ giáp đất xã Nam Trực đến giáp đất xã Nam Hồng	1,30
4	**Tỉnh lộ 487B (Đường Trắng cũ)**	
	Từ ngã ba Ngọc Giang đến thôn cổ Chử xã Nam Minh	1,20
5	**Tỉnh lộ 487 (Đường Đen cũ)**	
	Đoạn từ giáp xã Cổ Lễ đến giáp xã Nam Minh	1,30
6	**Tỉnh lộ 487C (Đường Nam Ninh Hải cũ)**	
	Đoạn từ đường Vàng đến ngã ba Ngọc Giang	1,10
	Đoạn từ ngã ba trung tâm GDTX đến giáp xã Nam Hồng	1,10
	Đoạn từ xã Nam Hồng đến thôn Bình Yên	1,10
	Đoạn từ cầu Xối Tây đến Cầu Ngọc Tỉnh	1,10
	Đoạn từ cầu Ngọc Tỉnh đến giáp xã Cát Thành	1,10
7	**Đường Nam Định - Lạc Quần - Đường bộ ven biển**	
	Đoạn giáp phường Hồng Quang đến giáp xã Nam Hồng	1,10
	Đoạn giáp xã Nam Hồng đến giáp đất xã Cổ Lễ	1,10
8	**Đường Hoa Lợi Hải**	
	Đoạn từ giáp máng nổi (xã Nam Hùng cũ) đến đường TL487B (đường Trắng cũ - UBND xã)	1,10
	Đoạn từ Cầu nhà máy nước đến ngã ba thôn Duyên Hưng (xã Nam Lợi cũ)	1,10
	Từ giáp ngã ba thôn Duyên Hưng đến cống Ba Ngự (xã Nam Hải cũ)	1,10
9	**Đường Thái Hải**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ giáp xã Nam Đồng đến Quốc lộ 21B	1,10
10	**Đường xã, đường liên thôn (tên bảng giá cũ: Đường trục xã)**	
	Đường Thanh Lợi: Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 21 đến đường Nam Ninh Hải	1,40
	Đường Thanh Lợi: Đoạn từ Giáp đường Hoa Lợi Hải đến Cầu Bình yên	1,20
	Đoạn từ giáp tỉnh lộ 487 đến xóm chùa Hạ Lao	1,20
	Đoạn giáp quốc lộ 21 đến trường THCS Nguyễn Hiền	1,30
	Đoạn từ giáp đất xã Nam Minh (Nam Tiến) đến đường Hải Lợi	1,20
	Đoạn từ cầu Thiệu đến giáp đường Nam Ninh Hải	1,30
	Đoạn từ ngã ba cầu Ghềnh đến cầu Thiệu	1,30
	Đường Hồng Thanh: Đoạn từ giáp xã Nam Hồng đến chùa Xối Thượng	1,00
	Đường Hải Lợi: Đoạn từ cầu Ghềnh đến đường Hoa Lợi Hải	1,00
11	**Khu dân cư tập trung thôn Nội**	
	Đoạn đường D1 (dọc Sông - từ Cầu vào trong KDC)	1,10
	Đoạn đường N1 (phía Bắc KDC)	1,10
	Các đoạn đường còn lại trong KDC	1,10
12	**Khu dân cư tập trung thôn Xối Trì**	
	Đường N1	1,10
	Đường N2	1,10
13	**Khu dân cư tập trung Nam Hải**	
	Đường D1	1,10
	Đường D2	1,10
14	**Khu dân cư tập trung Nam Lợi**	
	Đường N1 (đường giữ KDC nối từ đường Hoa Lợi Hải vào trong KDC nối với đường D2 và đường D3)	1,10
	BT1-01	1,10
	BT1-02, BT2-01	1,10
	BT2-02	1,10
	BT3-01, BT3-02	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường D1(đường Hoa lợi Hải)	1,10
	Đường D2 (đường giữa KDC theo hướng Bắc Nam	1,10
	Đường D3 (đường trong cùng phía Đông KDC theo hướng Bắc Nam	1,10
15	**Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan**	
	Đường D1	1,00
	Đường D2	1,00
16	**Khu dân cư tập trung, khu tái định cư xã Nam Hoa (cũ)**	
	Đường D1	1,10
	Đường D2	1,10
	Đường N1	1,10
	Đường N2	1,10
	Đường N3	1,10
17	**Khu dân cư tập trung thôn Xối Tây**	
	Đường D1	1,10
	Đường D2	1,10
	Đường N1	1,10
	Đường N2	1,10
	Đường N3	1,10
18	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,10
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m -5m	1,10
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,10

6. Xã Vụ Bản

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 10**	
	Từ cầu Tào đến hết thôn Phú Quảng	1,50
	Từ giáp thôn Phú Quảng đến hết hộ ông Vị (chéo A)	1,50
	Từ giáp nhà ông Vị đến ngã tư tượng đài	1,50
	Từ ngã tư tượng đài đến đường rẽ Kim Thái (đội thuế Gôi)	1,50
	Từ đường rẽ Kim thái đến cổng trường Lương Thế Vinh	1,50
	Từ giáp cổng trường Lương Thế Vinh đến hết địa phận nhà ông Thiện (xã Vụ Bản)	1,50
2	**Đường Phía Nam đường sắt**	
	Từ cầu Tào đến cổng chào	1,00
3	**Tuyến đường Quốc Lộ 38B đi Nam Định**	
	Từ ngã tư Đồng Đội (giáp xã Minh Tân) đến hết xã Vụ Bản đoạn QL38B	1,00
4	**Tuyến Đường Tân Khánh Liên Bảo**	
	Đoạn từ QL 37B đến giáp xã Hiển Khánh	1,00
5	**Tuyến Quốc lộ 37 B (Kim Thái - Cộng Hòa)**	
	Từ đường rẽ HTX Nông nghiệp Nam Thái (Giáp Phương Linh) đến hết cầu Tiên Hương	2,00
	Từ giáp cầu Tiên Hương đến ngã tư Đồng Đội	1,50
6	**Tuyến Quốc lộ 37B đi Kim Thái**	
	Từ ngã tư tượng đài đến hết cầu núi cóc	1,50
	Từ giáp cầu Núi Cóc đến đường rẽ HTX Nam Thái (giáp công ty Phương Linh)	1,50
7	**Tuyến Quốc lộ 37B Đống Cao**	
	Từ barie đường sắt đến hết cầu Côi Sơn	1,50
	Từ giáp cầu Côi Sơn đến giáp xã Vạn Thắng	1,50
8	**Các tuyến đường trục xã**	
	Từ đội thuế Gôi đến hết nhà ông Nhượng (Trường Đảng)	1,20
	Từ giáp nhà ông Nhượng đến đầu thônVân Côi (rẽ chùa Yên)	1,20
	Từ đầu Vân Côi đến đền Giếng	1,20
	Từ barie đường sắt (Quốc lộ 10) đến hết cầu Kênh Nam	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ cầu kênh nam đến nhà ông Thuận (thôn Tây Côi Sơn)	1,00
	Tuyến đường vào hai cổng chợ Gôi	1,20
	Từ Quốc lộ 10 đi thôn Phú Thứ đến hết nhà ông Điều (giáp xã Vạn Thắng)	1,00
	Từ Quốc lộ 37B (rẽ vào thôn Phú Thứ) đến đường sắt (thôn Phú Quảng)	1,00
	Từ cầu Phủ Vân Cát đến giáp Hiển Khánh	1,20
	Từ ngã Tư chợ Sại xã đến cầu Phủ Vân Cát	1,00
	Từ ngã Tư chợ Sại đến Phủ Bóng (giáp đường QL 37B)	1,00
	Từ ngã Tư chợ Sại đến đền Ông Khổng	1,00
	Từ ngã tư chợ Sại đến đầu thôn Vân Cát 1	1,00
	Từ sau HTX Nông nghiệp Nam Thái đến ngã tư thôn Vân Cát	1,20
	Từ giáp đường Quốc lộ 37B đến trụ sở HTX Nông nghiệp Nam Thái (Ngã 3 kênh B6)	1,20
	Từ giáp xã Minh Tân đến đường vào thôn Lê Xá (Đường du lịch ven núi)	1,00
	Từ rẽ qua đường sắt qua nhà máy nước Vụ Bản đến hết địa phận xã Vụ Bản	1,00
	Từ rẽ Quốc lộ 37 đi thôn An Lạc đến giáp xã Liên Minh (chùa Hổ Sơn)	1,00
9	**Khu đô thị thị trấn Gôi - Vụ Bản**	
	Khu vực 1 (Tuyến đường đôi có dải phân cách)	1,50
	Khu vực 2 (các tuyến đường còn lại)	1,50
10	**Điểm dân cư tập trung thị trấn Gôi**	1,00
11	**Khu dân cư tập trung thị trấn Gôi**	
	Các lô đất liền kề tiếp giáp đường D1	1,00
	Các lô biệt thự tiếp giáp đường D1	1,00
	Các lô đất liền kề còn lại	1,00
	Các lô đất biệt thự còn lại	1,00
12	**Khu dân cư tập trung xã Tam Thanh**	
	Đường N1	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường D1	1,00
	Các thửa (lô) đất còn lại	1,00
13	**Khu dân cư tập trung xã Kim Thái**	
	Đường N6	1,00
	Các thửa (lô) đất còn lại	1,00
14	**Điểm dân cư nông thôn xã Kim Thái**	1,00
15	**Khu đất dịch vụ khu công nghiệp Bảo Minh**	1,00
16	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Từ ngã tư chợ Chiều (thửa 262 tờ 15) đến nhà ông Thanh (thửa 56 tờ 16)	1,00
	Từ giáp Quốc lộ 10 (thửa 518 tờ 8) đến nhà ông Huy (thửa 84 tờ 8)	1,00
	Từ nhà ông Nhượng (thửa 72 tờ 15) đến nhà ông Thuỷ (thửa 542 tờ 16)	1,00
	Từ nhà ông Thuận (thửa 210 tờ 22) đến hết nhà ông Khoa (thửa 275 tờ 23)	1,00
	Từ nhà ông Rễ (thửa 209 tờ 22) đến hết nhà ông Dũng (thửa 143 tờ 22)	1,00
	Từ giáp Quốc lộ 37 (thửa 24 tờ 24) đến Trường Mầm non Gôi	1,00
	Từ QL 37B (thửa 38 tờ 34) đến Đê Sông sắt (thửa 4 tờ 37)	1,00
	Từ QL 10 (thửa 65 tờ 43) đến Chùa Quảng Cư (thửa 109 tờ 42)	1,00
	Từ ngã tư thôn Phú Quảng (thửa 177 tờ 42) đến nhà ông Trường (thửa 178 tờ 42)	1,00
	Từ nhà ông Long (thửa 84 tờ 66) đến nhà ông Dũng (thửa 300 tờ 50)	1,00
	Từ QL 10 (thửa 251 tờ 57) đến nhà ông Quân (thửa 148 tờ 57)	1,00
	Từ Ao Đình (thửa 15 tờ 54) đến nhà ông Cầm (thửa 30 tờ 54)	1,00
	Từ nhà ông Quý (thửa 29 tờ 55) đến nhà ông Thống (thửa 38 tờ 55)	1,00
	Từ Trạm điện (thửa 189 tờ 51) đến giáp thôn Đông Côi Sơn	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ rẽ QL 37 (thửa 106 tờ 52) đến nhà bà Luyến (thửa 175 tờ 51)	1,00
	Từ rẽ QL 37 (thửa 149 tờ 65) đến nhà ông Long (thửa 81 tờ 65)	1,00
	Từ nhà ông Đắc (thửa 41 tờ 82) đến nhà ông Trạch (thửa 92 tờ 81)	1,00
	Từ Nhà văn hoá (thửa 292 tờ 77) đến nhà bà Hồng (thửa 96 tờ 77)	1,00
	Từ nhà ông Quý (thửa 29 tờ 77) đến Từ đường họ Trần (thửa 70 tờ 77)	1,00
	Từ nhà ông Quý (thửa 351 tờ 80) đến Đền Cô Chín (thửa 283 tờ 80)	1,00
	Từ QL37B (thửa 104 tờ 78) đến nhà ông Rự (thửa 38 tờ 78)	1,00
	Từ QL 37B (thửa 62 tờ 88) đến nhà ông Vạn (thửa 52 tờ 88)	1,00
	Từ nhà ông Hóm (thửa 51 tờ 88) đến nhà ông Tuấn (thửa 47 tờ 88)	1,00
	Từ QL 37B (thửa 68 tờ 91) đến nhà ông Dân (thửa 48 tờ 91)	1,00
	Từ QL 37B (thửa 71 tờ 91) đến nhà ông Trung (thửa 110 tờ 91)	1,00
	Từ nhà ông Tình (thửa 93 tờ 93) đến nhà ông Pha (thửa 37 tờ 93)	1,00
	Từ nhà ông Sim (thửa 112 tờ 93) đến nhà ông Phê (thửa 144 tờ 93)	1,00
	Từ nhà thờ Trại Hương (thửa 77 tờ 84) đến nhà ông Tông (thửa 1 tờ 84)	1,00
	Từ nhà thờ Trại Hương (thửa 77 tờ 84) đến nhà ông Huấn (thửa 188 tờ 84)	1,00
	Từ nhà ông Rũng (thửa 140 tờ 84) đến nhà ông Tâm (thửa 191 tờ 84)	1,00
	Từ nhà ông Khải (thửa 3 tờ 87) đến nhà ông Quán (thửa 87 tờ 86)	1,00
	Từ Nhà thờ Báng Già (thửa 85 tờ 86) đến nhà ông Để (thửa 329 tờ 86)	1,00
	Từ nhà ông Chung (thửa 364 tờ 9) đến Ao bà Lược (thửa 9 tờ 8)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ cầu Kênh Nam (thửa 210 tờ 23) đến nhà ông Ngọc (thửa 466 tờ 23)	1,00
	Từ nhà bà Huệ (thửa 441 tờ 23) đến nhà ông Phúc (thửa 279 tờ 23)	1,00
	Từ giáp QL 37B (thửa 414 tờ 24) đến nhà ông Sơn (thửa 402 tờ 15)	1,00
	Từ nhà ông Quang (thửa 17 tờ 22) đến nhà ông Vinh (thửa 47 tờ 22)	1,00
	Từ nhà ông Tuyền (thửa 53 tờ 17) đến nhà bà Măng (thửa 317 tờ 22)	1,00
	Từ nhà ông Bằng (thửa 79 tờ 23) đến nhà bà Thuỷ (thửa 64 tờ 23)	1,00
	Từ nhà ông Văn (thửa 284 tờ 16) đến nhà ông Lượng (thửa 403 tờ 23)	1,00
	Từ nhà ông Lượng (thửa 403 tờ 23) đến nhà ông Thuận (thửa 210 tờ 22)	1,00
	Từ đường gom (thửa 170 tờ 16) đến Nhà Văn hoá thôn Văn Côi	1,00
	Từ nhà ông Bưởng (thửa 47 tờ 34) đến nhà ông Thiều (thửa 7 tờ 35)	1,00
	Từ nhà ông Tứ (thửa 167 tờ 57) Đình làng Lê Xá	1,00
	Từ nhà ông Vĩnh (thửa 109 tờ 65) đến nhà ông Phán (thửa 122 tờ 52)	1,00
	Từ nhà ông Hùng (thửa 32 tờ 83) đến nhà ông Tiến (thửa 12 tờ 83)	1,00
	Từ nhà ông Tiến (thửa 12 tờ 83) đến nhà ông Tới (thửa 9 tờ 83)	1,00
	Từ nhà ông Dũng (thửa 170 tờ 83) đến nhà bà Thuý (thửa 186 tờ 83)	1,00
	Từ nhà bà Thuý (thửa 186 tờ 83) đến nhà ông Hùng (thửa 63 tờ 82)	1,00
	Từ nhà Văn hoá (thửa 1 tờ 82) đến nhà ông Long (thửa 62 tờ 82)	1,00
	Từ nhà bà Hợi (thửa 202 tờ 82) đến nhà bà Hương (thửa 123 tờ 82)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ nhà bà Hương (thửa 123 tờ 82) đến nhà ông Hùng (thửa 63 tờ 82)	1,00
	Từ nhà ông Thái (thửa 22 tờ 81) đến nhà ông Trường (thửa 245 tờ 81)	1,00
	Từ nhà bà Xuân (thửa 68 tờ 81) đến nhà ông Hoà (thửa 221 tờ 81)	1,00
	Từ nhà ông Bàng (thửa 178 tờ 81) đến nhà ông Thịnh (thửa 128 tờ 81)	1,00
	Từ nhà ông Vinh (thửa 126 tờ 77) đến nhà ông Sỹ (thửa 169 tờ 77)	1,00
	Từ Từ đường họ Trần (thửa 40 tờ 77) đến nhà ông Hoàn (thửa 11 tờ 77)	1,00
	Từ nhà ông Trúc (thửa 75 tờ 79) đến nhà ông Châu (thửa 42 tờ 79)	1,00
	Từ nhà ông Châu (thửa 42 tờ 79) đến nhà ông Tuấn (thửa 55 tờ 79)	1,00
	Từ nhà ông Học (thửa 267 tờ 79) đến nhà ông Ngọ (thửa 44 tờ 780)	1,00
	Từ nhà ông Bốn (thửa 189 tờ 79) đến Nhà Văn Hoá (thửa 226 tờ 79)	1,00
	Từ Nhà Văn Hoá (thửa 226 tờ 79) đến nhà bà Tươi (thửa 330 tờ 79)	1,00
	Từ nhà ông Bình (thửa 422 tờ 80) đến nhà ông Toản (thửa 437 tờ 80)	1,00
	Từ nhà ông Quyền (thửa 99 tờ 78) đến nhà ông Thành (thửa 80 tờ 78)	1,00
	Từ nhà ông Thắng (thửa 25 tờ 80) đến nhà ông Hạ (thửa 96 tờ 80)	1,00
	Từ nhà ông Sinh (thửa 98 tờ 80) đến nhà ông Hùng (thửa 100 tờ 80)	1,00
	Từ nhà ông Hà (thửa 61 tờ 80) đến nhà ông Thuận (thửa 4 tờ 80)	1,00
	Từ Nhà văn Hoá (thửa 69 tờ 80) đến nhà ông Đàm (thửa 108 tờ 80)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ ông Lợi (thửa 63 tờ 80) đến Miếu xóm (thửa 164 tờ 80)	1,00
	Từ nhà bà Bang (thửa 163 tờ 80) đến nhà ông Thái (thửa 179 tờ 80)	1,00
	Từ nhà ông Thái (thửa 179 tờ 80) đến nhà ông Quang (thửa 191 tờ 80)	1,00
	Từ nhà ông Cường (thửa 193 tờ 80) đến nhà ông Phú (thửa 234 tờ 80)	1,00
	Từ nhà ông Long (thửa 165 tờ 84) đến nhà bà Loan (thửa 33 tờ 84)	1,00
	Từ nhà ông Tựa (thửa 32 tờ 84) đến nhà ông Đại (thửa 14 tờ 84)	1,00
	Từ nhà ông Nông (thửa 130 tờ 87) đến thửa 45 tờ 95	1,00
	Từ nhà ông Thuận (thửa 168 tờ 87) đến nhà ông Mạnh (thửa 143 tờ 87)	1,00
	Từ nhà ông San (thửa 173 tờ 87) đến nhà ông Bảo (thửa 154 tờ 87)	1,00
	Các đường còn lại	1,00
17	**Đường gom phía Nam đường sắt**	
	Từ Barie đường sắt đối diện trường Lương Thế Vinh đến QL 37	1,00
	Từ QL 37 đến ga Gôi	1,00
18	**Đoạn đường từ Trung tâm chính trị (Trường Đảng) xã Vũ Bản đến hết trụ sở chi cục thống kê khu vực huyện Vụ Bản (cũ)**	1,00

7. Xã Liên Minh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 10**	
	Từ giáp xã Vụ Bản đến giáp KCN Bảo Minh	1,00
	Từ khu công nghiệp Bảo Minh đến giáp Trường Thi	1,00
2	**Tuyến đường bờ sông Hùng Vương**	
	Từ giáp Phường Trường Thi đến Cầu Bái	1,00
3	**Tuyến Đường 485B**	
	Từ giáp phường Trường Thi đến đê Bối Đồng Tâm thôn Hòa Tiên	1,00
4	**Tuyến đường trục chợ Lời - Đại Thắng**	
	Từ Cầu Bái (giáp Vĩnh Hào) đến đê Đại Hà	1,00
	Từ đê Đại Hà đến đê Bối Đồng Tâm (thôn Đồng Tiến)	1,00
	Từ đường sắt đến hết đình Tam Giáp	1,00
	Từ giáp đầu đình Tam Giáp đến hết cầu Ngõ Trang	1,00
	Từ giáp đầu cầu Ngõ Trang đến Trạm viễn thông	1,00
	Trạm viễn thông đến hết đoạn cong (nhà ông Chỉ)	1,00
	Từ giáp đoạn cong (nhà ông Chỉ) đến hết cầu Si	1,00
	Từ giáp cầu Si đến cầu Bái	1,00
5	**Tuyến trục xã**	
	Từ cầu Si đến ngã ba đường rẽ vào thôn Tiên Hào)	1,00
	Từ UBND xã đến đường rẽ vào xóm Trại, thôn Cựu Hào	1,00
	Từ đường rẽ vào xóm Trại, thôn Cựu Hào đến Phủ Mẫu Tiên Hào (cạnh nhà ông Hiệp)	1,00
	Từ ngã 3 chợ Hầu (giáp nhà ông Hoàng) đến nhà ông Hinh	1,00
	Từ UBND xã Liên Minh (cũ) đến trường mầm non Lương Kiệt	1,00
	Từ trường mầm non Lương Kiệt tới Chùa Thượng	1,00
	Từ cầu Kênh Nam (Thượng 2) đến nhà ông Dương (Thượng 2)	1,00
	Từ nhà ông Dương (Thượng 2) đến nhà ông Hùng (đội 3 Hổ Sơn)	1,00
	Từ Đình Hổ Sơn đến chùa Hổ Sơn	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ cầu Ngõ Trang đến hết quán bà Thanh (Ngõ Trang)	1,00
	Từ giáp quán bà Thanh đến đầu thôn Vân Bảng	1,00
	Từ trường Tiểu học đến điểm nối đường bờ sông Hùng Vương	1,00
	Từ ngã tư thôn Thiện An đến cầu Nguyệt Mại	1,00
6	**Khu đất dịch vụ Khu công nghiệp Bảo Minh**	
	Giá đất ở	1,00
	Đất dịch vụ	1,00
7	**Khu dân cư tập trung xã Vĩnh Hào**	
	Đường tiếp giáp với đường Vĩnh Hào - Yên Lương	1,00
	Các thửa (lô) đất còn lại	1,00
8	**Khu dân cư Cửa Chùa Tứ Giáp**	
	Tuyến đường D1, N1, N3	1,00
	Tuyến đường D2, D3, N2	1,00
	Biệt thự đường N2, D2	1,00
	Biệt thự đường N3	1,00
9	**Khu dân cư tập trung xã Đại Thắng**	
	Đường gom	1,00
	Các thửa (lô) đất còn lại	1,00
10	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

8. Xã Hiển Khánh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Tuyến đường QL 38B đi phường Thành Nam**	
	Từ cầu Đất đến rẽ đi Phủ Vân	1,00
	Từ rẽ đi Phủ Vân đến cầu Dần	1,00
	Từ giáp Cầu Dần đến hiệu thuốc Toàn Phương	1,00
	Từ hiệu thuốc Toàn Phương đến ngã ba rẽ đi phố Sở	1,00
	Từ ngã ba rẽ đi phố Sở đến trạm xăng dầu (đường vào khu thủy tinh cũ)	1,00
	Từ giáp trạm xăng dầu đến đầu cầu Bất Di	1,00
2	**Tuyến đường Quốc lộ 21**	
	Từ cầu Mái đến hết hộ ông Lanh (giáp Phường Mỹ Lộc)	1,00
	Nam Quốc Lộ 21 (Nam đường sắt)	1,00
3	**Tuyến Tỉnh lộ 486B**	
	Từ giáp xã Minh Tân đến đường vào thôn Liên Phú	1,00
	Từ đường vào thôn Liên Phú đến hết cổng trường THPT Nguyễn Bính	1,00
	Từ cổng trường THPT Nguyễn Bính đến đường Nam thôn Đào	1,00
	Từ đường Nam thôn Đào đến đường QL 21	1,00
	Tuyến TL 485B từ giáp xã Đại An đến giáp xã Mỹ Thành(cũ)	1,00
	Tuyến tỉnh lộ 486C	
	Đường Bối Xuyên- Khả Chính	1,00
	Từ giáp xã Minh Tân đến Cầu Hạnh Lâm	1,00
4	**Đường Chợ Lời Đại Thắng**	
	Từ (Đường 486B) đến hết nhà ông Quê	1,00
	Từ giáp nhà ông Quê đến cầu Triệu	1,00
	Từ cầu Triệu đến đường rẽ vào thôn Vụ Nữ	1,00
	Từ đầu thôn Vụ Nữ đến hết cầu máng B5	1,00
	Từ cầu máng B5 đến giáp hết xóm Phạm	1,00
	Từ hết xóm Phạm đến ngã ba Dần (giáp Quốc lộ 38B)	1,00
	Từ ngã tư Bất Di (QL38B) rẽ đi phố Sở đến hết xóm Hội	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ giáp xóm Hội đến giáp phường Trường thi	1,00
5	**Tuyến đường xã**	
	Từ Quốc Lộ 38B đến cầu Muối	1,00
	Từ đầu xóm Phố (Quốc lộ 38B) đến đầu xóm Phố Xuân	1,00
	Đoạn từ đầu xóm Phố (thôn phố Xuân) đến ngã ba xóm chùa thôn Chùa Quế Nội	1,00
	Đoạn từ đầu ngã ba xóm chùa thôn Chùa Quế Nội đến đường Chợ Lời - Đại thắng	1,00
	Từ Quốc lộ 38B đến cầu Châu Bạc	1,00
	Từ KDC tập trung đến giáp Phù Vân (hết ranh xã Hiển Khánh)	1,00
	Từ chợ Đình đến thôn Quang Tiến 2 (Giếng Cá)	1,00
	Từ Quang Tiến 2 (Giếng Cá) đến cầu Xôi	1,00
	Từ Quang Tiến 2 (Giếng Cá) đến xóm Phủ	1,00
	Đoạn từ ngã ba đường Bất Di Dốc Sắn Đến ngã ba Bưu điện VH xã	1,00
	Từ đường tỉnh lộ 486 B (cổng Ngựa) đến Cầu Mái (Đường Quốc Lộ 21)	1,00
	Từ ngã ba tỉnh lộ 486B (Trường THPT Nguyễn Bính) đi xã Minh Tân	1,00
	Điểm dân cư nông thôn xã Hiển Khánh (cũ)	1,00
	Từ cầu Đồng Lạc đến khu dân cư thôn Lập Vũ	1,00
6	**Khu dân cư tập trung xã Quang Trung**	
	Đường gom	1,00
	Đường D1	1,00
	Các tuyến đường còn lại	1,00
7	**Khu dân cư tập trung Trung Thành**	
	Đường D1	1,00
	Tuyến đường D2, D3, D4, D5	1,00
	Tuyến đường N1, N2, N3, N4	1,00
	Tuyến đường N5, N6	1,00
8	**Khu dân cư tập trung Hợp Hưng**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Tuyến đường N1	1,00
	Tuyến đường D1, D2, D3, N2	1,00
	Tuyến đường N3	1,00
	Biệt thự đường N1	1,00
	Biệt thự đường N3	1,00
9	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

9. Xã Minh Tân

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Tuyến Quốc lộ 37B đi xã Vụ Bản**	
	Từ ngã tư Đồng Đội đến giáp hết ranh xã (giáp xã Vụ Bản)	1,20
2	**Tuyến Quốc lộ 38B đi xã Hiển Khánh**	
	Từ Cầu Ngăm (giáp xã Vũ Dương) đến hết ranh Xã Minh Tân (cầu Ba Toa giáp Xã Hiển Khánh)	1,50
3	**Tuyến Tỉnh lộ 486B đi xã Hiển Khánh**	
	Từ ngã tư Đồng Đội đến hết ranh xã Minh Tân (Giáp Xã Hiển Khánh)	1,50
4	**Đường Tân Khánh - Liên Bảo**	
	Từ quốc lộ 38B (sau nhà Ông Ngoạn) đến trạm bơm Vực Hầu	1,10
5	**Tuyến đường Cầu Họ - Hạnh Lâm**	
	Từ giáp xã Mỹ Lộc đến Cầu A	1,00
	Từ Cầu A đến cầu Thà La	1,00
	Từ cầu Thà La đến hết Ngã 3 chợ Đống Lương	1,00
	Từ ngã ba chợ Đống Lương đến trạm bơm Vực Hầu	1,00
	Từ ngã tư B16 (Phú Thôn) đến cống luồn Hạ Xá (Đi TL486B)	1,00
6	**Tuyến đường liên xã**	
	Từ Tỉnh lộ 486B đến cầu Vậy	1,00
	Từ TL 486B đến cầu Châu Bạc	1,00
	Từ QL 38B đi qua UBND xã Minh Tân cũ đến ngã ba thôn Vân Tập	1,00
	Từ trụ sở UBND xã Minh Tân cũ qua thôn Thượng đến Quốc Lộ 38B	1,00
	Từ đầu thôn Duyên Hạ đến nhà máy nước	1,00
	Từ Kênh Đào đến cầu Đen thôn Bịch	1,00
	Từ cống Gọc đến hết thôn Phu	1,00
7	**Đường liên thôn**	
	Đường nối Quốc lộ 38B qua khu lưu niệm nhà thơ Nguyễn Bính đến đường Dộc Vậy	1,00
8	**Khu dân cư tập trung Chằm Cả Tân Khánh**	
	Đường D1	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Các thửa (lô) đất còn lại	1,00
9	**Khu dân cư tập trung Minh Thuận** (Cửa Đường thôn Phú Lão)	1,00
10	**Khu dân cư tập trung Cộng Hòa**	
	Tuyến đường Gom, D1, N1	1,00
	Tuyến đường D2, N2, N3	1,00
	Biệt thự	1,00
11	**Khu dân cư tập trung Mả Vũ, Hà Kiệu**	
	Đường Quy hoạch 2	1,00
	Các thửa (lô) đất còn lại	1,00
12	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

10. Xã Ý Yên

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 10**	
	Đoạn từ cầu Non Nước đến đường lò thôn Nhì	1,10
	Đoạn từ đường Lò thôn Nhì đến giáp đất xã Yên Quang cũ	1,50
	Đoạn từ giáp đất xã Yên Bằng cũ đến ngã ba vào Yên Quang cũ	1,00
	Đoạn từ giáp Yên Quang cũ đến xã Vạn Thắng	1,00
2	**Quốc lộ 38B**	
	Đoạn từ giáp xã Vũ Dương đến ngã tư phố Cháy	1,00
	Đoạn từ ngã tư phố Cháy đến sân vận động	1,00
	Đoạn từ giáp sân vận động đến cầu cơ khí	1,00
	Đoạn từ cầu cơ khí đến Cụm công nghiệp làng nghề TM-DV phía Nam	1,00
	Đoạn từ Cụm Công nghiệp làng nghề đến giáp ranh xã Vạn Thắng	1,00
3	**Tỉnh lộ 485**	
	Đoạn từ ngõ bê tông thôn 5 đến chân cầu Đông Hưng An Lạc	1,10
	Đoạn từ hộ ông Việt đến đường vào thôn Ninh Thôn (cũ)	1,10
	Đoạn từ đường vào thôn Ninh Thôn (cũ) đến hết bến Mới	1,20
	Đường dẫn cầu bến mới	1,10
	Đoạn từ giáp ranh xã Phong Doanh đến cửa nhà ông Hùng (thôn Tiền)	1,10
	Đoạn từ trạm bơm Yên Khánh đến cầu Đông Hưng An Lạc	1,10
	Đoạn từ trạm thuế đến giáp trạm bơm Yên Khánh	1,10
	Đoạn từ cửa nhà ông Hùng (thôn Tiền) đến ngã tư phố Cháy (nhà ông Thường)	1,10
4	**Đường trục phát triển**	1,10
5	**Tuyến đường nối từ đê tả Đáy đến đường 57B (Phía Nam đường sắt)**	
	Đoạn thuộc địa phận xã Yên Hồng cũ	1,10
	Đoạn thuộc địa phận xã Yên Quang cũ	1,10
	Đoạn từ xã Yên Quang cũ đến giáp thôn Hưng Thịnh	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ thôn Hưng Thịnh đến hết đê Tả Đáy	1,10
6	**Đường Thành Xá**	1,10
7	**Đường Lâm Dương**	
	Đoạn từ Cầu Đá đến Cổng chào Tống Xá	1,10
	Đoạn từ Cổng chào Tống Xá đến Ngã ba Đình Đất	1,10
	Đoạn từ ngã ba Đình đất đến giáp xã Vũ Dương	1,10
8	**Đường Chính Phong**	1,10
9	**Đường Khánh Phong**	1,10
10	**Đường trục xã Ý Yên**	
	Đoạn từ Trạm bơm Yên Quang đến giáp xã Yên Phong cũ (Đê Tả đáy)	1,10
	Đoạn từ giáp xã Yên Quang cũ đến giáp xã Phong Doanh	1,10
	Đoạn từ Trạm bơm Yên Quang đến giáp xóm Dinh Tần (Đê Tả Đáy)	1,10
	Đoạn từ cầu Ninh Bình cũ đến giáp đất Yên Quang cũ	1,10
	Đoạn từ cầu Ninh Bình cũ đến giáp ranh xã Yên Đồng	1,10
	Đoạn từ Cầu thôn 3 đến giáp đền Gỗ Rã	1,10
	Đoạn từ đền Gỗ Rã đến giáp thôn Lộc Hạ 4	1,10
	Đoạn từ ngã ba ông Lư Lộc Hạ 4 đến hết Trạm y tế Yên Hồng cũ	1,10
	Đoạn từ trạm y tế Yên Hồng đến Kênh tây	1,10
	Đoạn từ Kênh tây (Hoàng Nghị) đến giáp xã Vạn Thắng	1,10
	Đoạn từ cầu cơ khí đến giáp xã Vũ Dương (Đường WB2)	1,10
	Đoạn từ khu A đến hết khu C (đường WB2)	1,10
	Đoạn khu D (đường WB2 cũ)	1,10
	Đoạn từ khu D đến cầu Kênh Tây	1,10
	Đoạn từ Lộc Thượng 1 (giáp đất TTL cũ) đến đầu Hoàng Nê	1,10
	Đoạn từ Hoàng Nê đến Cao Bồ	2,00
	Đoạn từ cầu đường sắt đến đường Quốc lộ 10 (Quốc lộ 10 cũ)	1,10
	Đoạn từ đường 10 đến cầu Yên Quang	1,10
	Đoạn từ cầu Yên Quang đến Đình Hát thôn 6	2,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ Đình Hát thôn 6 đến Đê Tả đáy	2,00
	Đoạn từ Cầu Yên Quang đến trường Tiểu học Yên Quang	1,10
	Đoạn từ trường Tiểu học Yên Quang đến hết thôn 2	1,10
	Đoạn từ thôn 2 đến hết Xóm Cầu thôn 1	1,10
	Đoạn từ kho đội 6, thôn 7B đến đường QL10	1,10
	Đoạn từ Trạm bơm Yên Bằng đến hết thôn Nhất Đoài	1,10
	Đoạn từ thôn Nhất Đoài đến Cầu đá, chợ Ngò	1,10
	Đoạn từ chợ Ngò đến giáp đê Đáy thôn Ngô Xá 3	1,10
	Đoạn từ đường sắt Cao Bồ về đến cây đa thôn Ngô Xá 2	1,10
	Đoạn từ đường Lò, thôn Nhì đến cây đa thôn Nhất Đoài	1,10
	Đoạn từ nhà ông Khởi đến đê Đáy thôn Ninh Mật	1,10
	Đoạn từ đường sắt đến NVH thôn quyết Tiến 1	1,10
	Đoạn từ Ba khu đến Cầu Đen	1,10
	Đoạn từ cầu vào Bồng Quỹ đến cầu Quỹ Độ	1,10
	Đoạn từ Đinh Khu đến hết Nội Thôn	1,10
	Đoạn từ cầu Quỹ Độ đến cống Quỹ Độ	1,10
	Đường bờ sông từ cầu Ba Khu đến cầu ông Phi	1,10
	Đường bờ sông từ cầu vào Quỹ Độ đến máng T4	1,10
	Đoạn từ đường làng thôn Đằng Động đến giáp QL 38B	1,10
	Đường bờ sông S48	1,10
	Đoạn từ giáp xã Vạn Thắng đến cầu cơ khí cũ (Đường bờ sông S40)	1,30
	Đoạn từ giáp cầu Cơ khí cũ đến hết cầu Bản số 1 (bờ sông S40)	1,10
	Đoạn từ công an xã Ý Yên đến ngã tư khu B	1,10
	Đoạn từ ngã tư khu B đến hết khu C	1,10
	Đoạn từ đền thờ liệt sỹ đến nhà văn hóa tổ 10	1,10
	Đoạn từ cầu Bệnh viện 2 đến Ngã tư Cổ Liêu	1,10
	Đoạn từ ngã tư Thôn Cổ Liêu đến chùa Khám	1,10
	Đoạn từ ngã tư Cổ Liêu đến Ngã ba Đình Đất	1,10
	Đoạn từ Ngã ba Đình Đất đến hết Cụm CN 2	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ cổng ông Nhưỡng đến cầu Tống Xá	1,10
	Đoạn từ cổng ông Nhưỡng đến Đường Lâm Dương	1,10
	Đoạn từ ngõ bê tông thôn 5 đến giáp đường cao tốc Hà Nội - Ninh Bình	1,10
	Đoạn từ giáp Đường cao tốc Hà Nội - Ninh Bình đến hộ ông Việt	1,10
	Đoạn từ giáp đường tỉnh lộ 485 giáp trạm bơm Từ Liêm đến Trường THCS	1,10
	Đoạn từ đường 57A đến giáp đất xã Vũ Dương (Yên Bình cũ)	1,10
	Đoạn từ Tu Cổ Trại cũ đến cửa nhà ông Thành	1,10
	Đoạn đường Kênh Tây giáp đường Khánh Phong đến gầm cầu vượt An Lạc	1,10
	Đoạn từ Ngã tư Thị đến giáp đất xã Phong Doanh (xã Yên Phú cũ)	1,50
	Đoạn khu vực cửa ông Mưng (thôn Đông Hưng)	1,10
	Đoạn từ ngã tư cột cờ đến đầu thôn Dưỡng Chính (thôn Bến cũ)	1,10
	Đoạn từ đầu thôn 3 Tu Cổ đến giáp đường 57A cũ	1,10
	Đoạn đường 57 cũ từ giáp đoạn cải tuyến đến đầu thôn Xuất Cốc Hậu (đường 57 cải tuyến)	1,10
	Đường dân sinh cao tốc: Thuộc địa phận xã Ý Yên	1,10
11	**Khu đô thị**	
	-Đường 15 m	1,10
	-Đường 12 m	1,10
12	**Khu tái định cư**	
	Thôn An Lộc Thượng. Hoàng Nghị. Hoàng Nê	2,00
	Điểm tái định cư phân tán phía Bắc thôn Cao Bồ (thuộc xã Yên Hồng cũ)	1,10
13	**Khu dân cư tập trung phía đông trạm y tế Yên Hồng**	1,10
14	**Khu dân cư tập trung Lộc Thượng 1, Lộc Thượng 2**	1,00
15	**Khu dân cư tập trung Gồ Gai**	
	Đường D4	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường N1, D2, D3	1,00
	Đường N2, N3	1,00
	Đường D1	1,00
16	**Khu dân cư tập trung, khu tái định cư OM9**	
	Tuyến đường D1, D2, D7	1,00
	Tuyến đường D3, D4, D5, D6, D10, D11	1,00
	Tuyến đường D8, D9	1,00
17	**Khu vực dân cư**	
	Đường Tài chính (Văn phòng đăng ký đất đai đến hết Ban chỉ huy quân sự huyện)	1,10
	Khu đất của XNXD công trình cũ (tổ 8 khu E)	1,10
	Khu Liên Cơ	1,10
	Khu Tập thể Dược (Từ đường bờ sông S40 đến đường từ đền thờ liệt sỹ đến nhà văn hóa tổ 10)	1,10
	Thôn Tân Lâm	1,10
18	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	2,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,10
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,10
19	**Khu tái định cư An Phong**	
	Tuyến đường N1	1,00
	Tuyến đường D1, D2	1,00
	Tuyến đường N2	1,00

11. Xã Vạn Thắng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 10**	
	Từ giáp ranh xã Vũ Dương đến giáp ranh xã Ý Yên	1,00
2	**Quốc lộ 38B (Đường 57A cũ)**	
	Đoạn từ ngã ba Cát Đằng đến giáp ranh xã Ý Yên	1,00
3	**Quốc lộ 37B (Đường 56 cũ)**	1,00
4	**Đường 57B**	
	Đoạn từ Bốt điện Cát Đằng đến đường vào thôn Đồng Quang	1,00
	Đoạn từ đường vào thôn Đồng Quang đến giáp thôn Phúc Chỉ	1,00
	Đoạn từ thôn Phúc Chỉ đến giáp ranh xã Yên Cường	1,00
	Đoạn từ ngã ba đường 10 đến bốt điện Cát Đằng	1,00
5	**Đường 57C**	
	Đoạn từ ngã ba đường 10 đến hết xóm Trung Thôn	1,00
	Đoạn từ xóm Trung Thôn đến giáp KDC thôn Thượng Đồng	1,00
	Từ khu dân cư Thượng Đồng đến giáp xã Yên Đồng	1,00
6	**Đường trục phát triển**	1,00
7	**Tuyến đường nối từ đê tả Đáy đến đường 57B**	1,00
8	**Đường Lương Trị**	
	Đoạn từ giáp xã Vụ Bản đến hết Bưu điện văn hóa	1,00
	Đoạn từ giáp Bưu điện văn hóa đến giáp đền Phúc Lộc	1,00
	Đoạn từ đền Phúc Lộc đến ranh trường Trung học Yên Thắng	1,00
	Đoạn từ ranh trường Trung học Yên Thắng đến giáp xã Yên Đồng	1,00
9	**Đường trục xã**	
	Đoạn đường bờ kênh S40 từ ngã ba Cát Đằng đến giáp ranh xã Ý Yên	1,00
	Đoạn đường bờ kênh S40 từ ngã ba Cát Đằng đến giáp ranh xã Vũ Dương	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn đường bờ kênh S48 từ ngã ba Cát Đằng đến hết xóm Trung Thôn	1,00
	Đoạn đường bờ kênh S48 từ giáp xóm Trung Thôn đến giáp ranh xã Ý Yên	1,00
	Đoạn đường bờ kênh S48 từ ngã ba đường 10 đến cầu Văn Tiên	1,00
	Đoạn đường bờ kênh S48 từ Văn Tiên đến xóm Đồng Tiến	1,00
	Đoạn từ giáp xã Vụ Bản đến sông Tiền Tử	1,00
	Đoạn từ sông Tiền Tử đến giáp ranh xã Yên Cường	1,00
	Đoạn Phía Nam đường sắt thuộc địa phận xã Vạn Thắng	1,00
	Đoạn đường phía Nam Sông S41 từ cầu Đen đến đường vào thôn Đồng Quang	1,00
	Đoạn đường phía Nam Sông S41 từ đường vào thôn Đồng Quang đến giáp đất Phúc Chỉ	1,00
	Đoạn từ ngã ba Đường 57B đến hết xóm Đông Thịnh	1,00
	Đoạn từ giáp đường sắt đến hết xóm Tân Cầu	1,00
	Đoạn từ xóm Đằng Chương đến xóm Tân Cầu	1,00
	Đoạn từ giáp Đường 57C đến hết xóm Đông Hưng	1,00
	Đoạn từ xóm Bắc Sơn đến hết xóm Cộng Hòa	1,00
	Đoạn từ Đường 57C đến hết xóm Hoa Lư	1,00
	Đường Sông Sắt từ cầu Đen đến giáp ranh xã Yên Đồng	1,00
	Đoạn từ ao cựu chiến binh thôn Tân Phú đến hết nhà máy gạch Hà Minh Lương	1,00
	Đoạn từ nhà máy gạch Hà Minh Lương đến Trạm bơm Hoàng Mẫu	1,00
	Đoạn từ đường Lương Trị đến QL.37	1,00
	Khu vực ao Khen thôn Tân Phú đến đường sông Sắt	1,00
	Đoạn từ ao Khen thôn Tân Phú đến trạm bơm Quảng Thượng	1,00
10	**Khu dân cư tập trung phía đông thôn Phúc Chỉ, phía Tây trường mầm non-Yên Thắng khu A**	
	Đường N1 hướng Đông, hướng Tây	1,00
	Đường N1 hướng Bắc	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường N2	1,00
	Đường N3, N4	1,00
11	**Khu dân cư tập trung Yên Tiến**	
	Các lô tiếp giáp đường 57B	1,00
	Các lô còn lại	1,00
12	**Khu dân cư tập trung Thụy Quang (Giai đoạn 1)**	
	Đường D2, D3, N1, N2	1,10
	Đường N3, D1, D4	1,10
13	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3-5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

12. Xã Yên Đồng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường 57C**	
	Đoạn từ cống Mỹ Tho đến hết dốc ông Tân đến hết làng An Châu	1,00
	Đoạn từ giáp làng An Châu đến Yên Tiến	1,00
2	**Đường trục phát triển**	1,00
3	**Đường Lương Trị**	
	Đoạn từ nhà ông Vượng xóm 1 đến hết nhà ông Đan Cốc Dương	1,00
	Đoạn từ nhà ông Đan thôn Cốc Dương đến hết trụ sở Đảng uỷ xã	1,00
	Đoạn từ trụ sở Đảng uỷ xã đến hết nhà ông Rôm thôn Tiến Thắng	1,00
	Đoạn từ nhà ông Rôm đến hết nhà ông Thát thôn Tiến Thắng	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thát thôn Tiến Thắng đến dốc Vọng (giáp đê Đại Hà)	1,00
	Đoạn từ cống Gon 1 đến cây Đa chín rễ	1,00
	Đoạn từ cây Đa chín rễ đến cống Thông	1,00
4	**Đường Trục xã**	
	Đoạn từ trụ sở Đảng ủy xã đến ngã ba trạm bơm Vĩnh Trị 2	1,00
	Đoạn từ trụ sở Đảng uỷ xã đến giáp Yên Cường (WB)	1,00
	Đoạn từ thôn Vĩnh Trị đến giáp Sông Chìm	1,00
	Đoạn từ Sông Chìm đến cổng chào Xóm Giữa	1,00
	Đoạn từ cổng chào Xóm Giữa đến ngã ba bà Tích	1,00
	Đoạn từ đường Lương Trị đến làng Chấn	1,00
	Đoạn từ xóm trong qua xóm Giáo	1,00
	Đoạn từ cống Mỹ Tho đến hết đất ông Rạng (Đê Tả Đáy)	1,00
	Đoạn từ đất ông Rạng đến giáp xã Ý Yên (Đê Tả Đáy)	1,00
	Đoạn từ cống Cầm đến hầm chui	1,00
	Đoạn từ nhà ông Huynh đến hết đất nhà ông Thái	1,00
	Đoạn từ đường Gom đến giáp đất xã Ý Yên	1,00
	Đoạn từ dốc ông Tân đến Trạm xá Yên Khang (cũ)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ ngã ba Trạm bơm Vĩnh Trị 2 đến hết ông Vinh (Đạo Nguyên)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Vinh đến hết Công ty Vĩnh Tiến	1,00
	Đoạn từ Công ty Vĩnh Tiến đến dốc Vọng	1,00
	Từ dốc Vọng đến giáp đất Yên Cường	1,00
	Đoạn từ cống Gon 2 đến hết Trại Chấn	1,00
	Đoạn từ điểm nối đê Đại Hà đến Ngọc Chấn	1,00
	Tuyến đường kết nối từ đường Lương Trị - Chéo Ạ- đê Đại Hà	1,00
5	**Khu tái định cư thôn Mễ Thượng**	1,00
6	**Các đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

13. Xã Tân Minh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 38B (Đường 12 cũ)**	
	Đoạn thuộc địa phận xã Tân Minh	1,00
2	**Quốc lộ 37B (Đường 64 cũ)**	
	Đoạn từ đường máng WB2 đến ngã tư Nguyệt Thượng giáp Thanh Nê	1,00
	Đoạn từ đường máng WB2 đến giáp đất Vũ Dương (Yên Binh cũ)	1,00
	Đoạn từ ngã tư Nguyệt Thượng giáp Thanh Nê đến cầu Vĩnh Tứ	1,00
3	**Tỉnh lộ 485 (Đường 57A cũ)**	
	Đoạn từ xã Phong Doanh đến giáp xã Thanh Liêm	1,50
4	**Đường trục xã**	
	Đường Thành Xá: Đoạn từ cầu Mai Độ đến cống chui thôn Nhuộng	1,30
	Đoạn nối từ cầu Mai Độ đến Phong Doanh	1,00
	Đường Thành Xá: Đoạn từ cống chui thôn Nhuộng đến tỉnh lộ 485 (Đường 57A cũ)	1,00
	Đoạn từ ngã ba chợ Ải đến hết đất Xí nghiệp gạch tuynel	1,00
	Đoạn từ TL 485 (đường 57 cũ) đến trụ sở công an xã Tân Minh (UBND xã Yên Thành cũ)	1,20
	Đoạn từ cầu trắng đến đường Thành Xá	1,00
	Đoạn từ trạm Y tế Yên Thành đến giáp cống Đá	1,00
	Đoạn từ cầu Yên Trung đến hết trường THCS Yên Trung	1,00
	Đoạn từ trường THCS đến Văn Mỹ, Quang Trung	1,00
	Đoạn từ Mụa đến ngã tư Nhất Nhì giáp thôn Ba Thượng	1,00
	Đoạn từ ngã tư Nhất Nhì giáp thôn Ba Thượng đến cống C9	1,00
	Đoạn từ cống C9 đến ngã ba Thanh Sơn	1,00
	Đoạn từ ngã tư Nhất Nhì giáp thôn Ba Thượng đến đường bêtông rẽ vào thôn Ba Trung cũ	1,00
	Đoạn từ đường bêtông rẽ vào thôn Ba Trung cũ đến sông Sắt	1,00
	Đoạn từ TL 485 đến ngã tư cầu Đa Gạo thôn Đanh Trại xã Phong Doanh	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ đường máng WB2 đến nghĩa trang liệt sỹ Yên Tân	1,00
	Đoạn từ cầu Đồng Quan đến hết thôn Bình Điền	1,00
	Đoạn từ ngã tư Nguyệt Thượng giáp Thanh Nê đến ngã ba thôn Mai Độ Vị	1,00
	Đường dân sinh (đường gom cao tốc)	1,00
6	**Khu dân cư Yên Nghĩa**	
	Đường 13,5m và 16,5m	1,00
	Đường 10,5m và 13m	1,00
7	**Khu dân cư tập trung Mai Độ Vị**	
	Đường D1, N1	1,00
	Đường N2, D2, D3, D4	1,00
8	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00
9	**Khu tái định cư Yên Nghĩa, xã Tân Minh**	
	- Đường N1, N5	1,00
	- Đường D2	1,00
	- Các vị trí còn lại	1,00

14. Xã Phong Doanh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Tỉnh lộ 485 (Đường 57A cũ)**	
	Đoạn từ giáp xã Ý Yên đến cầu vượt Cao Tốc	1,80
	Đoạn từ cầu vượt Cao Tốc đến cầu Bo mới	2,00
	Đoạn từ Cầu Bo Cũ đến Cầu Bo Mới	1,70
2	**Đường trục xã**	
	Đoạn từ cầu Bo cũ đến giáp đất Tân Minh	1,20
	Đoạn từ cầu Bo mới đến hết chợ Cổ Đam	1,40
	Đoạn từ TL 485 đi Quang Điểm đến giáp đê Tả Đáy	1,30
	Từ ngã tư Lam Sơn (giáp đường Chính Phong) đến ngã ba ông Bằng	1,20
	Đoạn từ Ngã tư Lam Sơn qua Trung Tiến đến dốc đê Đại Hà	1,10
	Đoạn từ đường WB2 Đa Bụt đến ngã tư ông Hiếu	1,80
	Đoạn từ nhà văn hóa thôn 4 đến đê Đại Hà	1,30
	Đoạn từ đền thượng đến đền hạ	1,50
	Đoạn từ Trạm biến Áp 1 đến dốc đê Đại Hà	1,60
	Đoạn từ Bà Mai giáp đường Chính Phong đến hết Đa Phú	1,50
	Đoạn từ ngã ba ông Anh giáp đường Chính Phong đến hết thôn Ba Trại	1,80
	Đoạn từ nhà thờ Trung Tiến đến thôn 4	1,10
	Đoạn từ quỹ tín dụng đi chợ Sở đi cống Đập Đuổi	1,30
	Đoạn từ đội 4 Tân Quang đến hết đội 5 Tân Quang	1,30
	Đoạn đường từ Quang Trung qua Nhất Ninh đến hết Phú Ninh	2,00
	Tuyến từ dốc đê Thịnh An đến hết Kim Phú	1,80
	Đoạn từ hàng đầu Cá đến hết ao Cổ Chày	1,00
	Đoạn từ ao Cổ Chày đến hết Rốc Cống	1,00
	Đoạn từ ao Cổ Chày đến hết trạm bơm Đại Vượng	1,00
	Đoạn đường từ Trạm bơm Đò Cao đến trạm bơm Thanh Bình	1,00
	Từ chùa Bình Thượng đến cầu Thanh Khê	1,15
	Đoạn từ phía Tây chân cầu Bo cũ đến cầu Bo mới đi hết Công ty CP Cá giống Ý Yên	2,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn đường gom dân sinh gầm cầu vượt Lạc Chính	1,15
	Đoạn từ ông Tĩnh xóm An Thắng đi cao tốc Cầu Giẽ Ninh Bình	1,15
	Từ nghĩa trang liệt sỹ đi Văn Đoàn đi giáp Tân Minh	1,30
	Đoạn từ Tỉnh lộ 485 Việt Hùng đi xóm Dũng Tiến	1,30
	Đoạn từ ông Hải xóm Ninh Thắng đi Việt Hưng	1,30
	Đoạn từ ông Bình xóm Trung Thành - Ngã tư Lăng - Ông Lợi xóm Quyết Thắng	1,30
	Từ giáp xã Ý Yên đến cống Đập Đuổi	1,40
	Từ cống Đấp Đuổi đến trạm bơm Kinh Thanh 2	1,60
3	**Đường Thành Xá**	2,20
4	**Đường Chính Phong**	1,60
5	**Khu dân cư tập trung Yên Phương**	
	Đường N4, N5	1,00
	Đường N3, D3, D4 (lô liền kề)	1,00
	Đường N2	1,00
	Đường N1	1,00
	Đường D1, D2, D3 (lô biệt thự)	1,00
6	**Khu tái định cư cao tốc**	1,30
7	**Khu dân cư tập trung Yên Phú**	
	Đường D1(đất chia lô liền kề)	1,00
	Đường D1, N2 (Giá đất ở biệt thự)	1,00
8	**Khu dân cư tập trung Bình Thượng**	
	- Tuyến đường N1	1,00
	- Tuyến đường N2	1,00
9	**Điểm dân cư tập trung thôn Thọ Cách**	
	Đường 8.5 m	1,00
	Đường 11.5 m	1,00
	Đường 13.5 m	1,00
10	**Khu dân cư tập trung Yên Chính**	
	Đường D2; N1	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường D1	1,00
	Đường N2	1,00
11	**Khu tái định cư và khu dân cư tập trung Lam Sơn**	
	Đường N2, N3, D3	1,00
	Đường D2, N5	1,00
	Đường D1, N1, N4	1,00
12	**Khu tái định cư cho đường trọng điểm: Đường Thanh Liêm – Cao Bồ (Trục T4), đường Trục động lực phát triển Hoa Lư – Nam Định, đường kết nối QL.1A với đường Trục dọc 07**	
	Khu tái định cư Bo	
	- Đường D1, N3	1,00
	- N4, N2, D3	1,00
	- N1, D2	1,00
	Khu tái định cư Phú Giáo	
	- Chính phong	1,00
	- Gom T4	1,00
	- D1, N1	1,00
	Khu tái định cư Hoàng Đan	1,00
13	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,80
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,90
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	2,50

15. Xã Yên Cường

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 37B (Đường 56 cũ)**	
	Đoạn từ giáp ranh xã Vạn Thắng đến Trạm xăng Ngọc Tân	1,10
	Đoạn từ trạm xăng Ngọc Tân đến đò Đống Cao	1,10
2	**Đường trục phát triển**	1,10
3	**Đường 57B**	
	Đoạn từ giáp Vạn Thắng đến hết Tiểu học Yên Cường	1,10
	Đoạn từ Tiểu học Yên Cường đến ngã tư Mậu Lực	1,10
	Đoạn từ bà Hương (thôn Mậu Lực) đến nhà ông Nguyên (thôn Lê Lợi)	1,10
	Đoạn nhà ông Nguyên thôn Lê Lợi đến ông Đoài (thôn Lê Lợi)	1,10
4	**Đường trục xã**	
	Đoạn từ giáp ranh xã Vạn Thắng đến đê Hữu Đào	1,00
	Đoạn từ giáp đất Yên Đồng đến cây xăng ông Tân (WB2)	1,00
	Đoạn đường cửa làng xóm 5 đến xóm 14	1,00
	Đường cửa làng xóm 15	1,00
	Đoạn đường đê Hữu Đào từ cổng làng Độc Bộ xóm 9 đến chợ Yên Nhân	1,00
	Đoạn đường đê Tả Đáy từ nhà ông Thường đến cổng làng Độc Bộ xóm 9	1,00
	Đoạn từ ngã ba Tống Xá đến hết ngã tư Cời	1,00
	Đoạn từ ngã tư Cời đến trường cấp 1B xóm 10n.	1,00
	Đoạn từ ngã ba Đông Tiền (cũ) đến hết Đông Tiền (cũ)	1,00
	Đoạn từ cửa làng Khánh Hòa đến ngã ba đường WB3 đi Yên Cường	1,00
	Đoạn từ xóm 4 đi thôn Giáp Bắc đến cổng trường cấp 1A	1,00
	Đoạn từ ông Hùng (thôn Hoà Bình) đến hết ông Quân (thôn Tân Thành)	1,00
	Đoạn từ ông Quân (thôn Tân Thành) đến ông Dân (thôn Trúc)	1,00
	Đoạn từ đê cống Điềng đến hết cống Chanh	1,00
	Đoạn bờ đê ngã ba nhà ông Đoài đến dốc xóm Cầu	1,00
	Đoạn từ ngã 3 Lê Lợi đến dốc đê làng Trúc	1,00
	Đoạn từ ngã tư Vò đến Đống Cao	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ cống Chanh đến hết dốc Roan	1,00
	Đoạn từ gốc Roan đến hết dốc Thầu Rầu	1,00
	Đoạn từ gốc Roan đến quán Khởi (Vụ Bản)	1,00
	Đoạn từ Chợ Chanh đến nhà ông Cường (thôn Nguyễn)	1,00
	Đoạn từ Trực Mỹ đến giáp Quốc lộ 37B	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thanh thôn Đọ Xá đến nhà ông Lự thôn Trực Mỹ	1,00
	Đoạn từ ngã ba Trung Cường đến nhà ông Thanh (thôn Đọ Xá)	1,00
	Đoạn phía Nam máng N12-8 từ ông Tưởng (thôn Đồng Thái) đến nhà ông Đoài (thôn Lê Lợi)	1,00
	Đoạn từ Nhân Lý đến giáp Đông Hậu	1,00
	Đoạn từ đền Đông Hậu đến nhà ông Trang (thôn Đông Hậu)	1,00
	Đoạn từ ngã ba Đình Đá đến giáp đường Quốc lộ 37B	1,00
	Đoạn từ ngã ba Đông Hậu đến giáp đường Quốc lộ 37B	1,00
5	**Khu tái định cư và khu dân cư tập trung Yên Nhân**	2,20
6	**Khu dân cư tập trung Yên Cường (cũ)**	
	Đường G1, đường Tống Xá	1,00
	Đường N1, N2	1,00
	Đường N3, D4	1,00
	Đường N4, D1	1,00
	Đường D2	1,00
	Các thửa đất biệt thự	1,00
7	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00
8	**Khu tái định cư đường sắt thôn Mậu Lực đoạn từ Bà Hương thôn Mậu đến nhà ông Nguyên thôn Lê Lợi**	1,00
9	**Khu tái định cư đường sắt xóm 7 Đường WB2 đến cổng UBND xã**	1,00
10	**Khu tái định cư đường sắt thôn Thắng Lợi từ Ngã 3 Tống Xá đến hết Ngã tư Cởi**	1,00
11	**Khu tái định cư đường sắt xóm 4 đoạn từ Cổng trường khu A đi chùa Giáp Bắc**	1,00

16. Xã Vũ Dương

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 37B (Đường 64 cũ)**	
1.1	Đoạn từ ngã ba Vàng đến hết thôn Trung Thượng (cũ)	1,50
-	*Đoạn từ nhà ông Thành (xóm An Thượng, thôn Trung Thượng (Cũ)) đến hết nhà ông Nhất (xóm An Thượng, thôn Trung Thượng (cũ))*	1,20
-	*Đoạn từ nhà ông Thiệp (xóm An Thượng, thôn Trung Thượng (cũ)) đến hết nhà ông Lương (xóm An Thượng, thôn Trung Thượng (cũ))*	1,20
-	*Đoạn phía Bắc xóm An Trung, thôn Trung Thượng(cũ)*	1,20
-	*Đoạn phía Nam xóm An Trung, thôn Trung Thượng (cũ)*	1,20
-	*Đoạn từ QL 37B qua thôn Khang Phú Quý (cũ) đến đường Thành Xá*	1,20
-	*Đoạn từ cầu An Hạ (cũ) đến khu vực lò đốt rác*	1,20
-	*Đoạn từ cổng làng thôn An Hạ (cũ) đến hết nhà ông Thanh*	1,20
-	*Đoạn phía Nam thôn An Hạ (cũ)*	1,20
-	*Đoạn từ cổng làng xóm Bùng, thôn Vàng Bùng (cũ) đến hết nhà ông Bắc*	1,20
-	*Đoạn phía Nam xóm Bùng, thôn Vàng Bùng (cũ)*	1,20
-	*Đoạn phía Nam xóm Vàng, thôn Vàng Bùng (cũ)*	1,20
1.2	Đoạn từ hết thôn Trung Thượng (cũ) đến giáp cầu Kênh Bắc Tân Minh (Yên Lợi cũ)	1,30
2	**Quốc lộ 38B (Đường 12 cũ)**	
	Đoạn từ Chiều Gia đến giáp Kênh tiêu S34B	1,10
	Đoạn từ Kênh tiêu S34B đến xã Ý Yên	1,10
3	**Quốc lộ 10**	
	Đoạn từ giáp đất xã Vụ Bản đến giáp đất xã Vạn Thắng	1,50
4	**Tỉnh lộ 485 (Đường 57A cũ)**	1,10
5	**Đường Thành Xá**	1,10
	Đoạn phía Nam thôn An Thị (cũ)	1,20
	Đoạn phía Tây thôn An Thị (cũ)	1,20
6	**Đường trục xã**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường bờ kênh S40 từ giáp đất xã Vạn Thắng đến cống sư thành (đầu đường vào thôn Hữu Trịnh)	1,10
	Đoạn từ cầu An Cừ đến gốc đa thôn An Tố (cũ)	1,20
	Từ Gốc đa thôn An Tố (cũ) đến Tỉnh lộ 485	1,10
	Đoạn từ cầu kênh Bắc Tân Minh (Yên Lợi) đến tỉnh lộ 485	1,00
	Đoạn từ cầu thôn Dương đến cầu thôn An Tĩnh (cũ)	1,10
	Đoạn từ cụm công nghiệp đến Đảng Ủy xã Vũ Dương	1,10
	Đoạn từ giáp xã Ý Yên qua chùa Cẩm đến QL 38B	1,10
	Đoạn từ đường trục xã đến giáp KDC tập trung Yên Dương (thôn Dương Lang)	1,00
	Đoạn từ giáp xã Ý Yên đến hết xóm Nam Phong	1,10
	Đoạn từ thôn Lũ Phong đến hết đất thôn Ninh Xá Thượng	1,10
	Đoạn từ ngã ba thôn Ninh Xá Thượng đến cầu gừng	1,10
	Đoạn từ ngã ba chợ cầu gừng thôn Ninh Xá Thượng đến Tân Ninh (cũ), Ý Yên	1,10
	Đoạn từ Công ty La Xuyên Vàng đến hết trụ sở công an xã Vũ Dương	1,10
	Đoạn từ đường QL10 dọc theo sông Sắt đến hết xóm May (cũ)	1,10
	Đoạn từ đường Hữu Trịnh đến giáp xóm May (cũ)	1,10
	Đoạn từ Quốc lộ 38B đến đông đê thôn Nam Mỹ Dương (cũ)	1,50
	Đoạn từ đường sắt đến hết câu lạc bộ La Xuyên	1,10
	Đoạn từ câu lạc bộ La Xuyên đến giáp sông Sắt	1,10
	Đoạn từ đường sắt Quốc lộ 10 dọc theo sông Sắt đến cầu Ngọc Tân	1,10
	Đoạn từ cầu Ngọc Tân dọc theo sông Sắt đến giáp xã Vạn Thắng	1,00
	Đoạn từ đường sắt cổng chào Ninh Xá Hạ đến chợ La Xuyên	1,10
	Từ Quốc lộ 38B qua An Tĩnh (cũ), An Thanh (cũ) đến QL 37B	1,20
	Đoạn từ nhà máy kem cũ đến ngã tư Mụa	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
7	**Khu tái định cư cầu Ngăm (phía Nam Quốc lộ 38B)**	1,00
8	**Khu dân cư tập trung An Tố**	
	Đường N1	
	Lô liền kề	1,00
	Lô biệt thự	1,00
	Đường T1, T2	
	Lô liền kề	1,00
	Lô biệt thự	1,00
9	**Khu dân cư Thiện Mỹ**	
	Đường N1 (Đất chia lô liền kề)	1,00
	Đường D1, D2 (Đất chia lô liền kề)	1,00
	Đường N2 (Đất chia lô liền kề)	1,00
	Đường D3 (Đất chia lô liền kề)	1,00
	Đường N1 (Đất chia lô biệt thự)	1,00
	Đường N2 (Đất chia lô biệt thự)	1,00
10	**Khu dân cư tập trung Yên Dương (QL 38B)**	
	Đường N1	1,10
	Đường D1	1,10
	Đường D2, D3, N2, N3, N4, N5	1,10
11	**Khu dân cư tập trung Yên Dương (Thôn Dương)**	
	Đường N1; N2	1,10
	Đường D1; D2	1,10
12	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,20
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m -5m	1,20
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,20

17. Xã Đồng Thịnh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường QL37B (đường 56 cũ)**	
	Từ giáp đê sông Đào đến ngã ba đường vào trụ sở công an (UBND xã Nghĩa Minh cũ)	1,00
	Từ ngã ba trụ sở công an (UBND xã Nghĩa Minh cũ) đến giáp khu dân cư tập trung	1,00
	Từ Tỉnh lộ 487 đến giáp xã Nghĩa Hưng	1,00
2	**Đường tỉnh 487**	
	Từ xã Nam Đồng đến thôn Hải Lạng Trang	1,00
	Từ thôn Hải Lạng Trang đến cống Minh Châu	1,00
	Đoạn từ cống Minh Châu đến đường trục phát triển vùng kinh tế biển	1,00
	Từ đường trục phát triển vùng kinh tế biển đến khu dân cư tập trung Nghĩa Minh	1,00
	Đường trục phát triển vùng kinh tế biển: Đoạn từ phà Đống Cao đến xã Nghĩa Hưng	1,00
3	**Đường Đen**	
	Đoạn từ dốc đê sông Đào đến đường vào công ty vật liệu xây dựng và xây lắp Nghĩa Hưng.	1,00
4	**Đường xã**	
	Đoạn từ Chùa Trang Túc đến giáp nhà ông Sao.	1,00
	Đoạn từ nhà ông Sao đến nhà ông Quý	1,00
	Đoạn từ nhà ông Quý đến giáp nhà ông Nhi.	1,00
	Đoạn từ nhà ông Nhi đến hết miếu xóm Mẫu.	1,00
	Đoạn từ ruộng đội 4 đến hết nhà ông Dương	1,00
	Đoạn từ nhà bà Diệu đến giáp nhà bà Xuyến.	1,00
	Đoạn từ nhà bà Xuyến đến hết nhà ông Bảy	1,00
	Đoạn từ cầu Biên Hòa đến hết thôn Trần Hưng	1,00
	Đoạn từ chợ hôm Lạng đến hết thôn Hưng Lộc.	1,00
	Đoạn từ dốc đê sông Đào đến cống Minh Châu	1,00
	Đoạn từ chợ Hải Lạng đến sông Thành Đồng	1,00
	Đoạn từ cống Minh Châu đến giáp đường TL 487 (Nghĩa Thịnh cũ)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ cống Minh Châu đến đường tỉnh lộ 487 (Nghĩa Minh cũ)	1,00
	Từ trụ sở công an (UBND xã Nghĩa Minh cũ) đến cống Minh Châu.	1,00
	Từ cầu bà Tôn đến giáp chợ Ba Hạ cũ	1,00
	Đoạn từ chợ Ba Hạ cũ đến đền Hưng Thịnh	1,00
	Đoạn từ đền Hưng Thịnh đến cống sáng Chương Nghĩa	1,00
	Đoạn từ cầu Nghĩa Hoàng đến đê sông Đào	1,00
5	**Đường liên thôn, xóm**	
5.1	**Khu vực Nghĩa Đồng**	
	Đoạn từ trạm điện thôn Phú Cốc (ngã ba) đến giáp chùa Nhân Hậu	1,00
	Đoạn từ Nhà thờ Cốc Thành lên đến hết nhà Tuyến Phượng	1,00
	Đoạn từ nhà bà Tuyết đến hết nhà ông Bính - thôn Phú Cốc	1,00
	Đoạn từ nhà ông Xường đến hết sân vận động thôn Cốc Thành Đoài	1,00
	Đoạn từ nhà bà Toan đến hết nhà ông Bính - thôn Phú Cốc	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thuân đến chùa Phú Cốc	1,00
	Đoạn từ Đình làng Phú Cốc đến Cồn Tằng Lào	1,00
	Đoạn từ đình làng Phú Cốc đến sân vận động thôn Cốc Thành Đoài	1,00
	Đoạn từ nhà ông Kha đến hết ao ông Kháng (thôn Trang Túc Đông)	1,00
	Đoạn từ Cồn Tằng Lào đến hết nhà bà Canh (Thôn Lộng Điền)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Hà đến đình Lộng Điền	1,00
	Đoạn từ sân vận động thôn Đông Lĩnh đến đầu voi	1,00
	Đoạn từ nhà ông Đàm xuống đến cửa làng thôn Đông Lĩnh	1,00
	Đoạn từ nhà ông Phi Sơn đến cửa làng thôn Đông Lĩnh	1,00
	Đoạn từ nhà ông Hoạt đến hết ao ông Thái (Thôn Trạng Túc Đông)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thanh đến ông Khuể (Thôn Trang Túc Đông)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ nhà ông Đáp xuống đến ao ông Khuể (Thôn Trang Túc Đông)	1,00
	Đường cửa làng Thôn Trần Hưng: đoạn từ ruộng 2 lúa ông Hướng đến hết ruộng 2 lúa ông Phong	1,00
5.2	**Khu vực Nghĩa Thịnh**	
	Đoạn từ Chùa Duyên Khánh (thôn Hạ Kỳ) xuống đến đường TL 487	1,00
	Đoạn từ Chùa Duyên Khánh đến nhà ông Cài - thôn Hạ Kỳ	1,00
	Đoạn từ nhà ông Bảng (thôn Hạ Kỳ) đến đường trục xuống thôn Hải Lạng Trang	1,00
	Đoạn từ nhà ông Kháng đến hết nhà ông Vam (thôn Hạ Kỳ)	1,00
	Đoạn từ ao ông Soái xuống đến đến Hợp tác xã Đại Thắng	1,00
	Đoạn từ nhà ông Biển đến nhà ông Sanh (thôn Hạ Kỳ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Lý đến nhà ông Khởn (thôn Hạ Kỳ)	1,00
	Đê Tả Đào: Đoạn từ ông Chủng xuống đến ngã ba dốc đê sông Đào (thôn Hạ Kỳ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Tâm xuống đến đê Tả Đào (ông Hóa) (thôn Hạ Kỳ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông CHủng đến nhà ông Khơ đến nhà ông Thạch (thôn Hạ Kỳ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Bằng đến giếng làng (thôn Hạ Kỳ)	1,00
	Đoạn từ cổng làng Hạ Kỳ (ông Việt) xuống đến đường TL487	1,00
	Đoạn từ ngã ba: đường từ cổng làng Hạ Kỳ xuống đến đường TL 487 đến nhà ông Roãn	1,00
	Đoạn từ cổng làng thôn Hải Lạng Trang xuống đến hết nhà bà Ngoan	1,00
	Đoạn từ nhà ông Hải đến hết nhà ông Vĩnh (thôn Hải Lạng Trang)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Khoát đến hết nhà ông Đắc (thôn Hải Lạng Trang)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Tỉnh đến hết nhà ông Thẩm (thôn Hải Lạng Trang)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ nhà ông Thiêm đến hết nhà ông Thắng (thôn Hải Lạng Trang)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Quyết đến nhà ông Thuận (Thôn Hải Lạng Trang)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Hiển đến nhà ông Mậu, đến nhà ông Lộc, đến nhà ông Thiệp, đến nhà ông dần; từ nhà ông Việt đến nhà ông Bình (thôn Hải Lạng Trang)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Đạm đến nhà ông Đàm (thôn Hải Lạng Trang)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Yên đến nhà ông Dương (thôn Hải Lạng Trang)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Lợi đến nhà ông Ánh, nhà ông Nhã (thôn Hải Lạng Trang)	1,00
	Đoạn từ trạm thủy nông đến đường TL 487 (thôn Hải Bình)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Trung đến hết ruộng 2 lúa ông Phượng (thôn Hải Bình)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Khuê xuống đến đường cửa làng thôn Hải Bình (ông Minh)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thuận xuống đến đường cửa làng thôn Hải Bình (ông Bạt)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Hớn sang đến nhà ông Khuê	1,00
	Đoạn từ đền Thượng xuống đến đê Tả Đào thôn Hải Sơn (nhà bà Mỳ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Mỳ đến nhà ông Sô (thôn Hải Sơn)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Sung đến nhà ông Thiếu (thôn Hải Sơn)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Nhiên đến nhà ông Kế (thôn Hải Sơn)	1,00
	Đoạn từ ao ông Thắng đến nhà ông Chính (thôn Hải Sơn)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Lộc xuống đến đê Tả Đào (nhà ông Huấn)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Hiến xuống đến đê Tả Đào thôn Nam Tân Tiến (ông Hòa)	1,00
	Đoạn từ nhà bà Loan đến nhà ông Tư (thôn Nam Tân Tiến)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Khâm đến nhà ông Quán (thôn Nam Tân Tiến)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ nhà ông Doanh xuống đến đê Tả Đào thôn Nam Thanh Nghị (ông Hừng)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Quyền xuống đến đê Tả Đào thôn Nam Thanh Nghị (ông Vịnh)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Đĩnh đến ao ông Roan (Nam Thanh Nghị)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Giọt xuống đến nhà ông Thuyên (Nam Thanh Nghị)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Vượng sang đến nhà ông Vụ (Nam Thanh Nghị)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thông sang đến nhà ông Dương	1,00
	Đoạn từ nhà ông Tiệp sang đến nhà ông Hừng	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thịnh sang đến ao ông Mạnh	1,00
	Đoạn từ đê Tả Đào (ông Hòe) xuống đến nhà ông Tiễu	1,00
	Đoạn từ nhà ông Đóa sang đến nhà ông Mừng	1,00
	Đoạn từ đê Tả Đào (ông Chúc) xuống đến nhà ông Luyện	1,00
	Đoạn từ đền Tây sang đến nhà ông Cải	1,00
	Đoạn từ nhà ông Ước xuống đến đê Tả Đào (ao ông Chung)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Mô (cũ) xuống đến đường TL 487	1,00
	Đoạn từ nhà ông Hưng sang đến nhà ông Tiễu	1,00
	Đoạn từ nhà ông Ngân sang đến nhà ông Nghĩa (cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Cải xuống đến đê Tả Đào thôn Bình Long (miếu)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Uyển đến đê Tả Đào thôn Bình Long (ông Tiệp)	1,00
	Đoạn đê bối từ nhà ông Hợp đến ngã ba giao với đê Tả Đào (đối diện nhà ông ông Chuẩn, ông Hớn)	1,00
	Đoạn từ Tỉnh lộ 487 đến đường cửa làng Thôn Thượng Kỳ (nhà ông Kiên)	1,00
	Đoạn từ tỉnh lộ 487 đến ao ông An (Thượng Kỳ)	1,00
	Đoạn từ tỉnh lộ 487 đến đường cửa làng Thôn Thượng Kỳ (nhà ông Khương)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường cửa làng thôn Thượng Kỳ đoạn từ nhà ông Song đến nhà ông Thụy	1,00
	Đường cửa làng thôn Thượng Kỳ đoạn từ nhà ông Thắng sang đến nhà ông Hòa	1,00
	Đoạn từ nhà ông Lộng xuống đến nhà ông Thắng (thôn Thượng Kỳ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thám đến nhà ông Quyên, đến nhà ông Minh xuống đến đường cửa làng (ông Quyết) - thôn Thượng Kỳ	1,00
	Đoạn từ nhà ông Lợi đến ao ông Minh - thôn Thượng Kỳ	1,00
	Đoạn từ nhà ông Hải xuống đến đường cửa làng (ông Dự)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Chì xuống đến ao ông Hoan sang đến nhà bà Thúy	1,00
	Đoạn từ nhà ông Kết (cũ) sang đến đất ông Dũng xuống đến đường cửa làng (ông Tạo)	1,00
	Đoạn từ ao ông Liên xuống đến đường cửa làng (ông Cửu)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Song xuống đến đường cửa làng (ông Hòa)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Trung sang đến đường trục xuống thôn Hanh Thụ	1,00
	Đoạn từ nhà ông Trung xuống đường cửa làng sang đến ao ông Phúc lên đất ông Khuy	1,00
	Đoạn từ nhà bà Quý xuống đến đường cửa làng (ông Phố)	1,00
	Đoạn từ giáp thổ ông Thịnh sang đến nhà ông Dục	1,00
	Đường cửa làng từ thôn Hưng Thịnh đến thôn Hanh Thụ (đoạn từ giáp kênh Minh Châu đến hết nhà ông Khá)	1,00
	Đoạn từ đường tỉnh lộ 487 đến hết nhà ông Đoài - thôn Hanh Thụ	1,00
	Đoạn từ nhà ông Xương đến nhà ông Vượng (thôn Hanh Thụ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Đắc đến nhà ông Toản (thôn Hanh Thụ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Dụ đến nhà ông Ruy (thôn Hanh Thụ)	1,00
	Đoạn từ nhà bà Ngoan đến nhà ông Tân (thôn Hanh Thụ)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ nhà ông Khải đến nhà ông Biêng, đến nhà ông Tấn, đến nhà ông Thụy, nhà ông Tập đến nhà bà Liên đến nhà ông Vỹ đến nhà ông Sỹ (thôn Hanh Thụ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Ré đến nhà ông Nhuần - thôn Hưng Đạo	1,00
	Đoạn từ ao ông Ré đến nhà ông Hiền (thôn Hanh Thụ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Long đến nhà ông Xương (thôn Hanh Thụ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Quảng (cũ) xuống đến đường cửa làng (nhà ông Sứ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Mộng xuống đến đường cửa làng (nhà ông Tân)	1,00
	Đoạn từ nhà bà Loan xuống đến đường cửa làng (nhà ông Dũng)	1,00
	Đoạn từ nhà bà My sang đến nhà bà Lái	1,00
	Đoạn từ ao ông Hạnh xuống đến đường cửa làng (nhà ông Hoa) - thôn Hưng Thịnh	1,00
	Đoạn từ chùa Hưng Nghĩa xuống đến đường cửa làng (nhà ông Lũy)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Tân sang đến nhà ông Khởn (thôn Hưng Thịnh)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Đục đến nhà ông Tam đến đường cửa làng (nhà bà Muộn) - thôn Hưng Thịnh	1,00
	Đoạn từ nhà ông Hồng sang đến nhà ông Tiến (thôn Hưng Thịnh)	1,00
	Đoạn từ ngã ba chùa Hưng Nghĩa xuống đến hết nhà ông Hiên (thôn Hưng Thịnh)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Mộng đến nhà ông Quảng (thôn Hưng Thịnh)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Long xuống đến đường cửa làng (nhà ông Tía)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Ruân sang đến bờ kênh Minh Châu (thôn Hưng Thịnh)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Phớn sang đến bờ kênh Minh Châu (thôn Hưng Thịnh)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ giáp ruộng 2 lúa xuống đến hết nhà ông Việt (thôn Hưng Thịnh)	1,00
	Đoạn từ cửa làng thôn Hải Bình (phía Tây trụ sở UBND xã Nghĩa Thịnh cũ) xuống đến đường TL 487	1,00
5.3	**Khu vực Nghĩa Minh**	
	Đường cửa làng khu vực thôn Thắng Thượng đoạn từ đường kênh Minh Châu đến đường trục phát triển	1,00
	Đoạn từ đường trục xã (nhà ông Diễn) đến đường cửa làng (nhà ông Hoan) - xóm Đắc Ninh	1,00
	Đoạn từ đường kênh Minh Châu sang đến ao ông Vợi (xóm Đắc Ninh)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Toản đến nhà ông Mạnh (xóm Đắc Khang)	1,00
	Đoạn từ nhà bà Thắm đến nhà ông Hưng (xóm Đắc Khang)	1,00
	Đoạn từ đường trục xã (ông Lâm) xuống đến nhà bà Ngọc (xóm Đắc Khang)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Lâm sang đến nhà ông Khanh (xóm Đắc Khang)	1,00
	Đoạn từ đường trục xã (nhà bà Phương) đến đường TL 487	1,00
	Đoạn từ đường trục xã (nhà ông Sang) đến đường TL 487	1,00
	Đoạn từ đường trục xã (nhà ông Dĩnh) đến đường cửa làng - xóm Đắc Quý	1,00
	Đoạn từ đường trục xã (nhà ông Khởi) lên đến hết đất UB (phía bắc nhà ông Đàm) - xóm Đắc Quý	1,00
	Đoạn từ đường trục xã (ông Hương) xuống đến nhà ông Lý	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thành xuống đến đường cửa làng	1,00
	Đoạn từ đường trục xã lên đến nhà ông Sơn sang đến ao ông Dương (xóm Đắc Phú)	1,00
	Đoạn từ đường trục xã lên đến hết nhà ông Tiến (xóm Đắc Phú)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Tuấn sang đến nhà ông Thu (xóm Đắc Phú)	1,00
	Đoạn từ đường trục xã (nhà bà Nguyệt) đến đường cửa làng - xóm Đắc Phú	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ đường trục xã (nhà ông Phú) đến đường cửa làng - xóm Đắc Phú	1,00
	Đoạn từ đường trục xã (nhà ông Hòa) đến đường TL 487	1,00
	Đoạn từ nhà ông Hoành đến hết nhà bà Tâm - thôn Thượng Kỳ Tây	1,00
	Đoạn từ đường QL37B (ông Chương) đến đê Tả Đào (ông Cõn) - Thượng Kỳ Tây	1,00
	Đoạn từ đê Tả Đào (ông Hoạch) xuống đến đường cửa làng thôn Thượng Kỳ Tây (ông Hùng)	1,00
	Đoạn từ đê tả Đào thôn Thượng Kỳ Tây (nhà ông Phát) đến nhà ông Hạnh xóm Đông Bình	1,00
	Đoạn từ đê tả Đào thôn Thượng Kỳ Tây đến nhà ông Tuyến xóm Đông Bình	1,00
	Đoạn từ đường cửa làng Thượng Kỳ Tây xuống đến đường trục cửa làng Đông Mỹ (nhà ông Hùng)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Lữu đến hết nhà ông Tâng	1,00
	Đoạn từ nhà ông Nhài lên đến nhà ông Sáng	1,00
	Đoạn từ đường cửa làng (nhà ông Tĩnh) lên đến nhà ông Khóm sang đến nhà ông Lang	1,00
	Đoạn từ đường cửa làng (ông Hùng) lên đến nhà ông Trình	1,00
	Đoạn từ đường quốc lộ 37B (nhà ông Chiếm) đến giáp chùa Đông Ba (nhà ông Nghị)	1,00
	Đoạn từ đường quốc lộ 37B (nhà bà Nhung) đến hết nhà ông Tuyến xóm Đông Mỹ	1,00
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm 6 cũ xuống đến đường cửa làng (nhà ông Hạnh)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Hải xuống đến đường cửa làng (nhà ông Hữu)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Bằng đến nhà bà Hợi	1,00
	Đoạn từ ông Hiện sang đến nhà ông Thưởng	1,00
	Đoạn từ đường cửa làng (nhà ông Cờ) lên đến nhà ông Tiết	1,00
	Đoạn từ đường cửa làng (ông Tưởng) xuống đến nhà ông Thình sang đến nhà ông Đang	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ đường cửa làng (ông Lân) lên đến nhà ông Minh sang đến nhà ông Sang xuống đến đường cửa làng (nhà ông Ngờ)	1,00
5.4	**Khu vực Hoàng Nam**	
	Đường cửa làng thôn Ba Hạ đoạn từ nhà ông Lương đến cửa chùa Ba Hạ	1,00
	Đường cửa làng từ nhà ô Trường thôn Hà Dương đến nhà ông Việm thôn Đông Tĩnh	1,00
	Đường làng Hưng Thịnh đoạn từ cống Hoàng Nam xuống nhà ông Huệ sang đến nhà bà Đào lên đến đền Hưng Thịnh	1,00
	Đường cửa làng thôn Phù Sa Hạ đoạn từ nhà ông Thụ đến nhà ông Khảm	1,00
	Đường ngang thôn Ba Hạ: Đoạn từ nhà ông Hiệp đến bà Tình, đoạn từ nhà ô Xưởng đến nhà ô Duyên, đoạn từ nhà bà Hiền đến nhà ông Thợi	1,00
	Đường sau làng Ba Hạ đoạn từ nhà ông Út đến nhà bà Biên	1,00
	Đoạn từ chùa Đông Tĩnh đến cửa làng Đông Tĩnh	1,00
	Đường từ chùa Hà Dương đến đất ông Quý cuối làng Hà Dương	1,00
	Đường thôn Hà Dương đoạn từ nhà ô Bộ sang hết nhà ông Chiến lên đến hết nhà ông Hoản	1,00
	Đường từ nhà ông Hùng xóm Bình Thịnh sang đến nhà ông Ái xóm An Cường	1,00
	Đường từ nhà ông Toàn xóm Bình Thịnh sang đến nhà ông Hoàng xóm An Cường	1,00
	Đường xóm Bình Thịnh đoạn từ nhà bà Mai đến hết nhà ông Hiền	1,00
	Đường thôn Phù Sa Hạ đoạn từ cống Nghĩa địa đến đốc đê nhà ông Hiền	1,00
	Đường sau làng thôn Phù Sa Hạ đoạn từ nhà ông Kỉnh đến nhà ông Khảm	1,00
	Đường thôn Chương Nghĩa đoạn từ nhà ông Cân sang đến nhà ông Giảng và đến hết nhà ông Khải	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường thôn Chương Nghĩa đoạn từ nhà ông Xưởng lên đến cửa chùa Chương Nghĩa	1,00
	Đường cửa làng xóm Châu Thành đoạn từ nhà ông Toàn đến nhà ông Đồng	1,00
	Đường thôn Ba Hạ (đoạn từ nhà ông Quyết (Hương) sang đến nhà ông Hệ)	1,00
	Đường thôn Hà Dương (đoạn từ nhà ông Bình sang đến đất ông Quý)	1,00
	Đường thôn Đông Tĩnh (đoạn từ nhà ông Lạng sang nhà ông Hậu)	1,00
	Đường thôn Đông Tĩnh (đoạn từ nhà ông Học lên đến nhà ông Sỹ)	1,00
	Đường xóm Bình Thịnh (đoạn từ nhà ông Tài (Hoàng) xuống đến nhà ông Tuấn)	1,00
	Đường xóm Bình Thịnh (đoạn từ nhà ông Nguyên xuống đến hết nhà ông Thúc)	1,00
	Đường xóm Bình Thịnh (đoạn từ nhà bà Ngân (Minh) xuống đến nhà ông Bạt)	1,00
	Đường thôn Phù Sa Hạ (đoạn từ nhà ông Quang sang đến hết nhà ông Vin (xóm Mới cũ))	1,00
	Đường thôn Chương Nghĩa (đoạn từ nhà ông Thái đến hết nhà bà Ban)	1,00
	Đường thôn Chương Nghĩa (đoạn từ nhà ông Hoạt (Thụy) xuống đến hết nhà ông Minh (Huỳnh) sang đến nhà ông Chuyên lên đến hết nhà ông Tung)	1,00
	Đường thôn Chương Nghĩa (đoạn từ ông Tiềng (Đức) sang đến cửa chùa Chương Nghĩa)	1,00
	Đường xóm Mỹ Hưng (đoạn từ nhà ông Hiển đến nhà ông Sược)	1,00
	Đường xóm Mỹ Hưng (đoạn từ nhà ông Khơ đến nhà ông Lâm)	1,00
	Đường xóm Mỹ Hưng (đoạn từ sau nhà ông Uẩn đến hết nhà ông Thiệu (Uẩn))	1,00
	Đường xóm Mỹ Hưng (đoạn từ nhà ông Tề đến hết nhà ông Tiên)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường xóm Mỹ Hưng (đoạn từ nhà ông Thuận đến hết nhà ông Quân)	1,00
	Đường xóm Mỹ Hưng (đoạn từ ao nhà ông Thời đến hết nhà ông Chân (Dục))	1,00
	Đường xóm Mỹ Hưng (đoạn từ ao nhà ông Chân (Rần) xuống đến hết ao nhà ông Thảng sang đến hết ao nhà ông Sính)	1,00
	Đường xóm Mỹ Hưng đoạn từ ông Thơn sang đến hết đất ông Liệu (đấu giá 2025)	1,00
	Đường xóm Mỹ Hưng đoạn từ đất ông Quý lên đến hết đất ông Học (đấu giá 2025)	1,00
	Đường xóm Châu Thành (đoạn từ nhà ông Chung đến nhà ông Cường)	1,00
	Đường xóm khu vực Lò ngói Sa Thượng (đoạn từ nhà ông Lãi sang đến nhà bà Dung (Thành) lên đến hết nhà ông Bình)	1,00
	Đường đê Sa Thượng (đoạn từ nhà ông Bình sang đến nhà ông Sỹ sang đến hết nhà ông Chiến (Sâm))	1,00
6	**Khu dân cư tập trung Nghĩa Thịnh**	
	Các thửa đất giáp đường tỉnh lộ 487	1,00
	Các thửa (lô) đất còn lại	1,00
7	**Khu dân cư tập trung Nghĩa Minh**	
	Các thửa đất tiếp giáp đường QL 37B	1,00
	Các thửa đất tiếp giáp đường Tỉnh lộ 487	1,00
	Các thửa đất còn lại	1,00
8	**Các đường, đoạn đường còn lại**	
	Các tuyến đường còn lại (thuộc xã Nghĩa Minh cũ)	1,00
	Các tuyến đường còn lại (thuộc xã Nghĩa Thịnh cũ)	1,00
	Các tuyến đường còn lại (thuộc xã Hoàng Nam cũ, Nghĩa Đồng cũ)	1,00

18. Xã Nghĩa Lâm

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường tỉnh 488C**	
	Đoạn từ cầu Lâm - Hòa đến hết nghĩa trang liệt sỹ	1,00
	Đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ đến Quỹ tín dụng nhân dân	1,00
	Đoạn từ Quỹ tín dụng đến giáp ranh xã Rạng Đông	1,00
2	**Đường bộ ven biển (đoạn mở mới)**	
	Đoạn từ nhà ông Lực đến chân cầu	1,00
3	**Đường Phú Lợi**	1,00
4	**Đường Lâm Thành Hải (Phú Lợi)**	1,00
5	**Đường cứu hộ Xóm 5 Phú Thọ từ cống ông Phúc đến cống ông Mão**	1,00
6	**Đường Lâm - Hùng - Hải**	
	Từ quỹ tín dụng nhân dân đến cầu Tây Hùng	1,00
	Từ cầu Tây Hùng đến hết ranh nghĩa trang Công giáo	1,00
	Từ nghĩa trang Công giáo đến đường ra bến phà Ngọc Lâm	1,00
7	**Đường Lâm Thành**	
	Đoạn từ cầu Nguyễn Văn Trỗi đến giáp nhà ông Chiêu	1,00
	Từ nhà ông Chiêu đến giáp ranh xã Quỹ Nhất	1,00
8	**Đường thống nhất**	1,00
9	**Đường Văn Lâm**	
	Đoạn từ giáp ranh xã Quỹ Nhất đến hết nhà ông Thực xóm 9	1,00
10	**Đường Khang Lâm**	
	Đoạn từ ông Phòng đến hết nhà ông Thiệu xóm 5	1,00
	Đoạn từ giáp ông Thiệu đến hết xóm 5	1,00
	Đường sông tiêu NĐ5: Từ ông Lĩnh đến hết xóm 7	1,00
	Đường phía tây sông âm Sa 14	1,00
11	**Đường trục xã**	
	Từ cầu ông Quý đến nhà bà Huê	1,00
	Từ cầu Tây Hùng đến giáp nhà ông Hinh	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ nhà ông Hinh đến giáp ranh xã Quỹ Nhất	1,00
	Từ nhà ông Quyền ra Ba Đê	1,00
12	**Đường xóm, liên xóm rộng:**	
	Đường từ nhà ông Cường đến nhà bà Tuyết	1,00
	Đường từ nhà bà Chấn đến nhà ông Chương	1,00
	Đường từ nhà ông Họa đến nhà ông Minh	1,00
	Đường từ ông Quý Đến nhà bà Huê	1,00
13	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

19. Xã Nghĩa Hưng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường QL37B (đường 56 cũ)**	
	Từ giáp xã Đồng Thịnh đến đường vào thôn Nghĩa Châu (Thôn Chương Nghĩa cũ)	1,00
	Từ đường vào thôn Nghĩa Châu (Thôn Chương Nghĩa cũ) đến cầu chợ Đào Khê (xã Nghĩa Châu cũ)	1,20
	Từ giáp cầu chợ Đào Khê đến đê tả Đáy thôn Phú Dương (Thôn Phú Kỳ cũ)	1,00
	Từ thôn Phú Dương (Thôn Phú Kỳ cũ) đến dốc Tam Tòa thôn Thụ Ích (xã Nghĩa Trung cũ)	1,00
	Từ dốc Tam Tòa thôn Thụ Ích đến ngã 5 đường trục thôn Thụ Ích	1,00
	Từ ngã 5 đường trục Thụ Ích đến giáp cầu nghĩa trang liệt sỹ Nghĩa Trung	1,0
	Từ cầu nghĩa trang liệt sỹ Nghĩa Trung đến nhà thờ Liêu Hải (xã Nghĩa Trung cũ)	1,00
	Từ giáp nhà thờ Liêu Hải (xã Nghĩa Trung cũ) đến trụ sở UBND xã Nghĩa Hưng	1,20
	Từ trụ sở UBND xã Nghĩa Hưng đến hết siêu thị Lan Chi (Thị trấn Liễu Đề cũ)	1,20
	Từ giáp siêu thị Lan Chi (Thị trấn Liễu Đề cũ) đến cầu phao Ninh Cường thôn Nam Phú	1,40
2	**Đường tỉnh 490C (đường 55 cũ):**	
	Từ giáp xã Quang Hưng đến hết bến xe Liễu Đề	1,00
	Từ giáp bến xe Liễu Đề đến cầu 3-2 Liễu Đề	1,20
	Từ ngã 3 Liễu Đề giao với đường QL 37B (nhà ông Thanh) đến cầu Đại Tám	1,00
3	**Đường trục phát triển vùng kinh tế biển**	
	Đoạn từ giáp ranh xã Đồng Thịnh đến giáp ranh xã Nghĩa Sơn	1,00
4	**Đường Thái Trung**	
	Đoạn từ đường Thái - Thịnh đến đền Liêu Hải thôn Liêu Hải	1,00
5	**Đường Trung Sơn:** Đoạn từ giáp nhà ông Hòa thôn Liêu Hải đến miếu ông Đỗ	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ dốc Tam Tòa thôn Thụ Ích đến giáp xã Nghĩa Sơn	1,00
6	**Đường trục Nghĩa Thái**	
	Đoạn từ cầu Nghĩa Thái đến hết trường Tiểu học B Nghĩa Hưng (trường tiểu học xã Nghĩa Thái cũ)	1,00
	Đoạn từ cầu Tam thôn đến cầu Nghĩa Thái	1,00
	Đoạn từ đường cửa làng thôn Hồng Thái (thôn 3 cũ) đến hết nhà ông Bính thôn Hồng Thái (thôn 4 cũ)	1,00
	Đoạn từ cầu Nghĩa Thái đến hết nhà ông Lâm thôn Hồng Thái (thôn 4 cũ)	1,00
	Đoạn từ giáp nhà ông Lâm thôn Hồng Thái (thôn 4 cũ) đến miếu Tam Giang thôn Nghĩa Thái (thôn 8 cũ)	1,00
7	**Đường Thái Châu**	
	Đoạn từ cầu Nghĩa Thái đến Cống Nghĩa Châu	1,00
8	**Đường trục sông Thống Nhất:**	
	Đoạn từ cầu Tam Thôn đến giáp nhà ông Diệu thôn Thái Trung (Thôn 11 Nghĩa Trung cũ)	1,00
	Từ nhà ông Diệu thôn Thái Trung (Thôn 11 Nghĩa Trung cũ) đến nhà ông Giảng thôn Thái Trung (Thôn 11 Nghĩa Trung cũ)	1,00
	Từ giáp nhà ông Giảng thôn Thái Trung (Thôn 11 Nghĩa Trung) đến trụ sở UBND xã Nghĩa Hưng	1,00
	Từ trụ sở UBND xã Nghĩa Hưng đến giáp nhà ông Chiến thôn Nghĩa Trung	1,00
	Từ nhà ông Chiến thôn Nghĩa Trung đến giáp bệnh viện đa khoa Nghĩa Hưng	1,00
9	**Đường trục Nghĩa Châu**	
	Từ Cống Nghĩa Châu đến ngã 3 cầu chợ Đào Khê thôn Nghĩa Châu (Thôn Đào Khê Thượng cũ)	1,00
	Từ Cống Nghĩa Châu đến đê sông Đáy thôn Phú Dương (Thôn Nghĩa Phú cũ)	1,00
	Từ Cống Nghĩa Châu đến hết thôn Thái Châu (Thôn Đại Kỳ cũ)	1,00
10	**Khu vực Nghĩa Thái**	
	Đoạn từ Miếu Tam kỳ giang đến chùa Trần Hải thôn Nghĩa Thái	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ cầu Nghĩa Thái đến hết nhà ông Hồng thôn Nhân Hậu (thôn 6 cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thơ thôn Hồng Thái (thôn 2 cũ) đến giáp thôn Thái Châu (Đại Kỳ Nghĩa Châu cũ)	1,00
	Đoạn từ cửa làng Thôn Hồng Thái (thôn 3 cũ) đến nhà ông Dũng thôn Thái Châu (thôn 1 cũ)	1,00
	Đoạn từ Miếu Tam kỳ Giang đến hết nhà ông Vĩnh thôn Nghĩa Thái (Thôn 8 cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Vĩnh thôn Nghĩa Thái (thôn 8 cũ) đến hết nhà ông Các thôn NghĩaThái (thôn 8 cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Các thôn Nghĩa Thái (thôn 8 cũ) đến hết nhà ông Lùng thôn Nghĩa Thái (thôn 8 cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Khoái Thôn Nghĩa Thái (thôn 9 cũ) đến hết nhà ông Triển thôn Nghĩa Thái (thôn 9 cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Sang thôn Nghĩa Thái (thôn 9 cũ) đến hết nhà ông Cần thôn Nghĩa Thái (thôn 9 cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Chính thôn Nghĩa Thái (thôn 9 cũ) đến hết nhà ông Mạnh thôn Nghĩa Thái (thôn 9 cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Hồng thôn Nhân Hậu (thôn 6 cũ) đến hết nhà ông Chuyên thôn Nhân Hậu (thôn 7 cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thấu thôn Nhân Hậu (thôn 6 cũ) đến hết nhà thờ Nhân Hậu thôn Nhân Hậu	1,00
	Đoạn từ nhà ông Ngôn thôn Nhân Hậu (thôn 6 cũ) đến hết nhà àng Trung thôn Nhân Hậu (thôn 7 cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Song thôn Hồng Thái (thôn 2 cũ) đến hết nhà ông Cù thôn Hồng Thái (thôn 2 cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Tiến thôn Hồng Thái (thôn 4 cũ) đến hết nhà ông Hòa thôn Hồng Thái (thôn 4 cũ)	1,00
	Đoạn từ Chùa Trần Hải thôn Nghĩa Thái đến hết nhà ông Tộ thôn Nghĩa Thái (thôn 5 cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Đức thôn Nghĩa Thái (thôn 5 cũ) đến hết nhà ông Sự thôn Nghĩa Thái (thôn 5 cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Khoát thôn Nghĩa Thái (thôn 5 cũ) đến hết nhà ông Thạch thôn Nghĩa Thái (thôn 5 cũ)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ cổng chào thôn Nghĩa Thái (thôn 5 cũ) đến hết nhà ông Thắng thôn Nghĩa Thái (thôn 5 cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà bà Doanh thôn Thái Trung (thôn 10 cũ) đến nhà bà Thủy thôn Thái Trung (thôn 10 cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Liểu thôn Thái Trung (thôn 10 cũ) đến nhà bà Bích thôn Thái Trung (thôn 10 cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thảnh thôn Thái Trung (thôn 10 cũ) đến nhà ông Thọ thôn Thái Trung (thôn 10 cũ)	1,00
11	**Khu vực Liễu Đề**	
	Từ Cầu 3-2 đến hết ngã tư chợ Liễu Đề thôn Liễu Đề	1,20
	Từ ngã tư chợ Liễu Đề thôn Liễu Đề đến cầu Trường mầm non A Nghĩa Hưng (trường mầm non Liễu Đề cũ)	1,20
	Từ Trường mầm non A Nghĩa Hưng (trường mầm non Liễu đề cũ) đến ngã 3 giao với QL37B	1,00
	Từ đường 56 cũ ngã 4 trường tiểu học A Nghĩa Hưng (trường tiểu học Liễu Đề cũ) đến giáp nhà ông Thuần thôn Nghĩa Hiệp	1,00
	Từ nhà ông Thuần thôn Nghĩa Hiệp đến hết nhà xứ Liễu Đề	1,00
	Từ ngã tư trường tiểu học A Nghĩa Hưng (trường tiểu học Liễu Đề cũ) đến ngã tư giao với QL37B (Chi Cục Thuế cũ)	1,00
	Từ ngã tư chợ Liễu Đề đến ngã tư UBND Liễu Đề cũ	1,00
	Thôn Liễu Đề (Thôn 1 cũ): Từ ngã 3 đường Tỉnh lộ 490C (bến xe) đến ngã tư chợ Liễu Đề	1,00
	Thôn Liễu Đề (Thôn 3 cũ): Đoạn từ ngã 3 TL490 dốc cầu Đại Tám đến ngã 3 giao với đường 9m khu nội thị	1,00
	Đường trục thôn Liễu Đề (Thôn I, II, III cũ, đoạn còn lại cũ); Thôn Nghĩa Hiệp, Thôn Nam Phú; Thôn Đông Thọ (TDP Đoài, Nam, Đông, Bắc cũ)	1,00
	Đường trục Đông Thọ; thôn Nam Phú (thôn Tân Thành, Nam Sơn, Nam Phú, Tân Thọ cũ, đoạn còn lại cũ)	1,30
	Từ giáp cầu Liễu Đề cũ đến giáp xã Quang Hưng	1,00
12	**Khu vực Nghĩa Trung**	
	Đường trục thôn Thụ Ích (thôn 1 cũ): Đoạn từ giáp đèn đỏ đến Đê Tả Đáy	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường trục Thôn Phúc An (thôn 4; thôn 5 cũ): Đoạn từ giáp Nghĩa Trang Liệt sỹ Nghĩa Trung đến giáp nhà văn hóa thôn Phúc An (thôn 4 cũ)	1,00
	Đường trục thôn Phúc An (thôn 5 cũ): Đoạn từ nhà ông Nhượng đến nhà ông Từu	1,00
	Đường trục Phúc An (thôn 6 cũ): Đoạn từ nhà Ông Bát đến nhà Bà Mai	1,00
	Đoạn từ cầu nghĩa trang liệt sỹ Nghĩa Trung đến giáp nhà ông Oánh thôn Phúc An (Thôn 6 cũ)	1,00
	Đường trục thôn Phúc An (thôn 7 cũ): Đoạn từ giáp đường trục đến đê Tả Đáy	1,00
	Đoạn từ giáp đường trục đến giáp nhà ông Cường thôn Phúc An (thôn 7 cũ)	1,00
	Đường trục thôn Liêu Hải (thôn 8 đến thôn 10 cũ): Đoạn từ giáp nhà ông Thịnh đến giáp nhà ông Chung	1,00
	Đường trục thôn Liêu Hải (thôn 9 cũ): Đoạn từ nhà ông Thành đến giáp nhà ông Kỳ (Đường phía Nam trường Mầm non Nghĩa Trung)	1,00
	Đường trục thôn Liêu Hải (Thôn 9 cũ): Đoạn từ giáp đường QL37B (Nhà ông Hóa đến giáp nhà ông Triệu)	1,00
	Đoạn từ giáp đường QL37B thôn Liêu Hải (thôn 9 cũ) đến giáp đền thờ thôn Nghĩa Trung (thôn 12 cũ)	1,00
	Đường trục Thái Trung (thôn 11 cũ): Đoạn từ giáp đường sông Thống Nhất đến giáp đường Thái Trung	1,00
	Đường trục Nghĩa Trung (thôn 12 cũ): Đoạn từ giáp đền thờ thôn Nghĩa Trung (thôn 12 cũ) đến ngã ba Bệnh viên đa khoa Nghĩa Hưng	1,00
13	**Khu vực Nghĩa Châu**	
	Đường trục thôn Nghĩa Châu (thôn Tam Thắng cũ): Đoạn từ nhà Bà Thành đến nhà ông Rĩnh	1,00
	Đoạn từ nhà ông Ngà đến nhà ông Huy	1,00
	Đoạn từ nhà ông Chuyên đến Chùa Lý Nghĩa Thượng	1,00
	Đoạn từ nhà ông Sự đến nhà ông Kim	1,00
	Đoạn từ Chùa Lý Nghĩa Thượng đến nhà bà Dần	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường trục thôn Nghĩa Châu (thôn Đào Khê Thượng cũ): Đoạn từ giáp đường QL37B đến giáp đường trục	1,00
	Đoạn từ giáp đường trục đến giáp nhà ông Toàn	1,00
	Đoạn từ giáp nhà ông Huân đến giáp nhà ông Mịch (Chợ Đào Khê)	1,00
	Đường trục thôn Đào Khê (thôn Đắc Thắng cũ): Đoạn từ giáp nhà bà Chi đến giáp cống Hà Dương (xã Hoàng Nam cũ)	1,00
	Đoạn từ giáp nhà ông Nhật đến giáp chùa Thắng Hạ	1,00
	Đoạn từ giáp nhà ông Hán đến giáp nhà ông Điệu	1,00
	Đường trục thôn Đào Khê (thôn Đào Hạ cũ): Đoạn từ cầu Đào Khê đến nhà ông Điệp	1,00
	Đoạn từ giáp nhà ông Nam đến nhà ông Hỗ	1,00
	Đoạn từ giáp nhà bà Khải đến nhà ông Trực	1,00
	Đoạn từ giáp nhà ông Thao đến nhà ông Lạm	1,00
	Đoạn từ giáp nhà bà Đoài đến nhà ông Tiết	1,00
	Đường trục thôn Thái Châu (thôn Đại Kỳ cũ): Đoạn từ giáp nhà ông Phó đến nhà ông Bơn	1,00
	Đường trục Phú Dương (thôn Nghĩa Phú cũ): Đoạn từ sân vận động Nghĩa Châu đến nhà bà Vui	1,00
	Đoạn từ giáp nhà thờ Lý Nghĩa Hạ đến nhà ông Đạt	1,00
	Đoạn từ giáp đê Tả Đáy đến nhà ông Thuật	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thọ đến nhà bà Tưởng	1,00
	Đường trục Phú Dương (thôn Hà Dương cũ): Đoạn từ giáp nhà ông Biêng đến giáp nhà ông Vụ	1,00
	Đoạn từ giáp nhà bà Tuyết đến giáp nhà ông Thái	1,00
	Đoạn từ giáp hợp tác xã Nghĩa Châu đến giáp nhà ông Hân	1,00
	Đoạn từ nhà ông Tĩnh đến giáp nhà ông Thành	1,00
	Đoạn từ nhà ông Tự đến giáp nhà giáp ông Tuấn	1,00
	Đoạn từ nhà ông Đoàn đến giáp nhà giáp ông Tuấn	1,00
15	**Khu dân cư tập trung Thôn Nghĩa Châu (thôn Đào Thượng Nghĩa Châu cũ)**	
	Đường Trục phát triển	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường từ cống Nghĩa Châu đến giáp chợ Đào Khê	1,20
	Đường trong KDC	1,20
16	**Khu dân cư tập trung thôn Thái Trung (thôn 10 Nghĩa Trung cũ)**	
	Các thửa đất tiếp giáp với đường giáp Kênh Đại Tám	1,20
	Đường: D1, D2, D3, N1	1,20
17	**Các tuyến đường trong khu dân cư tập trung thôn Thái Trung (Sông Hồng xã Nghĩa Thái cũ)**	1,20
18	**Khu Tái định cư thôn Thụ Ích (thôn 3 Nghĩa Trung cũ)**	
	Các lô tiếp giáp đường rộng trên 7m	1,20
	Các lô tiếp giáp đường rộng 5m -7m	1,20
19	**Khu dân cư tập trung thôn Phúc An (thôn 5 Nghĩa Trung)**	
	Các thửa đất tiếp giáp với đường giáp kênh Đại Tám	1,20
	Các lô đất quay hướng Nam	1,10
	Đường 7 m (Khu dân cư tập trung)	1,10
	Đường 9 m (Khu dân cư tập trung)	1,10
20	**Khu dân cư mới thôn Liễu Đề (Thôn 1 Liễu Đề Khu nội thị bến xe cũ)**	
	Đường 7m	1,20
	Đường 9m	1,20
21	**Khu dân cư mới thôn Liễu Đề (Thôn 2;3 Liễu Đề, Khu nội thị và khu tập thể Năng khiếu cũ)**	
	Đường 7m	1,20
	Đường 9m	1,20
22	**Đường tránh Quốc lộ 37B (xã Nghĩa Trung cũ)**	1,00
23	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt ≥ 5m	1,10
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m đến 5m	1,10
	Đường có chiều rộng mặt cắt ≤ 3m	1,10
24	**Khu tái định cư và khu dân cư tập trung tại Thôn Liễu Đề**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Các lô đất có hướng mặt tiền quay phía Tây	1,20
	Các lô đất có hướng mặt tiền quay phía Nam	1,20
	Các lô đất có hướng mặt tiền quay phía Đông	1,20

20. Xã Nghĩa Sơn

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường tỉnh 490C (đường 55 cũ):**	
	Từ cầu Đại Tám đến đường vào Đại Đê	1,00
	Từ đường vào Đại đê đến bắc cầu Quần Liêu	1,00
	Từ nam cầu Quần Liêu đến hết nghĩa trang liệt sỹ	1,00
	Từ nghĩa trang liệt sỹ đến cống đò Mười	1,00
	Từ cống đò Mười đến ngã ba Lạc Đạo	1,00
	Từ ngã 3 Lạc Đạo cũ đến giáp xã Nghĩa Phong	1,00
2	**Đường tỉnh 488C**	
	Từ ngã ba đường tỉnh lộ 490C đến hết trạm Viễn thông (đường mới)	1,00
	Từ giáp trạm Viễn Thông đến giáp ranh xã Hồng Phong	1,00
3	**Đường trục phát triển vùng kinh tế biển: Đoạn từ giáp ranh xã Nghĩa Hưng đến đường tỉnh 490C**	1,00
4	**Đường xã**	
	Từ ngã ba đò Mười đến sông Đáy	1,00
	Từ giáp ranh xã Nghĩa Hưng đến giáp trạm điện Quần Liêu	1,00
	Từ trạm điện Quần Liêu đến Bơn Ngạn	1,00
	Đường đê Bắc	1,00
	Đường đê Nam	1,00
	Đường đê Hữu Ninh Cơ, Quần Khu	1,00
	Đường đê Tả Đáy	1,00
	Từ ngã ba Lạc Đạo đến hết trạm Viễn thông (đường tỉnh 488C)	1,00
	Đường Bắc sông Lạc Đạo	1,00
	Đường Bắc sông Đồng Liêu	1,00
5	**Khu tái định cư và khu dân cư tập trung thôn Bơn Ngạn (xóm 10)**	
	Đường D1	1,00
	Đường D2	1,00
	Đường: N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7	1,00
6	**Khu tái định cư và khu dân cư tập trung thôn Đò Mười (xóm 12)**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường D5	1,00
	Đường D1	1,00
	Đường: D2, D3, D4	1,00
	Đường N2	1,00
7	**Khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Nghĩa Sơn (xóm 5)**	
	Tiếp giáp đường tỉnh 490C	1,00
	Các thửa (lô) đất còn lại	1,00
8	**Đường trong Khu dân cư TT xã Nghĩa Lạc (Phía Đông trạm Viễn thông)**	
	Đường tiếp giáp đường 488C	2,00
	Đường còn lại	1,50
9	**Khu Tái định cư dự án Kênh nối Đáy**	
	Các thửa đất tiếp giáp đường tỉnh lộ 488C	1,00
	Các thửa đất còn lại	1,00
10	**Khu tái định cư và khu dân cư tập trung xóm Nguyên Lực**	
	Đường N1 (vị trí đường trục xã)	1,00
	Đường: D1, D2, D3, D4, D5	1,00
	Đường: N2, N3	1,00
11	**Khu tái định cư và khu dân cư tập trung (Phía Tây trạm Viễn thông)**	
	Các thửa đất tiếp giáp TL488C	1,00
	Các thửa (lô) đất còn lại	1,00
12	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

21. Xã Hồng Phong

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Tỉnh lộ 484B**	
	Từ chân cầu Thịnh Long đến giáp xã Quỹ Nhất	1,00
2	**Đường tỉnh 490**	
	Từ giáp xã Nghĩa Sơn đến giáp xã Quỹ Nhất	1,00
3	**Đường tỉnh 488C**	
	Từ giáp ranh xã Nghĩa Sơn đến cống Bá Chi.	1,00
	Từ cống Bá Chi đến cầu Nghĩa Phú	1,00
	Từ cầu Nghĩa Phú đến cầu Trắng	1,00
	Từ cầu Trắng đến cống Hồng Kỳ	1,00
	Từ Cống Hồng Kỳ đi Quỹ Nhất	1,00
4	**Đường Giây Nhất**	
	Từ cầu Nghĩa Phú đến giáp xã Quỹ Nhất	1,00
5	**Đường Phong Hồng Phú**	
	Từ Cổng làng Thành An đến Đường tỉnh 488C	1,00
	Từ cầu ông Kiểm đến hết xóm Quang Trung	1,00
	Đoạn từ giáp xóm Quang Trung đến giáp cống Hồng Kỳ	1,00
	Đoạn từ Cống Hồng Kỳ đến đê 56	1,00
6	**Đường trục xã:**	
	Đường từ đường tỉnh 490C qua phà Phú Lễ cũ đến cầu Thịnh Long	1,00
	Đường từ ngã tư Cây đa đội 13 qua UBND xã Hồng Phong đến đường Phong Bình	1,00
	Đoạn từ đường Giây Nhất đến đường tỉnh 490	1,00
	Đoạn từ đường tỉnh 490 đến Đường Phong Bình	1,00
	Đường Phong Bình: Đoạn từ Đường tỉnh 488C đến Tỉnh lộ 484B	1,00
	Từ ngã ba Giáp Nghĩa đến Cống Chợ	1,00
	Từ Cống Chợ đến nhà thờ Nam Phú	1,00
	Từ Cống Chợ đến Cầu Đen	1,00
	Từ Cống Chợ đến cầu Bình Hải II phía nam	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ cầu Bình Hải II phía nam đến đê 58	1,00
	Đường sông Bình Hải: từ Cầu trắng đến đường Phong Hồng Phú	1,00
	Từ Cầu Trắng đến giáp xã Quỹ Nhất	1,00
7	**Đường liên thôn:**	
	Đường từ cầu Âm Sa đến làng Thuần Hậu	1,00
	Đường từ cầu Âm Sa đi làng Chi Tây	1,00
8	**Khu dân cư tập trung Đội 9**	
	Đường hiện trạng 6m	1,00
9	**Khu tái định cư và khu dân cư tập trung đội 12**	
	Đường trục xã TX2	1,00
	Các thửa (lô) đất còn lại	1,00
10	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

22. Xã Quỹ Nhất

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 21B (đường bộ ven biển)**	
	Từ cầu Nghĩa Tân đến chùa Quỹ Nhất	1,00
	Từ giáp chùa Quỹ Nhất đến đê Đáy	1,00
2	**Đường tỉnh 490C (đường 55 cũ): (đường bộ ven biển)**	
	Từ hàng bà Mai đến chân cầu Thịnh Long	1,00
	Từ chân cầu Thịnh Long đến giáp Phòng khám đa khoa Nghĩa Hưng	1,00
	Từ Phòng khám đa khoa Nghĩa Hưng đến hết cây xăng Đức Long	1,00
	Từ cây xăng Đức Long đến giáp ranh xã Rạng Đông	1,00
3	**Tỉnh lộ 488C**	1,00
	Từ cầu ông Hà đến cầu ông Tịnh	1,00
	Từ cầu ông Tịnh đến QL 21B	1,00
4	**Đường trục phát triển vùng kinh tế biển Nam Định:** Đoạn từ Quốc lộ 21B (đường tỉnh 490C cũ) đến giáp Phúc Thắng	1,00
5	**Đường Giây Nhất:** Từ giáp xã Hồng Phong đến ĐT.490C	1,00
6	**Đường Phú Lợi**	
	Từ giáp đường 21B (cầu 36) đến giáp xã Hồng Phong phía bên Đông	1,00
	Từ giáp đường 21B (cầu 36) đến giáp xã Hồng Phong phía bên Tây	1,00
7	**Đường xã**	
	Đường từ giáp ĐT.490C đến cống ông Thuyên.	1,00
	Đường từ cống ông Thuyên đến cống Bình Hải 13	1,00
	Đường từ ĐT.490C đến chợ Nghĩa Thành	1,00
	Đường từ chợ Nghĩa Thành đến ranh xã Nghĩa Lâm	1,00
	Tuyến đường Hòa - Thành - Lợi	1,00
	Tuyến đường sông Phú Lợi (từ cầu Bình Lãng đến giáp rãnh xã Nghĩa Lâm)	1,00
	Đường từ cầu Nghĩa Tân đến giáp ranh xã Hồng Phong	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường từ cầu Nghĩa Tân đến giáp ranh xã Rạng Đông	1,00
	Đường từ QL 21B đến hết khu dân cư tập trung Quỹ Nhất	1,00
	Đường từ khu dân cư tập trung Quỹ Nhất đến cầu đá khu 7	1,00
	Đường từ cầu ông Tịnh đến đê Đáy	1,00
	Đường từ nhà ông Hà đến nghĩa trang Đông Thượng.	1,00
	Đường từ cầu ông Thiệp đến đê Đáy	1,00
	Đường từ nhà Ông Khanh đến đường Tống Cố	1,00
	Đường từ Đồng Mỹ đến làng Cầu Cổ	1,00
	Đường từ Ngân hàng Nông nghiệp (xóm Tràng Sinh) đến đường Hòa - Thành - Lợi (xóm Cầu Cổ)	1,00
8	**Khu dân cư tập trung Thiên Bình**	
	Đường N2	1,00
	Đường D1	1,00
	Đường: D2, D3, D4, N1, N3	1,00
	Đường D5 (các lô biệt thự)	1,00
	Các lô biệt thự giáp đường D4	1,00
9	**Khu dân cư tập trung Nghĩa Tân**	
	Đường N3 (các thửa đất tiếp giáp với đường bộ ven biển)	1,00
	Đường N1, N2, D1, D2	1,00
10	**Khu dân cư tập trung Quỹ Nhất**	
	Đoạn tiếp giáp với Đường từ QL 21B đến hết khu dân cư tập trung Quỹ Nhất	1,00
	Các thửa (lô) đất còn lại	1,00
11	**Khu dân cư tập trung (Nghĩa Thành cũ)**	
	Đường 5 m	1,00
12	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

23. Xã Rạng Đông

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường tỉnh 490C (đường 55 cũ) (đường bộ ven biển)**	
	Đoạn từ giáp ranh xã Quỹ Nhất đến cầu Bình Lãng	1,00
	Đoạn từ cầu Bình Lãng đến cầu Đông Bình	1,00
	Đoạn từ cầu Đông Bình đến ngã tư Đông Bình	1,00
	Từ ngã tư Đông Bình đến đường vào khu 10 (Nhà Dũng Huyền)	1,00
	Từ đường vào khu 10 (nhà Dũng Huyền) đến hết Cty Đức Long	1,00
	Từ giáp công ty Đức Long đến cầu Trắng	1,00
	Từ cầu Trắng đến ngã tư chợ Nam Điền	1,00
2	**Đường tỉnh lộ 490C kéo dài:**	
	Từ giáp thị trấn Rạng Đông (Ngã tư chợ Nam Điền) đến ngã tư Cồn Xanh	1,00
3	**Đường tỉnh 488C**	
	Từ cống Đen đến giáp ranh xã Nghĩa Lâm (Đê 30-31)	1,00
4	**Đường trục phát triển kinh tế biển:** Thuộc địa phận xã Rạng Đông	1,00
5	**Đường trục xã**	
	Từ chợ Nam Điền đến hết bưu điện Văn hóa xã	1,00
	Từ Bưu điện xã đi qua UBND xã đến đường trục O1, O2	1,00
	Từ chợ Nam Điền đến hết Ô 1	1,00
	Từ Ô 2 đến giáp đê Đáy	1,00
	Từ ngã tư Đông Bình đến hạt Kiểm Lâm	1,00
	Từ Trạm kiểm Lâm đến Trạm Hải Đăng	1,00
	Từ cống Đen đến cống Tiền phong (đê Đáy Nam Tiền Phong)	1,00
	Từ ông Quang đến giáp ranh xã Quỹ Nhất	1,00
	Tuyến từ chợ Bình Lãng đến UBND xã Phúc Thắng (Cũ)	1,00
	Tuyến UBND xã Phúc Thắng (Cũ) đến cầu Quần Vinh 1	1,00
	Đường Bắc sông Quần Vinh II	1,00
	Đường trục nhà thờ Quần Vinh	1,00
	Đường trục xã (Đường cứu hộ cứu nạn)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
6	**Đường nội thị**	
	Đoạn bắc sông Tiền Phong: từ khu 5 đến khu 8	1,00
	Từ cống Trung tâm đến Trạm y tế	1,00
7	**Khu dân cư tập trung Phúc Thắng**	
	Đường Nội thị D1	1,00
	Đường nội thị N1	1,00
	Đường nội thị D2	1,00
	Đường nội thị còn lại	1,00
8	**Khu dân cư tập trung mới Đông Bình**	
	Đường Nội thị D1	1,00
	Đường nội thị N1	1,00
	Đường nội thị D2	1,00
	Đường nội thị còn lại	1,00
9	**Các đường, đoạn đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

24. Xã Cát Thành

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 21**	
	Đoạn từ giáp xã Ninh Giang đến giáp chân cầu Lạc Quần	1,00
2	**Tỉnh lộ 488B**	
	Đoạn từ giáp xã Cổ Lễ đến Cống Chéo Trực Ninh	1,00
3	**Đường 488B cũ**	
	Đoạn từ cầu nghĩa trang liệt sĩ Trực Đạo đến giáp xã Trực Ninh	1,00
4	**Đường tỉnh lộ 488B (Đường 53 A cũ):**	
	Đoạn từ giáp xã Cổ Lễ đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	1,00
	Đoạn từ Bưu cục Trực Cát đến Ngã 3 Trực Cát	1,00
	Đoạn từ giáp xã Ninh Giang đến giáp xã Cổ Lễ	1,00
5	**Đường tỉnh lộ 488B (Đường 53 B cũ):**	
	Đoạn từ ngã 3 đi Trực Đạo đến ngã 3 vào nghĩa trang nhân dân Trực Đạo (thôn Đại Việt)	1,00
6	**Đường Tỉnh lộ 487C**	
	Đoạn từ giáp xã Nam Ninh đến Nghĩa trang liệt sĩ Trực Đạo	1,00
	Đoạn từ cầu nghĩa trang liệt sĩ Trực Đạo đến Ngã 3 Trực Cát đến cống Cát Chử	1,00
7	**Đường Huyện lộ: Đường 53C**	
	Đoạn từ tỉnh lộ 488B đến giáp đê sông Ninh Cơ	1,00
8	**Đường trục xã, liên xã**	
	Đoạn từ ngã 3 chợ Giá đến ngã 3 thôn Đại Việt	1,00
	Đoạn từ cầu Chợ Gía đến cầu Chợ Sở	1,00
	Đoạn từ đường Nam Ninh Hải nối đến đường tỉnh lộ 488B	1,00
	Đoạn từ ngã 3 thôn Đại Việt đến ngã 3 nhà ông Yên thôn Bắc Sơn 1	1,00
	Đoạn từ ngã 3 thôn Đại Việt đến giáp xã Cổ Lễ	1,00
	Đoạn từ Trạm xá đến giáp xã Cổ Lễ	1,00
	Đoạn từ cầu Chợ Giá đến đê hữu sông Ninh Cơ	1,00
	Đoạn từ chợ Sở đến đường tỉnh lộ 488B	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
9	**Đường trục xã:**	
	Đoạn từ Thôn Bắc Sơn 2 đến tỉnh lộ 488	1,00
	Đoạn từ tỉnh lộ 488 đến thôn Nam	1,00
	Từ chợ Quần Lạc đến cầu miếu thôn Trung Thành	1,00
	Cầu miếu thôn Trung Thành đến Văn phòng HTX Trực Bình	1,00
	Đoạn từ chân cầu Lạc Quần đến bến phà cũ	1,00
	Đoạn từ TĐC thôn Bắc Hà đến tỉnh lộ 488B	1,00
10	**Đường trục thị trấn:**	
	Đoạn từ cầu cơ khí thôn Bắc Đại 2 đến cầu huyện ủy	1,00
	Đoạn từ cầu Huyện ủy đến cầu Chăn Nuôi	1,00
	Đoạn từ cầu Chăn Nuôi đến HTX sản xuất nông nghiệp Trực Thành	1,00
	Đoạn từ HTX sản xuất nông nghiệp Trực Thành đến đê Đại Hà	1,00
	Đoạn từ cầu cơ khí thôn Bắc Đại 2-cống Phú An 6-NVH thôn Tam Thắng	1,00
	Đoạn từ cầu Chăn Nuôi đến đê Đại Hà (thôn Tam Thắng)	1,00
11	**Đường nội thị:**	
	Đường nội thị xã Cát Thành	1,00
12	**Khu đô thị thị trấn Cát Thành**	
	Đường D1	1,00
	Đường D2, D4, D5, N2	1,00
	Đường N1, N3	1,00
13	**Khu dân cư tập trung (xã Việt Hùng cũ)**	
	Đường N1, N2	1,00
	Đường D1	1,00
	Đường D2	1,00
14	**Khu dân cư tập trung và TĐC xóm 9**	
	Đường D1, D2	1,00
	Đường N1	1,00
	Đường N2, N3, N4, N5	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
15	**Khu dân cư tập trung và TĐC xóm Nam**	
	Đường D3	1,00
	Đường N1, N3	1,00
	Đường N2, N4, D2	1,00
16	**Khu dân cư tập trung xóm Đoài 2**	
	Đường N1	1,00
	Đường N2	1,00
17	**Khu dân cư tập trung thôn Thanh Bình**	
	Đường N1	1,00
	Đường N2	1,00
	Đường N3	1,00
	Đường D1	1,00
	Đường D2	1,00
	Đường D3	1,00
18	**Khu TĐC phân tán Đồng Giá**	1,00
19	**Khu TĐC phân tán Đồng Đa, thôn Bắc Hà**	1,00
20	**Các đường, đoạn đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00
21	**Khu TĐC phân tán khu vực Nam Cựu (Thôn Lương Hàn)**	1,00
22	**Khu TĐC phân tán từ cầu Phượng Tường đến cầu Ông Khoát (Thôn Lương Hàn)**	1,00
23	**Khu TĐC và dân cư từ đường Nam Định Lạc Quần đi ven biển đến Ngã tư trường học thôn Lương Hàn**	1,00

25. Xã Cổ Lễ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 21**	
	Từ cầu Cổ Lễ (cổng chào xã Cổ Lễ) đến phía bắc đường vào Bệnh viện Đa khoa Trực Ninh	1,00
	Từ phía nam đường vào Bệnh viện Đa khoa Trực Ninh đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 20 thôn Đình Cựu	1,00
	Từ giáp thửa đất số 01, tờ bản đồ số 20, thôn Đình Cựu đến cầu Vô Tình	1,00
2	**Tỉnh lộ 487: (Đường Đen cũ)**	
	Đoạn từ cầu Điện Biên đến cầu chợ Lao	1,00
3	**Tỉnh lộ 487: (Đường Đen cũ)**	
	Từ đường Quốc lộ 21 đến đường Hữu Nghị	1,20
	Từ thửa đất số 308, tờ bản đồ số 14 đến giáp xã Ninh Giang	1,20
4	**Tỉnh lộ 488B cũ**	
	Đoạn từ cầu Trắng đi Ngặt Kéo đến giáp xã Ninh Giang	1,00
	Đoạn từ cầu chợ Quần Lạc, thửa 2557, tờ bản đồ 52, thổ ông Bình đến hết thửa 2423, tờ bản đồ số 52	1,00
	Đoạn từ thửa đất số 2398, tờ bản đồ 52 giáp thôn Bắc Đại, xã Cát Thành đến cầu Cao	1,00
5	**Tỉnh lộ 488B**	
	Đoạn từ Quốc lộ 21 đến giáp đất xã Cát Thành	1,00
6	**Đường liên xã (1 bên là đường nội thị thị trấn Cát Thành, 1 bên Trực Tuấn)**	
	Đoạn từ cầu mới đến Đền thôn Nam	1,00
7	**Đường trục xã, liên xã:**	
	Đoạn từ cầu ông Đức đến cầu Cao	1,00
	Đoạn từ đập Bảo tàng đến Cầu đá đi thôn Quần Lương	1,00
	Đoạn từ giáp Tỉnh Lộ 488B đến cầu ông Tung	1,00
	Đoạn từ Bưu điện đến cầu Đình	1,00
	Đoạn từ cầu ông Bảo đến giáp xã Cát Thành	1,00
	Đoạn Từ giáp Khu dân cư thôn Nam Lạng đến cầu ông Phách	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ nhà ông Đức đến hết nhà ông Xá	1,10
	Đường mới từ ngã 3 giao với đường tỉnh 488B đến cầu mới (giao giữa đường nội thị và đường trục xã Trực Tuấn)	1,10
8	**Đường trục thị trấn: Đường Hữu Nghị**	
	Từ ngã 5 đến đường tỉnh lộ 487	1,00
	Từ đường tỉnh lộ 487 đến kênh Hải Ninh 18 (sông Nghĩa Lộc)	1,00
	Từ kênh Hải Ninh 18 (sông Nghĩa Lộc) đến giao Quốc lộ 21	1,00
9	**Đường trục xã:**	
	Khu trung tâm từ giáp Tỉnh lộ 487, đường đen đến giáp Tỉnh lộ 488B mới	1,00
	Từ Tỉnh lộ 488B mới đến cầu Trắng	1,00
10	**Đường vào bệnh viện Đa khoa Trực Ninh**	
	Đoạn từ đường Quốc lộ 21 đến cổng bệnh viện Đa khoa Trực Ninh	1,00
11	**Các đường xương cá và đường khu ngoại thị:**	
	Từ đường Quốc lộ 21 đến đường Hữu Nghị (cổng chợ chính)	1,00
	Từ đường Quốc lộ 21 đến đường Hữu Nghị (cổng chợ trên)	1,00
	Đường Trung tâm xã phía Tây sông Cổ Lễ (từ cầu vào chùa Cổ Lễ) đến giáp Đền Liệt sỹ Trực Ninh	1,00
	Đường La Văn Cầu (từ QL21) đến đất sân vận động	1,00
	Đường Phạm Quang Tuyên (từ QL21) đến giáp sân vận động	1,00
	Đường Thích Thế Long (từ QL21) đến giáp sân vận động	1,00
	Các đường xương cá còn lại trong khu A1 + A2	1,00
12	**Đường bờ sông Cát Chử**	
	Đoạn từ giáp Đền Liệt sỹ Trực Ninh đến Tỉnh lộ 488B (mới)	1,50
	Đoạn từ Tỉnh lộ 488B (mới) đến cầu Lò Vôi	1,40

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
13	**Đường thôn Đông Thượng**	
	Đoạn từ Đền Thượng đến tỉnh lộ 487	1,00
	Đoạn từ Miếu xóm đến tỉnh lộ 487	1,00
14	Đường thôn Đông Hạ (từ cầu Đông đến cổng trường học)	1,00
15	Đường thôn Trung Đông (từ UBND xã Trung Đông cũ) đến bờ sông Cát Chử	1,00
16	**Khu đô thị Cổ Lễ**	
	Đường trục chính khu đô thị (đường đôi 28m)	1,00
	Đường xương cá còn lại	1,00
17	**Khu dân cư tập trung và TĐC thôn Nam Lạng Đông**	
	Đường N1	1,00
	Đường N2, N3	1,00
18	**Khu dân cư tập trung và TĐC thôn Văn Lãng Nam**	
	Đường D1	1,00
	Đường D2, N2, N3	1,00
	Đường N1	1,00
19	**Khu dân cư thôn Nam Lạng Đông**	
	+ Vị trí các lô mặt hướng Nam	1,00
	+ Vị trí các lô mặt hướng Tây	1,00
	+ Vị trí các lô mặt đường trục giữa	1,00
20	**Khu dân cư thôn Thượng Đồng Văn**	
	+ Vị trí các lô mặt hướng Nam	1,00
	+ Vị trí các lô mặt hướng Tây	1,00
21	**Khu dân cư thôn Thượng Đồng (bốt điện)**	
	+ Vị trí các lô mặt quay đường trục xã	1,00
	+ Vị trí các lô bên trong	1,00
22	**Khu dân cư thôn Thượng Đồng (trước Ngừng)**	
	+ Vị trí các lô mặt hướng Nam	1,00
	+ Vị trí các lô mặt hướng Tây	1,00
23	**Điểm TĐC phân tán xóm Minh Đức 1**	1,00
24	**Điểm TĐC phân tán xóm Minh Đức 2**	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
25	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00
26	**Đường Nam Định - Lạc Quần - Đường bộ ven biển**	
	Đoạn từ giáp xã Nam Ninh đến giáp đất xã Cát Thành	1,00

26. Xã Minh Thái

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 37B**	
	Đoạn từ giáp xã Hải Anh đến nhà ông Ngọc thôn Cát Trung	1,10
	Đoạn từ giáp nhà ông Ngọc thôn Cát Trung đến giáp Quốc lộ 21B	1,10
	Đoạn từ giáp Quốc lộ 21B đến đường vào đền Trần	1,10
	Đoạn từ giáp đường vào đền Trần đến giáp xã Ninh Cường	1,10
2	**Quốc lộ 21B**	
	Đoạn từ phà Đại Nội đến cầu ông Nghè thôn Quần Cát	1,00
	Đoạn từ cầu ông Nghè thôn Quần Cát đến cống ông Tơn	1,20
	Đoạn từ cống ông Tơn đến giáp xã Hải An	1,20
3	**Đường Nam Ninh Hải**	
	Đoạn từ UBND xã đến trường THCS Trực Đại	1,20
	Đoạn từ giáp trường THCS Trực Đại đến cầu Múc II	1,20
	Đoạn từ cầu Múc II đến cống Thốp	1,20
4	**Đường Hùng Thắng**	
	Đoạn từ giáp xã Ninh Cường đến cầu Tuân Chử thôn Vạn Thắng	1,20
5	**Đường Vạn Phú**	
	Đoạn từ nhà ông Quảng thôn Cát Hạ đến hết nghĩa trang nhân dân thôn Cát Hạ	1,20
	Đoạn từ nghĩa trang nhân dân thôn Cát Hạ đến nhà ông Thuận thôn Hùng Thắng	1,20
	Đoạn từ nhà ông Đức thôn Hùng Thắng đến nhà ông Tuấn thôn Phúc Thắng	1,20
	Đoạn từ nhà ông Thanh thôn Quyết Thắng đến giáp xã Hải An	1,20
6	**Đường trục xã**	
	Đoạn từ cầu sông Múc II thôn Ninh Quý đến Trạm biến áp 110 Trực Đại	1,20
	Đoạn từ giáp Trạm biến áp 110 Trực Đại đến cầu thôn Đức Nho	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ cầu thôn Đức Nho đến cầu thôn Tân Phú	1,20
	Đoạn từ cầu thôn Tân Phú đến giáp đường Hùng Thắng	1,20
7	**Đường liên thôn**	
	Đoạn từ trường tiểu học Trực Thắng đến Quốc lộ 21B	1,20
	Đoạn từ nhà ông Hùng thôn Trung Cường đến Quốc lộ 21B	1,20
	Đoạn từ cầu khu A đến nhà ông Tô thôn Trung Khuân	1,20
	Đoạn từ cầu khu B đến nhà ông Rụng thôn Cường Trung	1,00
	Đoạn từ cầu khu B đến đường Quốc lộ 21B	1,20
	Đoạn từ cầu bà Cự đến nhà ông Định thôn Minh Quang	1,20
8	**Đường phía Nam sông cấp II, từ đường Vạn Phú đến giáp sông 12**	
	Đoạn từ đường Vạn Phú đến nhà văn hóa thôn Cát Trung	1,20
	Đoạn từ giáp nhà văn hóa thôn Cát Trung đến giáp sông 12	1,20
9	**Khu dân cư tập trung**	
	Đường D1	1,20
	Đường N1, N2, N3, N4, N5	1,20
	Đường D2, D3	1,20
10	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,20
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,20
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,20

27. Xã Ninh Cường

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 37B (Đường 56 cũ)**	
	Đoạn từ cầu phao Ninh Cường đến đê sông Ninh Cơ	1,30
	Đoạn từ giáp đê sông Ninh Cơ: Phía Bắc đường đến cổng giữa vào giáo xứ Ninh Cường; Phía Nam đường đến đường dong vào nhà văn hóa thôn Đạo Đường	1,40
	Phía Bắc đường: Đoạn từ cổng giữa vào giáo xứ Ninh Cường đến cổng vào Trường cấp I thị trấn Ninh Cường cũ; Phía Nam đường: Đoạn từ đường dong vào nhà văn hóa thôn Đạo Đường đến đường dong thôn Bắc Trung Nam.	1,30
	Phía Bắc đường: Đoạn từ cổng vào Trường cấp I thị trấn Ninh Cường cũ đến sông Kính Danh thôn Thám Nghĩa; Phía Nam đường: Đoạn từ đường dong thôn Bắc Trung Nam đến sông Kính Danh thôn Thám Nghĩa	1,30
	Đoạn từ sông Kính Danh xóm Thám Nghĩa đến giáp xã Trực Thái	1,30
2	**Đường Hùng Thắng**	1,00
3	**Đường Nam Sông Sẻ**	1,00
4	**Đường trục xã, liên xã:**	
	Đoạn từ QL 37B (Đường 56 cũ) đến hết cổng trạm xá khu A thị trấn Ninh Cường cũ	1,00
	Đoạn từ cổng trạm xá khu A thị trấn Ninh Cường cũ đến hết Văn phòng HTX Tây Đường	1,00
	Đoạn từ giáp Văn phòng HTX Tây Đường đến đường Hùng Thắng	1,00
	Đoạn từ giáp đê sông Ninh Cơ đến nhà ông Trung thôn Tân Ninh	1,00
	Đoạn từ giáp Văn phòng HTX Tây Đường đến đập Phú Hùng	1,00
	Phía Đông đoạn từ cống bà Loan đến cống ông Tạc (thôn Tây Đường)	1,00
	Phía Đông đoạn từ cống ông Tạc đến cống Nam Đường	1,00
	Đoạn từ giáp đê sông Ninh Cơ đến cổng giữa vào giáo xứ Ninh Cường	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường Tây sông Dầm: đoạn từ đê sông Ninh Cơ đến cống Trực Phú	1,00
5	**Đường trục xã:**	
	Đoạn từ Quốc lộ 37B (Đường 56 cũ) đến hết trụ sở UBND xã Trực Hùng cũ	1,40
	Đoạn từ giáp trụ sở UBND xã Trực Hùng cũ đến cầu Tân Lý	1,00
	Đoạn từ cầu Tân Lý đến giáp xã Hải An	1,00
	Đoạn từ cống ông San thôn Đồng Thái đến ngõ ông Vĩnh thôn An Khang	1,00
	Đoạn từ ngõ ông Vĩnh thôn An Khang đến cầu sông Sẻ	1,00
	Đoạn từ giáp xã Trực Đại đến cống ông San thôn Đồng Thái	1,00
	Đoạn từ cầu sông Sẻ đến đường Hùng Thắng	1,00
6	**Khu dân cư tập trung xã Trực Hùng**	
	Đường D1, D2, D3, D4, D5	1,00
	Đường N1, N2, N3	1,00
7	**Khu dân cư tập trung và TĐC xóm Lác Môn 3**	
	Đường D1	1,20
	Đường D3	1,20
	Đường N1, N2, N3, N4	1,20
	Các lô biệt thự đường D2, N2, N3	1,20
8	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

28. Xã Ninh Giang

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 21**	
	Đoạn từ cầu Vô Tình đến hết bưu cục Ngặt Kéo	1,00
	Từ bưu cục Ngặt Kéo đến dốc ông Hồi (đường vào thôn Thần Lộ+vào trạm y tế)	1,00
	dốc ông Hồi (đường vào thôn Thần Lộ+vào trạm y tế) đến giáp xã Cát Thành	1,00
2	**Đường Tỉnh lộ 488B (Đường 53A cũ)**	
	Đoạn từ ngã 3 Ngặt kéo đến giáp xã Cổ Lễ	1,00
	Đoạn từ giáp xã Cổ Lễ đến Cầu Chợ mới	1,00
	Đoạn từ Cầu Chợ mới đến đường huyện lộ 53C đi xã Cát Thành	1,00
	Đoạn từ đường Quốc lộ 21 đến tỉnh lộ 488B	1,00
3	**Đường tỉnh lộ 484** (Đường Nam Định - Lạc Quần - đường bộ ven biển đoạn qua xã Ninh Giang)	1,00
4	**Tỉnh lộ 487 (Đường Đen cũ)**	
	Đoạn từ giáp xã Cổ Lễ đến ngã tư đường Trực Chính - Phương Định	1,00
	Đoạn từ ngã tư đường Trực Chính - Phương Định đến cầu Thống Nhất	1,00
	Đoạn từ cầu Thống Nhất đến đê Đại Hà	1,00
5	**Đường Huyện lộ:**	
	Đường Vô Tình Văn Lai	1,00
	Đường 53C	1,00
6	**Đường trục xã: (Đường Trực Chính - Phương Định)**	
	Đoạn từ chợ mới đến đường vào Trạm Y tế xã	1,00
	Đoạn từ giáp đường vào Trạm Y tế xã đến giáp xã Phương Định	1,00
	Đoạn từ ngã tư đến Vành Lược	1,00
	Đoạn từ Vành Lược đến đê Đại Hà	1,00
7	**Đường trục xã (xã Phương Định cũ)**	
	Đoạn từ chùa Phú Ninh đến giáp xã Trực Chính cũ	1,00
	Đoạn từ cầu UBND xã cũ đến nghĩa trang liệt sỹ	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ cầu UBND xã cũ đến cầu sang thôn Phú Ninh (Ao cá Bác Hồ)	1,00
	Đoạn từ cầu ông Hỗ đến dốc đê Đại Hà	1,00
8	**Đường trục xã (xã Liêm Hải cũ)**	
	Đoạn từ chợ Đường đến giáp thôn Lộ Xuyên 1	1,00
	Đoạn từ sau khu dân cư giáp đường Quốc lộ 21 đến sau khu dân cư đường tỉnh lộ 488B	1,00
9	**Đường liên thôn, liên xóm**	1,00
	Đoạn từ Chợ Sồng đến hết thôn An Trong	1,00
	Đoạn từ An Bình đến An Định	1,00
	Đoạn từ An Ninh đến An Vinh	1,00
	Đoạn Từ Cầu Sành đến dốc đê ông Cong	1,00
10	**Đường chợ Phương Định**	1,00
11	**Khu Dân cư tập trung và TĐC thôn Lịch Đông**	
	Đường D1, N1	1,00
	Đường N2	1,00
12	**Điểm TĐC phân tán khu Quang Châu**	1,00
13	**Điểm TĐC phân tán xóm Mỹ Lang**	1,00
14	**Điểm TĐC phân tán khu Cánh Buồm**	1,00
15	**Điểm TĐC phân tán thôn Hải Lộ Cự 2**	1,00
16	**Vùng dân cư 1 (xã Trực Chính cũ, Phương Định cũ, Liêm Hải cũ)**	
	Đất dãy 2 Đồng Sồng	1,00
	Khu dân cư Phương Định, xã Ninh Giang	1,20
17	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

29. Xã Quang Hưng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường Tỉnh lộ 488B**	
	Đoạn từ giáp Tỉnh lộ 490C đến giáp xã Trực Ninh	1,10
2	**Đường Nam sông Thống Nhất (Đường nam Tỉnh lộ 488B)**	
	Từ Sông Rõng đến Giáp xã Trực Ninh (xã Trực Hưng cũ)	1,00
3	**Tỉnh lộ 490C (Đường 55 cũ)**	
	Đoạn từ cầu Tây: Phía Đông đường đến chùa Lễ Tích	1,10
	Phía Tây đường đến giáp nhà ông Tuấn thôn Nam Thọ	1,10
	Phía Đông đường đoạn từ nhà ông Ban thôn Nam Thọ đến hết chùa Hạnh Phúc; Phía Tây đường đoạn từ nhà ông Tuấn thôn Nam Thọ đến hết nhà ông Hiếu thôn Nam Thọ (giáp huyện Nghĩa Hưng)	1,10
	Đoạn từ giáp chùa Lễ Tích dến giáp xã Nghĩa Hưng	1,10
4	**Các đường trục xã, liên xã:**	
	Đoạn từ nhà ông Quyết thôn 2 Lạc Chính đến giáp xã Trực Thuận	1,00
	Đoạn từ nhà ông Độ thôn 1 Lạc Chính đến hết nhà ông Tỉnh thôn 2 Lạc Chính	1,00
	Đoạn từ nhà ông Phức thôn 1 Lạc Chính đến hết nhà ông Bồi thôn 2 Lạc Chính (đường Đông)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Phức thôn 1 Lạc Chính đến hết nhà ông Bồi thôn 2 Lạc Chính (đường Tây)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thụ thôn 3 Nam Trực đến hết nhà ông Nha thôn 6 Phụ Nghiêm (Miếu) (đường Đông)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thụ thôn 3 Nam Trực đến hết nhà ông Nha thôn 6 Phụ Nghiêm (Miếu) (đường Tây)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thảo thôn 5 Thái Bình đến hết nhà ông Khiên thôn 5 Thái Bình	1,00
	Đường ngang từ nhà ông Thanh thôn 2 Lạc Chính đến nhà ông Lý thôn 5 Thái Bình	1,00
5	**Các đường trục xã**	
	Đoạn từ giáp Tỉnh lộ 490C (nhà bà Đức) đến cống nhà ông Nâu	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ tiếp giáp đường 488B đến đê sông Ninh Cơ	1,00
6	**Đường liên xã**	
	Đoạn từ giáp xã Trực Ninh đến đê sông Ninh Cơ	1,00
7	**Đường liên thôn Nam Mỹ Hưng Nhân:**	1,00
8	**Đường phía Đông trường Mầm non - Vùng dân cư thôn 3 Nam Trực**	1,00
9	**Đường liên xã**	
	Từ cống ông Thao đến cầu Sắt 2	1,00
10	**Đường liên xã**	
	Đoạn từ tiếp giáp xã Trực Ninh đến cầu Trung Lý	1,00
11	**Khu dân cư tập trung và TĐC xóm 7**	
	Đường D3, D4, D5, D6	1,00
	Đường N1, N2, N3	1,00
	Đường N2 (Biệt thự)	1,00
12	**Điểm TĐC phân tán thôn 4 Nam Trực**	1,00
13	**Điểm tái định cư (xã Trực Mỹ cũ)**	
	Điểm TĐC thôn Hưng Mỹ 1 Khu Đoài Biên	1,00
	Điểm TĐC thôn Hưng Mỹ 2 Khu Bốt Điện	1,00
	Điểm TĐC thôn Hưng Mỹ 3 Khu Đông Nhà Thờ	1,00
	Điểm TĐC thôn Hưng Mỹ 4, 5 Khu trục đường CP21	1,00
14	**Điểm tái định cư (xã Trực Thuận cũ)**	
	Điểm TĐC trạm y tế thôn Tân Khang	1,00
	Điểm TĐC thôn Đông Hạ	1,00
15	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,10
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,10
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,10

30. Xã Trực Ninh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 21B**	
	Đoạn từ cầu Nam Hải 2 đến hết cống Cao	1,00
	Đoạn từ giáp cống Cao đến hết đất nhà bà Huê thôn Thái Lãng	1,20
	Đoạn từ giáp đất nhà Bà Huê thôn Thái Lãng đến bến phà Đại Nội	1,00
2	**Tỉnh lộ: Đường 488B**	
	Đoạn từ giáp xã Cát Thành đến cầu Trắng	1,30
	Đoạn từ cầu Trắng đến cây xăng Trực Nội	1,10
	Đoạn từ cây xăng Trực Nội đến Trường Tiểu học Trực Nội	1,00
	Đoạn từ giáp cầu Đen đến nhà ông Thử	1,20
	Đoạn từ nhà ông Thử đến Trụ sở HTX nông nghiệp	1,30
	Đoạn từ Trụ sở HTX nông nghiệp đến giáp xã Quang Hưng	1,40
3	**Đường Nam Ninh Hải**	
	Đoạn từ Ngã ba cống chéo đến ngã ba sông Ninh Cơ	1,40
4	**Đường trục xã:**	
	Đoạn từ cầu Dài đến cống Vụ Tây	1,30
	Đoạn từ cầu Trắng đến đò Giá	1,30
	Đoạn từ đường ngã ba làng Bằng Trang đến cầu Đá	1,30
	Từ điểm giao QL 21B đến Cống Nam Tân	1,30
	Điểm đầu tỉnh lộ 488B đến hết Trường cấp II	1,00
	Đoạn từ giáp Trường cấp II đến cầu Cự Phú	1,00
	Từ cầu Thái Hưng đến chợ Đền	1,00
	Đoạn từ chợ Đền đến chợ quỹ Đê (xã Quang Hưng)	1,00
	Đoạn từ cầu Nam Hải 2 đến cầu Thiệu	1,00
	Đoạn giao QL 21B đến giáp Nam Hải	1,00
5	**Đường nam sông Thống Nhất (đường Nam Tỉnh lộ 488B)**	1,30
7	**Đường liên xóm:**	
	Đoạn từ NVH xóm Hùng Tiến đến cầu ông Điền	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
8	**Đường Hưng Mỹ**	
	Đoạn từ cầu Gạo đến giáp xã Quang Hưng	1,10
9	**Khu dân cư tập trung xã Trực Nội**	
	Đường D1	1,00
	Đường D2	1,00
10	**Điểm Tái định cư**	
	Điểm TĐC phân tán thôn Thái Lãng	
	- Đường N1	*1,00*
	- Đường N2	*1,00*
	Điểm TĐC phân tán thôn Thái Lãng 1	1,00
	Điểm TĐC phân tán thôn Thái Lãng 2	1,00
	Điểm TĐC phân tán thôn Thái Lãng 3	1,00
	Điểm TĐC phân tán thôn Thái Lãng 4	1,00
	Điểm TĐC phân tán thôn Dương Thiện	1,00
	Điểm TĐC phân tán xóm Bằng Trang	1,00
	Điểm TĐC thôn Quỹ Trại	1,00
	Điểm TĐC đường Hưng Mỹ	1,00
11	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,50
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,50
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,40

31. Xã Xuân Trường

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 21**	
	Từ chân cầu Lạc Quần đến giáp xã Hải Hưng - Ninh Bình	1,00
2	**Đường tỉnh 489**	
	Đoạn từ cống Trung Linh đến hết nhà ông Chính	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thụ đến hết nhà ông Hưng	1,00
	Đoạn qua thôn Liên Thượng	1,00
	Từ giáp ngã ba Xuân Bảng đến cống Trung Linh	1,00
	Từ nhà ông Quy đến cống Đầm Sen	1,00
	Từ cống Đầm Sen đến nhà bà Hồng thôn 37 (ngã ba cầu Chéo)	1,00
	Từ cầu Chéo đến cầu Kiểm	1,00
3	**Đường tỉnh 489 B**	
	Từ chân cầu Lạc Quần đến giáp Công ty cổ phần 27-7	1,00
	Từ Công ty Cổ phần 27-7 đến Ngã tư Hải Vân	1,00
	Từ giáp Thôn 20 đến cống Bắc Câu	1,00
	Từ nhà ông Đúc đến hết nhà ông Thọ	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thục đến nhà ông Cư	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thục đến nhà ông Chương	1,00
4	**Đường tỉnh 489 C**	
	Từ Công ty Vũ Hoàng Lê đến giáp xã Xuân Giang	1,00
	Từ địa phận thôn 1 đến bến xe Tấn Hưng	1,00
	Đoạn từ sông Kiên Ninh đến hết Thôn 19	1,00
	Đoạn từ vòng xuyến đến Thôn 15	1,00
	Từ địa phận thôn 19 đến địa phận thôn 1	1,00
5	**Đường nhánh 489 C**	
	Đoạn từ giáp xã Xuân Tiến cũ đến giáp xã Xuân Vinh cũ	1,00
6	**Đường 32 m**	
	Từ Công ty Hồng Việt đến cầu Lạc Quần (2 bên đường)	1,00
7	**Đường trục xã, liên xã**	
	Đoạn từ ngã ba phố Bùi Chu (Phatima) đến cầu UBND xã (Cầu bà Tước)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ cầu UBND xã (cầu bà Tước) đến hết núi đá Nhà thờ Bùi Chu	1,00
	Từ cầu Xuân Bắc đến hết BV Đa khoa Xuân Trường (đường Bắc Phong Đài)	1,00
	Đoạn từ đường Họ Phạm (thôn 14) đến cầu Bà Bình (Thôn 12)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Đệ (thôn 9) đến cầu Trường Mầm non Xuân Tiến	1,00
	Đoạn từ nhà ông Châu (thôn 9) đến hết nhà ông Chiên (thôn 12)	1,00
	Đoạn từ ông Hà (thôn 15) đến hết nhà ông Liệu (thôn 12)	1,00
	Đoạn từ cầu Thôn 15 đến hết thôn 19 (cả hai bên sông)	1,00
	Đoạn từ cổng xóm đến hết Miếu Bà thôn 19	1,00
	Đoạn từ trường THCS xã đến phía Bắc cầu Cả	1,00
	Đoạn từ phía Nam cầu Cả đến cầu Thôn 15	1,00
	Đoạn từ đường 32 đến trường THCS xã	1,00
	Đoạn từ ngã tư vườn vắng đến giáp nhà bà Giám miền Xuân Tiến	1,00
	Đoạn từ đường 32 đi qua nhà ông Hợi đến hết nhà ông Long	1,00
8	**Đường liên xã (thị trấn Xuân Trường, xã Xuân Tiến cũ)**	
	Từ miền UBND thị trấn đến cầu Xuân Tiến	1,00
	Từ cầu Xuân Kiên đến giáp cầu Tịnh	1,00
	Từ nhà ông Tuân đến Đường tỉnh 489C	1,00
9	**Đường trục xã Xuân Hòa (cũ)**	
	Từ cầu Trung đến bưu điện Xuân Hòa	1,00
	Đường từ chùa Liên Hoà đến đường 489C	1,00
	Từ UBND xã đi khu dân cư thôn Đoài Ngoại	1,00
	Từ UBND xã đi khu dân cư thôn Hiệp Hoà	1,00
	Từ UBND xã đi thôn Đông Dương	1,00
10	**Đường trục xã (đường 2 bên sông) miền Xuân Tiến**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ cầu Chợ đến trường Mầm non (hai bên bờ)	1,00
	Từ cầu Quàn đến giáp cầu Thôn 39 (2 bên bờ)	1,00
	Từ cầu Đình đến giáp cầu ông Sai (2 bên bờ)	1,00
	Từ cầu NVH Thôn 2 đến nhà ông Thiểm (2 bên bờ)	1,00
11	**Đường trục xã Xuân Ninh cũ**	
	Từ cầu nghĩa trang đến giáp nhà ông Quang Lạc Quần	1,00
	Từ cầu Kích đến trục Hải Hậu	1,00
	Từ gốc đa cầu Nghĩa Xá đến cầu ông Xương (Xuân Dục)	1,00
	Từ cầu ông Chính đến cầu nghĩa địa Xuân Dục	1,00
12	**Đường nội thị trấn (cũ)**	
	Từ cống Trà Thượng đến hết đất nhà ông Toàn, nhà ông Chuân	1,00
	Từ nhà ông Tín, ông Thịnh dốc Trà Thượng đến giáp ngõ đi chung vào họ Trần, họ Đoàn	1,00
	Từ chùa Bắc Câu đến hết nhà ông Bốn (The)	1,00
	Từ HTX đến hết nhà ông Huấn thôn 39	1,00
	Đường 15m trước, sau, tây trường cấp III và phía tây nhà Lưu niệm	1,00
	Đường 15 m sau UBND xã Xuân Trường	1,00
	Đoạn từ nhà văn hóa tổ 4 cũ đi Trung Linh	1,00
	Đường 15 m trước Công an xã Xuân Trường	1,00
	Đường 15 m từ Trung tâm Y tế dự phòng đến đường tỉnh 489	1,00
	Đường 15 m từ nhà ông Kiêu đến Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	1,00
	Đường sau làng Bắc Câu	1,00
	Đường khu dân cư sau hợp tác xã	1,00
	Đường Quy hoạch sau khu dân cư Thôn 38	1,00
	Đường Quy hoạch sau khu dân cư Thôn 39	1,00
13	**Đường liên thôn (xã Xuân Ngọc cũ)**	
	Từ cầu Trung Linh đến cống sông Đồng Nê II	1,00
	Đường vào Tòa Giám mục Bùi Chu (Đường Đông làng	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Bùi Chu)	
	Đường Tây làng Bùi Chu	1,00
	Từ ngã ba Vật Tư đến cầu Trường Tiểu học	1,00
	Đường dong 5 thôn Liên Thượng	1,00
	Đường xóm mới thôn Liên Thượng	1,00
	Đường từ nhà ông Huy đến giáp xã Xuân Hồng	1,00
14	**Đoạn phía Bắc sân vận động miền Xuân Kiên**	
	Trục đường số 1	1,00
	Trục đường số 2	1,00
	Trục đường số 3	1,00
15	**Đường khu đô thị**	
	Đường N1, D3	1,00
	Đường N2, D4	1,00
	Đường N3, N4, D2	1,00
16	**Khu dân cư tập trung** (Khu tái định cư và khu dân cư tập trung miền Xuân Kiên)	
	Đường N1, D1, N4 (Đoạn từ D1 đến D2)	1,00
	Đường N2, N3	1,00
	Đường N4 (Đoạn từ D2 đến hết)	1,00
17	**Khu tái định cư, khu dân cư tập trung xã Xuân Hòa (cũ)**	
	Đường N1	1,00
	Đường D3	1,00
	Đường D2, D5	1,00
	Đường N2, N3, N4, N5, N6; D1, D4	1,00
	Đường N7	1,00
18	**Khu tái định cư, khu dân cư tập trung tại thôn 42, thị trấn Xuân Trường (cũ*)***	
	Đường N1, D1, D4, N4	1,00
	Đường N2, D2, D3, đường 32m	1,00
19	**Khu dân cư tập trung xã Xuân Tiến (cũ)**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường D2	1,00
	Đường D1, D3, N1, N2, N3, NG	1,00
20	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00
21	**Tái định cư Xuân Hòa**	
	Đoạn đường khu tái định cư Xuân Hòa	1,00
	Khu 2	1,00

32. Xã Xuân Hưng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường tỉnh 489**	
	Từ cầu ông Kiểm đến cầu Nam Điền A	1,00
	Từ cầu Nam Điền A đến cầu Nam Điền B	1,00
2	**Đường nhánh 489 C**	
	Đoạn từ giáp xã Xuân Trường đến cầu Nam Điền A	1,00
3	**Đường Thọ Phú Đài**	
	Đoạn từ Cầu Nam Điền A đến cầu Trại Cá (Thọ Nghiệp)	1,00
4	**Đường huyện lộ Trung Linh Phú Nhai**	
	Từ cổng Phú Nhai đi Trung Linh	1,00
5	**Đường Xuân Thủy - Nam Điền**	
	Từ cầu Tùng Lâm đến hết nhà ông Hạnh	1,00
	Từ nhà ông Chiểu đến giáp cầu Chợ Trung	1,00
	Từ cầu Chợ Trung đến cầu Nam Điền A	1,00
	Từ cầu Chéo (giáp xã Xuân Giang) đến hết nhà văn hóa xóm 2 (Trà Lũ)	1,00
	Từ nhà ông Bằng xóm 2 (Trà Lũ) đến ngã ba ông Nhật	1,00
	Từ quán ông Tĩnh đến hết KDC tập trung Xuân Bắc	1,00
	Từ rong đường giáp KDC tập trung Xuân Bắc đến cầu Tùng Lâm	1,00
6	**Đường trục xã**	
	Từ cầu ông Dũng đến cầu ông Tạ (Xuân Vinh)	1,00
	Từ cầu ông Tạ đến chân đê Nam Hồng (Xuân Vinh)	1,00
	Từ cầu ông Dũng đến cầu ông Tiến (Xuân Vinh)	1,00
	Từ cầu ông Tiến đến cầu Nam Điền B (Xuân Vinh)	1,00
	Từ cầu ông Dũng đến cầu ông Bí (Xuân Vinh)	1,00
	Từ cầu ông Bí (Xuân Vinh) đến giáp xã Xuân Trường	1,00
	Từ cầu Đông (Xuân Vinh) đến giáp đường Tỉnh 489	1,00
	Từ cầu ông Tạ (Xuân Vinh) đến giáp xã Xuân Trường	1,00
	Từ cầu ông Chuyền đến cầu ông Biển (Xuân Vinh)	1,00
	Từ NVH xóm 6 (Xuân Vinh) đến đường Tỉnh 489	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ nhà ông Chung đến nhà ông Thường (Xuân Vinh)	1,00
	Từ ngã ba ông Nhật đến hết tiệm vàng Kim Hằng (Trà Lũ)	1,00
	Từ giáp tiệm vàng Kim Hằng (Trà Lũ) đến cầu Nhất Khu	1,00
	Từ nhà ông Thùy đến cầu Xuân Bắc-Xuân Ngọc (Đường Bắc Phong Đài)	1,00
	Từ UBND xã Xuân Bắc (cũ) đến giáp cầu xóm 2 (Trà Lũ) sang xóm 5 (Trà Lũ)	1,00
	Từ cầu xóm 2 (Trà Lũ) sang xóm 5 (Trà Lũ) đến hết nhà ông Rần xóm 3 (Trà Lũ)	1,00
	Từ nhà ông Tài xóm 5 (Trà Lũ) đến cầu Chùa (Trà Đông)	1,00
	Từ giáp nhà ông Hà xóm 1 (Trà Lũ) đến giáp nhà ông Kim xóm 1 (Trà Lũ)	1,00
	Từ cổng Phú Nhai đến cầu Thống Nhất	1,00
	Từ cầu Thống Nhất đến nhà văn hóa Xóm 8 (Trà Lũ)	1,00
	Từ cầu bà Chử đến cầu ông Tô	1,00
	Từ Cầu Nam Điền B đến cầu Đò	1,00
	Từ Cầu Đò đến cầu Trại Đồng	1,00
	Từ cầu Đình Đông đến cầu Nghĩa trang liệt sỹ	1,00
	Từ cầu Trại Cá đến cầu xã Xuân Giang	1,00
	Từ chợ Cống đến nhà bà Mường xóm 12	1,00
	Từ cầu chợ trung đến giáp nhà ông Khơi xóm 17 (Trà Lũ)	1,00
	Từ nhà ông Khơi xóm 17 (Trà Lũ) đến giáp cầu Đôi	1,00
	Từ cầu Đá đến giáp cầu Đôi	1,00
	Từ cầu Xuân Quang đến giáp đường Xuân Thủy Nam Điền	1,00
	Từ cầu mới giáp xã Giao Thủy đến cầu Chùa (Trà Đông)	1,00
	Đoạn từ chợ Cống đến giáp xã Xuân Giang	1,00
	Từ cầu Ông Mỹ xóm 1 (Thọ Nghiệp) đến xã Xuân Giang	1,00
7	**Đường liên xóm**	
	Từ cầu Đôi đến hết nhà ông Hùng xóm 13 (Trà Lũ)	1,00
	Từ cầu xóm 14 (Trà Lũ) đến giáp cầu xóm 13 (Trà Lũ)	1,00
	Từ giáp nhà ông Tài xóm 5 (Trà Lũ) đến hết nhà văn hóa xóm 3 (Trà Lũ)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ nhà ông Mùi xóm 3 (Trà Lũ) đến hết Miếu xóm 4 (Trà Lũ) Giáp xã Xuân Giang	1,00
	Từ nghĩa trang liệt sỹ Thọ Nghiệp đến cầu xóm 10 sang chợ Cống	1,00
	Từ nhà ông Tảo xóm 10 đến hết nhà bà Mái xóm 10 (Thọ Nghiệp)	1,00
	Từ nhà ông Huy xóm 10 đến hết nhà bà Lụa xóm 10 (Thọ Nghiệp)	1,00
	Từ nhà ông Hội xóm 6 đến nhà thờ Thánh mẫu (Thọ Nghiệp)	1,00
	Từ cầu xóm 6 đến hết nhà ông Hiệp xóm 6 (Thọ Nghiệp)	1,00
	Từ nhà ông Hệ đến hết nhà ông Hiện xóm 7 (Thọ Nghiệp)	1,00
	Từ nhà ông Bảo xóm 4 đến hết nhà ông Chức xóm 7 (Thọ Nghiệp)	1,00
	Từ nhà bà Can xóm 4 đến nhà ông Liệu xóm 2 (Thọ Nghiệp)	1,00
	Từ trường tiểu học A đến nhà văn hóa xóm 1 (Thọ Nghiệp)	1,00
	Từ nhà ông Lương xóm 4 đến hết nhà ông Khánh xóm 1 (Thọ Nghiệp)	1,00
	Từ nhà ông Hải xóm 1 đến hết nhà ông Minh xóm 1 (Thọ Nghiệp)	1,00
	Từ trạm Y tế xã đến nhà ông Diên (Thọ Nghiệp)	1,00
	Từ nhà ông Minh xóm 8 đến hết nhà ông Lâm xóm 7 (Thọ Nghiệp)	1,00
	Từ nhà ông Đông xóm 8 qua trường tiểu học B đến hết nhà ông Định xóm 8 (Thọ Nghiệp)	1,00
	Từ nhà ông Bân xóm 11 đến nhà ông Trung xóm 11 (Thọ Nghiệp)	1,00
8	**Khu dân cư tập trung Xuân Vinh (giáp Tỉnh lộ 489)**	
	Đường N1 tiếp giáp tỉnh lộ 489	1,00
	Đường còn lại trong khu dân cư	1,00
9	**Khu dân cư tập trung Xuân Phương**	**1,00**

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
10	**Khu dân cư tập trung Xuân Trung**	
	Đường N1, N2, N3, D1, D2	1,50
	Đường D3	1,50
11	**Khu dân cư tập trung Xuân Bắc**	
	Đường N6	1,00
	Đường N2, N3, N5, D3, D4	1,00
	Đường N1, N4, D1, D2, D5	1,00
12	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00
13	**Khu dân cư xã Xuân Hưng tại thôn Phú Nhai**	1,00

33. Xã Xuân Giang

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường tỉnh 488**	
	Từ cầu Cờ đến cầu ông Như	1,00
	Từ cầu ông Như đến giáp xã Xuân Hồng	1,00
	Từ cầu Chợ Cát đến cống Láng 4A	1,00
	Từ cống Láng 4A đến cầu Láng	1,00
	Từ cầu Láng đến cầu Láng 5	1,00
	Từ cầu Láng 5 đến giáp xã Giao Thủy	1,00
2	**Đường tỉnh 489 C**	
	Từ cầu số 7 đến cầu số 10	1,00
	Từ cầu số 10 đến cây xăng Thành Phong	1,00
3	**Đường Xuân Thủy- Nam Điền**	1,00
4	**Đường Phú Đài**	1,00
5	**Đường Bắc Phong Đài**	
	Từ cầu Chợ Láng đến hết đường Bắc Phong Đài	1,00
	Từ đường Phú Đài đến đường Tỉnh 488	1,00
	Từ ngã ba thôn 11 đến giáp đường Phú Đài	1,00
6	**Đường trục xã**	
	Từ cống ông Uy đến hết nhà máy nước sạch	1,00
	Từ cầu ông Uy đến giáp cống Ngô Đồng	1,00
	Từ Nhà thờ Đôi đến Đê Nước	1,00
	Từ cầu Ông Đỉnh đến đường Bắc Phong Đài	1,00
	Từ giáp xã Xuân Hưng đến cống ông Đồng	1,00
	Từ cầu Láng đến Nghĩa địa An đạo	1,00
	Từ cầu Láng đến cầu ông Việt	1,00
	Từ Nhà ông Bằng đến cầu Tân Thành	1,00
	Từ cầu ông Việt đến hết nhà ông Sinh	1,00
	Từ nhà bà Lạc đến hết Đê Quốc gia	1,00
	Từ cầu ông Việt đến hết trụ sở Công an xã Xuân Giang	1,00
	Từ trụ sở Công an xã Xuân Giang đến nhà ông Kiên	1,00
	Từ cầu Đen đến hết nhà ông Mạnh	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ nhà ông Kiên đến dốc Đê Quốc gia	1,00
	Từ Nhà ông Lưỡng đến đê quốc gia	1,00
	Từ nhà ông Phan đến Trường Mầm Non	1,00
	Từ nhà ông Hiệu (thôn 4) đến cầu ông Quán	1,00
	Từ cầu số 8 đường 489C đến ngã ba thôn 11	1,00
	Từ cầu Láng đến cầu Chợ Láng	1,00
	Từ cầu Chợ Láng đến đền Miếu Cháy	1,00
	Từ cầu Chợ Cát đến cống Ông Chu	1,00
	Từ cống Ông Chu đến Giáp xã Xuân Hưng	1,00
	Từ ngã ba thôn 11 đến đường 488	1,00
	Từ trạm biến áp số 2 đến đường 488	1,00
	Từ cầu thôn 13 đến Chợ Vực	1,00
	Từ nhà ông Thứ đến hết cầu thôn 12	1,00
	Đường tây sông Cát Xuyên đoạn từ giáp xuân Hồng đến giáp xã Xuân Hưng	1,00
7	**Điểm tái định cư phân tán Thôn 5**	
	Đường N1	1,00
	Đường D1	1,00
8	**Điểm tái định cư phân tán Thôn 10**	1,00
9	**Điểm tái định cư phân tán Thôn 12**	
	Vị trí tái định cư số 1	1,00
	Vị trí tái định cư số 2	1,00
	Vị trí tái định cư số 3	1,00
10	**Điểm tái định cư phân tán Thôn 13**	
	Đường N1	1,00
	Đường D1	1,00
11	**Điểm tái định cư phân tán Thôn 15, 16**	1,00
12	**Điểm tái định cư phân tán Thôn 16**	1,00
13	**Điểm tái định cư phân tán Thôn 25**	1,00
14	**Điểm tái định cư phân tán Thôn 26**	1,00
15	**Điểm tái định cư phân tán Thôn 27**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường TX9	1,00
	Đường N1	1,00
16	**Khu dân cư tập trung Xuân Đài**	
	Đường N1 - đường trục xã	1,80
	Đường D1, D2, N2, N3, N4	1,90
17	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 4m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 2m - 4m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 2m	1,00
18	**Điểm tái định cư phân tán thôn Thủy Nhai**	1,00
19	**Điểm tái định cư phân tán thôn Thọ Vực**	1,00

34. Xã Xuân Hồng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường tỉnh 488**	
	Từ cầu 50 đến cống ông Cờ	1,00
	Từ giáp xã Xuân Giang (xã Xuân Phong cũ) đến ngã ba cầu ông Mong	1,00
	Cầu ông Mong đến giáp xã Xuân Giang (xã Xuân Đài cũ)	1,30
2	**Đường tỉnh 489**	
	Từ cây xăng nhà ông Đồng đến cống số 7	1,00
	Từ cống số 7 đến hết chợ Đê	1,00
	Từ chợ đê đến nhà ông Thư (đường vào trụ sở UBND xã)	1,00
	Từ nhà ông Thế (đường vào trụ sở UBND xã) đến THPT Cao Phong	1,00
	Từ nhà ông Toán đến cầu 50	1,00
	Từ cầu 50 đến hết nhà ông Nguyễn Tùng	1,00
	Từ nhà ông Nguyễn Tùng đến khu dân cư xóm 15 (xóm 32 cũ)	1,00
	Từ khu dân cư xóm 15 (xóm 32 cũ) đến giáp xã Xuân Trường (xã Xuân Ngọc cũ)	1,00
3	**Đường tỉnh 489 C**	1,00
4	**Đường liên xã**	
	Đường Bắc Phong Đài (Từ nhà ông Chu đến Trung tâm y tế Xuân Trường)	1,00
5	**Đường trục xã**	
	Từ chợ Đê đến cầu ông Ước xóm 5	1,00
	Từ nhà ông Giang đến cầu ông Bản	1,00
	Từ nhà ông Luyện đến cống số 7	1,00
	Từ nhà ông Đạt xóm 3 đến hết nhà ông Phú xóm 2	1,00
	Từ cầu ông Kiểm đến hết Bưu điện	1,00
	Từ nhà ông Khánh đến nhà văn hóa xóm 1	1,00
	Từ nhà ông Bắc đến dốc số 8	1,20
	Từ cầu ông Bản đến dốc ông Đáy	1,20
	Từ cầu ông Ước đến ĐT 489C	1,20
	Từ trường Mầm non khu vực Hồng Thiện đến đò Sồng	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ cống Đồng Nê đến cầu Đập	1,00
	Từ cầu ông Đập đến hết nhà ông Tuấn	1,00
	Từ nhà ông Án đến hết quán bà Hoa	1,00
	Từ nhà ông Vinh đến cầu Nội Khu	1,00
	Từ cầu Nội Khu đến đò Cựa Gà	1,00
	Từ cầu Nội Khu đến chùa Keo lên đê	1,00
	Từ cầu Chùa Thượng Phúc đến đường tỉnh 489	1,00
	Từ nhà ông Ngọc thôn 5 đến cống cao sang đường 488	1,00
	Từ nhà bà Bản xóm 1 đến nhà ông Hy xóm 2 (xóm 4 cũ)	1,00
	Từ ngã 3 chợ Cát đến Cống Hạ Miêu I (phía bên trạm y tế Xuân Thành)	1,00
	Từ nhà ông Thước đến giáp xã Xuân Giang (xã Xuân Phong cũ)	1,00
	Từ cầu Tân Thành đến giáp xóm Lý xã Xuân Giang (xã Xuân Tân cũ)	1,00
	Từ cống Hạ Miêu II đến cống Cát	1,00
	Đường từ Công ty thủy nông đến cống Hạ Miêu I (phía bên nghĩa trang)	1,00
	Từ ngã ba cầu ông Mong đến đê Hữu Hồng (Đường 50 kéo dài)	1,00
	Từ cầu đá đến cầu sắt	1,00
	Từ cầu sắt đến cống Hạ Miêu 2	1,00
	Từ cầu ông Kiểm đến cầu Đa xóm 2	1,00
6	**Đường liên xóm**	
	Từ trạm thuế 34 đến kênh mã 18	1,00
	Từ chợ Hành Thiện đến chùa Keo	1,00
	Khu vực đường sau CTCP Bia Ong Xuân Thủy	1,00
	Từ nhà ông Hùng đến cầu Đá	1,00
	Từ cầu ông Bôn đến nhà ông Trung xóm 1	1,00
	Từ cầu ông Nga xóm 2 đến đê giáp Xuân Châu	1,00
	Từ nhà ông Lợi đến nhà ông Thước (khu vực Chợ Cát xuyên)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
7	**Khu dân cư tập trung xóm 4 cũ xã Xuân Hồng**	
	Đường D1 (Đoạn từ cầu Phủ đến chùa Keo)	1,00
	Đường còn lại trong khu dân cư	1,00
8	**Khu dân cư tập trung xã Xuân Thành (xã Xuân hồng)**	
	Đường D1	1,00
	Đường D2, D3, N1, TX3	1,00
	Đường N2	1,00
9	**Điểm tái định cư phân tán xóm 6**	
	Đường TT7	1,00
	Đường N1	1,00
10	**Điểm tái định cư phân tán Xóm 13**	1,00
12	**Điểm tái định cư phân tán Xóm 14**	1,00
14	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00
15	**Điểm tái định cư phân tán xóm 14 (Khu dân cư xen kẹt)**	1,00
16	**Điểm tái định cư phân tán xóm 15**	1,00

35. Xã Giao Thủy

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 37B**	
	Đoạn từ giáp Cồn Nhất đến trường PTTH Giao Thủy	1,00
	Đoạn từ trường PTTH Giao Thủy đến cầu Diêm	1,00
	Đoạn từ ngã tư Cầu Diêm đến đường vào chợ	1,00
	Đoạn từ giáp đường vào chợ đến cầu Xuất Khẩu	1,00
	Đoạn từ cầu Xuất Khẩu đến giáp cầu Giao Hà	1,00
	Đoạn từ cầu Giao Hà đến giáp trường Dân lập	1,00
	Đoạn từ trường Dân lập đến giáp Giao Hưng	1,00
2	**Tỉnh lộ 489**	
	Đoạn từ ngã ba Ngô Đồng đến Cty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy	1,00
	Đoạn từ Cty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy đến cầu ông Bảng	1,00
	Đoạn từ giáp cầu ông Bảng đến XN Máy kéo	1,00
	Đoạn từ giáp XN Máy kéo đến giáp xã Giao Tiến cũ	1,00
	Từ giáp Hoành Sơn cũ đến trạm điện Giao Tiến	1,00
	Từ Trạm điện Giao Tiến đến cầu Thọ Nghiệp	1,00
	Từ cầu Thọ Nghiệp đến cầu Nam Điền B	1,00
	Đoạn từ ngã ba Ngô Đồng đến giáp bến xe mới	1,00
	Đoạn từ bến xe mới đến cống Chúa 2	1,00
	Đoạn từ cống Chúa 2 đến bến xe cũ	1,00
	Đoạn từ bến xe cũ đến ngã tư Bưu điện	1,00
	Đoạn từ ngã tư Bưu điện đến ngã tư cầu Diêm	1,00
	Đoạn từ ngã tư Bưu Điện đến giáp chùa Diêm	1,00
	Đoạn từ chùa Diêm đến giáp đền Diêm	1,00
	Đoạn từ đền Diêm đến giáp Cty CP may thời trang thể thao Giao Thủy	1,00
	Đoạn từ Cty CP may thời trang thể thao Giao Thủy đến giáp đê sông Hồng	1,00
	Đoạn từ đường rẽ vào phà Cồn Nhất đến Giáp cống Cồn Nhất	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
3	**Tỉnh lộ 488 (Đường Tiến Hải cũ)**	
	Đoạn ngã ba Hoành Nha đến giáp ngã ba ông Điển (thôn Quyết Tiến 1)	1,00
	Đoạn từ ngã ba ông Điển (thôn Quyết Tiến 1) đến giáp Hoành Sơn	1,00
4	**Tỉnh lộ 488**	
	Đoạn từ giáp xã Giao Tiến cũ đến giáp cống Hoành Thu	1,00
	Đoạn từ cống Hoành Thu đến giáp đình Hoành Lộ	1,00
	Đoạn từ đình Hoành Lộ đến giáp xã Giao Hưng	1,00
5	**Đường trục xã**	
	Đoạn từ Tỉnh lộ 489 đến hết nhà bà Sinh (thôn Sơn Đài)	1,00
	Đoạn từ giáp nhà bà Sinh (thôn Sơn Đài) đến cầu Hoành Nhị	1,00
	Đoạn từ giáp cầu Hoành Nhị đến cầu Xuất Khẩu (QL 37B)	1,00
	Đoạn từ Tỉnh lộ 489 đến hết nhà ông Trung (thôn Sơn Đài)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Trung (thôn Sơn Đài) đến Tỉnh lộ 488	1,00
	Đoạn nhà bà Sinh đến nhà ông Hà (thôn Sơn Đài)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Trung (thôn Sơn Đài) đến hết nhà ông Hà (thôn Sơn Đài)	1,00
	Đoạn từ đường TL 488 đến cầu UBND thị trấn Giao Thủy cũ	1,00
6	**Đường liên thôn**	
	Đoạn từ giáp thổ bà Vui xóm Hoành Tam đến nhà ông Đương	1,00
	Đoạn từ thổ ông Ân xóm Hoành Tam đến thổ bà Vui	1,00
	Đoạn từ thổ bà Trâm đến thổ ông Hiến (xóm Hoành Lộ Nam)	1,00
	Đoạn từ cầu Hoành Nhị đến chùa Hoành Nhị xóm Sơn Lâm Thọ	1,00
	Đoạn từ cầu Diêm đến giáp cầu ông Ngọc thôn Đông Bình	1,00
	Đoạn từ đường Bình Lạc đến cầu ông Phán thôn Bình Thuận	1,00
	Đoạn từ giáp cầu ông Phán thôn Bình Thuận đến nhà ông Ngội thôn Bình Thắng	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ nhà ông Nôm thôn Hoành Đông đến chùa Trùng Hưng	1,00
	Đoạn từ chùa Trùng Hưng đến nhà ông Hoàn thôn Hoành Đông	1,00
	Đoạn từ nhà bà Yến thôn Bình Thịnh đến chùa Trùng Hưng	1,00
	Đoạn từ nhà ông Diện (thôn Bình Tiến) đến đường Bình Lạc	1,00
	Đoạn từ chợ Hoành Nha đến trạm điện Quyết Thắng	1,00
7	**Đường Tiến Long**	
	Đoạn từ cầu Nam Điền B đến cầu Bà Lệ	1,00
	Đoạn từ cầu Bà Lệ đến hết trường Mầm non	1,00
	Đoạn từ hết trường Mầm non đến giáp Giao Châu cũ (cách cầu Giao Tân 45m)	1,00
8	**Đường Tiến Thịnh**	
	Đoạn từ cầu ông Phương đến cầu Bà Mót	1,00
	Đoạn từ cầu Bà Mót đến cầu Đất	1,00
	Đoạn từ cầu Đất đến giáp xã Giao Bình	1,00
9	**Đường Bình Xuân**	
	Đoạn từ cầu Diêm đến giáp cầu ông Nhuệ thôn Bình Minh	1,00
	Đoạn từ cầu ông Nhuệ thôn Bình Minh đến cầu ông Vững thôn Bình Lợi	1,00
	Đoạn từ cầu ô Vững thôn Bình Lợi đến giáp cầu Thống Nhất	1,00
10	**Đường Bình Lạc**	
	Đoạn từ cầu ông Ngọc đến giáp nhà ông Sao thôn Bình Thuận	1,00
	Đoạn từ hết nhà ông Sao thôn Bình Thuận đến giáp cầu ông Nhàn thôn Hoành Đông	1,00
11	**Các tuyến đường khác**	
	Đoạn từ cầu đường TL489 đến chợ Hoành Nhị	1,00
	Đoạn từ cầu Hoành Nhị đến giáp đê sông Hồng (TDP Đông Tiến)	1,00
	Đoạn từ Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thuỷ lợi Xuân Thuỷ đến trường Mầm non	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ cây xăng ông Dũng đến cầu Đôi	1,00
	Đoạn từ ngã ba ông Điển (thôn Quyết Tiến 1) đến gốc Đề	1,00
	Đoạn từ ngã tư Bưu Điện đến giáp chợ Hoành Nhị cũ	1,00
	Đoạn từ giáp chợ Hoành Nhị cũ đến cầu Xuất Khẩu	1,00
	Đoạn từ bệnh viện đến QL 37B	1,00
	Đoạn từ tòa án nhân dân huyện đến QL 37B	1,00
	Đoạn từ công ty CP Thương bình 27/7 đến nhà Ly TDP Sơn Hoà	1,00
	Đoạn từ Tỉnh lộ 489 cạnh Công ty Thương mại vào chợ	1,00
	Đoạn từ Tỉnh lộ 489 cạnh nhà ông Thắng vào chợ	1,00
	Đoạn từ Quốc lộ 37B (lối vào chợ TT Ngô Đồng) đến giáp đường từ Bưu điện vào chợ cũ	1,00
	Đoạn từ cầu bà Lợi đến cầu Chợ Hoành Nha	1,00
	Đoạn từ Đầu Voi (thôn Bảo Chính) đến cầu Tiến Châu	1,00
	Đoạn từ tỉnh lộ 489 đến cầu ông Giám	1,00
	Đoạn từ cầu Đôi đến cầu Đất	1,00
	Đoạn từ cầu bà Mót đến NVH thôn Thống Nhất	1,00
14	**Đường trong khu nội thị của KĐT thị trấn Ngô Đồng (cũ)**	
	Đường N1	1,00
	Đường D1, D3, D4, D5	1,00
	Đường D2 (dãy biệt thự)	1,00
15	**Khu dân cư tập trung và khu tái định cư Ngô Đồng (cũ)**	1,00
	Tuyến 1 các lô liền kề	1,00
	Tuyến 1 các lô biệt thự	1,00
	Tuyến 2	1,00
	Tuyến 3, Tuyến 4, Tuyến 11	1,00
	Các đường còn lại	1,00
16	**Khu dân cư tập trung xã Giao Tiến (cũ)**	
	Đường D1, N3, N5	1,00
	Đường D2 các lô liền kề	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường D2 các lô biệt thự	1,00
	Đường D3 các lô liền kề	1,00
	Đường D3 các lô biệt thự	1,00
	Đường D4	1,00
	Đường D5 các lô liền kề	1,00
	Đường D5 các lô biệt thự	1,00
	Đường D6, N1, N2	1,00
	Đường N4	1,00
17	**Khu dân cư tập trung xóm 4 (mở rộng)**	
	Đường D1, D5, N3, N4	1,00
	Đường D2, D3, D4, N2	1,00
	Đường N1	1,00
18	**Khu dân cư tập trung Sơn Lâm Thọ**	
	Đường D1, N1	1,00
	Đường N2	1,00
	Đường N3 các lô biệt thự	1,20
	Đường N3 các lô liền kề	1,20
19	**Khu dân cư tập trung thôn Sơn Đài**	
	Đường D1	1,00
	Đường D2, N1, N2 (Dãy biệt thự), D4	1,00
	Đường D3, N2 (Không là dãy biệt thự)	1,00
	Đường D5, D6, N3	1,00
20	**Các đường, đoạn đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt ≥ 3,5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 2,5m-3,5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt ≤ 2,5m	1,00

36. Xã Giao Minh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Tỉnh lộ 489**	
	Đoạn từ cầu Giao Thanh cũ đến giáp xã Giao Hòa	1,00
2	**Đường bộ ven biển**	
	Đường bộ ven biển từ cầu Thái Nam đến hết xóm 3 (cầu xóm 3 sang xóm 2)	1,00
	Từ đầu xóm 2 đến giáp xã Giao Hoà	1,00
3	**Đường liên xã**	
	Đường Thiện Lâm giáp xã Giao Hoà đến hết ranh xóm 4	1,00
	Đường Thiện Lâm giáp xóm 4 đến đê trung ương (dốc 29)	1,00
	Đê Trung ương từ giáp xã Giao Hòa (Giao An cũ) đến hết làng Tân Hồng	1,00
	Đường Thiện Lâm đến cầu Tình Nghĩa	1,00
	Cống xóm 7 đến nhà ông Định	1,00
	Giáp đường Thiện Lâm đến cầu Trường Uyên	1,00
	Đoạn từ nhà ông Chương xóm 05 đến đê Trung ương	1,00
	Đoạn từ nhà ông Các xóm 02 đến đê Trung Ương	1,00
	Đoạn từ cống xóm 7 đến giáp khu dân cư Nam Sông Hồng	1,00
4	**Đường trục xã**	
	Đoạn từ Tỉnh lộ 489 đến giáp trường Mầm non	1,00
	Đoạn từ trường mầm non đến cầu CA5 (giáp nghĩa địa)	1,00
	Đoạn từ cầu CA5 (giáp nghĩa địa) đi cổng làng Thanh Ninh	1,00
	Đoạn từ cầu chợ CA7 đến hết dong nhà Thắm Ninh (xóm Thanh Quang)	1,00
	Đoạn hết dong nhà Thắm Ninh đến cống ông Bằng	1,00
	Đoạn từ cầu chợ CA7 đến cầu Thanh Giáo	1,00
	Đoạn từ giáp xã Giao Hòa đến hết xóm Thanh Giáo	1,00
	Đoạn từ Tỉnh lộ 489 đến cống CA9	1,00
	Đoạn từ cầu chợ CA7 đến cống Trạm bơm xóm Tân Châu	1,00
	Đoạn từ nhà Việt Huyền xóm Thanh Quang đến hết nhà Cảng Tơ xóm Thanh Quang	1,00
	Đoạn đường bờ hồ trung tâm Đảng ủy xã Giao Minh	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ ngã 3 Thanh Lâm đi xóm Thanh Nam	1,00
	Đoạn từ Cống ông Sảo đến nhà ông Khanh	1,00
	Đoạn từ nhà ông Khanh đến cầu ông Chế	1,00
	đoạn từ cống ông Bằng đi ngã tư xóm Thanh Ninh	1,00
	Đoạn từ cổng làng xóm Thanh Ninh đến đê Hữu Hồng	1,00
	Đoạn từ nhà ông Vận xóm Thanh Thiện đến dốc ông Hy	1,00
	Đoạn từ cống đá xóm Thanh Hà đến dốc Trâu	1,00
	Nhà văn hoá xóm 5 đến giáp ranh xóm 4	1,00
5	**Khu dân cư tập trung xã Giao Thanh**	
	Đường D1, D6, N4	1,00
	Đường D2, D5, N2	1,00
	Đường D3	1,00
	Đường D4, N1	1,00
	Đường N3 liền kề	1,00
	Đường N3 biệt thự	1,00
6	**Khu dân cư tập trung xóm Thanh Lâm**	
	Đường D1	1,00
	Đường N1	1,00
	Đường N2	1,00
7	**Khu dân cư tập trung xã Giao Hương**	
	Đường D1, N3	1,00
	Đường D2 biệt thự	1,00
	Đường D2 liền kề	1,00
	Đường D3 biệt thự	1,00
	Đường D3 liền kề	1,00
	Đường N1	1,00
	Đường N2	1,00
8	**Khu dân cư tập trung Nam Sông Hồng**	
	Đường N3	1,00
	Đường N1, N2	1,00
	Đường D3, D2, N4, N5, N6, N7, N8	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường D4	1,00
9	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

37. Xã Giao Hòa

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Tỉnh lộ 489**	
	Đoạn từ cống Cồn Nhất đến cống Cồn Nhì	1,00
	Đoạn từ hết cống Cồn Nhì đến giáp trụ sở Công an xã Giao Hòa	1,00
	Đoạn từ Công an xã Giao Hòa đến giáp nhà ông Thành xóm Giáo Phòng	1,00
	Đoạn từ xóm Giáo Phòng đến giáp trường THPT Giao Thủy C	1,00
	Đường từ trường THPT Giao Thủy C đến cầu đa khoa Đại Đồng đi Giao Minh	1,00
	Đoạn từ ngã ba Đại Đồng đi cầu ông Biều	1,50
	Đoạn từ cầu đa khoa đi Giao Minh	1,00
	Đoạn từ trường THPT Giao Thủy C đi xóm Lạc Thành	1,50
	Đường trục xã: Đoạn từ cây xăng ông Tài đến nhà ông Nhận	1,00
	Đoạn từ giáp nhà ông Nhận đến cầu gốc đề Thuận Thành	1,00
	Đoạn từ nhà ông Kiền (bà Thúy) đến nhà ông Tùng xóm Lạc Thanh	1,00
	Đoạn từ giáp xã Giao Minh đến vòng xuyến ngõ 4 đường bộ	1,00
	Vòng xuyến ngõ 4 đường bộ đến đê biển Trung ương	1,00
	Từ Tỉnh lộ 489 đến gốc đề Thuận Thành	1,00
	Từ nhà ông Tùng (xóm Lạc Thành) đến cầu ông Biều	1,00
	Đoạn từ đường TL 489 đến nhà bà Thuê xóm Hồng Kỳ	1,00
2	**Đường bộ ven biển**	
	Đoạn từ giáp xã Giao Minh đến xóm Hoành Lộ	1,00
	Đoạn từ vòng xuyến ngã 4 đường bộ đến nhà ông Lưu xóm Giao Lạc	1,00
	Đoạn từ nhà ông Lưu xóm Giao Lạc đến giáp xã Giao Phúc	1,00
3	**Đường liên xã**	
	Đường cầu ông Biều đến cầu ông Hạ	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường đi Giao Phúc từ trụ sở Đảng ủy xã đến giao đường bộ	1,20
	Đoạn từ đường bộ đến nhà thờ Lạc Xuân	1,20
	Đoạn từ cầu ông Hạ đến Đê trung ương	1,00
	Đoạn từ cầu ông Hạ đến cầu An Lạc	1,00
	Đoạn từ nhà ông Ký xóm Lạc Cường đến nhà ông Phương Xóm Lạc Long	1,20
	Đoạn từ nhà ông Tứ đến giáp xã Giao Phúc	1,00
	Từ nhà ông Ngọc (Hoa) xóm Đại Đồng đến cầu nhà ông Hạ	1,00
	Từ cầu nhà ông Hạ đến cầu nhà ông Đường xóm Lạc Hồng	1,00
4	**Đường trục xã**	
	Đoạn từ cầu giáp xã Giao Minh đến cầu trường Tiểu học Giao An A	1,00
	Đoạn từ cầu trường Tiểu học Giao An A đến cầu UBND xã Giao Hòa	1,00
	Đoạn từ cầu UBND xã Giao Hòa đến cầu An Lạc	1,00
	Từ nhà ông Huynh đến nhà ông Đước xóm Điện Biên Tây	1,00
	Đoạn từ cầu ông Toản xóm Thiện Xuân đến cầu ông Khắc xóm Thủy Nhai	1,00
	Đoạn từ cầu ông Khắc xóm Thủy Nhai đến cầu ông Hậu xóm Thủy Nhai	1,00
	Đoạn từ cầu ông Hậu xóm Thủy Nhai đến từ nhà bà Mô xóm Trà Hương	1,00
	Đường trục III từ nhà ông Phương xóm Điện Biên Đông đến hết nhà ông Công xóm Điện Biên Tây	1,00
	Đường làng Ấp Lũ (đoạn từ cầu giáp TL 489 đến ngã 3 nhà ông Tứ xóm Trà Lũ)	1,00
	Đê biển trung ương (đoạn từ giáp xã Giao Minh đến giáp xã Giao Phúc)	1,00
5	**Đường liên xóm**	
	Từ nhà Chung đến nhà Khuynh xóm Lạc Thắng	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ nhà ông Diện đến nhà ông Kiều xóm Lạc Thắng	1,00
	Đoạn từ cầu chợ Đại Đồng đến cầu nhà ông Dũng xóm Lạc Thắng	1,00
	Đoạn từ nhà ông Chung xóm Lạc Thắng đến hết nhà ông Tuyền xóm Đại Đồng	1,00
	Đoạn bà Thuê đến cầu trắng	1,00
	Đoạn cầu trắng đến đê sông Hồng xóm Hồng Kỳ	1,00
	Đoạn nhà Luyện xóm Hồng Kỳ đến ngã ba ông Khoái xóm Hồng Phong	1,00
	Đoạn đê sông Hồng xóm Hồng Phong đến giáp xã Giao Minh	1,00
6	**Điểm tái định cư xã Giao An**	
	Đường trục 2 Giao An	1,00
7	**Khu dân cư tập trung xã Hồng Thuận cũ**	
	Đường N1, N2, N3, D1	1,00
	Các tuyến đường còn lại	1,00
8	**Khu dân cư Tập trung xóm Trà Lũ**	
	Đường N1	1,00
	Đường N2, N3	1,00
	Đường D1	1,00
9	**Khu dân cư Giao Lạc**	
	Đường D1, D2, D5, D6, N2	1,00
	Đường D3, D4	1,00
	Đường Gom N1	1,00
10	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,20
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,20
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,20

38. Xã Giao Bình

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường Quốc lộ 37B**	
	Đoạn từ xã Giao Hưng đến ngã tư cổng chào làng Thanh Khiết	1,00
	Đoạn từ ngã tư cổng chào làng Thanh Khiết đến hết nhà ông Sự thôn Liên Trì	1,00
	Đoạn từ hết nhà ông Sự thôn Liên Trì đến xã Giao Ninh	1,00
2	**Đường trục xã**	
	Đoạn từ ngã tư trường THCS Giao Yến đến đường bộ ven biển	1,00
	Đoạn từ đường bộ ven biển đến cống Kem	1,00
	Đoạn từ Quốc lộ 37B đến ngã ba ông Vận	1,00
	Đoạn từ ngã ba ông Vận đến cầu chợ Giao Tân	1,00
	Đường liên xóm từ giáp xã Giao Hưng đến ngã ba ông Chủng thôn Liên Trì	1,00
	Đường phía nam trường THPT Giao Thuỷ B: Đoạn từ QL 37B đến giáp Giao Ninh	1,00
	Đoạn từ cầu Lò Ngói đến Quốc lộ 37B	1,00
	Từ nhà bà Đào thôn Long Xuân đến giáp xã Giao Ninh	1,00
	Đoạn từ ngã ba ông Vận đến ngã ba ông Cường thôn Giao Tân	1,00
3	**Đường Lạc Lâm**	
	Đường Lạc Lâm đoạn từ giáp xã Giao Hưng đến cống ông Đồng thôn Đan Phượng	1,00
4	**Đường Tiến Thịnh**	
	Đoạn từ xã Giao Thuỷ đến giáp trường Tiểu học Giao Tân	1,00
	Đoạn từ trường Tiểu học Giao Tân đến cầu ông Bách	1,00
	Đoạn từ cầu ông Bách đến xã Giao Ninh	1,00
5	**Đường phía bắc sông cồn Nhất**	
	Đoạn từ nhà ông Hinh thôn Thanh Khiết đến công ty ProSport	1,00
6	**Đường liên xóm**	
	Đoạn từ Quỹ tín dụng Bạch Long đến hết nhà ông Bình thôn Phú Cường	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ Hiệu vàng Phúc Bài đến hết nhà ông Tuấn thôn Bạch Long	1,00
	Đoạn từ máy xát ông Lai thôn Địch Giáo Đông đến đê sông Sò	1,00
	Đoạn từ công bà Tròn đến đê sông Sò	1,00
	Đoạn từ Trạm y tế đến đê sông Sò	1,00
7	**Khu dân cư tập trung xã Giao Tân**	
	Đường D1	1,00
	Đường D2, N1	1,00
	Đường D3, N2	1,00
8	**Khu dân cư tập trung và khu tái định cư Giao Yến 1**	
	Đường D1, D2, D6, D7, N3, N4, N5A, N5B, N6	1,20
	Đường D3, D4, D5, D8, N2A, N2B	1,20
	Đường N1	1,20
9	**Khu dân cư tập trung xã Bạch Long**	
	Đường N1	1,00
	Đường N2 các lô biệt thự	1,00
	Đường N2 các lô liền kề	1,00
	Đường N1 (lô góc)	1,00
	Đường N2 (lô góc)	1,00
10	**Khu dân cư tập trung xóm Xuân Ninh**	
	Đường N1	1,00
	Đường N2, N3, N4	1,00
	Đường N1 (lô góc)	1,00
	Đường N2, N3, N4 (lô góc)	1,00
11	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 4 m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 2,5 m - 4 m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 2,5 m	1,00
12	**Đường trục chính khu dân cư tập trung Giao Tân (tiếp giáp Sông Cồn Giữa)**	1,00

39. Xã Giao Hưng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 37B**	
	Đoạn giáp xã Giao Thủy đến cầu Chưởng mới (nhà ông Thạch)	1,00
	Đoạn từ cầu Chưởng mới (nhà ông Tuấn) đến giáp xã Giao Bình	1,00
2	**Đường Tỉnh lộ 488 (đường Tiến Hải cũ)**	
	Đoạn từ giáp xã Giao Thủy đến cầu bà Thiêm	1,00
	Đoạn từ cầu bà Thiêm đến giáp xã Giao Phúc	1,00
3	**Đường bộ ven biển**	1,00
4	**Đường liên xã Tiến Long**	
	Đoạn giáp xã Giao Thủy đến Quốc Lộ 37 B	1,00
	Đoạn từ cầu Chưởng mới đến giáp xóm 1	1,00
5	**Đường trục xã**	
	Đoạn từ cầu ông Bàng xóm 1 đến cầu ông Tín xóm 6	1,00
	Đoạn từ cầu ông Tín xóm 6 đến đê Trung ương	1,00
	Đoạn từ ngã ba ông Mầu đến cầu ông Hoàn xóm 3	1,00
	Đoạn từ trường trẻ em khuyết tật đến giáp xã Giao Phúc	1,00
	Đoạn từ nhà ông Hương xóm Trường Thành đến giáp xã Giao Phúc	1,05
	Đoạn từ Cống Tiên đến nhà ông Tuất	1,00
6	**Đường Chùa Nổi**	
	Đường Chùa Nổi xã Giao Thủy đến Tỉnh lộ 488	1,00
	Đoạn từ cầu ông Hưởng đến giáp xã Giao Bình	1,00
7	**Đường Lạc Lâm**	1,00
	Đoạn từ giáp xã Giao Phúc đến giáp xã Giao Bình	1,00
8	**Khu dân cư tập trung**	
	Khu dân cư tập trung Duyên Trường	
	Đường D1, D2	1,00
	Đường D3, D4, N1, N2, N3	1,00
	Khu dân cư tập trung xã Giao Châu	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường D3	1,00
	Đường D4, D6	1,00
	Đường D5	1,00
	Đường N1	1,00
	Đường N2	1,00
	Khu dân cư Lạc Thuần	
	Đường D1, D2, D4	1,00
	Đường D3	1,00
	Đường D5	1,00
	Đường N1	1,00
	Đường N2	1,00
	Khu dân cư tập trung xã Giao Long	
	Đường D1, D2, D3	1,00
	Đường D4, D5, D6, D7, N2, N3	1,00
	Đường N1	1,00
9	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,10
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,10
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,10
10	**Đường vào Khu dân cư tập trung Duyên Trường**	**1,00**

40. Xã Giao Phúc

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường Tỉnh lộ 488 (đường Tiến Hải cũ)**	
	Đoạn từ giáp Giao Hưng đến Cầu Thái Ninh	1,00
	Đoạn từ Cầu Thái Ninh đến hết thôn Hải Lâm (xóm Hải Tân cũ)	1,00
	Đoạn từ thôn Hải Hưng (xóm Hải Hòa cũ) đến nhà văn hoá xóm Hải Đông cũ (thôn Hải Tiến)	1,00
	Đoạn từ nhà văn hoá xóm Hải Đông cũ (thôn Hải Tiến) đến cống Tiền Lang	1,00
2	**Đường bộ ven biển**	
	Đường bộ ven biển (đoạn từ xã Giao Hưng đến xã Giao Hoà)	1,00
3	**Đường trục xã**	
	Đoạn từ cầu chợ đến cầu ông Sơn thôn Hải Cường (xóm Hải Thịnh cũ)	1,00
	Đoạn từ UBND xã đến nhà ông Tuyên thôn Hải Cường (xóm Hải Thịnh cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Sơn thôn Hải Cường (xóm Hải Thịnh cũ) đến hết nhà ông Quang thôn Hải Cường (xóm Hải Cường cũ)	1,00
	Đoạn từ trường THCS đến nhà ông Hiển	1,00
	Đoạn từ cầu Thái Ninh đến giáp xã Giao Hưng	1,00
	Đoạn từ Giao hưng đến cầu Nghĩa trang ND thuộc thôn Hải Lâm (xóm Hải Giang cũ)	1,00
	Đoạn từ cầu Nghĩa trang ND đến cầu nghĩa trang Liệt sỹ thuộc thôn Hải Lâm (xóm Hải Hòa cũ)	1,00
	Đoạn từ Giao Hưng đến nhà ông Hiển	1,00
	Đoạn từ Cầu chợ - Chùa Phúc Khánh - NVH thôn Hải Tiền (NVH xóm Hải Đông cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Quang đến cầu ông Hải thuộc thôn Hải Cường (xóm Hải Cường cũ)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Sơn đến cầu ông Cần thuộc thôn Hải Cường (xóm Hải Thịnh cũ)	1,00
	Đoạn từ cổng chào Xuân Tiến, thôn Vạn Xuân (xóm	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Xuân Tiến cũ), đến giáp xã Giao Hoà	
	Đoạn từ cầu bà Rĩnh đến giáp xã Giao Hoà	1,00
	Đoạn từ cầu Vạn Xuân đến nhà ông Khoái thôn Xuân Lạc	1,00
	Đoạn từ ông Khoái thôn Xuân Lạc đến cầu ông Quang	1,00
4	**Đường trục xã, liên xã**	
	Đoạn từ cầu đập đầu xã đến cầu ông Chương thôn Hà Tiến (xóm Sơn Hải cũ) (2 bên đường)	1,00
	Đoạn từ cầu ông Chương thôn Hà Tiến (xóm Sơn Hải cũ) đến cống ông Vân thôn Hà Thắng (xóm Sơn Hồng cũ) (2 bên đường)	1,00
	Từ đường trục Giao Hà - Ông Tần thôn Hà Thắng (xóm Sơn Hồng cũ)	1,00
	Từ đường trục Giao Hà - Bà Bốn thôn Hà Tiến (xóm Sơn Hà cũ)	1,00
	Từ đường trục Giao Hà - Cống Cất	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thành (sau trụ sở Đảng uy xã) thôn Hà Tiến (xóm Sơn Hà cũ) đến cầu ông Văn thôn Hà Tiến (xóm Sơn Hà cũ)	1,00
	Đoạn từ cầu ông Cát thôn Hà Thủy (xóm Sơn Thủy Đông cũ) đến cầu ông Lân thôn Hà Thủy (xóm Sơn Thủy Đông cũ)	1,00
	Đoạn từ giáp cầu ông Lân thôn Hà Thủy (xóm Sơn Thủy Đông cũ) đến cầu ông Tuân thôn Hà Tiến (xóm Sơn Hải cũ)	1,00
	Đoạn từ giáp cầu ông Tuân thôn Hà Tiến (xóm Sơn Hải cũ) đến nghĩa trang nhân dân thôn Hà Tiến (xóm Sơn Hải cũ)	1,00
	Đoạn từ giáp nhà ông Thông thôn Hà Châu (xóm Sơn Châu Tây cũ) đến nhà ông Măng thôn Hà Thắng (xóm Sơn Long cũ)	1,00
	Đoạn từ giáp nhà ông Măng thôn Hà Thắng (xóm Sơn Long cũ) đến nhà ông Tần thôn Hà Thắng (xóm Sơn Hồng cũ)	1,00
	Đoạn từ cầu ông Tần thôn Hà Thắng (xóm Sơn Hồng cũ) - đình Kiền Hành - Đường bộ	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
5	**Đường Bình Xuân**	
	Đoạn từ cầu Thống Nhất đến giáp thôn Xuân Thiện (xóm Thị Tứ cũ) (nhà ông Cửu)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Cửu đến Trạm y tế Giao Xuân cũ	1,00
	Từ cầu Trạm y tế Giao Xuân cũ đến cầu Bà Rĩnh	1,00
	Từ cầu Bà Rĩnh đến đê biển	1,00
	Từ ngã Tư thị tứ đến cây đề	1,00
6	**Đường Lạc Xuân**	
	Đoạn từ gốc cây Đề thôn Xuân Thiện (xóm Thị Tứ cũ) đến cầu ông Du	1,00
	Đoạn từ cầu ông Du đến giáp xã Giao Hoà	1,00
7	**Đường Xuân Hải**	
	Đoạn từ cầu nhà ông Tính thôn Xuân Lạc (xóm Xuân Hoành cũ) đến hết nhà thờ Phú Ninh	1,00
	Đoạn từ nhà thờ Phú Ninh đến cầu ông Quang	1,00
8	**Đường Lạc Lâm**	
	Đoạn từ Nhà ông Cát thôn Hà Thủy (xóm Sơn Thủy Đông cũ) đến nhà ông Thông thôn Hà Châu (xóm Sơn Châu Tây cũ)	1,00
9	**Đường phía Tây sông CA21**	
	Đoạn từ nhà ông Tính đến cầu Ngân hàng	1,00
	Đoạn từ cầu Ngân hàng đến hết nhà ông Chinh thôn Xuân Lạc (xóm Xuân Hoành cũ)	1,00
	Đoạn từ hết nhà ông Chinh thôn Xuân Lạc (xóm Xuân Hoành cũ) đến cầu Chùa thôn Vạn Xuân (xóm Xuân Tiến cũ)	1,00
	Đoạn từ cầu chùa thôn Vạn Xuân (xóm Xuân Tiến cũ) ra Đê biển	1,00
	Đoạn từ nhà ông Thế đến nghĩa trang nhân dân Giao Xuân	1,00
10	**Khu dân cư xã Giao Xuân**	
	Đường D1, D2, D4, N2, N3, N4	1,00
	Đường D3, N1	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường N5	1,00
11	**Khu dân cư tập trung xã Giao Hà**	
	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, N2, N3	1,00
	Đường N1	1,00
	Đường N4	1,00
12	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

41.Xã Giao Ninh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 37B**	
	Đoạn từ Cống Khoáy đến giáp xã Giao Bình	1,00
	Đoạn từ Cống Khoáy đến cầu Hà Lạn	1,00
2	**Tỉnh lộ 489B**	
	Quốc lộ 37B đến ngã tư nhà thờ Quất Lâm	1,00
	Đoạn từ Ngã tư nhà thờ Quất Lâm đến giáp đê TW	1,00
	Đoạn từ Quỹ tín dụng Quất Lâm đến giáp đê TW	1,00
	Đoạn từ cầu Thức Hóa đến Cống Khoáy	1,00
3	**Tỉnh lộ 484**	
	Đường Nam Định - Lạc quần - đường bộ ven biển	1,00
4	**Đường bộ ven biển**	1,00
5	**Đường trục xã**	
	Đường Nguyễn Ý	1,00
	Đường Dương Khuê	1,00
	Đường Tiên Ninh	1,00
	Đoạn từ ngã tư trụ sở công an xã Giao Ninh đến giáp xã Giao Bình	1,00
	Đoạn từ Nghĩa trang Quất Lâm đến đường Dương Khuê	1,00
	Đường Văn Trì	1,00
	Đoạn từ Nghĩa trang Quất Lâm đến cầu ông Vạn	1,00
	Đường Hòa Bình	1,00
	Đoạn từ xóm Tồn Thành Đông đến xóm Tồn Thành Tây	1,00
	Đoạn đường trục xã xóm Bỉnh Di Đông và xóm Bỉnh Di Tây	1,00
	Đoạn đường trục xóm Thức Hóa Đông và Thức Hóa Tây	1,00
	Đoạn trung tâm xóm Thức Hóa Nam và đường trục chợ Bến ra Quốc lộ 37B	1,00
	Đoạn đường trục từ xóm Mộc Đức đến ngã ba giáp đường Quốc lộ 37B	1,00
	Đoạn từ Nhà thờ Mộc Đức đến giáp Quốc lộ 37B	1,00
	Đoạn đường trục Thanh Trì (từ trường tiểu học B Giao	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Thịnh đến đường Mộc Đức ra QL 37B)	
	Đoạn từ ngã ba vào cảng cá đến ngã ba Quốc lộ 37B đi cầu Hà Lạn	1,00
	Đoạn từ nhà thờ Thức Hóa đến giáp tái định cư Thức Hóa Nam	1,00
	Đường N1 Tái định cư Thức Hóa Nam	1,00
	Đoạn từ đường Dương Khuê đến đường bộ ven biển	1,50
	Đoạn từ gốc đa NVH xã đến đường Thống Nhất	1,00
	Đường Thiện Lâm (Từ giáp Giao Bình đến nhà ông Kiên)	1,00
6	**Đường liên xóm**	
	Đoạn từ ngã tư giao phố Vũ Đoan và phố Cồn Tầu đến hết nhà ông Quyết	1,00
	Đoạn từ ngã tư giao phố Vũ Đoan và phố Cồn Tầu đến hết cống xá	1,00
	Đoạn từ đường QL 37B (thổ ông Chương) đến giáp nhà ông Vượng đường Thống Nhất	1,00
	Đoạn từ đường QL 37B (thổ ông Cương) đến giáp nhà ông Quân đường Thống Nhất	1,00
	Đoạn từ đường QL 37B (thổ ông Doanh) đến nhà ông Tài	1,00
	Đoạn từ đường QL 37B (thổ ông Chính) đến cống C7	1,00
	Đoạn từ đường QL 37B (thổ ông Tuyên) đến đường Thống Nhất	1,00
	Thức Hoá Tây	
	Đoạn NVH xóm Thức Hoá Nam đến nhà ông Bùi Văn Lộng	1,00
	Đoạn từ giáo xóm Phụ Phượng đến nhà ông Đinh Văn Bắc	1,00
	Thức Hoá Nam	
	Đoạn từ giáo xóm Nam Hoà đến nhà ông Đinh Ngọc Truyền	1,00
	Đoạn từ nhà ông Bạ đến Trạm Biến áp Thịnh Thắng 3	1,00
	Xóm Hiếu Minh	
	Đoạn từ Quốc lộ 37B đến hết nhà thờ Minh Đường	1,00
	Đường trục xóm Liên Phong	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ đê biển đến chùa Liên Phong	1,00
	Đoạn từ thổ ông Khoát đến thổ ông Khoa giáp đê Cổ Vạy	1,00
	Đoạn từ thổ ông Chính đến giáp đê Bạch Long thổ ông Lục	1,00
	Đường khu quy hoạch Cụm CN Thịnh Lâm	
	Đoạn từ ngã 3 vào cảng cá đến đê TW	1,00
	Các tuyến đường khác	
	Đoạn từ nhà ông Bình đến Bưu cục Quất Lâm TDP Lâm Khang	1,00
	Đoạn từ Bưu cục Quất Lâm đến hết nhà ông Chung	1,00
	Đoạn từ chợ Quất Lâm đến nhà ông An	1,00
	Đoạn từ HTX Hòa Bình cũ đến giáp đường Nguyễn Văn Ích	1,00
	đoạn từ Nhà ông Du trưởng thôn đến giáp đường Nguyễn Văn Ích	1,00
	Đoạn từ QL 37B đến cầu ông Vạn (Phía nghĩa địa)	1,00
	Đoạn từ QL 37B đến cầu ông Vạn (phía KDC tập trung)	1,00
	Ngã ba cảng cá đến Sông Quất Lâm 1	1,00
	Chợ chiều Giao Phong đến Chùa Liên Phong	1,00
7	**Khu dân cư tập trung Giao Thịnh**	
	Đường D3	1,00
	Đường N1	1,00
	Đường N2	1,00
	Đường N3 liền kề	1,00
	Đường N3 biệt thự	1,00
	Đường N4	1,00
	Đường N5	1,00
8	**Điểm tái định cư phân tán xóm Thức Hóa Nam**	
	N1	1,00
9	**Điểm tái định cư phân tán Giao Phong**	
	Đường N1, N3, D2	1,00
	Đường N2	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
10	**Khu Liên Phong**	1,00
11	**Khu dân cư Thị trấn Quất Lâm**	
	Đường D1, D2, D3, D4, N2, N3, N4	1,00
	Đường Gom	1,00
	Đường N5	1,00
12	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m-5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

42. Xã Hải Hậu

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 21**	
	Từ giáp Hải Hưng - cổng làng thôn Yên Định	1,00
	Từ Cổng làng thôn Yên Định - đường vào trạm điện	1,00
	Từ đường vào trạm điện đến hết Công ty cổ phần vật liệu xây lắp Hải Hậu	1,00
	Từ giáp Công ty cổ phần vật liệu xây lắp Hải Hậu đến hết mốc giới xã Hải Hậu	1,00
2	**Quốc lộ 37B**	
	Từ cầu Yên Định đến trường mầm non Khu B Yên Định	1,00
	Từ trường Mầm non khu B đến giáp xã Hải Anh	1,00
3	**Đường Tây sông Múc**	
	Từ cầu Mộng chè đến cầu ông Chung thôn Đồng Tiến	1,00
	Từ cầu ông Chung thôn Đồng Tiến đến giáp Hải Bắc	1,00
	Từ giáp Hải Trung cũ qua cầu Hải Bắc đến cầu Sắt	1,00
	Từ cầu Yên Định - cầu 19/5	1,00
	Từ cầu 19/5 đến đập Hai Đồng	1,00
	Từ đập Hai đồng đến giáp Hải Tiến	1,00
4	**Đường Đông sông Múc**	
	Từ cống Múc 1 đến Cầu Phạm Rỵ	1,00
	Từ cầu Phạm Rỵ đến cầu Nghĩa trang Liệt sỹ Hải Trung	1,00
	Từ cầu Nghĩa trang Liệt sỹ Hải Trung đến nhà ông Chí thôn Hải Trung	1,00
	Từ nhà ông Chí thôn Hải Trung đến Phố Mới (giáp Hải Bắc)	1,00
	Từ giáp Hải Trung qua cầu Hải Bắc đến giáp Yên Định	1,00
	Từ đường sau chợ Yên Định đến trường Tô Hiến Thành (giáp Hải Bắc)	1,00
5	**Đường tránh Yên Định**	
	Từ giáp đường Quốc Lộ 21B đến giáp xã Hải Hưng	1,00
6	**Đường liên xã (Đường Long Sơn)**	1,00
7	**Đường Nam Trung qua xã Hải Hậu**	1,00
8	**Đường Thương Binh**	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
9	**Đường Trung Hòa**	
	Từ cầu Đông đến cầu Phe Nhì	1,00
	Từ cầu Phe Nhì đến Bia căm thù	1,00
	Từ Bia căm thù đến giáp Hải Anh	1,00
10	**Đường trục xã**	1,00
	Từ nhà ông Kiên thôn Quyết Thắng qua cống Phân Tùng đến giáp Hải Tiến	1,00
	Từ giáp Xuân Ninh (thôn Triệu Phúc) qua cầu ông Khanh (thôn Hải Bắc) đến chợ Đông Biên. Từ nhà ông Tân (thôn Triệu Thông) đến cầu ông Tố (thôn Triệu Thông)	1,00
	Từ cầu Sắt (mới) đến cầu Đông Cường; Từ cống Trắng (thôn Đông Cường) đến cầu ông Chiến (thôn Đông Cường)	1,00
	Từ giáp Hải Hưng đến nhà ông Tân thôn Triệu Thông	1,00
	Từ Ngân hàng Agribank đến nhà ông Tuấn thôn Đông Biên	1,00
	Từ Nhà văn hóa thôn 5 Yên Định cũ (nay thuộc thôn Đông Biên) qua nhà ông Chung đến nhà bà Oanh thôn Đông Biên	1,00
	Từ nhà ông Đam thôn Yên Định (giáp Hải Hưng) qua cầu Hàng Vàng đến nhà ông Công thôn Yên Định (Giáp Hải Hưng); Từ cống ông Hải thôn Yên Định đến nhà từ họ Trần; Từ cổng làng thôn 2 Yên Định (cũ) đến nhà ông Mạnh; Từ nhà văn hóa thôn 2 Yên Định cũ đến nhà ông Ấn thôn Yên Định	1,00
	Từ cổng làng Thôn Yên Định đến nhà ông Tuấn (giáp Hải Hưng)	1,00
	Từ cổng làng Thôn Yên Định đến nhà bà Lựu thôn Yên Định; Từ nhà ông Liệu (QL 21) đến nhà ông Phung thôn Yên Định	1,00
	Từ nhà ông Kim thôn Quần Phương qua cầu Nhà Xứ đến nhà ông Rậu thôn Quần Phương; Từ cầu 19/5 đến nhà bà Hòa thôn Quần Phương	1,00
	Từ đường Quốc lộ 37B đến trường THCS Hải Phương	1,00
	Từ THCS Hải Phương đến giáp Hải Tiến; Phía Bắc sông đoạn từ đo Hải Đồng đến giáp Hải Long	1,00
	Từ nhà ông Khâm (QL 37 B) đến nhà ông cầu ông Thọ thôn Đông Biên	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ nhà bà Huệ (QL 37 B) đến nhà bà Mai thôn Đông Biên	1,00
	Từ giáp huyện đội cũ đến cầu Phủ	1,00
	Từ nhà ông Lưu thôn Liên Minh đến nhà ông Tỵ thôn Liên Minh	1,00
	Từ cầu Róng thôn Hải Thành đến cống Múc 1	1,00
	Từ trạm xá đến trường mầm non khu B Hải Trung	1,00
	Từ nhà ông Vĩnh thôn Hải Thành đến cống An Ninh	1,00
	Từ cầu ông Chung thôn Đồng Tiến đến cống trắng	1,00
	Từ cầu Mộng Chè đến giáp Hải Bắc	1,00
	Từ cầu bà Lượng thôn Nam Biên đến nhà văn hóa thôn Nam Biên	1,00
	Từ nhà văn hóa thôn Nam Biên đến Quốc lộ 37B	1,00
	Từ nhà bia Tứ Tổ đến nhà thờ Phạm Rỵ	1,00
11	**Đường liên thôn Hải Long**	1,00
12	**Đường trục thôn**	
	Từ cầu Róng thôn Hải Thành đến giáp thôn Phạm Rỵ	1,00
	Đường Bắc sông Phạm Rỵ từ cống ông Kiên qua nhà văn hóa thôn Phạm Rỵ đến đê sông Ninh Cơ	1,00
	Đường Nam sông Phạm Rỵ từ cống ông Kiên qua ngã tư ông Tu đến ngã tư ông Bạ xuống nhà ông Tài thôn Phạm Rỵ và từ ngã 3 ông Vấn đến ngã ba ông Cẩn thôn Phạm Rỵ	1,00
	Đường từ nhà giáo lý Phạm Rỵ đến ngã 3 ông Sơn thôn Hải Thành	1,00
	Từ cống ông Kiên thôn Phạm Rỵ đến ngã tư nhà giáo lý đến ngã ba ông Khang thôn Phạm Rỵ	1,00
	Từ ngã tư nhà giáo lý Phạm Rỵ đến nghĩa địa Phạm Rỵ thôn Phạm Rỵ và đường Tây nhà thờ Phạm Rỵ từ cầu ông Tu đi qua ngã 3 ông Nghệ đến ngã 3 ông Liễu và đường Nam nhà thờ Phạm Rỵ từ nhà ông Tuân đến trường mầm non khu C Hải Trung	1,00
13	**Cụm dân cư đô thị (Thôn Yên Định)**	1,00
14	**Khu đô thị Yên Định - Hải Hưng (các tuyến đường trong khu đô thị)**	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
15	**Khu dân cư tập trung Thôn Quần Phương (Trường Tiểu học Yên Định cũ)**	1,00
16	**Cụm dân cư Sân vận động cũ (thuộc Thôn Liên Minh)**	1,00
17	**Khu dân cư tập trung Hải Bắc, TT. Yên Định**	1,00
18	**Đường khu dân cư tập trung 1 Hải Phương**	
	Khu tuyến đường CL2, CL5, Cl 6	1,00
	Khu tuyến đường CL1, CL 3, CL 4	1,00
	Khu biệt thự	1,00
19	**Khu dân cư tập trung Hải Phương 2, TT. Yên Định**	
	Đường D1	1,00
	Đường D2, D3, D4, N2, N3, N4	1,00
	Các đoạn đường còn lại	1,00
	Khu biệt thự	1,00
20	**Khu dân cư tập trung Hải Trung**	
	Đường TX7	1,00
	Các đoạn đường còn lại	1,00
22	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m-5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

43. Xã Hải Anh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 37B (Tỉnh lộ 486B, 56 cũ)**	
	Từ giáp Hải Trung đến giáp Trực Đại	1,20
2	**Đường An Đông**	
	Từ giáp Hải Tiến đến giáp Hải An	1,00
3	**Tỉnh lộ 487C**	
	Cầu Ngói đến giáp đường Quốc lộ 37B	1,15
	Từ Quốc lộ 37B đến giáp thôn 23 Hải Đường	1,00
	Từ thôn 23 Hải Đường - chùa Khánh Quang (1); Từ Cầu Hải Đường - Giáp Hải Xuân (2)	1,00
	Từ cống đối (sông Ninh cơ) đến cầu Ngói	1,00
4	**Đường trục xã**	1,10
	Tuyến Cầu Fe9 - Đền 3 Bà Chúa - Quốc lộ 37	1,00
	Đường cầu Mới - Hải Trung	1,00
	Đoạn từ cầu Bổn Nhuận đến hết thôn 24 nhà ông Rưỡng (đến xã Hải Minh cũ)	1,00
	Từ thôn 1 Hải Đường - Giáp Hải Xuân	1,00
	Từ cầu Hải Minh đến qua cầu thôn 6 đến hết HTX Tân Tiến	1,20
	Từ ngã tư cầu cụm công nghiệp 2 qua cầu chùa đến hết Giáo xứ Tân Bồi	1,20
	Từ cầu Bổn Nhuận cũ (Thôn 12 Hải Anh) đến hết thôn 15 Hải Anh	1,00
	Từ nhà ông Thiệp thôn 22 Hải Anh đến sông Trệ	1,00
	Từ nhà ông Hưng Thôn 10 xã Hải Anh đến nhà Từ họ Nguyễn	1,00
	Đường Từ cầu Chợ đền (phía nam sông) đến giáp xã Hải Hậu (Xã Hải Long cũ)	1,00
	Đường Cầu xẻ (cây xăng ông Công thôn 12 xã Hải Anh cũ) đến giáp xã Hải Hậu (Xã Hải Trung cũ)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ cầu xóm 9 (thôn 23 Hải Đường) đến giáp xã Hải Hậu (Xã Hải Long cũ)	1,00
	Từ nhà ông Ngạn thôn 4 Hải Đường đến sông 12 (cống Tuất)	1,00
5	**Khu dân cư tập trung xã Hải Anh**	
	Đường D1	1,10
	Các thửa (lô) đất còn lại	1,00
6	**KDC tập trung Hải Anh 2**	
	Đường N7	1,00
	Đường N2, N6	1,00
	Đường D1, D2, N5	1,00
	Đường N3, N8	1,00
	Đường N1	1,00
	Đường N4	1,00
	Đường D3	1,00
7	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,10
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m-5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00
8	**Đường Trung Hòa**	
	Đoạn từ giáp xã Hải Hậu đến Cầu Ngói	1,00

44. Xã Hải Tiến

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 21**	
	Từ giáp Hải Quang (tờ 1 thửa 10) đến ngã tư cầu Cồn Ngoài	1,00
	Từ ngã tư cầu Cồn Ngoài đến cầu Liên Thuận	1,00
	Từ cầu Liên Thuận đến giáp xã Hải Xuân	1,00
2	**Đường 488C (Đường 50 cũ)**	
	Từ giáp thôn 6 (Tờ 119, thửa 63) đến giáp xã Hải Xuân (Hải Cường cũ) (Tờ 121, thửa 91)	1,00
3	**Đường 488C (Đường 50A cũ)**	
	Từ giáp thôn 31 đến ngã tư nghĩa trang liệt sĩ (tờ 8 thửa 201)	1,00
	Từ ngã tư nghĩa trang liệt sĩ (tờ 8 thửa 201) đến hết bến xe Cồn (tờ 9 thửa 268)	1,00
	Từ giáp bến xe Cồn (tờ 9 thửa 268) đến hết nhà ông Chinh (tờ 38 thửa 250 – Cổng chào cũ)	1,00
	Từ Nhà ông Chinh (tờ 38 thửa 250 – Cổng chào cũ) đền giáp Đường bộ ven biển (tờ 43 thửa 277)	1,00
4	**Đường bộ ven biển đoạn từ giáp xã Hải Quang đến Ngã tư đèn đỏ (Đường 488C)**	1,00
5	**Đường bộ ven biển đoạn từ Ngã tư đèn đỏ đến giáp xã Hải Xuân**	1,00
6	**Đường Tây sông Múc**	
	Từ Nhà Văn Hóa xã đến cầu Cồn trong (tờ 1 thửa 150)	1,00
	Từ giáp cầu Cồn trong (tờ 1 thửa 150) đến giáp thôn 20 (Cầu ông Xương - tờ 1 thửa 7)	1,00
	Từ cầu ông Xương thôn 20 (tờ 137, thửa 206) đến giáp xã Hải Hậu (tờ 124)	1,00
	Từ cầu Cồn ngoài đến giáp xã Hải Xuân (tờ 14 thửa 142)	1,00
7	**Đường An Đông**	
	Từ giáp xã Hải Anh (tờ 89, thửa 40) đến Nhà Văn Hóa Thôn 15(Tờ 129 , thửa 30) (Xóm Lê đê cũ)	1,00
	Từ Nhà Văn Hóa Thôn 15 (Xóm Lê đê cũ) đến Cầu Thống Đường	1,00
8	**Đường Long Sơn**	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
9	**Các tuyến đường trục xã:**	
	Đường từ nhà ông Kiểm thôn 1 (tờ 2 thửa 107), qua ngã ba ông Vũ (tờ 3 thửa 23) đến từ đường họ Đinh (tờ 3 thửa 249)	1,00
	Từ nhà ông Chưởng (tờ 3 thửa 279) qua Nghĩa Trang Liệt Sỹ, cầu ông Roãn đến giáp xã Hải Xuân (tờ 13 thửa 28)	1,00
	Từ nhà ông Khang Thôn 1 (tờ 2 thửa 307) đến nhà ông Quỳnh Thôn 2 (tờ 4 thửa 87)	1,00
	Từ nhà ông Đông (tờ 2 thửa 333) đến nhà ông Hiệu (tờ 2 thửa 506)	1,00
	Từ nhà ông Hiệu (tờ 2 thửa 506) đến đường bộ ven biển	1,00
	Từ cổng Chào Hải Chính cũ đến nhà bà Xuyến (Tờ 61, thửa 185)	1,00
	Từ dốc chợ Đập cũ (Tờ 74, thửa 114) đến đường bộ ven biển	1,00
	Từ Cầu ông Phương Hải Chính cũ (Tờ 63, thửa 106) đến nhà ông Tinh (Tờ 75, thửa 87)	1,00
	Đường Đông sông Múc A (từ giáp xã Hải Hậu tờ 84, thửa 145) đến đường 488C (tờ 121, thửa 91)	1,00
	Từ trường tiểu học Hải Chính đến hết KDC thôn Trung Châu	1,00
	Từ đường 488C đến cống ông Sửu thôn Quang Trung	1,00
	Từ cầu Cồn Trong đến Trường mầm Non Hải Tân	1,00
	Từ Trường mầm Non Hải Tân đến cầu ông Túy	1,00
	Từ cầu ông Kết đến giáp xã Hải Hậu	1,00
	Từ cầu ông Kết đến nhà Bà Ngọt (giáp trại chăn nuôi)	1,00
10	**Đường liên Thôn**	
	Từ cầu ông Thành thôn 24 đến Trạm Y tế Hải Tân	1,00
	Đường phía Bắc của đường An Đông: Từ Nhà văn hóa thôn 22 đến nhà bà Thành thôn 15	1,00
	Đường phía Bắc của đường An Đông: Từ cầu ông Tiển thôn 14 đến cầu bà Tiệp thôn 15(giáp cầu Thống đường)	1,00
	Từ Cầu Miếu Thôn 14 đến cầu ông Kết (thôn 18)	1,00
	Từ Nhà ông Huấn Thôn 18 đến nhà ông Hùng thôn 15 (giáp cầu nhà thờ Tứ Trùng)	1,00
	Từ nhà ông Hùng thôn 15 (giáp cầu nhà thờ Tứ Trùng) đến nhà ông Lịch thôn 20	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ Cầu ông Túy thôn 18 đến nhà ông dương Thôn 19 (nam sông Múc 16)	1,00
	Từ nhà ông Năm Thôn 19 đến giáp cầu Cồn trong (nam sông Múc 16)	1,00
	Từ cầu Ông Dũng Thôn 20 qua cầu ông Sinh thôn 2 đến giáp đường 488C	1,00
	Từ đường phía Nam của đường An Đông từ đường Long Sơn (tờ 91, thửa 315) đến nhà ông Mạnh (tờ 90, thửa 8)	1,00
	Từ đường bộ ven Biển đến cầu ông Hiền thôn 12	1,00
	Từ đường 488C (thôn 8) đến cầu ông Khảm thôn 12	1,00
	Từ đường 488C (tờ 42, thửa 98) đến Từ đường 488C (tờ 42, thửa 98)	1,00
	Từ ông Phú thôn Đ đến ông Quang thôn Tây Cát	1,00
	Từ đường 488C (tờ 42 thửa 151) đến ông Thắng (tờ 40 thửa 52)	1,00
	Từ đường 488C (thôn Đ) đến cầu ông Phương thôn B	1,00
	Từ đường 488C (tờ 41, thửa 164) đến ông Văn (tờ 41, thửa 103)	1,00
	Từ nhà bà Thủy (tờ 42, thửa 20) đến đường bộ ven biển (tờ 43, thửa 41)	1,00
	Từ đường 488C (tờ 40, thửa 122) đến cầu ông Bình (tờ 40, thửa 130)	1,00
	Từ cống C2 (tờ 52, thửa 37) đến đường bộ ven biển (tờ 58, thửa 56)	1,00
11	**Đường trục Thôn**	
	Từ cầu ông Tương đến nhà ông Thái Thôn 14 (Giáp đường trục xã)	1,00
	Từ cầu ông Hoài (Tờ 125, thửa 106) đến nhà ông Mùi thôn 14 (tờ 127, thửa 30) (Giáp đường trục xã)	1,00
	Từ cầu ông Tiệp (Tờ 130, thửa 86) đến nhà ông Quang thôn 16 (Tờ 131, thửa 300) (Giáp đường trục xã)	1,00
	Từ nhà bà Loan Tám (Tờ 139, thửa 537) đến nhà ông Hoàn thôn 18 (Tờ 139, thửa 300)	1,00
	Từ nhà Ông Sơn đến cầu ông Thon thôn 20	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ nhà bà Mận Dũng (Tờ 138, thửa 137) đến cầu ông Phương thôn 20(tờ 138, thửa 159)	1,00
	Từ Nhà ông Huân (Tờ 139, thửa 431) qua nhà bà Cường đến nhà bà Mịch Thôn 19 (Tờ 138, thửa 413)	1,00
	Từ nhà Ông Giang (tờ 138, thửa 411) đến ngã ba ông Hòa thôn 19	1,00
	Từ nhà ông Suy (tờ 138, thửa 312) đến nhà ông Đông Thôn 19 (tờ 138, thửa 440).	1,00
	Từ cầu bà Hải (Tờ 138, thửa 583) đến ngã ba ông Hòa thôn 19	1,00
	Từ cổng làng Thôn 29 đến Nhà ông Đóa thôn 29	1,00
	Từ nhà bà Điện (Thôn 29) đến giáp trại chăn nuôi	1,00
	Từ Cổng làng Thôn 27 (cạnh nhà ông Tuấn) đến nhà ông Rư (Tờ 113, thửa 178)	1,00
	Từ Nhà bà Lan (Tờ 121, thửa 260) đến nhà ông Cương thôn 30 (Tờ 120, Thửa 97)	1,00
	Từ Nhà ông Thắng (Tờ 119, thửa 26) đến nhà ông Huyến thôn 31 (Tờ 120, Thửa 90)	1,00
	Từ nhà ông Quế (Tờ 120, thửa 336) đến nhà bà Nga thôn 31 (Tờ 117, thửa 171)	1,00
	Từ đường 488C đến cầu ông Hùng thôn Lê Lợi	1,00
	Từ nhà ông Hương thôn 8 đến đường bộ ven biển	1,00
	Từ nhà bà Liên thôn 8 đến đường bộ ven biển	1,00
	Từ nhà ông Chinh đến nhà ông Dinh thôn 9	1,00
	Từ nhà ông Hưởng đến nhà ông Cao thôn 9	1,00
	Từ nhà ông Hướng đến nhà ông Rồng thôn 10	1,00
	Từ nhà ông Chiến đến nhà ông Lưu thôn 11	1,00
	Từ trường Mầm Non khu B đến nhà ông Tiếp thôn 11	1,00
	Từ nhà ông Hiền đến cầu ông Công thôn 12	1,00
	Từ nhà ông Đệ đến cầu ông Thành thôn 13	1,00
	Từ cầu ông Quang đến cầu ông Giá thôn Tây Cát	1,00
	Từ nhà ông Chương đến nhà ông Doanh thôn Tây Cát	1,00
	Từ nhà ông Khoa đến nhà bà Tươi thôn Văn Lý	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ nhà ông Hồng đến nhà ông Hùng thôn Văn Lý	1,00
	Từ nhà ông Tuệ (tờ 41, thửa 304) đến nhà ông Chương (tờ 42, thửa 523)	1,00
	Từ Ngã tư ông Thắng (thửa 42; tờ 62) thôn Bắc Sơn đến nhà ông Dũng (thửa 36; tờ 58) thôn Hữu Nghị	1,00
	Từ Ông Chỉnh (Thửa 66, tờ 61) đến Ông Vụ (Thửa 40, tờ 60)	1,00
	Từ Cống Đá thôn Tây Sơn đến nhà ông Thông (thửa 263; tờ 75) thôn Sơn Đông	1,00
	Từ nhà ông Nam (thửa 92; tờ 75) đến Đường bộ ven biển	1,00
	Từ nhà ông Uý (thửa 105; tờ 75) đến Đường bộ ven biển	1,00
	Từ Cổng chào thôn Tây Ninh đến Đường bộ ven biển	1,00
	Từ cầu ông Quỳnh qua cầu bà Đang đến giáp xã Hải Xuân	1,00
	Các Tuyến trục Thôn (Có chiều rộng mặt cắt hiện trạng từ 3,0 - 5m) thuộc các Thôn: 3, 4	1,00
	Các Tuyến trục Thôn (Có chiều rộng mặt cắt hiện trạng từ 3,0 - 5m) thuộc các Thôn: 1, 2, 5, 6, 7	1,00
	Từ Cầu ông Roãn (tờ 9, thửa 315) đến nhà ông Điệp (tờ 6, thửa 143)	1,00
	Từ nhà ông Ưng thôn 19 (tờ 138, thửa 292) đến nhà ông Việt thôn 19 (tờ 138, thửa 498)	1,00
12	**Khu dân cư tập trung Hải Chính**	
	Đường N3, D2	1,00
	Các thửa (lô) đất còn lại	1,00
13	**Khu dân cư tập trung Xóm B Xã Hải Lý**	1,00
14	**Khu tái định cư và khu dân cư tập trung xóm Tây Cát** (thuộc xã Hải Lý cũ)	
	Các thửa đất thuộc lô CL1 (gồm các thửa: CL1-17 đến CL1-29); các thửa đất thuộc lô CL2 (gồm các thửa CL2-2 đến CL2-7)	1,00
	Thửa đất thuộc lô CL2 (thửa: CL2-01); các thửa đất lô CL1 (gồm các thửa: CL1-01 đến CL1-16)	1,00
15	**Khu tái định cư và khu đô thị thương mại Cồn - Văn Lý**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Trục đường từ Quốc lộ 21 đường N3 đến D3	1,00
	Từ đường D3 của N3 đến D5	1,00
	- Trục các đường N4, N5, D1, D2, D3	1,00
	- Trục đường từ D4 đến N3 (Ngang, dọc khu giữa và xung quanh hồ)	1,00
	Các thửa (lô) đất liền kề còn lại	1,00
	Các lô Biệt thự quay ra hồ	1,00
	Các lô Biệt thự còn lại	1,00
16	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3 - 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00
17	**Khu dân cư tập trung Hải Sơn**	
	Đường D1	1,00
	Đường còn lại	1,00

45. Xã Hải An

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 21**	
	Từ giáp Hải Thịnh đến giáp xã Minh Thái	1,00
2	**Tỉnh lộ 488C**	
	Từ giáp Hải Xuân đến hết đê Ninh Cơ	1,00
3	**Đường An Đông**	
	Từ giáp Hải Anh (chợ An Lạc) đến hết đê Ninh Cơ	1,00
4	**Các đoạn đường khác**	
	Đoạn từ đê sông Ninh Cơ đến cống ông Cao	1,00
	Đoạn từ Chùa An Nhân đến cống ông Cao (Mai Văn Cao)	1,00
	Đoạn từ nhà ông Sinh đến xã Minh Thái	1,00
	Đoạn từ nhà ông Năm đến xã Minh Thái	1,00
	Đoạn từ nhà ông Đồng đến nhà ô Chải	1,00
5	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 4m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 2m-4m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 2m	1,00
6	**Khu dân cư tập trung Hải Phong**	
	Đường N1	1,00
	Đường N2, N3, N4	1,00
	Đường N5, N6	1,00
	Đường D1, D4	1,00
	Đường D2, D3	1,00

46. Xã Hải Xuân

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường QL 21**	
	Từ lối rẽ vào cổng giáo họ Xuân Phong đến giáp Hải Thịnh	1,20
	Cống Xuân Hương đến biển mốc khu vực biên giới, lối rẽ vào cổng giáo họ Xuân Phong	1,20
	Từ giáp Hải Tiến đến giáp Cống Xuân Hương	1,20
2	**Đường 488C**	
	Từ giáp xã Hải An đến cửa hàng thép Phú Cường	1,20
3	**Đường 488C (Đường 50A cũ)**	
	Từ cửa hàng thép Phú Cường đến giáp Hải Tiến	1,20
4	**Đường bộ ven biển đoạn từ xã Hải Chính đến Cống Sông 1-5**	1,20
5	**Đường bộ ven biển đoạn từ Cống Sông 1-5 đến vị trí đấu nối vào đường 21**	1,20
6	**Đường liên xã**	
	Từ cống bà Riệm đi Hải Ninh đến giáp Hải Châu	1,20
7	**Đường trục xã**	
	Từ giáp QL 21B đến giáp Đê biển	2,00
	Đường trục xã	2,00
8	**Đường trục xã còn lại**	
	Đoạn từ giáp Cầu UBND xã Đến Giáp xã Hải Triều	1,20
	Đoạn từ Giáp Đê Biển đến Chợ Cồn Tròn	1,20
9	**Đường liên xóm**	1,20
10	**Đường Trung Hòa**	
	Từ nhà ông Đặng đến giáp Hải Đường	1,20
11	**Đường Tây sông Múc**	
	Đoạn từ giáp TT Cồn đến cầu Xuân Hương	1,20
12	**Khu dân cư tập trung xã Hải Xuân**	
	Đường D3, D2	1,20
	Đường N1	1,20
	Đường N2, N4	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường N3	1,20
	Đường D1	1,20
	Đường D4	1,20
	Các lô Biệt Thự	1,20
13	**Khu dân cư tập trung Hải Cường**	
	Đường D2, D3	1,20
	Các thửa (lô) đất còn lại	1,20
14	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,20
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m-5m	1,20
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,20
15	Đường Xuân Cường: từ trường Mầm non khu B Hải Cường đến QL 21	1,00
16	**Đường tỉnh 487C (ĐT 487C)**	
	ĐT 487C: Từ giáp Hải Cường đến QL21B	1,00
	ĐT 487C: Đoạn từ giáp Hải Tiến đến giáp Hải Hòa	1,00

47. Xã Hải Quang

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực mới	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 21**	
	Từ giáp Hải Hưng đến giáp thị trấn Cồn	1,00
2	**Đường Tỉnh lộ 488C**	1,00
3	**Đường Nam Đông**	1,00
4	**Đường bộ ven biển**	1,00
5	**Đường trục xã - liên xóm**	
	Đoạn mới (từ ngã 3 Xuân Hà đến ngã tư đường bộ ven biển đê)	1,00
	Đường trục Tây Cát - Hải Điền (Từ nhà ông Nhân đến Cầu Hải Điền)	1,00
	Đường trục Tây Cát - Nam Châu (Từ nhà ông Túc đến dốc đường bộ ven biển)	1,00
	Đường trục Trần Phú - Nam Giang	1,00
	Đường trục Nam Giang - Hợp Thành (Từ ngã ba ông Hiện đến hết ngã ba đê Đông Hải)	1,00
	Đoạn từ dốc bà Đạt xóm 1 đến cầu ông Nhất (xóm 1)	1,00
	Đoạn từ cầu ông Toản xóm 1 đến cầu ông Hợp (xóm 3)	1,00
	Đoạn từ cầu ông Hợp xóm 3 đến cầu ông Bảy (xóm 4)	1,00
	Đoạn từ cầu ông Nhất xóm đến giáp xã Hải Tiến (xóm 7)	1,00
	Đoạn từ cầu ông Nhất xóm 1 đến cầu ông Hàm (xóm 6)	1,00
	Đoạn từ cầu ông Hàm xóm 6 đến cống chùa	1,00
	Đoạn từ nhà ông Quyết xóm 6 đến cầu ông Hải xóm 5	1,00
	Đoạn từ cầu ông Bằng xóm 7 đến cầu ông Khánh xóm 5	1,00
	Đoạn từ dốc ông Trình đến ông Ry xóm 4	1,00
	Đoạn từ dốc ông Lâm đến cống chùa xóm 3	1,00
	Đoạn từ cống chùa xóm 3 đến cầu ông Tùng xóm 5	1,00
	Đoạn từ dốc ông Chuyên xóm 2 đến cầu ông Giám xóm 6	1,00
	Đoạn từ cầu ông Giám xóm 6 đến cầu bà Giác xóm 7	1,00
	Đoạn từ nhà ông Chu (xóm Quang Hải) đến ngã ba ông Tứ (xóm Quang Hà)	1,00
	Đoạn từ ngã tư ông Viên (xóm Quang Thanh) đến ngã ba ông Thuyên (xóm Quang Tây)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực mới	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đoạn từ Cống Âu (xóm Quang Thanh) đến ngã ba cầu ông Tú (xóm Quang Tây)	1,00
	Đoạn từ ngã ba ông Vy (xóm Quang Bắc) đến ngã ba ông Thụy (xóm Quang Nam)	1,00
	Đoạn từ Trường Mầm Non khu 2/9 đến giáp Tỉnh lộ 488C (xóm Quang Trung)	1,00
6	**Đường trục xã (đường 15)**	
	Đoạn từ cầu ông Quế đến nhà cầu ông Dung	1,00
	Đoạn từ cầu ông Dung đến cầu ông Đề	1,00
	Đoạn từ cầu ông Đề đến nhà cầu ông Khanh	1,00
7	**Đường trục xã (đường 16)**	
	Đoạn từ nhà bà Liễu đến ngã 3 ông Tứ	1,00
	Đoạn từ ngã ba ông Tứ đến cầu ông Kim	1,00
	Đoạn từ cầu ông Kim đến cầu ông Ký	1,00
8	**Khu dân cư tập trung xã Hải Đông**	
	Đường D1	1,00
	Các thửa (lô) đất còn lại	1,00
9	**Khu dân cư tập trung xã Hải Quang**	
	Tuyến đường D3 (Đường Quang - Thanh)	1,00
	Đường N1	1,00
	Đường N2, N3, N4, D1, D2	1,00
	Các lô Biệt thự	1,00
10	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m-5m	1,00
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,00

48. Xã Hải Thịnh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 21**	
	Đường từ giáp xã Hải Xuân đến cảng cá ninh cơ	1,20
2	**Quốc lộ 21B**	
	Từ giáp xã Hải An đến ngã 5 Hải Châu	1,20
3	**Đường trục xã**	
	Đường từ nhà nghỉ Công đoàn đến nhà nghỉ Dệt	1,20
	Đường từ đồn Biên phòng đến Quốc lộ 21	1,20
	Đường từ Cầu Đen đến Cầu Bà Riệm	1,20
	Đường từ Cầu Cửa Hàng đến đến cầu Trạm Y Tế	1,20
	Đường từ Quốc Lộ 21B đến Cầu NVH xóm 1	1,20
	Đường từ Cầu NVH xóm 1 đến Quốc Lộ 21	1,20
	Đường từ Đê Bắc đến Cầu Kho 68	1,20
	Đường từ Cống Châu đến Giáo sứ Tư Khẩn	1,20
	Đường tây UBND Hải Thịnh từ giáp sông 1-5 đến đê biển	1,20
	Đường từ cống 1/5 đến giáp xã Hải Xuân	1,20
	Đường từ xí nghiệp cá Ninh Cơ đến trạm điện TDP 17 Thịnh Long cũ	1,20
	Đường từ HTX Tân Hải ra khu du lịch	1,20
	Từ ngã ba TDP 12 (Thịnh Long) đến ngã ba trường PTTH Thịnh Long	1,20
	Đường từ ngã ba trường PTTH Thịnh Long đến đê biển	1,20
	Đường từ nhà văn hóa xóm 18 đến giáp đường từ HTX Tân Hải ra khu du lịch	1,20
	Đường Ven Sông 1/5(đường Đông): Từ TDP 1 đến TP 13	1,20
	Đường nhựa từ nhà ông Chỉnh đến tuyến đường lên đê thuộc tổ dân phố 22 (Thịnh Long cũ)	1,20
	Đường từ trụ sở Đảng ủy xã Hải Thịnh đến trường Mầm Non	1,20
	Đường từ ngã 5 Hải Châu đến cầu Trạm xá	1,20
	Tuyến đường trục Thịnh Long, xã Hải Thịnh	1,20
4	**Khu dân cư tập trung xã Hải Ninh**	
	Đường D1, N4	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường N1, N2, N3, D2, D3	1,20
	Các lô Biệt thự	1,20
5	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,20
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m-5m	1,20
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,20
21	**Đường từ cống nhà ông Huynh đến cống nhà ông Minh**	1,20
22	**Đường từ cống nhà ông Kiên (máy sát) đến giáp sông huyện**	1,20
23	**Đường từ cống chéo (đường tây sông huyện) đến hết khu dân cư xã Hải Ninh cũ**	1,20
24	**Đường khu dân cư Nam Cường giáp bờ sông huyện**	1,20
25	**Khu Tái định cư tập trung do xây dựng Nhà máy nhiệt điện BOT Nam Định 1**	
	Các lô tiếp giáp sông Đối 37 (cạnh Quốc lộ 21B)	1,00
	Các đường còn lại	1,00

49. Xã Hải Hưng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 21B**	
	Từ bảng đường Hải Vân đến Cầu chợ Trâu	1,30
	Từ cầu chợ Trâu đến Giáp Hải Thanh	1,30
	Phía Đông đường Quốc lộ 21B (Từ giáp Hải Nam đến Chợ Cầu)	1,30
	Từ giáp Xuân Ninh đến Hết nghĩa trang Hải Hưng	1,30
	Từ nghĩa trang Hải Hưng đến Giáp đường vào trụ sở Công an xã	1,30
	Từ đường vào trụ sở Công an xã đến Giáp xã Hải Hậu	2,00
	Từ giáp xã Hải Hậu đến Giáp xã Hải Quang	1,20
2	**Quốc lộ 37B (Đường tỉnh lộ 486B. 56 cũ)**	
	Từ Cầu Hải Phúc (cầu Trạm cũ) đến Cầu Hà Lạn	1,50
	Từ Cầu chợ Cầu đến Giáp Cầu Hải Phúc (cầu Trạm cũ)	1,50
3	**Đường 489 (Đường 51 cũ)**	
	Từ giáp Quốc lộ 21B đến Cầu Cao	1,10
	Từ cầu Cao đến Cầu Thức Khóa	1,10
4	**Đường 488C (Đường 50B cũ)**	
	Từ ngã ba giáp đường quốc lộ 37B đến Giáp xã Hải Quang	1,10
5	**Đường Ven Biển**	
	Từ giáp Hải Lộc đến Ngã tư vòng xuyến	1,30
6	**Đường Nam Đông**	
	Đoạn từ trường Mầm non Trà Trung đến Quốc lộ 21B	1,20
	Đoạn từ giáp cầu Trạm Hải Phúc đến trường Mầm non Trà Trung	1,20
	Đoạn từ cầu Trạm đến giáp trụ sở Công An xã Hải Lộc (cũ)	1,00
	Đoạn từ trụ sở Công an Hải Lộc (cũ) đến giáp xã Hải Quang	1,00
7	**Đường tránh Hải Hưng**	
	Từ giáp xã Hải Hậu đến Giáp khu Tái định cư và khu DCTT xã Hải Hưng	1,30
8	**Đường trục xã**	
	Từ giáp Hải Thanh đến Cầu Chợ Quán (đường Tây)	1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Từ giáp Hải Thanh đến Cầu Chợ Quán (đường Đông)	1,30
	Từ giáp Quốc Lộ 37B - trụ sở Đảng ủy xã	1,30
	Đoạn từ Nhà Văn hóa xóm 3 cũ (thửa 83, tờ số 21) - Nhà ông Đàng xóm Dũng Tiến (Thửa 36, tờ số 19)	1,30
	Đoạn từ giáp Hải Hà đến giáp Hải Đông	1,20
	Từ Cổng chào Hải Vân đến Cầu Đá Đôi	1,30
	Từ Trường Tiểu Học đến Chợ Trung Thành	1,30
	Từ cầu Đá Đôi đến Sông Rộc (giáp nhà ông Thường)	1,30
	Từ Quốc Lộ 21B đến Cầu Vân Nam mới	1,30
	Từ cầu Chợ Trâu đến Chợ Trung Thành	1,30
	Đường trục xã còn lại	1,30
10	**Đường liên xóm**	1,00
	Từ Quốc Lộ 21B đến Trạm điện xóm 11	1,50
	Từ Quốc Lộ 21B đến Sông Rộc	1,50
	Đường liên xóm còn lại	1,50
11	**Khu dân cư tập trung xã Hải Vân**	
	Đường N1	2,00
	Đường N2, N3, D1, D2, D3	2,00
	Đường N4	2,00
	Các lô đất biệt thự	2,00
12	**Khu dân cư tập trung Cánh Tây xóm 9 (Hải Nam)**	
	Đường N1	1,00
	Các đoạn đường nhánh còn lại	1,00
13	**Khu dân cư tập trung xã Hải Lộc**	
	Đường D1	1,80
	Các đoạn đường nhánh còn lại	1,80
	Đường N4	1,80
14	**Khu dân cư thương mại Hải Thanh**	
	Đường D1	1,00
	Đường D2	1,10
	Đường D3	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	Đường N1, N3	1,10
	Đường N2	1,20
	Các lô Biệt thự giáp đường D3, D4	1,20
15	**Khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Hải Hưng**	
	Từ giáp xã Hải Hậu - giáp đường Quốc lộ 21B	1,00
	Đường N1, N3, N4	1,00
	Đường D1	1,00
	Đường D2	1,00
	Đường D4	1,00
	Đường D5, D6	1,00
	Đường D7	1,00
	Đường N7, N9	1,00
	Các lô Biệt thự giáp đường N3	1,20
	Các lô Biệt thự giáp đường N5, N6, D3	1,20
	Các lô Biệt thự giáp đường D4	1,20
16	**Khu dân cư tập trung Hải Hà**	
	Đường D1, D4	1,00
	Các đoạn đường nhánh còn lại	1,00
17	**Đường Nam Định- Lạc Quần (Đoạn qua Hải Nam)**	1,00
18	**Đường trục trung tâm Hải Hậu (Đoạn qua xã Hải Hưng)**	1,00
19	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**	
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	1,10
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m -5m	1,10
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1,10
20	**Khu đô thị Yên Định và Khu DCTT Hải Hưng, xã Hải Hưng**	
	Các tuyến đường trong khu đô thị	1,00
	Các lô đất tiếp giáp đường Tránh Yên Định	1,00

50. Xã Liêm Hà

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**Các tuyến đường trục chính**	
1	**Đường Quốc lộ 1A**	
1.1	Đoạn từ giáp phường Phủ Lý (đường ĐT495) đến đường Quốc lộ 21 (đường ĐT494 cũ)	1,10
1.2	Đoạn từ đường Quốc lộ 21 (đường ĐT494 cũ) đến giáp xã Tân Thanh	1,10
2	**Đường Quốc lộ 21:** Đoạn ngã tư giao Quốc lộ 1A (đường ĐT494 cũ) đến giáp phường Liêm Tuyền	1,10
3	**Đường Quốc lộ 21A:** Từ giáp phường Liêm Tuyền đến hết đất xã Liêm Hà (giáp xã Bình Mỹ)	
3.1	Dãy phía Bắc đường	1,10
3.2	Dãy phía Nam đường (giáp đường tàu)	1,10
4	**Đường tránh Quốc lộ 1A (đường tránh Phủ Lý):** Đoạn từ ngã tư giao Quốc lộ 1A đến giáp phường Châu Sơn	1,10
5	**Đường ĐT495:** Đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp xã Tân Thanh	1,10
6	**Đường ĐT499B**	
6.1	Đoạn từ giáp xã Thanh Bình đến Cầu Cả	1,10
6.2	Đoạn từ Cầu Cả đến Quốc lộ 21A	1,10
II	**Các tuyến đường xã**	
1	**Đoạn giao từ Quốc lộ 1A đến hết đường ĐT495**	
1.1	Đoạn giao từ Quốc lộ 1A đến hết dự án Khu làng nghề thêu ren	1,10
1.2	Đoạn từ dự án Khu làng nghề thêu ren đến đường ĐT495	1,10
2	**Đường ĐH11:** Từ Quốc lộ 1A đến đường ĐT 495	1,10
3	**Đường WB2:** Từ đường ĐT495 Cầu Dương Xá đến giáp phường Phủ Lý	1,10
4	**Đường ĐH03:** Từ Quốc lộ 21A đến hết đất xã Liêm Hà (giáp phường Liêm Tuyền)	1,10
5	**Đường ĐH04**	
5.1	Từ Quốc lộ 21A đến Quốc lộ 21B.	1,10
5.2	Từ Quốc lộ 21B đến giáp phường Liêm Tuyền	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
6	**Đường ĐH07:** Từ đường ĐT499B (Trung tâm điều dưỡng thương bệnh binh nặng Liêm Cần) đến giáp xã Tân Thanh	1,10
7	**Đường Xã lộ 1 (XL1):** Từ đường ĐT499B qua chùa Động Tứ đến đường gom đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	1,10
III	**Các tuyến đường thôn**	
1	**Đường thôn Mậu Chử**: Từ Xí nghiệp may 199 đến đường ĐT495	1,10
2	**Đường liên thôn Dương Xá - Mậu Chử:** Từ Quốc lộ 1A qua nhà thờ giáo họ Mậu Chử đến đường ĐT495	1,10
3	**Đường liên thôn Ứng Liêm - Thạch Tổ:** Từ cầu Đá thôn Ứng Liêm đến hết khu dân cư Thạch Tổ giáp phường Phủ Lý	1,10
4	**Các tuyến đường thôn:** Các nhánh rẽ từ đường ĐT495 vào các thôn: Hòa Ngãi, An Hòa, Dương Xá, Mậu Chử, Thạch Tổ, Ứng Liêm	1,10
5	**Dãy 2 đường Quốc lộ 21A**: Từ đường ĐT499B đến hết đất xã Liêm Hà (giáp phường Phủ Lý)	1,10
6	**Đường trục thôn Nhất Nhì, Tam Tứ, Ngũ Cói, Vực Trại Nhuế**	1,10
7	**Đường thôn Hoàng Mai Yên**: Từ Quốc lộ 21A vào thôn Hoàng Mai Yên (thôn Hoàng Xá cũ, thôn Mai Lĩnh cũ; thôn Yên Việt cũ)	1,10
8	**Đường CT6**: Từ đường ĐH04 (thửa 175, TBĐ 64 đến giáp Sông Biên Hòa (thửa 157, TBĐ 64) và đoạn từ đường ĐH04 (thửa 175, TBĐ 64) đến thôn Nguyễn Trung (thửa 17, TBĐ 65)	1,10
9	Đường từ đường ĐH04 (Trạm y tế Liêm Phong) vào thôn Yên Thống đến thửa đất 22, TBĐ 64	1,10
10	Đường từ đường ĐH04 đến Đình thôn Yên Thống;	1,10
11	**Đường trục thôn Yên Thống**: Từ đường CT6 đến thửa 12, TBĐ 64	1,10
12	**Đường trục thôn Hoàng Mai Yên, Nguyễn Trung, Cự Xá, Yên Thống**	1,10
13	**Đường thôn Nguyễn Trung** - Từ Quốc lộ 21A đi vào thôn Nguyễn Trung;	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	- Từ Quốc lộ 21A đi vào thôn Nguyễn Trung đến gặp đường CT6.	
14	**Khu dân cư còn lại**	1,10
15	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**	
15.1	Các tuyến đường quy hoạch có mặt cắt ngang từ 17m trở lên	1,10
15.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m	1,10
15.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 13m	1,10
15.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m	1,10

51. Xã Tân Thanh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**Các tuyến đường trục chính**	
1	**Đường Quốc lộ 1A:** Từ giáp xã Liêm Hà đến giáp xã Thanh Liêm	1,00
2	**Đường ĐT495**	
2.1	**Đoạn từ giáp xã Liêm Hà đến gặp đường T2**	
2.1.1	Vị trí tại xứ đồng: Mạ Quan Ngoài; Làn Xì – Tổ dân phố Lã; Mạ Đầu Chùa – Tổ dân phố Lãm	1,00
2.1.2	Vị trí tại xứ đồng: Mạ Nền Đình; Mả Vũ - Tổ dân phố Ninh Tảo; Dọc Nàng – Tổ dân phố Lã	1,00
2.2	Đoạn từ đường T1 qua cầu Nga đến giáp Trường Trung học cơ sở Thanh Liêm A	1,00
2.3	Đoạn từ cầu Nga Nam đến hết đất xã Tân Thanh (giáp xã Thanh Bình)	1,00
2.4	Đường T1 đến giáp xã Liêm Hà	1,00
3	**Đường ĐT499B**	
3.1	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến lối rẽ Nhà thờ An Hòa - hộ ông (bà) Qúy (thửa 314, PL3)	1,20
3.2	Đoạn từ lối rẽ Nhà thờ An Hòa - hộ ông (bà) Tiến (thửa 362, PL3) qua Cầu Nga đến giáp xã Thanh Bình	1,20
4	**Đường T1:** Đoạn từ đường Quốc lộ 1A đến chân Cầu Vượt Chằm - Thị, xã Thanh Bình	1,20
5	**Đường ĐT495C:** Từ giáp đất phường Châu Sơn đến hết đất xã Tân Thanh	1,20
6	**Đường ĐT 494C**	
6.1	Từ giáp phường Châu Sơn đến hết Nhà máy xử lý rác của Công ty Môi trường Thanh Thủy	1,00
6.2	Công ty TNHH Sơn Hữu đến giao với đường ĐT 495C	1,00
7	**Đường trục vành đai kinh tế T4**: Đoạn từ giáp xã Liêm Hà đến giáp xã Thanh Liêm	1,00
II	**Các tuyến đường xã**	
1	**Đường ĐH06**	
1.1	Từ Trạm điện Trung gian đến đường ĐH10	1,35
1.2	Từ đường ĐH10 đến giáp xã Thanh Liêm	1,35

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
2	**Đường ĐH07**: Từ trạm bơm Võ Giang qua Quốc lộ 1A đến hết đất xã Tân Thanh (giáp xã Liêm Hà)	1,35
3	**Đường ĐH08**: Đoạn từ giáp phường Châu Sơn đến giáp xã Thanh Lâm	1,35
4	**Đường ĐH10**: Đoạn từ giáp xã Thanh Lâm qua Quốc lộ 1A đến hết đất xã Tân Thanh (giáp xã Thanh Bình)	1,35
III	**Các tuyến đường thôn**	
1	Đoạn từ Bưu điện đến hết địa phận xã (Đường ĐH02 cũ; thửa 18, PL01)	1,35
2	**Đường liên thôn Non - Đạt Hưng - Lãm**: Đường từ đường ĐT499B đi Trường THCS Đinh Công Tráng qua thôn Đạt Hưng đến thôn Lãm (gặp đường ĐT495)	1,35
3	Đoạn từ đường ĐT499B đi vào khu tập thể CBCNVC Bệnh viện; đến cầu Lò Ngói (Trường tiểu học khu B); đến Cống Non.	1,35
6	Đoạn từ Cầu Đồng Bến đến Nhà văn hoá thôn Đồi Ngang;	1,35
7	Đoạn từ Cầu An Lạc đi thôn Ba Nhất (thôn Sơn Thông cũ)	1,35
8	Đoạn từ đường Quốc lộ 1A đi đến giao đường ĐT499B	1,35
9	Đường từ Đình Bóng (ĐT499B) giao cắt đường ĐH07	1,35
10	Đoạn từ đường Quốc lộ 1A đi đến thôn Đinh Đồng	1,35
11	Đoạn từ đường thôn Ba Làng đến đường ĐH07	1,35
12	Các nhánh rẽ còn lại từ Quốc lộ 1A vào các thôn	1,35
13	Đoạn đường nối từ đường ĐH07 đến đường ĐH10	1,35
14	Đường dọc bờ sông phía tây sông Đáy	1,35
15	Đường từ cầu Đồng Ao đến đường ĐT494C	1,35
16	Các nhánh rẽ từ đường ĐH08 vào các thôn: Trung Thứ, Trung Thành, Lường Phượng, Đình Hậu, Bến, Đò, Ô Cách	1,35
17	**Khu dân cư còn lại**	1,45
18	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau**:	
18.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17m trở lên	1,35
18.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m	1,35
18.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 13m	1,35
18.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m	1,35

52. Xã Thanh Bình

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**Các tuyến đường trục chính**	
1	**Đường ĐT495:** Từ giáp xã Tân Thanh (chùa Nga) đến hết đất xã Thanh Bình (giáp xã Thanh Liêm)	
1.1	Đoạn từ giáp xã Tân Thanh (chùa Nga) đến hết đất Khu đấu giá Nga Nam	1,00
1.2	Từ hết đất Khu đấu giá Nga Nam đến hết đất xã Thanh Bình (giáp xã Thanh Liêm)	1,00
2	**Đường ĐT499B:** Từ giáp xã Tân Thanh (chùa Nga) đến hết đất xã Thanh Bình (giáp xã Liêm Hà)	
2.1	Đoạn từ giáp xã Tân Thanh (chùa Nga) đến chân Cầu vượt (hộ Ông (bà) Thức PL 08, thửa 14)	1,00
2.2	Đoạn từ chân Cầu vượt (hộ Ông (bà) Thức PL 08, thửa 14) đến hết đất xã Thanh Bình (giáp xã Liêm Hà)	1,00
3	**Đường 495B:** Từ giáp xã Thanh Liêm đến hết đất xã Thanh Bình (giáp xã Bình Sơn) - Tuyến chính	
3.1	Đoạn từ giáp xã Thanh Liêm đến nút giao Liêm Sơn	1,00
3.2	Đoạn từ nút giao Liêm Sơn đến hết đất xã Thanh Bình (giáp xã Bình Sơn)	1,00
II	**Các tuyến đường xã**	
1	**Đường ĐH10**	
1.1	Đoạn từ đường ĐT495 đến nhà ông Tuấn PL10, thửa 230 (giáp xã Tân Thanh)	1,00
1.2	Đoạn từ giáp đất xã Tân Thanh (đường vào đỉnh Lầy) đến đỉnh dốc Bưởi (giáp xã Tân Thanh - đất nhà ông Đỗ Văn Dũng)	1,00
2	**Đường ĐH12**: Đoạn từ ĐT495 (UBND xã Thanh Bình) đến dốc Đùng (giáp xã Thanh Liêm).	1,00
III	**Các tuyến đường thôn**	
1	Tuyến phía tây đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình: Từ Đường ĐT499B (đất hộ Ông (bà) Thịnh PL08, thửa 24) đến giáp đường Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	1,00
2	Tuyến phía đông đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình: Đường ĐT499B (đất hộ Ông (bà) Thà PL05, thửa 126) đến giáp đường Cao tốc Tuyến phía tây đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
3	Từ đường ĐT499B qua lối rẽ vào cổng làng thôn Lau Chảy (thôn Chảy cũ) đến sông Biên Hòa	1,00
4	Từ đường ĐT499B (phủ Chằm) đến sông Biên Hòa	1,00
5	Từ giáp đất xã Liêm Hà (giáp đất nghĩa trang Ngũ Liêm, gần đường ĐT499B) đến giáp đất thôn Hoàng Mai Yên, xã Liêm Hà, qua nhà ông Tiếp (PL1, thửa 421)	1,00
6	Từ đường ĐT499B đến đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	1,00
7	**Đường ĐX01**: Từ ngã tư Miếu Hai Cô đến cầu Đen Bắc Túc - sông Biên Hòa	1,00
8	**Đường ĐX02**: Từ đường ĐH12 đến đường ĐH10 thôn Lê Mỹ (thôn Lầy cũ).	1,00
9	**Đường ĐX03**: Từ nhà ông Thiết (PL3, thửa 86) - đường ĐX01 đến nghĩa trang Mả Búa	1,00
10	Từ Đình Hát - thôn Vỹ Khách Cầu đến cầu Đen Nam Túc (thôn Tân Tín Vọng)	1,00
11	**Đường ĐX08**: Từ Cầu vượt qua trụ sở UBND xã Liêm Túc cũ đến hết nhà ông Hợp (PL8, thửa 297)	1,00
12	Đường liên thôn từ đường ĐX08 qua Trường THCS Liêm Túc, Trường Tiểu học Liêm Túc đến đường ĐX03	1,00
13	Đường từ giáp Cao tốc Hà Nội - Ninh Bình đến cống sông Biên Hòa (giáp Nghĩa trang xứ Đồng Ngạc - thôn Chảy)	1,00
14	Từ ngã ba ông Hy thôn Thượng Cầu Vọng (PL5, thửa 50) đến ngã ba Chùa Vọng thôn Tân Tín Vọng (PL7, thửa 01)	1,00
15	Từ giáp phía Tây khu tái định cư Liêm Túc đến gặp đường ĐX08 (giáp nhà ông Bằng - PL8, thửa 299)	1,00
16	Hai bên đường sông Biên Hòa từ giáp đất xã Bình Sơn (tờ 8, thửa 637) đến hết đất xã Thanh Bình	1,00
17	**Các tuyến từ đường ĐT495 đi các thôn:** - Từ đường ĐT495 đi thôn Khoái; - Từ đường ĐT495 đến Trạm biến áp thôn Kênh Truật (thôn Truật cũ); - Từ đường ĐT495 (Trường Tiểu học Liêm Sơn B) đi Khe Mường;	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	- Từ đường ĐT495 đi thôn Sải đến gặp đường ĐH10; - Từ đường ĐT495 (Khu TĐC Liêm Túc - Vỹ Khách Cầu) đến Trạm bơm KT17; - Từ đường ĐT495 đến gặp đường ĐX02; - Từ đường ĐT495 (giáp nút giao Liêm Sơn) đến Trường THCS Liêm Sơn; - Đường KT16: Từ sông Kinh Thủy đến đường ĐT495.	
18	**Các tuyến từ đường 495B đi các thôn:**- Từ đường 495B (ngã ba rẽ vào thôn Khoái) đến gặp sông Kinh Thủy;- Từ đường 495B qua thôn Kênh Truật đến gặp sông Kinh Thủy;- Từ đường 495B đến gặp đường ĐX02;	1,00
19	**Đường bờ sông Kinh Thủy:** - Từ giáp cầu An Khoái đến Trường Tiểu học Liêm Sơn A; - Từ Cầu Lầy đến cầu Nghè 2; - Từ đường ĐH12 đến đường rẽ vào thôn Khoái	1,00
20	**Đường liên thôn Nghè Thượng - Nghè Hạ - Hạ Trung Ninh:** Từ đường ĐH10 qua chùa Nghè, chùa Đùng đi đến hết thôn Hạ Trung Ninh	1,00
21	**Khu dân cư còn lại**	1,00
22	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**	1,00
22.1	Các tuyến đường quy hoạch có mặt cắt ngang từ 17m trở lên	1,00
22.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m	1,00
22.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 13m	1,00
22.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m	1,00

53. Xã Thanh Liêm

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**Các tuyến đường trục chính**	
1	**Đường Quốc lộ 1A:** Từ giáp đất xã Tân Thanh đến hết đất xã Thanh Liêm (giáp xã Thanh Lâm)	1,00
2	**Đường ĐT495:** Từ Quốc lộ 1A (Phố Cà) đến hết địa phận xã Thanh Liêm	1,00
3	**Đường ĐT495B:** Từ giáp xã Thanh Lâm đến hết địa phận xã Thanh Liêm	1,00
II	**Các đường trục xã**	
1	**Đường ĐH02:** Đoạn từ đường ĐT495 đến hết đất xã Thanh Liêm	1,00
2	**Đường ĐH05:** Đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp đất xã Thanh Lâm	1,00
3	**Đường ĐH06:** Từ giáp xã Tân Thanh đến đường ĐT495 (giáp Công an xã Thanh Liêm mới)	1,00
4	**Đường ĐH09:** Từ đường ĐH06 đến hết đất xã Thanh Liêm (giáp xã Thanh Lâm)	1,00
5	**Đường ĐH10:** Từ giáp xã Tân Thanh qua Quốc Lộ 1A đến hết đất xã Thanh Liêm (giáp xã Thanh Lâm)	1,00
6	**Đường ĐH12:** Đoạn từ Quốc lộ 1A đến hết đất xã Thanh Liêm (giáp xã Thanh Bình)	1,00
7	**Đường ĐH13:** Từ Quốc lộ 1A đến đường ĐH12 (thôn Thong)	
7.1	Đoạn 1: Từ Quốc lộ 1A đến gặp đường ĐH14	1,00
7.2	Đoạn 2: Từ đường ĐH14 đến đường ĐH12 (thôn Thong)	1,00
8	**Đường ĐH14:** Từ Quốc lộ 1A đến đường ĐH13 (thôn Lời)	1,00
III	**Các trục đường thôn**	
1	**Đường liên thôn Môi - Chè Trình - Sở Núi**: Từ QL1A đến đường ĐT495B	1,00
2	**Đường vào thôn Chè Kho Làng (thôn Trà Châu cũ):** Từ đường ĐT495 qua thôn Chè Kho Làng đến xóm Kho Làng	1,00
3	Đường từ nghĩa trang liệt sĩ đi Kim Lũ	1,00
4	**Đường liên thôn Kim Lũ - Đại Vương**: Từ đường QL1A qua thôn Kim Lũ đến ngã ba thôn Trung Hạ Đại Vượng (giáp Đài tưởng niệm thôn Trung Hạ)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
5	Các tuyến đường từ đường ĐT495 đi thôn Mai Cầu, thôn Kim Lũ, thôn Đại Vượng	1,00
6	**Đường liên thôn Phú Gia - Mộc Tòng**: Đường ĐT495 qua thôn Phú Gia, thôn Mộc Tòng đến gặp Đường liên thôn Kim Lũ - Đại Vượng	1,00
7	Đoạn đường từ ĐH06 thôn Chè Trình (Chùa Trình) đến cầu thôn Môi	1,00
8	**Các trục đường thôn**: Tâng, Lác Nội, Trung Hạ Đại Vượng	1,00
9	**Khu dân cư còn lại**	1,00
10	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**	
10.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17m trở lên	1,00
10.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m	1,00
10.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 13m	1,00
10.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m	1,00

54. Xã Thanh Lâm

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**Các tuyến đường trục chính**	
1	**Đường Quốc lộ 1A**	
1.1	Đoạn từ giáp xã Thanh Liêm đến Sông Đáy giáp xã Gia Trấn	1,20
2	**Đường 495B:** Từ ngã ba Thanh Bồng đến hết đất xã Thanh Lâm (giáp xã Thanh Liêm)	1,00
3	**Đường ĐT495C**: Từ giáp đất xã Tân Thanh đến hết đất xã Thanh Lâm	1,00
II	**Các tuyến đường xã**	
1	**Đường ĐH08**: Đoạn từ giáp xã Tân Thanh đến hết Trạm bơm Kim Thanh	1,00
2	**Đường ĐH09:** Đoạn từ đường ĐH08 (Cống Tràng) đến giáp xã Thanh Liêm	1,00
3	**Đường ĐH10**: Đoạn từ giáp xã Thanh Liêm đến đường ĐH08 (đê tả Đáy)	
3.1	Đối với các hộ nằm phía Bắc đường	1,00
3.2	Đối với các hộ nằm phía Nam đường	1,10
4	**Đường ĐH05**: Đoạn từ giáp xã Thanh Liêm đến đường ĐH08 (đê sông Đáy)	1,00
III	**Các tuyến đường thôn**	
1	**Đường vào thôn Thử Hòa**: Các đoạn đường từ đường ĐH10 vào thôn Thử Hòa	1,00
2	Đường vào thôn Bạc (thôn Bạc Làng cũ).	1,00
3	**Đường trục xã:** Từ đường ĐH08 qua đình Thanh Khê đến hết đất xã Thanh Lâm (giáp xã Thanh Liêm)	1,00
4	**Đường trục thôn Thanh Khê**: Từ Quốc lộ 1A qua đình Thanh Khê đến đền Mẫu chùa Thanh Khê	1,00
5	**Đường vào thôn Tri Xuyên (thôn Động Xuyên, thôn Tri Ngôn cũ):** Các đoạn đường từ Quốc lộ 1A đến gặp đường ĐH08	1,00
6	**Đường vào thôn Cổ Động**: Các đoạn đường từ Quốc lộ 1A vào thôn Cổ Động đến gặp đường trục xã	1,00
7	**Các tuyến đường thôn**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
7.1	**Đường trục thôn Kênh**	
	Từ ĐH08 đến máng NT1	1,15
	Dọc theo máng NT1	1,15
7.2	**Đường trục thôn Đại Bái**	
	Từ ĐH08 đến máng NT1	1,15
	Dọc theo máng NT1	1,15
7.3	**Đường trục thôn Nham Kênh**	
	Từ ĐH08 đến máng NT1	1,15
	Dọc theo máng NT1	1,15
7.4	**Đường trục thôn Trung Hiếu Thượng - Hạ**	1,15
8	Đường đê sông Đáy thôn Trung Hiếu Thượng - Hạ	1,15
9	**Đường trục thôn Bồng Lạng**	
9.1	Từ đường 495 đến Cảng công ty Bắc Hà	1,15
9.2	Từ Cổng làng thôn Bồng Lạng qua Trung học cơ sở Thanh Nghị khu B đến bờ Sông Đáy	1,15
9.3	Từ Cổng làng thôn Bồng đến bờ Sông Đáy (PL18, thửa đất số 103)	1,15
9.4	Từ đường 495B qua chợ đến bờ Sông Đáy	1,15
10	**Khu dân cư còn lại**	1,30
11	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau**:	
11.1	Các tuyến đường quy hoạch có mặt cắt ngang từ 17m trở lên	1,00
11.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m	1,00
11.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 13m	1,00
11.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m	1,00

55. Xã Bình Lục

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**Trục đường giao thông chính**	
1	**Đường Quốc lộ 37B (đường tỉnh lộ ĐT497 cũ):** Từ Dốc Mỹ (giao với đường ĐT.491) đến giáp phường Liêm Tuyền	
1.1	Từ Dốc Mỹ (giao với đường ĐT.491) đến hết địa phận trường PTTH Bình Lục C	1,05
1.2	Từ hết địa phận trường PTTH Bình Lục C đến giáp phường Liêm Tuyền	1,05
2	**Đường ĐT496**	
2.2	Từ Dốc Mỹ đến giao với đường ĐT. 499	1,05
2.3	Từ giao với đường ĐT. 499 đến lối rẽ vào Trường THCS Tràng An	1,05
2.3	Từ lối rẽ vào Trường THCS Tràng An đến giao đường ĐX.23 (đê hữu sông Sắt)	1,05
2.4	Từ giao đường ĐX.23 (đê hữu sông Sắt) đến Cầu An Bài (giáp xã Bình An)	1,05
3	**Đường ĐT491**	
3.1	Từ giáp phường Liêm Tuyền đến đường ĐX.13	1,05
3.2	Từ đường ĐX.13 đến đập Vĩnh Trụ (giáp xã Vĩnh Trụ)	1,05
4	**Đường ĐT499**	
	Từ giáp phường Liêm Tuyền đến Cầu Châu Giang (giáp xã Nam Xang)	1,05
II	**Trục đường xã, khu dân cư**	
1	Đường ĐX.01: Từ giao với đường ĐX.04 đến giao với đường ĐT.491	1,05
2	Đường ĐX.02: Từ giao với đường ĐX.04 (trạm y tế cũ) đến giao với đường ĐX.06 (gần đền Dâu)	1,05
3	Đường ĐX.03: Từ giao với đường ĐT.491 đến giao với đường ĐX.06 (gần đền Dâu)	1,05
4	Đường ĐX.04: Từ giao với đường ĐX.03 (ngã ba dốc ông Kiệm) đến giao với đường ĐX.05 (giáp sông Châu Giang)	1,05
5	Đường ĐX.05: Từ giao với đường ĐX.04 (giáp sông Châu Giang) đến giao với đường ĐX.07 (trường mầm non thôn 1 Cát Lại cũ)	1,05

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
6	Đường ĐX.06: Từ giao với đường ĐX.04 (ngã ba ông Lực) đến Sông Châu Giang (gần đền Dâu)	1,05
7	Đường ĐX.07: Từ giao với đường ĐX.04 (ngã ba ông Nhật) đến Đường ĐT.496 (dốc bà Ngạnh)	1,05
8	Đường ĐX.08: Từ giao với đường ĐX.01 (gần Trụ sở UBND xã) đến giao với đường ĐX.05 (gần trạm bơm Thanh Lan)	1,05
9	Đường ĐX.09: Từ giao với đường ĐX.06 (ngã ba ông chiều) đến giao với đường ĐX.10	1,05
10	Đường ĐX.10: Từ giao đường ĐX.03 (gần đập Trung) đến Sông Châu Giang	1,05
11	Đường ĐX.11: Từ giao đường ĐX.03 đến Sông Châu Giang	1,05
12	Đường ĐX.12: Từ giao đường ĐT.496 đến Giao đường ĐT.496 (cầu An Bài)	1,05
13	Đường ĐX.13: Từ giao đường ĐT.491 (ngầm ngã ba chợ Sông) đến giáp phường Liêm Tuyền	1,05
14	Đường ĐX.14: Từ giao đường ĐX.03 (cổng chợ Sông) đến giao đường ĐT.491 (giáp phường Liêm Tuyền)	1,05
15	**Đường ĐX.15**	
15.1	Từ giao đường ĐT.491 đến Sông Châu Giang (cống Xi phông)	1,05
15.2	Từ Sông Châu Giang (cống Xi phông) đến giao đường ĐT.491 (gần đập Vĩnh Trụ)	1,05
16	Đường ĐX.16: Từ giao đường ĐX.17 đến Sông Châu Giang (cống Xi phông)	1,05
17	Đường ĐX.17: Từ giao đường ĐX.29 đến Nghĩa trang Ô Mễ	1,05
18	Đường ĐX.18: Từ Đường ĐT.496 (dốc ông Doan) đến Phường Liêm Tuyền	1,05
19	Đường ĐX.19: Từ giao đường ĐT.496 (gần trạm y tế Tràng An cũ) đến giao đường ĐX.21	1,05
20	Đường ĐX.20: Từ giao đường ĐT.496 đến giao đường ĐX.22	1,05
21	Đường ĐX.21: Từ giao đường ĐT.496 đến Phường Liêm Tuyền	1,05

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
22	Đường ĐX.22: Từ giao đường ĐT.496 đến Giao đường ĐX.23 (đê hữu sông Sắt)	1,05
23	Đường ĐX.23: Từ giao đường ĐT.496 đến Xã Bình Mỹ	1,05
24	Đường ĐX.24: Từ giao đường ĐT.496 (dốc ông Vị) đến Xã Bình Mỹ	1,05
25	Đường ĐX.25: Từ giao đường ĐX.21 đến giao đường ĐX.23	1,05
26	Đường ĐX.26: Từ giao đường ĐX.07 đến Sông Châu Giang (gần nhà thờ xứ An Bài)	1,05
27	Đường ĐX.27: Từ giao đường ĐT.496 đến Phường Liêm Tuyền	1,05
28	Đường ĐX.28: Từ giao đường QL.37B đến Khu đô thị Tellhome	1,05
29	Đường ĐX.29: Từ giao đường ĐT.496 (gần trường THCS Tràng An cũ) đến giao đường ĐX.01	1,05
30	Các tuyến đường ngõ xóm	1,05
31	**Các tuyến nhánh**	
31.1	Nhánh N1, N2	1,05
31.2	Nhánh N3, N4, N5, N6, N7, N8, N9, N10	1,05
31.3	Nhánh 11	1,05
32	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**	
32.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang rộng từ 17m trở lên	1,05
32.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang rộng từ 13m đến dưới 17m	1,05
32.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 13m	1,05

56. Xã Bình Mỹ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**Trục đường giao thông chính**	
1	**Đường Quốc lộ 21 (Đường Phủ Lý - Mỹ Lộc cũ):** Đoạn qua xã Bình Mỹ.	1,10
2	**Đường Quốc lộ 21A**	
2.1	Từ giáp xã Liêm Hà đến lối rẽ đường Lý Công Bình.	1,10
2.2	Từ lối rẽ đường Lý Công Bình đến hộ ông Dũng (ngõ bà Uyên).	1,10
2.3	Từ hộ ông Dũng (ngõ bà Uyên) đến đường Triều Hội.	1,10
2.4	Từ lối rẽ vào đường Triều Hội đến lối rẽ vào đường Trần Quốc Toản.	1,10
2.5	Từ lối rẽ vào đường Trần Quốc Toản đến cầu Sắt.	1,10
3	**Đường Quốc lộ 37B (đường tỉnh lộ ĐT497 cũ)**	
3.1	Từ giáp phường Liêm Tuyền đến cầu Nghĩa.	1,15
3.2	Từ cầu Nghĩa đến giáp Khu đô thị Tây Bình Mỹ.	1,15
3.3	Từ Khu đô thị Tây Bình Mỹ đến hết đất Khu đô thị Tây Bình Mỹ.	1,15
3.4	Đường Trần Tử Bình (Đường ĐT497): Từ đường Sắt đến đất hộ ông Định (mương Đ12).	1,15
3.4	Đường Trần Tử Bình: Đoạn từ mương Đ12 đến hộ ông Chinh (tổ dân phố Bình Tiến) (Tiểu khu Bình Tiến cũ).	1,15
3.6	Từ hộ ông Chinh đến hết đất xã Bình Mỹ (giáp xã Bình Sơn).	1,15
II	**Trục đương xã, khu dân cư**	
1	Đường Trần Văn Chuông (đường liên xã): Từ đường Trần Hưng Đạo đến cầu Chéo, thôn Bình Thuận (Tiểu khu Bình Thuận cũ).	1,10
2	Đường Điện Biên Phủ (đường N3): Đoạn từ hộ ông Vương đến ngã tư giao với đường Lý Thường Kiệt.	1,10
3	Các hộ liền kề Chợ Phủ - Bình Mỹ.	1,10
4	**Dãy 2 đường Trần Hưng Đạo**	
4.1	Từ hộ ông Nông đến hộ ông Phóng - thôn Bình Thắng (Tiểu khu Bình Thắng cũ).	1,15
4.2	Từ sau cây xăng đến hộ bà Thu (hướng Ngân hàng)	1,15

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
4.3	Từ sau hiệu sách đến Nhà Văn hoá xã Bình Mỹ.	1,15
4.4	Từ đường Trần Hưng Đạo qua Kho bạc đến hết Trường THCS Nguyễn Khuyến.	1,15
5	Đường gom (Nam đường sắt): Đoạn từ sau hộ ông Ất đến hộ ông bà Loan Toàn (thôn Bình Nam) (Tiểu khu Bình Tiến cũ).	1,15
6	Các vị trí còn lại của khu đô thị mới: BA5A, BA7, A3 và A7.	1,15
7	Các hộ bám mặt đường 20m Khu đô thị Tây Bình Mỹ (từ hộ ông Quang - tổ dân phố Bình Thuận đến đường QL.37B).	1,15
8	Dãy 2 đường Trần Hưng Đạo (ngõ hộ bà Uyên).	1,10
9	Các vị trí còn lại của Khu đô thị Tây Bình Mỹ.	1,10
10	Đường Điện Biên Phủ: Đoạn từ ngã tư giao với đường Lý Thường Kiệt đến hết Xí nghiệp Thuỷ nông.	1,10
11	Các hộ bám mặt đường chính khu quy hoạch BA5A và BA5B.	1,05
12	Đường Triều Hội (đường vào xã An Mỹ cũ): Các hộ bám mặt đường liên xã từ đường Trần Hưng Đạo chạy qua Trạm thủy nông đến hết lô BA7.	1,05
13	Khu quy hoạch đô thị mới phía Bắc Trường tiểu học Bình Mỹ, bám đường trục xã.	1,05
14	Đường Lý Thường Kiệt (đường Đ4): Từ đường Trần Hưng Đạo chạy qua phía Tây Công an huyện cũ đến hết lô A3.	1,05
15	Đường Nguyễn Khuyến (N2): Đoạn từ đường 3/2 đến hết Cung thiếu nhi.	1,05
16	Đường Trần Văn Chuông: Đoạn từ cầu Chéo Bình Thuận đến cầu Cao thôn An Thái.	1,05
17	Các hộ bám mặt đường đường 27m Khu đô thị Tây Bình Mỹ (từ QL.21A đến đường QL.37B).	1,05
18	Đường phía Nam đường Sắt: Từ hộ ông Hoàng Sơn đến hộ ông Truy.	1,05
19	Đường Cát Tường (tức đường đê Sông Sắt): Từ giáp xã Bình Lục đến hết đất xã Bình Mỹ (giáp xã Bình Sơn).	1,05
20	Các vị trí còn lại của khu đô thị mới: BA5B.	1,05

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
21	Từ Trường THPT đến hết xóm ông Cửu - thôn Bình Long đến Trung tâm y tế.	1,05
22	Sau Trường THCS Bình Long (Tiểu khu Bình Long cũ).	1,05
23	Đường từ UB dân số KHH gia đình và trẻ em đến giáp Trung tâm y tế.	1,05
24	Nam đường Sắt: Từ hộ ông Truy đến hộ ông Độ (thôn Bình Thắng) (Tiểu khu Bình Thắng cũ).	1,05
25	Đường Điện Biên Phủ kéo dài đoạn từ hộ ông Dũng thôn Bình Long đến hết đường Điện Biên Phủ.	1,05
26	Từ hộ ông Vọng đến hết đình Cống - thôn Bình Nam.	1,05
27	Từ hộ ông Thoả đến Nhà văn hoá - thôn Bình Nam.	1,50
28	Các hộ phía Tây Kênh đông - thôn Bình Tiến chạy qua Trường Dân lập đến đường rẽ vào Chùa Gào.	1,05
29	Đường Trần Văn Chuông: Từ sau Nhà trẻ thôn Bình Thuận đến hộ ông Long thôn Bình Thuận.	1,05
30	Từ hộ ông Sơn thuộc thôn Bình Thắng (PL8, thửa 132) xóm ông Phán đến hết hộ ông Dương (thửa 214, PL8) thôn Bình Thắng.	1,05
31	Phía Nam đường Sắt: Từ cầu An Tập đến Nhà máy nước Bình Mỹ.	1,05
32	Đường từ đường sắt (hộ ông Tới) đến đường vào thôn Văn Phú.	1,05
33	Đường Lý Công Bình: Từ đường Quốc lộ 21A vào thôn Thôn Đa Bồ Đạo 300m.	1,05
34	Đoạn từ đường Quốc lộ 21A + 300m đến nhà ông Hưng - Bồ Xá (Thôn Đa Bồ Đạo).	1,30
35	Đường Triều Hội: Từ đường Quốc lộ 21A đến đường Quốc lộ 21.	1,30
36	Toàn bộ xóm ông Duyên - thôn Bình Thuận: Từ hộ ông Đạo đến hộ ông Hùng cả 2 bên đường.	1,30
37	Từ cạnh hộ ông Chinh đến Trạm biến thế thôn Bình Nam.	1,30
38	Từ phía Tây Nhà văn hoá thôn Bình Long đến hộ bà Hiếu - thôn Bình Long.	1,30
39	Nam đường sắt từ cạnh hộ ông Độ (thôn Bình Thắng) đến đường vào thôn Văn Phú.	1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
40	Từ hộ ông Dũng bám kênh Đông qua Nhà văn hoá thôn Bình Thuận đến thôn An Thái.	1,30
41	Toàn bộ trong xóm Khu thương mại cũ thuộc thôn Bình Thắng.	1,30
42	Các vị trí còn lại trong các thôn Bình Long, thôn Bình Nam, phía Bắc khu dân cư thôn Bình Long, xóm ông Nhạ - thôn Bình Thuận, phía Bắc UBND xã thuộc thôn Bình Thuận, xóm Trại chăn nuôi cũ, xóm Công ty Xây dựng cũ, xóm ông Văn (Nam đường sắt lối rẽ Văn Phú, không bám đường).	1,25
43	Đoạn từ cầu An Thái đến hộ ông Nguyễn Công Khang.	1,25
44	Đoạn từ giáp xã Đồn Xá đến ngã ba đường ra Ga.	1,25
45	Đoạn từ cầu phía Bắc hộ ông Nguyễn Văn Hoàn đến đường rẽ thôn An Thái	1,25
46	Đoạn từ tiếp giáp với địa phận thị trấn Bình Mỹ (cũ), Mỹ Đôi qua UBND xã (cũ) đến hộ ông Lê Văn Tròn (PL5, thửa 29).	1,25
47	Đoạn từ miếu Đệ Nhất thôn An Thái qua Mỹ Đôi, qua Đình Hoà Trung đến hộ ông Đạt thôn An Tập (PL16, thửa 21).	1,25
48	Đoạn từ hộ ông Tròn (PL5, thửa 29) đến gốc Gạo đê sông Sắt thôn Cao Cát.	1,30
49	Đoạn từ cầu Hoà Trung qua thôn Cao Cát (thôn Cát Tường cũ) đến đê sông Sắt hộ ông Anh (PL12, thửa 21).	1,30
50	Đoạn từ cống Thọ Lương (thôn Lương Ý cũ) hộ ông Nhung (Tờ 7, thửa 3) đến cống ông Tôn thửa đất hộ ông Thường (Tờ 11, thửa 265).	1,25
51	Đoạn từ hộ ông Thắng (Tờ 11, thửa 22) theo hướng Tây đến hộ bà Dân (Tờ 13, thửa 2).	1,50
52	Đoạn từ hộ ông Hiển (Tờ 11, thửa 323) đến hộ ông Bội (Tờ 5, thửa 24)	1,50
53	Đoạn từ hộ ông Hiên (Tờ 16, thửa 95) đến hộ ông Nhung (Tờ 17, thửa 3) theo hướng Đông Tây và Nam Bắc.	1,50
54	Đoạn từ bờ giếng An Dương đến cống BH15 hộ ông Hùng (Tờ 18, thửa 52).	1,30
55	Đoạn từ mương BH15 đến Nhà văn hoá xóm La Cầu thôn Tân An.	1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
56	Đường từ miếu bà An Dương thôn Tân An đến hộ ông Tuấn (thôn Văn Phú) (Tờ 10, thửa 352).	1,25
57	Đường từ hộ ông Đảo (Tờ 1, thửa 1) theo hướng Đông sang Tây đến hộ ông Bội (Tờ 5, thửa 24).	1,25
58	Đường từ cống Thọ đến cống Đìa hộ ông Dũng.	1,25
59	Đường từ hộ ông Lập (Tờ 13, thửa 22) đến hộ ông Hải (Tờ 13, thửa 32).	1,25
60	Các tuyến đường còn lại của các thôn: Thọ Lương, Tân An, Văn Phú (thôn Thượng Thọ, Lương Ý, La Cầu, An Dương, Văn Phú cũ).	1,25
61	Từ Đường ĐT497 đến Trạm Bơm phía đông Nhân Dực (Thôn Nhân Hòa).	1,30
62	Từ Đường ĐT497 đến phía tây Đạo Truyền (Thôn Đa Bồ Đạo).	1,30
63	Từ Đường ĐT497 đến đầu Thanh Khê (Thôn Nhân Hòa).	1,25
64	Đường xã lộ 5: Từ xã lộ 4 đến Đa Tài (Thôn Đa Bồ Đạo).	1,25
65	Đường xã lộ mới quy hoạch từ ĐT 497 qua thôn Tiên Lý đến giáp thôn Cao Cát (thôn Cao Cái cũ).	1,25
66	Dọc mương BH13 từ cầu Ghéo đến giáp thị trấn Bình Mỹ (cũ).	1,25
67	Đoạn giáp địa phận xã An Đổ đi qua Cầu Trắng đến lối rẽ xóm An Ninh thôn Đồng An và đoạn từ Cầu Trạm xá đến ngã tư Đền Thánh.	1,25
68	Đường trục xã từ xóm Vũ Hào đến xóm Lẫm Hạ thôn Đồng Tâm và đoạn từ Cầu Trạm xá đến xóm An Ninh thôn Đồng An.	1,25
69	Các tuyến đường còn lại trong các thôn, xóm	1,30
70	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**	
70.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17m trở lên	1,55
70.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m.	1,20
70.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 13m.	1,10
70.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m.	1,45

57. Xã Bình An

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**Trục đường giao thông chính**	
1	**Đường Quốc lộ 21 (Đường Phủ Lý - Mỹ Lộc cũ)**	
	Đoạn qua xã Bình An	1,20
2	**Đường Quốc lộ 21A**	
2.1	Đoạn từ Cầu Sắt đến nhà ông Trưởng thôn Đồng Quan (Tờ 23, thửa số 31).	1,05
2.2	Đoạn từ Cầu Họ đến nhà ông Trưởng thôn Đồng Quan (Tờ 23, thửa số 31)	1,05
3	**Đường ĐT496**	
3.1	Từ Trường Tiểu học Cổ Viễn thôn Đội 2 đến hộ ông Thuân thôn đội 3 (xóm 6 cũ) (thửa 151, tờ 14)	1,50
3.2	Đoạn từ Trường Tiểu học thôn Cổ Viễn đến Cầu An Bài giáp xã Đồng Du:	1,50
3.3	Đoạn từ hộ ông Thuân (Tờ 14, thửa 8) đến Trạm bơm xã Ngọc Lũ.	1,50
3.4	Đoạn từ giáp xã Hưng Công cũ đến hết hộ bà Dần thôn Đội 5 (Đội 11 cũ).	1,50
3.5	Đoạn từ hộ ông Giảng thôn Đội 5 (Đội 11 cũ) đến hộ ông Mưu thôn Đội 6 (Đội 10 cũ)	1,50
3.6	Đoạn từ hộ ông Nội thôn Đội 6 (Đội 10 cũ) đến giáp xã Bồ Đề cũ.	1,50
4	**Đường ĐT496B:** Từ đường vào chợ Họ đến cầu Châu Giang	1,50
II	**Trục đường xã, khu dân cư**	
1	Đường ĐH 02 (Đường 9012 cũ): Đoạn từ Bưu điện An Nội đến giáp xã Vũ Bản	1,20
2	Đường từ ngã tư cầu Điền thôn 1 đến bắc đường 21B	1,20
3	Từ ngã tư cầu Điền thôn 1 đến cầu Đội thôn 1.	1,20
4	Từ Nam đường 21B đến Gòi Hạ An Lã thôn 3.	1,20
5	Đường từ nhà ông Phạm Văn Cán thôn đội 4 (thôn Đòng cũ) (Tờ 14, thửa 14) đến nhà ông Nguyễn Quang Xá thôn đội 5 (thôn Hàn cũ) (Tờ 13, thửa 279).	1,40

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
6	Đường từ nhà ông Bùi Văn Khích thôn đội 2 (thôn Cổ Viễn cũ) (Tờ 3, thửa 205) đến nhà ông Nguyễn Bá Sỹ thôn đội 2 (thôn Cổ Viễn cũ) (Tờ 3, thửa 151)	1,40
7	Đường từ nhà ông Ngô Xuân Đại thôn đội 1 (thôn Nhân Trai cũ) (Tờ 2, thửa 176) đến nhà ông Nguyễn Văn Nghiệp thôn đội 1 (thôn Nhân Trai cũ) (Tờ 17, thửa 92).	1,40
8	Đoạn đường từ nhà bà Hồng thôn đội 5 (thôn Hàn cũ) (Tờ 12, thửa 211) đến nhà ông Lê Công Phúc thôn đội 5 (thôn Hàn cũ) (Tờ 11, thửa 118).	1,40
9	Đoạn đường từ nhà ông Phạm Trung Tuyến thôn đội 2 (thôn Cổ Viễn cũ) (Tờ 3, thửa 148) đến nhà ông Nguyễn Viết Đức thôn đội 2 (thôn Cổ Viễn cũ) (Tờ 6, thửa 88).	1,40
10	Đoạn đường từ nhà ông Nguyễn Văn Khởi thôn đội 1 (thôn Nhân Trai cũ) (Tờ 17, thửa 107) chạy qua Thôn đội 1 (thôn Quang Trung cũ) tới đê Sông Sắt.	1,40
11	Đoạn từ Đình thôn đội 3 (xóm 7+8 cũ) đến Chùa thôn đội 3 (xóm 7+8 cũ). thôn đội 5 (thôn Hàn cũ) (Tờ 11, thửa 118).	1,40
12	Đường trục xã: Từ đường ĐT 496B đến đường Đê sông Sắt	1,40
13	Đường từ đường ĐT 496B qua thôn 3 (thôn Viễn Lai, Phú Đa cũ) đến giáp xã Trung Lương (đường S5)	1,40
14	Đường từ đường ĐT 496B qua thôn 2 (thôn An Đề cũ) đến nhà ông Lã Đình Phúc (PL 7, thửa 129)	1,40
15	Đường từ đường ĐT 496B (Trạm Bơm Ngọc Lâm) qua thôn 1 (thôn Ngọc Lâm cũ, An Khoái cũ) đến đê sông Sắt (đường S3).	1,40
16	Đường từ xã Hưng Công qua thôn 1 (thôn Ngọc Lâm cũ), UBND xã, thôn 2 (thôn An Đề cũ) đến giáp xã An Nội.	1,40
17	Đường từ Chợ An Nội qua thôn 3 (thôn Viễn Lai cũ) đến Cầu Phú Đa – thôn 3 (thôn Phú Đa cũ) (máng Điện Biên).	1,40
18	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Vàng thôn 1 (thôn An Khoái cũ) (PL1, thửa 1) qua thôn 3 (thôn An Khoái, Phú Đa cũ) đến hộ ông Lã Trung Bắc (PL11, thửa 20).	1,40
19	Đường trục xã: Đoạn từ nhà ông Chấn đến nhà ông Phượng thôn Vị Thượng (TBĐ 11, thửa 39) (Trừ các lô đất đấu giá xen kẹt)	1,40

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
20	Đường đê sông Sắt: Từ Quốc lộ 21A đi xã Bối Cầu, đoạn đi từ Quốc lộ 21A đến Trạm Bơm Bình Minh	1,40
21	Đường vào Nhà thờ nhà thơ Nguyễn Khuyến: Đoạn từ Quốc lộ 21A đến Cầu Đồng Quan	1,40
22	Đường mới làm vào Cụm công nghiệp huyện Bình Lục: Từ Cổng Kho dự trữ Quốc gia cũ đến Cụm công nghiệp.	1,40
23	Đường trục xã từ Cầu Họ đến nhà ông Tôn (TBĐ 47 thửa 68) thôn Mai Động	1,40
24	Đường trục xã: Từ Cổng kho Dự trữ quốc gia (cũ) đến Trạm Bơm Mai Lương	1,40
25	Các nhà có mặt tiền tiếp giáp với Chợ Họ xã Trung Lương	1,40
26	Đường từ nhà ông Tiến (TBĐ12, thửa 43 thôn Vị Thượng qua đường trục thôn đến đê sông Sắt nhà ông Đạo thôn Vị Thượng	1,40
27	Từ nhà ông Phượng (TBĐ11, thửa 39) thôn Vị Thượng đến ngã ba đường Mương Dọc	1,40
28	Từ nhà ông Hải đến đường trục thôn Vị Thượng	1,40
29	Chùa Duy Dương đến trạm điện thôn Duy Dương	1,40
30	Đường từ Cầu Đồng Quan đến giáp mặt bằng quy hoạch khu TĐC thôn Đồng Quan xã Bình An (xã Trung Lương cũ)	1,40
31	Đường đê: Từ Quốc lộ 21A đến giáp xã Bối Cầu	1,40
32	Đường trục thôn Vị Thượng: Đoạn từ đầu làng thôn Vị Thượng (giáp thôn Vị Hạ) đến đê sông Sắt.	1,40
33	Đường trục thôn Vị Hạ: Đoạn từ Cầu Đồng Quan đến cổng nhà ông Bàng và đoạn từ Ngã ba Cống Đình đi lên phía tây đến tiếp giáp thôn Vị Thượng.	1,40
34	Đường trục thôn Đồng Quan: Từ cổng làng đến nhà ông Hiếu (Tờ 15, thửa 169)	1,40
35	Đường trục thôn Cửa – Câu Trại (thôn Cửa cũ): Từ đường ĐT 496B đến Đình làng thôn Cửa – Câu Trại (thôn Cửa cũ).	1,40
36	Đường trục thôn Duy Dương: Từ Trụ sở HTXDVNN Bình Minh đến ngã ba đi thôn Cửa – Câu Trại và đoạn từ Duy Dương đi thôn Cửa – Câu Trại (thôn Cửa cũ) (Từ đường ĐT496B đến ngã ba đường đi thôn Duy Dương).	1,40

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
37	Đường trục thôn đi thôn Cửa – Câu Trại (thôn Câu Trại cũ): Từ Cầu Tây đến Trạm Bơm thôn Cửa – Câu Trại (thôn Câu Trại cũ) và đoạn từ nhà bà Thuận (Tờ 28, thửa 184) đến nhà ông Đãi (Tờ 28, thửa 198).	1,40
38	Đường trục thôn Thượng Đồng: Đoạn từ tiếp giáp với đường trục xã đi qua Nhà thờ Thượng Đồng rẽ về phía nam đến nhà ông Cánh (Tờ 30, thửa 115) và đoạn từ nhà ông Vân (Tờ 30, thửa 9) đi về phía tây đến nhà ông Chiếu (Tờ 31, thửa 11).	1,40
39	Đường trục xã: Từ Cổng làng thôn Vị Thượng đến giáp xã Bối Cầu	1,40
40	Đường trục xã: Từ Cống Đen thôn Vị Hạ đến giáp xã Bối Cầu.	1,40
41	Đường trục xã: Từ Nhà Văn hoá thôn Trung Lương đến Đê sông Sắt	1,40
42	Đường trục xã đê sông Sắt: Đoạn từ Trạm Bơm Mai Lương đến nhà ông Chinh (Tờ 24, thửa 17).	1,40
43	Đoạn từ nhà ông Lương thôn Thượng Đồng (TBĐ 31, Thửa 117) đến đường trục xã cầu Họ, Mai Động	1,40
44	Đoạn từ nhà ông Sổ (TBĐ 31, Thửa 114) về phía Tây đến nhà ông Lập	1,40
45	Đường Tây Cầu đoạn từ nhà ông Nam xòm Cầu đến đường 495B	1,40
46	Đường từ sân thể thao xóm Bến đến đường nam Thượng Đồng	1,40
47	Đường từ DT496B đến trạm bơm cửa	1,40
48	Đường trục xã (Đê sông Sắt): Đoạn từ Trạm Bơm thôn Trung Lương (thôn Cầu cũ) đến Trạm Bơm thôn Mai Động (Tờ 47, thửa 14).	1,40
49	Đường từ ngã 3 Cống Chòm (nhà ông Chiến thôn đội 2) đến hết nhà ông Dương Thôn đội 4 (đội 7 cũ).	1,40
50	Đường từ Bưu điện qua Cầu Chủ, Chợ Chủ đến Nhà trẻ Tân Tùng thôn Đội 1.	1,40
51	Đường từ Chợ Chủ đến nhà bà Lương thôn Đội 5 (đội 11 cũ).	1,40
52	Đường từ nhà ông Tuyên thôn đội 4 (đội 7 cũ) đến nhà bà Thuần thôn đội 3 (đội 4 cũ).	1,40

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
53	Đường từ nhà ông Toàn thôn đội 1 đến Điếm Tân Trung (Nhà bà Thơ thôn đội 2).	1,40
54	Đường từ nhà ông Thành thôn đội 4 (đội 7 cũ) đến Điếm Sốc Đông thôn Đội 4 (đội 6 cũ).	1,40
55	Đường từ khu Sốc Đông đến thôn Tân Trung.	1,40
56	Đường từ nhà ông Bảo thôn đội 4 (đội 7 cũ) đến Bến đò Tầu thôn đội 12.	1,40
57	Đường từ nhà bà Loan thôn đội 3 (đội 4 cũ) đến hết Điếm Thái Bình thôn đội 3 (đội 5 cũ).	1,40
58	Đường từ Nhà Văn hoá thôn đội 4 (đội 6 cũ) đến Sốc Đông dưới.	1,40
59	Các tuyến đường còn lại trong dân cư	1,25
60	**Mặt bằng quy hoạch khu tái định cư thôn Đồng Quan xã Bình An (xã Trung Lương cũ)**	
60.1	Các lô đất bám Đường gom 495B đoạn qua thôn Đồng Quan	1,25
60.2	Cac lô đất bám Đường từ Cầu Đồng Quan đi trạm bơm xóm Cửa thôn Cửa Câu Trại	1,25
60.3	Các lô đất bám Đường ĐH08 đoạn từ đê sông Sắt đến Chùa Duy Dương	1,25
60.4	Các đường quy hoạch nội bộ trong khu đất	1,25
61	**Mặt bằng quy hoạch Khu đấu giá đất ở tại xã Trung Lương cũ (M3)**	
61.1	Các lô đất bám đường Từ QL21A đến cầu Đồng Quan	1,25
61.2	Các lô đất bám đường Đường ĐH08 đoạn từ đê sông Sắt đến Chùa Duy Dương	1,25
61.3	Các lô bám đường quy hoạch nội bộ có lòng đường 10,5m	1,25
61.4	Các lô bám đường quy hoạch nội bộ có lòng đường 7,5m	1,25
62	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**	
62.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên	1,25
62.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét	1,25
62.3	Các tuyến đường có mặt cắt từ 9 mét đến dưới 13 mét	1,25
62.4	Các tuyến đường có mặt cắt dưới 9 mét	1,25

58. Xã Bình Giang

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**Trục đường giao thông chính**	
1	**Đường Quốc lộ 21 (Đường Phủ Lý - Mỹ Lộc cũ)**	
	Đoạn từ giáp xã Bình An đến hết địa phận xã Bình Giang	1,15
2	**Đường ĐT496**	
2.1	Đoạn từ hộ ông Đào Ngọc Nghị qua UBND xã, Trạm Đa khoa đến hộ ông Chu Văn Trường thôn 4	1,40
2.2	Đoạn từ hộ ông Trần Trọng Bính đến giáp xã Bình An.	1,40
2.3	Đoạn từ hộ ông Đào Ngọc Hộ (thôn 2 Bồ Đề) đến nhà văn hoá thôn An Thuận	1,40
2.4	Đoạn từ Nhà văn hoá thôn An Thuận (thôn 1 cũ) (PL9, thửa 166) đến hộ ông Chướng thôn An Tâm (thôn 4 cũ) (PL11, thửa 01).	1,40
2.5	Đoạn tiếp giáp từ hộ ông Chướng thôn An Tâm đến hộ ông Hưu thôn An Tiến (thôn 8 cũ).	1,40
3	**Đường ĐH02 (ĐT9021 cũ)**	
	Đoạn 1: Từ giáp xã Bình An đến hết đường ĐT 496	1,40
II	**Trục đường xã, khu dân cư**	
1	Đường liên xã: Từ đường ĐT496 đến giáp đường ĐH02	1,40
2	Đường liên xã: Từ ngõ ông Bạch thôn An Thuận (thôn 2 cũ) (PL3, thửa 48) đến nhà ông Tuỳnh thôn An Phong (thôn 7 cũ) (PL17, thửa 87) giáp tỉnh Nam Định (cũ)	1,40
3	Đường từ ngõ ông Phiếu thôn An Thuận (thôn 2 cũ) (PL3, thửa 2) đến ngõ bà Ngoạn thôn An Tâm (thôn 3 cũ) (PL4, thửa 98).	1,40
4	Đường từ ngõ bà Mạc thôn An Tâm (thôn 4 cũ) (PL5, thửa 59) đến ngõ bà Sớm thôn An Phong (thôn 5 cũ) (PL12, thửa 142).	1,40
5	Đường từ ngõ ông Huy thôn An Thuận (thôn 1 cũ) (PL8, thửa 2) đến ngõ Tước thôn An Thuận (thôn 1 cũ) (PL8, thửa 70).	1,40
6	Đường từ ngõ ông Điển thôn An Thuận (thôn 1 cũ) (PL9, thửa 87) đến ngõ ông Hưng thôn An Thuận (thôn 1 cũ) (PL9, thửa 56).	1,40

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
7	Đường từ ngõ ông Lãng thôn An Tiến (thôn 9 cũ) (PL10, thửa 19) đến ngõ ông Nhiệt thôn An Tiến (thôn 9 cũ) (PL10, thửa 176).	1,40
8	Đường từ ngõ ông Bích thôn An Tiến (thôn 9 cũ) (PL10, thửa 119) đến ngõ bà Kim thôn An Tiến (thôn 9 cũ) (PL10, thửa 238)	1,40
9	Đường trục xã (Khu vực UBND xã): Từ nhà ông Trần Xuân Thể thôn 5 Vũ Bản (thôn Gia Hội cũ) (PL23, thửa 378) đến nhà ông Trần Văn Hoan thôn 6 Vũ Bản (thôn Đoài cũ) (PL 22, thửa 277).	1,40
10	Đường trục xã (Khu vực Chợ Vọc): Từ nhà ông Trần Đình Bình thôn 2 (Thôn Liễm cũ) (PL15, thửa 200) đến nhà ông Đặng Văn Chiến thôn 3 (thôn Trung cũ) (PL15, thửa 437).	1,40
11	Đường từ nhà ông Trương Đình Bích thôn 2 (thôn Đông Thành cũ) (PL 4, thửa 18) đến nhà ông Lê Danh Ngưu thôn 1 (thôn Hậu cũ) (PL9, thửa 28)	1,40
12	Đường từ Cầu Ba Hàng đến cầu Chợ Vọc: Từ nhà ông Trần Hữu Vê thôn 1 (thôn Đông Tiền cũ) (PL7, thửa 30) đến nhà ông Nguyễn Mại thôn 2 (thôn Liễm cũ) (PL15, thửa 245).	1,40
13	Đường từ Cống Miến đến đầu Ngã ba Đông Tự: Từ nhà ông Trần Văn Mai thôn 2 (thôn Liễm cũ) (PL 16 - thửa 8) đến nhà ông Lê Quang Soang thôn 3 (thôn Đông Tự cũ) (PL18 - thửa 245).	1,40
14	Đường từ ngã ba thôn 3 Vũ Bản (Thôn Đông Tự cũ) đến đầu thôn 5 Vũ Bản (thôn Gia Hội cũ): Từ nhà ông Lê Quang Soang thôn 3 Vũ Bản (PL18, thửa 245) đến nhà ông Trần Xuân Thể thôn 3 Vũ Bản (thôn Gia Hội cũ) (PL23, thửa 378).	1,40
15	Đường từ Ngã ba Chùa Đô đến đầu Phủ Nãi: Từ nhà bà Trần Thị Thanh thôn 3 (thôn Gia Hội cũ) (PL22, thửa 233) đến nhà ông Trần Đình Bình thôn 5 (thôn Nãi Văn cũ) (PL 35, thửa 199).	1,40
16	Đường từ Ngã ba Nách Phướn (Từ nhà ông Trần Văn Yên thôn 6 (thôn Đoài cũ) (PL22, thửa 147)) đến nhà ông Thường (thôn 7) (PL34, thửa 284) .	1,40
17	Từ ngã tư cầu Trắng (nhà ông Lực PL34, thửa 285) đến chùa Chính Bản (đường 21B)	1,40

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
18	Từ ngã tư cầu Trắng (nhà ông Nghị PL34, thửa 214 thôn7) giáp đường 21B	1,40
19	Các tuyến đường còn lại của các thôn: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 5, thôn 6 (thôn Tiền, Miễu, Hậu, Bắc, Liễm, Trung, Đông Tự, Xuân Mai, Nãi Văn, Gia Hội, Đoài cũ).	1,40
20	Các tuyến đường còn lại của các thôn: Thôn 2, thôn 3, thôn 4 , thôn 6, thôn7 (Đông Thành, Đa Côn, Hưng Vượng, Độ Việt, Văn An, Nam Đoài, Nam, Đồng Quê, Chính Bản).	1,40
21	Đường từ nhà ông Hường (Giáp xã Bình An) qua Kênh Ben đến đường DH 02 (máng Điện Biên).	1,40
22	Đường từ nhà Ông Trương (giáp thôn 2 Vũ Bản) đến nhà ông Đáp (thôn 1 Bồ Đề) đến nhà ông Long (thôn 1 Bồ Đề).	1,40
23	Đường trục xã lộ 2 (Từ nhà Ông Tuyến đến nhà bà The và Trục xã lộ 1 (Từ nhà ông Tuyến đến nhà bà Hiến thôn 1 (thôn 2 cũ).	1,40
24	Đường xóm mới từ nhà ông Chiến đến ông Thắng và Từ nhà bà Nguyệt đến Dốc bà Vân (thôn 2 Bồ Đề) (thôn 3 cũ).	1,40
25	Đường từ nhà ông Chiến đến Cầu Điện Biên và đường từ nhà ông Hữu đến nhà ông Hiển (Thôn 3 Bồ Đề) (thôn 6 cũ).	1,40
26	Đường từ nhà ông Trung (Ngân) đến nhà ông Mạnh và từ nhà ông Bảo Hoà đến nhà ông Hiền (thôn 4 Bồ Đề) (thôn 7 cũ).	1,40
27	Đường từ nhà ông Xuân theo hướng nam đến ngã ba (giáp nhà ông Hoành) và đường dốc bà Năm (xã lộ 4) từ nhà ông Trần Đình Thắng đến nhà ông Hữu thôn 5 Bồ Đề (thôn 11 cũ) (thôn 4,5 Bồ Đề) (thôn 8,9,10,11 cũ).	1,40
28	Đường cửa làng Tân Tiến: Từ nhà ông Trần Đức Hưng đến nhà ông Trần Đăng Hinh Thôn 1 Bồ Đề (thôn 2 cũ)	1,40
29	Đường dốc từ nhà ông Huy đến ngõ nhà ông Thế thôn 2 Bồ Đề (thôn 3 cũ).	1,40
30	Thôn 11 Bồ Đề: Từ nhà ông Điểm đến nhà ông Vinh thôn 5 Bồ Đề (thôn 11 cũ), từ nhà ông Đăng Diễn đến Nhà trẻ thôn 5 Bồ Đề (thôn 11 cũ).	1,40
31	Đoạn nhà Từ nhà ông Ngọ đến nhà ông Lễ	1,40
32	Các tuyến đường còn lại trong dân cư	1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
33	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**	
33.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên	1,15
33.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét	1,15
33.3	Các tuyến đường có mặt cắt từ 9 mét đến dưới 13 mét	1,15
33.4	Các tuyến đường có mặt cắt dưới 9 mét	1,15

59. Xã Bình Sơn

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**Trục đường giao thông chính**	
1	**Đường Quốc lộ 37B (đường tỉnh lộ ĐT497 cũ)**	
1.0	Đoạn từ giáp xã Bình Mỹ (hộ ông Đào Văn Công (TBĐ 63, thửa 1)) đến đoạn giao với đường trục thôn Đỗ Khả Xuân (nhà ông Mạnh TBĐ 76 thửa 46)	1,30
1.1	Từ đoạn giao với đường trục thôn Đỗ Khả Xuân (nhà ông Mạnh TBĐ 28 thửa 46) đến Từ hộ ông Đặng Văn Dương thôn thứ nhất (TBĐ 110, thửa số 5).	1,30
1.3	Từ nhà ông Vin (TBĐ 114, thửa 56) đến nhà Lê Xuân Bách (TBĐ 127, thửa 28)	1,30
1.4	Từ hộ ông Đặng Văn Dương thôn thứ nhất (TBĐ 110, thửa số 5) đến kênh S20 nam làng Thứ Nhất	1,30
1.5	Từ nhà Lê Xuân Bách (TBĐ 127, thửa 28) đến nhà ông Nguyễn Văn Hệ (TBĐ 132, thửa 101	1,30
1.6	Đoạn từ kênh S20 đến nhà ông Vin (TBĐ 114, thửa 56)	1,30
1.7	Từ nhà ông Nguyễn Văn Hệ (TBĐ 132, thửa 101) đến nhà ông Trần Văn Dùng (TBĐ 143, thửa 384) (đường vào làng Mỹ Đô)	1,30
1.8	Từ nhà ông Trần Văn Dùng (TBĐ 143, thửa 384) (đường vào làng Mỹ Đô) đến cầu Vĩnh Tứ	1,30
2	**Đường Đê hữu Sông Sắt**	
2.1	Đường Đê hữu Sông Sắt thuộc địa phận xã Bình Sơn (Đoạn giáp xã Bình Mỹ đến hết thôn Phù Tải (xã An Đổ cũ)	1,30
2.2	Đường Đê hữu Sông Sắt thuộc địa phận xã Bình Sơn (đoạn còn lại)	1,30
3	**Đường DT495B**	
	Đoạn qua địa phận xã Bình Sơn	1,30
II	**Trục đường xã, Khu dân cư**	
1	Đường xã: Đoạn từ nhà ông Thái thôn Đích Chiều (cũ là thôn Chiều) đi qua ngã tư Ba Hàng, qua UBND xã đến ngã 3 thôn Tiêu Hạ Bắc (cũ là thôn Tiêu Hạ) và khu vực Chợ Dằm	1,25
2	Đường xã: Đoạn từ nhà ông Thái thôn Đích Chiều (cũ là thôn Chiều) đi qua Xí nghiệp gạch ngói Đước đến hết thôn Vũ Xá.B8	1,25

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
3	Thôn Đỗ Khả Xuân	
3.1	Đoạn từ nhà bà Thơm đến nhà bà Viện	1,25
3.2	Đoạn từ nhà ông Hoạt đến nhà ông Xuyên	1,25
4	Thôn Tiêu Viêm	
4.1	Đoạn từ Trường mầm non trung tâm xã đến nhà ông Oanh	1,25
4.2	Đoạn từ nhà ông Vĩnh qua nhà ông Hùng đến nhà bà Diệp	1,25
4.3	Đoạn từ nhà ông Tuyến qua nhà ông Hùng đến nhà thờ thôn Tiêu Viên	1,25
4.4	Đoạn từ nhà ông Bốn (Phía tây làng) đến nhà ông Luân (Phía đông làng)	1,25
5	Thôn Tiêu Thượng	
5.1	Đoạn từ nhà ông Sử đến Nhà Thờ lớn; đoạn từ nhà ông Sơn đến mương S16	1,25
6	Thôn Tiêu Hạ Bắc - Tiêu Hạ Nam	
6.1	Đoạn từ mương S16 đến nhà ông Đào Tất Thắng	1,25
6.2	Đoạn từ ngã tư thôn Tiêu Hạ Bắc đến nhà ông Quý (Giáp xã An Lão cũ)	1,25
7	Thôn Đích Chiều	
7.1	Đoạn từ nhà ông Hằng đến nhà ông Ánh	1,25
8	Đường từ nhà ông Chu Đức Thắng (TBĐ 127, thửa 153) nhà ông Nguyễn Đức Hiếu (TBĐ 125, thửa 39)	1,25
9	Từ nhà ông Nguyễn Đức Hiếu (TBĐ 125, thửa 39) đến nhà ông Nguyễn Văn Hiển (TBĐ 124, thửa 193)	1,25
10	Từ nhà ông Nguyễn Văn Hiển (TBĐ 124, thửa 193) đến hết địa phận xã Bình Sơn	1,25
11	Từ nhà bà Phạm Thị Quý (TBĐ 127, thửa 144) đến nhà ông Mai Đức Chi (TBĐ 128, thửa 130) ngã ba thôn An Ninh	1,25
12	Từ nhà ông Mai Đức Chi (TBĐ 128, thửa 130)) ngã ba thôn An Ninh đến nhà ông Đoàn Ngọc Thế (TBĐ 116, thửa 79) (chân núi An Lão)	1,25
13	Từ giáp xã Bình Mỹ (nhà ông Đài TBĐ12, thửa 2 thôn An Cao) qua thôn Nguyễn tới đầu thôn Phù Tải (TBĐ 28, thửa 265)	1,25

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
14	Từ đê sông Sắt thôn Đại Phu (nhà ông Bình (TBĐ 24, thửa 234)) qua ngã tư thôn Nguyễn đến giáp xã Bình Mỹ (nhà ông Thanh TBĐ 21, thửa 284)	1,25
15	Từ sông Sắt qua thôn An Cao (thôn Cao Dương cũ) tới thôn Sông Ngoại	1,25
16	Đường từ thôn Sông Ngoại qua thôn Cói tới nhà ông Tiến thôn Cói (TBĐ 21, thửa 245)	1,25
17	Đường liên thôn từ đê sông Sắt (giáp nhà máy nước An Đổ) qua thôn Mạnh Chư (thôn Vượt, Thượng cũ) đến hết địa phận xã An Đổ đến giáp xã Bình Mỹ (xã La Sơn cũ)	1,25
18	Tuyến đường từ đê sông Sắt qua thôn Phù Tải (thôn Giải Tây cũ)	1,25
19	Tuyến đường từ đê sông Sắt qua thôn Phù Tải (thôn Giải Đông, Giải Tây cũ) đến hết địa phận xã An Đổ giáp xã La Sơn (bờ kênh S16):	1,25
20	Từ giáp xã Bình Mỹ (TBĐ 15, thửa số 2) đến giáp kênh S12	1,25
21	Đường liên thôn: Từ sông Sắt qua thôn An Cao tới địa phận xã Bình Mỹ (bờ kênh S12)	1,25
22	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư nông thôn	1,40
23	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**	
23.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên	1,25
23.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét	1,25
23.3	Các tuyến đường có mặt cắt từ 9 mét đến dưới 13 mét	1,25
23.4	Các tuyến đường có mặt cắt dưới 9 mét	1,25

60. Xã Vĩnh Trụ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ**	
1	**Đường Quốc lộ 38B**	
1.1	Đoạn từ Ngã tư gốc gạo đôi (Tờ 36, thửa 31) đến máng Đại Dương (Tờ 16, thửa 105) (*Đường* QL38B cũ)	1,20
1.2	Đoạn từ máng Đại Dương (Tờ 16, thửa 104 và thửa 108) đến hết khu dân cư xã Vĩnh Trụ (Tờ 18, thửa 96) (*Đường QL38B cũ*)	1,20
1.3	Đoạn từ đường ĐT 491 thôn 1 Mai Xá (Tờ 14, thửa 303) đến giáp xã Nam Xang	1,20
1.4	Đoạn từ Trạm y tế (tờ 10 thửa 346) đến giáp xã Nam Xang *(Đường QL38B cũ)*	1,20
1.5	Đoạn: Từ tờ 7 thửa 82, 65) đến Tờ 98, thửa 54; tờ 80, thửa 373.	1,20
1.6	Đoạn từ nhà ông Giảng (tờ 116 thửa 15) đến giáp xã Trần Thương (tờ 119 thửa 5)	1,20
1.7	Đoạn từ nhà ông Chà (tờ 83 thửa 179 và thửa 2) đến máng CG4D (tờ 116 thửa 2)	1,20
1.8	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 mét đến 10,5 mét (Tại Xứ đồng: Công Điền)	1,20
II	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỈNH LỘ:**	
1	**Đường ĐT 491**	
1.1	Đoạn từ Ngã tư Gốc gạo đôi (Tờ 13, thửa 70 và thửa 76) đến ngõ ông Mỳ (Tờ 14, thửa 77 và thửa 107)	1,20
1.2	Đoạn từ ngõ ông Mỳ thôn 1 Mai Xá (Tờ 14, thửa 331, 333) đến giáp xã Nam Xang	1,20
2	**Đường ĐT 495B**	
2.1	Đoạn: Từ tờ 136 thửa 81 đến tờ 88 thửa 174	1,20
3	**Đường ĐT496B**	
3.1	Đoạn Từ đường QL38B (Tờ 117 thửa 240 và 261) đến cầu Châu Giang (tờ 134 thửa 58, thửa 57)	1,20
III	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ**	
1	Đường Trần Hưng Đạo: Từ đập Vĩnh Trụ (Tờ 34, thửa 116 và tờ 37, thửa 3) đến Gốc gạo đôi (Tờ 36, thửa 14)	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
2	Đường Trần Nhân Tông: Từ Ngã tư Hiệu sách (Tờ 34, thửa 162 và thửa 128) đến Ngân hàng nông nghiệp (Tờ 26, thửa 9 và tờ 27 thửa 25)	1,20
3	Đường Trần Nhân Tông: Từ Ngân hàng Nông nghiệp (Tờ 26, thửa 3 và thửa 4) đến khu huyện đội (Tờ 22, thửa 7)	1,20
4	Đường Trần Quang Khải: Từ Huyện đội (Tờ 22, thửa 8) đến UBND xã	1,20
5	Đường Trần Thánh Tông: Từ đường Trần Hưng Đạo (Tờ 34, thửa 177) đến Trạm y tế xã (Tờ 43, thửa 103)	1,20
6	Đường Trần Nhật Duật (đường Bờ Sông): Từ đường Trần Hưng Đạo (tờ 37 thửa 3) đến hết Khu Đô thị Sông Châu	1,20
7	Ngõ số 221: Từ đường Trần Nhân Tông (Tờ 26, thửa 42 và thửa 44) đến khu vực Trường THCS Nam Cao (Tờ 26, thửa 47 và thửa 16)	1,20
8	Ngõ số 195: Từ đường Trần Nhân Tông (Tờ 26, thửa 83 và thửa 115) đến đường Trần Quang Khải (Tờ 30, thửa 55)	1,20
9	Ngõ số 125: Từ đường Trần Nhân Tông (Tờ 30, thửa 114 và thửa 117) đến đường Trần Quang Khải (Tờ 30, thửa 243 và thửa 94)	1,20
10	Ngõ số 57: Từ đường Trần Nhân Tông (Tờ 34, thửa 42 và thửa 57) đến đường Trần Quang Khải (Tờ 34, thửa 67 và thửa 68)	1,20
11	Ngõ số 60: Từ đường Trần Nhân Tông (Tờ 35, thửa 1) đến hết khu đình Vĩnh Trụ (Tờ 35, thửa 9)	1,20
12	Phố Nguyễn Phúc Lai (Đường N6): Từ Trung Tâm GDTX (Tờ 26, thửa 5 và tờ 27 thửa 31) đến Trạm Y tế xã Đồng Lý cũ (Tờ 10, thửa 346, tờ 55 thửa 13)	1,20
13	Ngõ số 91: Từ đường Trần Nhân Tông (Tờ 30, thửa 161 và thửa 164) đến Trường THCS (Tờ 30, thửa 167 và thửa 146)	1,20
14	Ngõ: Từ đường Trần Nhân Tông (Tờ 34, thửa 8 và thửa 25) đến hết ngõ (Tờ 34, thửa 4)	1,20
15	Ngõ số 25: Từ đường Trần Nhân Tông (Tờ 34, thửa 107 và thửa 137) đến Tờ 34, thửa 101	1,20
16	Phố Phạm Tất Đắc (Đường QL38B): Từ Trạm Y tế xã Đồng Lý cũ (Tờ 13, thửa 71, tờ 32 thửa 41) đến ngã tư Gốc gạo đôi (Tờ 10, thửa 346, tờ 28 thửa 1)	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
17	Phố Phạm Văn Vượng: Từ đường Trần Hưng Đạo (Tờ 35, thửa 176 và thửa 97) đến chùa Vĩnh Trụ (Tờ 27, thửa 61)	1,20
18	Phố Vũ Văn Lý: Từ đường Trần Hưng Đạo (Tờ 39, thửa 1 và thửa 2) đến tổ dân phố Vĩnh Tiến (Tờ 44 thửa 12 và thửa 13).	1,20
19	Đường Trần Thánh Tông: Từ Trạm y tế (Tờ 47, thửa 10) đến Tờ 19 thửa 19	1,20
20	Đường Trần Nhật Duật (đường Bờ Sông): Từ tờ 41 thửa 19 đến tờ 21 thửa 38.	1,20
21	Đường đấu nối Quốc lộ 38 B với đường ĐT 491: Đoạn khu nhà ở Thị trấn Vĩnh Trụ (cũ) mở rộng (Từ tờ 6 thửa 313, thửa 396 đến tờ 6 thửa 410,	1,20
22	Đường đấu nối Quốc lộ 38 B với đường ĐT 491: Đoạn từ giáp khu nhà ở Thị trấn Vĩnh Trụ (cũ) mở rộng (Từ tờ 6 thửa 28, thửa 16) đến tờ 73	1,20
23	Tuyến đường từ dốc điếm Công Xá (Tờ 11 thửa 29; tờ 18 thửa 116) đến Đình Cháy Mai Xá (Tờ 14 thửa 11; tờ 15 thửa 71)	1,20
24	Tuyến đường từ cầu Mai Xá (Tờ 16, thửa 107) đến tờ 19 thửa 16	1,20
25	Tuyến đường từ cửa Bồng (tờ 10 thửa 194, thửa 210) đến giáp xã Nam Xang	1,20
26	Tuyến đường từ dốc chăn nuôi (tờ 18 thửa 137) đến thôn 2 Mai Xá (tờ 20 thửa 27; tờ 17 thửa 258)	1,20
27	Tuyến đường từ Trường Tiểu học Đồng Lý cũ (tờ 13 thửa 164) đến cửa Đình (tờ 14 thửa 222, thửa 220)	1,20
28	Đường xã: Từ đường Quốc lộ 38B (Tờ 97, thửa 78 và thửa 98) đến đường Bối (Tờ 75, thửa 59 và thửa 49)	1,20
29	Đường xã: Từ đường Quốc lộ 38B (Tờ 97, thửa 163; tờ 98 thửa 32) đến đường Bối (tờ 78 thửa 197)	1,20
30	Đường xã: Từ đường Quốc lộ 38B (Tờ 97, thửa 113) đến hết khu dân cư Thôn 6 (Tờ 89, thửa 10)	1,20
31	Đường ĐH 06 (đường Bờ Sông): Từ tờ 75 thửa 2 đến tờ 111 thửa 70	1,20
32	Đường đấu nối Quốc lộ 38 B với đường ĐT 491: Đoạn từ Đình Công Đê (Tờ 117, thửa số 202 và thửa 193; thuộc Thôn 3 Thượng Vỹ) đến Đồng Gián (Tờ 80, thửa số 24 và thửa số 42)	1,20
33	Đường ĐH 06 cũ (đường Bờ Sông): Đoạn từ giáp xã Nhân Khang (Tờ 126 thửa 108) đến cầu mới (Tờ 133 thửa 112)	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
34	Đường ĐH03 cũ: Đoạn từ giáp xã Bắc Lý (tờ 82 thửa 190) đến Quốc lộ 38B (tờ 118 thửa 12)	1,20
35	Đường thôn: Từ đường Quốc lộ 38B (Tờ 124, thửa 28 và thửa 29) đến Thôn 1 Hạ Vỹ (Tờ 137,	1,20
36	Đường xã: Từ đường Quốc lộ 38B (Tờ 83, thửa 179) đến Quán Mai (Tờ 126, thửa 10)	1,20
37	Các ngõ, đường thôn còn lại (thôn Nam Cao, thôn Vĩnh Tiến, thôn Vĩnh Thịnh, thôn Nguyễn Khuyến)	1,20
38	Khu dân cư thương mại nông thôn xã Nhân Chính	1,20
38.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang 15 mét	1,20
38.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang 10 mét	1,20
38.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang 7 mét	1,20
39	Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau	1,20
39.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên	1,20
39.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét	1,20
39.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9 mét đến dưới 13 mét	1,20
39.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9 mét	1,20
40	Đường Trung tâm hành chính mới xây dựng (rộng 30 mét)	1,00
40.1	Đoạn đường từ thửa 2 tờ 13 đến thửa 478 tờ 3	1,00
41	Các trục đường xã còn lại (Thôn 1 Hạ Vỹ, Thôn 2 Hạ Vỹ, Thôn 3 Thượng Vỹ, Thôn 4 Thượng Vỹ, Thôn 5 Thượng Vỹ, Thôn 6 Thượng Vỹ)	1,00
42	Các trục đường thôn còn lại (Thôn 1 Mai Xá, Thôn 2 Mai Xá, thôn 3 Mai Xá, Thôn 1 Công Xá, Thôn 2 Công Xá)	1,00
43	Các trục đường xã còn lại (Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3, Thôn 4, Thôn 5, Thôn 6)	1,00
44	Các trục đường thôn còn lại (Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3, Thôn 4, Thôn 5, Thôn 6)	1,00
45	Các trục đường thôn còn lại (Thôn 1 Hạ Vỹ, Thôn 2 Hạ Vỹ, Thôn 3 Thượng Vỹ, Thôn 4 Thượng Vỹ, Thôn 5 Thượng Vỹ, Thôn 6 Thượng Vỹ)	1,00
45	Thượng Vỹ, Thôn 5 Thượng Vỹ, Thôn 6 Thượng Vỹ)	1,00

61. Xã Lý Nhân

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ**	
1	**Đường Quốc lộ 38B**	
1.1	Đoạn từ Ngã ba Chợ Tre cũ (tờ 28, thửa 252) đến Ngã tư Chùa Dũng Kim (tờ 22, thửa 83).	1,25
1.2	Đoạn từ chùa Dũng Kim (tờ 21 thửa số 1) đến chân cầu Hợp Lý	1,25
1.3	Đoạn từ Ngã tư Chùa Dũng Kim (tờ 21, thửa 1) đến đầu thôn 4 (tờ 20, thửa 6)	1,25
1.4	Đoạn từ đầu thôn 4 (tờ 20, thửa 5) đến Cống Hợp Lý (tờ 19, thửa 29)	1,25
II	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỈNH LỘ**	
1	**Đường ĐT 492**	
1.1	Đoạn từ đập Phúc (tờ 15, thửa 132 và thửa 123) đến UBND xã	1,25
1.2	Đoạn từ đập Phúc (tờ 15, thửa 132 và thửa 123) đến UBND xã {**Trong đó: Đoạn từ Trạm y tế (tờ 17, thửa 11 và tờ 18, thửa 389 đến tờ 23,** thửa 1 và thửa 3)}	1,25
1.3	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 mét đến 10,5 mét (Tại Xứ đồng: Cửa Đền, Sau Khởi, Cửa Hội trường)	1,25
1.4	Đoạn từ Thượng Châu (tờ 7, thửa 148 và thửa 18) đến Nghĩa trang Phúc Thượng	1,25
1.5	Đoạn từ Nghĩa trang Phúc Thượng (tờ 8, thửa 58 và tờ 5, thửa 6) đến giáp xã Chính Lý	1,25
1.6	Đoạn từ Ngã ba Đập Phúc (đường ĐH 01) (tờ 15, thửa 40 và thửa 122) đến giáp xã Văn Lý	1,25
1.7	Đoạn đường giáp miền Hợp Lý thuộc tờ 88 thửa 33 đến giáp miền Chính Lý (thửa 68 tờ 100)	1,25
1.8	Đoạn đường giáp miền Hợp Lý thuộc tờ 88 thửa 33 đến giáp miền Chính Lý (thửa 68 tờ 100): **Trong đó Đoạn từ thửa 81 tờ 103 đến thửa 23 tờ 106**	1,25
1.9	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 mét đến 10,5 mét (Tại Xứ đồng: Đạo Điền)	1,25
1.10	Đoạn từ Cầu Đen giáp xã Văn Lý (đường ĐH 01 cũ, thuộc tờ 30 thửa 201 và tờ 34 thửa 1) đến Trạm Bơm xóm 17 giáp xã Công Lý (tờ 31 thửa 106 và thửa 187)	1,25

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
III	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ**	
1	Đường xã: Từ ngã ba Bưu điện (tờ 15, thửa 142 và tờ 10, thửa 56) đến Cầu Cong (tờ 16, thửa 119 và thửa 278)	1,25
2	Đường xã: Từ ngã ba Bưu điện (tờ 15, thửa 139 và thửa 129) đến thôn Phúc Hạ 2 (xóm 17cũ, tờ 18, thửa 148 và thửa 170)	1,25
3	Các trục đường xã còn lại xã Hợp Lý cũ (thôn Phúc Hạ 1, thôn Phúc Hạ 2, thôn Chỉ Tru, thôn Kim Thượng, thôn Phúc Thượng, thôn Thượng Châu, thôn Phúc Thủy)	1,25
4	Từ ĐT 492 (từ gốc Đa Thượng tờ 88 thửa 37) đến Nhà văn hóa thôn Quan Trung (tiếp giáp ĐT 492) - ĐX 01	1,25
5	Điểm đầu từ ĐT 492 tờ 97 thửa 27 (Cống tả Hà) đến ngã tư Nhà văn hóa thôn Tả Hả (thửa 106 tờ 62)- DX03	1,25
6	Từ ngã ba cạnh nhà ông Dền (tờ 106 thửa 29) đến giáp Trạm Bơm Quan Trung (Thửa 97 tờ 107) - ĐX 07	1,25
7	Các trục đường còn lại: ĐX 05; ĐX 06; ĐX 04; ĐX 02	1,25
8	Từ ĐT 492 (Từ thửa 99 tờ 90 giáp nhà ông Hội) đến qua đình thôn An Lạng (Ngã tư tờ 59 thửa 341)	1,25
9	Từ Ngã tư tờ 59 thửa 341 đến Ngã ba tờ 88 thửa 60 (gần giếng quan thượng)	1,25
10	Đường nội khu tái định cư thôn Quan Thượng	1,25
11	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 đến 10,5m, rộng 15m (Vị trí tại Xứ đồng: Trại Quyền; Trại Đào)	1,25
12	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7m đến 10,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Trại Quyền; Trại Đào)	1,25
13	Đường trục xã: Từ đường ĐT492 Ngã ba ông Kiệm thôn 8 (Tờ 47, thửa 89) đến Ngã tư ông Sơn thôn 7 (Tờ 31, thửa 9)	1,25
14	Đường trục xã: Từ ngã tư ông Sơn thôn 7 (Tờ 31, thửa 96) đến Ngã tư UBND xã (Tờ 32, thửa 210)	1,25
15	Đường trục xã: Từ Ngã tư UBND xã (Tờ 32, thửa 210) đến Ngã tư chùa Dũng Kim (Tờ 22, thửa 83)	1,25
16	Đường xã: Từ đường Quốc lộ 38B (Tờ 28, thửa 193) đến đê Sông Hồng (Tờ 4, thửa 479)	1,25
17	Đường trục xã: Từ Ngã tư ông Sơn thôn 7 (Tờ 31, thửa 96) đến Ngã tư UBND xã (Tờ 32, thửa 210): Trong đó : Đoạn từ tờ 32, thửa 201 đến tờ 31, thửa 107	1,25

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
18	Đường trục xã còn lại (xã Chính Lý cũ) - Từ thôn 1 đến thôn 8	1,25
19	Đường trục xã còn lại: Trong đó đoạn từ tờ 31, thửa 125 đến tờ 36, thửa 46	1,40
20	Các trục đường thôn còn lại (xã Hợp Lý cũ)	1,25
21	Các trục đường thôn còn lại (xã Văn Lý cũ) - Thôn Quan Trung, Quan Văn, Tả Hà, Quan Lạng	1,30
22	Các trục đường thôn còn lại (xã Chính Lý cũ) - Từ thôn 1 đến thôn 8	1,50
23	Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau	
23.1	Các tuyến đường quy hoạch có mặt cắt ngang từ 17m trở lên	1,30
23.2	Các tuyến đường quy hoạch có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m	1,30
23.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 13m	1,30
23.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m	1,30

62. Xã Nam Xang

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ**	
1	**Đường Quốc lộ 38B**	
1.1	Từ giáp xã Vĩnh Trụ đến ĐX 03, xã Công Lý cũ (tờ 117, thửa 76 và thửa 78)	1,25
1.2	Từ ĐX 03 Công Lý cũ (tờ 68 thửa 791, thửa 789 đất nông nghiệp) đến giáp xã Lý Nhân	1,30
2	**Quốc lộ 38B cũ**	
2.1	Đoạn từ giáp xã Vĩnh Trụ đến ĐX 03 của Công Lý cũ (tờ 117, thửa 7 và tờ 118, thửa 2)	1,40
2.2	Đoạn từ ĐX 03 xã Công Lý cũ (tờ 113 thửa 58, thửa 55) đến đường QL38B	1,40
II	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỈNH LỘ**	
1	**Đường ĐT 491**	
1.1	Đoạn từ giáp thị trấn Vĩnh Trụ (Tờ 40, thửa 7 và thửa 41) đến giáp xã Bắc Lý (Tờ 44, thửa 169).	1,10
2	**Đường ĐT 492**	
2.1	Đoạn giáp xã Vĩnh Trụ đến Ngã 3 cánh Diễm (Tờ 121, thửa 84 và 114)	1,30
2.2	Ngã ba Cánh Diễm tờ 121, thửa 75 và thửa 83) đến giáp xã Lý Nhân	1,95
3	**Đường ĐT 499 (QH Vành đai 5)**	
3.1	Đoạn từ giáp xã Bình Lục đến giáp xã Bắc Lý	1,20
4	**Đường ĐT 496B (Đường kết nối đường Vành đai 5 đến Khu Công nghệ Cao Hà Nam)**	
4.1	Đoạn từ đường nối hai cao tốc (đường Vành đai 5) đến hết địa phận xã Nam Xang	1,00
III	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ**	
1	ĐH 05: Đoạn từ QL 38B đến ĐX 01 xã Nguyên Lý (tờ 53, thửa 278, thửa 332 đất nông nghiệp)	2,25
2	ĐH 05: Đoạn từ ĐX 01 xã Nguyên Lý (tờ 80, thửa 72, thửa 88) đến ĐT 491	2,40

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
3	Đường ĐH 05: Đoạn từ giáp xã Nguyên Lý cũ (tờ 80 thửa 72, thửa 88) đến đường ĐT 491: **Trong đó Đoạn từ thửa 861 đến thửa 1027 tờ 6**	1,00
4	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 đến 10,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Đồng Cửa; Cửa Đình, xã Đức Lý cũ)	1,00
5	ĐX 01 xã Đức Lý cũ (từ tờ 27, thửa 159, 169 đến tờ 19 thửa 82, thửa 84) trừ đoạn qua khu dân cư dọc tuyến đường nối 02 tuyến đường ĐT.499 với ĐT.491, huyện Lý Nhân cũ (LN-ĐT18.22) và Khu dân cư nông thôn phía Đông tuyến đường nối ĐT.491 thuộc địa phận xã Đức Lý, huyện Lý Nhân cũ (dự án hoàn trả vốn đầu tư dự án xây dựng HTKT khu dân cư và du lịch làng nghề gỗ mỹ nghệ Lý Nhân cũ theo hình thức đối tác công tư PPP (hợp đồng BT))	2,30
6	Đường ĐX 03 xã Đức Lý cũ (từ tờ 18 thửa 21, tờ 2 thửa 233 đến tờ 38 thửa 26, thửa 59)	2,30
7	Đường ĐX 06 xã Đức Lý cũ (từ tờ 16, thửa 70 đến tờ 19, thửa 80, thửa 88)	2,25
8	Khu tái định cư Đức Lý	
8.1	Đường ĐX 06 xã Đức Lý cũ (từ tờ 16, thửa 70 đến tờ 19, thửa 80, thửa 88) Trong đó đoạn từ thửa 364 đến thửa 374, tờ 3	1,00
8.2	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 5,5 đến 7,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Đồng Chằm, xã Đức Lý cũ)	1,00
9	Đường xã: Từ chùa Chều (tờ 96 thửa 151, thửa 181) đến dốc Mụa Đặng (Tờ 93, thửa 71 và thửa 75)	2,20
10	Đường xã: Từ chùa Chều (tờ 96 thửa 151, thửa 181) đến dốc Mụa Đặng (Tờ 93, thửa 71 và thửa 75). **Trong đó: Đoạn từ Tờ 94, thửa 83, 88 đến tờ 95, thửa 52, 75)**	1,00
11	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 đến 10,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Khoái Đông; Cửa Thơ)	1,00
12	Đường xã: Từ đầu dốc đê Nga Thượng (Tờ 74, thửa 4 và thửa 5) đến đường ĐH 05 (Tờ 80, thửa 62)	2,20
13	Đường xã: Từ đường ĐH 05 (Tờ 80, thửa 101) đến Ngã ba cầu Mụa Đặng (Tờ 94, thửa 62, thửa 54)	2,20
14	Đường xã: Từ chùa Chi Long (tờ 82 thửa 131, thửa 153) đến tờ 82 thửa 169, thửa 177	2,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
15	Đường xã: Từ trường Mầm non (tờ 86 thửa 195) đến dốc đê Trần Xá tờ 87 thửa 24, thửa 25)	2,20
16	Đường ĐH 01: Từ Ngã ba Cánh Diễm (tờ 121 thửa 54, thửa 68) đến QL3B	2,20
17	Đường ĐX04 trục xã Công Lỹ cũ: Từ thôn 3 Phú Đa (Tờ 125, thửa 40 và thửa 8) đến QL38B cũ (tờ 124, thửa 84 và thửa 27)	2,20
18	Đường trục xã Công Lý cũ ĐX01 (tờ 115, thửa 243 thửa 228) đến dốc chợ Mạc Hạ (tờ 101 thửa 162 và thửa 171)	2,20
19	Các đường xã còn lại	2,00
20	Các đường trục thôn còn lại	2,00
21	Khu tái định cư Công Lý	
21.1	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang 7,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Bến Ngoài, xã Công Lý cũ)	1,00
21.2	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang 7,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Bến Ngoài, xã Công Lý cũ) Trong đó đoạn từ thửa 478 đến thửa 549, 550 tờ 71 tiếp giáp đường gom QL38B	1,00

63. Xã Bắc Lý

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỈNH LỘ**	
1	**Đường ĐT 491**	
1.1	Đoạn từ giáp xã Nam Xang (Tờ 33, thửa 22) đến Phòng khám đa khoa cũ (Tờ 35, thửa 13 và thửa 12).	1,00
1.2	Đoạn từ phòng khám Đa khoa cũ (Tờ 36, thửa 28) đến giáp xã Trần Thương	1,00
2	**Đường ĐT 499**	
2.1	Đoạn từ giáp xã Nam Xang đến chân cầu Thái Hà	1,00
2.2	Đoạn từ nút giao cầu Thái Hà đến chân cầu Hưng Hà	1,00
3	**Đường ĐT 495B**	
3.1	Đoạn từ nút giao cầu Thái Hà đến xã Trần Thương	1,00
3.2	Đường kết nối đường Vành đai 5 đến khu công nghệ cao Hà Nam: Đoạn từ xã Vĩnh Trụ đến xã Trần Thương	1,00
II	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ**	
1	Đường ĐH 04: Đoạn từ Dốc Lưu đê sông Hồng (tờ 8, thửa 129, thửa 131) đến thôn Văn Cống (tờ 35, thửa 162)	1,00
2	Đường ĐH 04: Từ thôn Nội Đọ (thôn Đọ cũ, Tờ 35, thửa 168) đến giáp xã Trần Thương	1,00
3	Đường ĐH 12: Từ ĐT 491 đến giáp xã Trần Thương	1,00
4	Đường ĐH 03: Đoạn từ ĐH04 Cống Đọ (tờ 45 thửa 37 hộ ông Ánh) đến tờ 18 thửa 24 hộ ông Cường giáp xã Vĩnh Trụ	1,00
5	Đường ĐH 02: Từ đường ĐT 491 đến đê sông Hồng	1,00
6	Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:	
6.1	Các tuyến đường quy hoạch có mặt cắt ngang từ 17m trở lên	1,00
6.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m	1,00
6.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 13m	1,00
6.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m	1,00
7	Đường nối đền Trần Thương xã Trần Thương đến đến đường dẫn cầu Thái Hà xã Bắc Lý	1,00
8	Đường xã: Từ khu TĐC cầu Hưng Hà đến thôn 7 Cao Hào	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
9	Đường xã: Đường đê bối cứu hộ cứu nạn đê Sông Hồng	1,10
10	Các đường trục xã còn lại	1,10
11	Các đường trục thôn còn lại	1,10

64. Xã Trần Thương

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ:**	
1	**Đường Quốc lộ 38B**	
1.1	Từ giáp xã Vĩnh Trụ đến giáp xã Nhân Hà	2,00
II	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỈNH LỘ:**	
1	**Đường ĐT 491**	
1.1	Đoạn từ xã Bắc Lý đến Cống Đỏ	2,20
1.2	Đoạn từ Cống Đỏ đến Điếm tổng	3,00
1.3	Đường 495B: Đoạn từ Nội Tần xã Bắc Lý đến xã Bình Giang	1,10
1.4	Đường nối 2 đền Trần: Đoạn từ nút giao Thái Hà đến xã Nhân Hà	1,10
1.5	Đường N3: Đoạn từ xã Bắc Lý đến xã Nhân Hà	1,10
III	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ:**	
1	Đường ĐH 09: Từ Cầu Tróc (Tờ 11, thửa 184) đến đê Sông Hồng	2,00
2	Đường trục xã: Từ đường ĐT 491 (Tờ 12, thửa 116 và 122) đến ĐH 09 (tờ 9, thửa 164)	2,00
3	Đường trục xã: Từ đường ĐH 09 đến Nội Tần giáp xã Bắc Lý	2,00
4	Đường ĐH10: Từ Cống Đỏ đi xã Nhân Hà	2,00
5	Đường nối đường Cống Tróc - Đội xuyên đến cầu Thái Hà	1,40
6	Đường xã: Đường Tâm Linh đoạn từ ĐT491 đến ĐH 09	1,60
7	Đường xã: N2 đoạn từ KCN Thái Hà với đường 495B (Đường Tâm Linh)	1,60
8	Đường xã: Từ Cống Tróc (Tờ 39, thửa 190 và thửa 38) đến giáp xã Nhân Hà	2,15
9	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7m đến 10,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Lò Gạch; Con Mộc; Em Bé, Nấm Chịu Trên)	1,00
10	Đường ĐH04: Từ chợ Quán (Tờ 28, thửa 175) đến làng Kinh Khê	1,80
11	ĐH04: Từ QL 38B (Nhà ông Trọng) đến nhà ông Ban thôn 4	1,60

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
12	Đường ĐH12 (Kênh C9): Đoạn từ giáp xã Bắc Lý đến giáp xã Nhân Hà	1,60
13	Đường ĐX 02: Đoạn từ Trạm bơm ông Cầm đến Cầu chủ	1,20
14	Đường ĐX 03: Đoạn từ QL 38B đến ĐT 495B	1,20
15	Đường ĐX 01: Đoạn từ QL38B đến thôn 4	1,20
16	Đường Sông Mới: Từ đường Quốc lộ 38B đến giáp xã Thôn Hạ Muồn Cao	3,10
17	Đường Bến: Từ đường Quốc lộ 38B (Tờ 24, thửa 288) đến đường Bối (Tờ 32, thửa 249)	1,80
18	Đường trường học: Từ đường Quốc lộ 38B đến đường Bối (Tờ 25, thửa 104 và thửa 4)	1,80
19	Khu Tái định cư Đền Trần	
19.1	Đường tái định cư Đền Trần: Đoạn từ ĐH09 đến hết khu tái định cư Đền Trần	1,60
19.2	Đường nội bộ khu tái định cư Đền Trần	1,40
20	Khu Tái định cư Nhân Nghĩa (Nút giao QL 38B và ĐT 495B)	
20.1	Đường khu tái định cư Nhân Nghĩa: Đường N1, N3	1,60
20.2	Đường nội bộ khu tái định cư xã Nhân Nghĩa : Đường N2, D1, D2, D3	1,40
21	Khu đấu giá Nhân Bình	
21.1	Đoạn từ tờ 22, thửa 107, thửa 108 đến tờ 23, thửa 19, thửa 20	1,00
21.2	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7m đến 10,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Bãi Nha Dưới)	1,00
22	Đường xã còn lại	2,50
23	Đường trục thôn còn lại	2,00
24	Đường trục làng Vạn Thọ (từ xóm 1 đến xóm 8 Nhân Bình cũ): Từ Xóm 1 đến xóm 8	1,00

65. Xã Nhân Hà

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ**	
1	**Đường Quốc lộ 38B**	
1.1	Đoạn từ giáp xã Trần Thương (Tờ thửa) đến giáp xã Nam Lý - Cống Lu (Thửa 162, 165 tờ 30)	1,25
II	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ**	
1	Đường xã: Từ thửa 41 tờ 106 đến thử 63 tờ 110	1,15
2	Đường xã ĐX04: Từ khu đất nông nghiệp thôn Trung Châu (Tờ 104, thửa 276 và thửa 149) đến cầu An Ninh (Tờ 113, thửa 5 và thửa 6)	1,15
3	Đường xã ĐX04: Từ trạm y tế Xuân Khê đến khu đất nông nghiệp (tờ 100 thửa 147)	1,15
4	Đường xã: Từ đường Bối (Tờ 106, thửa 212 và thửa 242) đến cống Thinh (Tờ 111, thửa 258 và tờ 59, thửa 540)	1,15
5	Đường xã: Từ đường Bối (Tờ 106, thửa 212 và thửa 242) đến ngã ba chợ Vùa (Tờ 105 thửa 90)	1,15
6	Đường xã: Từ đường Quốc lộ 38 (Tờ 56 thửa 135) đến Miếu Cô Chín (Tờ 59, thửa 121 đến tờ 112 thửa 157)	1,15
7	Đường ĐH12 cũ: Đoạn từ Cống Bà Mạc (tờ 52 thửa 1, tờ 96 thửa 2) đến ngã ba chợ Vùa (Tờ 105 thửa 33, thửa 20)	1,15
8	Đường xã: Từ thửa 258 tờ 111 đến Đền xóm 2 (tờ 55 thửa 155)	1,15
9	Đường xã: Từ tờ 104 thửa 359 và 360 đến Đền xóm 2 (tờ 55 thửa 155)	1,15
10	Đường xã: Từ Bưu điện (Tờ 104 thửa 391) đến Tờ 101 thửa 27	1,15
11	Đường xã: Từ Mầm non Xuân Khê đến tờ 102 thửa 12	1,15
12	ĐH 10 cũ: Từ giáp xã Trần Thương đến QL 38B	1,20
13	Đường ĐH 11 cũ: Từ đường ĐH 10 (ngã ba chợ Chanh) đến đến hết dốc Lam Cầu	1,20
14	Đường ĐH 11: Từ đầu làng Nội Hà cũ (ngã ba đi xóm Guộc cũ, xã Nhân Thịnh) đến giáp xã Nhân Thịnh (Tờ 16, thửa 136)	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
15	Đường xã: Từ đường ĐH 10 thôn 2 cũ (Tờ 4, thửa 94 và thửa 69) đến ngã ba đấu nối với ĐH 10 thôn 3 cũ (Tờ 10, thửa 63 và tờ 11, thửa 16)	1,20
16	Đường xã: Từ đường ĐH 11 (Tờ 20, thửa 6) đến đường Quốc lộ 38B (Cống Vân)	1,20
17	Đường xã: Từ đường Quốc lộ 38B (miếu ông Tứ) đến ngã ba Vụng (điểm đấu nối với đường Quốc lộ 38B) (Tờ 35, thửa 229 và Tờ 36, thửa 78)	1,15
18	Đường xã: Từ cửa UBND xã (Tờ 31, thửa 14 và tờ 22, thửa 123) đến đê Sông Hồng (Tờ 22, thửa 93 và thửa 129)	1,15
19	Đường đê sông Hồng: Từ quán Cung (Tờ 22, thửa 135) đến Cây xăng của Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Hùng	1,15
20	Đường xã: Từ dốc Quán Cung (Tờ 22, thửa 136 và tờ 32 thửa 3) đến Trạm bơm Do Đạo	1,15
21	Đường xã: Từ dốc điểm đầu nối với đê Sông Hồng (Tờ 32, thửa 74 và tờ 38, thửa 6) đến cửa hàng bà Hài (Tờ 34, thửa 21 và thửa 72)	1,15
22	Đường xã Bối Nhân Long đoạn từ giáp Đê Sông Hồng đến giáp xã Nam Lý	1,15
23	Đường xã: Từ UBND xã (Tờ 31, thửa 37) đến thôn Bàng Ba(hết xóm Sổ cũ, Tờ 40, thửa 28)	1,15
24	Đường xã: Từ đê Sông Hồng (Tờ 14, thửa 43 và thửa 62) đến cầu Nhân Hưng (Tờ 10, thửa 13 và thửa 21)	1,15
25	Đường xã: Từ dốc Vệ (Tờ 22, thửa 21 và thửa 52) đến máng C1 (Tờ 23, thửa 5 và thửa 51)	1,15
26	Đường xã: Từ nhà trẻ Do Đạo (Tờ 20, thửa 93 và thửa 94) đến quán Liệu (Tờ 33, thửa 101 và thửa 100)	1,15
27	Đường xã: Từ cầu Quý (tờ 22 thửa 51) đến Trường học	1,15
28	Đường xã: Từ hộ ông Triển (Tờ 31, thửa 3) đến Bưu điện Văn hóa xã	1,15
29	Tuyến đường kết nối 2 đền Trần (địa phận xã Nhân Hà)	1,25

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
30	Đường kết nối đường ĐX 02 đến đường kết nối 2 đền Trần (địa phận xã Nhân Hà)	1,15
31	Các trục đường xã còn lại	1,10
32	Các trục đường thôn còn lại	1,05

66. Xã Nam Lý

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ**	
1	**Đường Quốc lộ 38B**	
1.1	Đoạn từ giáp xã Nhân Hà đến Kênh CG16	1,15
1.2	Đoạn từ Kênh CG16 đến Kênh CG18	1,00
1.3	Đoạn từ Kênh CG18 đến đê Sông Hồng	1,15
II	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ**	
1	Đường xã: Đoạn từ QL 38B (dốc ông Di) đến Cầu Gỗ	1,35
2	Đường xã: QL 38B đến chùa Nhân Hậu	1,35
3	Đường xã: Từ Ql 38B đến Thôn 2 Hòa Hậu	1,35
4	Đường xã: Đoạn từ QL 38B đến Cầu Sắc	1,35
5	Đường xã: Trạm y tế Hòa Hậu đến đường Chợ Bến	1,35
6	Đường xã: Đoạn từ Chợ Bến đến đê Sông Hồng	1,35
7	QL 38B đến Cầu Mỹ Phúc	1,35
8	Đường xã: Đoạn từ QL 38B đến xóm Thôn 5 Hòa Hậu	1,35
9	Đường xã: Từ chùa Nhân Hòa đến Thôn 9 Hòa Hậu	1,35
10	Đường xã: Đoạn từ Cầu ông Cánh đến đê Đại Hà	1,35
11	Đường xã: Đoạn từ đê Đại Hà đến NVH Thôn 10 Hòa Hậu	1,35
12	Đường xã: Đoạn từ QL 38B đến Thôn 10 Hòa Hậu	1,35
13	Khu tái định cư Hòa Hậu: Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 đến 10,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Thượng Đoạn)	1,00
14	Đoạn từ Cầu Gỗ đến QL 38B (mũi đòn càn)	1,35
15	Đường N5 đoạn từ QL 38B đến đường đê Sông Hồng	1,35
16	Đoạn từ Chùa Thiên Quang (Thôn 1 Tiến Thắng) đến Điếm 155	1,35
17	Từ Quốc lộ 38B đến nhà Bà Hạnh (Tờ bản đồ số 17 thửa 357)	1,35
18	Đường xã: Từ mũi Đòn càn đến cống bà Mão	1,35
19	Từ QL 38B đến cầu Sét	1,35
20	Đoạn từ nhà ông Hùng (Tờ 14 thửa 20) đến đường Đê Sông Hồng (Đê Đại Hà)	1,35
21	Đoạn từ Cống Cung đến QL 38B	1,35

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
22	Đường xã: Đoạn từ QL 38B đến đường WB2 thôn 6 Tiến Thắng	1,35
23	Khu tái định cư Tiến Thắng	
23.1	Đường nhựa quy hoạch nội bộ có mặt cắt đường rộng 10,5m (bao gồm cả vỉa hè)	1,35
23.2	Đường ĐH 08 cũ: Đoạn từ QL 38B đến đê Sông Hồng	1,35
24	Khu đấu giá Tiến Thắng	
24.1	Đoạn từ tờ 18 thửa 70 đến tờ 4 thửa 284	1,00
24.2	Đường quy hoạch nội bộ	1,00
25	ĐX 01: Đoạn từ nhà ông Khóa đến nhà ông Bảo	1,00
26	ĐX 02: Đoạn từ nhà ông Nhân xóm 5 đến ĐX 06	1,00
27	ĐX 03: Đoạn từ ông Thực xóm 9 đến ông Học xóm 11	1,00
28	ĐX 05: Đoạn từ nhà máy nước đến cầu Mả Dạ	1,00
29	ĐX 06: Đoạn từ SVĐ Phú Phúc đến con Voi	1,00
30	ĐX 07: Đoạn từ Lò Ngói đến quán Trưởng xóm 14	1,00
31	ĐX 08: Đoạn từ đa canh ông Tuệ xóm 11 đến bối Nhân Hòa	1,00
32	ĐX 09: Trạm bơm Thanh Nga đến máng C1	1,00
33	ĐX 10: Đoạn từ ông Vương xóm 7 đến nhà ông Tuấn (Tờ 97 thửa 113)	1,00
34	Khu tái định cư Phú Phúc	
34.1	Đường nội bộ khu tái định cư	1,35
35	ĐH 07 đoạn từ bến đò Phúc Hậu đến đường kết nối hai đền Trần	1,35
36	Đường trục thôn miền Hòa Hậu	1,15
37	Các trục đường thôn miền Tiến Thắng	1,35
38	Các trục đường thôn miền Phú Phúc	1,35

67. Xã Gia Viễn

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	Đường ĐT477: Từ giáp đất xã Gia Hưng đến hết đất xã Gia Viễn (giáp xã Đại Hoàng)	2,50
2	**Đường Bái Đính - Ba Sao**	
2.1	Đoạn 1: Từ giáp đất tỉnh Phú Thọ đến Nnã ba đi Sẽ Chè (xã Gia Trấn)	2,50
2.2	Đoạn 2: Từ ngã ba đi Sẽ Chè (xã Gia Trấn) đến đê Đầm Cút	2,50
2.3	Đoạn 3: Từ đê Đầm Cút đến ngã tư giao nhau với đường ĐT477	2,50
3	**Đường ĐT477B cũ (đường tránh đường Bái Đính - Ba Sao):**	
3.1	Đoạn 1: Đường ĐT477B cũ (đường tránh đường Bái Đính - Ba Sao) Từ Cầu Thượng đến đê Đầm Cút	1,05
3.2	Đoạn 2: Đoạn qua thôn Đá Hàn: Từ Ngã ba Sẽ Chè đến hết đất Gia Viễn (giáp đất Phú Thọ)	1,00
4	**Đường Tiến Yết:** Từ Điện lực Gia Viễn đến ngã ba đường ĐT477B (đường Bái Đính - Ba Sao)	1,05
5	**Đường Hồng Dân**	
5.1	Đoạn 1 (Đường Tái định cư): Từ đường ĐT477 đến đường ĐT477B (đường Bái Đính - Ba Sao)	1,00
5.2	Đoạn 2 (Đường Hồng dân kéo dài): Từ đường ĐT477B đến hết khu dân cư mới Gia Thịnh	1,00
6	**Đường 5 xã**	
6.1	Đoạn 1: Từ đường ĐT477 đến giáp cổng chợ Me	1,00
6.2	Đoạn 2: Từ cổng chợ Me đến hết đất xã Gia Viễn (giáp đất xã Gia Hưng)	1,00
6.3	Đoạn 3: Từ giáp đất xã Gia Hưng đến đê đầm Cút	1,10
7	**Đường chuyên dùng của Nhà máy xi măng the Vissai:** Từ đầu đồi Kẽm Chè đến giáp đường ĐT477	1,10
8	**Đường ĐT477C (đường Thống Nhất):** Từ ngã 4 đường ĐT477B (đường vành đai) đến đê tả Hoàng Long	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
9	**Đường phía đông bệnh viện:** Từ đường ĐT477 đến đường ĐT477B (đường Bái Đính - Ba Sao)	1,00
10	**Đường sông Me:** Từ đường ĐT477 đến đường ĐT477B (đường Bái Đính - Ba Sao)	1,00
11	**Đường phía bắc Chợ Me**	1,00
12	**Đường vào Tế Mỹ**	
12.1	Đoạn 1: Từ đường ĐT477 đến cầu Cứng	2,50
12.2	Đoạn 2: Từ cầu Cứng đến đường ven đồi Kẽm Chè	2,50
13	**Đường vào Trung tâm Giáo dục thường xuyên:** Từ đường ĐT477 đến hết trung tâm Giáo dục thường xuyên	1,00
14	**Đường vào đồi Kẽm Chè (Đường ĐT477B cũ):** Từ đường ĐT477 đến hết đất xã Gia Viễn	
14.1	Đoạn 1: Từ đường ĐT477 đến đầu đồi Kẽm Chè	2,50
15	**Đường ven đồi Kẽm Chè:** Từ đường ĐT477 đến giáp đường Bái Đính - Ba Sao	1,00
16	**Đường vào thôn Mỹ Cát:** Từ đường ĐT477 (giáp nghĩa trang liệt sĩ Gia Viễn) đến gặp đường liên thôn Mỹ Sơn - Mỹ Cát	1,05
17	**Đường vào bãi khai thác đá:** Đường ĐT477B (đường Bái Đính - Ba Sao) đến bãi khai thác đá	1,05
18	**Đường kênh T2** (tuyến đường kênh bao quanh khu dân cư thôn Đồng Chưa và thôn Liên Huy)	1,00
19	**Đường Sẽ Chè - Đá Hàn**	
19.1	Từ Cầu Đổ Đá Hàn (Ngã 3 đường Bái Đính Ba Sao) đến hết đất xã Gia Viễn (Giáp xã Gia Trấn)	1,10
20	**Đê Đầm Cút:** Từ giáp đất xã Gia Hưng đến hết đất xã Gia Viễn (giáp xã Gia Vân)	1,10
21	**Đường trục xã Gia Hòa cũ**	
21.1	Đoạn 1: Từ đường 5 xã đến ngã tư thôn An Ninh	1,10
21.2	Đoạn 2: Từ ngã tư thôn An Ninh đến cầu Thượng	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
21.3	Đoạn 3: Từ cầu Thượng đến hết đất xã Gia Viễn (giáp đất xã Gia Vân)	1,10
22	**Đường liên thôn Mỹ Cát - Mỹ Sơn:** Từ đường 5 xã đến gặp đường Bái Đính - Ba Sao	1,10
23	**Các tuyến đường phân lũ thuộc xã Gia Hòa cũ**	1,10
24	**Đường phía Tây kênh Bản Đông:** Từ giáp trụ sở UBND xã Gia Viễn đến hết khu dân cư mới xã Gia Thịnh cũ (giáp khu dân cư thôn Đồng Chưa)	1,00
25	**Đường trục xã Gia Thịnh cũ:** Từ đường ĐT477B (Sân bóng Thịnh Vượng) đến hết đất Trường THCS Gia Thịnh	1,05
26	**Đường liên thôn Trinh Phú - Liên Huy**	
26.1	Đoạn 1: Từ đường ĐT477B (đường Bái Đính - Ba Sao) đến đầu làng Trinh Phú	1,10
26.2	Đoạn 2: Từ đầu làng Trinh Phú qua chợ Liên Huy đến Cầu Ngay	1,10
26.3	Đoạn 3: Từ Cầu Ngay đến đê sông Hoàng Long	1,10
27	**Đường đi xã Đại Hoàng:** Từ đường Bái Đính - Ba Sao Qua ngã ba Thôn 4 Gia Vượng đến hết đất xã Gia Viễn (giáp cầu Hoàng Long)	1,10
28	**Đường liên thôn tại xã Gia Vượng cũ**	
28.1	Đoạn 1: Từ đường ĐT477C (đường Thống Nhất) đến hết đất Trường Tiểu học và THCS Gia Vượng	1,10
28.2	Đoạn 2: Từ hết đất Trường Tiểu học và THCS Gia Vượng đến ngã ba Thôn 4 Gia Vượng (gặp đường đi xã Đại Hoàng)	1,10
29	**Đường đê tả Hoàng Long:** Từ giáp đất xã Gia Hưng đến hết đất xã Gia Viễn (giáp xã Đại Hoàng)	1,10
30	**Các tuyến đường liên thôn còn lại trong xã**	2,50
31	**Các vị trí đường dân cư còn lại**	1,30
32	**Khu dân cư mới Long Điền - Lô Mét**	
32.1	Tuyến 1: Từ đường ĐT477 đến đường ĐT477B	1,00
32.2	Các đường quy hoạch còn lại thuộc khu dân cư	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
33	**Các tuyến đường quy hoạch trong các khu dân cư mới**	
33.1	Đường quy hoạch trong Khu dân cư Đồng Xá	1,05
33.2	Đường quy hoạch trong Khu dân cư Phố Me	1,00
33.3	Đường quy hoạch trong Khu dân cư sau trường Trung học cơ sở và Tiểu học Me	1,05
33.4	Đường quy hoạch trong khu dân cư phố Tiến Yết	1,05
33.5	Đường quy hoach trong khu dân cư mới Gia Thịnh (trừ đường Hồng Dân kéo dài và đường kênh T2)	1,05
33.6	Nhà lô khu đấu giá, khu nhà vườn thuộc xã Gia Hòa cũ	1,05
34	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**	
34.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17m trở lên	1,00
34.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m	1,00
34.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 13m	1,00
34.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m	1,00
35	**Đường tránh đường ĐT 477**	2,50
36	**Khu dân cư Tế Mỹ (Khu TĐC và đấu giá)**	
36.1	Từ ngã ba giao nhau với đường ĐT 477 đến ngã ba đường ven đồi	1,00
36.2	Đường quy hoạch trong khu dân cư Tế Mỹ	1,00

68. Xã Đại Hoàng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường ĐT477**:	
1.1	Phía Nam: Từ giáp đất xã Gia Viễn đến hết đất xã Đại Hoàng (giáp xã Gia Vân)	3,30
1.2	Phía Bắc (Phía kênh): Từ Cổng làng Phương Hưng đến hết đất xã Đại Hoàng (giáp xã Gia Vân)	3,30
2	**Đường ĐT477B (Đường Bái Đính Ba Sao)**	
2.1	Đoạn 1: Từ giáp đất xã Gia Viễn đến cầu Trường Yên	2,50
2.2	Đoạn 2: Từ ngã ba đường trục liên thôn (gần nghĩa trang) đến giáp đê tả Hoàng Long	2,50
3	**Đường vào đồi Kẽm Chè:** Từ đường ĐT477 đến đồi Kẽm Chè	2,50
4	**Đường vào kênh N9:** Từ Đường đT477 đến đường Bái Đính - Ba Sao	2,50
5	**Đường vào thôn Hoài Lai**	
5.1	Đoạn 1: Từ đường ĐT477 đến giáp kênh thanh niên	2,50
5.2	Đoạn 2: Từ giáp kênh Thanh Niên đến đường Bái Đính- Ba Sao (cổng làng Hoài Lai)	2,50
6	**Đường vào thôn Đồi (thôn Phương Hưng)**	2,50
7	**Đường trục xã Gia Trung cũ**	
7.1	Đoạn 1: Từ Giáp đất Gia Viễn (xã Gia Vượng cũ) đến Nhà thờ giáo xứ Trung Đồng	1,00
7.2	Đoạn 2: Từ Nhà thờ giáo xứ Trung Đồng đến giáp đê tả Hoàng Long	1,00
8	**Đường trục xã Gia Tiến cũ**	
8.1	Đoạn 1: Từ giáp đất Gia Vân đến ngã tư phía Nam Trụ sở Công an xã Đại Hoàng	1,00
8.2	Đoạn 2: Từ ngã tư phía Nam Trụ sở Công an xã Đại Hoàng đến Bưu điện Văn hóa xã	1,00
8.3	Đoạn 3: Từ Bưu điện Văn hóa xã đến đường Bái Đính Ba Sao	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
9	**Đường liên thôn Văn Hà - Văn Bồng - Vĩnh Ninh:** Từ đường Bái Đính - Ba Sao vào thôn Văn Hà, qua Trường tiểu học Gia Phương, ngã tư thôn Vĩnh Ninh đến đường Bái Đính - Ba Sao	1,50
10	**Đường liên thôn Đào Lâm - Quốc Thanh - Vân La:** Từ giáp nhà văn hóa xóm Văn Phú đến đền Thánh Nguyễn	1,50
11	**Các nhánh rẽ còn lại trên đường Bái Đính – Ba Sao vào các thôn Văn Hà, Văn Bồng, Vĩnh Ninh, Đào Lâm, Quốc Thanh, Vân La:** Từ Đường Bái Đính - Ba sao đến gặp đường liên thôn	1,50
12	**Các nhánh rẽ còn lại trên đường Bái Đính – Ba Sao đi xã Gia Vân**	1,50
13	**Đường Tâm Linh**	
13.1	Đoạn 1: Từ đê tả Hoàng Long đến gặp đường Bát Giác	1,10
13.2	Đoạn 2: Từ gặp đường Bát Giác đến trường Tiểu học	1,10
14	**Đường Bát Giáp:** Từ ngã tư giáp Trụ sở Công an xã Đại Hoàng đến ngã tư đường Giáp Bát - Tâm Linh	1,10
15	**Đường đê sông Hoàng Long:** Từ giáp đất xã Gia Viễn đến hết đất xã Đại Hoàng (giáp đất xã Gia Vân)	1,10
16	**Đường sách Khiếu:** Từ ngã ba giao với Đường Tiến Yết đến gặp đường khu dân cư Óc Thượng	1,10
17	**Các trục đường thôn và khu dân cư**	
17.1	Đường trục thôn Trung Đồng: Từ ngã ba nhà Ông Báo đến cống Nghệ Chi Phong	1,00
17.2	Đường trục thôn Chấn Hưng: Từ ngã ba rẽ vào làng Chấn Hưng đến giáp đê tả Hoàng Long	1,10
17.3	Đường ra nhà thờ họ Giang Sơn (Nghĩa trang Điềm Khê): Từ nhà ông Trí (Liên) đến nhà thờ họ Giang Sơn	1,10
17.4	Đường từ bưu điện xã đến đường nhánh Bái Đính Ba Sao vào đền Nguyễn	1,10
17.5	Từ cống ông Tài đi Đê Hoàng Long	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
17.6	Các trục đường mới quy hoạch khu Đồng Gôi	1,10
17.7	Khu dân cư Đồng La, Nam làng Đức Hậu, An Thái	1,50
17.8	Khu dân cư Nam Điềm Khê (Khu chợ cũ)	1,50
17.9	Khu dân cư Tây Đình Đức Hậu	1,10
17.10	Đường nội khu trong Khu dân cư Óc Hạ	1,00
17.11	Đường nội khu trong Khu dân cư Óc Thượng	1,00
17.12	Khu dân cư Đồng Tum	1,10
17.13	Các trục đường thôn còn lại	1,50
18	**Khu dân cư còn lại**	1,50
19	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**	
19.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17m trở lên	1,10
19.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m	1,10
19.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 13m	1,10
19.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m	1,10
20	**Đường Giáp Bát:** Từ ngã tư đường Giáp Bát- Tâm Linh đến đường trục thôn Hán Nam	1,00

69. Xã Gia Vân

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường ĐT477**	
1.1	Đoạn 1: Từ giáp đất Gia Trấn đến hết đường đôi	1,50
1.2	Đoạn 2: Từ giáp đường đôi đến ngã ba đường vào Lãng Nội	1,50
1.3	Đoạn 3: Từ ngã ba đường vào Lãng Nội đến hết đất xã Gia Vân (giáp xã Đại Hoàng)	1,50
2	**Đường kênh phía Bắc đường ĐT477:** Từ Giáp xã Gia Trấn đến hết xã Gia Vân (giáp xã Đại Hoàng) trừ vị trí bố trí Tái định cư, bồi thường đất dự án đường ĐT477	1,50
3	**Đường The Vissai:** Từ đường ĐT477 đến cảng Vissai	1,05
4	**Đường Đinh Lê:** Từ đường ĐT477 đến giáp đất xã Đại Hoàng	1,05
5	**Dãy 2 đường ĐT477:** Từ Giáp xã Gia Trấn đến hết xã Gia Vân	1,40
7	**Đường váo Cầu Đài:** Từ đường ĐT477 đến sân vận động xã Gia Lập (cũ)	1,05
8	**Đường đi Sào Long**	
8.1	Từ đường ĐT477 đến ngã tư đường đi sân vận động xã Gia Lập (cũ)	1,00
8.3	Dãy 2, 3 Từ đường ĐT477 đi Tân Long Mỹ (Cửa Từ) Đến hết Ban chỉ huy Quân sự xã	1,00
9	**Đường vào Lãng Nội**	
9.1	Dãy 1: Từ đường ĐT477 đến đê Đầm Cút	1,00
9.2	Dãy 2 (Khu đất đấu giá): Từ đường ĐT 477 đến đê Đầm Cút	1,00
10	**Đường vào Vân Long**	
10.1	Dãy 1: Từ đường ĐT 477 đến Đê Đầm Cút	1,00
10.2	Dãy 2: Từ đường ĐT 477 đến Đê Đầm Cút	1,05
11	**Các tuyến đường thôn**	
11.1	Đường trục thôn Tùy Hối (đường WB2)	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
11.1.1	Đoạn 1: Từ đường quy hoạch 21,5m Khu nhà ở Thanh Bình đến đầu làng Vân Thị	1,00
11.1.2	Đoạn 2: Từ đầu làng Vân Thị đến hết đất xã Gia Vân (giáp đất xã Đại Hoàng)	1,00
11.2	Đường liên thôn Thiện Hối - Vân Thị	
11.2.1	Đoạn 1: Từ đường ĐT477 đến Chùa Thiện Hối	1,00
11.2.2	Đoạn 2: Từ Chùa Thiện Hối đến Cầu đá thôn Vân Thị	1,05
11.3	Đê sông Hoàng Long: Từ giáp đất xã Đại Hoàng đến hết đất xã Gia Vân (giáp đất xã Gia Trấn)	1,05
11.4	Đê Đầm Cút: Từ giáp xã Gia Viễn đến hết đất xã Gia Vân (giáp xã Gia Trấn)	1,05
11.5	Đường Thiện Hối: Từ đường The Vissai đến Chùa Thiện Hối	1,05
11.6	Từ đê sông Hoàng Long (giáp đất xã Gia Trấn) đến ngã ba đường vào thôn Tùy Hối	1,00
11.7	Đường trục xóm Nam Hải: Từ Đê Tả Hoàng Long đến Đình Trùng Hạ	1,05
11.8	Đường phân lũ chậm lũ thôn Tùy Hối: Từ Giáp đất Gia Trấn đến đường The Vissai	1,05
11.9	Đường phân lũ, chậm lũ thôn Thanh Uy: Từ thôn Bích Sơn đến đê Đầm Cút	1,05
12	**Khu dân cư mới Chiều Roi (Dãy 2, 3)**	1,00
13	**Khu dân cư trung tâm xã Gia Vân**	2,00
14	**Khu nhà ở Thanh Bình**	
14.1	Tuyến đường quy hoạch rộng 21,5m	1,00
14.2	Tuyến đường quy hoạch rộng 15m	1,00
15	**Khu dân cư mới xóm Đông Thượng**	1,00
16	**Khu dân cư còn lại**	1,00
17	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
17.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17m trở lên	1,20
17.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m	1,20
17.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 13m	1,20
17.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m	1,30
18	Khu dân cư mới Chiều Roi (Dãy 4, 5)	1,00
19	Khu dân cư mới Chiều Roi (Dãy 6)	1,00
20	Đường trục thôn Lãng Nội	1,00
20.1	Đoạn 1: Từ Chân đê Đầm Cút đến Ngã tư chợ Lãng Nội	1,00
20.2	Đoạn 2: Từ Ngã tư chợ Lãng Nội đến Ngã ba đường trục Lãng Nội	1,00
21	Đường trục thôn Lãng Ngoại: Từ Ngã ba đường vào Lãng Ngoại (giáp đường vua Đinh) đến Ngã ba nhà văn hóa thôn	1,00
22	Đường trục xóm Nam Hải	1,00
22.1	Đoạn 2: Từ Ngã ba nhà máy nước cũ đến Đê Hoàng Long	1,00
23	Đường Vân Thị: Từ Ngã ba chợ Vân Thị đến Đê Hoàng Long	1,00
24	Đường WB2: Từ Ngã ba nhà ông Thủy (Thôn Vân Thị) đến Sân vận động xã Gia Lập cũ	1,00
25	Tái định cư và bồi thường đất dự án đường ĐT477	1,00
26	Khu tái định cư và bồi thường đất dự án Khu trung tâm xã Gia Vân *(Theo mặt bằng quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 16/5/2026)*	1,00
26.1	Lô TDC01-01 (diện tích 184,6 m^2)	1,00
26.2	Lô TDC01-01 (diện tích 99,2 m^2)	1,00
26.3	Lô TDC01-01 (diện tích 99,7 m^2)	1,00
26.4	Lô TDC02-01	1,00

70. Xã Gia Trấn

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường Quốc lộ 1A:** Từ cầu Khuất đến Đến hết xã Gia Trấn (cầu Gián Khẩu)	2,20
2	**Đường ĐT477:** Từ ngã ba Gián vào đường ĐT477 đến hết đất xã Gia Trấn (giáp xã Gia Vân)	1,50
3	**Đường xung quanh chợ Đò**	
3.1	Dãy 1	1,05
3.2	Dãy 2, dãy 3	1,05
4	**Đường chiến lược thôn Thượng Hòa:** Từ giáp đường quy hoạch 35m đến đê Đầm Cút	1,05
5	**Đường cầu 30**	
5.1	Đoạn 1: Từ phía đông đầu đường ĐT 477 đến Chùa Đô (hết đất xã Gia Trấn)	1,05
5.2	Đoạn 2: Từ giáp đất xã Gia Vân (ngã ba đường vào làng Tùy Hối) đến đê sông Hoàng Long	1,05
6	**Đường đê sông Hoàng Long**: Từ đường Quốc lộ 1A đến hết đất xã Gia Trấn (giáp xã Gia Vân)	1,10
7	**Đường đê Đầm Cút**	
7.1	Đoạn 1: Từ Trạm bơm Thượng Hòa đến hết Xóm Ruốm	1,10
7.2	Đoạn 2: Từ hết Xóm Ruốm đến đồi Cung Sỏi	1,10
8	**Đường đê sông Đáy**	1,50
9	**Đường vào chùa Địch Lộng**	
9.1	Đoạn 1: Từ Cầu Khuất đến ngã ba đường rẽ vào Chùa Địch Lộng	1,10
9.2	Đoạn 2: Từ Chùa Địch Lộng đến Trạm bơm Phương Đông	1,10
10	**Đường thôn Thượng Hòa**	
10.1	Đoạn 1: Từ đường Quốc lộ 1A đến hết Khu dân cư	1,10
10.2	Đoạn 2: Từ hết Khu dân cư đến Đê Đầm Cút	1,50
12	**Đường vào làng Địch Lộng:** Từ giáp đường vào chùa Địch Lộng (cổng làng Địch Lộng) đến nhà máy gạch Gia Thanh	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
13	**Đường trục thôn Địch Lộng:** Từ Nhà văn hóa Xóm 5 Phương Đông đến gặp đường vào làng Địch Lộng	1,10
14	**Đường vào thôn Mưỡu Giáp**: Từ đường Quốc lộ 1A đến giáp nhà thờ thôn Mưỡu Giáp	1,05
15	**Dãy 2 Đường vào thôn Miễu Giáp (nhà thờ) Phía Nam**	1,05
16	**Đường vào UBND xã (từ đường Quốc lộ 1A đến đê sông Đáy)**	
16.1	Đoạn 1: Từ đường Quốc lộ 1A đến hết đất Trường mầm non Gia Xuân	1,00
16.2	Đoạn 2: Từ hết đất Trường mầm non Gia Xuân đến Đê Sông Đáy	1,05
17	**Khu dân cư mới Vườn Thờ, Cửa Chùa (Dãy 1, dãy 2):** Từ đường UBND xã đến giáp làng Vũ Đại	1,05
18	**Đường liên thôn Vũ Nhì - Vũ Xá - Thôn 4 Gia Trấn**: Từ đường Quốc lộ 1A đến đê Sông Đáy	1,00
19	**Đường vào làng Cung Quế**	
19.1	Đoạn 1: Từ đường Quốc lộ 1A đến cầu Vĩnh Thuận	1,05
19.2	Đoạn 2: Từ cầu Vĩnh Thuận đến đình Cung Quế	1,00
20	**Đường liên thôn Vũ Xá - Cung Quế**	
20.1	Đoạn 1: Từ ngã ba rẽ vào chùa Cung Quế đến đình Cung Quế	1,00
20.2	Đoạn 2: Từ Đình Cung Quế đến Đê sông Đáy	1,05
21	**Các vị trí bám đường liên thôn khác còn lại**	1,05
22	**Khu dân cư mới xã Gia Trấn**	
22.1	Tuyến đường N1: Từ Đường Quốc lộ 1A đến Kênh Vĩnh Thuận (nhà Văn Sâm)	1,05
22.2	Tuyến đường D1, D2, D3, D4, D5, D6: Từ giáp đường vào trụ sở Công an xã đến Giáp đường N1	1,05
22.3	Tuyến đường D7, D8, D9, D10, D11: Từ giáp đường vào trụ sở Công an xã đến giáp đường N1	1,05

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
23	**Khu dân cư Cầu Chẹm**	1,20
24	**Khu dân cư trung tâm Gia Thanh**	
24.1	Đường quy hoạch rộng 20,5m	1,20
24.2	Đường quy hoạch rộng từ 17m đến dưới 20,5m	1,20
24.3	Đường quy hoạch rộng từ 13m đến dưới 17m	1,20
25	**Khu dân cư mới Bái Đàn**	1,20
26	**Khu dân cư Đinh Đô**	1,20
27	**Khu dân cư Thượng Hòa**	2,00
27.1	Đường quy hoạch rộng từ 15m đến dưới 20 m	2,00
27.2	Đường quy hoạch rộng từ 20 m đến dưới 40 m	2,00
27.3	Đường quy hoạch rộng ≥ 40m	2,00
28	**Khu dân cư còn lại**	1,70
29	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**	
29.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17m trở lên	1,20
29.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m	1,20
29.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 13m	1,20
29.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m	1,20
30	**Khu dân cư Gián Khẩu**	
30.1	Các lô bám tuyến đường N1, N2, N4, N5, N6, N8, N9, N10, N11, N12, D1, D3, D4	1,00
30.2	Các lô bám tuyến đường D2 (Các lô có mặt cắt < 30m)	1,00
30.3	Các lô bám tuyến đường N7	1,00
30.4	Các lô bám tuyến đường D2 (Các lô có mặt cắt ≥ 30m)	1,00
30.5	Các lô bám tuyến đường D5	1,00
30.6	Các lô bám bám đường N3	1,00

71. Xã Gia Hưng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường ĐT477:** Từ giáp đất xã Gia Viễn đến hết đất Gia Hưng	1,20
2	**Dãy 2 đường ĐT477:** Từ giáp đất xã Gia Viễn đến giáp đê tả sông Hoàng Long	1,30
3	**Đường 5 xã:** Từ giáp đất xã Gia Viễn đến hết đất Gia Hưng	
3.1	Đoạn 1: Từ giáp đất xã Gia Viễn đến ngã 3 sông Cù	1,20
3.2	Đoạn 2: Từ ngã 3 sông Cù đến hết đất xã Gia Hưng	1,20
4	**Dãy 2 Đường 5 xã**	1,20
5	**Đê Đầm Cút:** Từ giáp đất Gia Viễn đến giáp đê tả sông Hoàng Long	1,20
6	**Đường đê tả sông Hoàng Long**	
6.1	Đoạn 1: Từ giáp đất Gia Viễn đến đường ĐT477	1,20
6.2	Đoạn 2: Từ đường ĐT477 đến hết Chợ Viến	1,20
6.3	Đoạn 3: Từ chợ Viến đến giáp đê Đầm Cút	1,20
7	**Các tuyến đường trục xã**	
7.1	Đường vào thôn Thượng: Từ đường ĐT477 đến giáp đê tả sông Hoàng Long	1,20
7.2	Đường vào thôn Đoan Bình: Từ đường ĐT477 đến thôn Đoan Bình	1,20
7.3	Đường vào thôn Đồi:	
7.3.1	Đoạn 1: Từ đường ĐT477 đến thôn Đồi	1,20
7.3.2	Đoạn 2: Từ đường ĐT477 (Bưu điện) đến thôn Đồi	1,20
7.4	Đường vào thôn Kính Trúc: Từ đường ĐT477 đến thôn Kính Trúc	1,20
7.5	Đường liên thôn Uy Viễn - thôn 14: Từ đê tả sông Hoàng Long (giáp cổng chào làng Ngọc Sơn) đến hết đất xã Gia Hưng (giáp đất xã Gia Viễn)	1,20
7.6	Đường liên thôn Uy Viễn - Mỹ Lộc: Từ ngã ba (quán bà Liên) đến Cầu thôn Mỹ Lộc	1,20
8	**Đường phân lũ, chậm lũ:** Từ Đường ĐT477 đến ngã tư cầu Lở (xã Gia Hưng cũ)	1,20
9	**Đường vào UBND xã Liên Sơn cũ**: Từ ngã ba sông Cù đến đê Đầm Cút	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
10	**Đường Quang Trung**: Từ ngã ba Chợ Viễn đến đê Đầm Cút	1,20
11	**Đường Rừng Giang**: Từ ngã ba ao Chăm đến cầu Rừng Giang	1,20
12	**Đường Vua Đinh (Đi qua UBND xã):** Từ cống Nhong Nhỏng đến giáp đường Quang Trung	1,20
13	**Khu Bìa Cọt**	1,20
14	**Khu dân cư phục vụ dự án xây dựng tuyến đường Bái Đính - Ba Sao**	
14.1	Khu 1 (Từ lô A đến Lô H)	
14.1.1	Tuyến đường Kênh Bản Đông và đường 15,0m	1,00
14.1.2	Các đường còn lại	1,00
14.2	Khu 2 (Từ lô L đến đết đất Gia Hưng (giáp đất Gia Viễn)	
14.2.1	Tuyến đường Kênh Bản Đông và đường 15,0m	1,00
14.2.2	Các đường còn lại	1,00
15	**Khu dân cư mới Thôn Đồi**	1,00
16	**Khu đấu giá chợ Viến**	1,25
17	**Khu đấu giá Nhong Nhỏng**	1,25
18	**Khu dân cư còn lại**	1,30
19	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**	
19.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17m trở lên	1,00
19.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m	1,00
19.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 13m	1,00
19.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m	1,00

72. Xã Gia Phong

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường ĐT477C**	
1.1	Đoạn 1: Từ Giáp đê hữu sông Hoàng Long đến Cổng chợ Lạc Khoái (phía đông đến hết thửa đất số 25, tờ bản đồ 71; phía tây đến hết thửa đất số 21, tờ bản đồ 71)	1,00
1.2	Đoạn 2: Từ Cổng chợ Lạc Khoái (phía đông đến hết thửa đất số 25, tờ bản đồ 71; phía tây đến hết thửa đất số 21, tờ bản đồ 71) đến Ngã 4 Lê (giao đường du lịch Kênh Gà - Vân Trình))	1,00
1.3	Đoạn 3: Từ Ngã 4 Lê (giao đường du lịch Kênh Gà - Vân Trình)) đến Chợ Đình Chung	1,15
1.4	Đoạn 4: Từ Chợ Đình Chung đến Cầu Thống Nhất	1,15
2	**Đường vào khu du lịch Kênh Gà - Động Vân Trình**	
2.1	Đoạn 1 (Giai đoạn 1): Từ đê hữu sông Hoàng Long (Chợ Lê) đến ngã tư Lê (giao đường ĐT.477C)	1,00
2.2	Đoạn 2: Từ Ngã tư Lê (giao đường ĐT.477C) đến hết đất xã Gia Phong (giáp xã Thanh Sơn)	1,00
3	**Đường trục xã Gia Minh cũ**	
3.1	Đoạn 1: Từ trạm bơm Gia Minh đến Ngã 4 chợ Gia Minh (giao đường du lịch Kênh Gà - Vân Trình)	1,00
3.2	Đoạn 2: Từ Ngã 4 chợ Gia Minh (giao đường du lịch Kênh Gà - Vân Trình) đến Xóm 1 Lỗi Sơn (Núi con Mèo)	1,00
3.3	Các vị trí khác: Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 39; Thửa đất số 222, tờ bản đồ số 48; Thửa đất số 61, tờ bản đồ số 34; Thửa đất số 131, 132, tờ bản đồ số 53	1,00
4	**Đường liên thôn Minh Đường - An Hòa**: Từ Đường ĐT477C đến Đê Hữu sông Hoàng Long (Đình làng Chỉnh Đốn)	1,25
5	**Phía trong đê hữu Hoàng Long:** Từ Núi Mõ (giáp đất xã Thanh Sơn) đến đường rẽ vào Trường THPT Gia Viễn C (Âu Lê)	
5.1	Đoạn 1: Từ Núi Mõ (giáp đất xã Thanh Sơn) đến gặp đường ĐT477C	1,25

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
5.2	Đoạn 2: Từ đường ĐT477C đến đường rẽ vào Trường THPT Gia Viễn C (Âu Lê)	1,20
6	**Đường vào xóm Đông Thắng:** Từ đường ĐT477c đến giáp xóm Đông Thắng	1,25
7	**Đường vào Đảng ủy xã Gia Phong:** Từ đường ĐT477C đến nhà ông Vương xóm Nam Ninh	1,20
8	**Các tuyến đường vào thôn Lạc Thiện**	
8.1	Đoạn 1: Từ đê hữu Hoàng Long đến Trạm biến thế thôn Lạc Thiện	1,20
8.2	Đoạn 2: Từ đê hữu Hoàng Long đến thôn Lạc Thiện	1,20
8.3	Đoạn 3: Từ đường ĐT477C đến thôn Lạc Thiện	1,20
9	**Đường Đồng Vài:** Từ cửa nhà ông Tâm đến Chợ Lạc Khoái mới	1,20
10	**Phía Đông, Nam khu chợ Lạc Khoái mới**	1,20
11	**Đường vào chùa Hưng Khánh**: Từ Đường ĐT477C đến hết đất chùa Hưng Khánh	1,20
12	**Đê bắc sông Rịa**	
12.1	Đoạn 1: Từ đầu thôn Mai Sơn (Chợ Lê) đến Nhà văn hóa Phong Tĩnh	1,65
12.2	Đoạn 2: Từ Nhà văn hóa Phong Tĩnh đến Xóm 1 Lỗi Sơn (Núi Con Mèo)	1,25
15	**Đường vào thôn Ngọc Động**: Từ đường ĐT477C đến đầu xóm 2, xóm 3 Ngọc Động	1,20
16	**Đường đi chợ Chòm**: Từ đường ĐT477C đến đê Bắc Rịa (xóm 1 Ngọc Động)	1,20
17	**Đường lên núi con Mèo:**	
17.1	Đoạn 1: Từ đường ĐT477C đến Chùa Am Trạch	1,20
17.2	Đoạn 2: Từ Chùa Am Trạch đến Núi Con Mèo	1,20
18	**Đường vào Mỏ đá Thảo Anh Gia Sinh**: Từ đê sông Hoàng Long đến Mỏ đá Thảo Anh Gia Sinh	1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
19	**Khu dân cư xóm Lò (Giáp Kênh Gà, Gia Thịnh)**	1,30
20	**Khu dân cư Đồng Kênh**	1,00
21	**Khu Tái định cư Gia Lạc**	2,00
22	**Khu dân cư còn lại**	1,10
23	**Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:**	
23.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17m trở lên	1,05
23.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m	1,05
23.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 13m	1,05
23.4	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m	1,05

73. Xã Nho Quan

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường ĐT.477**	
1.1	Từ Cầu Nho Quan đến ngõ cổng Chợ dưới mới	1,00
1.2	Từ Ngõ cổng Chợ dưới mới đến Nút giao đường Phước Long	1,00
1.3	Từ Nút giao đường Phước Long đến Ngã tư đường du lịch Cúc Phương	1,00
1.4	Từ Ngã tư đường du lịch Cúc Phương đến Kênh Phong Thành (bờ máng nổi)	1,00
1.5	Từ Kênh Phong Thành (bờ máng nổi) đến Hết đất Nho Quan (giáp Yên Trị, Phú Thọ)	1,00
2	**Đường Lương Văn Thăng (12B cũ)**	1,00
2.1	Từ Ngã tư bến xe đến Bảng tin Phong Lạc	1,00
2.2	Từ Bảng tin Phong Lạc đến Nút giao đường Trương Hán Siêu(đường rẽ Liêu Hạ)	1,00
2.3	Từ Nút giao đường Trương Hán Siêu (đường rẽ Liêu Hạ) đến Đường rẽ làng Ngải	1,00
2.4	Từ Đường rẽ làng Ngải đến Nút giao đường 12B (vòng xuyến CCN Văn Phong)	1,00
3	**Đường 12B**	
3.1	Từ Nút giao đường 12B (vòng xuyến CCN Văn Phong) đến Cầu Sui	1,00
3.2	Từ Nút giao đường 12B (vòng xuyến CCN Văn Phong) đến Cầu Lập Cập	1,00
4	**Đường Đinh Tất Miễn**	
4.1	Từ Bưu điện đến Nút giao đường Lương Văn Tụy (ngã tư Phong Lạc)	1,00
4.2	Từ Nút giao đường Lương Văn Tụy (ngã tư Phong Lạc) đến Hết KDC Phong Nhất	1,00
5	**Đường Thanh Niên:** Từ Đường 477 (đài truyền thanh Nho Quan) đến Giao đường Lương Văn Tụy	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
6	**Đường làng Bái**	
6.1	Từ Đường 477 đến Hết trường mầm non TT Nho Quan (cũ)	1,00
6.2	Từ Hết trường mầm non TT Nho Quan (cũ) đến Sân vận động phố Bái	1,00
6.3	Từ Hết sân vận động phố Bái đến Đường 477 (cửa hàng dược)	1,00
7	**Đường ngõ 158 đường Thiên Quan (đường chợ Nho Quan cũ)**	1,00
7.1	Từ Bến xe khách Nho Quan đến Đường rẽ trường Tiểu học Nho Quan	1,00
7.2	Từ Đường rẽ trường Tiểu học Nho Quan đến Nhà bà Vận	1,00
8	**Ngõ 252 đường Thiên Quan**	1,00
8.1	Từ Đường 477 đến Ngã 3 chợ Nho Quan	1,00
8.2	Từ Ngã 3 chợ Nho Quan đến Đê Năm Căn	1,00
9	**Đường Lương Văn Tụy:** Từ Đường 477 (chân cầu Nho Quan) đến Bảng tin Phong Lạc	1,00
10	**Đường Nguyễn Văn Hoan**	
10.1	Từ Đê năm căn (đầu hồ Vạn Sào) đến Cổng làng Sào Thượng	1,00
10.2	Từ Cổng làng Sào Thượng đến Giao đường Lương Văn Thăng	1,00
11	**Đường Trương Hán Siêu:** Từ Giao đường Lương Văn Thăng (ngã 4 rẽ Trung tâm giáo dục thường xuyên) đến Đường ĐT.477	1,00
12	**Đường Hoàng Long (đường nội thị tuyến 16)**	
12.1	Từ Giao đường Lương Văn Thăng đến Giao đường Trương Hán Siêu	1,00
12.2	Từ Giao đường Trương Hán Siêu đến Ngã tư đường du lịch Cúc Phương	1,00
13	**Ngõ 290 đường Thiên Quan (vào chợ Nho Quan mới):** Từ Đường ĐT.477 đến Cổng chợ mới	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
14	Khu dân cư Phong Nhất	1,00
15	Khu dân cư khu vực chợ mới	1,00
16	**Đường Phước Long**	
16.1	Từ Điểm nối đường ĐT 477 (giáp đất ông Xuyên) đến Giáp khu dân cư Đồng Tâm - Nam Giang (nhà ông Diện)	1,00
16.2	Từ Giáp khu dân cư Đồng Tâm - Nam Giang (nhà ông Diện) đến Giao đường Hoàng Long	1,00
17	Khu dân cư Đồng Tâm - Nam Giang (đường nội bộ khu dân cư)	1,00
18	Khu dân cư bám đường đê năm căn	1,00
19	Khu dân cư Tân Nhất - Xã Lạng Phong cũ	1,00
20	Khu dân cư Thượng Đồng - Xã Văn Phong cũ (đường phân lô 15m)	1,00
21	**Đường du lịch Cúc Phương**	
21.1	Từ Ngã tư giao đường ĐT477 (chợ đồng Phong) đến Đường rẽ núi Cối	1,00
21.2	Từ Đường rẽ núi Cối đến Giáp đất xã Cúc Phương	1,00
22	**Đường Hoàng Long kéo dài**	
22.1	Từ Giao đường du lịch Cúc Phương đến Giao đường QL 12B	1,00
22.2	Từ Giao đường QL 12B đến Hồ Yên Quang	1,00
23	Đường trục qua UBND xã Lạng Phong cũ từ Đê Năm Căn đến Đường Lương Văn Thăng	1,00
24	**Các tuyến đường trục xã**	
24.1	Từ Trạm Y tế xã đến Đường du lịch Cúc Phương	1,00
24.2	Từ Đường Lương Văn Thăng kéo dài đến Trạm bơm Tràng An	1,00
24.3	Từ Đường 12B đến Thôn Thượng Đồng	1,00
24.4	Từ Cổng làng Sào Thượng đến Đê Năm Căn	1,00
25	**Đường dãy 2 khu đấu giá sau cây xăng Đồng Phong**	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
26	**Khu đất đấu giá tại khu dân cư thôn Phong Lai 2**	1,00
27	**Khu dân cư Phong Thành**	1,00
28	**Khu dân cư Nam Phong Lai 2**	1,00
29	**Khu Dân cư Sào Thượng**	
29.1	Vị trí bám tuyến đường 28m	1,00
29.2	Vị trí bám tuyến đường 17m	1,00
30	**Khu dân cư trước trường Trung cấp nghề**	1,00
31	**Khu dân cư Thăng Long - Xã Đồng Phong**	
31.1	Vị trí bám tuyến đường rộng 17m	1,00
31.2	Vị trí bám tuyến đường rộng 15m	1,00
32	**Các khu dân cư còn lại**	
32.1	Vị trí bám tuyến đường bề rộng ≥7m	1,50
32.2	Vị trí bám tuyến đường bề rộng ≥5m - <7m	1,50
32.3	Vị trí bám tuyến đường bề rộng ≥3,5m - <5m	1,50
32.4	Vị trí bám tuyến đường bề rộng <3,5 m	1,50

74. Xã Gia Lâm

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường ĐT 479**	
1.1	Đường Tỉnh lộ 479 xã Gia Lâm: Từ Cầu Na xã Gia Lâm cũ đến Hết xã Xích Thổ cũ	2,20
2	**Đường đê Lợi Hà (sông Na) xã Gia Lâm**: Từ Cầu Na đến Đường rẽ vào thôn 6	1,10
3	Từ cổng làng Hùng Sơn đến Cổng ông Ta thôn Hùng Sơn xuống ngã tư đập tràn thôn 4	1,25
4	Từ cổng công ty Nam Anh Tú thôn Quyết Thắng đi Gia Hưng	1,25
5	**Đường trục xã**	
5.1	Đường liên xã: Từ đường 479 (cổng ông Hanh thôn Hùng Sơn) đến Cổng hộ Ông Làng thôn Đông Minh, Ông Lâm thôn Xuân Long đi xã Gia Tường	1,20
5.2	Từ Đường Tỉnh lộ 479 đến Cổng trường cấp II Gia Sơn	1,20
5.3	Từ Đường 479 Bưu điện xã Gia Lâm đến nhà ông Nguyễn Ngọc Nhị thôn 8, trạm bơm kim đôi	1,00
5.4	Từ Đường 479 cổng làng Khả La đến nhà ông Lý Đức Thiện ngã 3 thôn 3	1,00
5.5	Từ Đường từ đường 479 cửa ông Bản thôn 1 (đít ngựa) đến ngã tư Long Sàng thôn 4	1,00
5.6	Từ Đường 479 từ siêu thị Yến anh thôn 7 đến ngã tư Long Sàng thôn 4	1,00
5.7	Từ Đường 479 cầu na thôn 10 đến xã Gia Tường (Gia Thuỷ cũ)	1,00
5.8	Từ Đường 479 ngã 3 ông Long GĐ HTX Gia Lâm cũ đến nhà ông Trần Văn Quý thôn 2	1,00
5.9	Từ Đường cổng ông Làng thôn Đông Minh Đi qua cổng trường Mầm non Gia sơn đến bà Lẫm thôn Xuân Long	1,20
6	**Đường trục thôn**	
6.1	Từ đường 479 đi Đình Sào Long đến Hộ nhà ông Lâm thôn Xuân Long	1,30
6.2	Từ Cổng làng thôn Hạnh Phúc đến Đập tràn sủng thôn Hạnh Phúc	1,30

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
7	Đường trục chính của xã	1,20
8	Đường trục thôn	1,50
9	Các thôn còn lại	1,50
10	Các Khu đấu giá	
10.1	Cổng trường cấp II Gia Sơn	1,50
10.2	Khu đấu giá (khu dân cư dãy trong) xã Gia Sơn cũ	1,30
10.3	Khu cầu Đề vào nhà máy gạch Gia Lâm cũ, dãy trong	1,00
10.4	Khu Đồng Sung Gia Lâm cũ (dãy trong)	1,00
11	Khu đấu giá thôn 2, thôn 3 (khu dân cư mới thôn 2, thôn 3): Từ thôn 2 đến thôn 3	1,20
12	Khu dân cư mới xã Gia Lâm (xã Gia Sơn cũ)	1,20
13	Khu dân cư phía đông trụ sở HĐND, UBND xã Gia Lâm	1,20
14	Khu dân cư mới Đồng Sung Thôn 2	1,20

75. Xã Gia Tường

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường 477:** Từ đường rẽ Phú Sơn đến Cầu Đế	1,00
2	**Đường 479**	
2.1	Từ Ngã Ba Chạ đến hết cầu Na	1,10
2.2	Từ ngã tư đường rẽ vào xưởng gốm đến giáp đất xã Gia Lâm	1,10
3	**Đường trục chính xã Gia Tường**	
3.1	Từ Cầu Canh Bầu đến Nhà văn hoá Ngọc Sơn	1,50
3.2	Từ Nhà văn hoá Ngọc Sơn đến giáp đất ông Thanh thôn Mỹ Lộc	1,60
3.3	Từ đất ông Thanh thôn Mỹ Lộc đến đến giáp đất ông Tình, ông Lương thôn Mỹ Thịnh	1,40
3.4	Từ giáp đất ông Doanh thôn Mỹ Thượng đến giáp đất xã Gia Lâm (đường 479)	1,40
3.5	Từ đất ông Lực thôn Chùa đến Giáp đất ông Doanh thôn Mỹ Thượng	1,50
3.6	Từ đất ông Lực thôn Chùa đến đường đi Đập Ông Thử thôn 7 Gia Lâm	2,00
3.7	Từ đường 477 giáp nhà ông Thái thôn Thống Nhất đến Cửa hàng điện thoại Anh Hậu	2,00
3.8	Từ Cửa hàng điện thoại Anh Hậu đến Đê Đức Long giáp nhà ông Hãng	1,65
3.9	Từ giáp nhà ông Thiện thôn Cao Thắng đến nhà ông Đức thôn Cao Thắng	2,00
3.10	Từ nhà ông Cường thôn Mỹ Thịnh đến giáp xã Gia Lâm	2,50
3.11	Từ đường 477 đến chợ Đế xã Gia Tường	2,50
4	**Đường liên xã Phú Sơn - Gia Tường:** Từ Đường 477 đi thôn Lạc 1 đến Thôn Sơn Cao, xã Gia Tường	2,00
5	**Đường trục xã đoạn qua thôn An Nội:** Từ Đường 477 đến đường 479	2,00
6	**Đường móng châu:** Từ Đường trục xã giáp nhà ông Toàn thôn Thống Nhất đến Đầu núi Lóng thôn Cổ Định	1,65

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
7	**Đường trục xã:** Từ Đường trục xã giáp nhà ông Tưởng thôn Hiền Quan 1 đến giáp đất nhà ông Tuyền thôn Cổ Định	1,50
8	**Đường cột cờ:** Từ Điểm canh đê Đức Long đến đầu núi hang ma thôn Thần Lũy	1,65
9	**Đường đê Lợi hà (sông Bôi):** Từ Cửa nhà ông Tính thôn Nho Phong đến Đầu núi Cóc thôn Thần Lũy	1,35
10	**Đường đê Lợi Hà (sông Bôi)**	
10.1	Từ đường 477 đến nhà ông Tính thôn Nho Phong	1,65
10.2	Từ Đầu núi Cóc đến Cống Mắt bạc thôn Sơn Lũy	2,00
11	Khu dân cư trung tâm phía Tây đường 479, thôn Mỹ Quế xã Gia Tường	1,40
12	Khu dân cư thôn Thống Nhất, xã Gia Tường	1,40
13	Khu dân cư thôn Phú Thịnh	1,30
14	Khu dân cư Bến Nụ	1,00
15	Các vị trí bám tuyến đường có bề rộng từ 7m trở lên	1,05
16	Các vị trí bám tuyến đường có bề rộng từ 5m - 7m	1,10
17	Các vị trí bám tuyến đường có bề rộng từ từ 3,5m -5m	1,50
18	Các vị trí bám tuyến đường có bề rộng dưới 3,5m	1,40
19	Đường trục xã: Đoạn từ cầu Đế đường 477 đến ngã tư giao với đường 479	1,00
20	Đường trục xã: Từ ngã tư đường 479 đến Ngã tư thôn Đầm Bái	1,00
21	Khu dân cư thôn Mỹ Thịnh, thôn Chùa	1,00
22	Khu tái định cư thôn Công Luận	
22.1	Các lô bám đường trục 10m	1,00
22.2	Các lô dãy trong	1,00

76. Xã Phú Sơn

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường 477**	
1.1	Từ đầu cầu Nho Quan đến Ngã ba xã Phú Sơn	1,50
1.2	Từ Ngã ba xã Phú Sơn đến Ngã ba Chạ	1,25
2	**Đường 479B**	
2.1	Từ đường ĐT477 đến đường rẽ vào trường Tiểu học Phú Sơn	1,00
2.2	Từ đường rẽ vào trường tiểu học Phú Sơn đến đường rẽ vào thôn Lạc Bình 2	1,25
2.3	Từ đường rẽ vào thôn Lạc Bình 2 đến Ngã ba Thạch La	1,25
2.4	Từ Ngã 3 Thạch La đến đường đi An Bình, Phú Thọ	1,00
3	Các lô đất dãy trong Đường 479B thuộc khu dân cư Đồng Bông	1,17
4	Từ đường kết nối từ ĐT477 đi qua xóm 1 đến đường ĐT479B	1,17
5	**Đường trục xã Phú Sơn**	
5.1	Từ đường ĐT 477 đến đường trục thôn 4 giáp nhà bà Phương	1,10
5.2	Từ Ngã ba Thạch La đến Ngã ba rẽ vào núi Hồ Lô	1,25
5.3	Từ Ngã ba rẽ vào núi Hồ Lô Đi qua thôn Đầm Rừng đi Yên Trị Phú Thọ	1,25
5.4	Từ đường kết nối từ ĐT 479B qua sân thể thao trung tâm xã Đi Thạch La	1,80
6	Đường Đê Hiền Quan Phú Sơn đi Thanh Sơn: Từ đường ĐT 477 đi qua thôn Hiền Quan đến Đê Ráng xã Thanh Sơn	1,00
7	Đường thôn Bình An: Từ Đường ĐT 477 đến Nhà thờ xứ Vô Hốt	1,00
8	Đường xóm 3, đường xóm 4: Đường ĐT477 đến Đê chùa Cơi	1,00
9	Đường trục chính liên thôn, xóm còn lại	1,25

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
10	Đường trục thôn, xóm	1,25
11	Đường nhánh thôn, xóm còn lại	1,25
12	Khu dân cư Liên Phương- Đồi Mây	1,00
13	Khu dân cư Đồng Nổ	1,25
14	Tuyến đường liên thôn: Từ đường kết nối từ ĐT 479 qua thôn 1, thôn 3, thôn 4 Đồi Bồ đến Thôn Vệ Chùa	1,00
15	Đường liên xã Phú Sơn - Gia Tường: Từ đường ĐT 477 qua thôn Lạc 1 đến thôn Sơn Cao xã Gia Tường	1,10
16	Các lô dãy trong khu dân cư Đồng Sáo	1,00
17	Khu tái định cư phục vụ công tác GPMB dự án Xây dựng, nâng cấp mở rộng ĐT.477(đoạn từ Km1+500 đến tuyến tránh Quốc lộ 12B xã Đồng Phong, huyện Nho Quan; xây dựng cầu Hoàng Long và đường dẫn trên tuyến ĐT.477C xã Phú Sơn, tỉnh Ninh Bình	
17.1	Các lô giáp trục từ 479B qua sân thể thao đi thôn Thạch La	1,00
17.2	Các lô còn lại	1,00

77. Xã Cúc Phương

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường 12B:** Từ giáp xã Nho Quan đến cầu Mý	1,00
2	**Đường du lịch Cúc Phương**	
2.1	Từ giáp địa phận xã Nho Quan đến Đường rẽ Hồ 4 Yên Quang	1,00
2.2	Từ Đường rẽ Hồ 4 Yên Quang đến Chân dốc Sườn Bò	1,50
2.3	Từ Chân dốc sườn bò đến Đường rẽ vào nước khoáng Cúc Phương	1,00
2.4	Từ Đường rẽ vào nước khoáng Cúc Phương đến Cổng khu du lịch Cúc Phương	1,00
2.5	Từ Ngã 3 Đường rẽ vào UBND xã Cúc Phương đến Bưu điện Cúc Phương	1,00
2.6	Từ Bưu điện Cúc Phương đến Đường rẽ ao lươn	1,00
3	**Đường xã**	
3.1	Từ Đê Năm Căn: Đoạn từ đường 12 đến Đại lộ Hoa Lư	1,00
3.2	Từ vòng xuyến đại lộ Hoa Lư đến Đường du lịch Cúc Phương (Thôn Xuân Viên)	1,00
3.3	Từ vòng xuyến đại lộ Hoa Lư đến Đường du lịch Cúc Phương (Thôn Tiền Phương 2)	1,50
4	**MBQH đấu giá khu dân cư thôn Đồng Tâm**	
4.1	Các lô bám đường du lich Cúc Phương	1,00
4.2	Các lô còn lại trong dân cư	1,00
5	**Đường Đại lộ Hoa Lư**: Từ giáp xã Nho Quan đến Giáp xã Phú Long	1,00
6	**Đường liên xã:** Từ chân giốc sườn Bò đến giáp xã Phú Long	1,50
7	**Khu vực nông thôn còn lại**	
7.1	Đường trục chính của xã	1,50
7.2	Đường trục thôn	1,50
7.3	Các đường thôn còn lại	2,00

78. Xã Phú Long

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đại lộ Hoa Lư:** Từ xã Phú Long đến xã Cúc Phương	1,05
2	**Quốc lộ 45**	
2.1	Từ Giáp đất Quỳnh Lưu đến Ngã tư đường vào đền Cô bé Ao Bèo (Quyết - Tuyến)	1,05
2.2	Từ Ngã tư đường vào đền Cô bé Ao Bèo (Quyết - Tuyến) đến Đường vào công viên động vật hoang dã	1,05
2.3	Từ Đường vào công viên động vật hoang dã đến Giáp Thanh Hóa	1,33
3	**Đường du lịch Cúc Phương:** Trên địa bàn xã Phú Long	1,80
4	**Đường Du lịch Núi Đính- Cúc Phương**	
4.1	Từ Giáp đất Quỳnh Lưu đến Đường vào công viên động vật hoang dã	1,30
4.2	Từ Đường vào công viên động vật hoang dã đến Ngã ba Dốc Bệu	1,80
4.3	Từ Ngã ba Dốc Bệu đến Giáp Cúc Phương	2,00
5	**Đường 479D**: Từ Ngã ba Dốc Bệu đến Quốc lộ 45-Trại Ngọc (Phú long)	2,00
6	**Khu tái định cư Phùng Thượng (Các lô còn lại chưa giao tái định cư)**	
6.1	Nằm trên mặt tuyến đường Phùng Thương - Phùng Thượng - Thanh Sơn (Hang Trăn - Nước Rộ)	1,05
6.2	Các vị trí còn lại	1,05
6.3	Khu tái định cư Phú Long (Các lô còn lại chưa giao tái định cư)	1,05
6.4	Khu tái định cư Thường Sung (Nằm trên mặt đường Săm - Sạng Vóng)	1,05
7	**Khu dân cư thôn Vẹn (Xóm 1) (KDC mới)**	
7.1	Mặt đường trục thôn 1 (Giáp Quỳnh lưu - Hồ Đá Lải)	1,05
7.2	Các vị trí còn lại	1,05
7.3	Khu trung tâm mới (KDC mới)	1,05
7.4	Khu dân cư thôn 5 (KDC mới)	1,05
8	**Đường Công viên:** Từ Quốc lộ 45 đến Đường Du lịch Núi Đính-Cúc Phương	1,05

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
9	**Đường Săm - Sạng - Vóng:** Từ Đường Phùng Thượng (Đường Du lịch Núi Đính - Cúc Phương) đến Đường du lịch Cúc Phương	3,00
10	**Đường Nông trường Đồng Giao đi Phùng Thượng**	
10.1	Từ Khe Gồi đến Quốc lộ 45	1,30
10.2	Từ Quốc lộ 45 đến Đường Phùng Thượng (Trung Tâm)	1,30
11	**Tuyến đường trục qua thôn 5, thôn 6 - Phường Tam Điệp:** Từ Quốc Lộ 45 đến Giáp Phường Tam Điệp	1,30
12	**Tuyến đường từ bản Ao Lươn - Thanh Hoá:** Từ Đường Du lịch Núi đính Cúc Phương (Ông Thuần - Ao Lươn) đến Giáp Tỉnh Thanh Hoá	1,10
13	**Tuyến đường từ Phùng Thượng - Thanh Sơn (Hang Trăn - Nước Rộ):** Từ Đường Du lịch Núi đính Cúc Phương (Gần cổng chào công ty Yên Phú đến Đập Hăng Chăn - Nước Rộ (Xã Thanh Sơn)	1,10
14	**Đường đi Thung Trẩu:** Từ Đường Du lịch Núi đính Cúc Phương (Nhà Ông Thân Bản Mét) đến ngã 3 Cúc Phương	1,10
15	**Đường sân golf đi Yên Thành xã Quỳnh Lưu:** Từ Cổng sân golf Tràng An đến Ngã 3 thôn Yên Thành, xã Quỳnh Lưu	1,10
16	**Đường đi hồ Thường Sung:** Từ Ngã 3 giao với đường Săm - Sạng Vóng đến đi Hồ Thường Sung	1,10
17	**Đường liên xã Quỳnh Lưu - Yên Sơn - Phú Long:** Từ Giáp Quỳnh Lưu đến Kết nối với đường Nông trường Đồng giao đi Phùng Thượng	1,10
18	**Đường trục thôn**	
18.1	Đường trục thôn 1	
18.1.1	Từ Giáp Quỳnh Lưu (Làng Sòng Xanh) đến Chân Hồ Đá Lải	1,60
18.1.2	Từ Quốc lộ 45 (ông Phú) đến Chân hồ Đá Lải (ông Duy)	1,60
18.1.3	Từ Quốc lộ 45 (Cầu tràn) đến Giao với đường từ QL12B đi hồ Đá Lải	1,60
18.2	Đường trục thôn 2	
18.2.1	Từ Quốc lộ 45 (ông Thuận) đến Kết nối đường Thôn 1 (bà Giang)	1,60

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
18.2.2	Từ Ông Điệu đến Đền Ao Bèo	1,60
18.3	Đường trục thôn 3	
18.3.1	Từ Quốc lộ 45 (ông Quyết) đến bà Tạo	1,60
18.3.2	Từ Quốc lộ 45 (ông Liệu) đến Ông Ký	1,60
18.3.3	Từ Quốc lộ 45 (Minh Cúc) đến ông Trình	1,60
18.3.4	Từ Trường mầm non khu B đến bà Thanh	1,60
18.3.5	Từ Thủy Cường đến bà Yên	1,60
18.3.6	Từ Quốc lộ 45 (Bích tuyến) đến bà Luyến	1,60
18.3.7	Từ Bà Luyến đến ông Lai (thêu)	1,60
18.3.8	Từ Quốc lộ 45 (Thường) đến ông Hùng Nhung	1,60
18.3.9	Từ Quốc lộ 45 (Hiếu) đến Nghĩa Trang Ao Bèo	1,60
18.4	Đường trục thôn 4	
18.4.1	Từ Quốc lộ 45 (ông Hùng) đến Ông Tráng	1,60
18.4.2	Từ Quốc lộ 45 (ông Thuật) đến Ông Thìn	1,60
18.5	Đường trục thôn 5	
18.5.1	Từ Ông Bạn (Thôn 5) đến Đập Cóc (Thôn 8)	1,60
18.5.2	Từ Quốc lộ 45 (ông Thụy) đến Núi Đỏ	1,60
18.6	Đường trục thôn 7: Từ Quốc Lộ 45 (Nhà Bà Thuỷ) đến Thung Khế (Ông Vũ)	1,60
18.7	Đường trục thôn 8	
18.7.1	Từ Quốc lộ 45 (Bà Lĩnh) đến Kho K80D (ông Huân)	1,60
18.7.2	Từ Quốc lộ 45 (ông Giang) đến Cổng kho K80C	1,60
18.7.3	Từ Ông Thắng đến Đập Cóc	1,60
18.8	Đường trục thôn 9	
18.8.1	Từ Quốc lộ 45 (ông Cương) đến ông Dật	1,60
18.8.2	Từ Quốc lộ 45 (bà Nhượng) đến ông Ba (suối)	1,60
18.9	Đường bản Xăm đi bản Sạng: Từ Đường du lịch Bái Đính - Cúc Phương (nhà ông Trường) đến Đại lộ Hoa Lư (nhà ông Thức)	1,60
18.10	Đường vào bản Sạng: Từ Đại lộ Hoa Lư (nhà ông Việt) đến Cuối bản Sạng	1,60

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
18.11	Đường bản Cả đi bản Sau: Từ Đường du lịch Núi Đính Cúc Phương (Ngã 3 đẹn Láo -nhà ông Lượng) đến Ngã 3 cây ổi (nhà văn hóa bản Sau)	1,60
18.12	Đường bản Cả đi bản Tân Phú: Từ Ngã 3 đẹn Co (nhà ông Ngữ) đến Ngã 3 Tân Phú (nhà ông Liêm)	1,60
18.13	Đường đi tram bơm Tân Phú: Từ Đường 479D (nhà văn hóa bản Tân Phú) đến Nhà ông Quang (Tân Phú)	1,60
18.14	Đường bản sau đi bản Ao Lươn: Từ Đường du lịch Núi Đính Cúc Phương (Ngã 3 Hồng Kỳ (UBND xã) đến Ngã 3 bản Ao Lươn (nhà ông Tuyên)	1,60
18.15	Đường bản Ao đi bản Cả: Từ Đường 479D (Nhà ông Duy) đến Hồ bản Cả	1,60
18.16	Đường đi Thung Lầu: Từ Đường 479D (Nhà ông Thân) đến Thung Lầu	1,60
18.17	Đường Bản Mét: Từ Đường du lịch Núi Đính Cúc Phương (Ngã 3 trạm điện bản Mét -nhà ông Chính) đến Ngã 3 đi hồ Mét trên	1,60
18.18	Đường đi Hồ bản Mét: Từ Đường du lịch Núi Đính Cúc Phương (Nhà Ông Tân) đến Giao với đường du lịch Núi Đính Cúc Phương (Ngã 3 dốc Mùng - Nhà ông Thắng Huệ)	1,60
18.19	Đường đi vào Trại lợn Khánh An: Từ Đường du lịch Núi Đính Cúc Phương (nhà ông Tạo) đến Trại lợn Khánh An	1,60
18.20	Đường đi đội 12: Từ Đường du lịch Núi Đính Cúc Phương (Ngã 3 trại Gấu) đến Nhà ông Tới (mỏ Vạn Ninh)	1,60
19	**Đường trục thôn còn lại**	1,60

79. Xã Thanh Sơn

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường 12B:** Giáp xã Cúc Phương đến giáp xã Quỳnh Lưu	1,65
2	**Đường trục xã Thanh Sơn:** Từ đường 12B đến đường 479E	1,20
3	**Đường 479E:** Từ Đê Hữu Hoàng Long đến Đê Bắc Sông Rịa	1,20
4	**Đê Bắc Sông Rịa:** Từ Giáp xã Quỳnh Lưu đến Giáp xã Gia Phong	1,20
5	**Đê hữu Hoàng Long:** Từ Giáp xã Cúc Phương đến Giáp xã Gia Phong	1,50
6	**Đường liên xã Cúc Phương, Thanh Sơn, Quỳnh Lưu**	1,30
7	Ngã tư Thành Tây, Thành Bắc qua đường 12B đến Vân Trung, Vân Trình đến giáp xã Gia Phong (Đường kênh gà - Vân trình)	1,80
8	Đường trục Nối (các thôn xã Văn Phú cũ) đoạn từ Quốc lộ 12B đến đường liên xã Quỳnh Lưu, Thanh Sơn, Cúc Phương	1,80
9	Đường nối từ Đường Trục xã Thanh Sơn (Trạm y tế) đến đê Bắc Sông Rịa)	1,00
10	Đường từ đê Hoàng Long đến Thôn 4 nhà thờ Đồng Đinh	1,50
11	Đường từ cầu 30 UBND xã Thanh Sơn đến giáp xã Quỳnh Lưu	1,50
12	Đường từ 12B đến ngã 3 nhà văn hoá thôn Mèn	1,50
13	Đường trục xã Sơn Thành (cũ): Từ Trạm bơm Sơn Thành đến Cống Sầy	2,00
14	Đường từ cầu Lạc đến Sân vận động thôn Mèn	2,00
15	Đường 479E (khu thôn Làng đi thôn Dùng)	1,50
16	Đường kênh gà Vân Trình: Từ đoạn Đê Hữu Hoàng Long đến xã Gia Phong	1,00
17	Đường tránh lũ Thượng Hòa - Sơn Thành - Thanh Lạc (Kênh Thống Nhất)	1,50
18	Đường trục thôn	1,49

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
19	Các thôn còn lại	1,49
20	Khu dân cư Sào Lâm	1,00
21	Khu dân cư Cửa Trì thôn Vân Trung	1,00
22	Khu dân cư Ao Sách thôn Hữu Thường	1,00
23	Khu dân cư Sách Cản thôn Vân Trình	1,00
24	Các tuyến đường còn lại có mặt cắt ngang từ 7,5m đến 10m	1,00
25	Các tuyến đường còn lại có mặt cắt ngang đường từ 10m đến dưới 15m	1,00
26	Các tuyến đường còn lại có mặt cắt ngang đường từ 15m đến dưới 20m	1,00

80. Xã Quỳnh Lưu

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường 12B**	
1.1	Từ giáp xã Thanh Sơn (Cầu Láo) đến Ngã tư Đất Đỏ	1,00
1.2	Từ Ngã tư Đất Đỏ đến Cổng Lữ đoàn 202	1,00
1.3	Từ Cổng Lữ đoàn 202 đến Km 16+300	1,00
1.4	Từ Km 16+300 đến Bưu điện Quỳnh Sơn	1,00
2	**Quốc lộ 45:** Từ Ngã ba Quỳnh Lưu đến hết đập tràn hồ Đồng Chương (giáp xã Phú Long)	1,00
3	**Quốc lộ 38B (Đường 12C Anh Trỗi cũ)**	
3.1	Từ Ngã ba Anh Trỗi (Đường 12B) đến Cầu Bến Nhảy	1,00
3.2	Từ Cầu Bến Nhảy đến Giáp phường Tây Hoa Lư	1,00
4	**Tỉnh lộ 479E:** Từ Đường 12B (Qua Công an xã) đến Cầu Quỳnh	1,00
5	**Đường du lịch Núi Đính - Cúc Phương**	
5.1	Từ giáp đường 12B đến MBQH Khu dân cư Hàm Rồng	1,00
5.2	Từ MBQH Khu dân cư Hàm Rồng đến Giáp xã Phú Long	1,00
5.3	Từ Ngã tư Đất Đỏ đến hết đất xã Quỳnh Lưu (Giáp phường Tây Hoa Lư)	1,00
6	**Đường trục xã**	
6.1	Từ Quốc lộ 38 đến Đường du lịch Núi Đính - Cúc Phương	1,05
6.2	Từ Đường 12B (Nhà ông Tuyến) đến đường Hang Tiên - Hết đất xã Quỳnh Lưu (giáp xã Phú Long)	1,05
6.3	Từ Đường 12B (Nhà ông Túc) đến Hồ Đồng Liềm (đi xã Phú Long)	1,05
6.4	Từ Đường 12B (Cổng làng Sòng Sanh) đến Quốc lộ 45 (Đập tràn hồ Đồng Chương)	1,05
6.5	Từ Đường du lịch Núi Đính - Cúc Phương (Đồi Bé) đến giáp phường Tây Hoa Lư	1,05
6.6	Từ Đường du lịch Núi Đính - Cúc Phương (Nhà ông Thao) đến Cổng chào làng Sải (Đến dốc chăn nuôi)	1,05

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
6.7	Từ Đường 12B (Nhà Minh Hương) đến hết đất nhà ông Thịnh (Giáp phường Yên Sơn)	1,05
6.8	Từ Đường 12B (Cổng làng Lai Các) đến Đường du lịch Núi Đính - Cúc Phương	1,05
6.9	Từ Đường 12B (Hội Tiến 1 - Nhà Hà Dung) đến Quốc lộ 38	1,05
6.10	Từ Ngã tư bà Nhượng (Ngã tư Hội trường thôn Đồi Thông) đến Đường du lịch Núi Đính - Cúc Phương	1,05
6.11	Từ Đường du lịch Núi Đính - Cúc Phương (Qua Hội trường thôn Lộc Ân) đến giáp xã Thanh Sơn	1,05
6.12	Từ Đường du lịch Núi Đính - Cúc Phương (Cầu Kho) đến giáp xã Thanh Sơn	1,05
6.13	Từ Đường 12B (Qua cổng chợ Rịa) đến nhà ông Hải thôn Chợ Rịa	1,05
6.14	Từ Đường 12B (Nhà Tâm Thủy - Qua đồi thông - Hàm Rồng) đến hết thôn Yên Sơn (Giáp xã Thanh Sơn)	1,05
6.15	Từ Đường 12B (Chùa Tiếu) đến thôn Yên Thịnh - Yên Thành - Yên Sơn	1,05
7	**Đường trục thôn**	1,05
8	**Các thôn còn lại**	1,05
9	**Khu dân cư Vườn Lang**	1,05
10	**MBQH Khu dân cư Hàm Rồng**	
10.1	Tuyến đường du lịch Núi Đính - Cúc Phương	1,05
10.2	Các tuyến đường rộng 10,5m	1,05
10.3	Các tuyến đường rộng 7m	1,05
11	**Khu dân cư bám đường Quốc lộ 12B đến Nhà máy gạch sông Chanh:** Các tuyến đường rộng 7m	1,05
12	**Đường trục xã**	
12.1	Từ đường 12B (đoạn vào UBND xã) đến đường du lịch Núi Đính - Cúc Phương	1,00
12.2	Từ dốc ông Chiểu (Đồi Lại) đến cửa ông Hùng (Yên Thành)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
12.3	Từ cửa ông Hùng (Yên Thành) đến ông Thụ (Yên Sơn)	1,00
12.4	Từ ông Hải thôn Chợ Rịa đến đường Du lịch Núi Đính - Cúc Phương (NMG Thịnh Vượng)	1,00

81. Xã Yên Khánh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 10**	
1.1	Từ ngã 3 đường vào Trường Trung học phổ thông Yên Khánh B đến hết Bưu điện Khánh Cư	2,30
1.2	Từ hết Bưu điện Khánh Cư đến giáp ngã ba đường Quốc lộ 10 và đường 483	2,70
1.3	Từ giáp ngã ba đường Quốc lộ 10 và đường 483 đến giáp Đường Chùa Chè	1,10
1.4	Từ giáp Đường Chùa Chè đến hết địa phận xã Yên Khánh	1,10
2	**Đường ĐT 483**	
2.1	Từ giáp ngã ba đường Quốc lộ 10 đến ngã ba Khánh Vân cũ (Hết đất ông Hiệp)	2,75
2.2	Từ ngã ba Khánh Vân cũ (hết đất ông Hiệp) đến hết Cống đầm Vít	2,50
2.3	Từ cống Đầm Vít đến hết ngã tư đường vào trụ sở Công an xã Yên Khánh	1,10
2.4	Từ hết ngã tư đường vào trụ sở Công an xã Yên Khánh đến ngã tư đường vào trung tâm y tế Yên Khánh	1,10
2.5	Từ ngã tư đường vào trung tâm y tế Yên Khánh đến giáp ranh xã Khánh Nhạc	2,50
3	**Đường 481B (Đường 58 cũ)**	
3.1	Từ ngã 3 Thông đến đất nhà ông Nhuận (Giáp khu tái định cư Xuân Dương)	1,10
3.2	Từ nhà ông Hải đến giáp đường tỉnh 480C	1,10
3.3	Từ ngã 3 Thông (giáp đất ở nhà ông Đức) đến hết xã Yên Khánh	1,10
4	**Đường 480C**	
4.1	Từ đường Quốc lộ 10 đến Trường Tiểu học Khánh Cư	1,10
4.2	Từ Trường Tiểu học Khánh Cư đến ngã 3 Nhà văn hóa thôn Yên Cư 1	1,10
4.3	Từ ngã 3 Nhà văn hóa thôn Yên Cư 1 đến Cầu Tràng cũ	1,10
4.4	Từ ngã 3 Nhà văn hóa thôn Yên Cư 1 đến Cầu Tràng mới	1,10
5	**Đường Cầu Rào (DT 480B)**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
5.1	Từ giáp Đường Lê Thánh Tông (DT483) đến giáp ngã 3 đường Khánh Ninh	1,10
5.2	Từ giáp ngã 3 đường Khánh Ninh đến ngã 3 đi Mả Tre	1,10
5.3	Từ ngã 3 đi Mả Tre đến Cầu Rào	1,10
6	**Đường tỉnh 482G**	1,10
7	**Đường tỉnh 482C**	
7.1	Từ giáp phường Đông Hoa Lư đến Cống Cửa Quán	1,10
7.2	Từ Cống Cửa Quán đến Cầu Sông Mới	1,10
8	**Đường tỉnh 482E**	
8.1	Từ giáp phường Đông Hoa Lư đến giáp ngòi T6	1,10
8.2	Từ Quốc lộ 10 đến đường tỉnh 482C	1,10
9	**Đường tỉnh 480B**	
9.1	Từ giáp ngã tư quốc lộ 10 đến đường xóm Đông Mai (hết đất ông Lai)	1,10
9.2	Từ đường xóm Đông Mai (hết đất ông Lai) đến giáp xã Khánh Thiện	1,10
10	**Đường Hồng Tiến**	
10.1	Từ ngã 3 hiệu sách đường 483 đến giáp Ngã tư quốc lộ 10	1,10
10.2	Từ đường 483 đến hết ngã tư ao cả thôn Thượng Tây	1,10
10.3	Từ hết ngã tư ao cá phố Thượng Đông đến giáp đường lên Mả tre (hết đất ông Vưởi)	1,10
11	**Đường Triệu Việt Vương**	
11.1	Từ ngã tư giáp đường 483 (đi Trung tâm Y tế Yên Khánh) đến ngã tư đường Lê Đại Hành (trung tâm y tế Yên Khánh)	1,10
11.2	Từ ngã tư đường Lê Đại Hành (trung tâm y tế Yên Khánh) đến ngã tư Quốc lộ 10	1,10
11.3	Từ ngã tư đường Lê Thánh Tông đến ngã 3 chùa Tây	1,10
12	**Đường Phạm Cự Lượng:** Từ giáp đường Lê Thánh Tông (ngân hàng NN cũ) đến ngã ba đường Vũ Duy Thanh (QL10)	1,10
13	**Đường Vườn Chay:** Từ giáp đường Lê Thánh Tông (dưới trạm X.Khẩu) đến ngã ba hết đất ông Vũ	1,10
14	**Đường Khánh Ninh:** Từ giáp đường Cầu Rào (DT480B)	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	hướng đi UBND xã Khánh Ninh cũ đến ngã tư Đường Triệu Việt Vương (Cống chùa Viềng)	
15	**Đường Làng Đa:** Từ ngã tư đường Triệu Việt Vương (Cống chùa Viềng) đến nhà ông Muôn	1,10
16	**Đường Nam Giang:** Từ ngã ba đường Làng Đa đến Đường ĐT 482C	1,10
17	**Đường Trần Quốc Toản**	
17.1	Từ giáp đường Lê Thánh Tông (ngõ ông Thiêm, ông Sinh) đến ngã 3 đường xuống trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	1,10
17.2	Từ ngã tư đường 483 (trụ sở UBND TT cũ) đến ngã 3 đường Lê Đại Hành	1,10
18	**Đường Khương Thượng**	
18.1	Từ cầu Khương Thượng cũ đến cầu Khương Thượng mới	3,00
18.2	Từ cầu Khương Thượng cũ đến giáp nhà ông Lộc	3,00
18.3	Từ nhà ông Lộc đến Đường tỉnh 482C	2,00
19	**Đường Mặc Đăng Dung** :Từ giáp xã Khánh Nhạc đến giáp xã Khánh Hội	3,00
20	**Đường Nguyễn Văn Giản**: Từ BCHQS cũ đến ngã 3 Quốc lộ 10	1,10
21	**Đường Lê Đại Hành**	
21.1	Từ ngã ba đường Nguyễn Văn Giản (T11) đến ngã tư Đường Hồng Tiến	1,10
21.2	Từ đường Lê Đại Hành từ ngã tư Đường Hồng Tiến (hiệu sách) đến ngã ba giao đường Quyết Thắng	1,10
21.3	Từ hết ngã ba giao đường Quyết Thắng đến ngã tư Đường Triệu Việt Vương (Trung tâm y tế Yên Khánh)	1,10
21.4	Từ ngã tư đường Triệu Việt Vương (Trung tâm y tế Yên Khánh) đến ngã ba đường Khương Thượng (đê sông mới)	1,10
22	**Đường Quyết Thắng**: Từ ngã ba đường Lê Đại Hành đến Cầu Ngói	1,10
23	**Đường nhánh đường Hồng Tiến**	
23.1	Từ ngã 3 đường Hồng Tiến (nhà ông Hoàn) đến ngã tư giao đường Phạm Cựu Lượng	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
23.2	Đường từ giáp CT KTCT thủy lợi đến hết đường (đi xuống phía nam)	1,10
24	**Các trục đường nhánh đường Lê Thánh Tông (ĐT483)**	1,10
24.1	Từ giáp đường Lê Thánh Tông cổng chợ Ninh cũ đến hết khuôn viên Chợ Ninh	1,10
24.2	Từ đường Khu Đông từ giáp đường Lê Thánh Tông (DT483) (Cổng làng Khu Đông) đến ngã tư đường Lê Đại Hành (T11)	1,10
24.3	Từ giáp Đường Lê Thánh Tông (DT483) (phố 6) đến hết đất ông Nông	1,10
25	**Đường Vân Lai đi xóm lẻ**	
25.1	Từ ngã ba giáp đường Quốc lộ 10 (nhà bà Huệ) đến giáp đường tránh Quốc Lộ 10 (giáp đất ông Nhật)	1,10
25.2	Từ giáp đường tránh Quốc lộ 10 đi Vân Lai đến ngã ba giáp ĐT 481B	1,10
26	**Đường chùa Chè:Từ giáp đường tránh Quốc lộ 10 đến giáp Đường 481B**	1,10
27	**Đường trục xã**	
27.1	Từ đường vào trường THPT Yên Khánh B đến ngã 3 giao với đường 480C (giáp đất nhà ông Đạt)	1,10
27.2	Từ ngã ba đi đường Cầu Rào cũ đến ĐT 482C	1,10
27.3	Từ giáp địa phận đường tỉnh 483 đến ngã tư đường vào nghĩa trang ông Voi	1,10
27.4	Từ ngã tư đường vào nghĩa trang ông Voi đến ngã tư giáp Bưu điện Khánh Vân	1,10
27.5	Từ ngã tư giáp Bưu điện Khánh Vân đến đường tỉnh 482C	1,10
27.6	Từ đường cứu hộ (xóm 2 Xuân Tiến) đến đường tỉnh 482C	1,10
27.7	Từ Cống Đã xóm 3 Xuân Tiến đến hết Chùa Yêm	1,10
27.8	Từ ngã tư đối diện bưu điện Khánh Vân đến ngã tư đường xóm Đông Thịnh hết đất bà Vui	1,10
27.9	Từ giáp đường tránh Quốc lộ 10 đến ngã tư hết Trụ sở BCHQS xã Yên Khánh	1,10
27.10	Từ ngã tư hết Trụ sở BCHQS xã Yên Khánh đến ngã ba đường 481B	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
28	**Đường liên thôn Trại và thôn Hạ Giá**	
28.1	Từ giáp đường Quốc lộ 10 thôn Hạ Giá đến giáp đường 481B (đường 58 cũ) thôn Trại	1,10
28.2	Từ giáp đường Quốc lộ 10 (Đường đò thông) đến giáp đường Bái Đính - Kim Sơn	1,10
28.3	Từ ngã 3 giáp đường 481B quán bà Nhử đến giáp Ngòi 30 (Đường tránh đường QL10)	1,10
28.4	Từ giáp đường Quốc lộ 10 đến hết khu đấu giá Thôn Trại (giáp đường 481B)	1,10
28.5	Từ nhà bà Tuệ thôn Hạ Giá đến nhà ông Lâm thôn Trại	1,10
29	**Các tuyến đường trục xã còn lại**	1,00
29.1	Đường dân cư còn lại ô tô vào được trong các thôn 1A; 1B; 2;3;4;5;6;7;8; Thị Lân; Trung Lân; Bàng Lân; Thượng Đông; Thượng Tây; Mai Hoa; Cầu Rào; Khu Đông; Khu Tây; Khu Trung; Nam Giang	1,10
29.2	Khu dân cư còn lại trong các thôn 1A; 1B; 2;3;4;5;6;7;8; Thị Lân; Trung Lân; Bàng Lân; Thượng Đông; Thượng Tây; Mai Hoa; Cầu Rào; Khu Đông; Khu Tây; Khu Trung; Nam Giang	1,10
29.3	Đường dân cư còn lại ô tô vào được	1,10
29.4	Khu dân cư còn lại	1,10
29.5	Khu dân cư mới phía Đông Nam Đường Cầu kênh	1,10
29.6	Khu tái định cư 2 sau viện kiểm sát huyện	1,10
29.7	Khu dân cư sau trường Trần Quốc Toản	1,10
29.8	Khu dân cư Tây Bắc Đường cầu Kênh	1,10
29.9	Khu dân cư xóm trại (dãy 2 và dãy 3 Đường 481B)	1,10
29.10	Khu dân cư mới xóm Thông (dãy 2 đường Quốc lộ 10)	1,10
29.11	Khu dân cư mới hợp tác xã Xuân Thắng	1,10
30	**Khu dân cư Xuân Dương**	
30.1	Tuyến đường 481B	1,10
30.2	Tuyến đường quy hoạch 20,5m	1,10
30.3	Tuyến đường quy hoạch 15m	1,10
31	**Khu tái định cư Xuân Dương**	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
32	**Khu dân cư sau cây xăng Anh Nghĩa**	1,10
33	**Khu dân cư phía sau Huyện Đội**	
33.1	Tuyến đường gom ĐT482G	1,10
33.2	Tuyến đường quy hoạch rộng 30m	1,10
33.3	Tuyến đường quy hoạch rộng 20,5m	1,10
34	**Khu dân cư xóm Trung B Đông Mai**	1,10
35	**Khu dân cư mới đấu giá xóm Thượng Đông Mai**	1,10
36	**Khu dân cư mới Chùa Trung- Nhuận Hải**	1,10
37	**Khu dân cư xóm Thượng Vân Bòng**	1,10
38	**Khu tái định cư số 1, khu tái định cư số 2 (nút giao đường Quyết Thắng với đường tỉnh 483)**	1,10
39	**Khu tái định cư số 3 (phục vụ GPMB đường Quyết Thắng)**	1,10
40	Đường Bái Đính - Kim Sơn: Từ Giáp phường Đông Hoa Lư đến Giáp xã Khánh Thiện	1,00
41	Khu dân cư Xóm Trung Đông Mai	
41.1	Tuyến đường quy hoạch 19m	1,00
41.2	Tuyến đường quy hoạch 20.5m	1,00

82. Xã Khánh Nhạc

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 10**	
1.1	Từ giáp xã Yên Khánh đến ngã 4 đường vào nhà văn hóa xóm 10A	1,25
1.2	Từ ngã 4 đường vào nhà văn hóa xóm 10A đến hết đất xã Khánh Nhạc	1,25
2	**Đường tỉnh 483**	
2.1	Từ giáp địa phận xã Yên Khánh đến ngã tư đường vào xóm 6	1,25
2.2	Từ ngã tư đường vào xóm 6 đến ngã ba đường Quốc lộ 10 (tại Km số 11)	1,25
3	**Đường 481B (Đường 58 cũ)**	
3.1	Từ Cầu sông Điềm đến hết trạm bơm Tam Châu	1,25
3.2	Từ Trạm bơm Tam Châu đến ngã 4 gốc gạo đường vào Chùa Nhạc (Xóm Chùa Khánh Nhạc)	1,25
3.3	Từ ngã 4 gốc gạo đường vào Chùa Nhạc (Xóm chùa Khánh Nhạc) đến ngã 3 Trụ sở Công an xã Khánh Nhạc	1,25
3.4	Từ ngã 3 Trụ sở Công an xã Khánh Nhạc đến ngã 3 đường lên nhà văn hóa xóm 10	1,25
3.5	Từ ngã 3 đường lên nhà văn hóa xóm 10 đến giáp ngã 3 đường đi Kim Sơn	1,25
3.6	Từ ngã 3 đường đi Kim Sơn đến hết đất xã Khánh Nhạc	1,25
4	**Đường trục xã**	
4.1	Từ giáp địa phận đường Quốc lộ 10 đến vào 100 m (các đường xã trừ ĐT481B)	1,25
4.2	Từ giáp địa phận ĐT481B đến vào 100m các đường trục xã	1,25
5	Đường sông Đồng Tướt	1,25
6	**Đường Trại giống:** Từ ngã ba đường QL10 đến ngã ba đường DH 53 giáp xã Khánh Hội	1,25
7	Các đường trục xã còn lại	1,25
8	**Khu dân cư**	
8.1	Đường ô tô vào được	1,25
8.2	Đường ô tô không vào được	1,25

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
9	Khu dân cư mới phía Tây cụm công nghiệp	1,25
10	Khu dân cư mới phía Nam cụm công nghiệp	1,25
11	Khu dân cư xóm Chùa	1,25
12	Khu dân cư mới xóm 10A (dãy 2 đường Quốc lộ 10)	1,25
13	Khu dân cư Cát Tây xóm 10A	1,25
14	Khu dân cư mới 3C (sau trường C2)	1,25
15	Khu dân cư xóm Chùa (Khu Hào)	1,25
16	Khu dân cư mới đấu giá xóm 2B (Khu Rộc)	1,25
17	**Khu dân cư Sảnh Tây**	
17.1	Các lô bám đường Quốc lộ 10	1,25
17.2	Các đường quy hoạch còn lại	1,25
18	**Khu dân cư Tam và Tứ Tư Điền (giai đoạn 2)**	
18.1	Tuyến đường quy hoạch tiếp giáp đường sông 16	1,25
18.2	Các tuyến đường quy hoạch phía trong	1,25
19	**Khu dân cư xóm 9**	1,25
20	Khu dân cư mới thôn 11, 12 Đức Hậu	1,25
21	**Khu tái định cư Khánh Hồng**	
21.1	Tuyến đường gom ĐT 481B	1,25
21.2	Tuyến đường từ nhà ông Nghĩa đến giáp ngã ba Đường 481B	1,25
21.3	Tuyến đường còn lại	1,25

Bổ sung hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường dự án hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật xã Khánh Nhạc (Khu vực Thôn Đồng Tiến)

STT	**Tên đường, đoạn đường, khu vực** ***(theo Phụ lục IX Nghị Quyết số 33/2026/NQ-HĐND ngày 10/9/2026 của HĐND tỉnh Ninh Bình)***	**Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)**
1	Đường có mặt cắt từ 9m đến dưới 15m	1,25
2	Đường có mặt cắt từ 15m đến dưới 20m	1,25
3	Đường có mặt cắt từ 20m đến dưới 27m	1,25
4	Đường có mặt cắt từ 27m đến dưới 32m	1,25
5	Đường có mặt cắt từ 32m đến dưới 50m	1,25

83. Xã Khánh Thiện

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường 481B (Đường 58 cũ)**	
1.1	Từ giáp xã Yên Khánh đến hết đất cây xăng Ba Hàng	1,25
1.2	Từ giáp cây xăng Ba Hàng đến ngã 4 trạm xá đường vào UBND xã Khánh Thiện	1,25
1.3	Từ ngã 4 trạm xá đường vào UBND xã Khánh Thiện đến ngã tư cổng chào Đá xóm 2, xóm 3 Nam Cường	1,25
1.4	Từ ngã tư cổng chào Đá xóm 2, xóm 3 Nam Cường đến Cầu Đầm	1,25
2	**Đường 481C:** Từ Cầu đầm đến hết cống 61 (giáp Khánh Trung)	1,25
3	**Đường Bái Đính - Kim Sơn (ĐT.476C):** Từ ngã ba giáp đường chùa chè đến hết cầu vượt sông Đáy Khánh Trung	1,25
4	**Đường tỉnh 480B (Đường Thanh Niên):** Từ ngã tư đường Bái Đính - Kim Sơn khách sạn Khánh Thiện đến giáp xã Yên Khánh	1,25
5	**Đường trục xã**	
5.1	Từ ngã tư cổng Đá xóm 2, xóm 3 giáp đường 481B đến ngã ba cống Đầu trâu giáp đường Bái Đính - Kim Sơn	1,25
5.2	Từ ngã ba cống bà Thảng đến giáp xã Khánh Trung	1,25
5.3	Từ ngã 3 cống ông Quân đến hết đường Gạo giáp khánh Trung	1,25
5.4	Từ ngã ba đường 481B đến ngã tư cống ông Quân	1,00
5.5	Từ giáp ngã 4 trạm xá đường vào UBND xã Khánh Thiện đến hết trường Mầm non Khánh Thiện (Ngã tư đường Bái Đính - Kim Sơn)	1,25
5.6	Từ ngã ba đối diện nghĩa trang Liệt Sỹ đến giáp đường Thanh Niên	1,25
5.7	Từ ngã ba cầu Âu giáp cây xăng đường 481B đến hết đất ông Ninh ngã ba sông Mới	1,25
5.8	Từ ngã ba cầu Âu giáp cây xăng đường 481B đến Cống Giếng Méo giáp xã Khánh Hội	1,25

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
5.9	Từ ngã tư xóm Trung giáp đường 481B đến giáp xã Yên Khánh	1,25
5.10	Từ ngã tư đường Bái Đính - Kim Sơn khách sạn Khánh Thiện đến ngã tư cửa hàng mua bán Tiền Phong	1,25
5.11	Từ ngã ba đường xã đi trường Mầm Non Khánh Tiên đến ngã ba giáp đường Thống nhất	1,50
5.12	Từ ngã tư cửa hàng mua bán Tiền Phong trục xóm 5 đến ngã tư đường Bái Đính - Kim Sơn xóm 2	1,25
5.13	Từ Chùa thôn Nhì đến Dốc đê chùa Thôn Năm	1,25
6	**Đường đê Sông Đáy:** Từ giáp xã Yên Khánh đến ngã 3 đường Bái Đính Kim Sơn	1,25
7	Các đường trục xã còn lại	3,00
8	Khu dân cư	
8.1	Đường ô tô vào được	3,00
8.2	Khu dân cư còn lại	2,00
9	Khu dân cư mới giáp đường đi đò Tam Tỏa	1,25
10	Khu dân cư mới xóm 5 Nam Cường	
10.1	Các tuyến đường quy hoạch phía trong	1,25
11	Khu dân cư mới dãy 2, dãy 3 Đường Thanh Niên	1,25
12	Khu tái định cư Tiên Yên 2	1,50
13	Khu tái định cư Bến Xanh	1,50
14	Khu tái định cư cửa ông Hân	1,50

84. Xã Khánh Hội

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường 481B (Đường 58 cũ)**	
1.1	Từ Cầu Đầm đến Ngã ba đường đi thôn Nam Biên Khánh Hội (hết đất ông Toàn, ông Bốn)	2,50
1.2	Từ Ngã ba đường đi thôn Nam Biên Khánh Hội (từ đất ông Toàn, ông Bốn) đến Cống sông Bốt (đường vào trường Trung học cơ sở Khánh Mậu)	2,50
1.3	Từ Cống sông Bốt (đường vào trường Trung học cơ sở Khánh Mậu) đến Ngã tư Đường đi thôn Trung, thôn Duyên Mậu Khánh Hội (hết đất ông Thắng, ông Chinh)	2,20
1.4	Từ Ngã tư Đường đi thôn Trung, thôn Duyên Mậu Khánh Hội đến Giáp trường Trung học cơ sở Khánh Hội	3,00
1.5	Từ Trường Trung học cơ sở Khánh Hội đến Giáp kênh Đoạn cua tay áo	2,50
1.6	Từ Giáp kênh đoạn cua tay áo đến Hết Đường vào trường Trung học phổ thông Yên Khánh A	2,50
2	**Đường ĐT482**	
2.2	Từ Cầu Cổ Ngựa đến Ngã tư UBND xã đi chợ Chính Tâm	1,00
2.3	Từ Ngã tư UBND xã đi chợ Chính Tâm đến Cổng trạm y tế cũ (đi chợ Khánh Thành)	1,00
2.4	Từ Cổng trạm y tế cũ (đi chợ Khánh Thành) đến Cầu ngã ba Đường ĐT 481C (chợ Khánh Thành)	1,00
3	**Đường ĐH52**	
3.1	Từ Cầu Tiến (Giáp xã Yên Khánh) đến Chùa Duyên Mậu	1,00
3.2	Từ Chùa Duyên Mậu đến Ngã tư giao cắt đường ĐT481B	1,00
3.3	Từ Ngã tư giao cắt đường ĐT481B đến Khu dân cư cũ thôn Chùa	1,00
3.6	Khu đấu giá	1,00
3.7	Từ Cầu giáp Đường 58 (cống ông Ái) đến Ngã tư UBND xã	1,00
3.8	Từ Ngã tư UBND xã đến hết khu dân cư mới thôn Minh Thành	1,00
4	**Đường ĐH53, đường sông Dưỡng Điềm**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
4.1	Từ đường ĐH52 (khu dân cư mới thôn Chùa - đất ông Sài thôn Thành Công) đến trạm điện thôn Thành Công	1,00
4.2	Từ công ty may Yên Thành đến cống ông Tường thôn Đại Hồng	1,00
5	**Các tuyến đường nội bộ trong Quy hoạch chi tiết khu Trung tâm xã Khánh Hội**	1,00
6	Đường đê sông Dưỡng Điềm	1,00
7	**Khu dân cư phía sau trường THPT Yên Khánh A**	
7.1	Tuyến đường kết nối từ Đường đê sông Dưỡng Điềm đến Đường ĐH52	1,00
7.2	Các tuyến đường quy hoạch phía trong	1,00
8	**Các trục đường xã**	
8.1	Từ Ngã ba đối diện trụ sở công an xã Khánh Hội (Đường chợ Trung) đến Ngã ba cầu ông Phụ (hết đất ông Thủy)	1,00
8.2	Từ Ngã ba Bưu điện thôn Trung giáp đường 481B đến khu dân cư mới sau trụ sở công an xã Khánh Hội	1,00
8.3	Từ Ngã ba cầu ông Phụ đến Ngã ba đối diện nhà bà Năm	1,00
8.4	Từ Nhà ông Công, Huệ giáp Chính Tâm đến Hết đất ông Thanh (cống ông Tường giáp xã Hồi Ninh)	1,00
9	**Khu dân cư mới sau Trụ sở công an xã Khánh Hội**	1,60
10	**Khu dân cư mới thôn Trung**	1,60
11	**Tuyến đường quy hoạch bám đường ĐH 53 Khu dân cư thôn Duyên Mậu**	1,00
12	**Khu dân cư mới sau UBND xã**	1,00
13	**Khu dân cư mới đấu giá thôn Minh Khai, thôn Minh Thành**	1,00
14	**Các đường trục xã còn lại**	1,00
15	**Khu dân cư**	
15.1	Đường ô tô vào được	1,00
15.2	Khu dân cư còn lại	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
16	Khu dân cư thôn Trung xã Khánh Hội	1,00
17	Đường trục xã giao đường đê sông mới (khu dân cư thôn Nội Thượng)	1,00

85. Xã Khánh Trung

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường 481C (Đường 58 cũ)**	
1.1	Đoạn 1: Từ cống 61 (giáp Khánh Thiện) đến giáp đường thôn 20 (hết đất ông Tuy)	1,50
1.2	Đoạn 2: Từ giáp đường thôn 20 đến giáp cống sang Khánh Mậu cũ (hết đất ông Tâm đường thôn 21)	1,50
1.3	Đoạn 3: Từ cống sang Khánh Mậu cũ (giáp Đường thôn 21) đến hết nhà thờ Khánh Thành	1,50
1.4	Đoạn 4: Từ hết nhà thờ Khánh Thành đến giáp đất ông Bảng	1,50
1.5	Đoạn 5: Từ đất ông Bảng đến hết bến xe Khánh Thành (giáp đất ông Hoàn)	1,50
1.6	Đoạn 6: Từ giáp bến xe Khánh Thành đến ngã tư đền xóm 8	1,50
1.7	Đoạn 7: Từ ngã tư đền xóm 8 (cống ông Quyền) đến hết ngã tư cống ông Hào	1,50
1.8	Đoạn 8: Từ ngã tư cống ông Hào đến giáp đường 481D (Đường đi ô tô)	1,50
2	**Đường 482**	
2.1	Đoạn 1: Từ Đò Bơn đến hết đất ông Lĩnh (thôn 28)	1,20
2.2	Đoạn 2: Từ đất ông Lĩnh (thôn 28) đến ngã tư giáp đường 481C	1,20
3	**Đường 481D:** Từ Đò 10 (Đường 481D) đến hết địa phận xã Khánh Trung (cầu Đen)	1,50
4	**Đường trục thôn, xóm (Xã Khánh Trung cũ)**	
4.1	Từ giáp đường 481C đến ngã ba đường đi thôn 20 (hết đất bà Hoạt)	1,50
4.2	Từ ngã ba đường đi thôn 20 (hết đất bà Hoạt) đến ngã ba trụ sở Đảng ủy Khánh Trung (hết đất bà Đức)	1,50
4.3	Từ ngã ba đường UBND xã Khánh Trung cũ (hết đất bà Đức) đến cống ngã tư thôn 3 (hết đất nhà ông Hải)	1,50
4.4	Từ cống ngã tư thôn 3 (hết đất nhà ông Hải) đến Đê sông Đáy	1,50
4.5	Từ ngã tư trục xã Khánh Trung cũ (Cống đôi) đến đường trục đi Đảng ủy Khánh Thiện (hết đất nhà ông Hiếu)	1,50
4.6	Từ ngã ba trụ sở Đảng ủy Khánh Trung (đường Gạo) đến cống 61 giáp Khánh Thiện	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
5	Khu dân cư thôn 20 (đối diện Trường THPT Vũ Duy Thanh mới)	1,50
6	Khu dân cư mới đấu giá thôn 6	1,40
7	Khu dân cư mới đấu giá thôn 4, thôn 5	1,40
8	**Khu dân cư thôn 20 (tái định cư), xã Khánh Trung**	
8.1	Tuyến đường gom đường quy hoạch đường 481	1,10
8.2	Các tuyến đường quy hoạch phía trong	1,10
9	**Đường trục thôn, xóm (Xã Khánh Thành cũ)**	
9.1	Từ ngã tư cống nhà ông Quyền đến cống hết đất ông Kết	2,00
9.2	Từ cống giao đường 481C (Đường sông Tiên Hoàng) đến Cầu xây (giáp ông Hưng - xóm 19)	2,00
9.3	Từ Cầu xây (giáp ông Hưng - xóm 19) đến giáp đê sông Đáy	2,00
10	Khu dân cư mới đấu giá xóm 8 (xã Khánh Thành cũ)	2,00
11	**Đường trục thôn, xóm (Xã Khánh Công cũ)**	
11.1	Từ ngã ba giáp đường 481C đến Cầu bà Tập (ông Tấn xóm 8)	2,00
11.2	Từ cầu bà Tập (ông Tấn xóm 8) đến giáp đê sông Đáy	2,00
12	Các đường liên thôn còn lại	2,00
13	Khu dân cư đường ô tô vào được	2,00
14	Khu dân cư còn lại	2,00
15	Khu dân cư mới thôn 29	1,00
16	Đường 476 (đường Bái Đính - Kim Sơn)	1,25
17	Khu tái định cư thôn 39 (Khánh Thành cũ)	1,20
18	Khu tái định cư thôn 48 (Khánh Công cũ)	1,20

86. Xã Yên Mô

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 12B (Đường 480 cũ)**	
1.1	Từ Cầu Yên Thổ 1 đến Giáp cây xăng Phương Tấn	1,50
1.2	Từ Giáp cây xăng Phương Tấn đến Đường vào Bồ Vi	1,50
1.3	Từ Đường vào Bồ Vi đến Hết đất Thị trấn	1,50
2	**Đường ĐT 480C (Đường Yên Thịnh-Khánh Dương cũ)**	
2.1	Từ Ngã ba Ngò đến Đường vào cấp I thị trấn	1,50
2.2	Từ Đường vào cấp I thị trấn đến Cầu Kiệt	1,50
2.3	Từ Cầu Kiệt đến Cầu Tràng	1,50
3	Từ Cầu Lạc Hiền đến Hết UBND xã Yên Hòa cũ	1,50
4	Từ Nhà máy nước đến giáp ao ông Nhật	1,50
5	Từ Đường 12B đến Cầu Lạc Hiền	2,00
6	Từ Ngã tư Liên Đá đến Ngã tư UBND Thị trấn	1,50
7	Từ Ngã tư UBND Thị trấn đến Hết cầu Lạc Hiền	2,00
8	Từ giáp đường Thanh niên đến Cầu chợ Chớp	3,00
9	Từ Đường QL12B (Ngã 3 Xổ số) đến Đường vào cấp I thị trấn	1,50
10	Từ Đường Ngò - Khánh Dương (ĐT 480C) đến Ngã 3 cổng trường THCS thị trấn Yên Thịnh	1,50
11	Từ Sau công an huyện cũ đến Trường TH TT Yên Thịnh	1,50
12	Từ Ngã 4 công an huyện cũ đến Đình Vật (Yên Hạ)	3,00
13	Từ Đình Vật đến Giáp Yên Từ	2,50
14	Đường khu Yên Hạ 2: Từ Đường QL12B đến Đình Vật	1,50
15	Đường khu Yên Hạ 1: Từ Đường QL12B đến Đường đi Khương Dụ	3,00
16	Đường vào xóm Mậu Thịnh: Đường QL12B đến Hết đất ông Vương	3,00
17	Đường vào Bồ Vi: Từ Đường QL12B đến Hết đất ông Chinh	3,00
18	Đường vào Trung Hậu: Từ Đường QL12B đến Hết đất TT Yên Thịnh (ông Khang)	1,50
19	Đường cạnh ao nhà thờ Yên Thổ: Từ Đường QL12B đến Nhà Văn hóa xóm Yên Thô	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
20	Đường cạnh anh Minh Yên Thổ: Từ Đường QL12B đến Đê Điện Biên	1,00
21	Từ QL12B đến Đường đi Khương Dụ	1,50
22	**Khu đấu giá**	
22.1	Từ Ngõ 1 Đường Thanh Niên đến Hết khu đấu giá	1,50
22.2	Từ Ngõ 17 Đường Thanh Niên đến Hết đường bê tông	1,50
22.3	Từ Ngõ 25 đường Thanh Niên đến Hết đường bê tông	1,50
22.4	Từ Ngõ 47 đường Thanh Niên đến Hết đường bê tông	1,50
23	**Khu dân cư Phú Thịnh**	
23.1	Ngõ 12 Đường Thanh Niên	1,50
23.2	Ngõ 28 Đường Thanh Niên	1,50
23.3	Ngõ 78 Đường Thanh Niên	1,50
23.4	Ngõ 1 Đường Tiên Hưng	1,50
23.5	Các dong xương cá trong khu	1,50
24	Từ Đường từ cây xăng Phương Thảo đến Ngã tư quản lý thị trường	1,50
25	Khu Hưng Thượng	1,50
26	**Khu dân cư Trung Yên**	
26.1	Từ Bám đường quy hoạch 27m đến	1,00
26.2	Từ Bám đường quy hoạch 15m đến	1,00
27	Từ Hết Cầu chợ Chớp đến Hết Chùa xóm Giò	1,50
28	Từ Hết Chùa xóm Giò đến Nhà máy nước	1,50
29	Từ Nhà máy nước đến Giáp Yên Mạc	1,50
30	Từ Ngã 4 nhà máy nước đến Giáp cống vào UBND xã	1,50
31	Từ Giáp cống vào UBND xã đến Cầu Trinh nữ	1,50
32	Từ chân cầu chợ Chớp đến Trường cấp I	2,00
33	Từ chân cầu chợ Chớp đến Hết xóm Hiền Lâm	2,00
34	Từ Cầu Kiệt (Ngã tư đường ĐT 480C) đến Ngã tư Nhà máy nước	1,0
35	Từ Cầu Kiệt đến hết chùa Phúc Luận	1,00
36	Từ Trường Mầm non đến Miếu Đệ Nhị	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
37	Từ Ngã tư Nhà máy nước đến Cống Đồng Vôi	1,00
38	Đường vào trường TH Khánh Thịnh	1,00
39	Từ Ngã tư Nhà máy nước đến Ngã tư Chùa Phượng	1,00
40	Từ Nhà văn hóa xóm 1 đến Đường trục Tả sông Điện Biên	1,00
42	Từ Ngã 3 xóm Hàng (UBND đi vào) đến hết xóm 2	1,00
43	Từ Hết xóm 2 đến Giáp sông Vạc	1,00
44	Từ Chùa Tam Dương đến Sau nhà máy gạch	1,00
45	Từ Ngã 3 xóm Đình đến Chùa Tam Dương	1,00
46	Đường đi Khánh Thịnh: Từ Giáp đường 480C đến giáp địa phận xã Khánh Thịnh	1,00
47	Từ Giáp đường 480C đến Hết Trạm Y tế xã	1,00
48	Giáp đường 480C đến Đến khu đấu giá BV tràng (cũ): Đường vào khu đấu giá Bệnh viện	1,00
49	Từ Chùa Tam Dương đến Xóm Trại	3,00
50	Từ Nhà ông Huân đến Cầu ông Hối	1,50
51	Từ Cầu Liên Trì đến Cầu Lạc Hiền (bờ đê)	2,00
52	Từ Cầu Liên Trì đến Cống Lạc Hiền	2,00
53	Từ Ngã tư Lạc Hiền đến Giáp Yên Thắng	1,50
54	Từ Ngã tư Lạc Hiền đến Hết Cống Đa Tán	1,00
55	Từ Hết Cống Đa Tán đến Giáp Đồng Thái	1,50
56	Từ Ngã tư Lạc Hiền đến Trường Mầm non Liên Tri	1,50
57	Từ Cầu Trinh Nữ đến Yên Thắng	1,00
58	Khu đấu giá năm 2021: Khu Bãi Ngõng	1,50
59	**Khu dân cư xã Yên Hòa**	
59.1	Tuyến đường gom của đường ĐT.480C	1,00
59.2	Tuyến đường quy hoạch 19m	1,00
59.3	Tuyến đường quy hoạch 17m	1,00
60	Khu dân cư nông thôn (Đường ô tô vào được) thuộc thị trấn Yên Thịnh cũ	1,50
61	Khu dân cư còn lại thuộc thị trấn Yên Thịnh cũ	1,50
62	Khu dân cư nông thôn (Đường ô tô vào được) thuộc địa bàn	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
	các xã cũ còn lại	
63	Khu dân cư còn lại thuộc địa bàn các xã cũ còn lại	1,50
64	**Khu dân cư Hưng Thịnh**	
64.1	Tuyến đường quy hoạch tiếp giáp đường ĐT 480C	1,00
64.2	Tuyến đường quy hoạch 23m	1,00
64.3	Tuyến đường quy hoạch 15m	1,00
65	DH 74 Liên Trì	1,00

87. Xã Yên Từ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 12B (Đường 480 cũ)**	
1.1	Từ THPT Tạ Uyên đến Trung tâm GDTX	2,00
1.2	Từ Hết trung tâm GDTX đến Cầu Lồng mới	1,50
1.3	Từ Đền Phương Độ đến Cầu Lồng Cũ (Đường cũ)	1,50
1.4	Từ Cầu Lồng mới (đường mới) đến Mộ ông Đống	1,40
1.6	Từ Ngã 3 chợ Lồng cũ đến Cổng đền Phúc Lại	2,00
2	**Đường ĐT.482D**	
2.1	Từ cầu Yên Mô đến Ngã 3 trường Tiểu học Yên Nhân (khu Vĩnh Lộc)	1,00
2.2	Từ Ngã 3 trường Tiểu học Yên Nhân (khu Vĩnh Lộc) đến Ngã ba chợ điếm Vĩnh Lộc	1,20
2.3	Từ Ngã 3 chợ điếm Vĩnh Lộc đến Cầu sông Yêm	1,20
3	**Đường 480B (Lồng - Cầu Rào)**	
3.1	Từ Ngã ba Lồng đến Đường rẽ Quốc lộ 21B	1,50
3.2	Từ Đường rẽ Quốc lộ 21B đến Giáp trường cấp II Yên Phong	2,00
3.3	Từ Giáp trường cấp II Yên Phong đến Cầu Rào	2,00
4	**Đường QL.21B (Yên Phong - Kim Sơn)**	
4.1	Từ Trụ sở Công an xã Yên Từ đến Cây xăng Phúc Lại	2,00
4.2	Từ Cây xăng Phúc Lại đến Trụ sở UBND xã Yên Từ	3,00
4.3	Từ Trụ sở UBND xã Yên Từ đến Hết nhà ông Hợp	1,20
4.4	Từ Hết nhà ông Hợp đến Đường vào Xuân Đồng	1,50
4.5	Từ Đường vào Xuân Đồng đến Hết Cầu Phương Nại	1,50
4.6	Từ Cầu Phương Nại đến Ngã Tư xóm Trung	1,50
4.7	Từ Ngã Tư xóm Trung đến Cầu ông San	1,50
5	Từ Ngã tư chợ Quán đến Cổng làng Nộn Khê	1,50
6	Từ Cổng làng Nộn Khê đến Hết ao đình Nộn Khê (ông Phú)	1,50
7	Từ Đường 12B kéo dài đến Cầu Nuốn	1,70
8	Từ Cầu Hà Thanh đến Ngã ba trường Tiểu học Yên Nhân (Khu Vĩnh Lộc)	1,50
9	Từ Ngã ba chợ điếm Vĩnh Lộc đến Ngã Tư xóm Trung (Liên Phương)	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
10	Từ Ngã Tư xóm Trung đến Đê Sông Vạc	1,50
11	Từ Ngã ba Nhà ông Trường giao với đường QL12B đến Giáp xóm Vân Mộng	1,50
12	Từ Nhà ông Tường (Đường 480B) đến Nhà ông Đạo xóm Quán	3,00
13	Từ Nhà ông Thịnh Đ480B đến Trạm bơm đền Thánh	1,50
14	Từ Nhà ông Thoả Đ480B đến Cống Lái Bầu	1,50
15	Từ Ngã tư cổng làng Nộn Khê đến Cổng chợ Nuốn mới	1,00
16	Từ Ngã ba Quốc lộ 21B đến Cổng chợ Nuốn mới	2,00
17	Từ Cổng làng Nộn Khê đến Ngã tư trước cửa đền xóm Cầu	1,20
18	Từ Hết ao đình Nộn Khê (ông Phú) đến Hết nhà ông Cam (Ao chăn nuôi)	1,50
19	Từ Ngã tư chợ Quán (giáp ông Hùng) đến Hết làng Quảng Từ	1,80
20	Từ Ngã ba tiếp giáp Quốc lộ 21B đến Cầu Nuốn mới	1,00
21	Từ Đường vào thôn Dân Chủ (Từ ngã 3 khu tái định cư) đến Đê sông Bút	1,00
22	Từ Hết Nhà ông Tặng đến Hết nhà ông Định	2,00
23	Từ Nhà ông Định đến Nhà ông Huỳnh, xóm Quyết Trung	2,00
24	Từ Hết Nhà ông Tạo đến Hết nhà ông Mậu	2,00
25	Từ Hết Chợ Điếm đến Hết nhà ông Nhật	2,00
26	Từ Hết Nhà ông Chỉnh đến Hết nhà ông Lộc	2,00
27	Từ Nhà ông Hồng đến Trạm bơm xóm Bắc	2,00
28	Từ Nhà ông Toản (Liên Phương) đến Hết nhà ông Duy	2,00
29	Từ Nhà Văn hóa xóm ngoài đến Nhà ông Khoan (xóm ngoài)	2,00
30	Từ ông Niên trước cửa UBND xã đến Sông sáu thôn	2,00
31	Từ kênh cấp 1 sau nhà ông Từ Xóm Đông Bình Hải đến Sông sáu thôn	2,00
32	Từ kênh cấp 1 sau nhà ông Thạch xóm Vạn đến Sông sáu thôn	2,00
33	Từ ông Định xóm Chí Bình đến ông Huỳnh xóm quyết trung	2,00
34	Từ ông Trường xóm Tây Hà đến ông Tuấn xóm Đông Hà	2,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
35	Từ ông Trường xóm Tây Hà đến ông Định xóm Tây Hà (bãi cát)	2,00
36	**Khu dân cư Đồng Nuốn (Đồng Trên + Đồng Nuốn)**	
36.1	Tuyến đường đôi 28m	1,00
36.2	Tuyến đường 20,5m	1,00
36.3	Tuyến đường 15m	1,00
36.4	Các lô đất còn lại	1,00
36.5	Các lô đất bám đường QL12B	1,00
37	**Khu dân cư Tây Kỳ - Đồng Nuốn (Đất ở đấu giá)**	
37.1	Các lô bám đường QL12B (Đường 480E cũ)	1,00
37.2	Các lô bám đường đi cầu Lồng cũ	1,00
37.3	Các lô đất còn lại	1,00
38	**Khu dân cư chợ Lồng mới**	
38.1	Các lô đất bám đường chợ Lồng mới	1,00
38.2	Tuyến đường gom Giáp đường kết nối QL.12B với QL.10	1,00
38.3	Các lô đất còn lại	1,00
39	**Khu TĐC phục vụ dự án nâng cấp, cải tạo tuyến kết nối QL.12B với QL.10 đoạn qua Yên Mô - Kim Sơn (tuyến ĐT.480E cũ)**	
39.1	Tuyến đường gom Giáp đường kết nối QL.12B với QL.10	1,00
39.2	Tuyến đường còn lại	1,00
40	**Khu đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất tái định cư phục vụ dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng**	
40.1	Tuyến đường gom của đường ĐT.480E (dãy 1)	1,00
40.2	Tuyến đường quy hoạch 20,5m	1,00
40.3	Tuyến đường quy hoạch 19m	1,00
40.4	Tuyến đường quy hoạch 15m	1,00
42	**Khu đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất tái định cư phục vụ dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (Khu dân cư Đông đường Hồng)**	
42.1	Tuyến đường 19m (hiện trạng đường bê tông)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
42.2	Tuyến đường 12m (thuộc đoạn Đường từ Quốc lộ 21B đến đường vào thôn Dân Chủ)	1,00
42.3	Tuyến đường quy hoạch 15m	1,00
43	**Khu dân cư sau chợ Xóm Trung Liên Phương**	
43.1	Tuyến đường giáp mương Quốc lộ 21B	1,00
43.2	Tuyến đường 19m	1,00
43.3	Các tuyến đường còn lại	1,00
43.4	Tuyến đường 20,5m	1,00
44	**Khu dân cư Chân mạ Yên Sư**	
44.1	Tuyến đường trục nội đồng (dãy 1)	1,00
44.2	Tuyến đường 14m	1,00
44.3	Các tuyến đường còn lại	1,00
45	Khu dân cư Quyết Trung	1,00
46	Các trục đường xóm (Đường ô tô 4 chỗ vào được)	1,50
47	Khu dân cư còn lại	1,50
48	**Tuyến đường từ Nhà văn hoá thôn Hà Thành đến Đê Sông Yêm (quán Lẩu Bơ)**	1,00
49	**Từ ngã tư xóm Quán đến đê sông Vạc (Tuyến đường chạy dọc theo kênh Vĩnh Lợi)**	1,00

88. Xã Yên Mạc

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 12B (Đường 480 cũ)**	
1.1	Từ Cầu Lồng cũ đến Hết Đường vào XN gạch Yên Từ (Đ.cũ)	2,50
1.2	Từ Hết Đền Cây Đa đến Hết Cầu Bút	1,50
1.3	Từ Hết Cầu Bút đến Hết Cống giáp trường cấp III B	1,60
1.4	Từ Hết Cống giáp trường cấp III B đến Đường vào Đông Sơn (Ô.Chính)	1,60
1.5	Từ Đường vào Đông Sơn (Ô.Chính) đến Đường vào trạm Y tế xã Yên Mạc	2,10
1.6	Từ Đường vào trạm Y tế xã Y. Mạc đến Đường vào chùa Hang (Ô. Tuấn)	2,50
1.7	Từ Đường vào chùa Hang (Ô. Tuấn) đến Ngã ba Hồng Thắng	2,80
1.8	Từ Ngã ba Hồng Thắng đến Giáp Yên Lâm (Đường mới)	2,80
1.9	Từ Ngã ba Hồng Thắng đến Hết Cống Giếng Trại (Đường cũ)	2,00
1.10	Từ Giáp Yên Mạc đến Giáp đất xã Lai Thành	1,80
2	**Đường QL.21B (Cống Gõ - Tam Điệp): Từ Đường QL12B (Cống Gõ) đến Hết Cầu Lộc**	2,00
3	Từ Đường QL12B (Ngã 3 chợ Bút) đến Cầu Hà Thanh	2,00
4	Từ Ngã 3 Lợi Hòa đến Trạm biến thế Phù Xa	2,00
5	Từ Hết Trạm biến thế Phù Xa đến Hết Chùa Hoa Khéo	2,00
6	Từ Hết Trạm biến thế Phù Xa đến Ngã Tư Đông Yên	2,00
7	Từ Hội trường Ngọc Lâm đến Giáp Yên Thái	2,00
8	Từ Cầu Lợi Hòa (đi đường dự án ngập lụt cấp bách) đến Hết đất ông Tức (đầu làng Nhân Phẩm)	2,00
9	Từ Đầu đường mới (đoạn giữa chùa Hoa Khéo đến đê sông Nhà Lê) đến Cầu Hảo Nho	2,00
10	Từ Đất ông Phượng (đầu đường 12B đi đường 480 cũ) đến Giáp đất Yên Mạc	2,00
11	Từ Ngã 4 (Đường vào xã) đến Hết bờ sông Bút	1,50
12	Từ Hết Trạm biến thế đến Hết Đền Cây Đa	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
13	Từ Hết Trạm biến thế đến Gốc gạo xóm 10	1,50
14	Từ Nhà ông Miên đến Hết Cầu Lộc	1,50
15	Từ Nhà ông Hứa đến Nhà ông Vân xóm 9	1,50
16	Từ Cầu Trạm xá đến Nhà ông Huân xóm 6	1,50
17	Từ Cống quay xóm 5A đến Cống Mắt Rồng	1,50
18	Từ Cửa nhà ông Mùi đến Ngã tư Đồng Sáu	1,50
19	**Khu dân cư xã Yên Mỹ**	
19.1	Tuyến đường gom của đường Quốc lộ 21B	1,00
19.2	Tuyến đường 20,5m	1,00
19.3	Tuyến đường 15m	1,00
20	Từ Đường QL 12B đến Tây Sơn	2,00
21	Từ Đường QL 12B đến Nhà Ông Tiến (Đông Sơn)	2,00
22	Từ Đường QL 12B đến Hồng Phong (HTX)	2,00
23	Khu đấu giá năm 2020: Khu Nam cấp I (Dãy 2 bám đường bê tông)	1,00
24	**Khu đường vào xã Yên Mỹ đến cây Đa quán xã Yên Mạc**	
24.1	Tuyến đường gom của đường Quốc lộ 12B (dãy 1)	1,00
24.2	Tuyến đường quy hoạch 19m	1,00
24.3	Tuyến đường quy hoạch 15m	1,00
25	Từ Đầu đường QL12B đường WB2 đi Đông Yên đến Cổng làng Đông Yên	1,40
26	Từ Cổng làng Đông Yên đến Cống Đầm Da	2,00
27	Từ Hết Chùa Hoa Khéo đến Đập Hảo Nho	2,00
28	Từ Hết Chùa Hoa Khéo đến Cống Vũ Thơ	2,00
29	Từ Hết Chùa Hoa Khéo đến Đường mới giáp sông	2,00
30	Từ Trường cấp II đến Miếu Hạ	1,30
31	Các lô còn lại trong khu phía đông trường mầm non khu B	1,00
32	Các lô đất bám đường quy hoạch bên trong Khu đấu giá Khu dân cư Đỗi Tư (đấu giá năm 2021 & 2022)	1,20
33	**Khu dân cư Đỗi Tư**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
33.1	Tuyến đường gom của đường Quốc lộ 12B	1,50
33.2	Tuyến đường 20,5 m	1,50
33.3	Tuyến đường 15m	1,50
34	Khu dân cư nông thôn (Đường ô tô 4 chỗ vào được)	2,80
35	Khu dân cư còn lại	1,50
36	**Khu dân cư Ngọc Lâm - Xa Canh**	
36.1	Tuyến đường gom quốc lộ 12B	1,50
36.2	Tuyến đường 20.5m	1,50
36.3	Tuyến đường 15m	1,50
37	**Khu dân cư phục vụ cho dự án xây dựng đường kết nối liên vùng giữa Nam đồng bằng sông Hồng với vùng núi Tây Bắc và vùng duyên hải Bắc Trung Bộ (giai đoạn I)**	
37.1	Đất tái định cư cửa Chùa Nam	1,00
37.2	Đất tái định cư Hồng Thắng khu đường 59	1,00
38	**Khu tái định cư Nhân Phẩm**	1,00

89. Xã Đồng Thái

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường QL.21B (Cống Gõ - Tam Điệp):** Từ Cầu Lộc đến Ngã tư Tuổn	1,20
2	Từ Nhà văn hóa xóm Dầu đến HTX nông nghiệp Quảng Công	1,20
3	Từ Cống ông Cớt đến Đến đê Hồ	1,20
4	Từ Ngã 4 Tràng Yên đến Hết Cầu Đằng	1,20
5	Từ Ngã 4 Tràng Yên đến Đến Đê (Bà Ngân cũ)	1,20
6	Từ Ngã 3 Yên Lạc (Ông Công) đến Cống ông Sự	1,20
7	Từ Hết Cầu Đằng đến Cửa ông Bẩm (Đông Sơn)	1,20
8	Từ Cống ông Cớt đến Cống ông Sự	1,20
9	Từ Cống Mới đến Đến ông Khánh	1,20
10	Từ Hết bà Nhũ đến Giáp ông Địa	1,20
11	Từ Giáp ông Chí đến Giáp bà Nhũ	1,20
12	Từ Nhà ông Lợi đến Cổng chào (hết nhà ông Hùng)	1,20
13	Từ Ông Công (Đường trục xã) đến Ông Diễm (QL 21)	1,20
14	Từ Phong Lẫm Bắc (ông Nghĩa) đến Đê hồ (Bà Quyên)	1,20
15	Từ Cổng Khê Hạ (Ông Quyết) đến Lò Gạch (Yên Thành)	1,20
16	Từ nhà ông Chí đến hết đất nhà bà Quyên	1,20
17	Từ Hết đất bà Quyên đến Hết đất ông Thắng	1,20
18	Từ Cầu Hội đến UBND xã Yên Thái	1,20
19	Từ Cầu Hội đến Đình Tiền Thôn	1,20
20	Từ Hết Đình Tiền Thôn đến Cống Bà Hường	1,20
21	Từ UBND xã Yên Thái đến Trạm bơm 4000	1,20
22	Từ Trạm bơm 4000 đến Giáp Phú Trì (Cống Sành)	1,20
23	Từ Giáp Phú Trì (Cống Sành) đến Cầu Giang Khương	1,20
24	Từ chùa Quản Công đến cống Thành Hồ	1,20
25	Từ Trạm bơm 4000 đến Cống Yên Tế	1,20
26	Từ Trường Cấp 1 đến Nhà ông Phuong	1,20
27	Từ UBND xã Yên Thái đến Thôn Hậu Thôn	1,20
28	Từ Núi Ô Rô đến Cầu Mả Ổi	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
29	Từ Núi Ô Rô đến nhà ông Thọ (Tri Điền)	1,20
30	Từ Giáp Phú Trì (Cống Sành) đến Ông Thuỳ (cống Ông Sự)	1,20
31	Từ HTX nông nghiệp Quảng Công đến Hết đất chùa Quảng Công	1,20
32	Từ Ngã ba Lộc đến Hết Cầu Giang Khương	1,20
33	Từ Cống Quán đến Giáp Yên Hòa	1,20
34	Từ Cổng Chào Bạch Liên đến Đê Hồ Thượng Phường	1,20
35	Từ UBND Tiên Dương đến Đê Hồ	1,20
36	Từ Ông Thùy - Yên Hóa đến Đê Hồ	1,20
37	Từ Cống Miếu Đanh đến Ngã Tư Lăng Miễu	1,20
38	Từ Nhà ông Thảo (thôn 83) đến Nhà ông Đức (thôn 83)	1,20
39	Các lô đất bám đường quy hoạch trong khu dấu giá Lủ La (Đấu giá 2021): Khu dãy trong bám đường quy hoạch bên trong	1,20
40	Các lô đất bám đường quy hoạch trong khu dấu giá Nam Đồng Họ (Đấu giá 2021): Khu dãy trong bám đường quy hoạch bên trong	1,20
41	Khu dân cư nông thôn (Đường ô tô 4 chỗ vào được)	1,20
42	Khu dân cư còn lại	1,20
43	Khu tái định cư của Dự án xây dựng tuyến đường kết nối liên vùng giữa Nam đồng bằng sông Hồng với vùng núi Tây Bắc và vùng duyên hải Bắc Trung Bộ (giai đoạn I)	1,00
44	Khu dân cư Đê Hồ Lò Vàng: Tuyến đường đôi quy hoạch (7,5mx2)	1,20
45	Khu dân cư Đê Hồ Lò Vàng: Tuyến đường quy hoạch 10,5m	1,20
46	**Từ HTX nông nghiệp Quảng Công đến trạm bơm cống Chấn (đê)**	1,00

90. Xã Chất Bình

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường Quy Hậu đò 10 (ĐT 481D) (phía Bắc sông Ân):** Từ giáp xã Kim Sơn đến Cầu Đen	1,00
2	**Đường Nam Sông Ân**	
2.1	Từ giáp xã Kim Sơn đến đường bờ sông Tiên Hoàng	1,00
3	**Tuyến đường ngang liên xã:** Từ giáp xã Kim Sơn đến đường bờ sông Tiên Hoàng	1,00
4	**Đường trục Hồi Thuần**	
4.1	Từ ĐT 481D đến đường ngang liên xã	1,00
4.2	Từ cầu sân vận động xã Hồi Ninh cũ đến khu dân cư xóm 1 Hồi Ninh (Miếu Hồi Thuần)	1,00
5	**Đường trục Dĩ Ninh (Tây sông)**: Từ hết khu đấu giá xóm 12 đến ngã ba đường ngang liên xã	1,00
6	**Đường trục Cộng Nhuận**: Từ ĐT 481D đến đường ngang liên xã	1,00
7	**Đường trục giữa:** Từ trạm điện Cộng Thành đến đường ngang liên xã	1,00
8	**Đường trục Cộng Thành (đường trục Ủy ban):** Từ ĐT 481D đến đường ngang liên xã	1,00
9	**Đường trục Hợp Thành**	
9.1	Từ ĐT 481D đến đường ngang liên xã	1,00
9.2	Từ Nam sông Ân đến Bái Đính - Kim Sơn	1,00
10	**Đường trục Quân Chiêm**: Từ ĐT 481D đến đường ngang liên xã	1,00
11	**Đường Trục Lưu Thanh**: Từ ĐT 481D đến đường ngang liên xã	1,00
12	**Đường trục Hàm Phu**: Từ ĐT 481D đến đường ngang liên xã	1,00
13	**Đường trục Mông Hưu**: Từ ĐT 481D đến đường ngang liên xã	1,00
14	**Đường trục Cách Tâm**	
14.1	Từ ĐT 481D đến miếu Cách Tâm	1,00
14.2	Từ hết miếu Cách Tâm đến Đường Quan	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
15	**Đường trục Thành Đức**: Từ Nhà văn hóa thôn Thành Đức đến đường Quan	1,00
16	**Đường trục Huệ Địch**: Từ ĐT 481D đến Khu dân cư	1,00
17	**Đường trục Xuân Hồi**: Từ ĐT 481D đến đường Quan	1,00
18	**Đường trục Năng An**: Từ ĐT 481D đến đường Quan	1,00
19	**Đường trục Như Sơn**: Từ ĐT 481D đến đường Quan	1,00
20	**Đường Bái Đính - Kim Sơn**: Từ giáp xã Khánh Trung đến giáp xã Kim Sơn	1,00
21	**Đường Quan**	
21.1	Đoạn 1: Từ giáp xã Khánh Trung đến Chợ Cách Tâm	1,00
21.2	Đoạn 2: Từ giáp xã Kim Sơn đến Cầu Dĩ Ninh	1,00
22	**Khu dân cư xóm 12 Hồi Ninh**	
22.1	Đường trục Dĩ Ninh	1,05
22.2	Tuyến đường tiếp giáp hồ sen (tuyến phía nam hồ sen)	1,05
22.3	Tuyến đường tiếp giáp hồ sen (tuyến phía bắc hồ sen)	1,05
22.4	Các tuyến đường còn lại	1,05
23	**Khu đấu giá thuộc các thôn: Lưu Thanh, Cách Tâm, Mông Hưu, Hàm Phu, Đường Mười Tây**	
23.1	Các đường trục thôn	1,05
23.2	Đường mặt cắt ngang 20,5m nối các trục đường thôn	1,05
23.3	Các đường còn lại	
23.3.1	Lô đất liền kề	1,05
23.3.2	Lô đất biệt thự, nhà vườn	1,05
24	**Khu đấu giá xóm 10 Chất Bình**	
24.1	Các lô đất bám đường Nam Sông Ân	1,05
24.2	Các lô đất bám trục Hợp Thành, Quân Chiêm	1,05
24.3	Các lô đất còn lại	1,05
25	Khu dân cư còn lại	1,00
26	**Đường trục Tuân Hóa: Từ cầu nhà thờ Lục Bình đến hết khu dân cư xóm 4**	1,00

91. Xã Kim Sơn

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường Quốc lộ 10**	
1.1	Từ Đường Lý (Giáp địa giới Khánh Nhạc) đến Giáp đường Bản Thôn	1,00
1.2	Từ Giáp đường Bản Thôn đến Đường ngang liên xã	1,00
1.3	Từ Đường ngang liên xã đến Hết trung tâm Y tế Ân Hoà	1,00
1.4	Từ Hết trung tâm Y tế Ân Hoà đến Hết cầu Quy Hậu	1,00
1.5	Từ Cầu Quy Hậu đến Cầu trước nhà Sử Tốt vật liệu xây dựng	1,00
1.6	Từ Cầu trước nhà Sử Tốt vật liệu xây dựng đến Giáp đất xã Quang Thiện	1,00
2	**Đường ĐT 481D**	
2.1	Từ Hết cầu Quy Hậu đến Hết cầu Chí Tĩnh	1,00
2.2	Từ Hết cầu Chí Tĩnh đến Hết đất Kim Sơn (Giáp đất Quang Thiện)	1,00
3	**Đường Quy Hậu đò 10 (Đường ĐT 481D)**	
3.1	Từ Cầu Quy Hậu đến Hết cầu Duy Hòa	1,00
3.2	Từ Hết cầu Duy Hòa đến Giáp địa phận xã Chất Bình (Bãi vật liệu Sửu Thắm)	1,00
4	**Đường ngang liên xã Tiểu khu 1**	
4.1	Từ Giáp đường Quốc lộ 10 đến Cầu giáp nhà thờ Khiết Kỷ	1,00
4.2	Từ Cầu giáp nhà thờ Khiết Kỷ đến Giáp đất xã Chất Bình	1,00
5	Đường Tức Hưu (xóm 8): Từ Đường ĐT 481D đến Đường ngang liên xã	1,00
6	Từ cầu ông Tốt đến cầu 20 phía Nam thuộc địa bàn Kim Định	1,00
7	Đường Duy Hòa: Từ Đường ngang liên xã đến Đường ĐT 481D	1,00
8	Đường Nam Sông Ân: Từ Giáp đường tránh Quốc lộ 10 đến Giáp xã Chất Bình	1,00
8.2	Từ giáp xã Quang Thiện đến đường tránh QL10	1,00
9	**Đường Đông Quy Hậu (phía Bắc)**	
9.1	ĐT 481D +500m về phía Bắc (hết nhà ông Hợp)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
9.2	Từ +500m về phía Bắc đến hết khu dân cư	1,00
10	**Đường Tây Quy Hậu (phía Bắc)**	
10.1	ĐT 481D +500m về phía Bắc (hết nhà bà Cao)	1,00
10.2	Từ +500m về phía Bắc đến hết khu dân cư	1,00
11	**Đường Chí Tĩnh**	
11.1	ĐT 481D +500m về phía Bắc (hết nhà ông Hà)	1,00
11.2	Từ +500m về phía Bắc đến hết khu dân cư	1,00
12	**Khu dân cư nông thôn mới xóm Ân Hòa 13**	
12.1	Tuyến đường Quốc lộ 10	1,00
12.2	Tuyến đường 32m (tuyến kết nối quốc lộ 10)	1,00
12.3	Các tuyến đường nội khu quy hoạch còn lại	1,00
13	**Khu dâu cư xóm 1 phía nam đường QL10**	
13.1	Tuyến đường Quốc lộ 10	1,00
13.2	Tuyến đường 26m: Từ Quốc lộ 10 đến hết quy hoạch chi tiết khu dân cư xóm 1, Phía Nam Quốc lộ 10	1,00
13.3	Các tuyến đường quy hoạch còn lại	1,00
14	**Các khu vực còn lại**	1,00
15	Các lô đất đấu giá trong khu đấu giá xóm Hùng Tiến 2	1,00
16	Các lô đất đấu giá thuộc dãy phía trong khu đấu giá xóm Hùng Tiến 1 (phía Bắc Quốc lộ 10)	1,00
17	**Trục đường Đông Quy Hậu**	
17.1	Đoạn từ đường Nam Sông Ân đến đường tránh QL 10	1,00
17.2	Đoạn từ Quốc lộ 10 đến đường ngang 50	1,00
18	**Đường cứu hộ, cứu nạn đoạn từ QL 10 đến đê Hữu Đáy**	
18.1	Tiếp giáp 2 mặt đường bê tông 3,5m	1,00
18.2	Tiếp giáp mặt đường bê tông 3,5m	1,00
18.3	Tiếp giáp đường còn lại	1,00

92. Xã Quang Thiện

STT	Tên đường, Đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường Quốc lộ 10 cũ (Đường ĐT 481D)**	
1.1	Từ Trường THPT Kim Sơn B đến Hết Cầu Như Độ	1,2
1.2	Từ Hết cầu Như Độ đến đến Hết cầu chợ (cũ)	1,20
2	**Đường Quốc lộ 10 cũ (Đường Quốc lộ 21B)**	
2.1	Từ Hết cầu chợ (cũ) đến Hết cầu Quang Thiện (giáp Đồng Hướng cũ)	1,20
2.2	Từ Hết cầu Quang Thiện (giáp Đồng Hướng cũ) đến Hết cầu Đồng Đắc	1,20
3	**Đường tránh Quốc lộ 10 (Đường Quốc lộ 10), địa phận xã Quang Thiện (trừ các khu đấu giá và tái định cư)**	1,20
4	**Đường Nam Sông Ân, địa phận xã Quang Thiện**	1,20
5	**Đường ĐT482D (đường Quan)**	1,20
6	**Đường Hòa Lạc:** Từ Giáp đường Quốc lộ 10 (cũ) đến Trường Tiểu học cũ	1,20
7	**Đường Tuần Lễ:** Từ Giáp đường Quốc lộ 10 (cũ) đến Ngang trường Tiểu học	1,20
8	**Đường Như Độ:** Từ Giáp đường Quốc lộ 10 (cũ) đến Hết nhà ông Bách (Thửa số 302, tờ 6, xã Như Hòa cũ) **(trừ khu đấu giá năm 2018)**	1,20
9	**Đường trục Như Độ-Hòa Lạc-Tuần Lễ:** Từ Giáp đường Nam sông Ân về phía Nam đến Đường Nam sông Ân về phía Nam +500 m	1,20
10	**Đường trục Như Độ**	
10.1	Từ Giáp đường Nam sông Ân đến hết nhà ông Quốc	1,20
10.2	Từ Đến hết nhà ông Quốc đến Hết đường	1,20
11	**Đường trục Hòa Lạc**	
11.1	Từ Giáp đường Nam sông Ân đến hết nhà ông Phấn	1,20
11.2	Từ Đến hết nhà ông Phấn đến Hết đường	1,20
12	**Đường trục Tuần Lễ**	
12.1	Từ Giáp Đường Nam sông Ân Đến nhà ông Chiến (thửa 58, tờ số 9, xã Như Hòa)	1,20
12.2	Từ Đến nhà ông Chiến (thửa 58, tờ số 9, xã Như Hòa) đến Hết đường	1,20

STT	Tên đường, Đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
13	Các lô đất bám đường quy hoạch bên trong Khu đấu giá xóm 7 (đấu giá năm 2021) và Khu đấu giá xóm 7, xóm 9 (đấu giá năm 2024)	1,20
14	**Đường trục thôn Mật Như:** Từ Đầu thôn Mật Như đến Cuối thôn Mật Như	1,20
15	**Đường Lưu Quang - Lạc Thiện - Ứng Luật - Phúc Điền**	
15.1	Từ Giáp Đường quốc lộ 10 (N-B) đến + 500 m (Hết nhà ông Vì)	1,20
15.2	Từ + 500 m (Hết nhà ông Vì) đến Hết khu dân cư	1,20
16	**Các tuyến đường quy hoạch thuộc Khu dân cư xóm 13:** Từ Đường N2 đến Hết khu đất quy hoạch điểm dân cư Nam Quốc Lộ 10	1,00
17	Các lô đất bám đường quy hoạch bên trong Khu đấu giá xóm 13 (đấu giá năm 2020)	1,00
18	**Khu dân cư và chợ xã (xóm 12, xã Quang Thiện)**	
18.1	Tuyến đường phía Đông khu quy hoạch xóm 12 (đường chợ Quang Thiện): Từ Chợ Quang Thiện (hiện trạng) đến Hết khu đất quy hoạch điểm dân cư và chợ xã tại xã Quang Thiện (xóm 12, xã Quang Thiện)	1,00
18.2	Các tuyến đường nội khu quy hoạch còn lại	1,00
19	**Đường Thủ công (cũ):** Từ Giáp đường ĐT481D đến Đường Dong xóm 4+5	1,20
20	**Đường trục Lưu Quang liên xóm 13, 14:** Từ Giáp Đường QL 10 đến Đường ngang 50	1,20
21	**Đường phía Tây đền Nguyễn Công Trứ:** Từ Giáp đường QL21B đến Hết nhà văn hóa xóm 9	1,20
22	**Đường trục Phía Tây xóm 12:** Từ giáp đường nam Sông Ân đến Hết nhà Khu dân cư xóm 12	1,20
23	**Đường trục xóm 2 (đối diện chợ):** Từ giáp đường nam Sông Ân đến +400m (hết khu dân cư)	1,20
24	**Đường Hướng Đạo - Đồng Đắc**	
24.1	Từ Giáp đường Quốc lộ 10 đến Đường ngang trạm điện	1,20
24.2	Từ Đường ngang trạm điện đến Cầu xóm 3	1,20
24.3	Từ Đường cầu xóm 3 đến Hết khu dân cư	1,20
25	**Đường bể Hướng Đạo**	

STT	Tên đường, Đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
25.1	Từ Điểm đầu Cụm công nghiệp Đồng Hướng (tính từ sông ân về phía nam) đến Trường mầm non Nam Biên (trừ khu đấu giá xóm 11 phía Bắc và phía Nam)	1,20
25.2	Từ Trường mầm non Nam Biên đến Đê đáy	1,20
26	**Đường bể Đồng Đắc (X7)**	
26.1	Từ Giáp Đường nam sông Ân đến + 1000 m (cống Đạc 20) xóm 7	1,20
26.2	Từ + 1000 m (cống Đạc 20) xóm 7 đến Cổng đạc 50	1,20
26.3	Từ Cống đạc 50 đến Đê Đáy	1,20
27	**Đường Tây sông 19/5**	
27.1	Từ Giáp đường Quốc lộ 10 đến Hết đường dong số 1 xóm 5 (trừ khu đấu giá xóm 6)	1,20
27.2	Từ Hết đường dong số 1 xóm 5 đến Hết cầu xóm 3	1,20
27.3	Từ Hết cầu xóm 3 đến Chùa Đồng Đắc	1,20
28	**Các tuyến đường trong Khu đấu giá xóm 14**	1,20
29	**Các tuyến đường trong Khu đấu giá xóm 16**	1,20
30	**Khu đấu giá xóm 6 (đấu giá năm 2023)**	
30.1	Các lô bám đường trục xã	1,10
30.2	Các lô bên trong	1,10
31	**Khu dân cư xóm 11(xã Đồng Hướng cũ)**	
31.1	Tuyến đường cụm công nghiệp đồng Hướng: Từ Phía nam CCN Đồng Hướng đến đường QL10	1,00
31.2	Các tuyến đường nội khu quy hoạch còn lại	1,00
32	Các khu vực còn lại	1,20
33	Đường QL21B từ giáp đường Nam Sông Ân ra đê Đáy (thuộc địa phận xã Quang Thiện)	
33.1	Đường QL21B từ giáp đường Nam Sông Ân ra đê Đáy (thuộc địa phận xã Quang Thiện): Từ Giáp đường Nam sông Ân (B-N) đến +1.000m (Cống 15)	1,00
33.2	Đường QL21B từ giáp đường Nam Sông Ân ra đê Đáy (thuộc địa phận xã Quang Thiện: Từ +1.000m (Cống 15) đến Giáp đê Sông Đáy	1,00
34	Các lô đất bám đường QH Khu đấu giá xóm 13 Quang Thiện (đấu giá năm 2019 - 105 lô)	1,00

STT	Tên đường, Đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
35	Đường Hòa Lạc: Đoạn từ Hết Trường Tiểu học cũ đến Hết khu dân cư	1,00
36	Đường Như Độ: Từ thửa 240, tờ 51 Đến hết khu dân cư xóm 1 Như Hòa cũ	1,00
37	Đường Tuần Lễ: Từ ngang trường tiểu học cũ đến Hết khu dân cư	1,00
38	Khu đấu giá xóm 3 Như Hòa (năm 2018)	
38.1	Các lô đất bám đường Như Độ	1,00
38.2	Các đường còn lại	1,00
40	Các lô đất bám đường QL10 các khu đấu giá và tái định cư	1,00
41	Khu dân cư nằm trong CCN Đồng Hướng (phần mở rộng)	1,00

93. Xã Phát Diệm

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
I	**Trục đường giao thông chính**	
1	**Đường Quốc lộ 10 (Trừ vị trí thuộc quy hoạch KDC xóm 9 Lưu Phương thuộc khu 39 ha)**: Từ giáp xã Kim Sơn đến giáp xã Lai Thành	1,00
2	**Đường QL21B kéo dài**	
2.1	Từ cầu giáp Trường tiểu học Đồng Hướng đến Cầu Kiến Thái (giáp bến xe Kim Sơn)	1,00
2.2	Từ cầu Kiến Thái đến cầu Lưu Phương (trừ đoạn khu dân cư mới (trụ sở UBND huyện cũ)	1,00
2.3	Từ cầu Lưu Phương đến giáp địa phận xã Lai Thành	1,00
3	**Đường Liên xã Lưu Phương - Định Hóa- Thượng Kiệm**	
3.1	Từ giáp đường Nam sông Ân đến đường N1 Lưu Phương	1,00
3.2	Từ đường N1 Lưu Phương đến hết khu dân cư xóm 10	1,50
3.2	Từ Ngã ba công Tân An đến đường trục Thượng Kiệm	1,20
3.3	Từ Đường trục Thượng Kiệm đến Đê Hữu Vạc	1,20
3.4	Từ Hết khu dân cư xóm 10 đến giáp cầu ông Quỳ	1,20
4	**Đường Kiến Thái (Đường ĐT 481B) (trừ đoạn thuộc quy hoạch khu dân cư xóm 3, xóm 4 Kim Chính)**	
4.1	Từ cầu Kiến Thái đến Đường vào Cổng nhà thờ Kiến Thái	1,00
4.2	Từ Đường vào cổng nhà thờ Kiến Thái đến hết địa phận Phát Diệm cũ	1,00
4.3	Từ giáp địa phận Phát Diệm (trạm xá Kim Chính) đến hết nhà bà Thu trừ khu dân cư xóm 3, xóm 4 Kim Chính	1,00
4.4	Từ hết nhà bà Thu đến hết Trụ sở Hợp tác xã Kiến Trung (cũ)	1,00
4.5	Từ hết trụ sở Hợp tác xã Kiến Trung (cũ) đến Đường vào miến Kiến Thái	1,00
4.6	Từ Đường vào Miếu Kiến Thái đến Hết địa phận xã Yên Mật (cũ)	1,00
4.7	Từ giáp cầu Kiến Trung đến hết chợ Kim Chính	1,20
5	**Đường trục xã Lưu Phương**	
5.1	Từ giáp đường Quốc lộ 10 đến hết nhà trẻ	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
5.2	Từ hết nhà trẻ đến hết khu dân cư liền kề	1,00
5.3	Từ giáp đường Quốc lộ 10 đến nhà thờ Lưu Phương	1,00
II	**Khu vực dân cư**	
II.1	**Khu vực Phát Diệm**	
1	**Đường ngang khu bờ hồ Nhà thờ đá Phát Diệm**	
1.1	Đường Phát Diệm Tây: Từ ngã ba đường giữa Phát Diệm (giap hồ) đến Vòng quanh hồ đến cổng phía Tây nhà thờ	1,00
1.2	Đường Phát Diệm Tây: Từ cổng phía Tây nhà thờ đến đường Trương Hán Siêu	1,00
1.3	Đường ngang phía Tây Nam bờ hồ: Từ đường Phát Diệm Tây đến đường Trương Hán Siêu	1,00
1.4	Đường Phát Diệm Đông: Từ ngã ba Đường giữa Phát Diệm (Giáp hồ) đến Vòng quanh hồ đến đường Nguyễn Văn Trỗi	1,00
1.5	Đường ngang phía Đông Nam khu bờ hồ: Từ đường Phát Diệm Đông đến đường Nguyễn Văn Trỗi	1,00
2	**Đường Nam Sông Ân (đường Nguyễn Ngọc Ái)**	
2.1	Từ đường Năm Dân đến đường Thống Nhất	1,00
2.2	Từ Đường Thống Nhất đến Cầu Trần (cầu Ngói)	1,00
2.3	Từ cầu trần (cầu Ngói) đến cầu Lưu Phương	1,00
2.4	Từ cầu Lưu Phương đến hết địa phận Phát Diệm	1,00
3	**Đường Thống Nhất:** Từ cầu Thống Nhất đến trường THCS Thượng Kiệm	1,00
4	**Đường Thượng Kiệm:** Từ giáp đường QL21B (đường Nguyễn Công Trứ) đến hết đất Phát Diệm giáp xã Thượng Kiệm	1,00
5	**Đường Đê hữu vạc (đường Triệu Việt Vương):** Từ Đường QL21B (đường Nguyễn Công Trứ-cầu Trì Chính) đến hết Phát Diệm giáp Thượng Kiệm	1,00
6	**Đường Đê Tả Vạc (Đường Đê Trì Chính):** Từ Đường QL 21B (Đường Nguyễn Công Trứ - cầu Trì Chính) đến Ngã 3 Đường trước Trường cấp 2 Kim Chính	1,00
6.1	Từ Đường QL21B (đường Nguyễn Công Trứ) đến Đường QL 21B + 127 m (hết nhà ông Bằng)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
6.2	Từ hết nhà Ông Bằng đến Ngã 3 Đường trước Trường cấp 2 Kim Chính	1,00
6.3	Đoạn từ Ngã 3 Đường trước Trường cấp 2 Kim Chính đến hết nhà Ông Tú	1,00
6.4	Đoạn từ hết nhà Ông Tú đến Cầu Sông Vạc	1,00
7	**Đường Cống Tân Hưng (đường Kim Đài)**	
7.1	Từ Đường QL21B (đường Nguyễn Công Trứ) đến Cống Tân Hưng	1,00
7.2	Từ Cống Tân Hưng chạy theo đê tả vạc đến Hết địa phận khu vực Phát Diệm	1,00
8	**Đường Phạm Đình Nhương:** Từ Cống Tân Hưng đến Vòng về phía Đông thẳng đến cầu sang khu vực Kim Chính	1,00
9	**Đường vào Trung tâm ý tế Kim Sơn (đường Tuệ Tĩnh)**	
9.1	Từ Đường Ql21B (đường Nguyễn Công Trứ) đến Hết trụ sở Tòa án huyện (cũ)	1,00
9.2	Từ Hết trụ sở Tòa án huyện (cũ) đến Cổng Trung tâm y tế huyện	1,00
10	**Đường Nguyễn Văn Trỗi**	
10.1	Từ Đường QL21B (đường Nguyễn Công Trứ) đến Đường QL21B +200m	1,00
10.2	Từ Đường QL21B +200m (Hết nhà ông Phùng) đến Giáp cầu sang Trung tâm y tế huyện	1,00
11	**Khu vực xung quanh bến xe:** 3 mặt trong khu vực bến xe	1,00
12	**Đường phía Tây trường mầm non Hoa Hồng:** Từ Đường QL21B (đường Nguyễn Công Trứ) đến Đầu ngõ 12 C	1,00
13	**Đường 3 Phố Trì Chính**	
13.2	Từ Đường QL 21B + 127 m (hết nhà ông Bằng) đến Nhà thờ Trì Chính	1,00
14	**Đường số 1 (giáp phía Tây công ty Nam Phương):** Từ Đường QL21B (đường Nguyễn Công Trứ) đến Đường QL21B+125m (đường cắt ngang)	1,00
15	**Đường Nguyễn Viết Xuân:** Từ Đường QL 21B (đường Nguyễn Công Trứ) đến Hết khu dân cư	1,00
16	**Đường vào nhà văn hóa phố Kiến Thái:** Từ Đường QL 21B (đường Nguyễn Công Trứ) đến Ao nhà thờ Kiến Thái	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
17	**Đường Năm Dân:** Từ giáp Đường Nguyễn Ngọc Ái đến Hết địa giới Phát Diệm (cũ)	1,00
18	**Đường ngõ 31 Năm Dân:** Từ giáp Đường Nguyễn Ngọc Ái đến Đường Nguyễn Ngọc Ái +108 m	1,00
19	**Đường Vinh Ngoại:** Từ giáp Đường Nguyễn Ngọc Ái đến Giáp đất xã Thượng Kiệm	1,00
20	**Đường Ngang phố Năm Dân:** Từ Đường Thống Nhất đến Đường Vinh Ngoại	1,00
21	**Đường cầu Ngói:** Từ Cầu Ngói đến Giáp đất xã Lưu Phương	1,00
22	**Đường Trương Hán Siêu**	
22.1	Từ Đường QL 21B (đường Nguyễn Công Trứ) đến Cầu sang Trường THPT Kim Sơn A	1,00
22.2	Từ Cầu sang Trường THPT Kim Sơn A đến Đất xã Lưu Phương (cũ)	1,00
23	**Đường Phú Vinh**	
23.1	Từ Đường QL21B đến Đường QL21B +227m	1,00
23.2	Từ Đường QL21B +227m đến Nhà hưu dưỡng - Tòa giám mục Phát Diệm	1,00
24	**Đường 4 Phát Diệm Tây:** Từ Đường Giữa Phát Diệm đến Đường Trương Hán Siêu	1,00
25	**Đường số 2 Phát Diệm Đông:** Từ Đường Phát Diệm đến Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,00
26	**Đường trước Trường cấp 2 Kim Chính:** Từ Đường Trì Chính đến Đường ĐT 481 B (Đường Kiến Thái)	1,00
27	**Đường sau Huyện Đội:** Từ Đường Trì Chính đến hết Đường	1,00
28	**Đường Chu Văn An:** Từ Đường Nam sông Ân (Nguyễn Ngọc Ái) đến Hết đất Phát Diệm (cũ) giáp Thượng Kiệm (cũ)	1,00
29	**Đường Tạ Uyên**: Từ Đường Nam sông Ân (Nguyễn Ngọc Ái) đến Hết đất Phát Diệm giáp Lưu Phương (cũ)	1,00
30	**Đường ngang Năm Dân**	
30.1	Từ Đường Chu Văn An đến Đường Vinh Ngoại	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
30.2	Từ Đường Thống Nhất (nhà ông Xuyên) đến Đường Năm Dân (nhà bà Xoan)	1,00
30.3	Từ Trường THCS Thượng Kiệm đến Đường Năm Dân	1,00
31	**Đường ngang Phát Diệm Nam:** Từ Đường Tạ Uyên đến Đường Cầu Ngói	1,00
32	**Đường giữa Phát Diệm Tây:** Từ đường Quốc lộ 21B (Đường Nguyễn Công Trứ) đến Đường số 2 Phát Diệm Tây	1,00
33	**Đường giữa Phát Diệm:** Từ đường Quốc lộ 21B (Đường Nguyễn Công Trứ) đến Bờ hồ nhà thờ đá Phát Diệm	1,00
34	**Đường số 2 Phát Diệm Tây:** Từ Đường Trương Hán Siêu đến Đường Phát Diệm	1,00
35	**Đường ngang phố Phú Vinh**	1,00
35.1	Từ Đường Phú Vinh (Nhà hưu dưỡng - Tòa giám mục Phát Diệm) đến Đường Thượng Kiệm (Doanh nghiệp Quang Minh)	1,00
35.2	Từ Đường Phú Vinh (nhà bà Mơ) đến Đường Thượng Kiệm (nhà ông Hoan)	1,00
35.3	Từ Đường Phú Vinh (nhà bà Đáo) đến Đường Thượng Kiệm (nhà bà ông Giang)	1,00
36	**Đường ngang phố Thượng Kiệm:** Công ty May đến Nhà khách liên đoàn lao động tỉnh	1,00
37	**Khu dân cư mới xã Phát Diệm (trụ sở UBND huyện cũ)**	
37.1	Khu đất hướng Nam bám đường QL21B kéo dài	1,00
37.2	Khu đất quay ra công viên cây xanh	1,00
37.3	Khu đất nhà vườn	1,00
38	**Các khu vực còn lại của khu Phát Diệm**	1,00
39	Đường phía Tây khu hành chính đoạn từ đường N2 (đường 55m) đến giáp đường QL10	1,00
II.2	**Khu vực Lưu Phương**	
1	**Khu dân cư hướng Bắc khu trung tâm hành chính, chính trị xã Phát Diệm (Xóm 9, UBND xã Phát Diệm):** Từ đường trục Lưu Phương- Định Hoá đến giáp xã Tân Thành (đường Tân Thành - Định Hoá)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
2	**Khu dân cư hướng Nam, Tây khu trung tâm hành chính, chính trị xã Phát Diệm (Xóm 9, UBND xã Phát Diệm):** Từ đường trục Lưu Phương- Định Hoá đến giáp xã Tân Thành (đường Tân Thành - Định Hoá)	1,00
3	**Đường trục giáp nhà văn hoá xóm 9 Lưu Phương:** Từ nhà ông Dũng đến hết nhà ông Sơn, Xưởng ô Bôn	1,00
4	**Khu dân cư hướng Bắc khu trung tâm hành chính, chính trị xã Phát Diệm (Xóm 7, Thuế cơ sở 3, tỉnh Ninh Bình):** Từ đường trục sông Thống Nhất đến giáp Thượng Kiệm (đường cầu ngói đi xuống)	1,00
5	**Khu dân cư hướng Nam khu trung tâm hành chính, chính trị xã Phát Diệm (bên phía Ngân hàng Agribank, Thuế cơ sở 3, tỉnh Ninh Bình):** Từ đường trục sông Thống Nhất đến giáp Thượng Kiệm (đường cầu ngói đi xuống)	1,00
6	**Khu dân cư hướng Tây khu trung tâm hành chính, chính trị xã Phát Diệm (bên phía Ngân hàng Agribank, Thuế cơ sở 3, tỉnh Ninh Bình):** Từ cổng nhà văn hoá xóm 7 đến đường 55m	1,00
7	**Các đường ngang khu dân cư nông thôn mới xóm 7 (khu 39 ha) (bên phía đối diện Trung tâm Văn hoá thể thao xã Phát Diệm)**	
7.1	Khu dân cư hướng Nam	1,00
7.2	Khu dân cư hướng Bắc	1,00
7.3	Khu dân cư hướng Đông	1,00
7.4	Khu dân cư hướng Tây	1,00
8	**Đường trục xã Lưu Phương xóm 3, xóm 4 giáp thị trấn Phát Diệm (cũ)**	
8.1	Phía đông: Từ Nhà ông Nguyện xóm 4 đến hết khu dân cư xóm 3	2,20
8.2	Phía tây: Từ nhà ông Vượng xóm 4 đến hết khu dân cư xóm 3	2,20
9	**Đường trục xã Lưu Phương xóm 6, xóm 7 giáp thị trấn Phát Diệm (cũ)**	
9.1	Phía Đông: Từ nhà ông Thành đến nhà ông Phát	1,70
9.2	Phía Tây: Từ nhà ông Hiển đến nhà ông Bình	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
10	**Đường trục khu dân cư mới xóm 7 xã Lưu Phương (cũ) khu 39ha**	
10.1	Phía Đông: Từ giáp Quốc lộ 10 đến Hết khu dân cư nông thôn mới	1,00
10.2	Phía Tây: Từ giáp Quốc lộ 10 đến Hết khu dân cư nông thôn mới	1,00
11	**Đường trục Lưu Phương giáp Tân Thành**	
11.1	Từ Giáp đường Quốc lộ 10 đến Hết khu dân cư	1,20
11.2	Từ Giáp đường Nam sông Ân đến Giáp khu trung tâm hành chính	2,00
12	**Khu dân cư nông thôn mới xóm 9 Lưu Phương (khu 39 ha phía đối diện trụ sở công an huyện cũ)**	
12.1	Hướng Nam, hướng Bắc	1,10
12.2	Hướng Tây, hướng Đông nội khu	1,10
12.3	Hướng Đông (đường liên xã Lưu Phương- Định Hoá-Thượng Kiệm): Từ giáp Quốc lộ 10 đến hết khu dân cư nông thôn 39 ha	1,10
12.4	Đường trục hướng Tây: Từ Giáp Quốc lộ 10 đến hết khu dân cư nông thôn 39 ha (giáp sông Tân Thành)	1,10
12.5	Khu dân cư nông thôn bám QL10: Từ đường trục Lưu Phương- Định Hoá đến giáp sông Tân Thành	1,50
13	**Đường N2 (đường 55 m)**	1,00
14	**Các khu vực còn lại của khu Lưu Phương**	1,00
II.3	**Khu vực Kim Chính**	
1	**Đường Thủ Trung**	
1.1	Từ Giáp đường 10 đến +300m (Hết khu dân cư)	1,00
1.2	Từ +300m (Hết khu dân cư) đến Giáp nhà văn hóa xóm 6	1,00
3	**Khu dân cư nông thôn xóm 6 Kim Chính (khu đất đấu giá năm 2017)**	
3.2	Đường nội bộ trong khu quy hoạch	1,00
4	**Tuyến đường nội khu dân cư mới xóm 6 (giai đoạn 3):** Thuộc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn tại xóm 6, xã Kim Chính	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
5	**Khu dân cư xóm 7B, xã Kim Chính (thuộc quy hoạch chi tiết điểm dân cư xóm 7B, Kim Chính**	
5.1	Khu dân cư hướng Bắc, Nam	1,00
5.2	Khu dân cư hướng Đông	1,00
5.3	Khu dân cư hướng Tây	1,00
6	**Các tuyến đường thuộc quy hoạch khu dân cư mới xóm 4**	
6.1	Tuyến đường ĐT.481B	1,00
6.2	Tuyến đường phía đông (giáp sông thủ trung)	1,00
6.3	Các tuyến đường còn lại	1,00
7	**Các tuyến đường thuộc quy hoạch khu dân cư xóm 3 Kim Chính**	
7.1	Khu dân cư bám mặt đường ĐT482B (đường tránh phía Bắc)	1,00
7.2	Khu dân cư hướng Tây bám mặt đường ĐT481B (đường Kiến Thái)	1,00
7.3	Khu dân cư quay phía Đông	1,00
7.4	Khu dân cư quay Nam, Bắc	1,00
8	**Đường Nam sông Ân:** Từ Hợp tác xã Kiến Trung đến nghĩa trang liệt sỹ Kim Sơn	1,00
9	**Khu vực còn lại của khu Kim Chính**	1,00
10	**Khu dân cư xóm 9, xã Kim Chính (cũ) (giai đoạn 2) nay là thôn Kim Chính**	
10.1	Nhà chia lô	1,00
10.2	Nhà vườn	1,00
II.4	**Khu vực Thượng Kiệm**	
1	**Đường trục Thượng Kiệm**	
1.1	Từ Xí Nghiệp Quang Minh đến Hết trung tâm giáo dục thường xuyên	1,00
1.2	Từ Trung tâm Giáo dục thường xuyên đến Hết xóm 4 Thượng Kiệm	1,00
1.3	Từ Trường trung học cơ sở Thượng Kiệm (phía Nam) đến Hết trường Tiểu học	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1.4	Từ Hết trường Tiểu học (phía Nam) đến Hết Khu dân cư	1,00
1.5	Từ Xóm An Cư đến xóm 5	1,00
1.6	Từ Đường Quốc lộ 10 đến hết khu dân cư xóm 6	1,00
1.7	Đường trục còn lại	1,00
2	**Khu trung tâm hành chính xã Thượng Kiệm (Đường N9 đến đường N14)**	
2.1	Khu dân cư Quay hướng Bắc	1,00
2.2	Khu dân cư hướng Nam	1,00
3	**Đường phía sau trụ sở UBND xã Thượng Kiệm (cũ):** Từ Đường trục xã đến Trạm điện 110KW	1,00
4	**Khu đấu giá Trước Trung tâm GDTX xóm 4**	
4.1	Khu dân cư hướng đông	1,00
4.2	Khu dân cư hướng Nam, hướng Bắc	1,00
5	**Khu vực Trước Trường THCS Thượng Kiệm**	1,00
5.1	Khu dân cư hướng Bắc	1,00
5.2	Khu dân cư Hướng Nam	1,00
6	**Các đường trục ngang xóm An cư:** Từ đường trục xã Thượng Kiệm đến Đê Hữu Vạc	1,00
7	**Đường trục xóm Vinh Ngoại:** Từ đất Bà Kiệm đến Hết nhà văn hoá xóm Vinh Ngoại	1,00
8	**Khu dân cư sau bênh viện Kim sơn (Cạnh trường tiểu học)**	
8.1	Khu dân cư hướng Bắc	1,00
8.2	Khu dân cư Hướng Nam	1,00
9	**Các Đường trục ngang xóm 5:** Từ đường trục xã Thượng Kiệm đến Đường Tây sông Phát Diệm	1,00
10	**Các Đường trục ngang xóm 6:** Từ đường trục xã Thượng Kiệm đến Đường đê Hữu Vạc	1,00
11	**các đường trục ngang xóm 4:** Từ đường Tây sông Phát Diệm đến đường trục xã	1,00
12	**Các đường trục ngang xóm 3:** Từ đường trục xã đến đê Hữu Vạc	1,00
13	**Các đường trục ngang xóm Vinh Ngoại**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
13.1	Từ sông Phát Diệm đến đường trục xóm Vinh Ngoại	1,00
13.2	Từ đường trục xóm Vinh Ngoại đến đường trục xã	1,00
14	**Đường Khu dân cư xóm 5 xã Thượng Kiệm**	
14.1	Khu dân cư hướng Đông (bám Đường quy hoạch 20,5m)	1,00
14.2	Khu dân cư hướng Nam, hướng Bắc	1,00
14.3	Các tuyến đường quy hoạch còn lại	1,00
15	**Khu dân cư mới xóm 5, xã Thượng Kiệm (giai đoạn 3)**	
15.1	Tuyến đường trục xã Thượng Kiệm: Từ giáp Đường QL 10 đến Hết khu dân cư xóm 5	1,00
15.2	Tuyến đường B2, N6, N7, N8	1,00
15.3	Các tuyến đường quy hoạch nội khu còn lại	1,00
16	**Khu dân cư đô thị xóm An Cư, xã Thượng Kiệm**	
16.1	Tuyến đường N2 (đường 55m): Từ đường trục xã Thượng Kiệm đến Sông Phát Diệm	1,00
16.2	Tuyến đường trục sông Phát Diệm: Từ đường N2 đến Đường N2-1	1,00
16.3	Các tuyến đường còn lại	1,00
17	**Đường Tây sông Phát Diệm**	
17.1	Từ giáp đất Phát Diệm cũ đến hết xóm 4	1,00
17.2	Từ giáp đất Phát Diệm cũ đến hết khu dân cư trạm điện	1,00
17.3	Từ giáp đường tránh QL10 đến hết khu dân cư xóm 5	1,00
17.4	Từ đường N2-1 đến giáp đường tránh QL10	1,00
18	**Khu dân cư xóm Vinh Ngoại trước UBND xã Thượng Kiệm (cũ)**	
18.1	Khu dân cư hướng Nam	1,00
18.2	Khu dân cư hướng Bắc	1,00
19	**Đường quy hoạch khu chăn nuôi**	1,00
19.1	Từ Đường trục Thượng Kiệm đến Đê Hữu Vạc	1,00
19.2	Khu dân cư hướng Bắc, hướng Nam	1,00
20	**Đê Hữu vạc**	
20.1	Từ giáp đất Phát Diệm cũ đến Hết xóm 3 Thượng Kiệm	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
20.2	Từ giáp đất Phát Diệm cũ đến Hết xóm An cư	1,00
21	**Khu vực còn lại của khu Thượng Kiệm**	1,00
22	**Đường trục Thượng Kiệm đoạn từ đường N2 (đường 55m) đến đường QL10**	1,00

94. Xã Lai Thành

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường Quốc lộ 10**	
1.1	Từ giáp địa giới xã Phát Diệm đến Cầu Yên Thành (xóm 8 Yên Lộc)	1,50
1.2	Từ Cầu Yên Thành (khu đường dẫn) đến Đường QL12B (ĐT 481D cũ)	1,10
1.3	Từ Cầu Yên Thành (xóm 8 Yên Lộc) đến Ngã ba giao đường Nam Sông Ân (Cầu xóm 6 Lai Thành)	1,10
1.4	Từ Ngã ba nút giao đường ĐT 481D kéo dài (Cầu xóm 6 Lai Thành) đến hết địa giới xã Lai Thành	1,10
2	**Đường Quốc lộ 21B**	
2.1	Từ Giáp địa giới xã Phát Diệm đến Trụ sở Các Ban HĐND - MTTQ xã Lai Thành (UBND xã Tân Thành cũ)	1,00
2.2	Từ Trụ sở Các Ban HĐND - MTTQ xã (UBND xã Tân Thành cũ) đến Đường ĐT.482B (đường tránh phía bắc)	1,00
2.3	Từ Đường ĐT.482B (đường tránh phía Bắc) đến Đường sông Yêm	1,00
3	**Đường ĐT 481D (QL 10 cũ)**	
3.1	Từ Trụ sở Các Ban HĐND - MTTQ xã (UBND xã Tân Thành cũ) đến Cầu sắt (Yên Lộc cũ)	1,00
3.2	Từ Ngã Ba Lai Thành đến Nút giao đường với đường QL 10 (nút giao đường tránh phía nam (Cầu xóm 6))	1,00
4	**Đường Quốc Lộ 12B Kéo dài**	
4.1	Từ cầu Cà Mau đến giáp địa giới xã Định Hoá (đường 481)	2,00
4.2	Từ Cầu sắt (Yên Lộc cũ) đến ngã Ba Lai Thành	1,50
4.3	Từ ngã Ba Lai Thành đến nút giao 482B	1,10
4.4	Từ Nút giao 482B đến giáp địa giới xã Yên Mạc	1,10
5	**Đường ĐT.482B:** Từ Giáp địa giới xã Phát Diệm đến Giao với đường Quốc Lộ 12B Kéo dài	1,00
6	**Đường ĐT 482D (đường Trần Kiên)**	
6.1	Từ ĐT 481D (đường Quốc lộ 10 cũ) đến hết Khu dân cư xóm 7 Yên Lộc	1,00
6.2	Từ hết Khu dân cư xóm 7 Yên Lộc đến giáp địa giới xã Yên Từ	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
7	**Đường ĐT 480E:** Từ cầu Tân Thành đến Đường Quốc lộ 10	1,00
8	**Đường Nam Sông Ân**	
8.1	Từ giáp sông Xuân Thành (cống AH5) đến cầu Tân Thành	1,00
8.2	Từ cầu Tân Thành đến hết địa giới xã Lai Thành	1,20
9	Đường ngang khu dân cư (dãy 2 đường Nam Sông Ân): Đường tuyến trái sông Tân Thành (dự án tiểu đô thị Phát Diệm) đến Đường ĐT.480E	1,00
10	**Đường tuyến trái sông Tân Thành (thuộc dự án tiểu đô thị Phát Diệm)**	
10.1	Từ Sân bóng Tân Thành đến Đường Nam Sông Ân	1,00
10.2	Từ Đoạn từ đường QL 10 (mới) đến Sân bóng Tân Thành	1,00
10.3	Từ Đoạn từ Quốc lộ 21B (Nhà Liên Đá) đến Đến hết khu dân cư (hết tuyến đường)	1,00
11	**Đường trục Xuân Thành**	
11.1	Từ Đường Quốc lộ 21B (Nhà hàng Ka trọc) đến Đường ĐT.482B	1,00
11.2	Từ Đường ĐT.482B đến Đường sông Yêm	1,00
12	**Đường Sông Yêm:** Giáp địa giới xã Phát Diệm đến hết tuyến đường sông Yêm	1,00
13	**Tuyến đường sông Tân Thành - Yên Lộc (cả 2 bên):** Từ Đường ĐT. 481D đến Đường ĐT.482B (Đường tránh phía bắc)	1,00
14	**Tuyến đường xóm 8 xã Tân Thành:** Từ Quốc lộ 10 đến Cầu Ông Quỳ	1,00
15	**Khu dân cư 3 xã Tân thành, Yên Lộc, Định Hoá**	
15.1	Tuyến đường trong QH mặt cắt 5 -5 rộng 31m	1,00
15.2	Tuyến đường mặt sông Tân Thành (Theo QH mặt cắt 6-6 rộng 27m)	1,00
15.3	Tuyến đường trong QH mặt cắt 7 -7 rộng 77m	1,00
15.4	Tuyến đường trong QH mặt cắt 8-8 rộng 48m (chưa gồm kênh ở giữa hai tuyến đường)	1,00
15.5	Các lô đất bám đường QH nội khu	1,00
16	**Khu dân cư nông thôn mới xóm 13 Lai Thành**	
16.1	Các lô đất quay ra đường QL 10	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
16.2	Các lô đất mặt đường đường Đê	1,00
16.3	Các lô đất bám đường Quy hoạch nội khu	1,00
17	**Khu dân cư nông thôn mới xóm 4, xóm 5 xã Lai Thành**	
17.1	Các lô đất bám mặt đường QL 12B kéo dài (đoạn từ 482B đến hết địa giới xã Lai Thành)	1,00
17.2	Các lô đất bám đường Quy hoạch nội khu	1,00
18	**Khu dân cư xóm 8, Yên Lộc**	
18.1	Các lô đất bám mặt đường trường Kim Sơn C	1,00
18.2	Các lô đất bám đường Quy hoạch nội khu	1,00
19	**Tuyến đường WB đoạn qua xóm 5, xóm 8, xóm 10 xã Lai Thành**: Từ Ngã 3 đường QL10 (ĐT.481D) đến Khu dân cư nông thôn mới xóm 4, xóm 5 xã Lai Thành (theo QH Chi tiết 1/500)	1,00
20	**Đường ngang liên xã Lưu Phương Định Hoá (đoạn qua xóm 8 Tân Thành, xã Lai Thành):** Từ giáp địa giới xã Phát Diệm đến địa giới xã Định Hoá	1,20
21	**Đường Yên Bình**	
21.1	Từ Đường ĐT. 481D đến Đường ĐT 482B (Đường tránh phía bắc)	1,00
21.2	Từ Đường ĐT 482B (Đường tránh phía Bắc) đến Đường sông Yêm	1,00
22	**Đường Chợ Yên Lộc**	
22.1	Từ Đường ĐT. 481D đến Khu QH Sân thể thao xóm 7 Yên Lộc	1,00
22.2	Từ Khu QH Sân thể thao xóm 7 Yên Lộc đến Đường sông Yêm	1,00
23	**Đường Yên Hoà:** Từ Cầu Chùa Yên Bình đến hết xóm 9	1,00
24	**Đường Nhà máy gạch Yên Lộc**	
24.1	Từ Đường ĐT. 481D đến Nghĩa trang Nhân dân xóm 11	1,00
24.2	Từ Nghĩa trang Nhân dân xóm 11 đến Đường ĐT 482B (Đường tránh phía Bắc)	1,00
24.3	Từ Đường ĐT 482B (Đường tránh phía Bắc) đến Đường sông Yêm	1,00
25	**Đường Sông Cà Mau (cả 2 bên):** Từ Đường 481D (Quốc lộ 10 cũ - Yên Lộc) đến Đường ĐT 482B (Đường tránh phía Bắc)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
26	**Đường xóm 7A:** Từ đường Nam sông Ân (nhà ông Phi) đến hết khu dân cư	1,00
27	**Đường xóm 9B:** Từ đường Nam sông Ân đến Hết khu dân cư	1,00
28	**Đường Đê Bình Minh II**	
28.1	Từ Từ Quốc lộ 10 (giáp tỉnh Thanh Hoá) đến đến Khu dân cư mới xóm 13 Lai Thành	1,00
28.2	Từ Hết Từ Khu dân cư mới xóm 13 Lai Thành đến Hết tuyến đê theo địa giới xã Lai Thành	1,00
29	**Các Tuyến đường còn lại**	1,20
30	Tuyến đường xóm 5 Tân Thành (tuyến đường song song Đường 480E): Từ Đường Nam Sông Ân đến Hết khu dân cư (hết thổ ông Của)	1,00
31	Đường dong số 1, 2 xóm 7 Tân Thành: Từ đường Đường QL.21B đến Đường Dự án: Tiểu Đô thị Phát Diệm tuyến trái sông Tân Thành	1,00
32	Đường dong số 1 xóm 6 Tân Thành: Từ đường Đường QL.21B đến Đường Dự án: Tiểu Đô thị Phát Diệm tuyến trái sông Tân Thành	1,00
33	Đường dong số 2 xóm 6 Tân Thành: Từ đường Đường QL.21B đến Đường Dự án: Tiểu Đô thị Phát Diệm tuyến trái sông Tân Thành	1,00
34	Đường dong số 1 xóm 5 Tân Thành: Từ Đường Xuân Thành đến Tuyến đường sông Tân Thành - Yên Lộc	1,00
35	Đường dong xóm 4, xóm 5 Tân Thành: Từ Đường Xuân Thành đến Tuyến đường sông Tân Thành - Yên Lộc	1,00
36	Đường dong số 1 xóm 4 Tân Thành: Từ Đường Xuân Thành đến Tuyến đường sông Tân Thành - Yên Lộc	1,00
37	Đường trục xóm 8: Từ đường ngang liên xã Lưu Phương - Định Hoá đến Hết khu dân cư	1,00
38	Đường dong số 1 xóm 7 Yên Lộc: Từ Đường Chợ Yên Lộc đến Đường 482D	1,00
39	Đường trục xóm 5 Yên Lộc: Từ Nhà Văn Hóa xóm 5 Yên Lộc đến Trường Tiểu học Yên Lộc cũ (giáp đường ĐT.482D)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
40	Đường trục xóm 12 Yên Lộc: Từ Cầu giáp Đường ĐT.482D đến Sông Càn	1,00
41	Đường vào trường THPT Kim Sơn C từ đường QL 1B đến Khu quy hoạch khu dân cư xóm 8 Yên Lộc	1,00
42	Tuyến đường xóm 4 xã Lai Thành (phía sau Trường tiểu học Lai Thành A và Trường THCS Lai Thành) Từ Đường QL 12B Cổng vào Nhà Văn hoá xóm 4 Lai Thành đến Đường giáp trạm nước sạch xã Lai Thành	1,00
43	Đường trục xóm 14A, xóm 14B, xã Lai Thành: Từ Đường Nam Sông Ân Đến hết nhà bà Nhài	1,00
44	Đường trục xóm 14A, xóm 14B, xã Lai Thành: Từ hết nhà bà Nhài Đến hết tuyến đường	1,00

95. Xã Định Hóa

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường Quốc lộ 10**	
1.1	Theo địa giới hành chính của 2 xã Định Hóa và Lai Thành (Trừ vị trí thuộc khu 162ha, xã Tân Thành cũ)	1,00
1.2	Theo địa giới hành chính của xã Lai Thành, Định Hóa (Đoạn thuộc quy hoạch chi tiết khu 162 ha)	1,00
2	**Đường ĐT 481 (Quốc lộ 12B kéo dài):** Từ hết địa phận xã Lai Thành đến hết cầu đôi Kim Mỹ cũ	1,00
3	**Đường ĐWB2:** Từ giáp Đường ngang Định Hóa đến giáp xã Bình Minh	1,00
4	**Đường trục trước Ủy ban:** Từ Giáp cầu qua sông Cà Mâu (Cầu bà Văn) đến giáp đường WB2	1,00
5	**Đường trục xóm 7, 9 xã Định Hóa:** Từ giáp đường 481 đến giáp Đường ngang 1 xã Định Hóa	1,00
6	**Đường xóm 1:** Từ đất ông Dân đến đất ông Mẫn	1,00
7	**Đường xóm 2:** Từ đất Bà Hằng đến đất bà Hồng	1,00
8	**Đường Nam sông - sông Ngang xã (Trừ Khu đấu giá xóm 3, xóm 5 năm 2020 và khu đấu giá xóm 6, xóm 8):** Từ giáp đường trục xóm 3 (đất ông Uy) đến giáp cầu xóm 8 (thổ ông Học)	1,00
9	**Đường liên xóm 3,5,6,8,9,10,11(đường ngang xã 2, qua Nhà văn hoá xóm 3):** Từ Giáp đường trục xóm 3 (đất ông Thanh) đến Giáp đường ĐWB2	1,00
10	**Đường liên xóm 11,12:** Từ đường ĐWB2 đến xóm 12	1,50
11	**Đường trục xã xóm 9 (giáp xã Phát Diệm)**	1,50
12	**Đường trục liên xóm**	
12.1	Từ Xóm Hoành Hải đến Xóm Đông Cường	1,00
12.2	Từ Xóm Nam Cường đến Giáp xã Phát Diệm	1,00
12.3	Từ Xóm 4A đến Xóm 2A	1,00
12.4	Từ Xóm 13 đến Xóm 10A	1,00
12.5	Từ Xóm 11A đến Xóm 12A	1,00
12.6	Từ Xóm 6 đến Xóm 7	1,00
13	**Các tuyến đường trong khu đấu giá xóm 6, xóm 8**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
13.1	Tuyến Đường phía bắc (đường giáp sông)	1,00
13.2	Các tuyến đường còn lại	1,00
14	**Khu đấu giá xóm 3, xóm 5 (đấu giá năm 2020)**	
14.1	Dãy 1	1,00
14.2	Dãy 2	1,00
14.3	Dãy 3	1,00
15	**Đường ngang Đông Hải**	
15.1	Từ Giáp cầu Trung Chính đến Đường WB2 phía Bắc	1,00
15.2	Từ Khu dân cư mới giáp xóm Trung Chính đến Cổng làng xóm Tây Cường (phía Nam)	1,00
16	**Đường Đê BM2:** Từ giáp địa giới Lai Thành (đầu nghĩa địa xóm 1) chạy thẳng đến hết đê giáp Bình Minh và đoạn từ giáp đê đến giáp đường ĐT481 (đoạn Cầu Đôi Kim Mỹ, Văn Hải cũ)	1,00
17	**Đường đê Sông Đáy:** Từ cống Phát Diệm đến cống giáp xã Bình Minh, khu Tùng Thiện (Kim Tân cũ)	1,00
18	**Các tuyến đường trong Khu dân cư xóm 13**	
18.1	Tuyến đường phía đông: Từ Sân thể thao Kim Tân đến Khu dân cư hiện trạng (khu dân cư cũ)	1,00
18.2	Tuyến đường phía bắc sân thể thao và tuyến đường phía nam giáp trường mầm non	1,00
18.3	Các tuyến còn lại nội khu đấu giá	1,00
19	**Các khu vực còn lại**	1,00
20	**Khu dân cư 3 xã Tân thành, Yên Lộc, Định Hoá**	
20.1	Tuyến đường trong QH mặt cắt 5 -5 rộng 31m	1,00
20.2	Tuyến đường mặt sông Tân Thành (Theo QH mặt cắt 6-6 rộng 27m)	1,00
20.3	Tuyến đường trong QH mặt cắt 7 -7 rộng 77m	1,00
20.4	Tuyến đường trong QH mặt cắt 8-8 rộng 48m (chưa gồm kênh ở giữa hai tuyến đường)	1,00
20.5	Các lô đất bám đường QH nội khu	1,00
21	**Khu tái định cư trên địa bàn xóm Hóa Lộc, xã Định Hóa**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
21.1	Các lô quay ra đường trục xã	1,00
21.2	Các cô quay ra đường gom bám đường kết nối liên vùng	1,00
21.3	Các lô quay ra đường phía Tây Khu tái định cư	1,00
21.4	Các tuyến còn lại	1,00
22	**Khu Tái định cư trên địa bàn xóm Đông Yên, xã Định Hóa**	
22.1	Tuyến đường giáp Sông (Sông bám đường WB2)	1,00
22.2	Tuyến đường trong Quy hoạch rộng 20,5m	1,00
22.3	Tuyến đường trong Quy hoạch rộng 17,5m	1,00

96. Xã Bình Minh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Đường ĐT 481 Cũ (Quốc lộ 12B kéo dài)**	
1.1	Từ Hết cầu Kim Mỹ đến Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 500 m (Hết nhà ông Tuấn)	2,00
1.2	Từ Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 500 m (Hết nhà ông Tuấn) đến Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 300m (Hết nhà ông Hoà)	2,00
1.3	Từ Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 300m (Hết nhà ông Hoà) đến Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 100m (Hết nhà ông Kỳ)	2,00
1.4	Từ Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 100m (Hết nhà ông Kỳ) đến Giáp ngã 3 chợ Cồn Thoi	2,00
1.5	Từ Giáp ngã 3 chợ Cồn Thoi đến Ngã 3 chợ Cồn Thoi + 100m (Hết nhà ông Tuấn)	2,00
1.6	Từ Ngã 3 chợ Cồn Thoi + 100m (Hết nhà ông Tuấn) đến Ngã 3 ông Đễ	2,00
1.7	Từ Ngã 3 ông Đễ đến Hết cống Nông Trường	2,00
1.8	Từ Hết cống Nông Trường đến Hết cống Nông Trường+ 100m	2,00
1.9	Từ Hết cống Nông Trường+ 100m đến Hết cống Nông Trường+ 200m	2,00
1.10	Từ Hết cống Nông Trường+ 200m đến Cầu Tô Hiệu - 100m	2,00
1.11	Từ Cầu Tô Hiệu - 100m đến Cầu Tô Hiệu + 100m	2,00
1.12	Từ Cầu Tô Hiệu + 100m đến Giáp đê Bình Minh 1	2,00
2	Đường (ĐWB2): Từ giáp xã Định Hóa đến Ngã 3 nhà ông Kiên (Giáp đường quốc lộ 12B) trừ đoạn đấu giá xóm 7B	1,50
3	**Các tuyến đường quy hoạch khu dân cư xóm Bình Minh 7, xã Bình Minh**	
3.1	Tuyến đường từ QL 12B đến trung tâm xã Bình Minh	1,00
3.2	Tuyến đường kết nối đường bê tông hiện trạng (đường trước trường THCS xã Bình Minh và đường từ QL 12B đến trung tâm xã Bình Minh	1,00
3.3	Các tuyến đường còn lại	1,00
4	**Các tuyến đường quy hoạch khu dân cư xóm Bình Minh 10, xã Bình Minh**	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
4.1	Tuyến đường bộ ven biển	1,00
4.2	Tuyến đường từ QL 12B đến trung tâm xã Bình Minh	1,00
4.3	Các tuyến đường quy hoạch nội khu còn lại	1,00
5	**Đường nội xã**	
5.1	Từ Cổng Nông Trường đến hết đường liên khối 5 + khối 6	1,20
5.2	Từ Hết đường liên khối 5 + khối 6 đến hết trường cấp III Bình Minh	1,20
6	**Đường WB2**	
6.1	Từ Hết trường Cấp III Bình Minh đến Cống C10	1,20
6.2	Từ Giáp đường 481 đến Cống cuối kênh Cà màu 2	1,20
7	Đường Liên Khối: Từ đường nội thị trường cấp I đến Khối 11	1,20
9	Các đường liên khối: Trục chính xã Bình Minh	1,20
10	Đường ngã 3 Tô Hiệu - Cồn Thoi: Từ Đường 481 đến Cống Điện Biên	1,20
11	Đường Trường Chinh (Đường ven biển cũ): Từ Cống Càn đến Giáp đường Đông Hải	1,20
12	Đường Võ Nguyên Giáp (đường ven biển cũ): Từ Giáp Đường Đông Hải đến Cống Kè Đông	1,20
13	Đường nội thị trấn: Khu điểm dân cư đô thị mới tại Khối 6	1,20
14	Đường Cà Mau: Từ Cống Mai An đến Cống Càn	1,20
15	Ven các đường khác	1,20
16	Các lô đất bám đường quy hoạch bên trong Khu dân cư xóm 10 (đấu giá 2022)	1,20
17	Đường nội xã (xã Cồn Thoi cũ): Từ giáp ngã 3 chợ Cồn Thoi đến cống ông Thọ (hướng đi xã Định Hóa (Kim Tân cũ))	2,00
18	Đường nội xã (xã Cồn Thoi cũ): Từ cống ông Thọ (hướng đi xã Định Hóa (Kim Tân cũ)) đến ngã 3 đường WB2	2,00
19	Khu đấu giá xóm 7B (đấu giá năm 2020)	1,30
20	**Đường trục xã (Kim Mỹ cũ)**	
20.1	Từ Ngã 3 nhà ông Trịnh đến Ngã 3 giáo xứ Tân Khẩn	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
20.2	Từ Ngã 3 giáo xứ Tân Khẩn đến Hết đất xã Bình Minh (Ngã 3 giáp xã Kim Tân cũ)	1,20
20.3	Từ đầu chợ xã Kim Mỹ (cũ) đến Trường mầm non Kim Mỹ (trừ khu đấu giá năm 2023)	1,20
20.4	Từ Trường mầm non Kim Mỹ (trừ khu đấu giá năm 2023) đến Ngã 3 hết nhà ông Hùng	1,20
20.5	Khu đấu giá năm 2023	1,00
21	**Khu dân cư nông thôn mới xóm Mỹ Hoá**	
21.1	Tuyến đường tiếp giáp hồ sen thuộc quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn mới xóm Mỹ Hoá	1,00
21.2	Các tuyến đường còn lại	1,00
22	Đường C10-Kim Hải: Từ Đê BM1 đến Đê BM2	1,20
23	**Bắc kênh cấp 1**	
23.1	Từ đê BM2 đến Ban chỉ huy quân sự xã	1,20
23.2	Từ Ban chỉ huy quân sự xã đến đường C10	1,20
24	Đường BM1: Từ đê BM1 đến đê BM2	1,20
25	Đường BM2: Từ đê BM1 đến đê BM2	1,20
26	Đường 700: Từ đê BM2 đến đường C10	1,20
27	Đường Thanh Niên: Từ đê BM1 đến đường C10	1,20
28	Khu dân cư còn lại	1,20
29	**Khu dân cư thôn Cồn Thoi 6 (xóm Cồn Thoi 5), xã Bình Minh**	
29.1	Các lô đất ven tuyến đường có chiều rộng 20,5m	1,00
29.2	Các lô đất ven tuyến đường có chiều rộng 17,5m	1,00

97. Xã Kim Đông

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường Ktt (lần)
1	**Quốc lộ 12B kéo dài (Đường ĐT 481 - Khu đấu giá khu dân cư mới xóm 3):** Từ Đê Bình Minh 1 đến Đê Bình Minh 1 +20 m	1,30
2	**Quốc lộ 12B kéo dài (Đường ĐT 481)**	
2.1	Từ Đê Bình Minh 1 +20 m đến Hết cầu Đoàn +100 m	1,30
2.2	Từ Hết cầu Đoàn +100 m đến Đến đường Xương Cá 5	1,30
2.3	Từ đường Xương Cá 5 đến Đê Bình Minh 2	1,30
3	**Đường WB2 (liên 3 xã)**	
3.1	Từ Giáp Đường ĐT 481 (Đường QL 12B kéo dài) đến đường BM7	1,30
3.2	Từ Đường BM7 đến Đường BM6	1,30
3.3	Từ Đường BM6 đến Đường BM5	1,30
4	**Đường Bắc Kênh Tưới:** Từ Giáp Đường ĐT 481 (Đường QL 12B kéo dài) đến cầu vào chùa Kim Đông +20m (Hết đất ông Ngọc)	1,30
5	**Đường mới phía Tây Đường 481:** Từ Chợ Kim Đông đến Hết đường	1,30
6	Từ Giáp đường Xương cá 3 đến hết trường THCS Kim Đông (khu dân cư mới xóm 5)	1,30
7	**Đường xương cá 3:** Từ giáp QL 12B đến hết đất nhà thờ giáo xứ kim đông	1,30
8	**Đường xương cá 4**	
8.1	Từ giáp QL12B đến đường Thanh Niên	3,00
8.2	Từ đường Thanh Niên đến hết đường BM7	1,30
9	**Tuyến đường BM7 Kim Đông:** Từ Phía nam đường Xương cá 4 (khu dân cư mới) đến Khu dân cư xóm 6	1,30
10	**Đường BM 7 Kim Trung:** Từ Nam kênh tưới cấp 1 đến Giáp sông tiêu mặn	1,30
11	**Đường BM6:** Từ Nam kênh tưới cấp 1 đến Giáp sông tiêu mặn	1,30
12	**Đường BM5:** Từ Nam kênh tưới cấp 1 đến Giáp sông tiêu mặn	1,30
13	**Đường Nam kênh cấp 1**	
13.1	Từ Đầu đường BM 7 đến Giáp đường BM 6	1,30
13.2	Từ Giáp đường BM 6 đến Giáp đường BM 5	1,30
14	**Khu dân cư nông thôn còn lại**	1,30

MỤC LỤC

1. Xã Nam Trực 1
2. Xã Nam Minh 4
3. Xã Nam Đồng 7
4. Xã Nam Hồng 10
5. Xã Nam Ninh 13
6. Xã Vụ Bản 16
7. Xã Liên Minh 23
8. Xã Hiển Khánh 25
9. Xã Minh Tân 28
10. Xã Ý Yên 30
11. Xã Vạn Thắng 35
12. Xã Yên Đồng 38
13. Xã Tân Minh 40
14. Xã Phong Doanh 42
15. Xã Yên Cường 45
16. Xã Vũ Dương 47
17. Xã Đồng Thịnh 50
18. Xã Nghĩa Lâm 62
19. Xã Nghĩa Hưng 64
20. Xã Nghĩa Sơn 72
21. Xã Hồng Phong 74
22. Xã Quỹ Nhất 76
23. Xã Rạng Đông 78
24. Xã Cát Thành 80
25. Xã Cổ Lễ 83
26. Xã Minh Thái 87
27. Xã Ninh Cường 89
28. Xã Ninh Giang 91
29. Xã Quang Hưng 93
30. Xã Trực Ninh 95
31. Xã Xuân Trường 97
32. Xã Xuân Hưng 102

33. Xã Xuân Giang 106
34. Xã Xuân Hồng 109
35. Xã Giao Thủy 112
36. Xã Giao Minh 117
37. Xã Giao Hòa 120
38. Xã Giao Bình 123
39. Xã Giao Hưng 125
40. Xã Giao Phúc 127
41.Xã Giao Ninh 131
42. Xã Hải Hậu 135
43. Xã Hải Anh 139
44. Xã Hải Tiến 141
45. Xã Hải An 147
46. Xã Hải Xuân 148
47. Xã Hải Quang 150
48. Xã Hải Thịnh 152
49. Xã Hải Hưng 154
50. Xã Liêm Hà 157
51. Xã Tân Thanh 160
52. Xã Thanh Bình 162
53. Xã Thanh Liêm 165
54. Xã Thanh Lâm 167
55. Xã Bình Lục 169
56. Xã Bình Mỹ 172
57. Xã Bình An 177
58. Xã Bình Giang 182
59. Xã Bình Sơn 186
60. Xã Vĩnh Trụ 189
61. Xã Lý Nhân 193
62. Xã Nam Xang 196
63. Xã Bắc Lý 199
64. Xã Trần Thương 201
65. Xã Nhân Hà 203
66. Xã Nam Lý 206

67. Xã Gia Viễn 208
68. Xã Đại Hoàng 212
69. Xã Gia Vân 215
70. Xã Gia Trấn 218
71. Xã Gia Hưng 221
72. Xã Gia Phong 223
73. Xã Nho Quan 226
74. Xã Gia Lâm 230
75. Xã Gia Tường 232
76. Xã Phú Sơn 234
77. Xã Cúc Phương 236
78. Xã Phú Long 237
79. Xã Thanh Sơn 241
80. Xã Quỳnh Lưu 243
81. Xã Yên Khánh 246
82. Xã Khánh Nhạc 252
83. Xã Khánh Thiện 255
84. Xã Khánh Hội 257
85. Xã Khánh Trung 260
86. Xã Yên Mô 262
87. Xã Yên Từ 266
88. Xã Yên Mạc 270
89. Xã Đồng Thái 273
90. Xã Chất Bình 275
91. Xã Kim Sơn 277
92. Xã Quang Thiện 279
93. Xã Phát Diệm 283
94. Xã Lai Thành 294
95. Xã Định Hóa 299
96. Xã Bình Minh 302
97. Xã Kim Đông 305

Phụ lục VI

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT ĐỐI VỚI ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, ĐẤT SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH CÔNG CỘNG CÓ MỤC ĐÍCH KINH DOANH TẠI CÁC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ, KHU ĐÔ THỊ, KHU ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ HỖN HỢP QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC IX KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 33/2026/NQ-HĐND NGÀY 10 THÁNG 9 NĂM 2026 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 135/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Ninh Bình)

1. Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường

STT	Khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_{tt} = lần)
1	Khu vực đô thị, trung tâm phường Hoa Lư	1,3
2	Khu vực đô thị, trung tâm phường Phủ Lý, phường Nam Định	1,2
3	Khu vực các xã, phường đang phát triển; khu vực đô thị ngoài trung tâm các phường	1,0
4	Khu vực nông thôn, khu vực các xã còn lại	0,9

2. Hệ số điều chỉnh theo quy hoạch: Thực hiện theo điểm b khoản 3 Điều 4 và Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 76/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

3. Hệ số điều chỉnh theo yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất

- Về các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất và mức hệ số thực hiện theo Mục I Phụ lục V kèm theo Quyết định số 76/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; bổ sung yếu tố ảnh hưởng: Thửa đất tiếp giáp 04 mặt đường: K_{ah} = 1,20 lần.

- Về bổ sung các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất (nếu có): Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương khu vực thực hiện dự án, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, xác định bổ sung hệ số điều chỉnh các yếu tố khác có ảnh hưởng đến giá đất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo từng dự án cụ thể; hệ số điều chỉnh của mỗi yếu tố được bổ sung không thấp hơn 0,90 lần và không vượt quá 2,50 lần.

** Ghi chú:*

a) Khu vực đô thị, trung tâm phường Hoa Lư, phường Phủ Lý, phường Nam Định: là phần diện tích thuộc địa giới hành chính của các phường trước ngày 01/7/2025 *(trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội),* nay thuộc địa giới hành chính của phường Hoa Lư, phường Phủ Lý, phường Nam Định.

b) Khu vực các phường đang phát triển: là phần diện tích thuộc địa giới hành chính của các phường trước ngày 01/7/2025, nay thuộc các phường không quy định tại mục a.

c) Khu vực đô thị ngoài trung tâm các phường: là phần diện tích thuộc địa giới hành chính của các xã trước ngày 01/7/2025, nay thuộc địa giới hành chính của các phường *(bao gồm cả phường Hoa Lư, phường Phủ Lý, phường Nam Định).*

d) Khu vực các xã đang phát triển: là phần diện tích thuộc địa giới hành chính của các thị trấn trước ngày 01/7/2025, nay thuộc địa giới hành chính của các xã.

đ) Khu vực nông thôn, khu vực các xã còn lại: là phần diện tích thuộc địa giới hành chính của các xã, trừ khu vực quy định tại mục d.

e) Khu vực được xác định theo vị trí khu đất thực hiện dự án. Dự án nằm trên nhiều khu vực thì áp dụng hệ số theo từng phần diện tích; thửa đất nằm trên ranh giới giữa các khu vực thì áp dụng hệ số của khu vực có hệ số cao hơn./.